41B
7/3

4LB
9/3

Keiogijuku Library
寄贈者
本塾 文学部
の指定寄付
による
昭和 53 年 12 月 20 日
慶應義塾圖書館

慶應義塾圖書館藏

Dec. 20, 1968
29535

烟緾

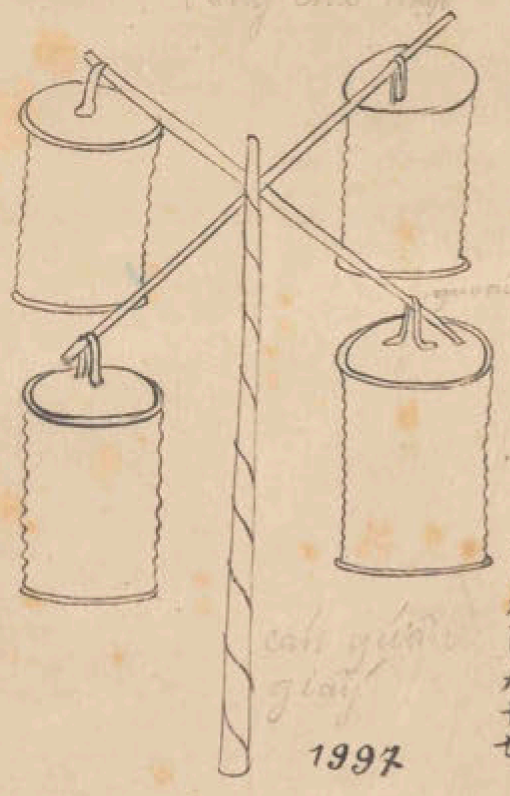

一千九百九十七

1997

[illegible]山
[illegible]諫

一千七百七十三

1773

杯恚皇
蔀
鴿頭猑

一千九百●十七

1917

[illegible]化

一千九百九十六

1896

山圖雯照㴋渃

一千七百七十四

1774

儸山帖鉑

一千七百七十五

1775

代絏搓山

一千七百七十六

1776

嫭油茍

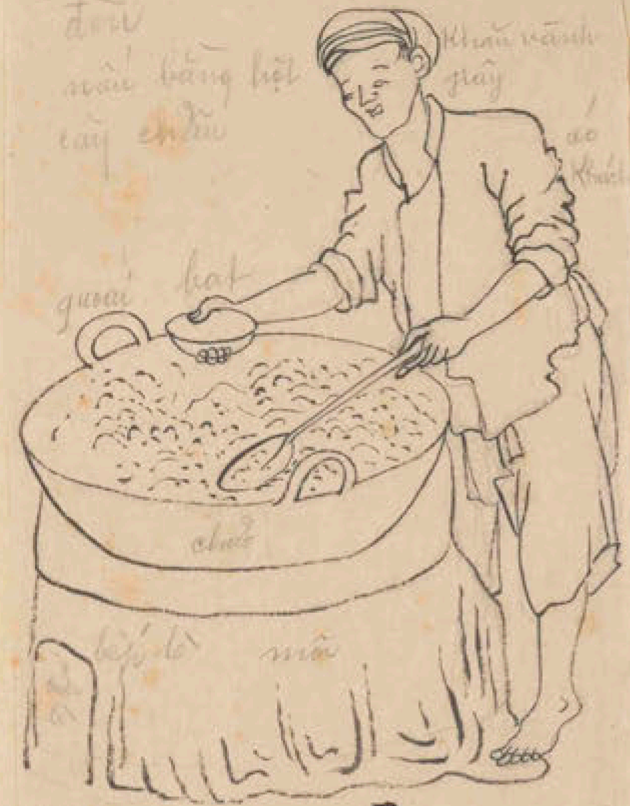

一千七百七十七

1777

魚乾燻

一千七百八十

1780

稍 擸 特 茄 忐
運 博 空 包

一千七百十九

1790

吴稽熾
種

一千七百九十

1779

吟
莄
株

一千七百七十八

1778

棺材
氾渚
一千八百六十二
1862

次釭揸
糠
割
忽蛛
一千八百六十
1860

拎烟双燈
迻胆麻
一千八百五十八
1858

磨磅勃向对
一千七百八十一
1781

墓額

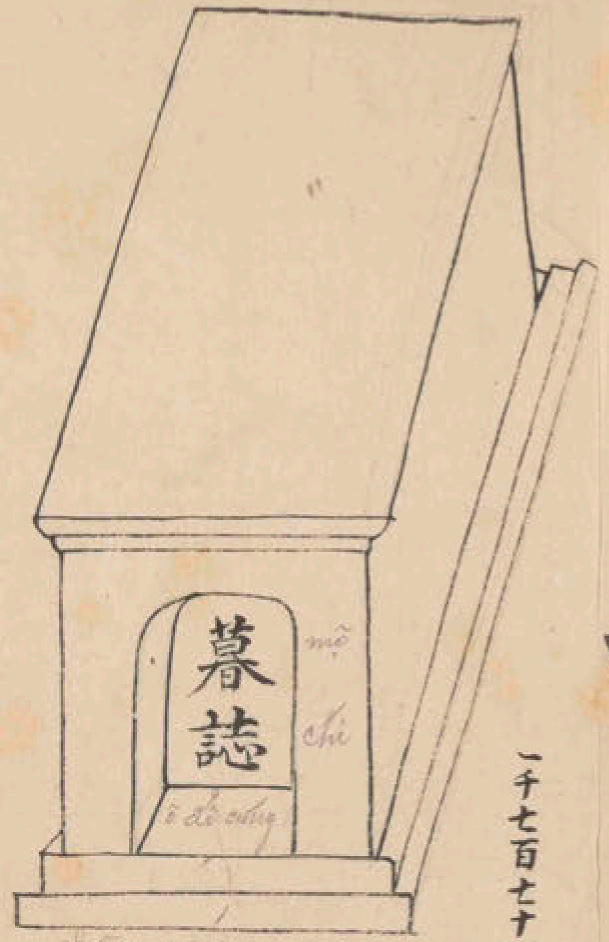

一千七百七十一

1771

山船

一千七百七十

1770

墓礎校鍊

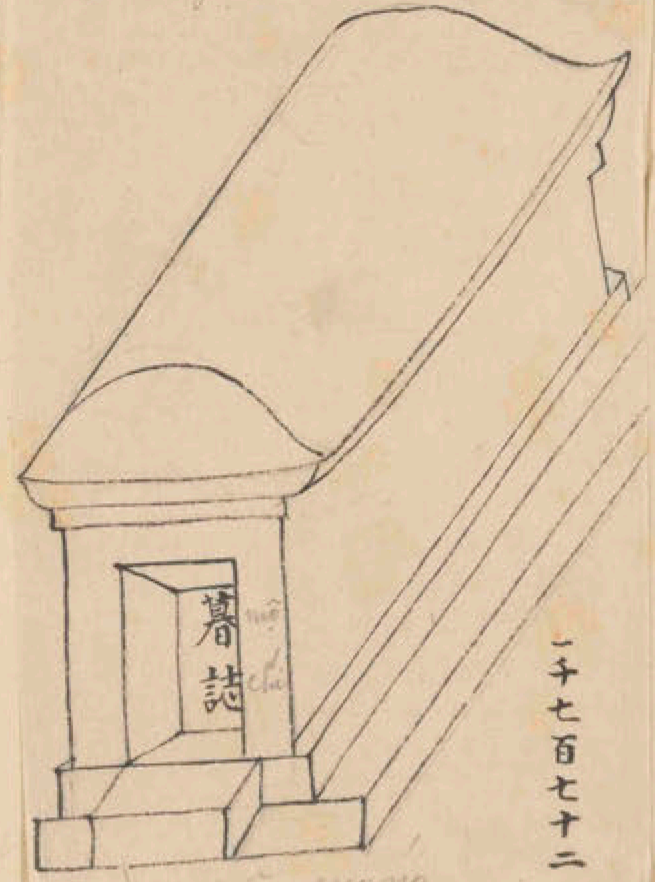

一千七百七十二

1772

[illegible]血毒

一千九百十六

1916

犯大逆

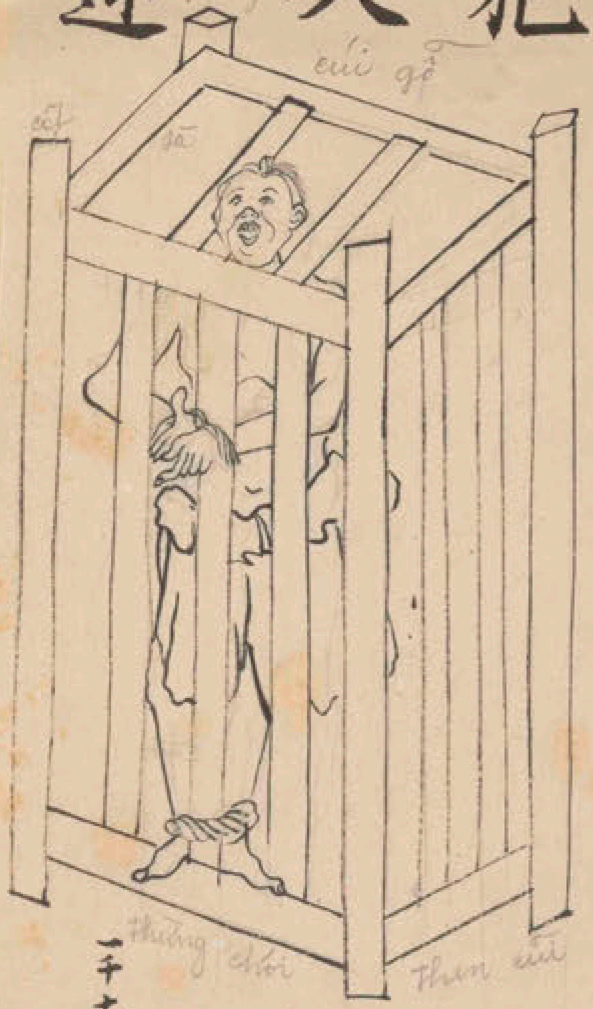

一千七百八十五

1785

僠坎諫矯

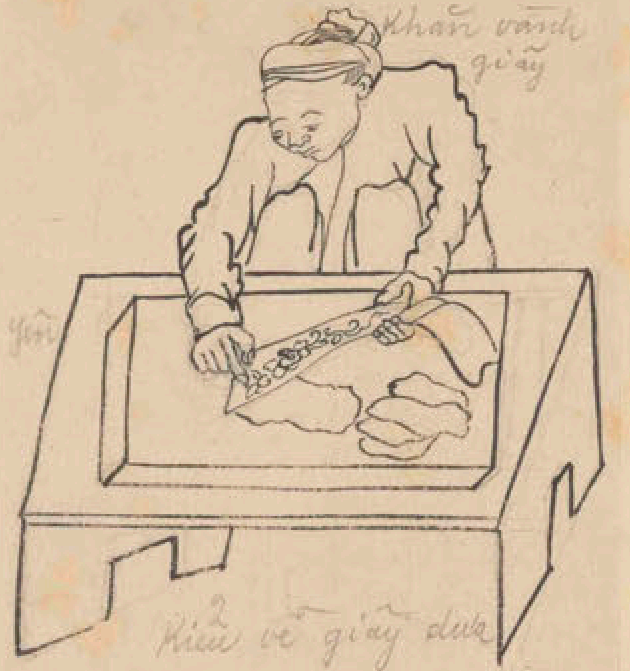

一千七百八十六

1786

僠坎湛

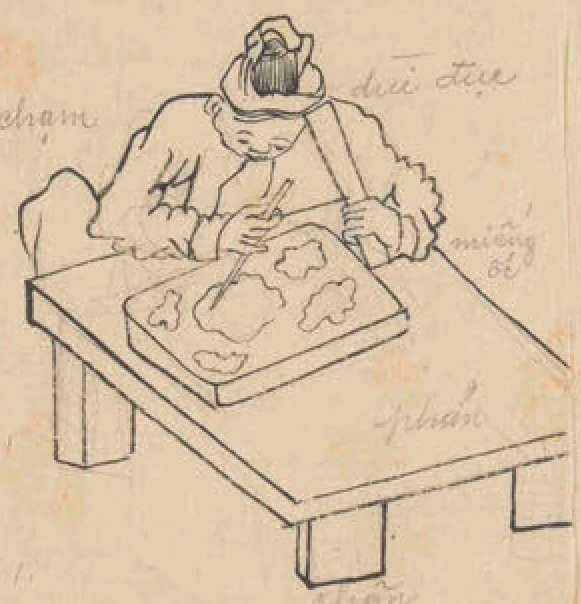

一千七百八十七

1787

僠坎割沃

一千七百八十八

1788

接扒
𩵜

一千七百五十九

1759

𢈱沃

一千七百八十二

1782

𠏲坎
拉沃

一千七百八十三

1783

罪
針金

一千七百八十四

1784

thức hai bóc mả dậy nắp tiểu bằng hòn gạch

次紅改裘代撫小

一千九百二十五

1925

棋缺古襖

cái quạt ở ab

khăn đầu dìu

一千七百十一

1711

打令

Đánh lệnh để đi đưa đám ma

一千七百八

1708

擔餅莞蔘

gói bánh lá gai

一千七百廿六

1- lá cây gai mấy bột gạo
2- đậu xanh, đường
3- gói bằng lá chuối khô
4- đồ bằng giữa hấp

1726

đốt minh tinh bỏ đo
lên mặt quan tài
殯銘旌
補由栭
棺材
一千九百二十二
1922

ông sư cầm giao thìt sao
bắc đẩu để mở quan tài
翁師拎
交迻駒
北斗
底
棺材
一千九百二十一
1921

bốc mả thứ nhất, dải
vải vào chong tiểu để đặt
xương
改喪次一
觧絺包
小
一千九百二十四
1924

thứ ba chiêu siểu
thầy địa lý xem hướng
次
墫
小
địa bàn
一千九百二十六
1926

攋鉢

一千九百六十三

1963

鉢 攋

一千九百六十二

1962

額 囷 爫

一千九百六十一

1961

帽尼

一千九百二十

1920

thợ thêu cắt chỉ
(Kiểu cây sen)

僵繞割織

一千九百六十四

1964

thợ đắc chích huyết

僵奄滴血

一千九百●十八

1918

đội nón quai lụa

隊𥶄扌乖絡

一千九百六十五

1965

Kiểu thêu con qui

矯繞猑龟

一千九百八十一

1981

翁主默襖拵吁阴阳

一千九百八十三

1983

半𥻸甘

一千九百八十二

1982

讀祝

一千九百六十六

1966

進爵

一千九百六十七

1967

lấy bùn ao để nặn nồi

祕塩呦
底[衤建]坊

一千九百八十六

1986

thợ cạo bẻ khục chân tay cho khoẻ và dáng gân và sướng

僭制
披
[扌西]頭

一千九百八十七

1987

tạ mả có mâm cơm

謝墓

一千九百八十四

1984

cạo tóc đội khăn vành giây

制還隊巾

一千九百八十五

1985

búi tóc choàng khăn lên cổ

抹還梳巾運古

一千九百八十九

1989

búi tóc đội khăn chủ nhân

捬還隊巾

一千九百八十八

1988

cu li ngồi mát

俱裔蚪沬

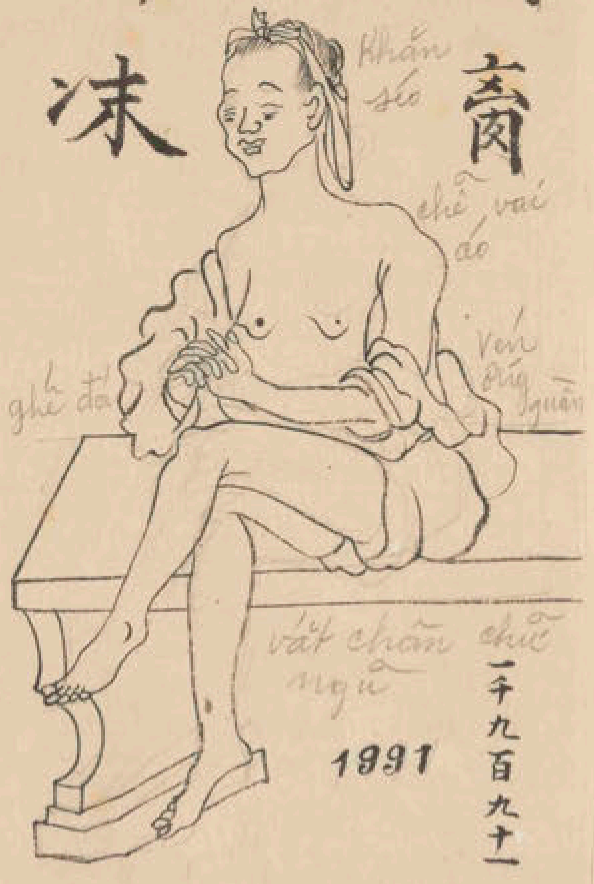

一千九百九十一

1991

cu li đứng mát

俱裔時沬

一千九百九十

1990

穉琨挄巾

一千九百九十二

1992

𢶿趓

一千五百九十

1590

柒法𠃣礼斬草

一千五百八十八

1588

𢶿拉

一千五百九十一

1591

1- cúng ông thần tinh
2- đốt nhiều giấy tiền
3- chặt cây cỏ

習武

一千五百九十二

1592

押亂
莧[illegible]

一千五百九十三

1593

染襖朱
琨朋
[illegible]往墨

一千六百四

1604

鳶[illegible]

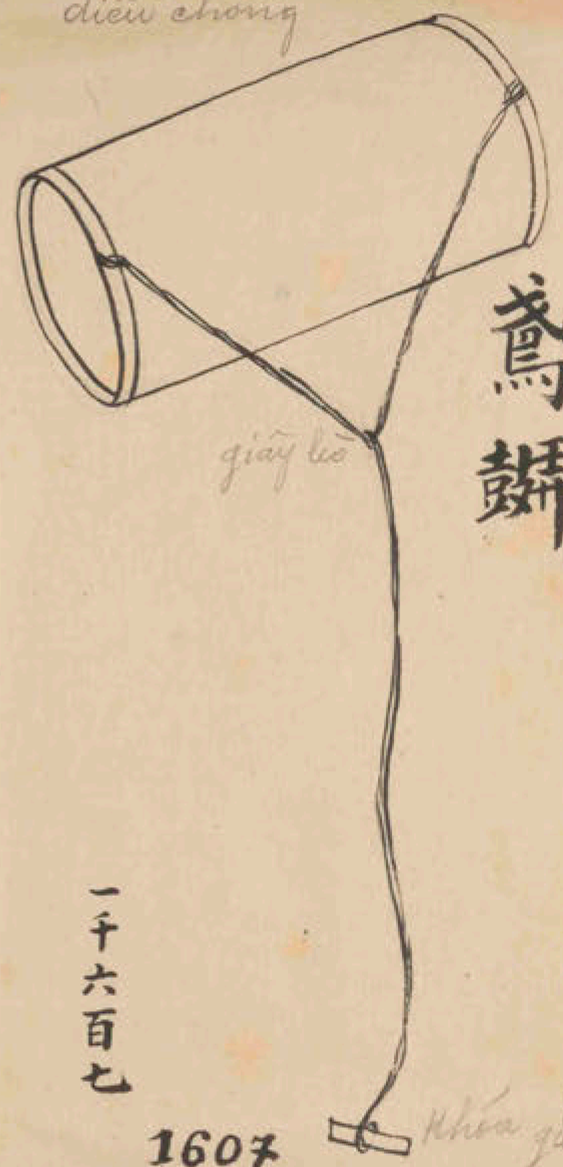

一千六百七

1607

鳶翅叉

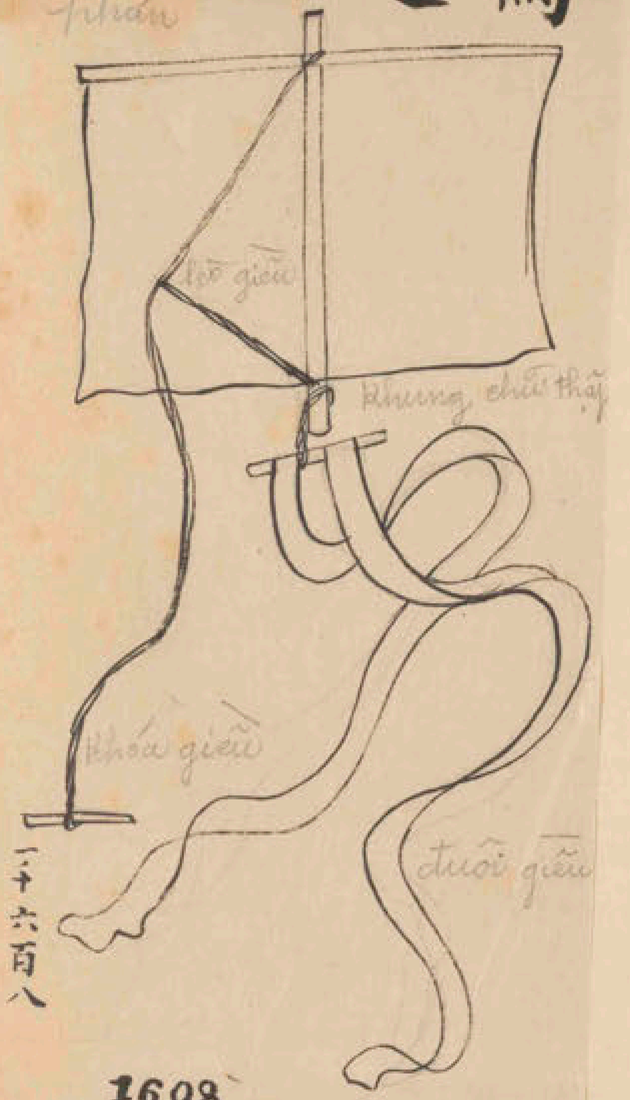

一千六百八

1608

問羣𠫾小

一千五百九十五

1595

底萖貀𨑜昭床

一千五百九十四

1594

閉琨跱卬刹

一千五百九十六

1596

混癘火形如稡混

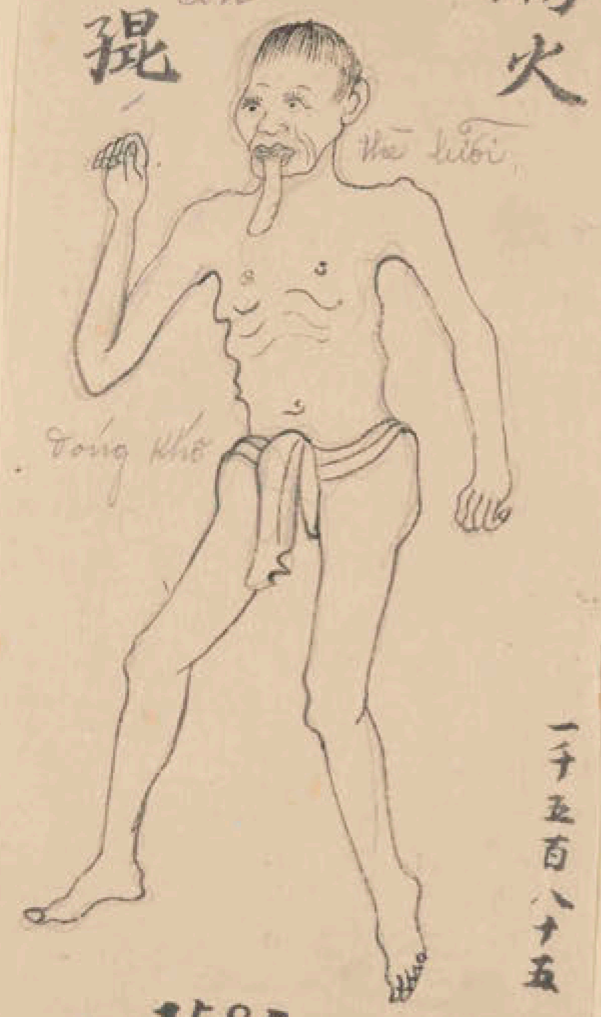

一千五百八十五

1585

擬諸缺

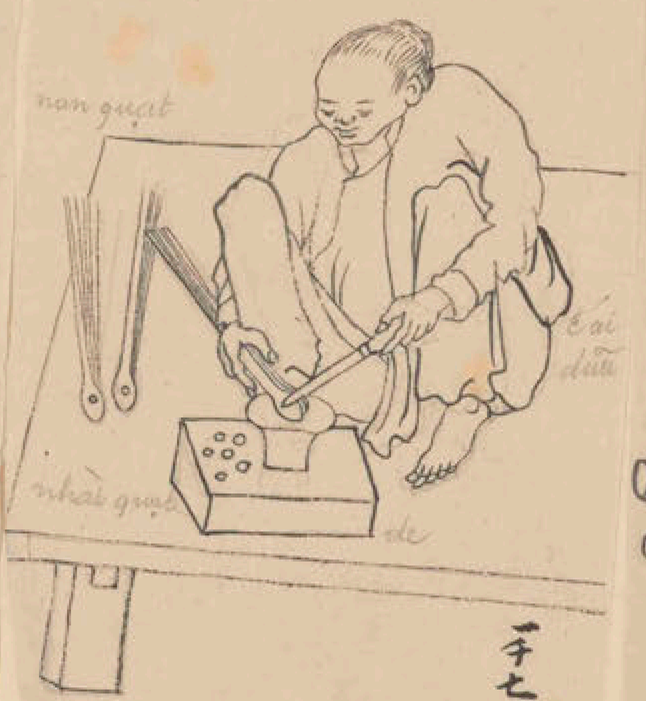

一千七百三十六

1736

杯密蜂朱混

一千五百九十七

1597

鳶𦊚罩

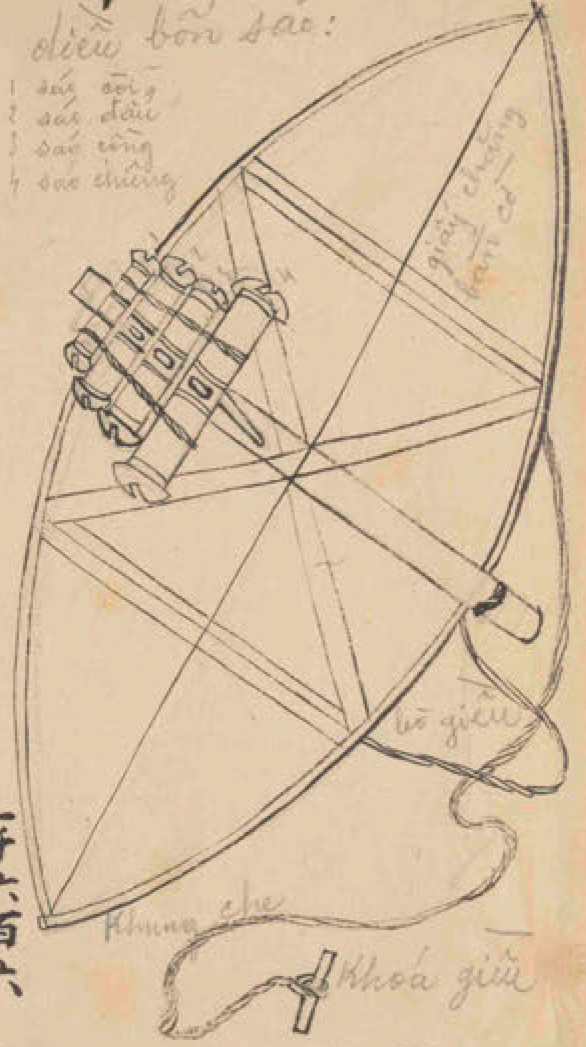

一千六百六

1606

濯衣

chạc y = dặt áo

一千六百十九 1619

盘捐織

bàn cuốn chỉ bằng gỗ sơn đỏ

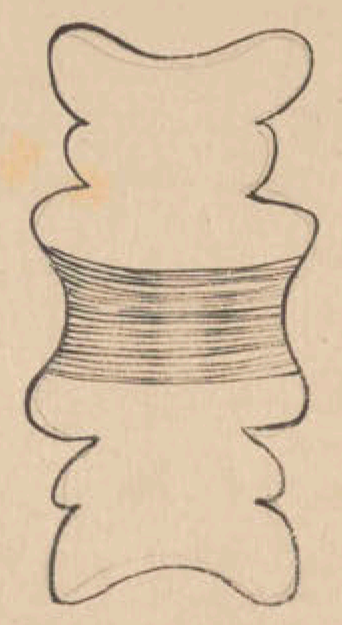

一千六百十七 1617

掉樣朋綉

chèo cây bằng giây

一千五百八十九 1589

丁天皇，喪墓

Đinh Thiên hoàng táng mộ = ông Đinh Thiên hoàng chôn mả bố ở sông như hạ

一千五百八十七 1587

削核改底坶余

一千七百九十二

1792

蝶鳶

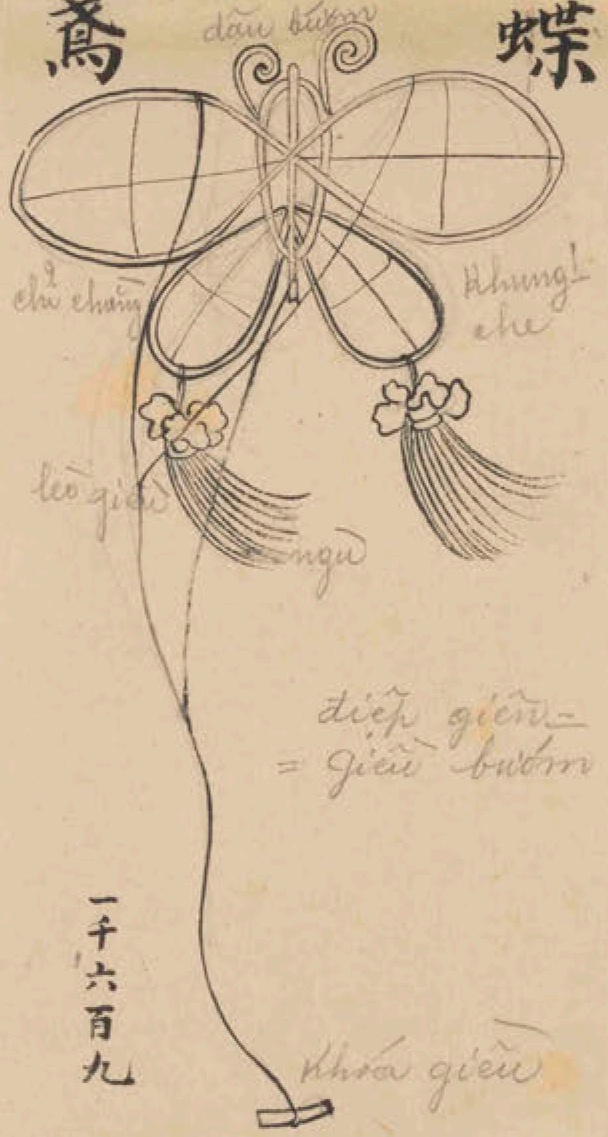

一千六百九

1609

泌練粉

一千六百十八

1618

八宝菓瓢圖遂麻

一千六百四十七

1647

割莧籢

cắt lá nón

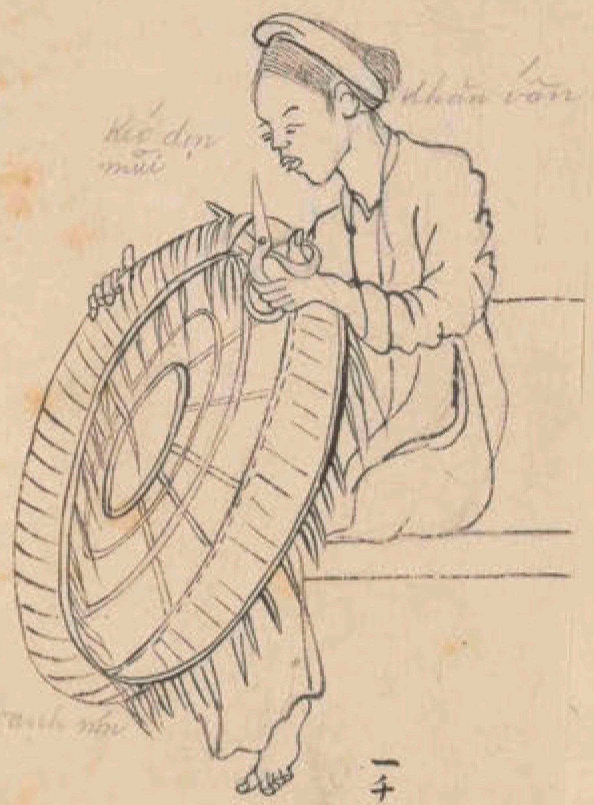

一千八百四

1804

淘𥴙蠕

đào hang ếch

一千八百五

1805

補山𠓨溪湛底垠沃

bỏ sơn vào khe chạm để nhấn ốc

一千七八十九

1789

𤈜莧籢

phơi lá nón

一千八百二

1802

⿰口皿抹 逐麻

一千六百七十六

1676

兢⿰月皮 包宮

一千七百九十八

1798

丘躡蘇

一千七百九十九

1799

⿰亻署像 擿坦絏 底夕花襖

一千八百四十

1840

bột đất này để nặn vài cái khuôn hoa áo ông tượng

722

723

盖 𨢇 塢

一千八百二十二

1822

làm cái vậy để cho nó chẩy cái nước rượu ở trong đó ra, nữa chậu cái đá thì đựng còn diệu để ...

部鬚唱倍

一千八百四十一

1841

迻麻補
拒坦
骼墓混𢭂

一千五百七十八

1578

麻迻拎
蝒

一千六百五十五

1655

724

單藩振坪茄

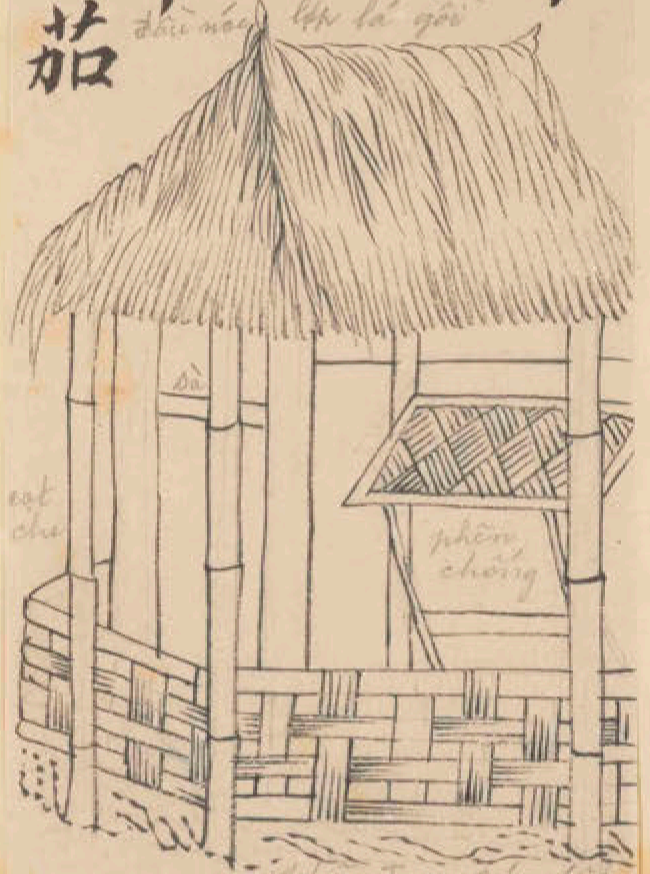

Đan phên chắn nền nhà

一千八百四十八

1848

扱鍈籛芭

cạp vành nón lá

一千八百六

1806

海余改

muối dưa cải

一千七百九十三

1793

𢯦蔓粓仯䣼盖

chộn men cơm làm diệu cái

一千七百九十四

1794

淘穴三級

一千七百九十五
1795

𠏲拮摟〻刀

一千八百八
1818

割頭芋底⿰虫奄

一千七百九十一
1791

⿰火虚⿱艹色籛

一千八百
1800

希黎

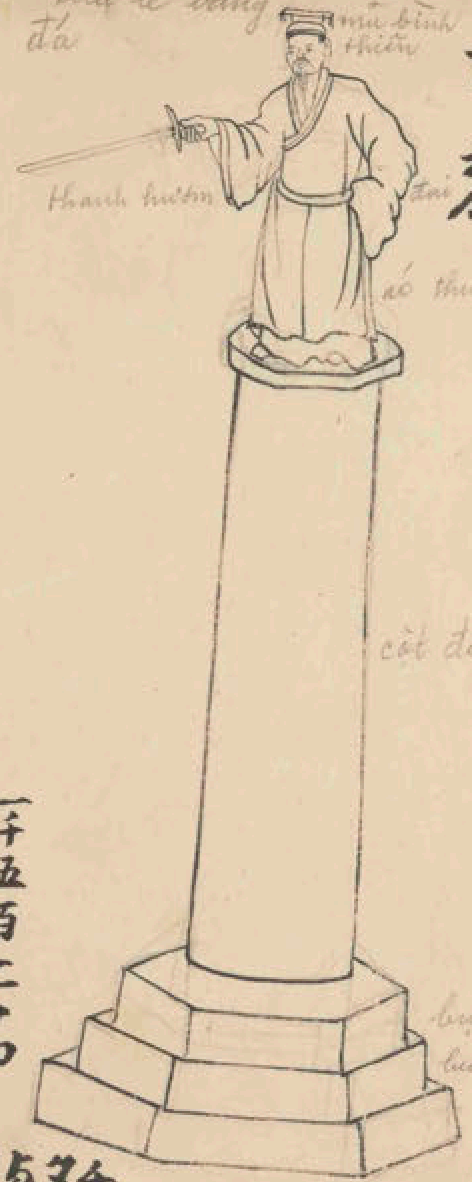

一千五百七十四

1574

斧襖侍毙逢頭猑枴

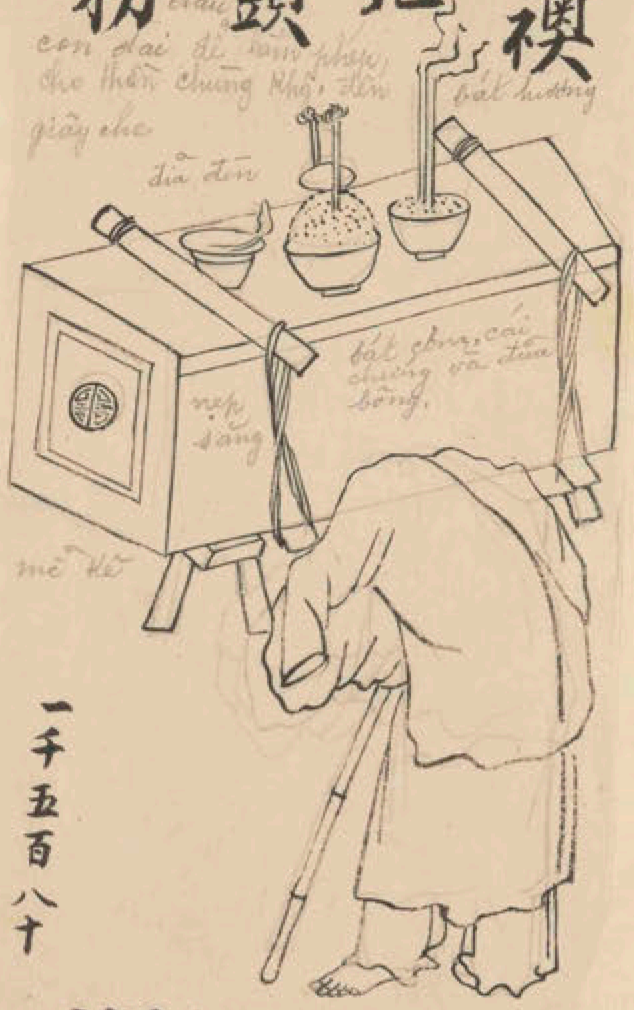

一千五百八十

1580

秩巾逢咢頭

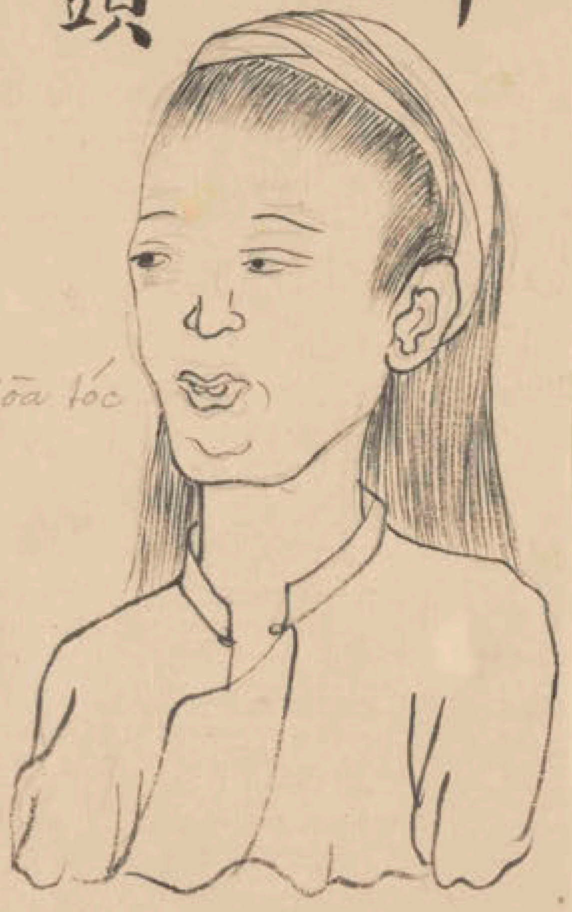

一千六百七十五

1675

濃囷鞟

nong khuôn giầy

一千八百一

1801

琨媽
祕鈇
表粘
餅

一千五百七十

1570

陣[illegible]
吴江
買窒

一千五百七十五

1575

棋花
[illegible]聰

一千六百七十四

1674

琨[illegible]
伏边
棺材

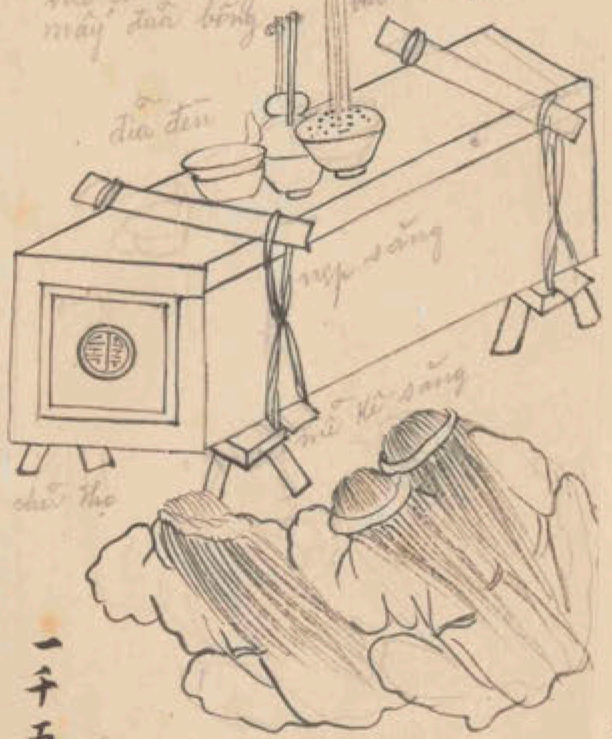

一千五百七十九

1579

沁除午
節端午

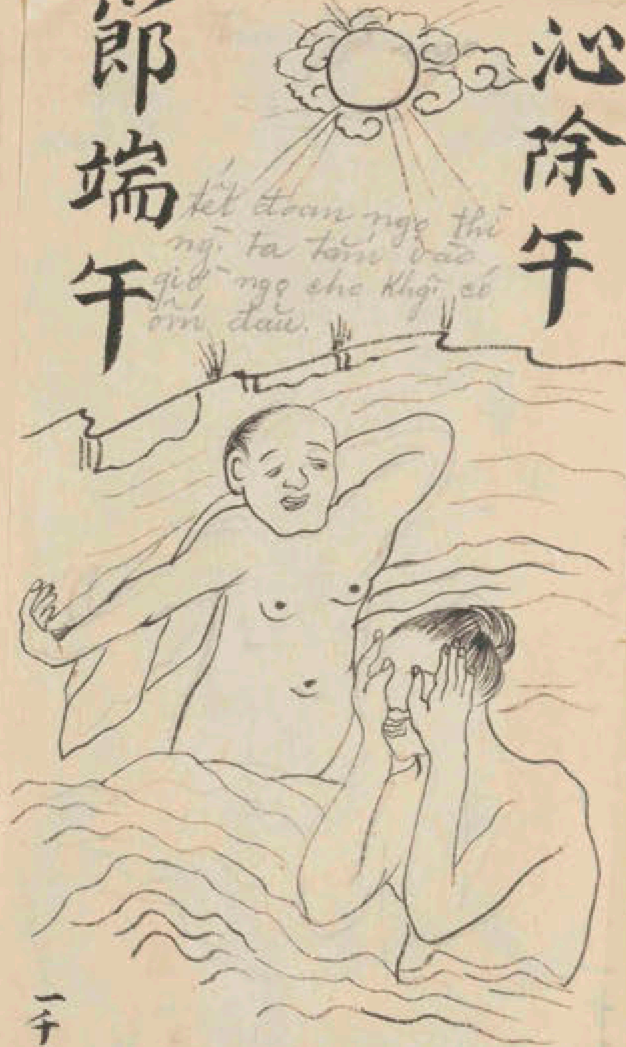

Tết đoan ngọ thì người ta tắm vào giờ ngọ cho khỏi có ốm đau.

一千五百六十六

1566

創端午
咊
醽三神

Sáng ngày đoan ngọ uống điều tam thần cho khỏi có loài chung chong bụng và khỏi ốm đau

一千五百六十七

1567

節端午
纀絏
莧苈昌

Tết đoan ngọ buộc giây lá đâu sương cho khỏi đau sương

一千五百六十八

1568

節端午
拂莧
艾

Tết đoan ngọ (5e jour du 5e mois) bẻ lá ngải cứu để phơi khô để dành làm thuốc

一千五百六十九

1569

礼動土

一千五百七十六

1576

⿰火辱膠鹿茸

一千五百七十七

1577

礼沐浴

一千五百七十三

1573

節端午印符

一千五百六十五

1565

733

礼入學

一千五百七十一

1571

Khi bắt đầu đi học thì phải đem xôi, gà vào nhà ông thầy học cúng cho mình học sáng

固得蘢祂渃嫣茹

一千五百七十二

1572

神主

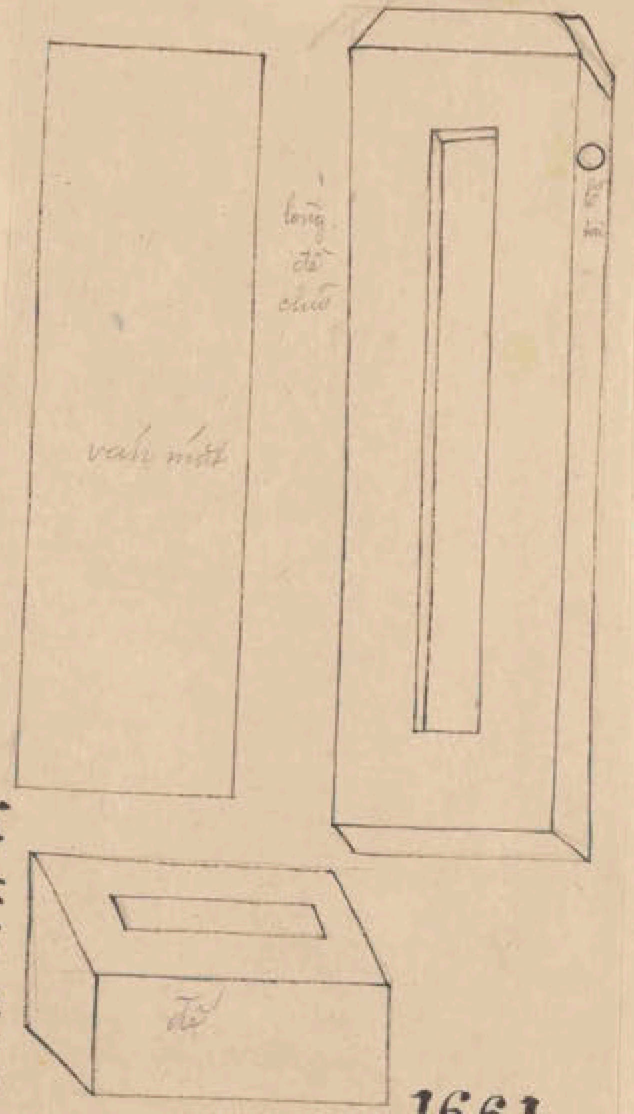

一千六百六十一

1661

Lễ cất nhà.

礼捧茹

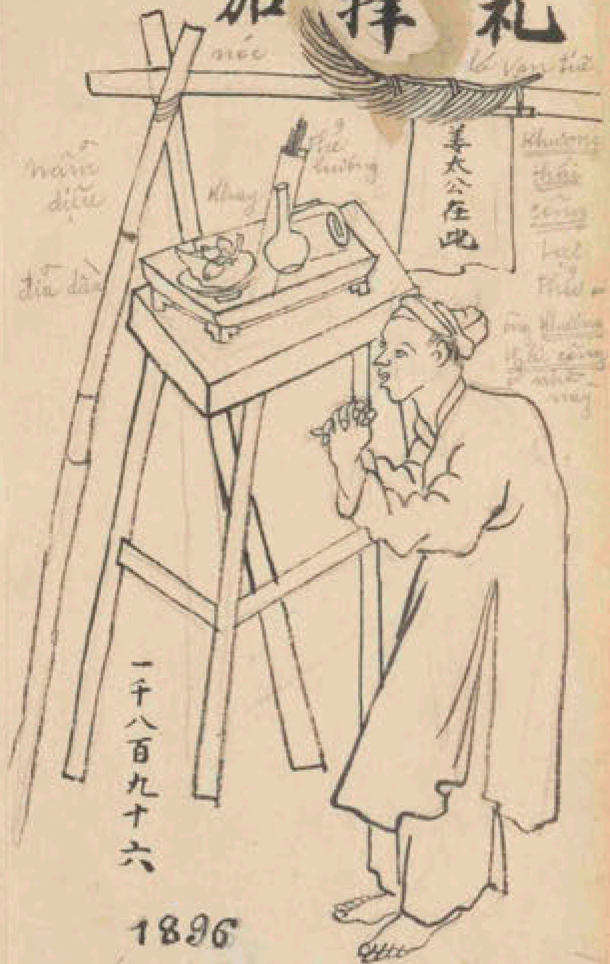

一千八百九十六

1896

Trước lễ ông thanh sư, rồi mấy được cất nóc, như thế thì nhà không bao giờ đổ được

[illegible]玡

Quạt ngà
10 tt

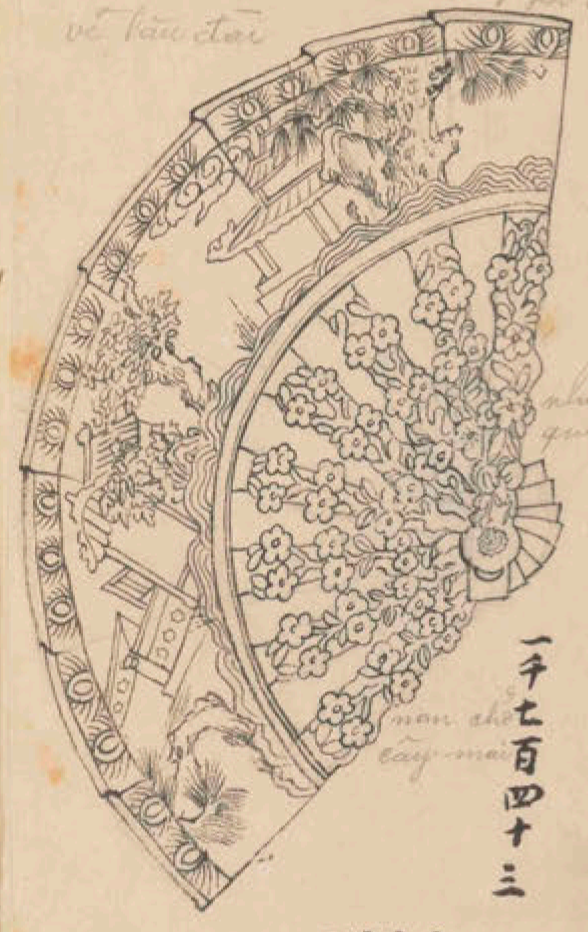

一千七百四十三

1743

cờ gà tổ tôm

旗
鷄
祖
[illegible]

cờ vóc thêu gà

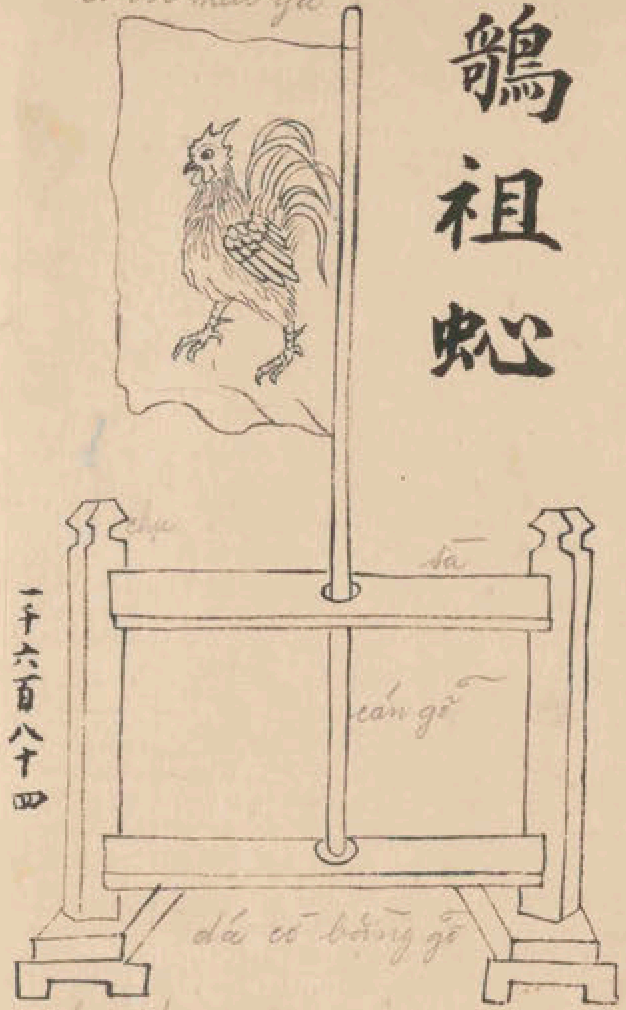

一千六百八十四

1684

ai được thì cầm cái lá cờ này

[illegible][illegible][illegible]

làm thịt sấy để ăn

1- thịt lợn
2- chộn mấy nước mắm, hành,
3- đường
4- sấy vào lửa cho khô

一千六百八十二

1682

諫[illegible][illegible]

dán bong bóng cá để nấu cỗ bát

一千六百八十三

1683

1. bong bóng dán
2- thịt lợn
3- măng, đậu hoà lan
củ đậu, dừa, chuối

436

也莞共
夕餅

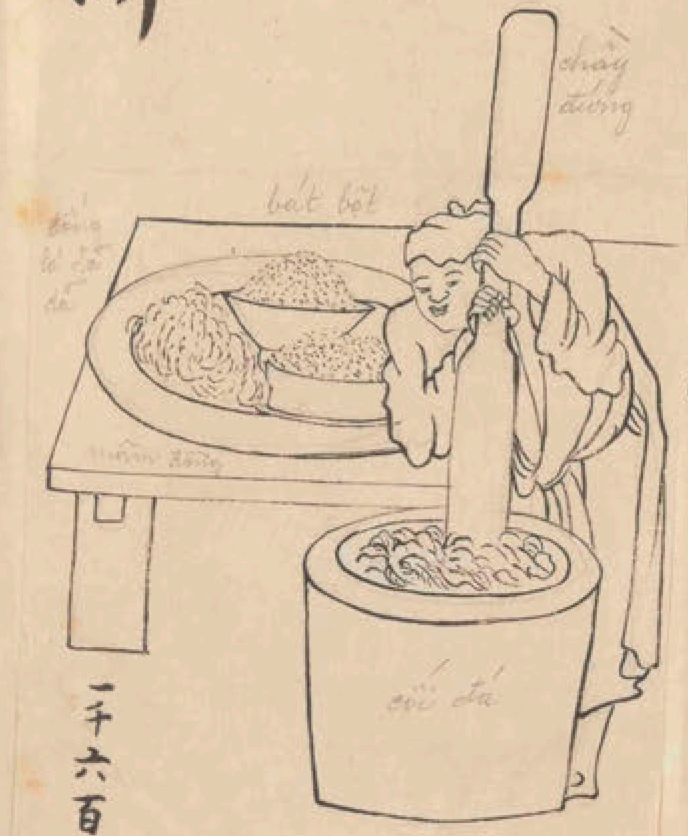

一千六百八十

1680

擳猪

一千六百八十一

1681

彈嫈
執号

一千七百四十四

1744

背面

頸後高骨一穴俯首卽見卽第三節骨也

脊骨共膂正对穴此一穴孕婦忌挑

73

Họ mộc viết chữ vào gỗ để đánh phấn

僁木曰 竚乫 楛底 打攴

一千八百九十八

1898

Chủ nhà ăn cắp cái đục để giải phấn cho khỏi đầu tội mà khỏi có ma quỉ

主茄祕盜巧鵠底辭攴

一千八百九十九

1899

bóp thái dương cho khỏi đau đầu

搓太陽

一千九百十九

1919

bỏ quần áo cũ xuống gầm giường để nhà khỏi cháy

補裙襖苗𧿆攴底空烇茄

一千九百八

1908

738

nhà chống dây quần cũ đắp nước mà đập
茄烇祕禬萡引渃麻𧿆
gậy
一千九百九
1909
vại nước

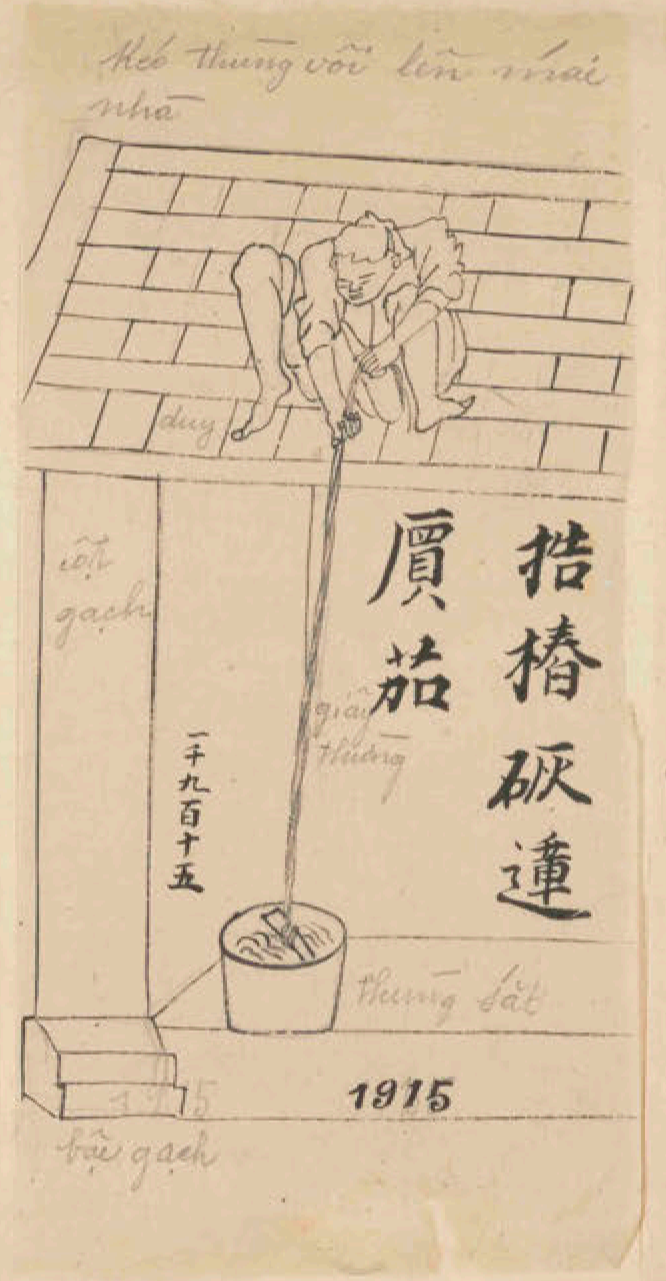
kéo thùng vôi lên mái nhà
duy
cột gạch
拮椿砅連貭茄
giây thừng
一千九百十五
thùng sắt
1915
bậc gạch

phơi gạch
𤐛額
khuôn vuông
ngồi xếp hàng gạch
1907
一千九百七

cắm đăng bắt cá
揲橙扒个
cọc
1914
一千九百十四
nó đương cắm cái đăng ở giữa sông để bắt cá

一千九百十三
1913

林坦綫
底
𠬠像
一千九百十二
1912

曰穷
丐拘
頭底
捧茄
一千八百九十七
1897

補由篏遶速
連頭
混
圬
一千九百三
1903

đốt nón úp giấc lốc để lấy di đánh phấn

熿籤挹 遍速 衳由 爫夊

一千九百二

1902

lấy nón úp giấc tóc để đánh phấn liền ba

衳籤挹, 遍速

一千九百一

1901

Thợ tiện chấp tượng gỗ

𠐞像㩫像

一千九百

1900

bồi giấy bìa làm cốt mũ

培紙 皮爫 骨帽

一千九百十

1910

同饕餮方壺圖

壺部一之十四

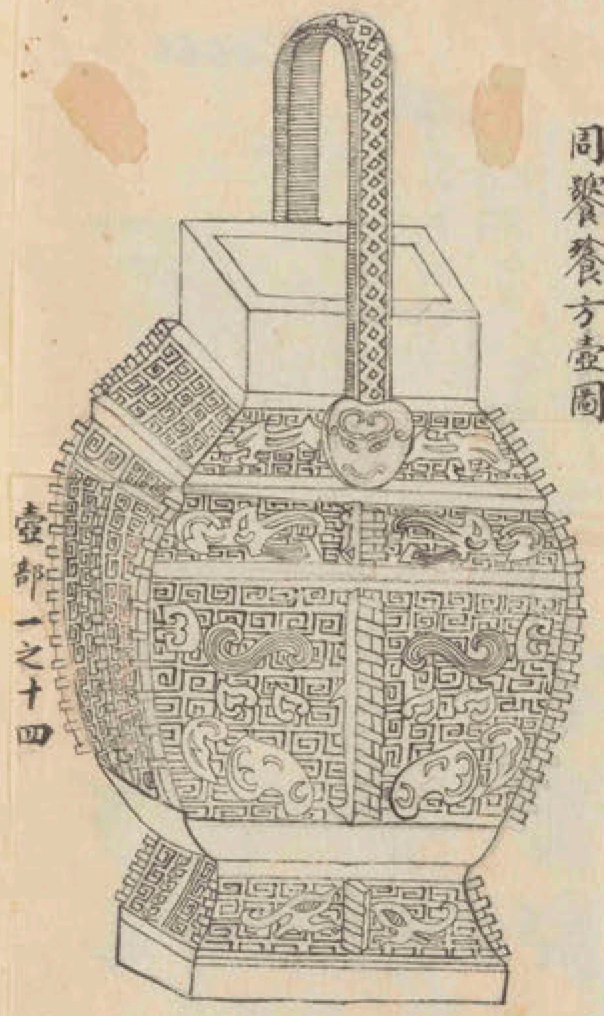

52

ghe cung đón khách

夫擀述客

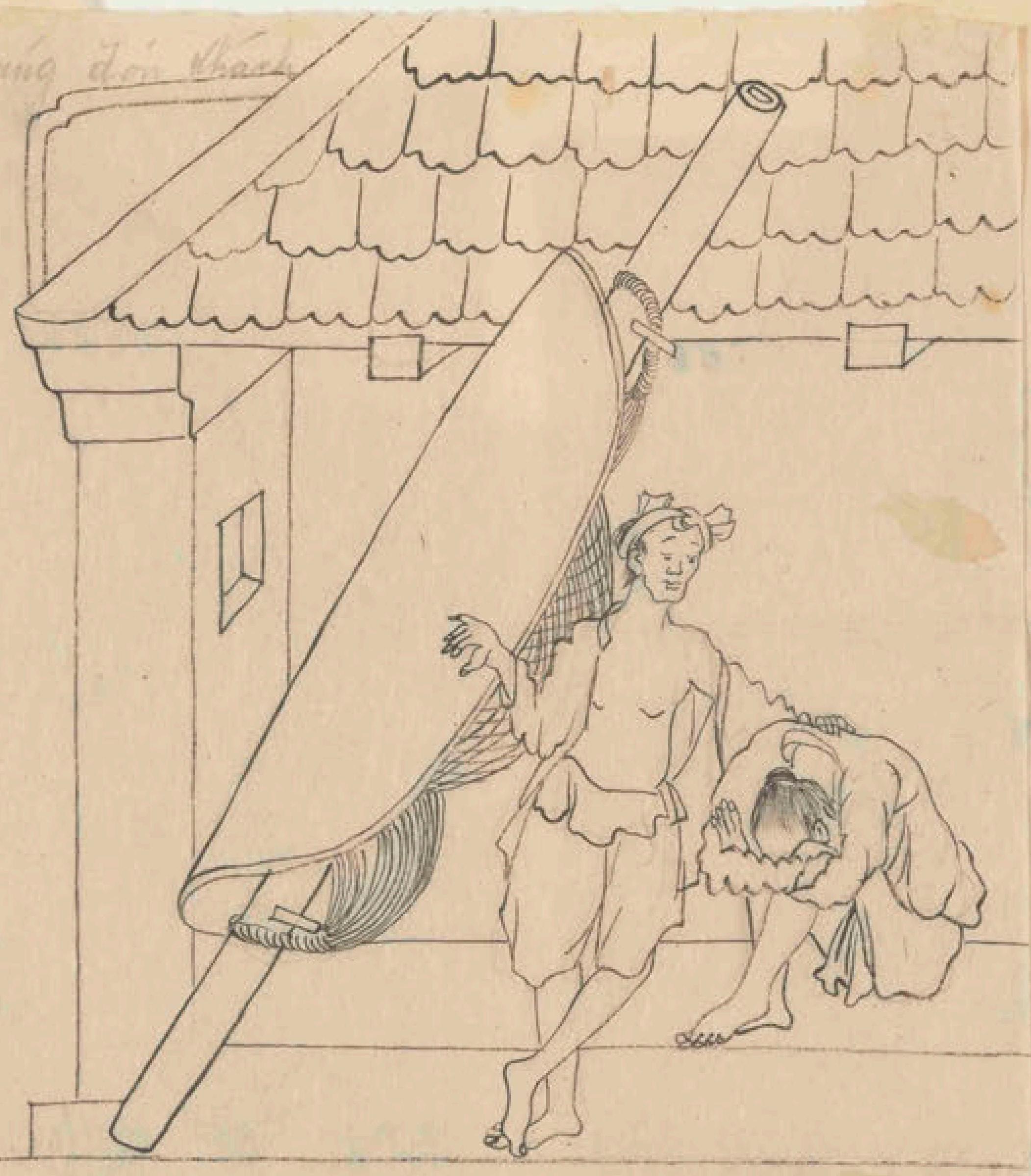

二千二百十

2210

漢四足卣圖考

卣部二之二十五

36

石 媷 蜮 火 炗 肸 䤉 醝

xem kích- máy áo

緻 貼

chích hỏa hàm

52

36

㛪石

一千七百一

1701

炙火蝛

一千七百二

1702

醝䣼肸

一千七百三

1703

貼曆
繳奥

一千七百四

1704

軍排祖蚣

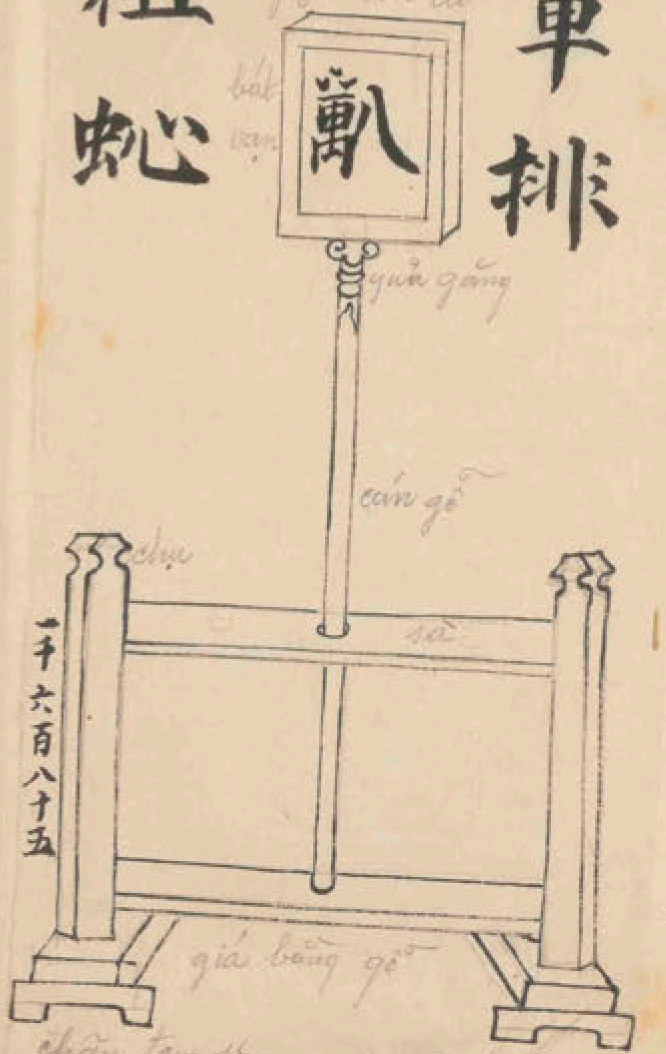

一千六百八十五

1685

爫𦧘𧋍波

làm thịt cua bể

一千六百八十八

1688

爫絹

làm cuốn

1- dầu diếp, thơm, mùi
2- bún
3- tôm
4- thịt
5- dấm cái
6- mật
7- chấm nước mắm cà cuống

一千六百八十九

1689

爫岩𧋍

làm nham cua

1- giá
2- rừng
3- chanh
4- cua đồng mấy hành mỡ, mì ốt
5- đường

一千七百七

1707

打難 [illegible]朋 [illegible]勃

一千六百八十六 1686

帖鐄像

一千九百十一 1911

𡛔茶昌蓮

一千七百 1700

淥勃𡛔茶

一千六百九十九 1699

祕螻雯

一千六百九十三

1693

江豆媷茶冬

一千六百九十四

1694

媷茶冬

一千六百九十五

1695

媷茶花槁

一千六百九十六

1696

卜枸辞
婷茶

Bóc củ từ nấu chè

一千六百九十七

1697

1– bóc vỏ củ từ
2– nấu mấy mật

潪昌
蓮底
婷茶

lược hạt sen để nấu chè

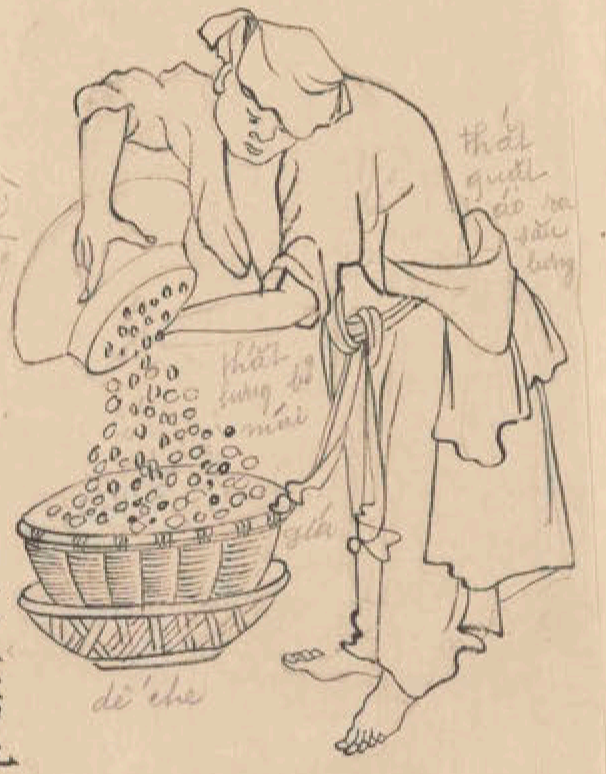

一千六百九十八

1698

1– hạt sen luộc
2– đường mấy bột

軍三菊

quân tam cúc
bằng giấy bồi, bán ở hàng sén (1 bộ có 32 cái – 5 cái

一千六百八十七

1687

秩陀咗

Bâm cá cuống để làm nhân bánh

có 2 thứ cá một thứ cá cuống cây thì để chấm nước mắm. Cá cuống thịt thì ăn được

一千六百九十二

1692

拎旗
胆麻

一千六百九十

1690

𫜵喃
稼

一千七百五

1705

押踕

一千六百九十一

1691

𫜵炙
𩵜

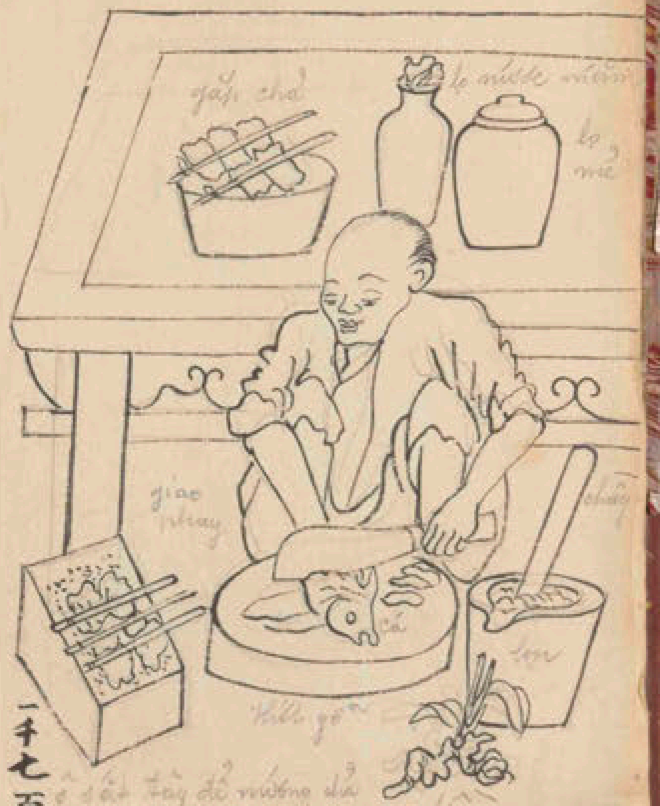

一千七百六

1706

彡詐持

làm chả chìa

一千七百十四

1714

彡木猪

làm mọc lợn

一千七百三十

1713

{口退}敉𥺊圖

thổi xôi gạo để để ăn

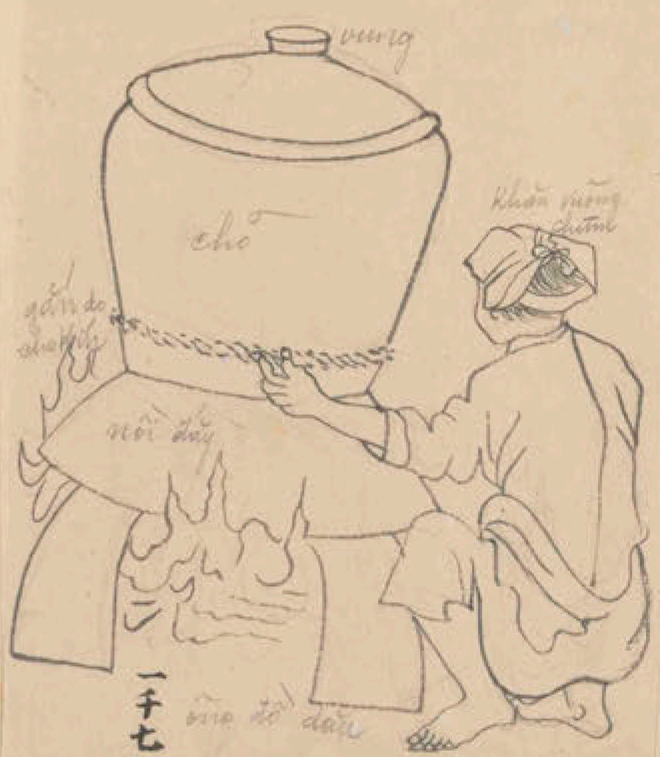

一千七百七十

1717

㷽納冬

nấu thịt đông

一千七百十八

1418

1- thịt lợn luộc
2- nước mắm mười
3- nấu nhây nước lã

747

乡鹹蛌

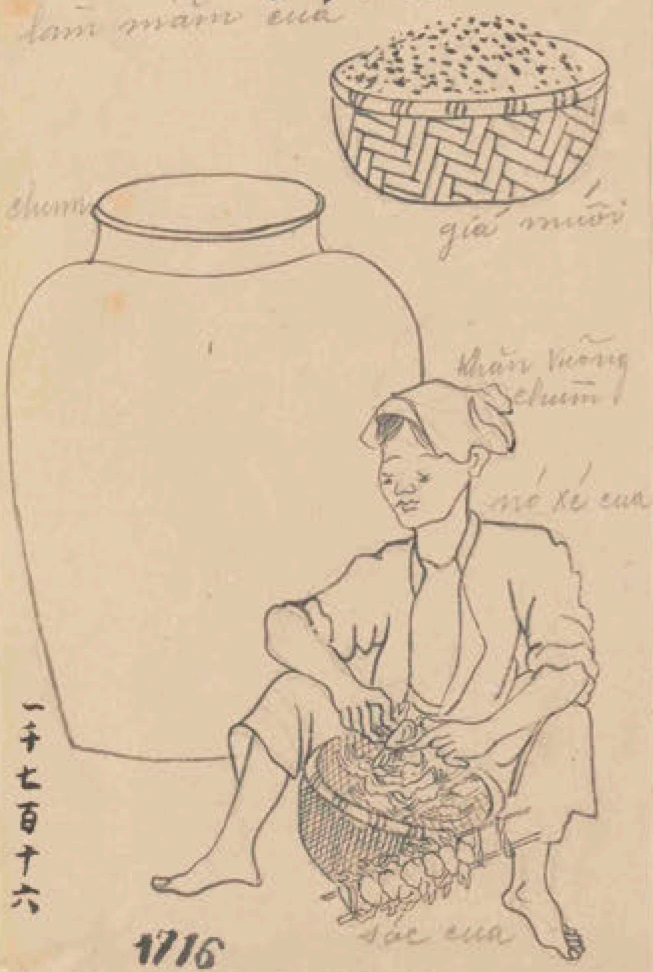

一千七百十六

1716

1- cua đá
2- lọc vào máy nước muối

打笙雯

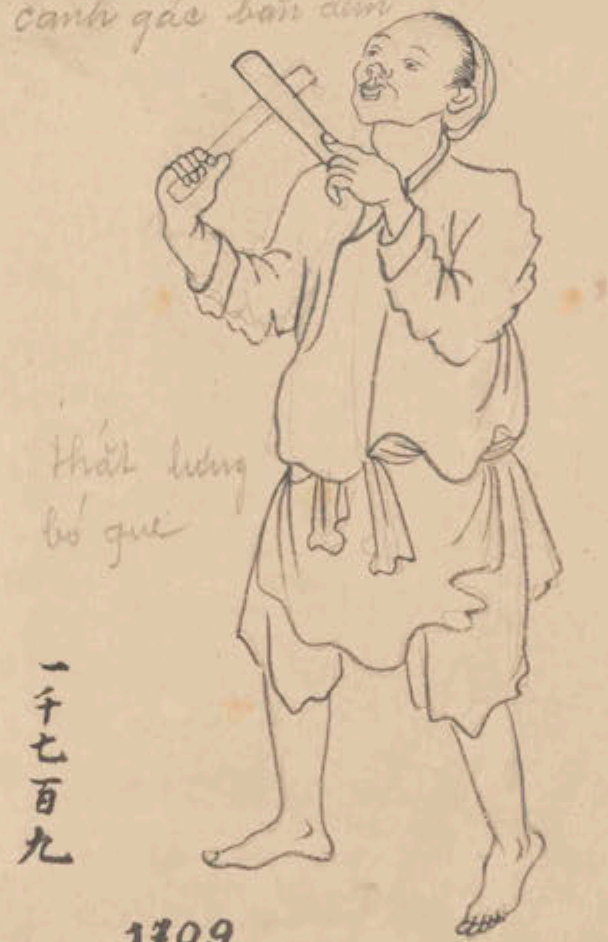

一千七百九

1709

掑[扇夬]繞[身夌]

一千七百十二

1712

[扌乖]狢

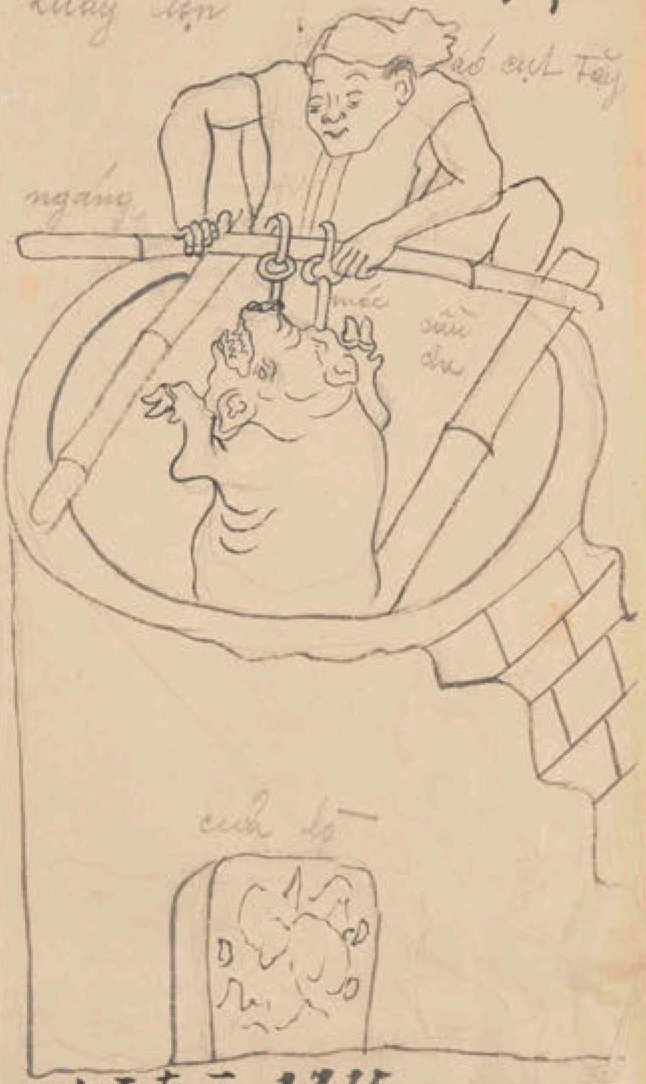

一千七百十五

1715

cầm cái ngáng sắt để đi bắt cái linh sa

拎昂鉄

Khấn vành giấy

一千七百十

1710

sây tường bằng vại

磋洋朋垃

mái danh

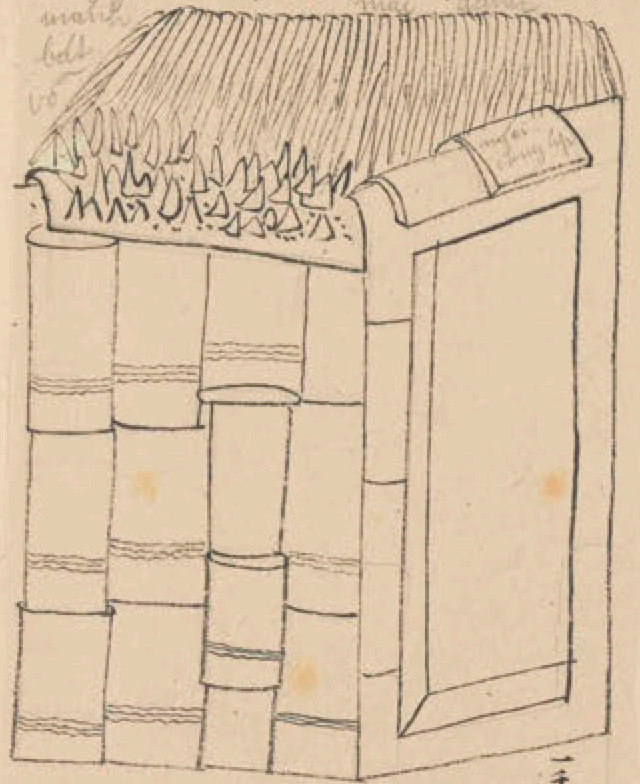

1927

一千九百二十七

Sây tường bằng tiểu

磋洋朋小

mái danh

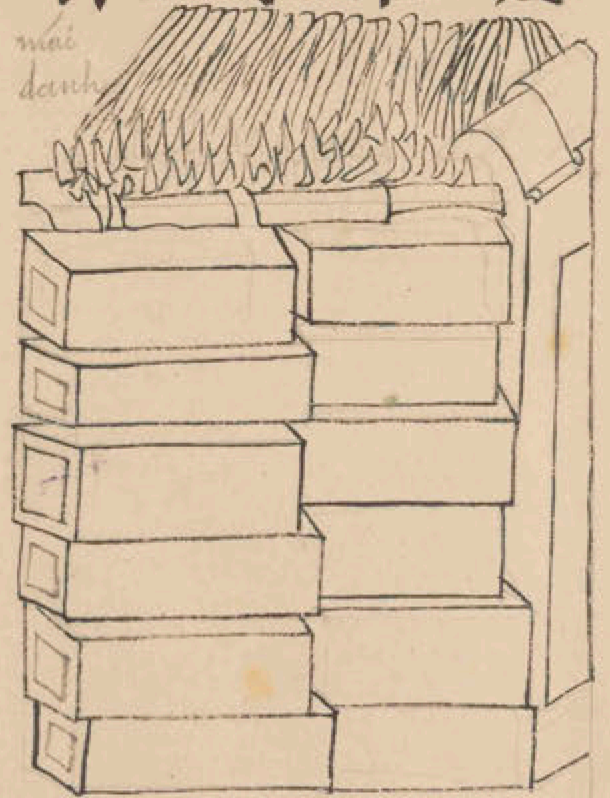

1928

一千九百廿八

lát sân gạch bằng gạch lá nem

捷墶頷

1929

一千九百廿九

鉢場
擯檜
1930
一千九百三十

矯繞
一千九百三十一
1931

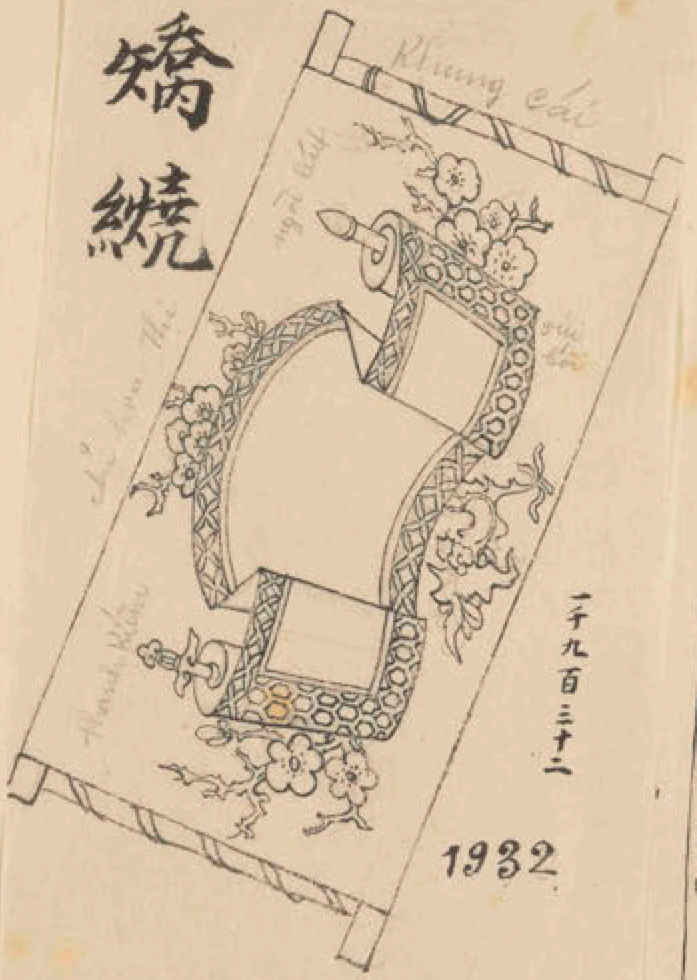
矯繞
一千九百三十二
1932

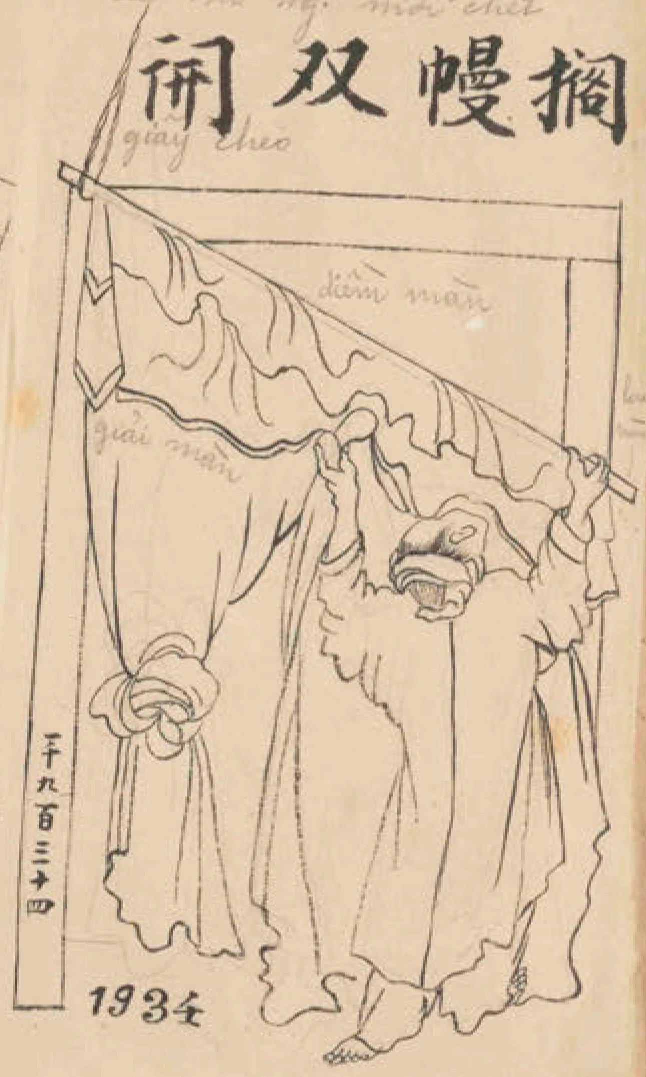
閙双幔擱
一千九百三十四
1934

buộc dải áo để

緤觧
襖祭

一千九百三十五

1935

đốt giấy phủ mặt ng. chết để bôi cho con khỏi ốm

絏俯面杯朱
𡥵

一千九百三十六

1936

chân tam sơn

底魂帛

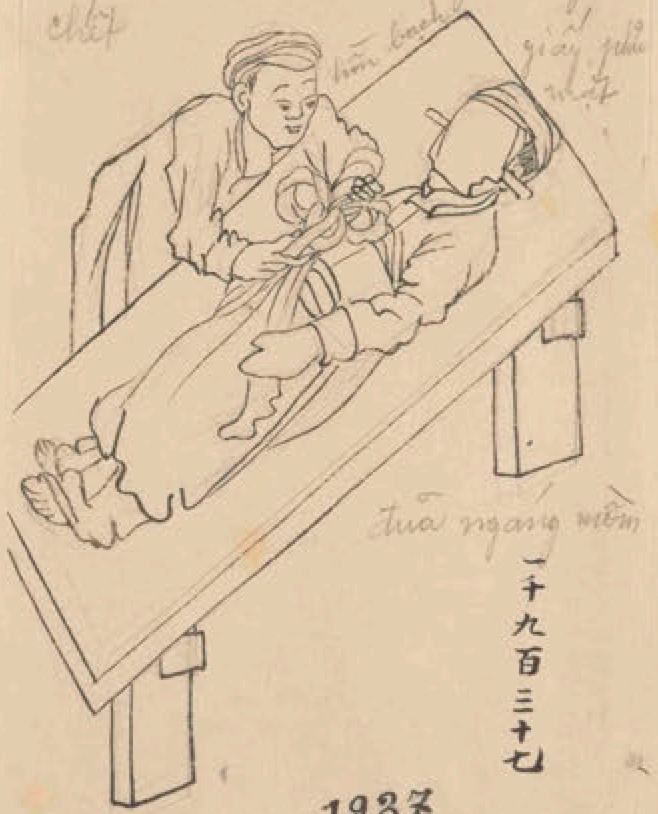

一千九百三十七

1937

chấm khăn mục dục = (chấm khăn tắm đưa cho ng. chết)

𡏳巾
沐浴

一千九百三十九

1939

751

đổ nước mộc dục

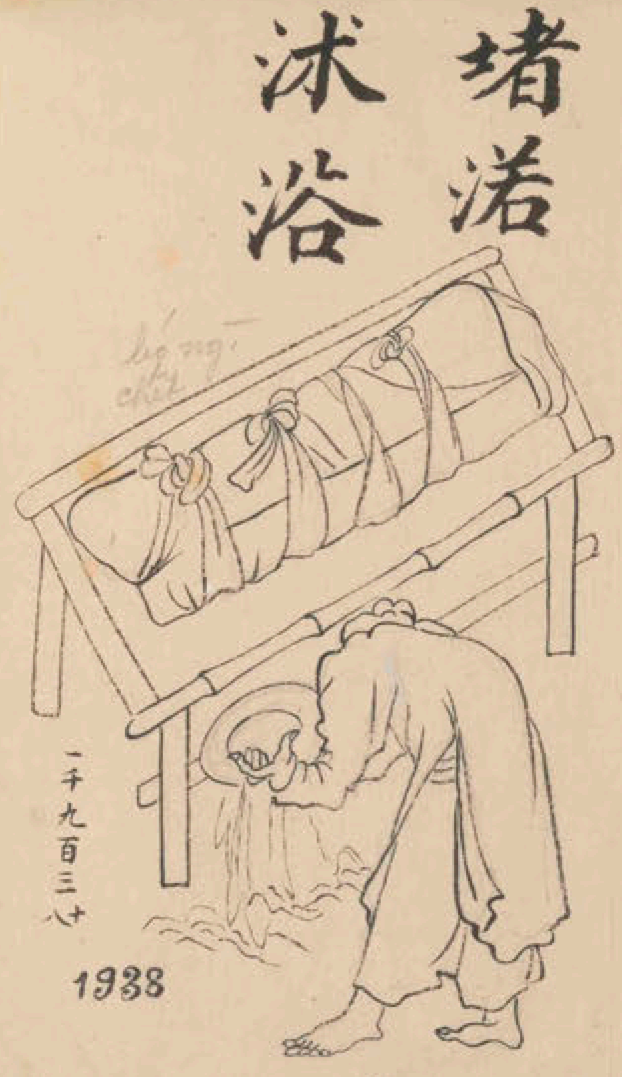

cắt cúc áo người chết

người chửa tập gánh để dễ đẻ

chửa con so dặn chân cho người ngã thì mới chóng khỏi

(con so là người con gái mới chửa lần thứ nhất)

策溇鈉

噲得渚
睸吏底
貼生[illegible]能生𡛔

考頭噲

獡[illegible]

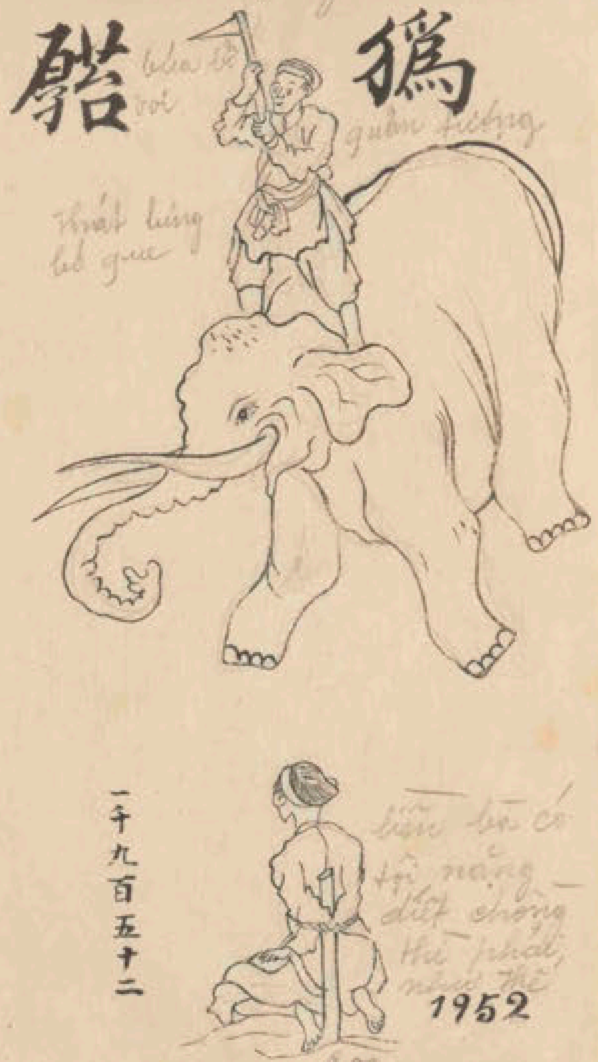

gọi loa

噲鋧

一千九百五十三

1953

Kiểu thêu cổ đồ

縞繞古圖

一千九百八十

1980

thằng mõ xin lúa

繩摸吁穭

一千九百五十四

1954

ông Nhuốc sắt tây
(ở hàng sắt bán
10 xu)

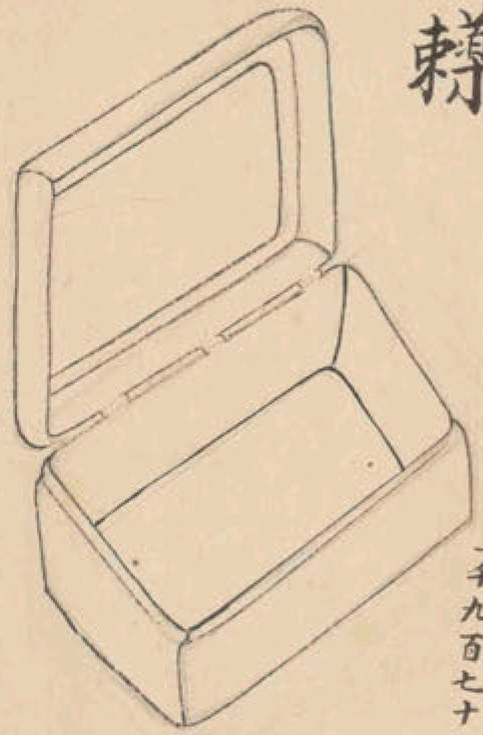

甕蘱鉄西

一千九百七十九

1979

1957

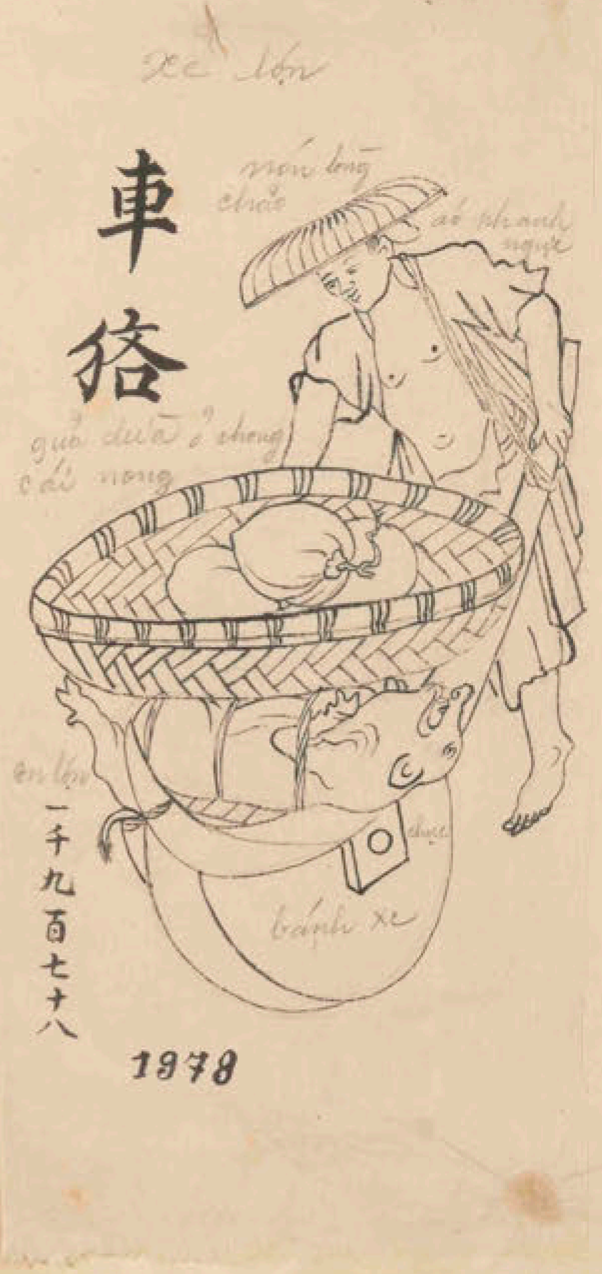

lúc tết thì nó dọn dẹp
trong nhà cho sạch để ăn tết

Lấy giấy lưng bấu mũi

揨䩒 袐䋈𨉟

一千九百七十四 1974

dưới đường nhiều đồ

饒圖 𤬸床

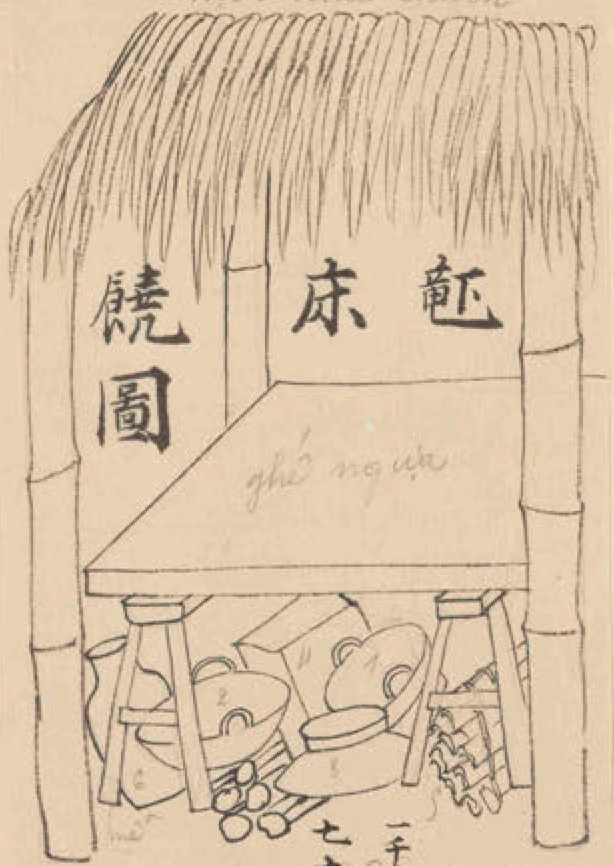

一千九百七十三 1973

dán danh thiếp

帖 名 諫

一千九百七十二 1972

then cài cửa

𨷯 扦

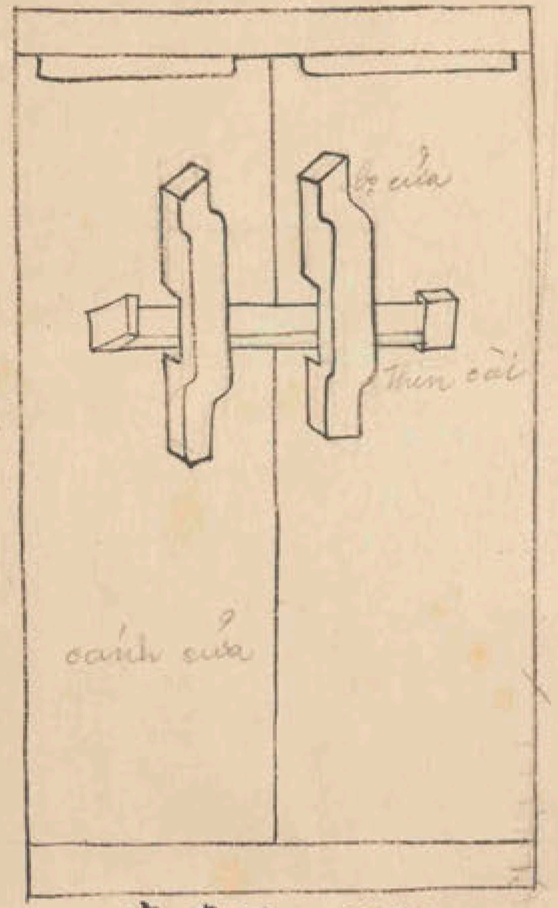

一千九百七十一 1971

ngày thứ ba và ngày
thứ tám thì người ta tế Thần
gọi là xuân thu nhị kì,
lúc tế thì ông chủ tế phải đặt rượu
vào đài để người ta đem vào cúng ông

上香

一千九百六十九

1969

1740

拎[illegible][illegible]𢬣

一千七百三十七

1737

諫餅眼

一千七百三十八

1738

[illegible]餅襊

一千七百三十九

1739

758

嬌繞

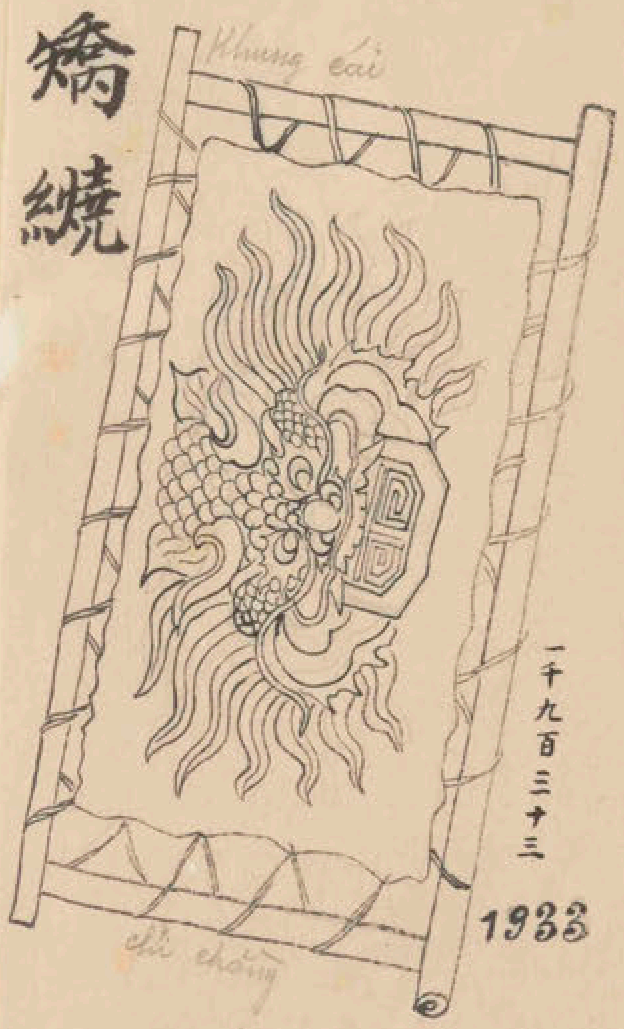

一千九百三十三

1933

抾咱
乡粘

一千七百六十八

1768

押倒
吶䳘

一千七百六十七

1767

染溢

一千七百六十六

1766

半螠

Bán ếch

一千七百六十

1760

揀扱蛌

Đóng cặp cua

一千七百六十一

1761

太皮粘狢

thái bì nem lợn

一千七百六十四

1764

染𦁀渃蒡

nhuộm vải nước lá bàng

一千七百六十五

1765

重襖
綀䏾

一千七百三十

1730

手𢬣
襖𢙱
袍

一千七百三十一

1731

法戒
迻麻

一千七百三十二

1732

爫餅
蔞曲

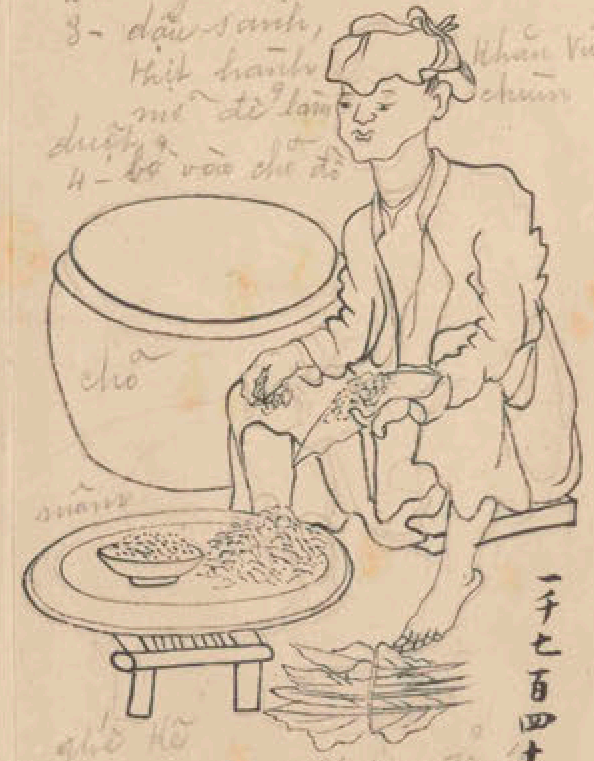

一千七百四十五

1745

擛胆麻
giúp đám ma
dòi cho
thắt dưng bỏ mối
一千七百三十三
1733

緻襖沛㝵火辰柲𬂙‹熑
giấy chèo
cặp
may áo, phải ngày hỏa thì lấy để đốt cho áo khỏi cháy
Khăn chữ nhân
一千七百三十四
1734

𢯰‹难𦑗
Lật nan quạt
cắn đầu nan để lật
giao mác
nan quạt
ngồi xổm
一千七百三十五
1735

nuôi gà ngũ trảo
Khăn vuông chùm
餒鴿五爪
chắp tay sau lưng
yếm cổ xây
一千九百四十一
1941
nhà nào nhiều mối, kiến, ma giấu thì nuôi gà này thì khỏi cả nữa

拎剃趍
迻麻

一千九百四十二

1942

宮堂

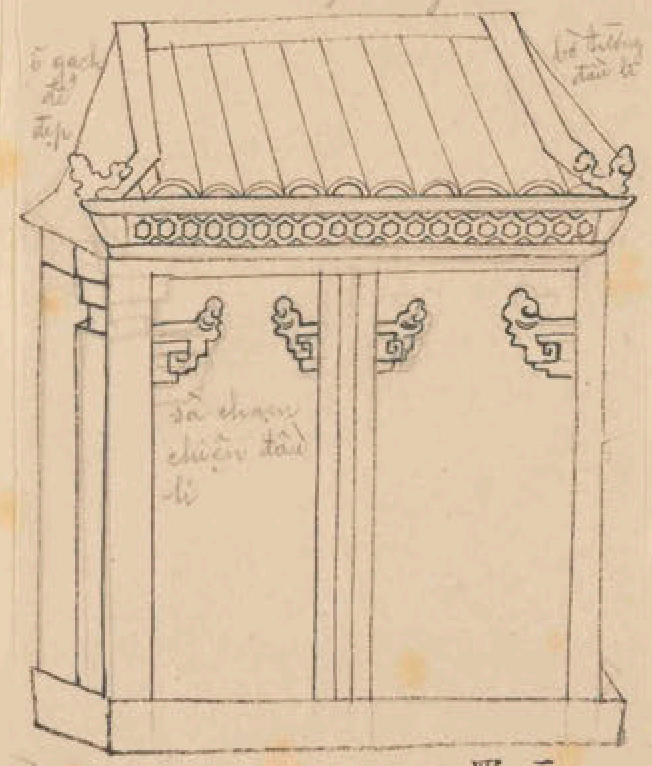

1943

一千九百四十三

皇帝

一千九百四十四

1944

潞槓
芚木́

一千七百六十三

1763

燒芃積朮

一千七百六十二

1762

茄拉藩

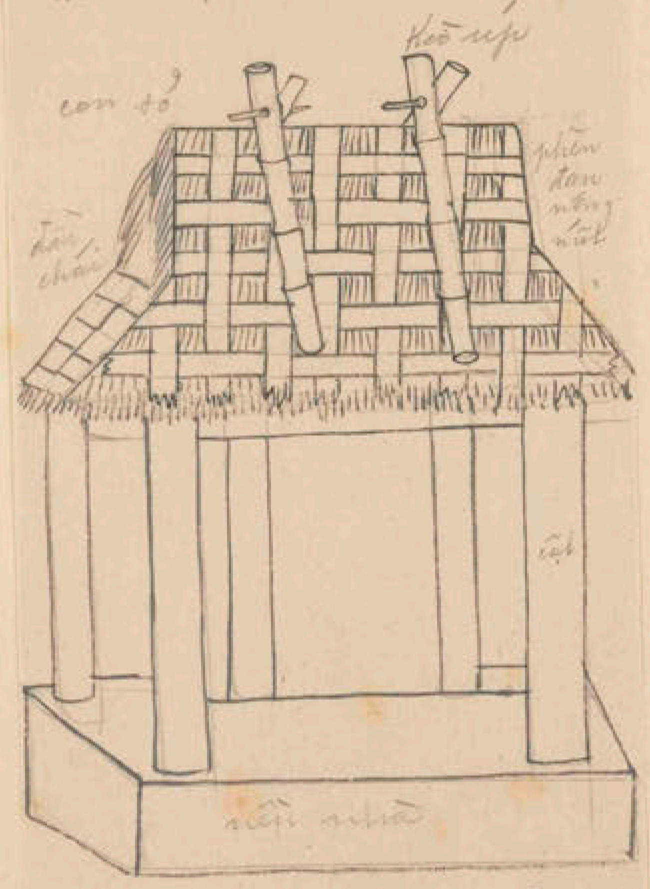

一千七百廿九

1729

山𥶄

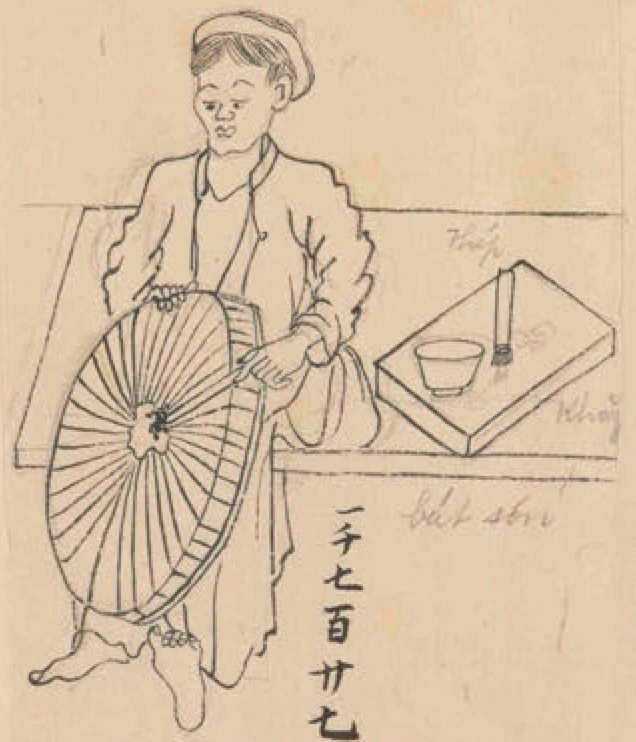

一千七百廿七

1727

另習拎𢧚

一千七百廿八

1728

76 5

Kẹp ngũ chảo
扱五爪
cột
Thường chối
gia kẹp
ghế hở chõn
一千九百四十九
1949

thợ cạo đánh nốt ruồi
儢剳打忽蛛
dao cạo
kim
一千八百五十九
1859
1- lấy kim khêu
2- lấy dao cắt
3- chấm thuốc vào

cắt móng tay người chết để bỏ vào bên săng
khăn chữ nhân
giáy phủ mặt
giao bái
一千九百四十六
1946

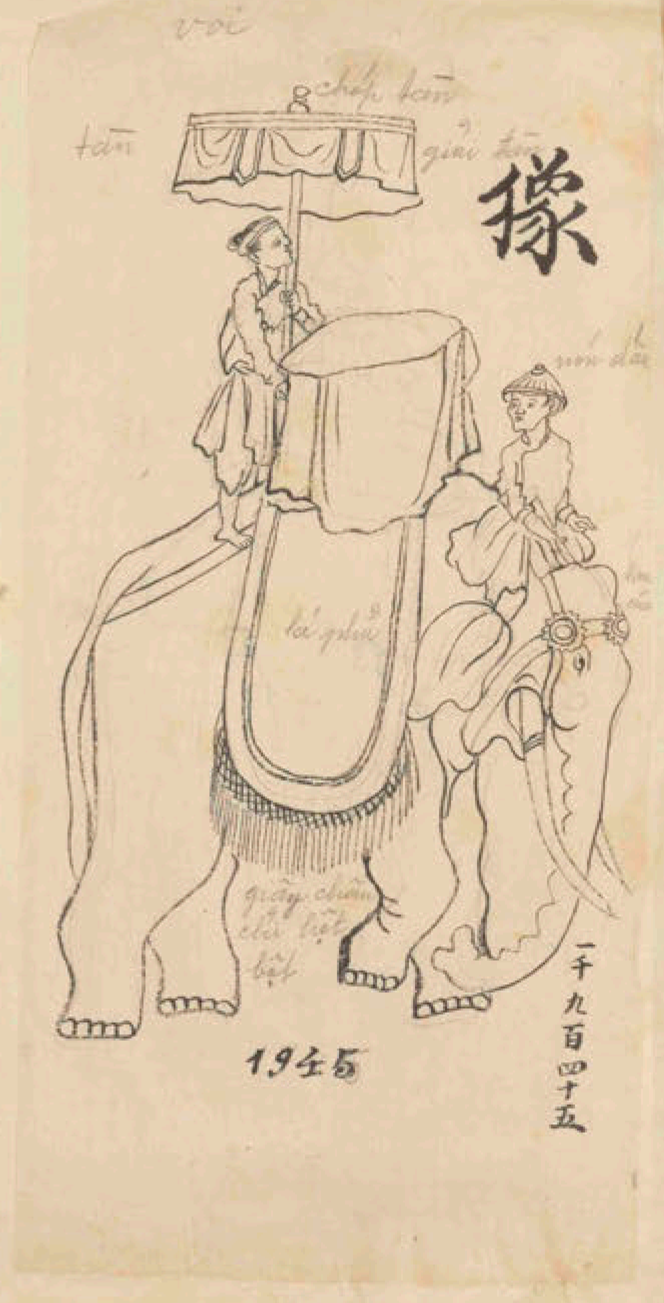
voi
chóp tàn
tàn
giải tàn
nón dấu
tá phủ
giây chân cho liệt bật
一千九百四十五
1945

cống hỉ, say điều, đâm đầu vào hỏi, chổng đít ra sân

貢喜醝醽

一千九百四十八

1948

sơn mạch áo quan

山脉奥棺

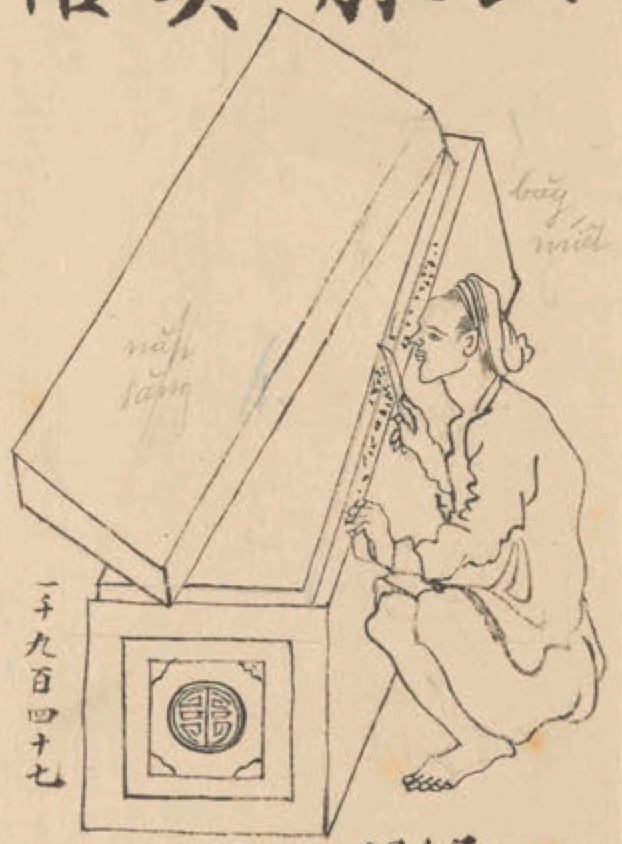

一千九百四十七

1947

nhặt tóc cạo đầu, bỏ xuống ao, cho nó mát mình

扪制頭甗
邆補沕

一千八百六十一

1861

thò bạc đánh đồ bạc bằng hạt chai

僁打圖困
鉑昌鉑

一千八百六十四

1864

767

đưa ma lên đường
迻麻𨖲塘
1874

thợ nề đánh phấn, lấy cái bừa để vào chang với để cho chủ nhà hay đắc ổn
𠏲泥打叉
一千八百六十三
1863

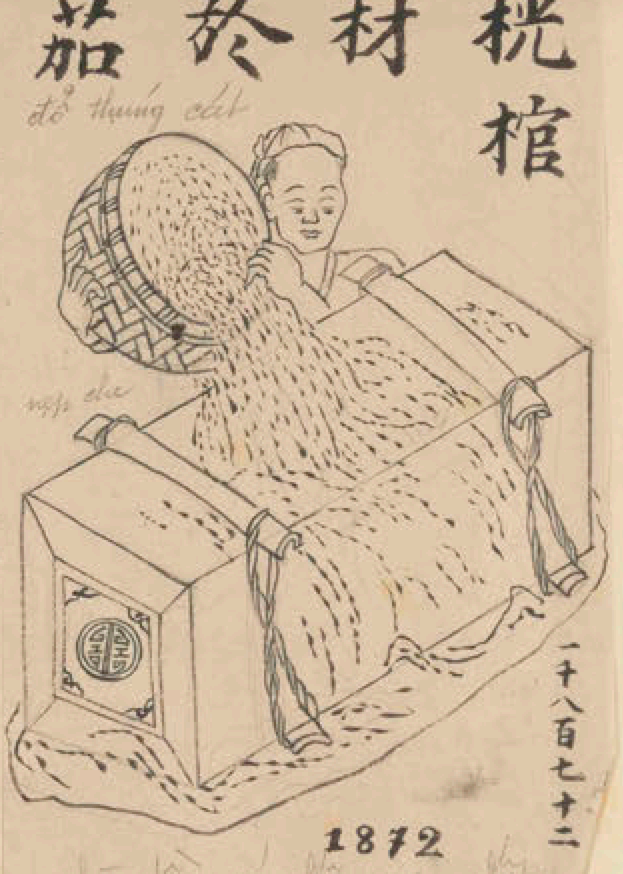
Quàn quan tài ở nhà =
梡棺材於茹
đổ thúng cát
一千八百七十二
1872
nhà dầu, có bố mẹ chết khó miền chôn ngay, cứ để ở chung nhà rồi lấy cát đổ lên để vài ba tháng hay một năm để
mổ chắc bố làm ma to

Đội nón cò-gỉnh đưa ma
隊𥶄鴑梗迻麻
chóp nón
一千八百六十五
1865

thái đậu nắm để làm bánh hú

太豆捻底爫餅煦

一千八百六十八

1868

1- thổi cơm đậu
2- đã nhỏ
3- nắm lại rồi thái

bếp lò đứng, xây bằng gạch

佊炉𨅸

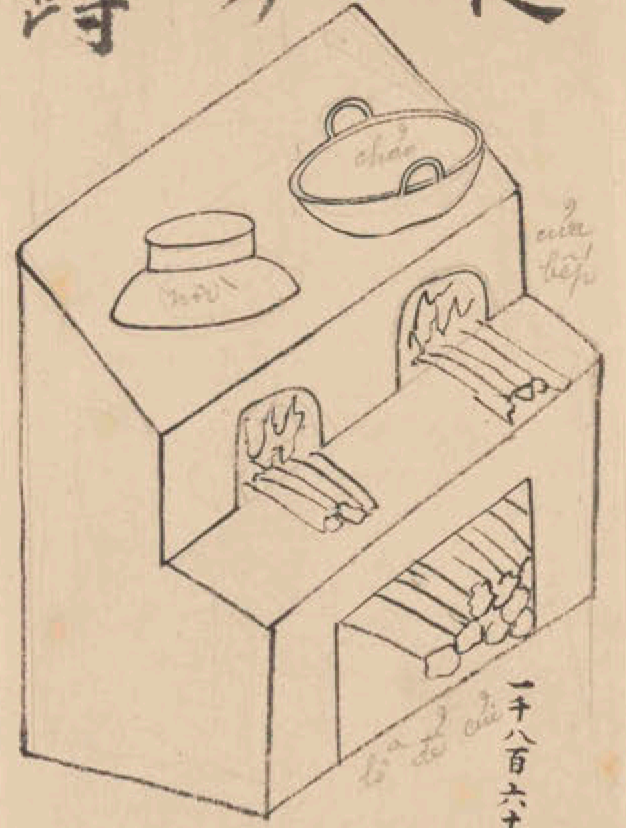

一千八百六十六

1866

ông sư quì, tụng kinh

翁師跪誦經

一千八百六十七

1867

Sư tử đá để người ta xây lên cột đứng chơi, hay là bầy ở ngoài sân cho đẹp

獅子砢

一千八百七十五

1875

ông Độc cước - ông này là ông tướng giúp ông thầy pháp, hay lấy gậy thần chuộng xuống sông để
獨踋
ông Độc
一千八百六十九
1869

Đánh sênh cầm hiệu đưa ma, nó đi đặt lư để ngh khiêng sống theo sic nữa
打笙拎
號迻麻
sênh che
đánh mặt tiếng thì bước một bước
一千八百七十三
1873

Thầy pháp thư phù chữ tốc, để làm lưu sai âm binh
茱法書
符𡨸速
nến hương
一千八百七十
= bảo các âm binh đi về mau lên
1870

Sư chắp tay lên ngực để sắp đọc kinh
師
執𢬣蓮嶷
áo Thụng
一千八百七十一
1871

770

爐盤橄
諫莧
泊底湛

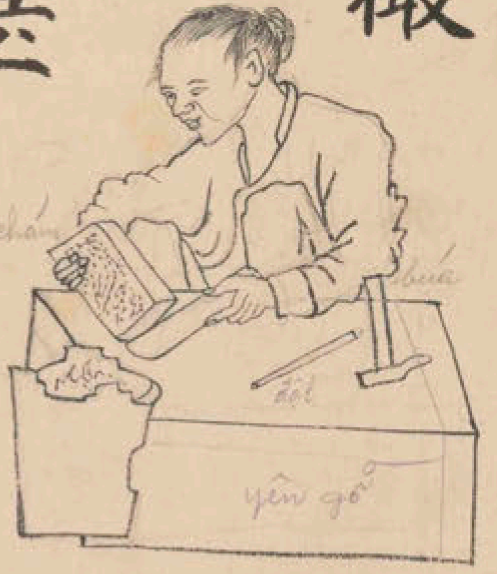

一千八百五十二

1852

掍𡛔
打
𣯡眉

一千八百五十一

1851

𠐞鉑
湛矯

一千八百五十四

1854

𨄴劍鉑

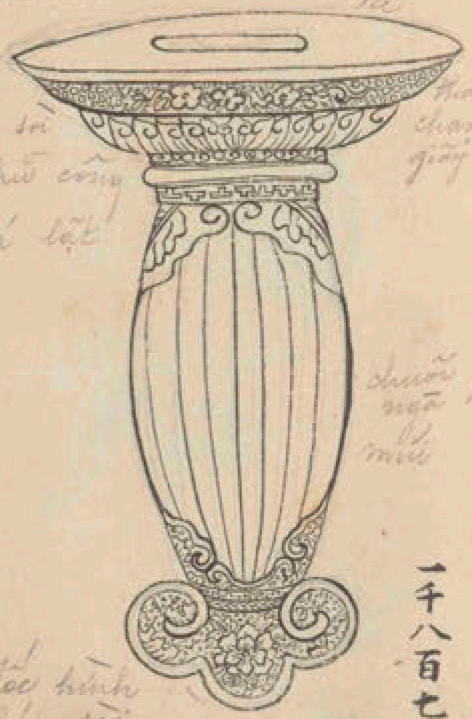

一千八百七十六

1876

quan án sát

官按察

二千三百九十二

2392

---

quăy cần cá ở sông

lọ hoa bằng bạc

ngắn hộp bằng bạc chạm

𨇜 儷

𠏲泊
厜矯

thợ bạc vẽ kiểu

chấp chữ nhật

一千八百五十三

1853

giây câu cá ở sông

綀句
𨉟淹

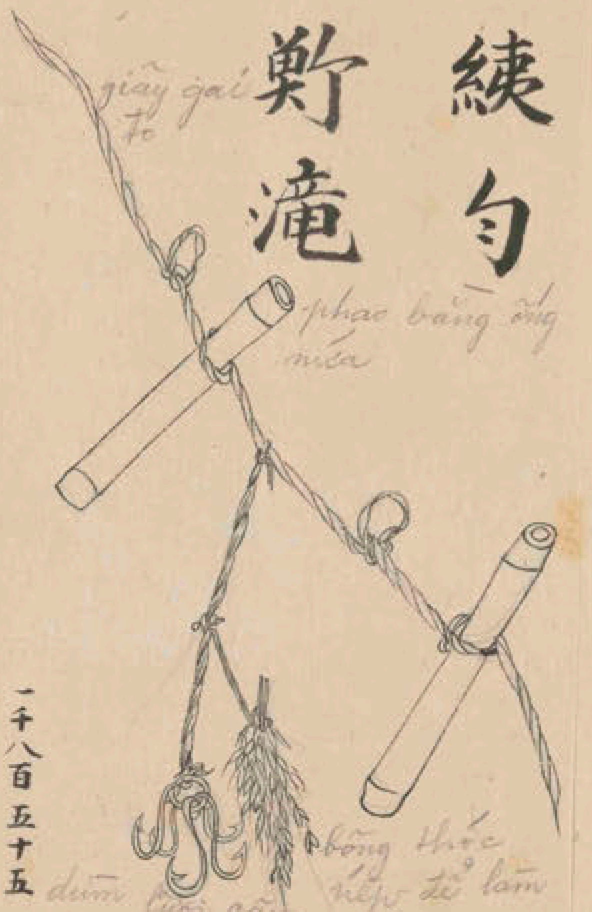

一千八百五十五

1855

lọ hoa bằng bạc

垎花
朋鉑

一千八百五十六

1856

ngăn hộp bằng bạc chạm

垠挾
匣
朋鉑

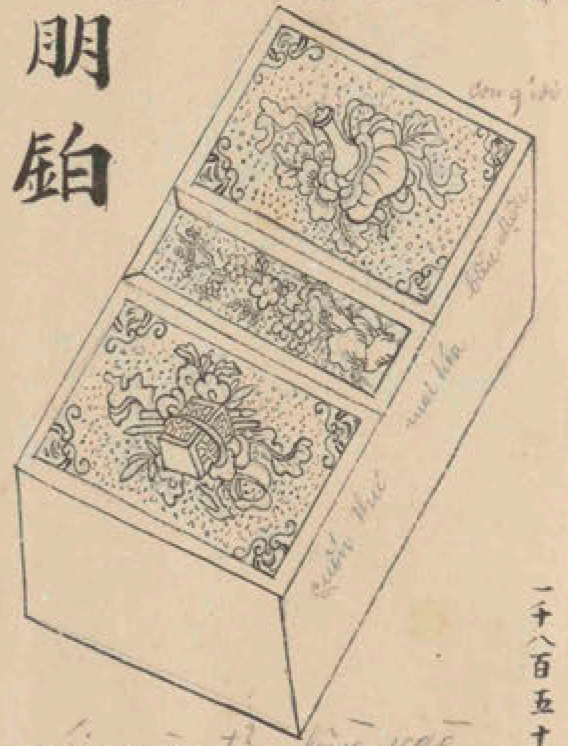

cái máy để lồng vào ngăn chấp chữ nhật để dùng đóng ấn

一千八百五十七

1857

772

祭藉田

Quan annam tế Tịch Điền

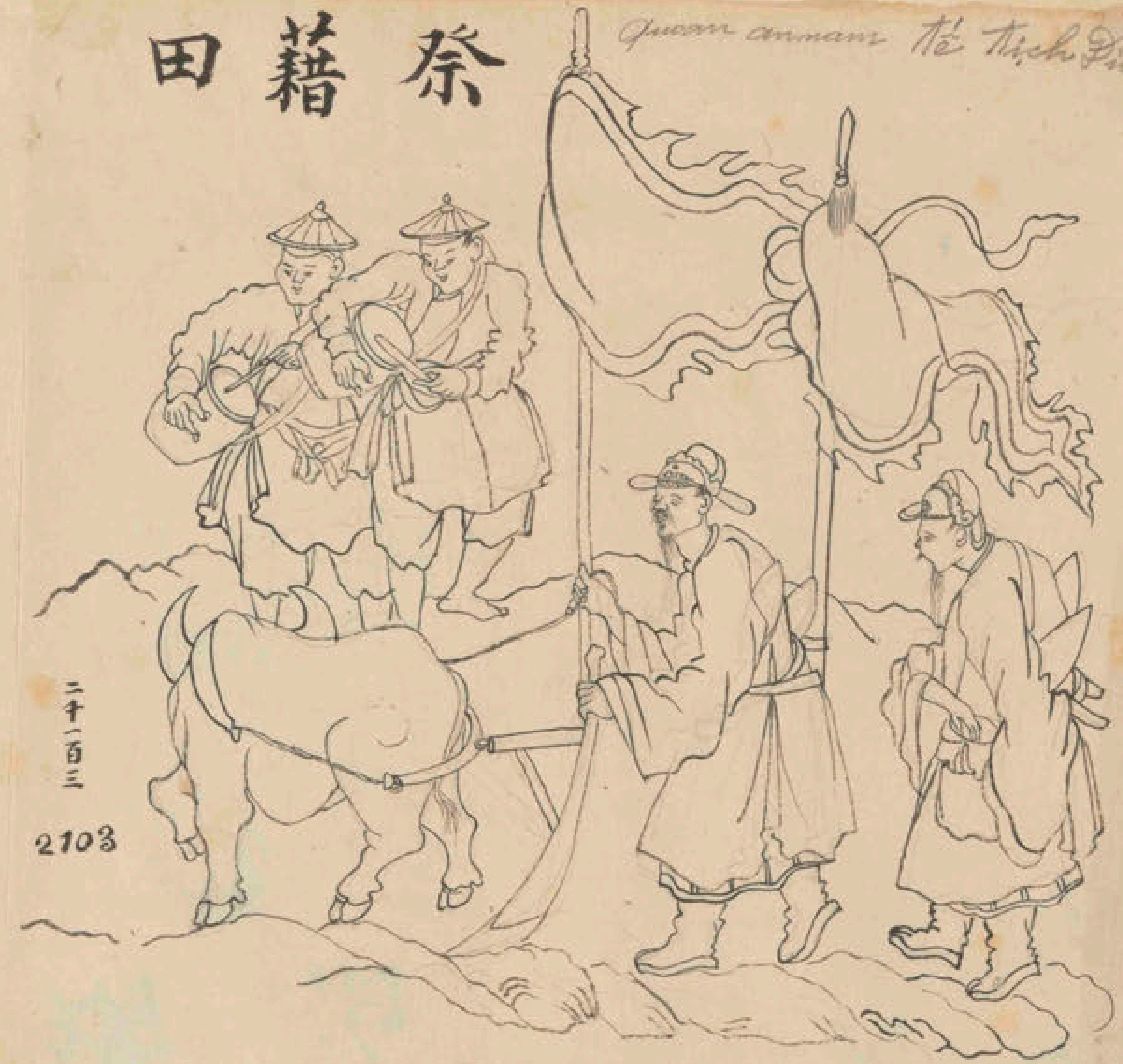

二千一百三

2103

㑥縣解囚衛省

Lính huyện dẫn tù lên tỉnh

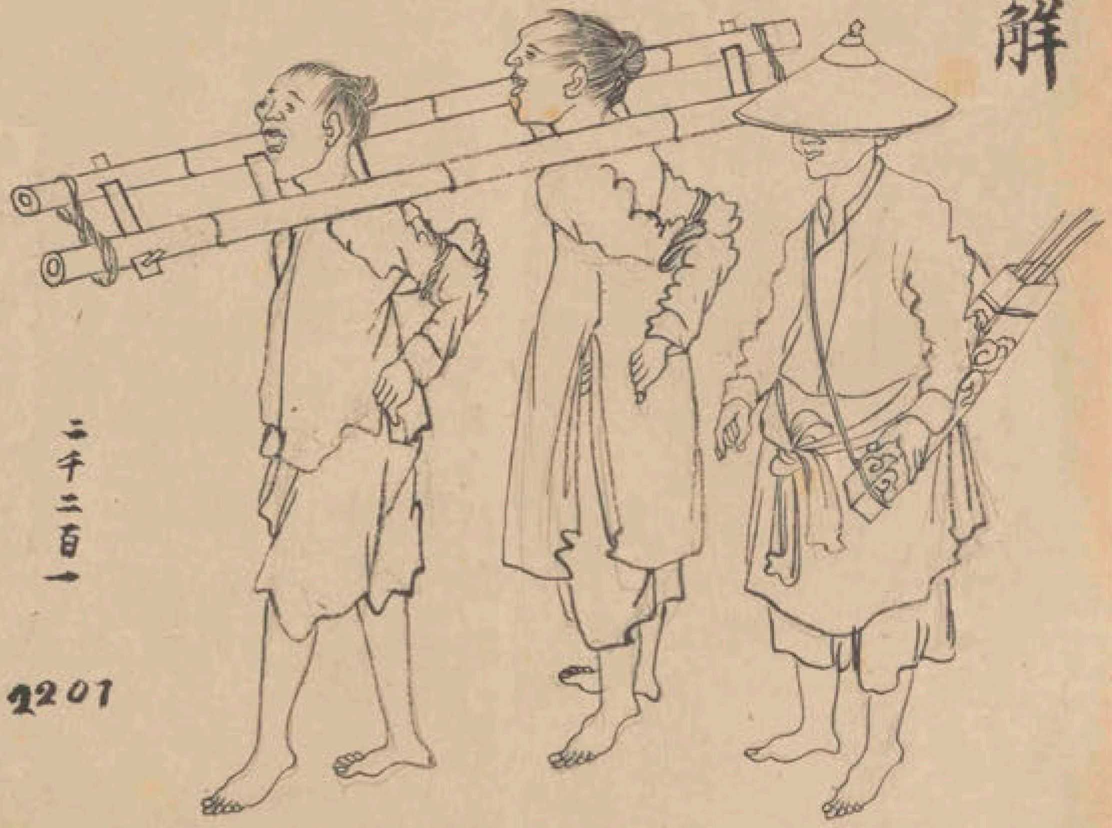

二千二百一

2201

湛趍另

耞摶

一千八百十三

1813

茴莧⿰扌希

一千八百三

1803

湛趤另

1820

文官龐

一千八百十九

1819

Đập đầu ăn vạ

揸頭唛禍

二千五百二

2502

thầy pháp chèo đò lạm chày

柒法梛渡
𠃩坛齋

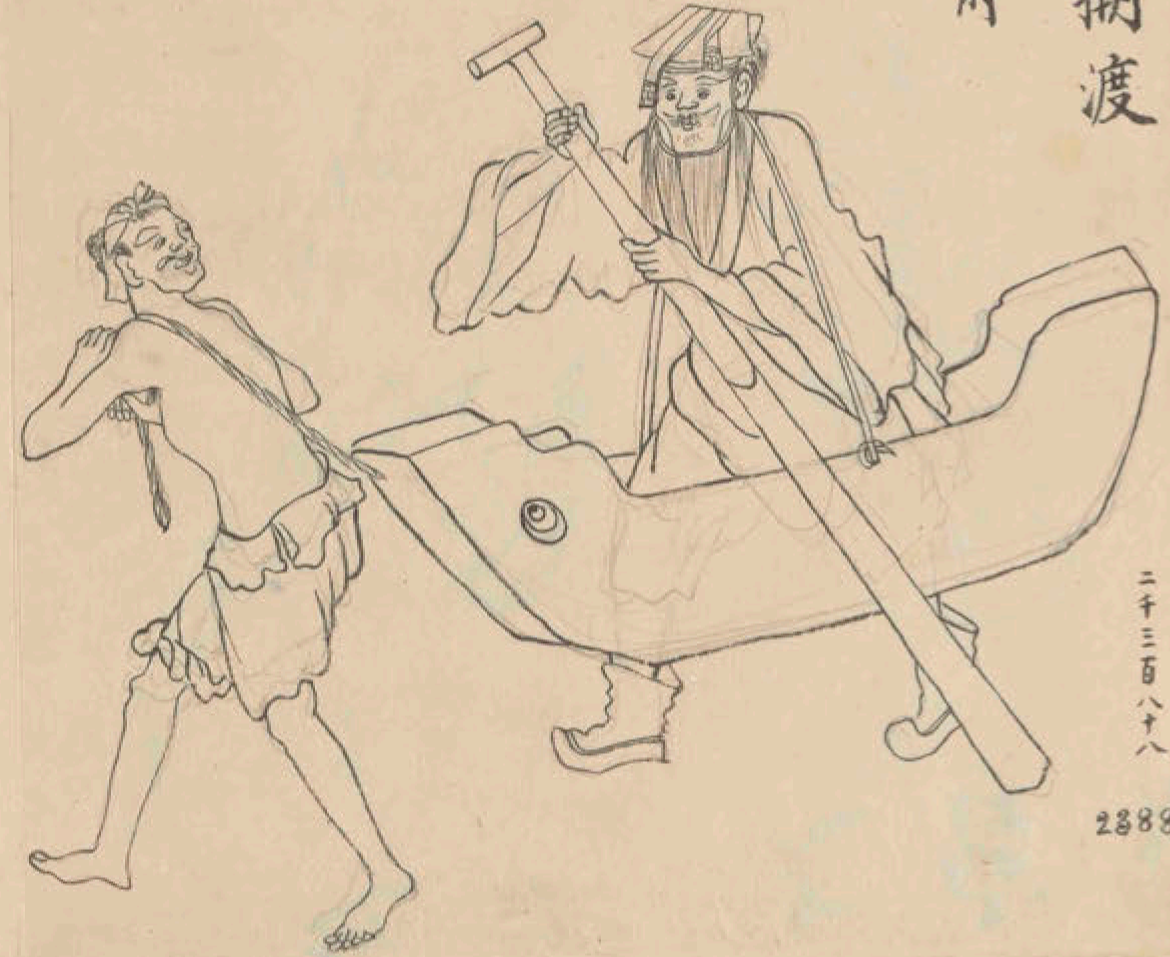

二千三百八十八

2388

挹缸籤底嘙饒

一千八百十四

1814

趍夵湄

一千八百十五

1815

焠𦲿籤

一千八百十六

1816

毀頎糧

一千八百十七

1817

cầu ngọc sơn

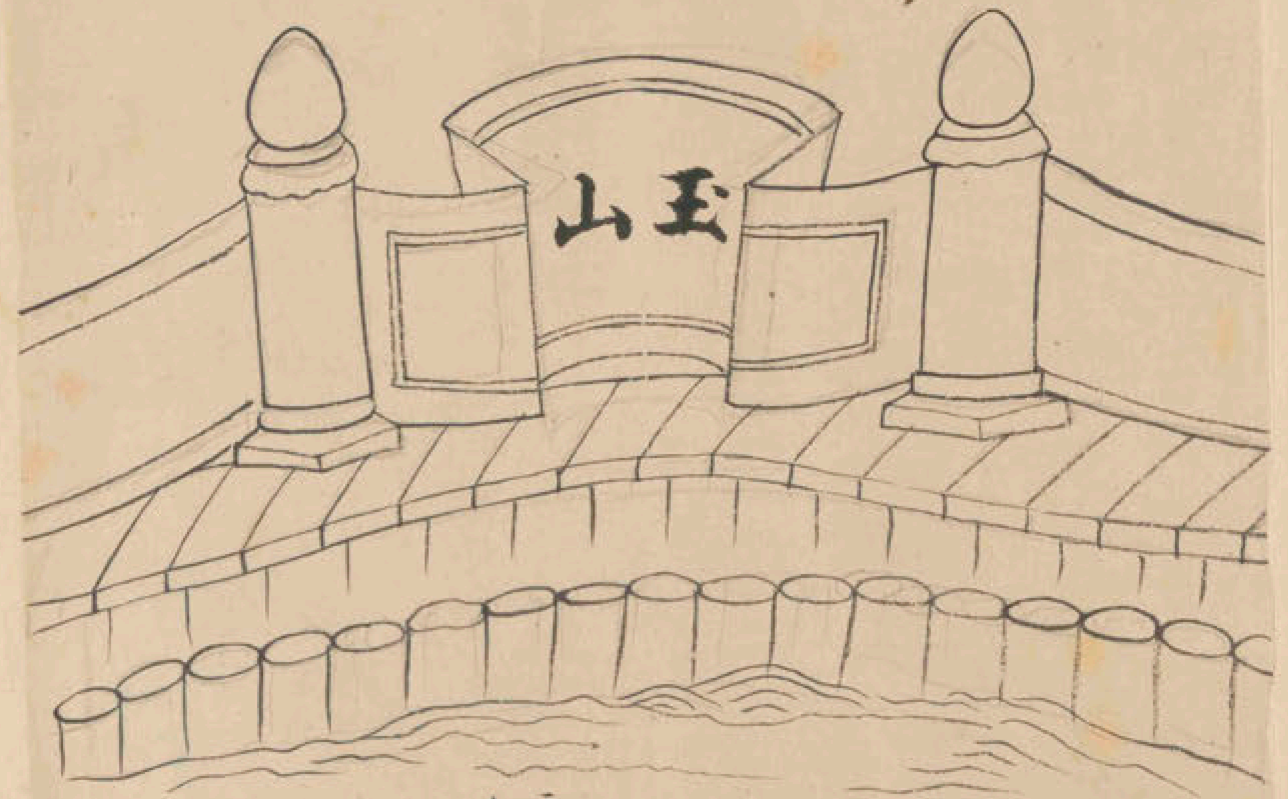

2294 二十二百九十四

橫匾山[illegible]柳鴈

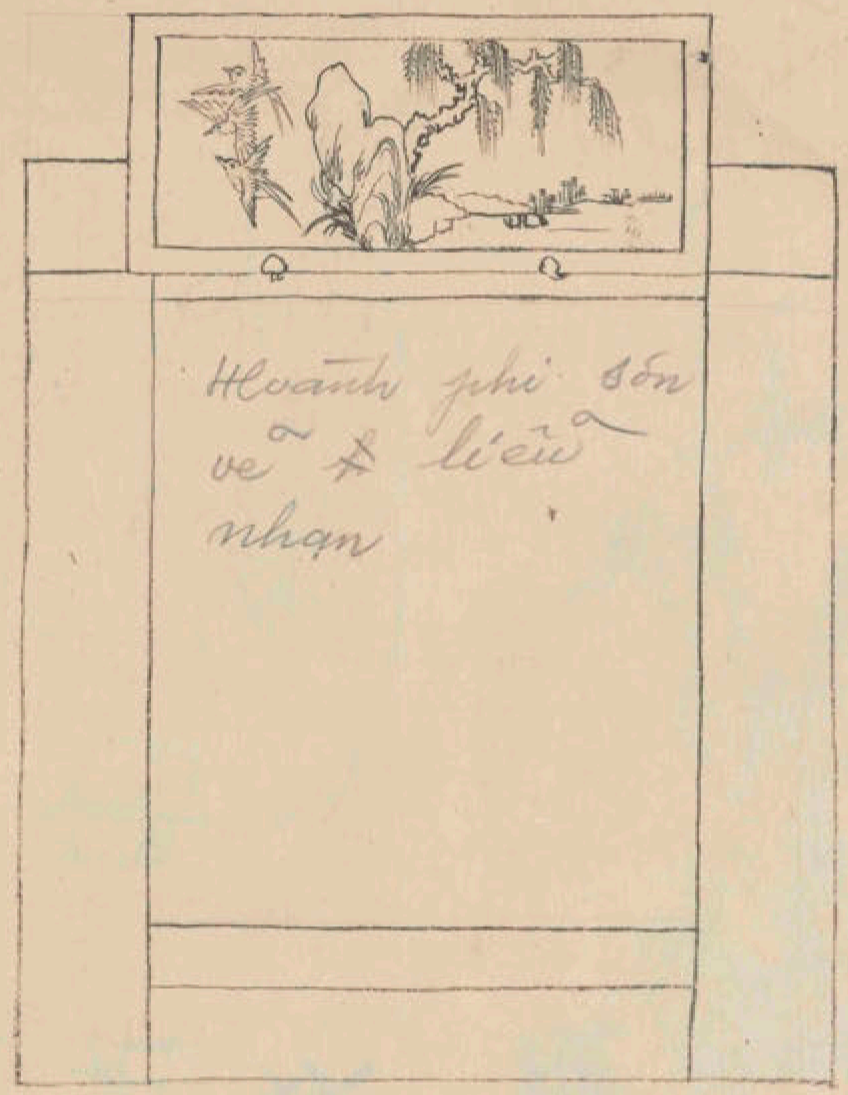

二十五百四 2504

扱 簸 尋

扱 簸

姑 隊 簸 古

2294

二千二百九十四

扱鋑籤乂

cạp vành nón nghệ

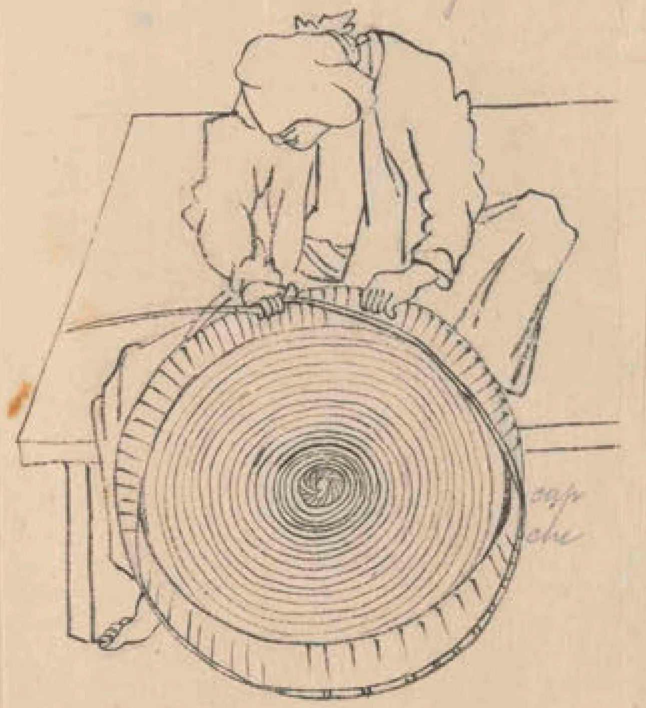

一千八百九

1809

扱鋑籤巴尋

Cạp vành nón ba tầm

一千八百七

1807

光油籤許

Quang dầu nón dứa

一千八百十

1810

姑梚隊籤古

cô đầu đội nón cổ

一千八百十一

1811

虎

bàn thờ ông hổ

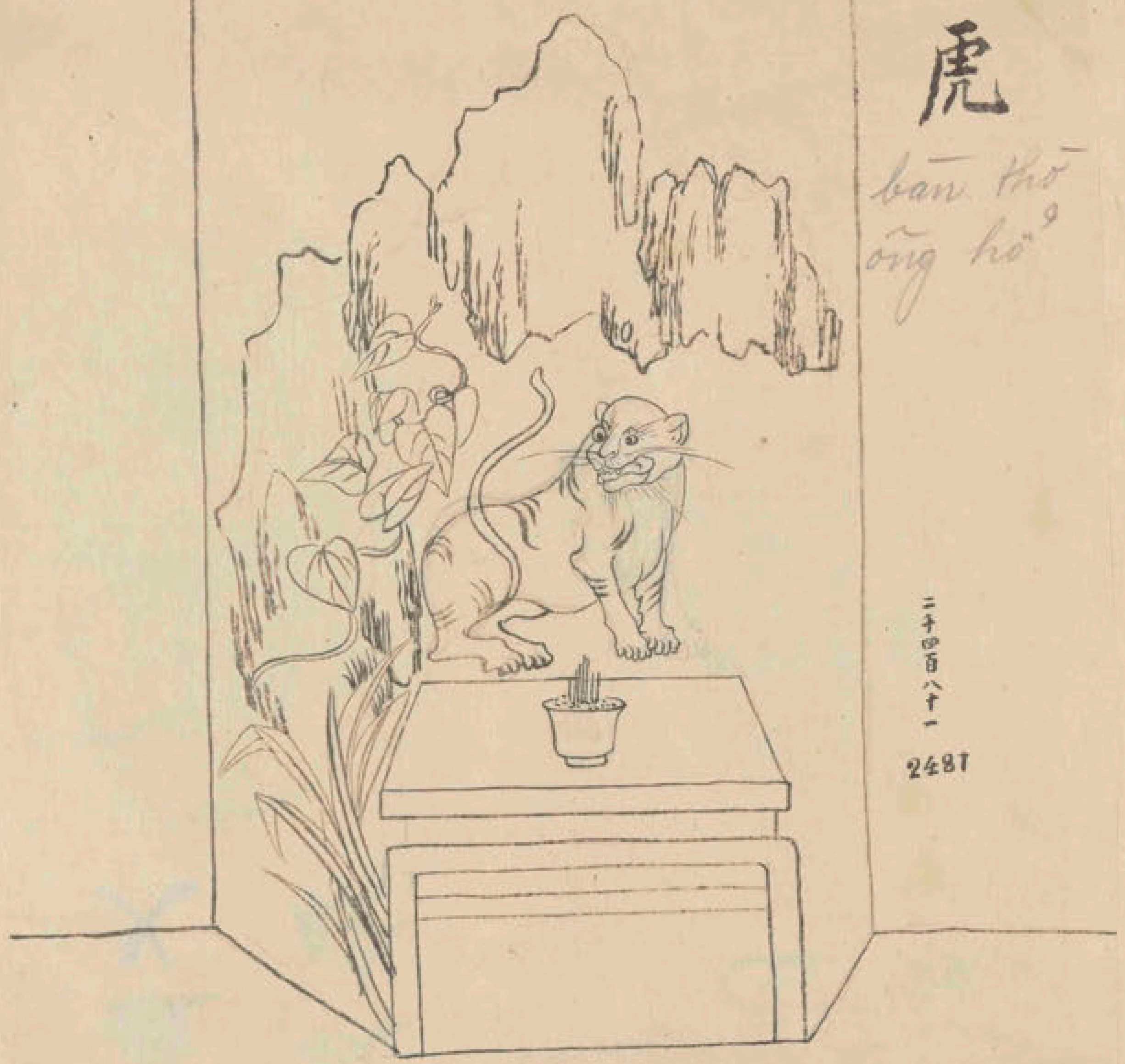

二千四百八十一

2481

烟鉄

Đèn bằng thiếc

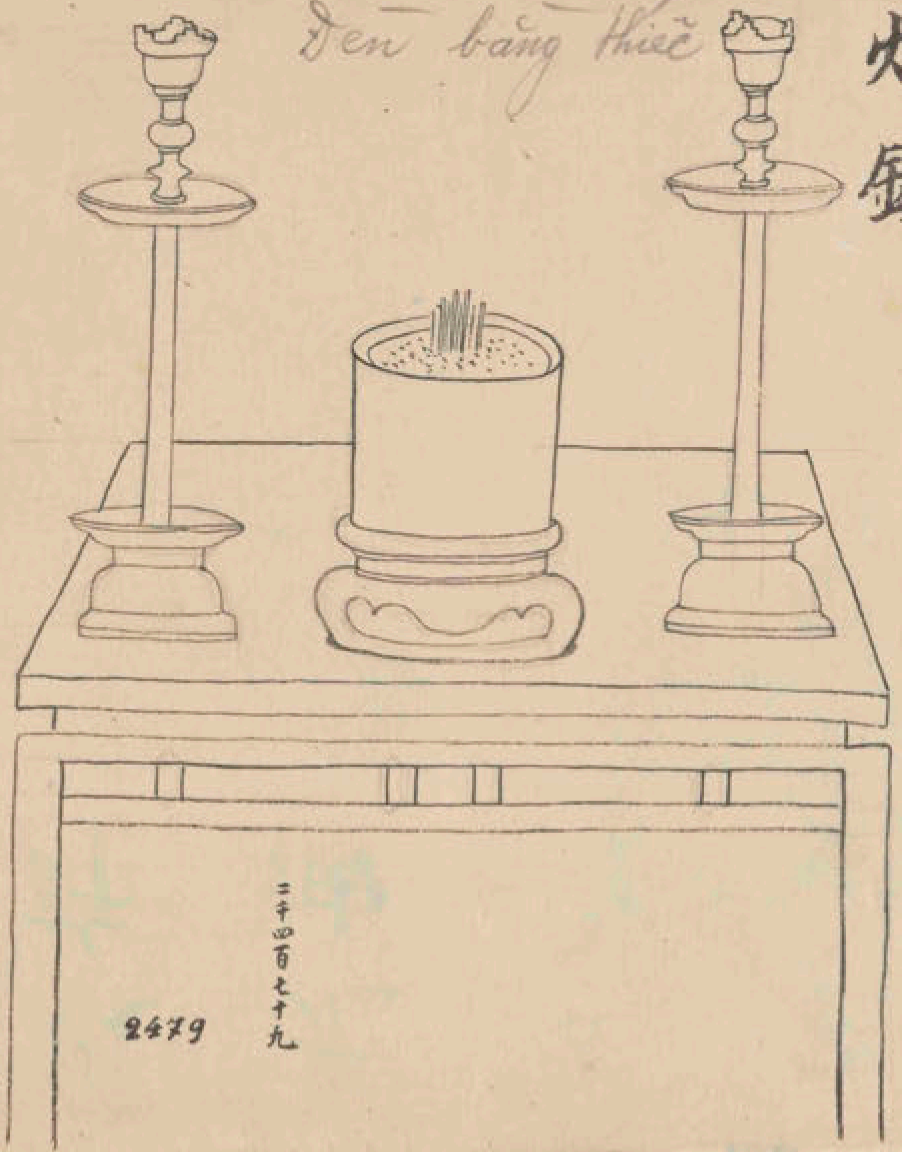

二千四百七十九

2479

打𠀧棶

đánh ba que

2479

打𠀧梂

đánh ba que

一千七百五十二

1752

1- nó cầm ba cái que
1 cái có giây chỉ buộc
2- nó đố 3 cái que ấy
ra, ai bỏ tiền vào
đúng cái que có chỉ
buộc thì được ăn tiền,
vào que khác
thì mất tiền

半芼

一千七百五十一

1751

776

太⿰木萌底⿰火配

Thái mang để phơi

二千五百

2500

坶⿱白卯

Muối chúng

二千五百五

2505

Quàng quai nón

挑捧篾

巾栖

一千九百九十五

1995

Đại tang đội nón tu lờ

大喪

隊篾

修驢

一千八百十二

1812

Hương án để bày đồ thờ ở chùa ngọc sơn

香案

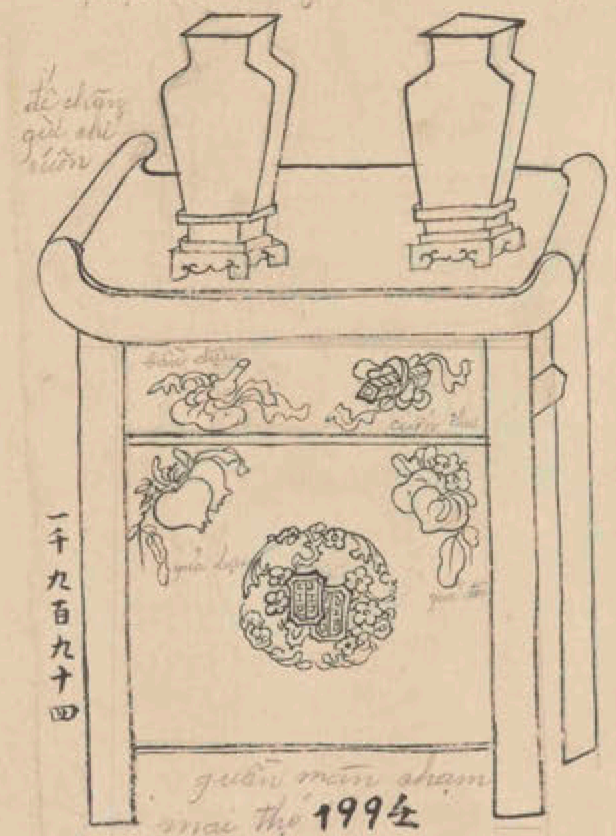

一千九百九十四

1994

Cầm ống hạt tiêu bằng nứa của hàng nhục phẩm

捡昌消

甕

一千九百九十三

1993

777

Đàn bà sắp mắm hoài thì múc nước để đè cho trong

婶婆拉滿㳥辰擕渃底生朱㩗

二十三百八十四

2384

Khiêng chum

擑轎

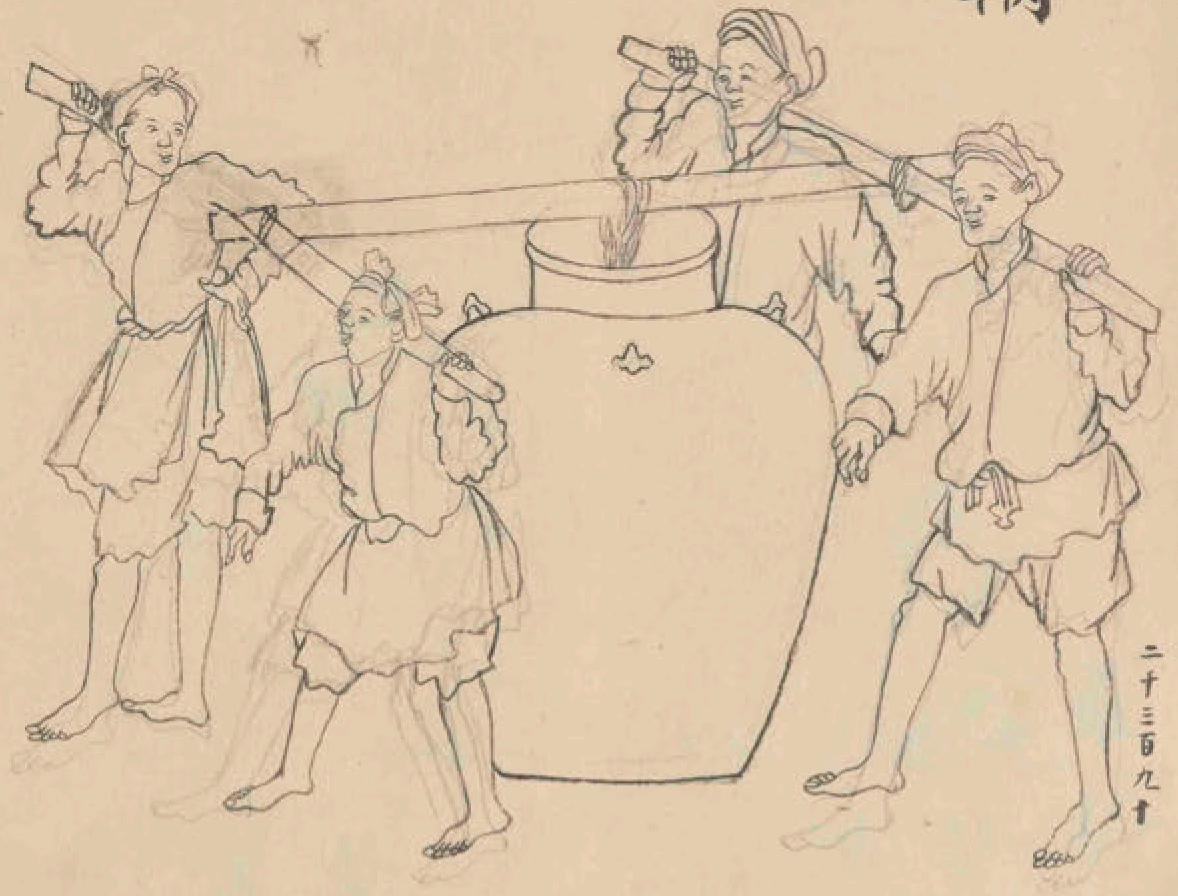

二十三百九十

2390

縸厭侍

buộc yếm giải cho con

打底茄

tính bình

僁菓襖

2390

纀厭侍

buộc yếm giải cho con

一千五百八十一

1581

打坪砅
底主
茹疠䏧

đánh bình vôi để chủ nhà đâu dùng

一千五百八十六

1586

㑏枚
莧
襖

thợ máy là áo

一千六百二十

1620

凡眼白珠有紅
絲微痛者宜
用青散藥治
之芎用荊防湯

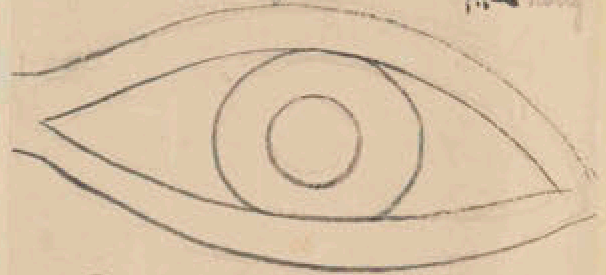

Hễ lòng trắng con mắt mà có tia mắc đỏ, bị mà đau thì dùng thuốc bột tán nhỏ để nhỏ vào. Phải dùng cây Kinh và cây phòng để mà hoà vào mấy thuốc [illegible]

778

翁師招幔蓮琨蜅

二千三百九十五

2395

連官𡬷双鸞
趍祭

二千二百八

2208

Tháng tám rước đồng

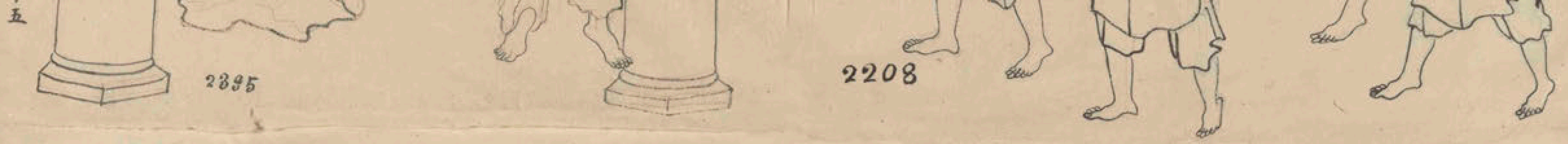

Chang tam rước dông

ngữ: có bệnh lao chết. thì để ăn gà dưới giường
mượn ngữ: khác họ chém
con gà

得固劳䓖
辰底琨鴐
䶒麻曼得
恪户刼琨
鴐

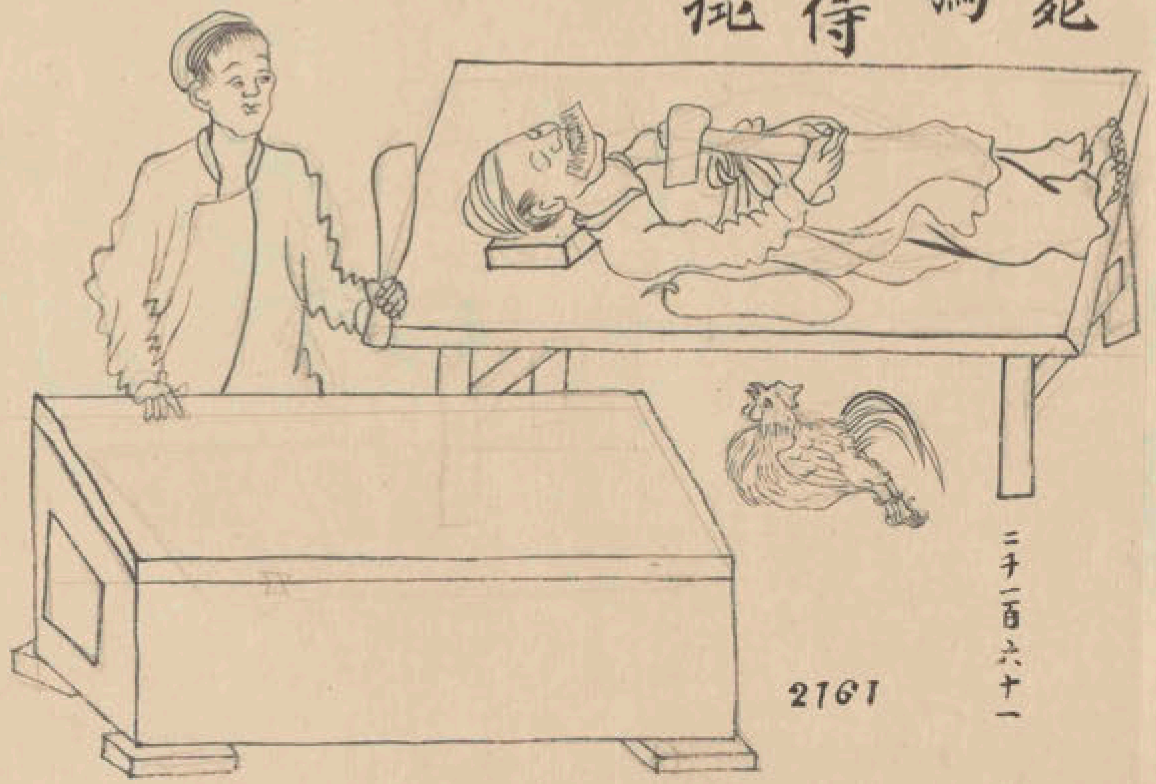

二千一百六十一

2161

Song loan

雙鸞

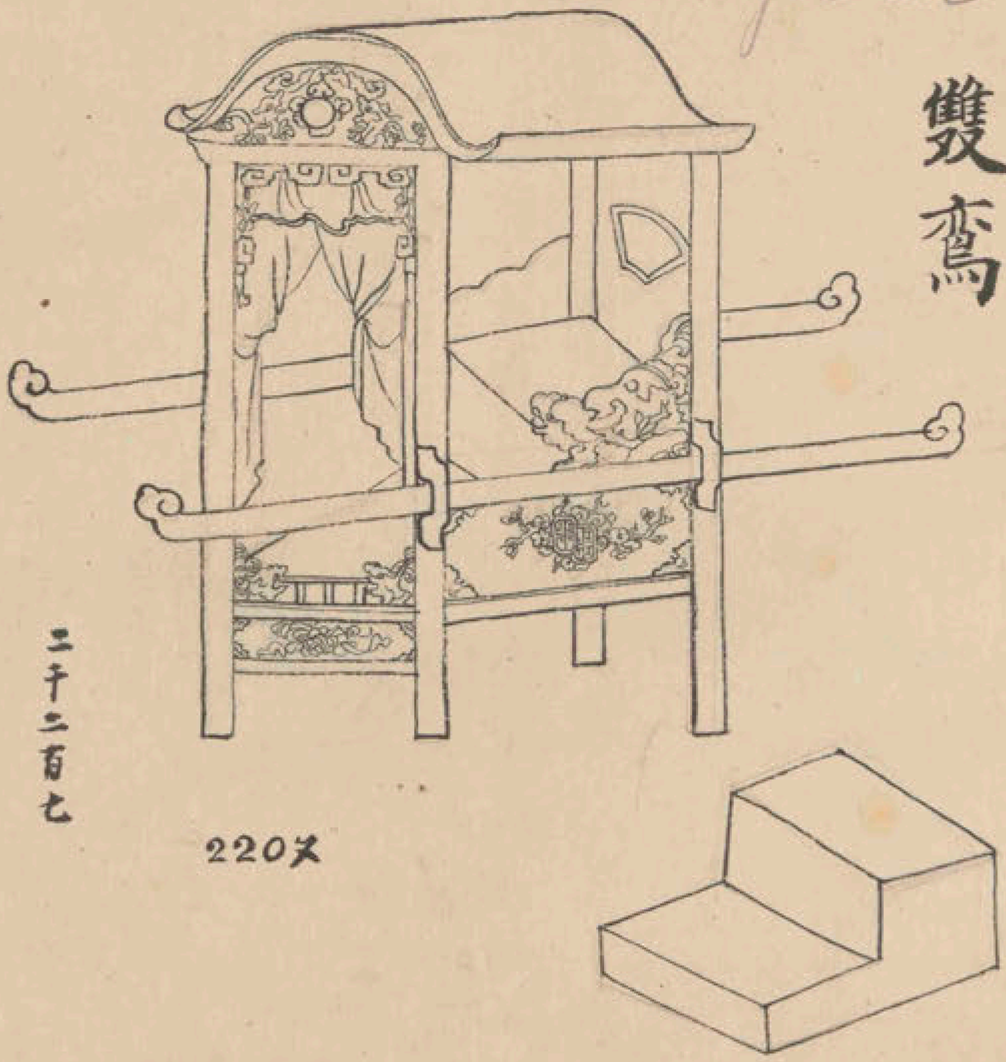

二千二百七

220x

背面圖

Bối diện đồ =

正面

Chính diện =
ngay chước mặt

眼形圖式

2161 百六十一

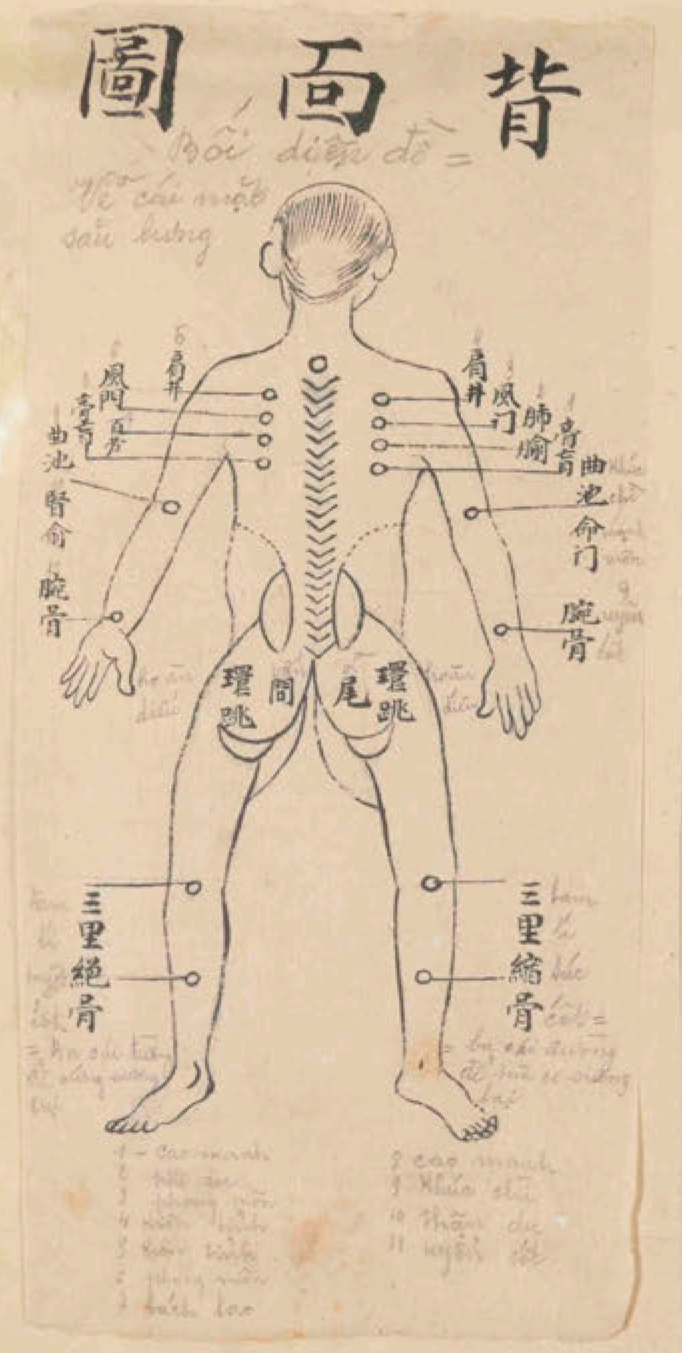

背面圖
三里
絕骨

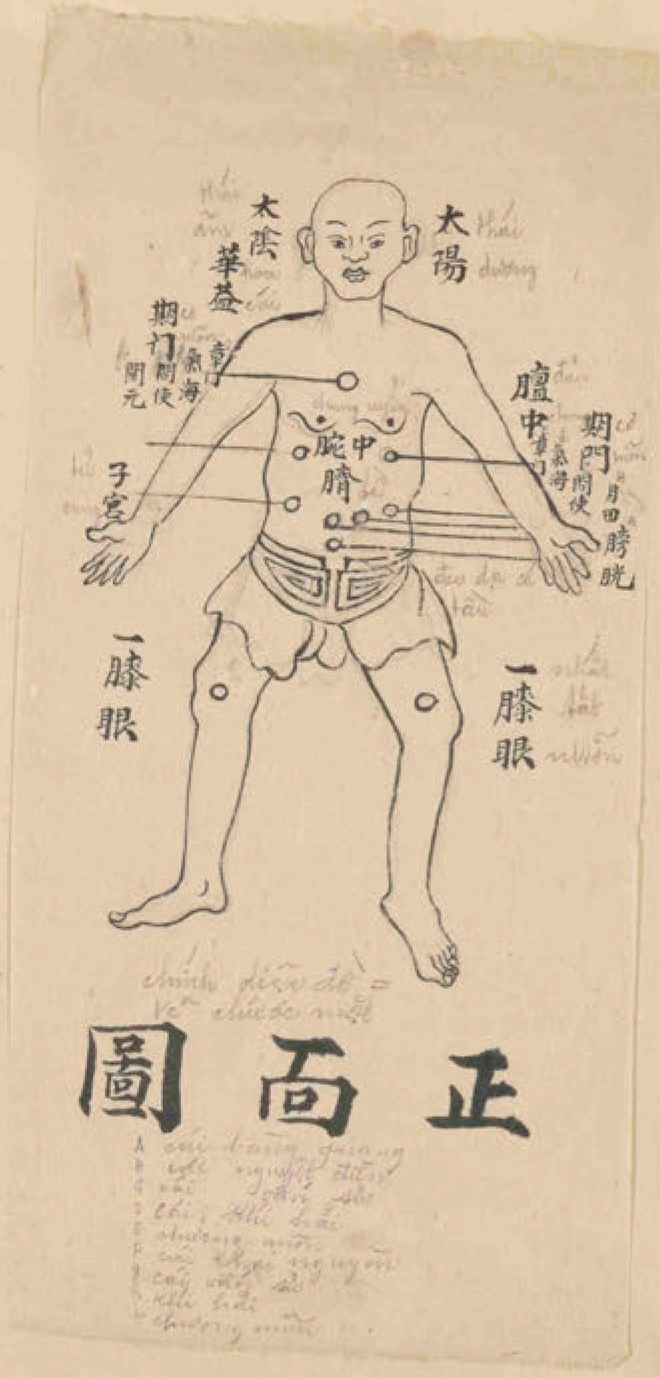

太陰
華蓋
太陽
期門
膻中
中脘
臍
子宮
一膝眼
一膝眼
正面圖

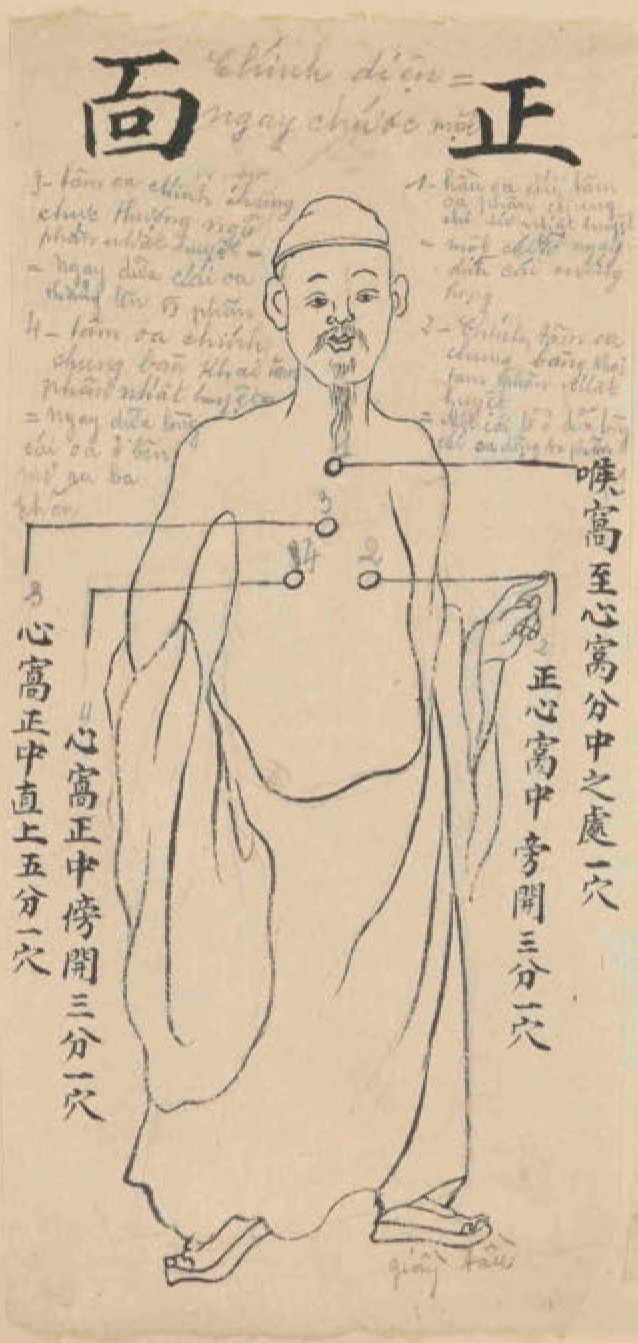

正面
喉窩至心窩分中之處一穴
正心窩中旁開三分一穴
心窩正中直上五分一穴
心窩正中旁開三分一穴

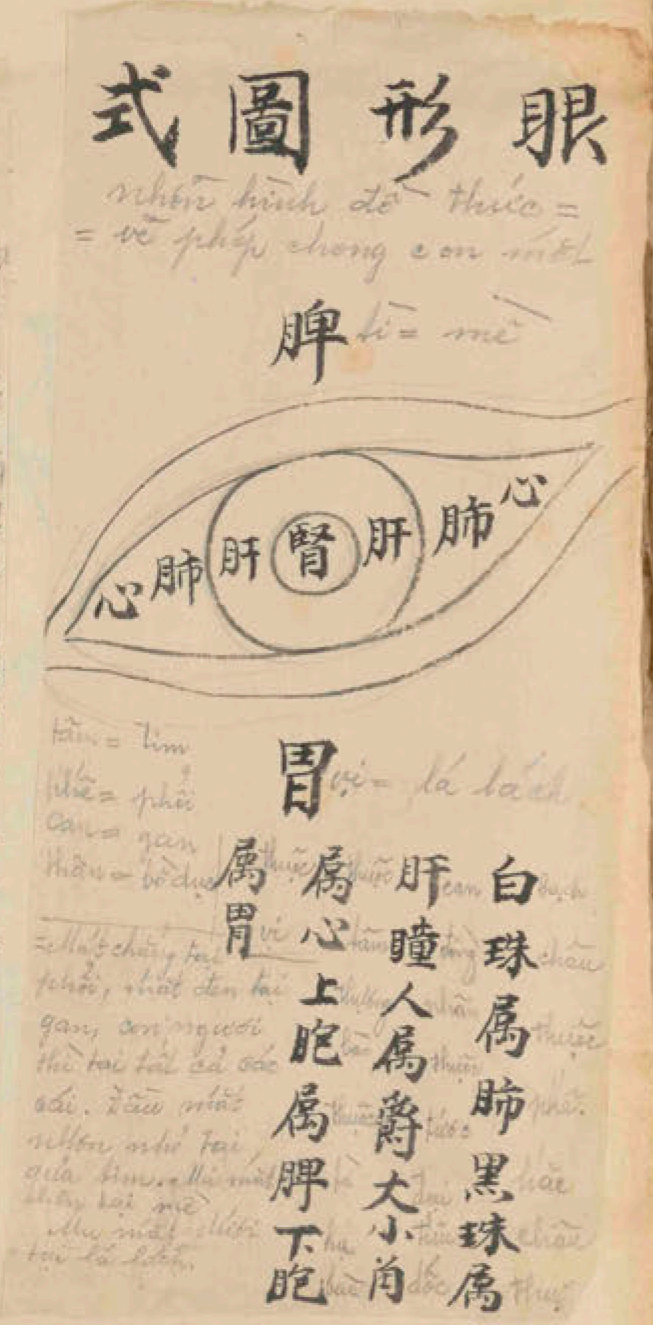

眼形圖式
脾
心 肺 肝 腎 肝 肺 心
胃
白珠屬肺
黑珠屬肝
瞳人屬腎
大小眥屬心
上胞屬脾
下胞屬胃

廟 miếu thờ các bà cô

麻胆送多三像

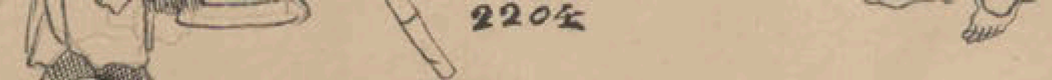

220

廟

miếu thờ các bà cô

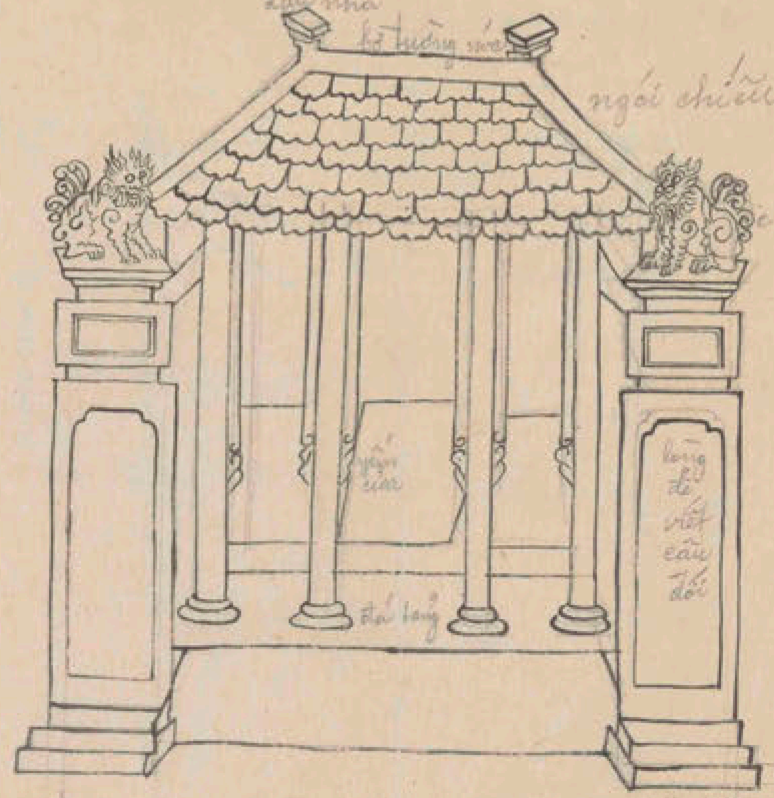

一千七百二十

1720

傢三多逡胆麻

tượng tam đa đưa đám ma

1725

一千七百二十五

781

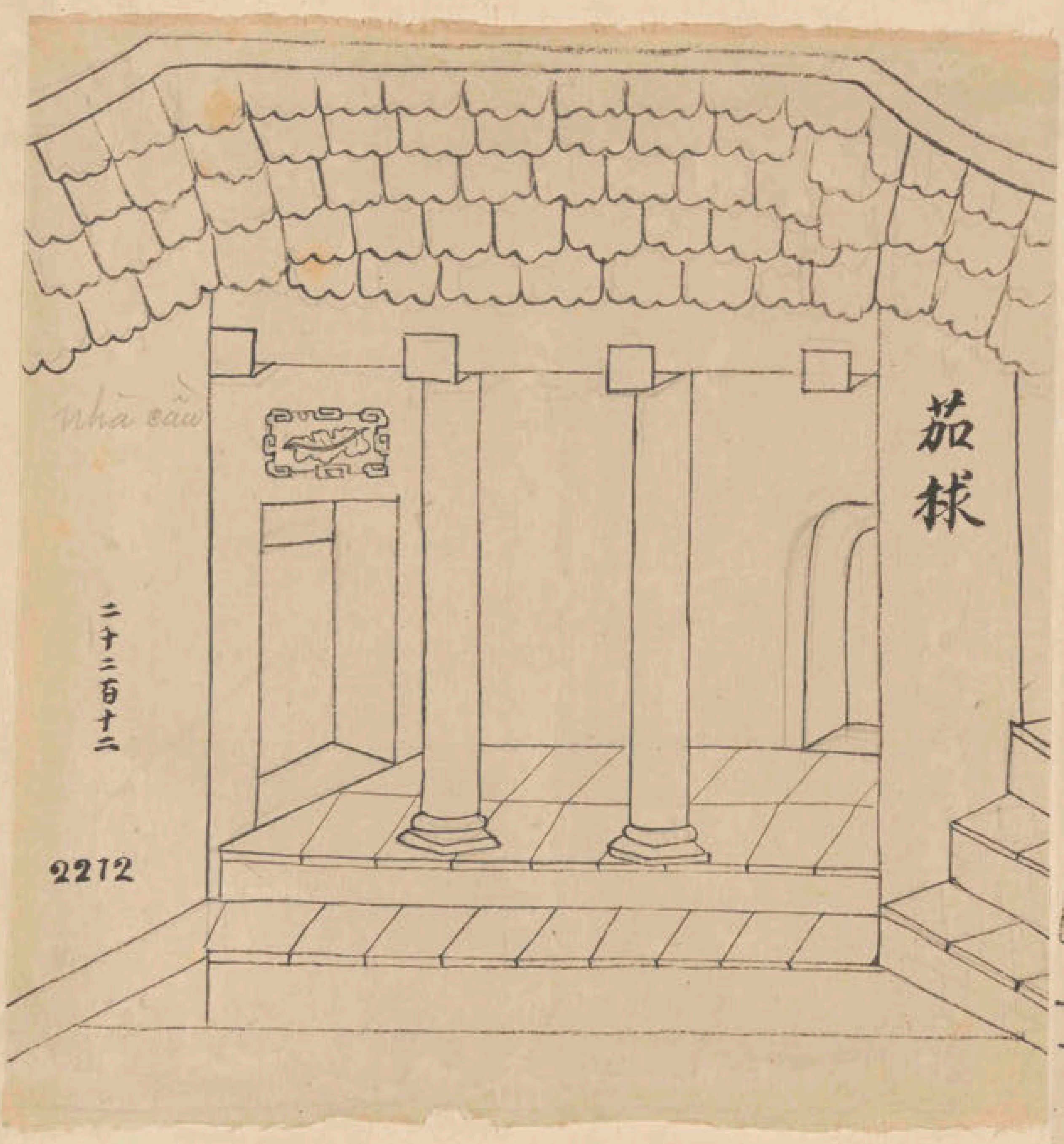

挑庥點窩形

Khâu bản điểm ra hình
= hình to cho hình đi Khâu

盘猝捶胆麻

Bàn lợn quây đám ma

甬縫

phùng dốc

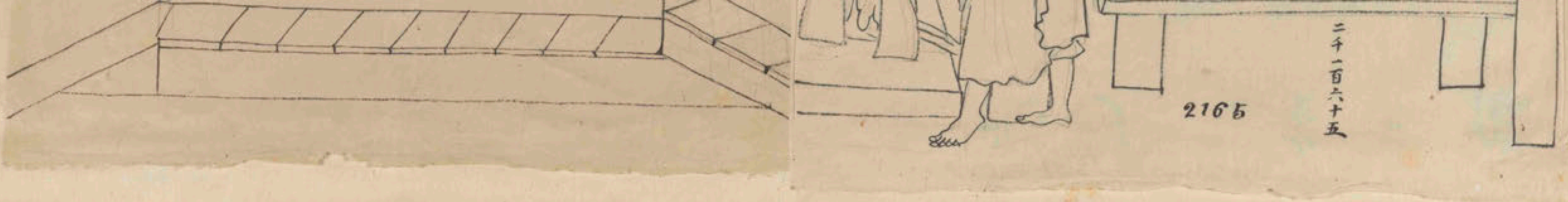

2165

二千一百六十五

挑痲點窩形

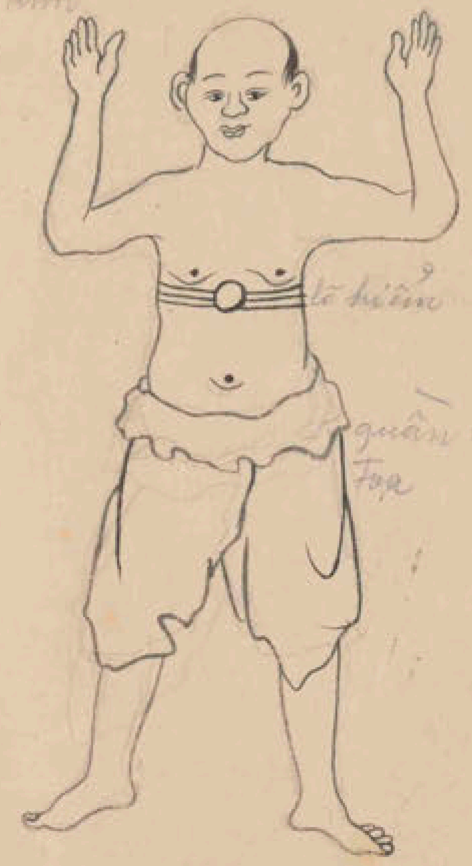

盘狢揷胆麻

一千七百二十三

1723

縫工甬口

一千六百二十一

1621

phủ soát tế vật

俯察祭物

二千二百十四

2214

thầy phắp chị huyệt

柴法治穴

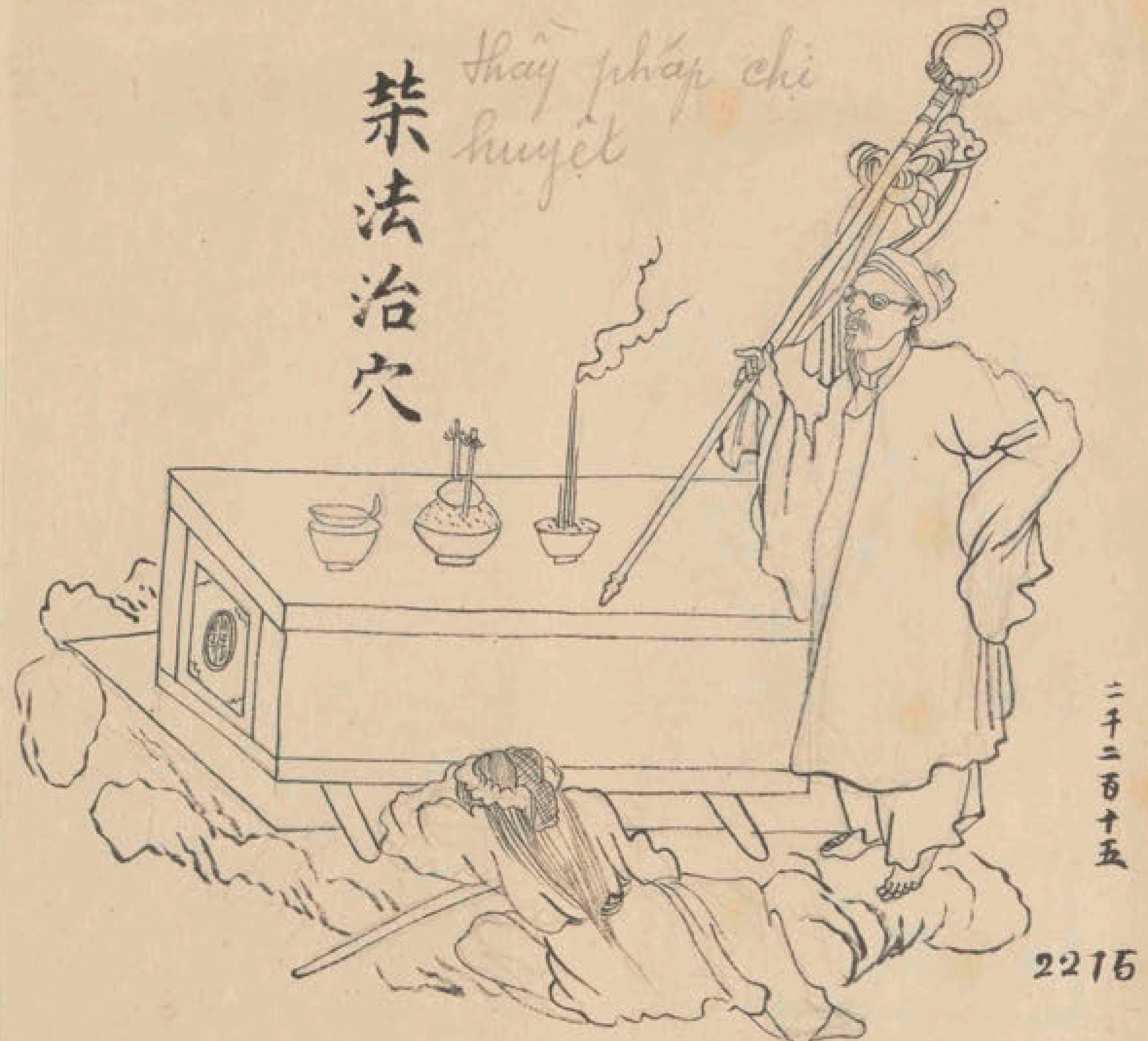

二千二百十五

2215

đi chủ vào bao để thờ

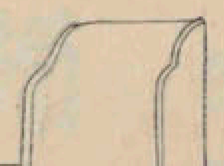

獅子朋菓送麻

Sư tử bằng quả dừa [illegible]

đùi bằng quả dừa [illegible]

[illegible]

dõng khoai sọ

底主
包包

一千六百六十二

1662

獅子朋菓迻麻

一千七百廿四

1724

蝇豁

一千八百二十九

1829

để ngồi chết xuống đất lấy khí thiêng

底得𣩂𨑜坦𥘷
氣靈

二千二百八十三
2283

chay đàn

趍坛

二千二百八十一
2281

帽 [illegible]

儍 𥘷 𦧘

hủi ăn thịt

蝩荒
楣

一千八百二十三

1823

方遊胆麻

一千七百廿一

1721

僜衪訥

一千八百廿四

1824

đồ Khâm bọc ng. chết

衾

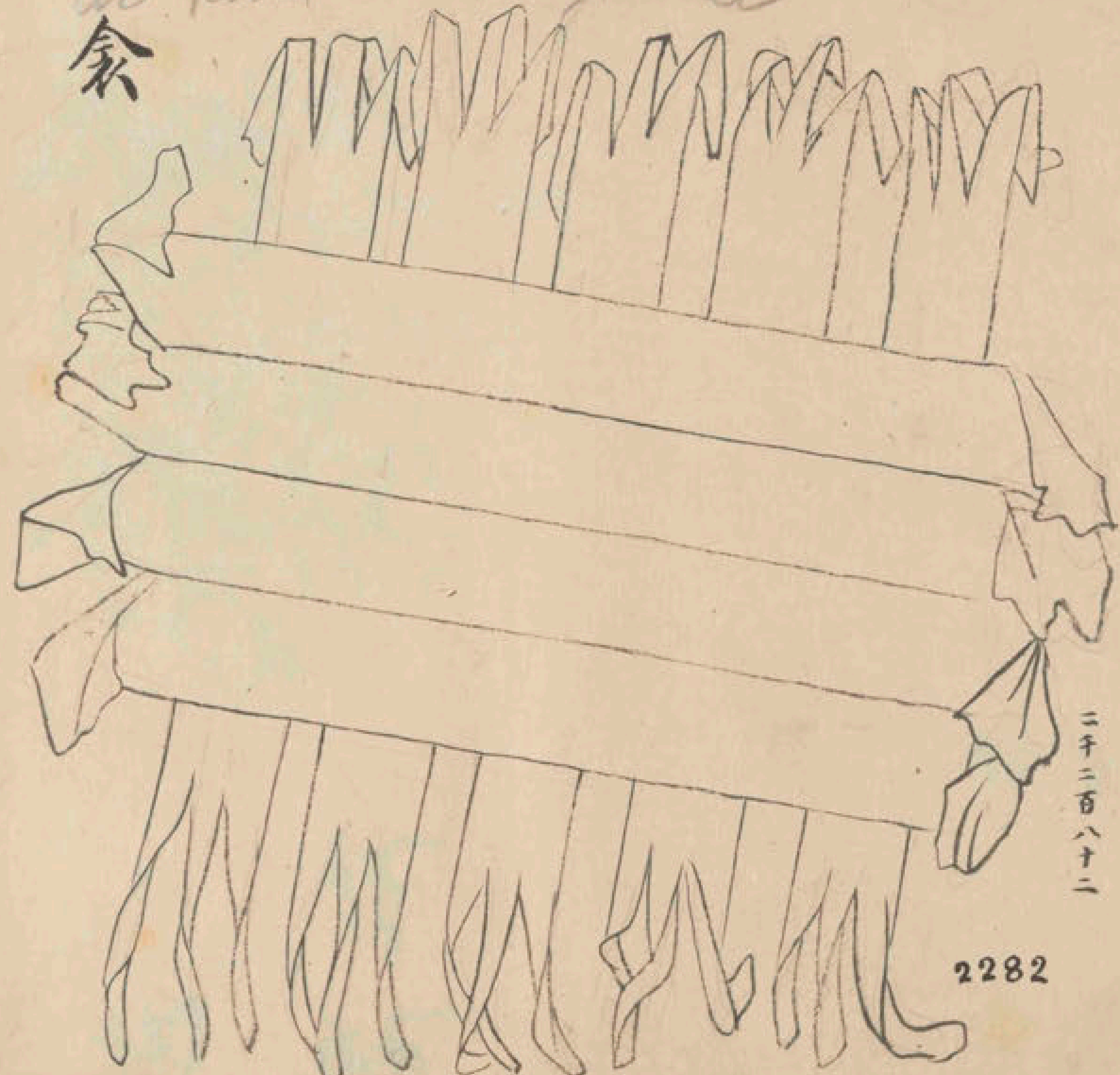

二千二百八十二

2282

ngày tết

時節

扨㦒連楼

二千六百三十九

2639

㑪

糙

楼

㑪

堵

包

棺

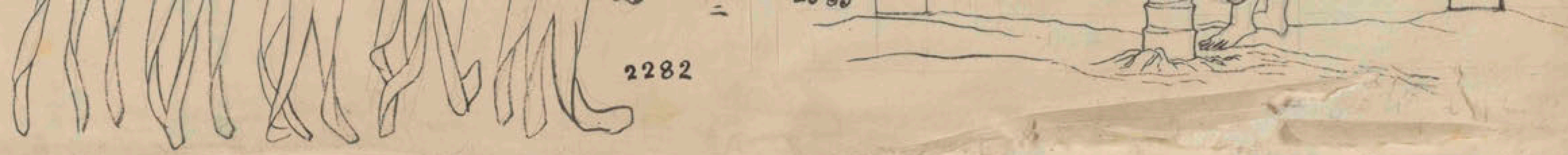

2282

傚𦬑堵砍色棺

一千八百二十八

1828

楼

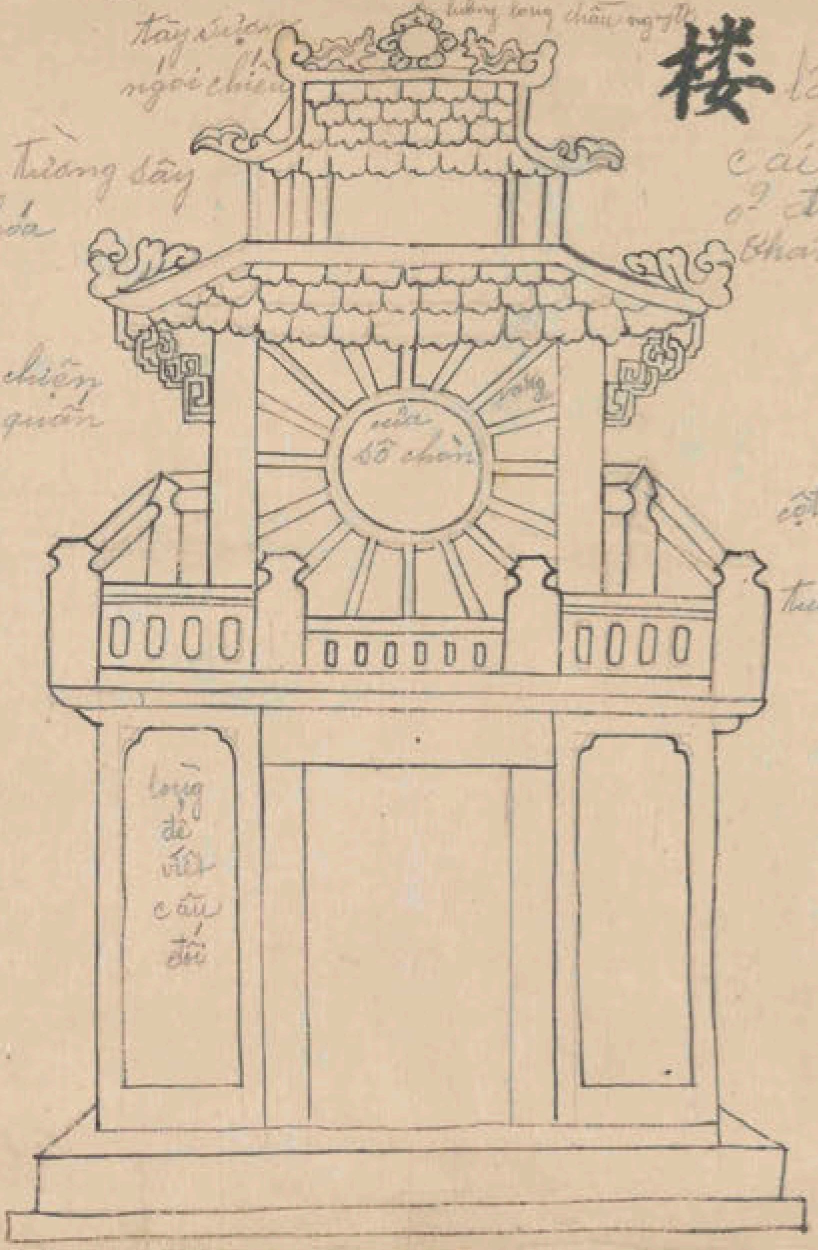

一千七百廿二

1722

傚吀糙

一千八百二十七

1827

燒香廚玉山

Thiêu hương chùa ngọc sơn

二千二百十七

2217

祭神焚香

Tế thần phần hương

二千二百十八

2218

2218

2217 二千二百十七

傚咹
鈉腸

一千八百廿五

1825

傚纀
蛒薨
包䪼

一千八百二十六

1826

㨔拂坐
馬尾

一千八百四十二

1842

㨔鬓鈍

一千八百四十三

1843

gánh sải sơn

擿貸山

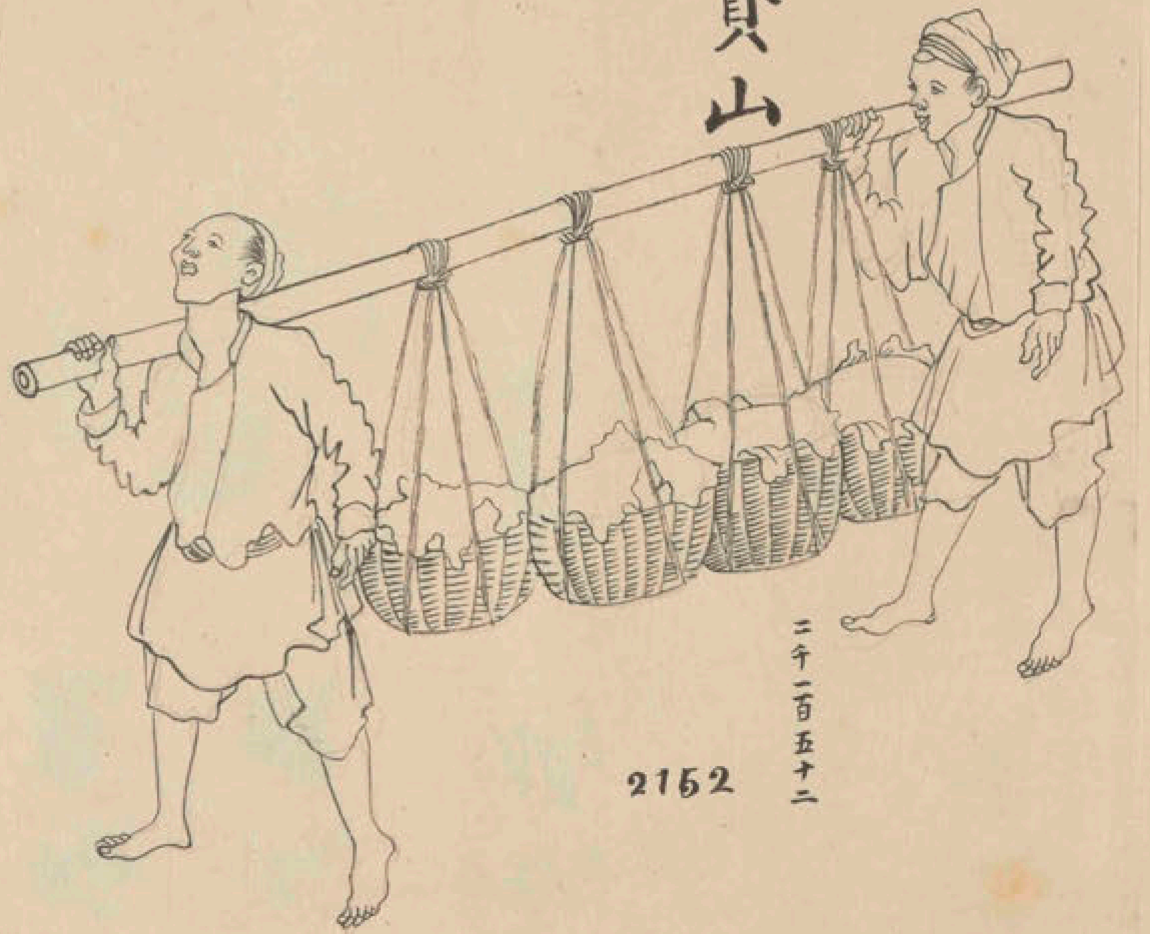

二千一百五十二

2152

二千六百三十八

2638

xin ảo ông già để
may cho con
mặc cho khước

吀襖翁僥底緻朱郄

像 椀 撻

nhà táng
nóc chiến

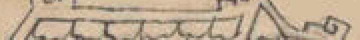

喪 茹

con gái
ngã chơi

蚪 㹥

一千...百五十二

2152

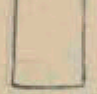

...百三十八

2638

[illegible]槐像

一千八百四十四

1844

茄喪

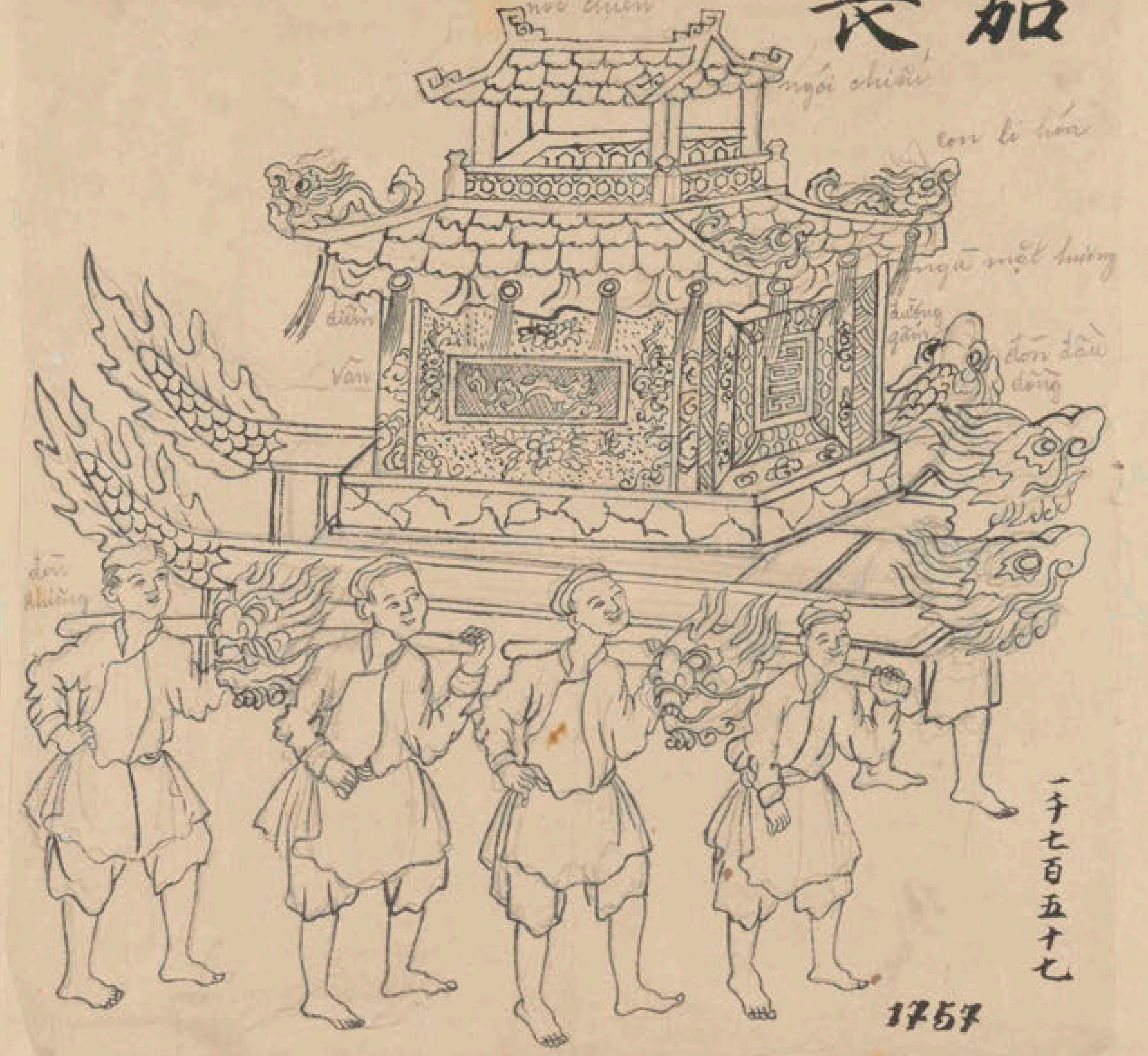

一千七百五十七

1757

猑妸
蚪制

一千八百四十五

1845

僊木
𠃣茄

thợ mộc làm nhà

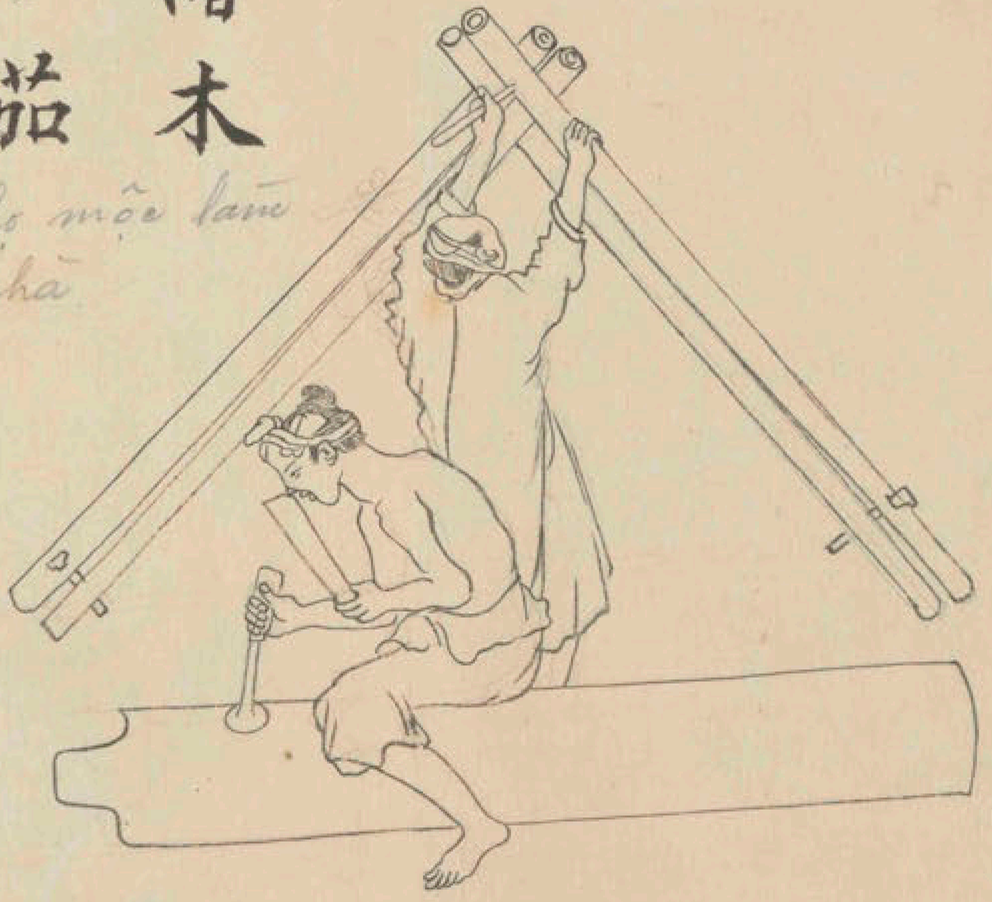

二千六百四十九

2649

查蘖疠相

cho thuốc đau mắt

二千七百七

2707

塔像坦

拜神主[illegible]墓

磋朋碊

2649

2707

磋像朋硋渤

mài tượng gỗ bằng đá bọt sỏi mày sơn

一千八百三十九

1839

拜神主轎墓

一千七百四十七

1747

塔像坦

Đắp tượng đất để thờ

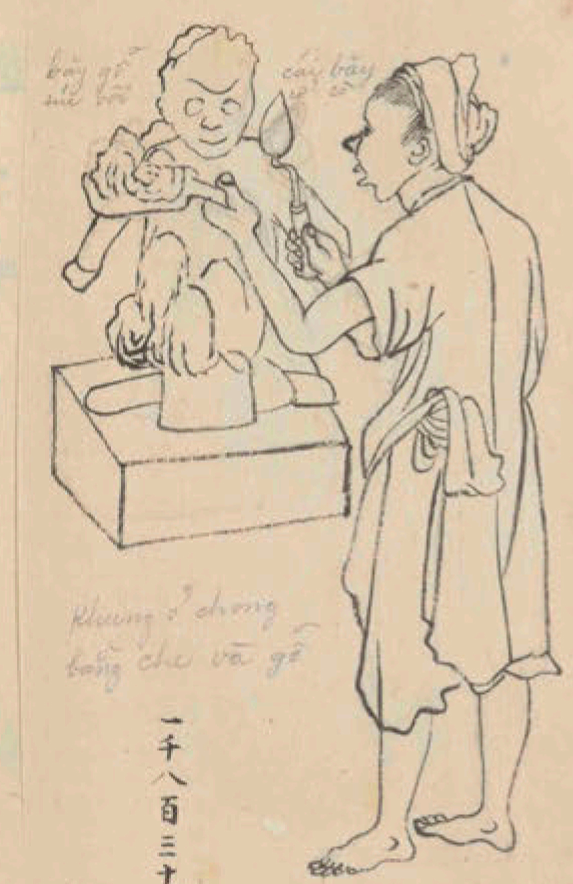

一千八百三十七

1837

1- chôn quan tài rồi,
2- Tế thành phần
3- vái thần chủ chuốc mồ rồi để lên võng vọng rước về nhà

788

đánh mạch quan tài

哏脈棺材

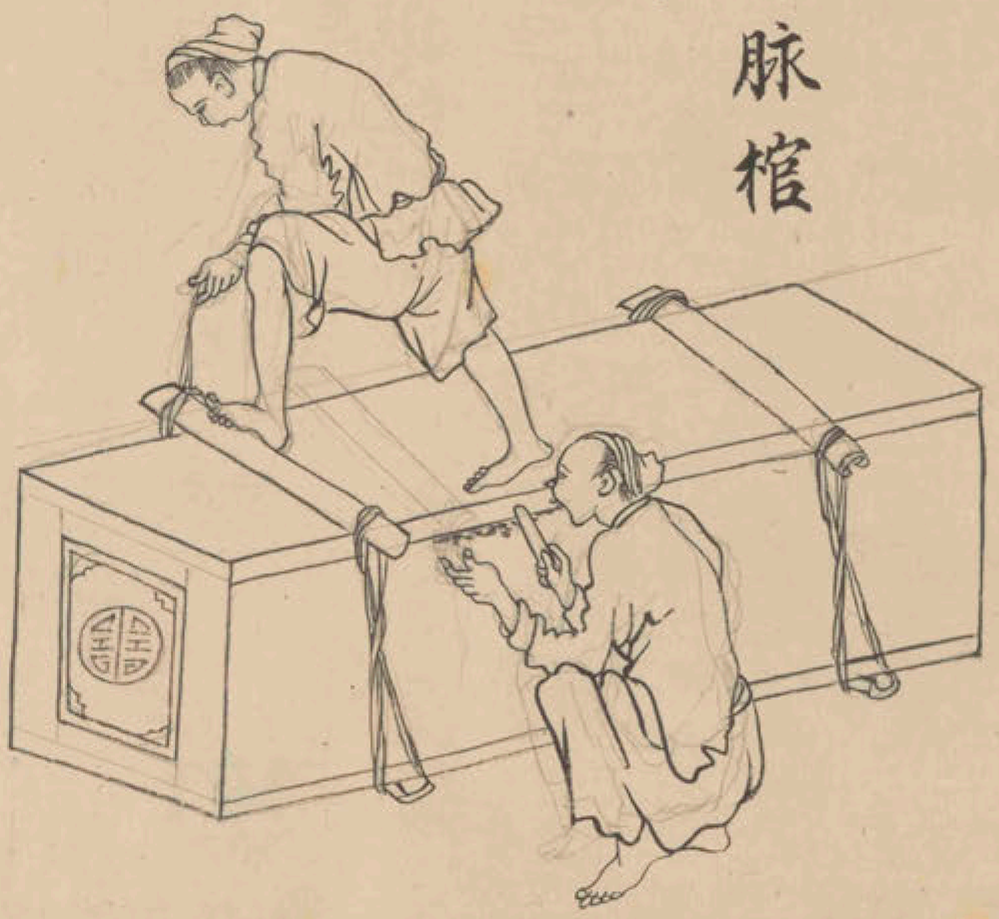

二千二百九十七

2297

䬙粆紆

quạt sồi vỏ

二千六百四十二

2642

襖囷儸

Khiêng điếng đám ma

胆擓

勤萎擳

2297

2642

儸像夕 囷花 襖

一千八百三十八

1838

擓敝 胆麻

一千七百四十六

1746

擠 蔞 勤

一千八百三十六

1836

789

mời chú dể cô dâu ăn dầu

咻佳婿姑妯
唼油

二千一百五十
2150

đong mật

拺蜜

二千六百四十三
2643

cochinchine = quelques rares familles possédant de ...

通
紫微
四書
洗冤
四體
筆花
種痘
三千字
玉匣
賦海
医方
越史
三教
四書
南藥
神霄
幼學
鳳情
張留
柰鴉
日省
南歌
教訓
劉平
論語

2150

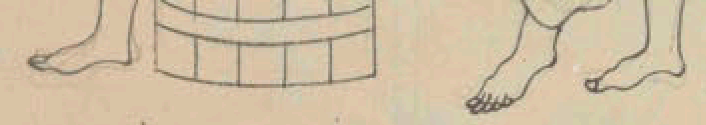

2643

cochinchine = quelques rares familles possèdent de pareilles bibliothèques

通天曉	初學靈庠	艮海	萬寶書
紫微數	征西傳	適情	唐人
四書正文	笑林	孔子家語	前定数
洗冤緑	少岳	故事尋源	活幼新法
四體字法	詩韻集成	千家詩草	千家詩註
筆花医鏡	征東傳	八宅明鏡	大題文府
種痘書	女則演音	訓女子歌	地藏本行
三千字觧音	劉平演歌	選夫誤配	應赴餘編
玉匣廣記	今古奇觀	古文合選	讀書楽趣
賦海大觀	景岳全書	書法八門	桑海偶錄
医方集觧	國史	古文合選	唐詩古吹
越史新約	皇越地輿	康熙字典	海上
三教正度	行持	八宅	金雲翹字
四書節要	五經節要	朱子小學	少微節要
南藥神效	五字經	斷腸新聲	歷科名表
神霄玉格	金雲翹廣集	莊烈文策	月花問答
幼學五言詩	香山傳	玉花古跡傳	繳軍新傳
鳳情新傳	春情想望	蜘蛉新傳	宮怨吟曲
張留侯賦	中軍對歌	王陵賦	五更賦
忝鴉片文	翠山秋夢記	訓女演歌	千字文觧音
日省吟	女秀才新傳	黃秀新傳	芙蓉新傳
南歌新傳	初學問津	陽節演義	幼學越史四字
教訓演歌	張袁演歌	金雲翹賦	國朝書契
劉平賦	征婦吟	韓王孫賦	三字經
論語小對	明道家訓	金雲翹傳	勸孝書

790

ng lên chấp mắt, thổi lấy mảnh bát để
vào mắt rồi thả vào vại nước

得蓮料昧戾祕盃
鉢底包昧耒且包
垎滀

二千一百六十三

2163

抱披膵疠

bụng đầu
bể bão

二千六百五十五

2655

三千
橋中
萬法歸
五經工
五經體
故事
六壬
秋夜
范公
李公
潘連
払儐
書經
張良
主齣

吟
滀

ngâm gừng vào nước với để
cho khỏi cay rồi nấu nước

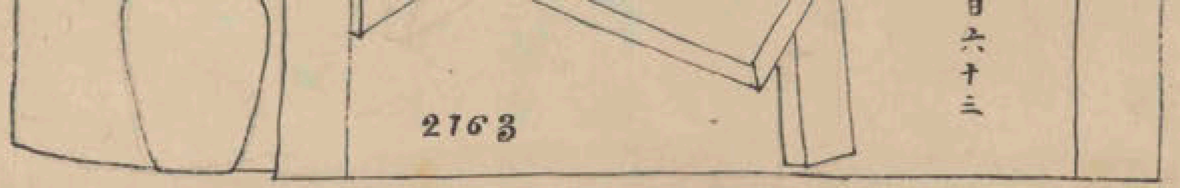

2163

2655

三千字解音　新訂萬事不求人書　勸孝書

橘中秘　對聯集成　明心 明文　梅溪 大題

萬法歸宗　禮正文　地五訣　五經文郭

五經正文　五經文府　三世相　壽保元

五經體註　玉堂字彙　致富奇書　四書串珠

故事尋源　貞鼠傳　芳花傳　醫八門

六壬走馬　雲箋古跡傳　蛇花新傳　五更夜感情人

秋夜旅懷　皇儲新傳　林泉奇遇　碧溝奇遇

范公新傳　劉平演歌　金雲翹案　觀音註解

李公新傳　二度梅新傳　傧鑛新傳　西遊傳

潘陳傳　阮達阮生新傳　有薊傳　宋珍傳

扐債傳　四靈傳　地藏新傳　詩經演音

書經演音　人影問答　不能忌傳　女劉相傳

張良賦　玉翹梨　玉花傳　南無新傳

主齝傳　點之傳　鄭春傳　朱昌傳

吟羗渃砍

一千八百三十三

1833

门盘攡儸鉑

cái bàn đũa nửa thớ bạc

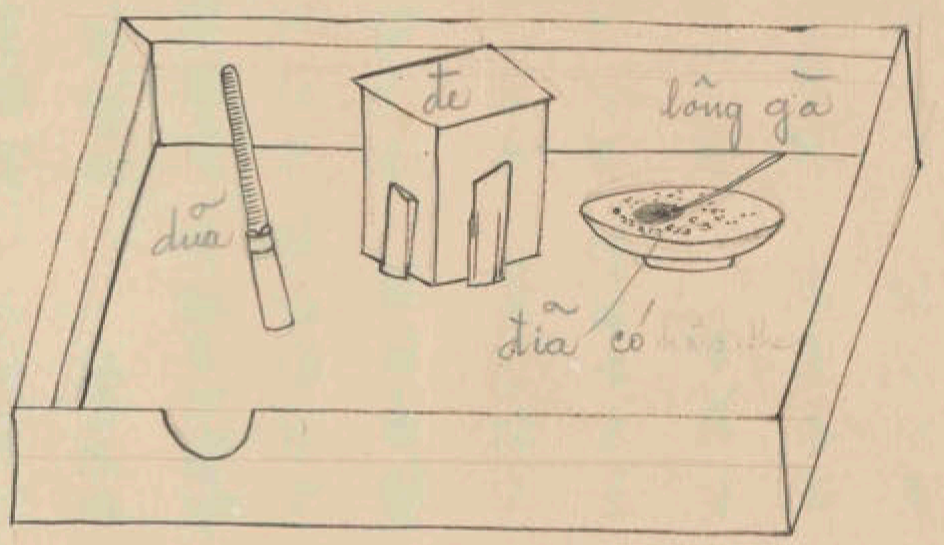

二千六百六十二

2662

nhĩ minh pháp = ù tai

耳鳴法

tai ù thì có sự

聰噝辰固事

二千七百四十三

2743

nấu mứt gừng

thái gừng làm mứt

𡋿茶[illegible]

Muối dưa gang để ăn

1 quả = 3 xu

1- dưa gang bổ ra
2- mọc ruột ra
3- bỏ vào vại muối

一千八百三十五 1835

㜸秩薑

nấu mứt gừng

1- gừng
2- đường
3- bột

一千八百三十四 1834

𤅷勃枸改𰀀餅

lọc bột củ cải làm bánh củ cải

1- củ cải
2- bột
3- nước đường
4- chúng gà

一千八百三十 1830

太羌𰀀秩

thái gừng làm mứt

一千八百三十二 1832

xem lửa đỏ thời phát tài

貼焰咬㫰
發財

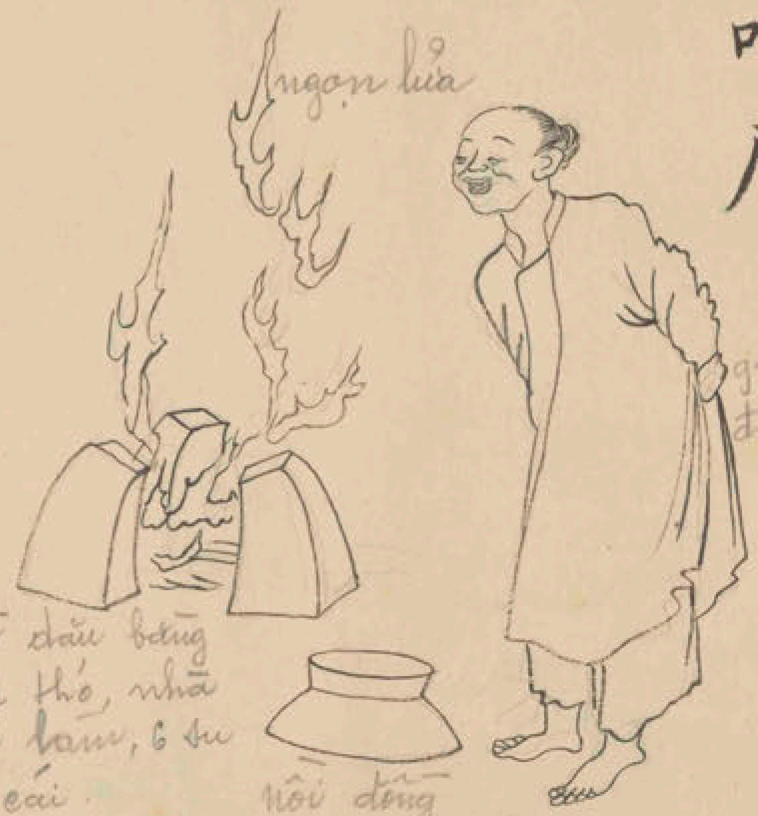

二千七百四十

2740

擂邊溇

二千七百八

2708

望 尾 単 朋 掄 鱥 构 㛪

单馬
尾彡
望巾

đan mã vĩ làm vọng cân

一千八百四十六

1846

鱵油
綸
朋錫

Vịt dầu vuông chạm bằng thiếc của ngự bút phiện, đựng dầu ta

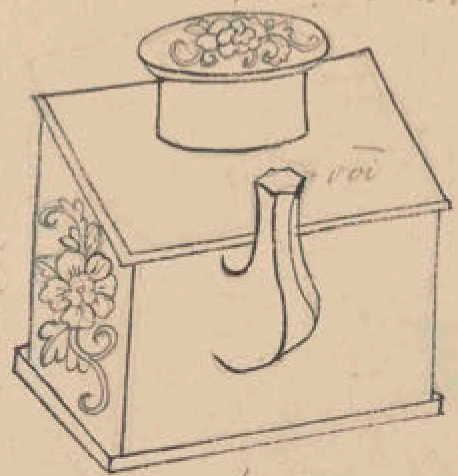

thợ thiếc làm

20 su

一千八百四十七

1847

nấu bánh củ cải

㛋餅
枸改

1- củ cải
2- bột
3- nước đường
4- chưng gà

一千八百三十一

1831

嘰
鉑

Chén uống nước bằng bạc

10$

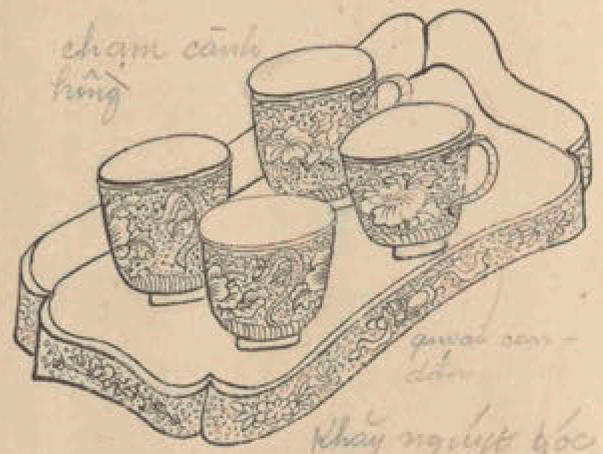

Khay ngoài góc chạm cành hồng, và cuối thư và chữ minh lương

一千八百四十九

1849

viết Đại-tự bằng chổi

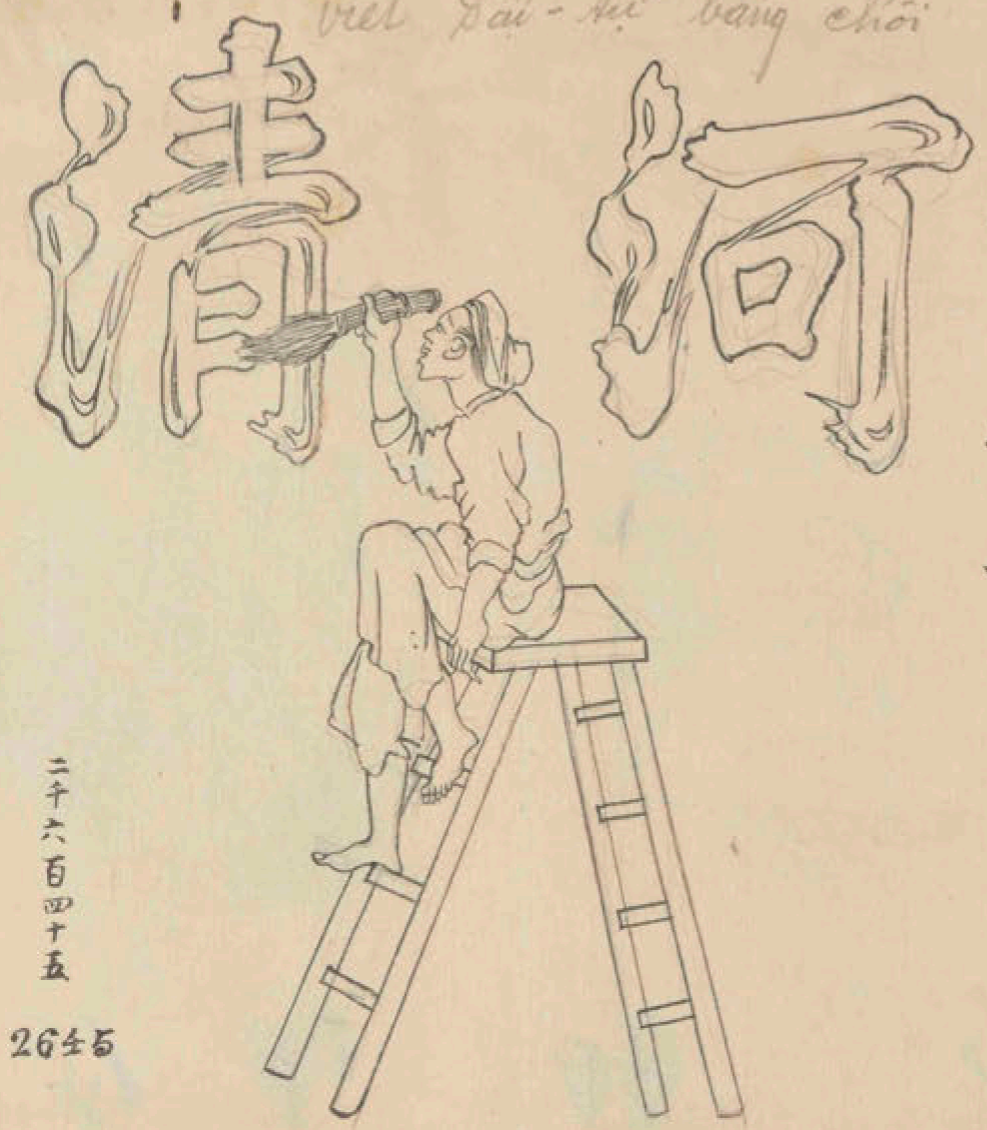

曰大字朋芷

二千六百四十五

2645

1- vàng
2- Kim khẩu
3- Tiền

俺心字底靈

yểm tâm bụt để thiêng

二千六百五十九

2659

腦 掀 僊

mũ đuôi cáo của phượng tướng ở đâm cổng

đan mũ thép để thờ

cấm phất chân đưa ma

僊剴撥臚

一千八百五十

1850

帽𡳪猎

一千九百四

1904

丹帽鉆

一千九百五

1905

拎拂坐逡麻

一千九百六

1906

đánh lờm cá

打

chén cái nây

丐捁

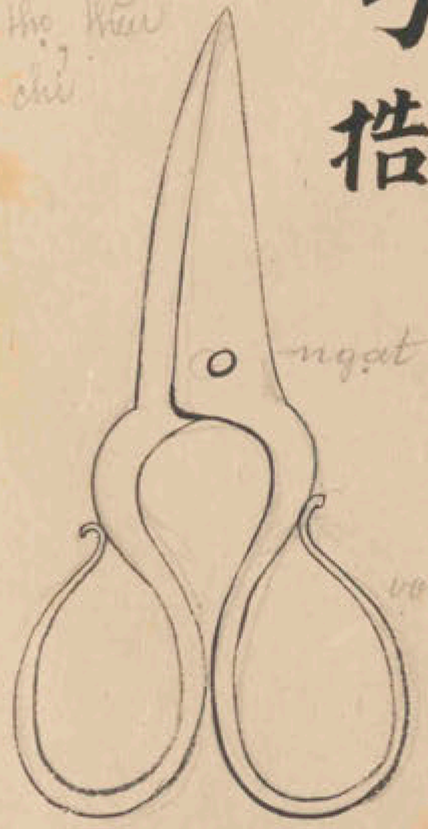

一千六百十五

1615

打虬𩵜

1749

一千七百四十九

撙綫鳶

一千六百十四

1614

佌蜖拎

đong tép dưu để làm mắm tép
hay là để kho mấy khế, làm
đồ ăn

二千七百十六

2716

cối gạo để giã bánh dầy
gạt gạo

會糙底
也舫踍

二千七百十三

2713

Khi có cúng ông thần mỗi nhà phải
đóng 1 thùng gạo nếp để thổi xôi và làm bánh

樓 朘 打

1 bát = 8 su

đan nống nứt

2716

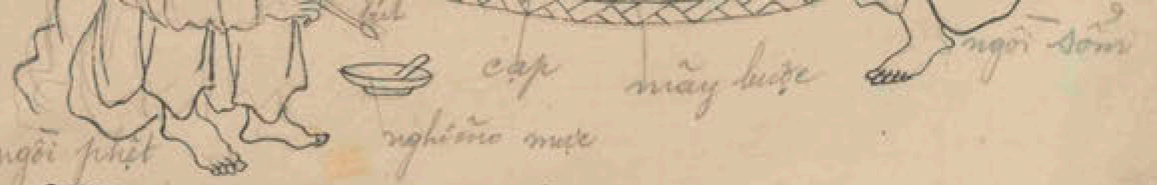

2713

Khi có cúng ông thần, mỗi nhà phải đóng 1 thùng nước để thổi xôi và làm bánh

打胠樓

Đánh da châu cho nó phẳng

一千七百九十七

1797

喰片

河唏

朱覞

Hút phiện hà hơi cho nó (có người hút phiện hút sung rồi thì lại thở khói cho con nó bởi vì con nó nghiện)

一千七百五十三

1753

捞枸載

底除邊

đeo củ tỏi để chữa gió, và ma quỷ

一千七百九十六

1796

796

nhà trò phụ đồng thiếp

茄𠐞負童妾

2292

Lễ điền hoàn

礼填还

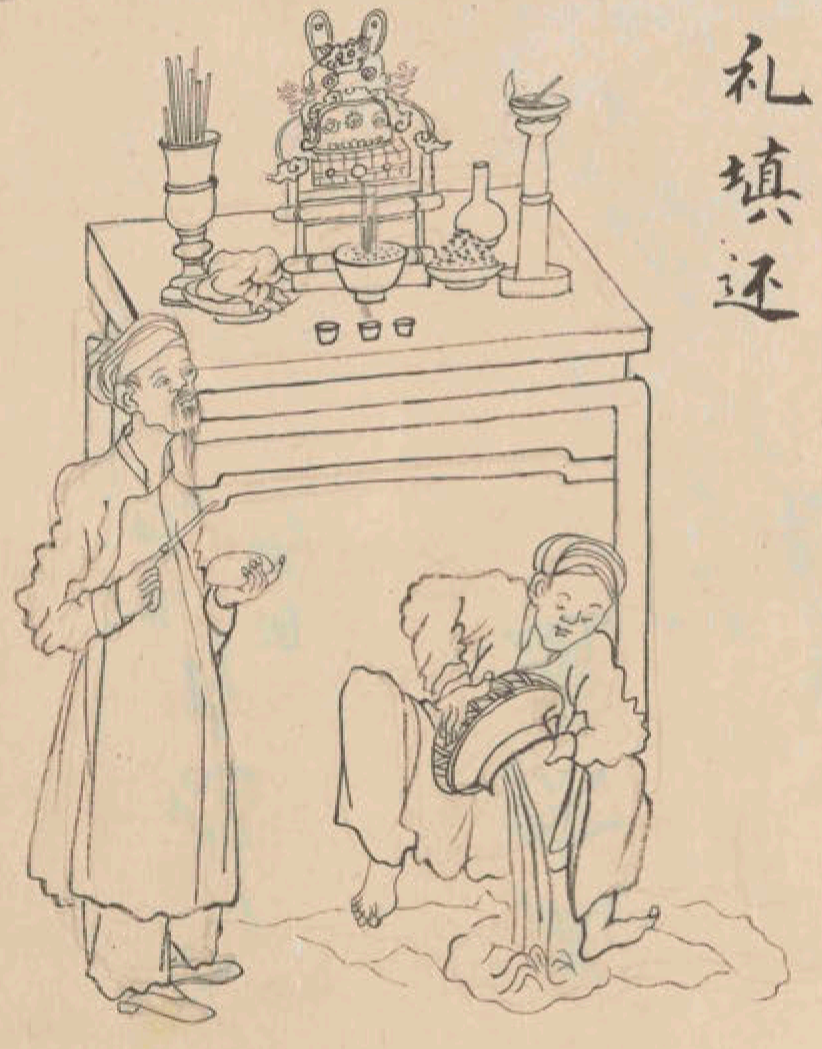

二千二百七十八

2278

眼 nhỡn 大 đại 凡 phàm

ngói chiếu

凡眼有大睫大睫俗語眼頭也

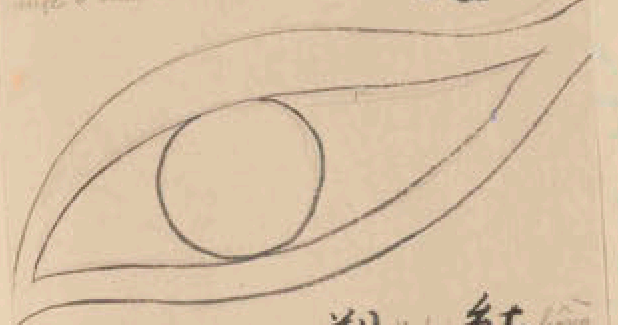

紅腫者心火也宜用荊防湯加減治之

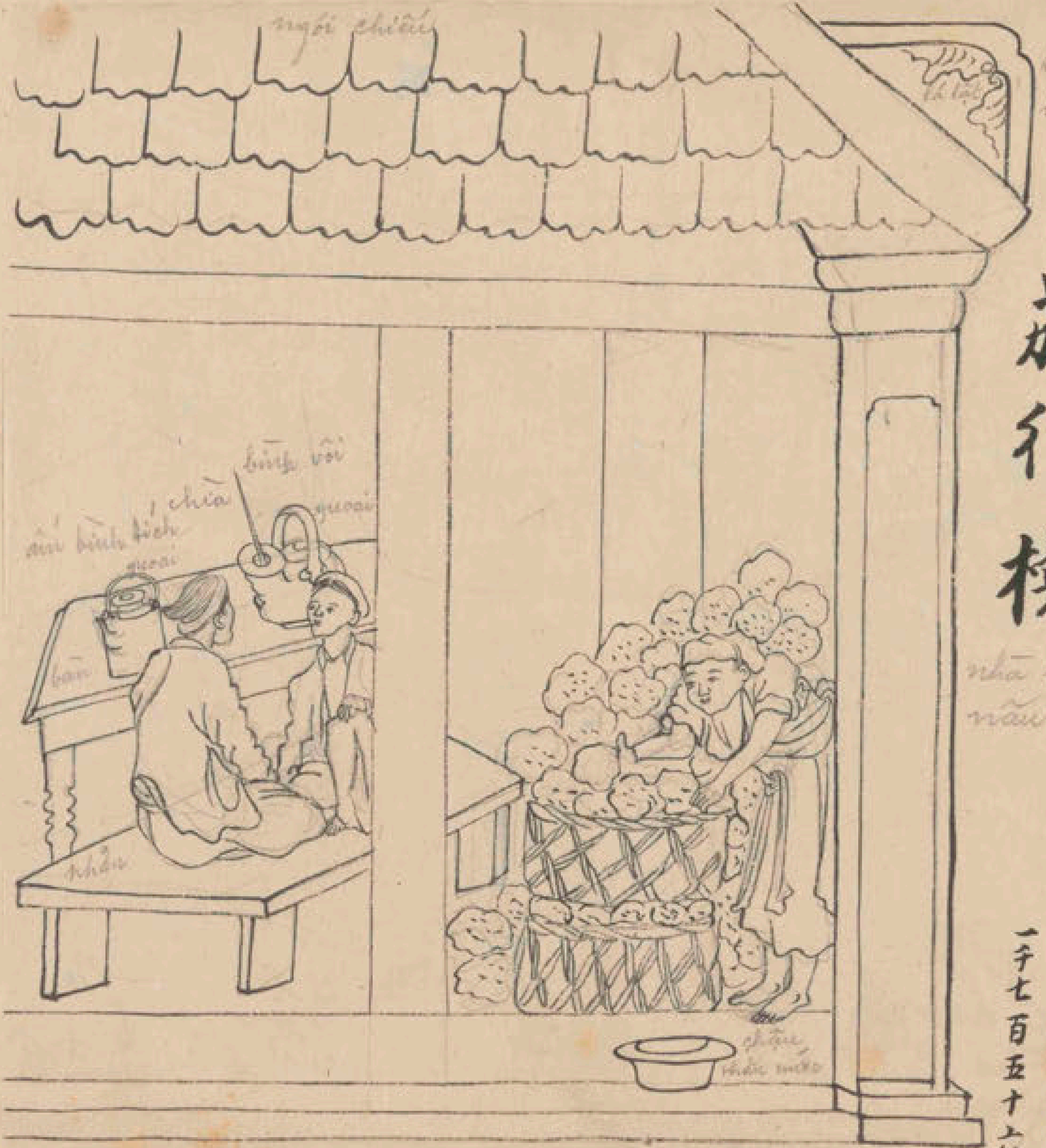

茄行欖

一千七百五十六

1756

半券

一千六百十三

1613

797

phụ đồng
lấy phong
vấn

負童祕封文

二千二百九十八

2298

cô dâu lễ mừng họ nhà trông

姑妯礼㳿户茄鈇

二千二百七十七

2277

柴礼學

棺坦柴

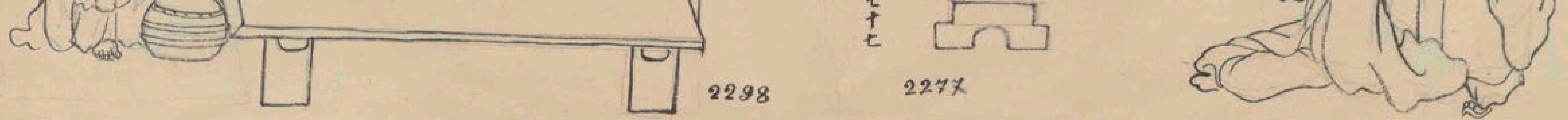

2298

2277

學路礼柒士

一千五百八十四

1584

揀方將逡麻

1748

一千七百四十八

柒地理補坦[illegible]棺材

一千五百八十二

1582

xe hương đen

車香
滇

二千三百七十五

2375

bắt đồng
tà

扒童邪

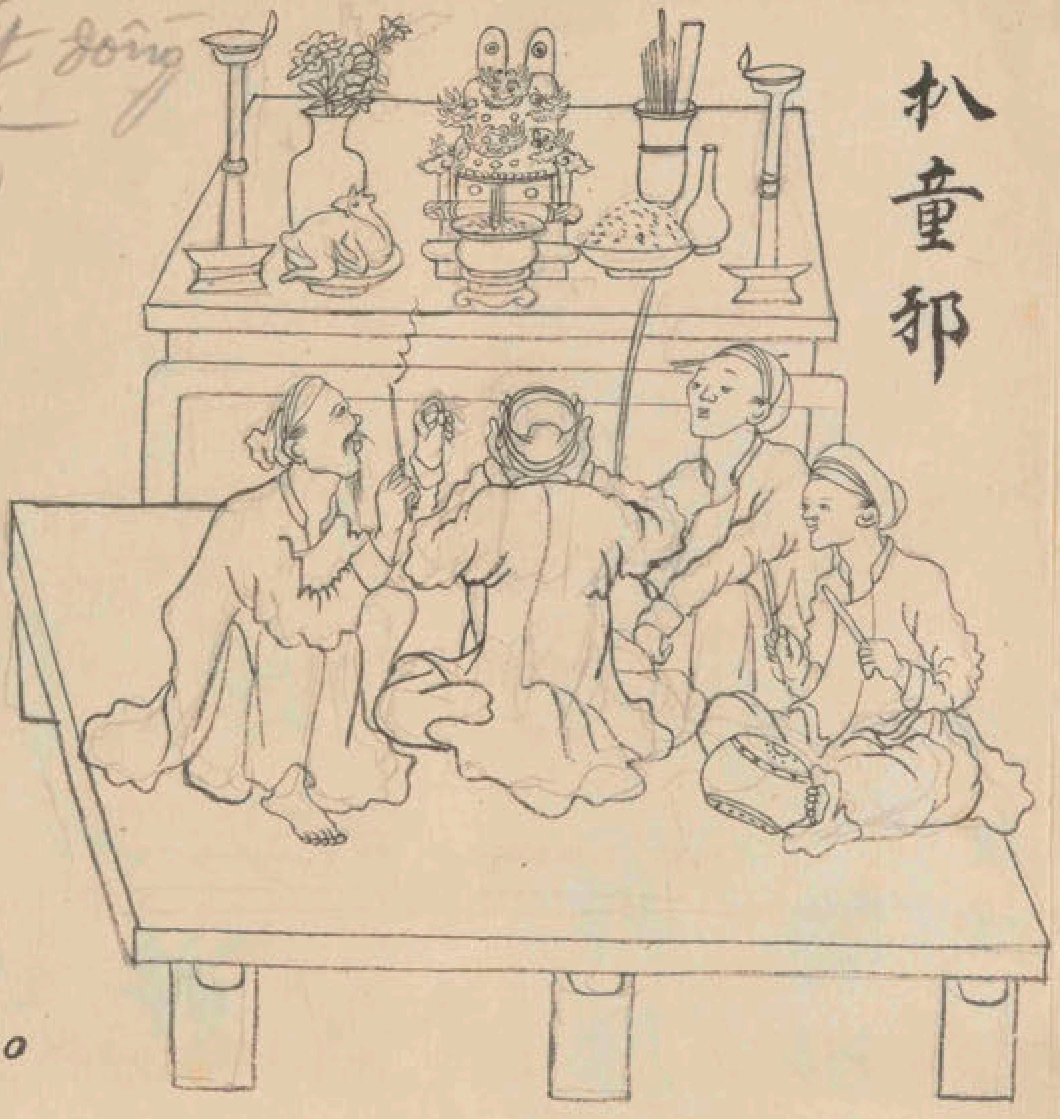

二千三百

2300

五

2875

2300

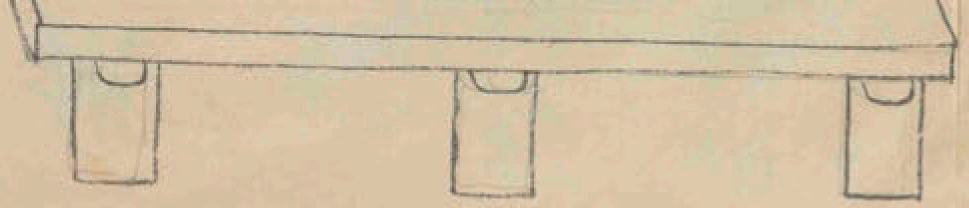

鉢栝官仝

bát gỗ quan đồng bằng gỗ

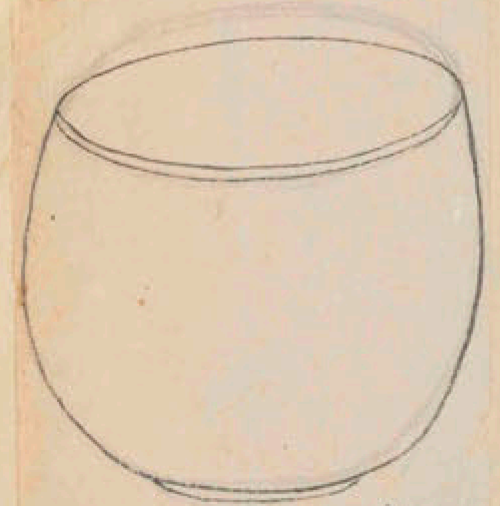

= Bát gỗ này của quan đặt ra ai cũng phải theo để đong lương thuế thì dùng cái bát này

凡糧稅用此鉢

phàm lương thuế dụng thử bát

一千三百四十七

挳菓餅

Khiêng quả bánh đưa đám ma để ai khát thì uống

一千七百十九

1719

服大喪

phục đại tang = Mặc áo đại tang cho bố mẹ

一千六百七十八

1678

俺符核枯

二千七百二

2702

切樍麻願

二千七百三

2703

Khi ng. ta mắc oan điều gì thì ng. ta làm phép này, nếu ng. ta là ng. đan thì ng. ta đau bụng như gai đâm vào long mà chết. nếu khg. thì ng. khác phải đau

禱雨

一千五百八十三

1583

溪頭粘

一千八百二十一

1821

Cái bài vị để tên ông Đại Thánh

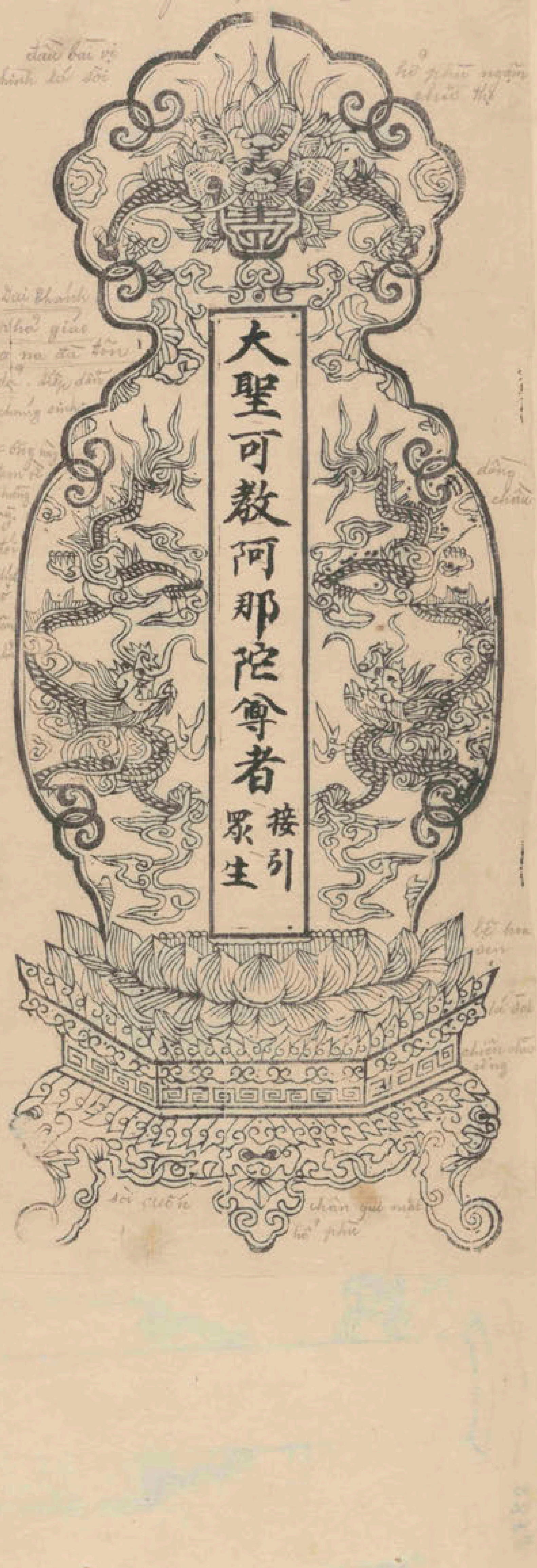

Khi ng. ta mắc oan điều gì thì ng. ta làm phép này, nếu ng. ta là ng. gian thì ng. ta đau bụng như gai đâm vào lòng mà chết. nếu khỏ. thì ng. khác phải đau

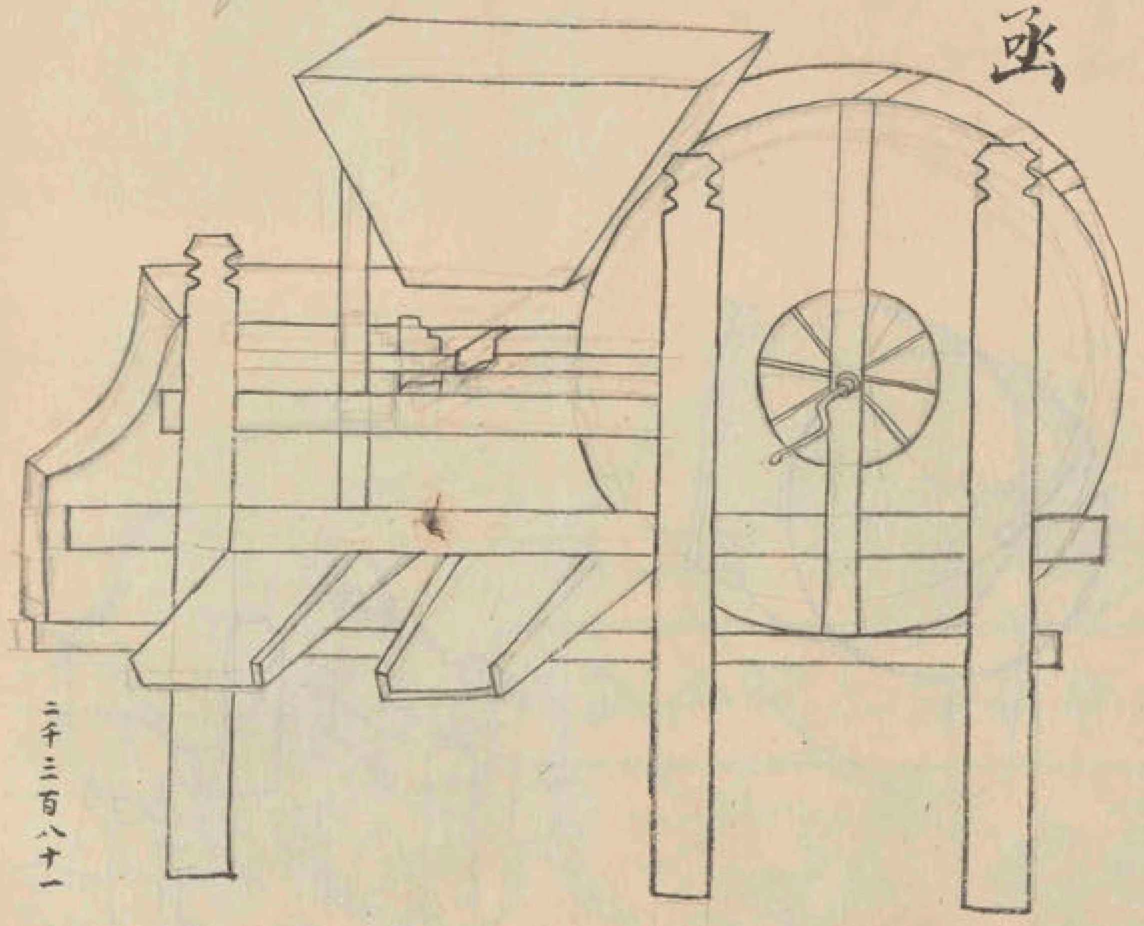

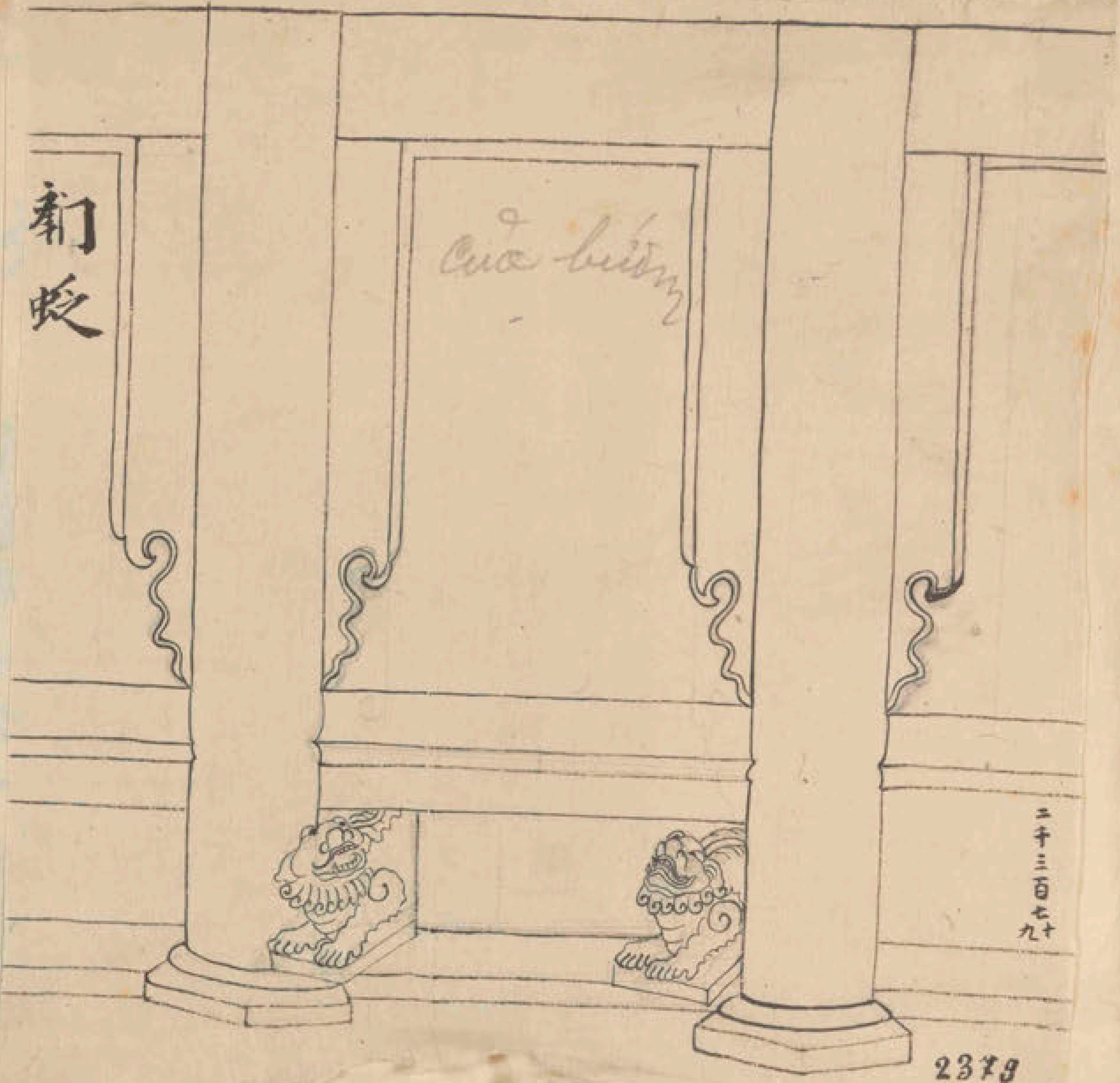

後 攝 隊

2381

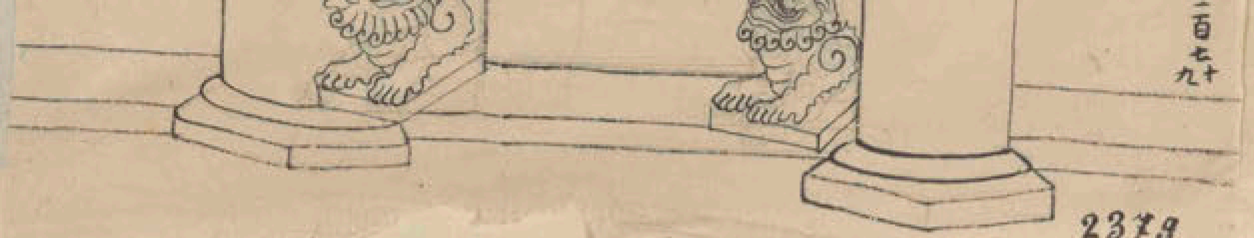

二百七十九

2379

隊蹭摄逡麻

一千六百七十七

1677

觖團逡麻

一千六百四十六

1646

漤朔虵

一千八百七十八

1878

1878

諫虵蛴

1877

一千八百七十七

801

Thên thì nhai
đất do

吪琨

giấy con

二千六百九十九

2699

Đốt mã cho ng. chết

焿禡

thầy pháp thư phù
để ng. chết có
thể nhận được
đồ này

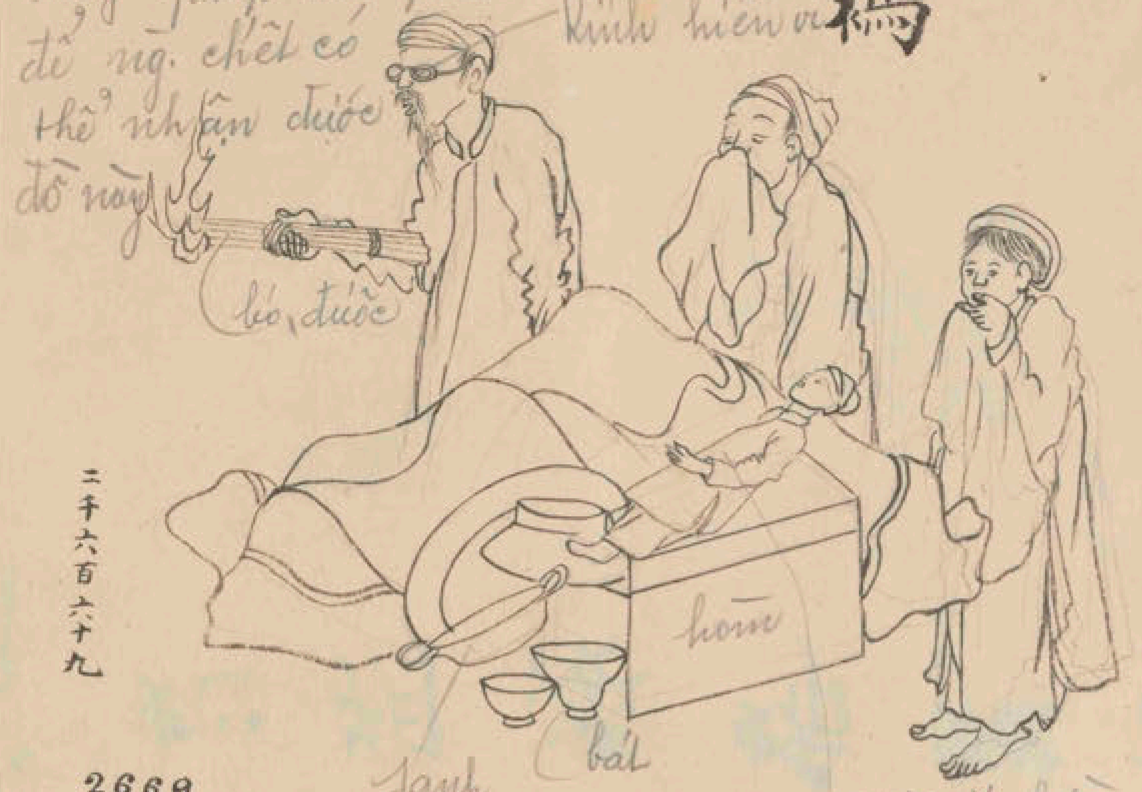

二千六百六十九

2669

thầy tơ bằng
giấy đốt cho ng.
chết để xuống âm phủ
hầu nữa ấy

bát bửu hình cái quạt,
đồ điều ma bằng giấy

圖

八

phơi tôm đồ để nấu ăn

九
2699

2669

thầy Đồ bằng giấy đốt cho ng. chết để xuống âm phủ hầu nạ. ấy

dã tôm bông để lọc dắc lấy mặt bột vậy

乜蚣芃

一千八百七十九

1879

1- vây cá bể
2- măng, củ đậu
3- thịt lợn
4- chứng (trứng) lược
5- đỗ lạc
6- tôm bông

bát bửu hình cái quạt, để đưa ma bằng giấy

八宝形𢶸

圖遂麻

一千六百四十四

1644

phơi tôm đồ để nấu ăn

焜蚣圖

一千八百九十

1890

1890 1- nấu mấy các thứ đãi để ăn thường, hay là khô mấy khế cũng được

biển

bia ký công đức, nhất hưng công nguyễn mỗ, ký, thập phương cung tiến số cân, liệt kê ư tả. kê. Trần thị mỗ cung ngân nhất nguyên

扁

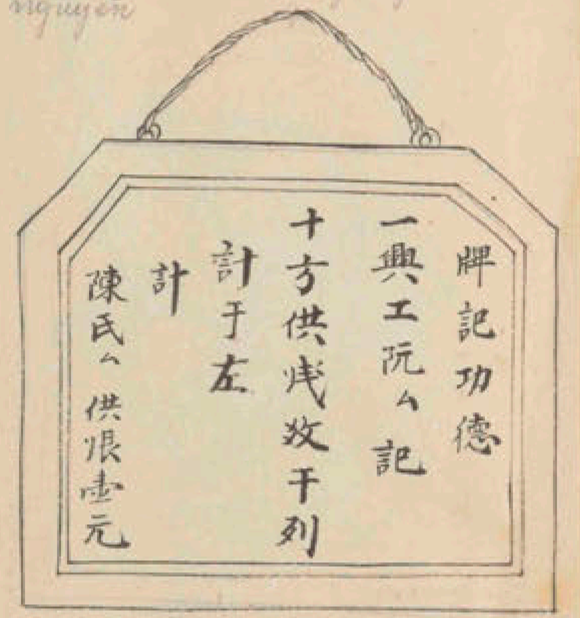

cái bia viết những ng. có công đức. Thứ nhất lòng chủ đứng bảo các thể làm tên nguyễn mỗ ký. Chạp phương cũng tiến bao nhiêu bây giờ ... kê ở dưới. Kê, bà Trần thị mỗ cũng bạc, một đồng

一千五百六十三

1563

802

Dạy học thuốc

吡學藥

二千六百六十四

2664

Người gánh thùng dầu sắt tây

梗椿油鉄西

二千六百六十五

2665

2664

六十五

2665

nó sao vị thuốc

八室菓梨

圖遂麻

一千六百四十三 1643

江粘

少咱

一千八百九十一

1891

扒蜞

於

潑

一千八百九十二

1892

祕

對

勃

一千八百九十三

1893

đám thai

沁胎

二千七百五

2705

bổ đồng tiền để thề

撥錢誓

bổ đồng tiền ra làm 2 mà nói rằng: tôi có lấy tiền của ông thì tôi chết như đồng tiền thế này

二千七百四

2704

bắt bài hình hú đầu, để đưa ma bằng giấy

圖

八

五 2705 ghế đầu 2704

木匠書註

點天天青
點地地白
點目目明
點耳耳咱

一千六百六十六

1666

八宝形襪彈圖逘麻

bát bửu hình khủ đàn để đưa ma bằng giấy

一千六百四十五

1645

受大喪而犯淫欲則重伐

一千六百六十七

1667

隊帽髮

Đội mũ mấn đan bằng gai

一千六百六十八

1668

堵糊

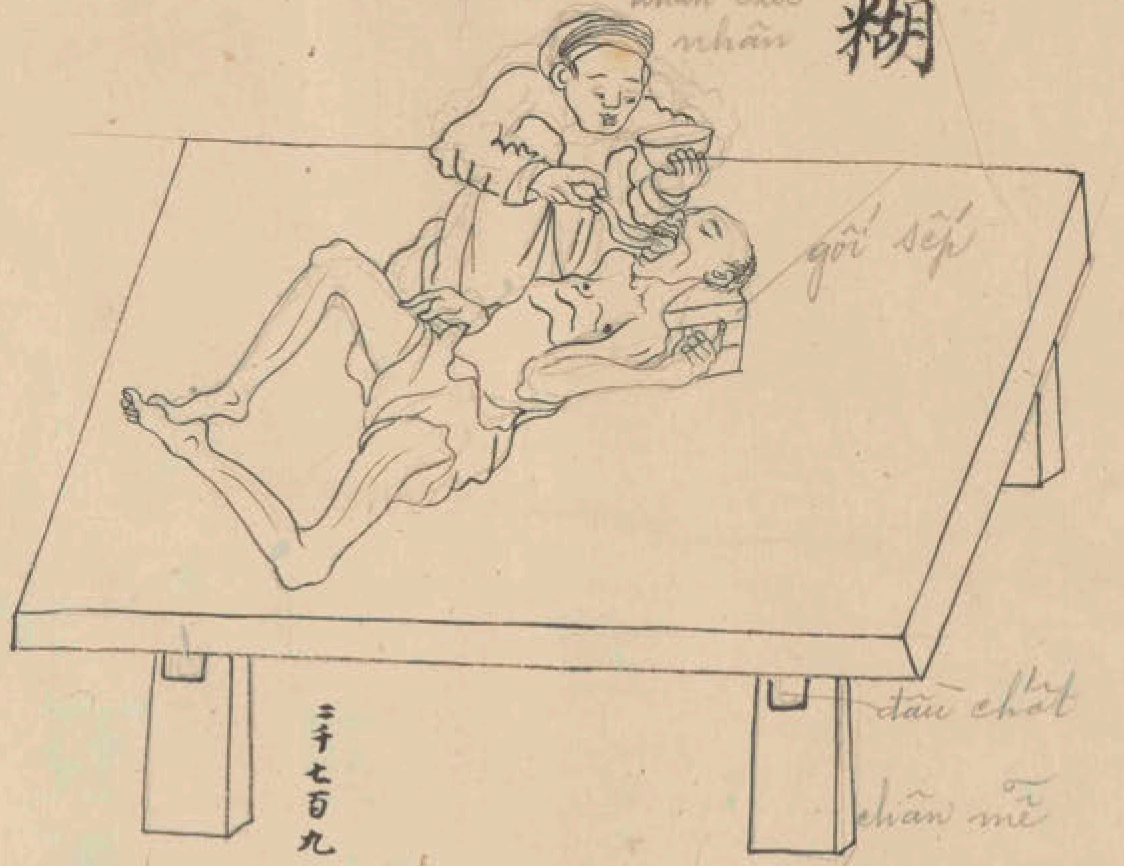

二千七百九

2709

摘血
湊僕

chích huyết
giọt bọc

二千六百五十一

2651

𠫾啡迻麻

一千六百六十九

1669

神主

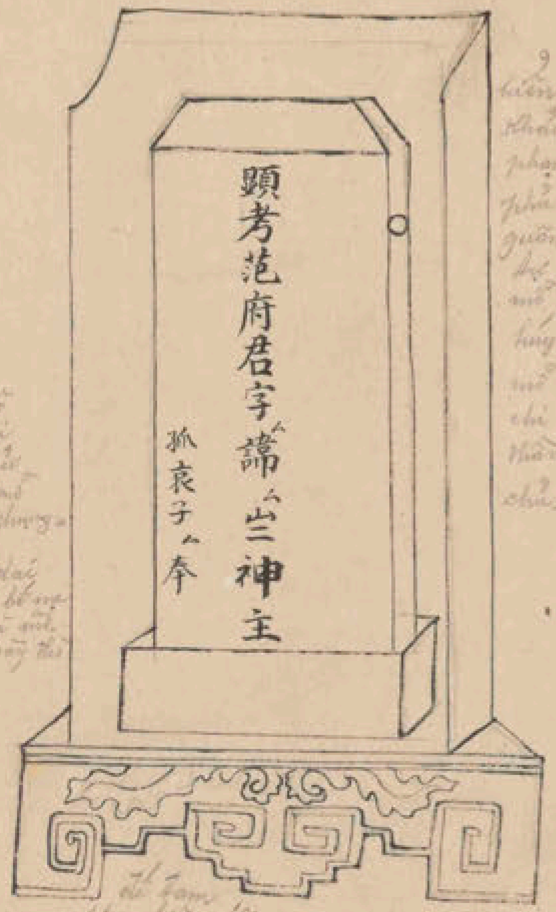

一千六百六十三

1663

明年開筆

一千六百六十四

1664

龍鳶

一千六百十一

1611

趁幣扱
粡辰㦖

ra ngõ gặp
giai thì ~~may~~ mừng

二千六百三十七

2637

揀僎猑

Đong cá con

二千六百四十六

2646

補庄充

蔦谷揀㳂

旺谷朱

台豆辰處

2637 2646

補悔 底婚 充昧

一千六百二

1602

鳶谷揀沱

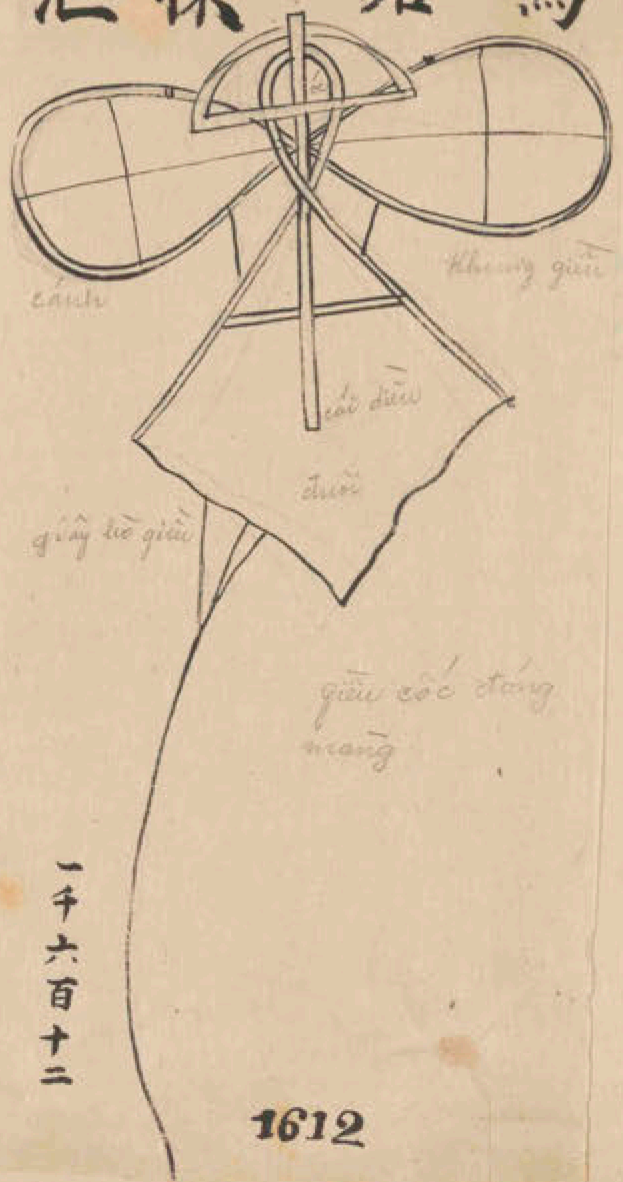

一千六百十二

1612

吁襖 翁襚 朱混

一千六百

1600

包房 豆稱 㫽沛 虛襖

一千六百一

1601

806

chuyển thai

轉胎

二千七百

2700

Khi ng. liền bà đẻ mà chậm để thì ng. ta lấy con gà, sống mấy cái búa, bỏ dưới gầm để cho chóng đẻ

giấy voi ~~tấy~~ lễ

吶犩礼

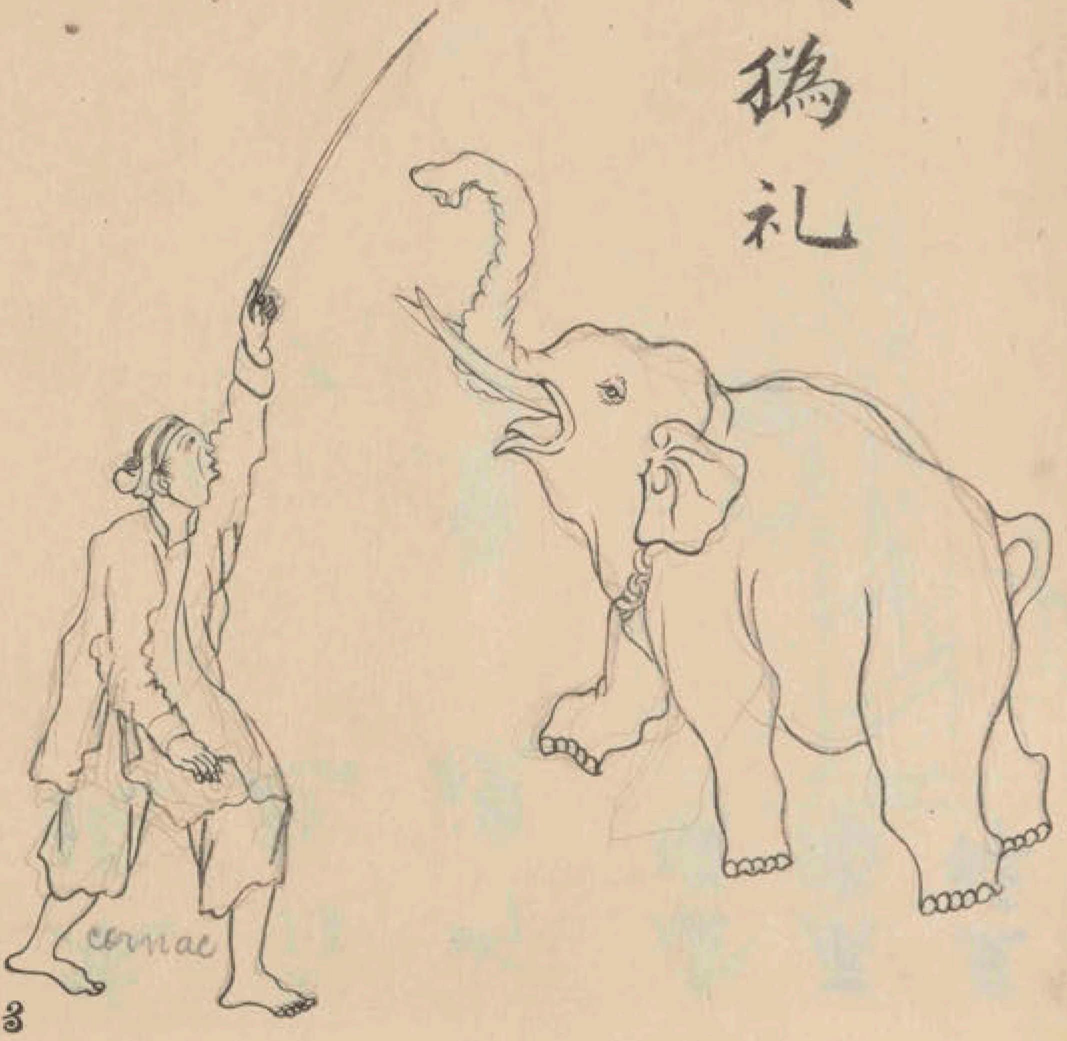

二千六百六十三

2663

được vông vông

2700

Khi ng. liền bà đầu để mà chặm để thì ng. ta lấy con gà, sống mấy cái búa, bỏ dưới gầm để cho chồng đẻ

2663

儒木彡得木打又

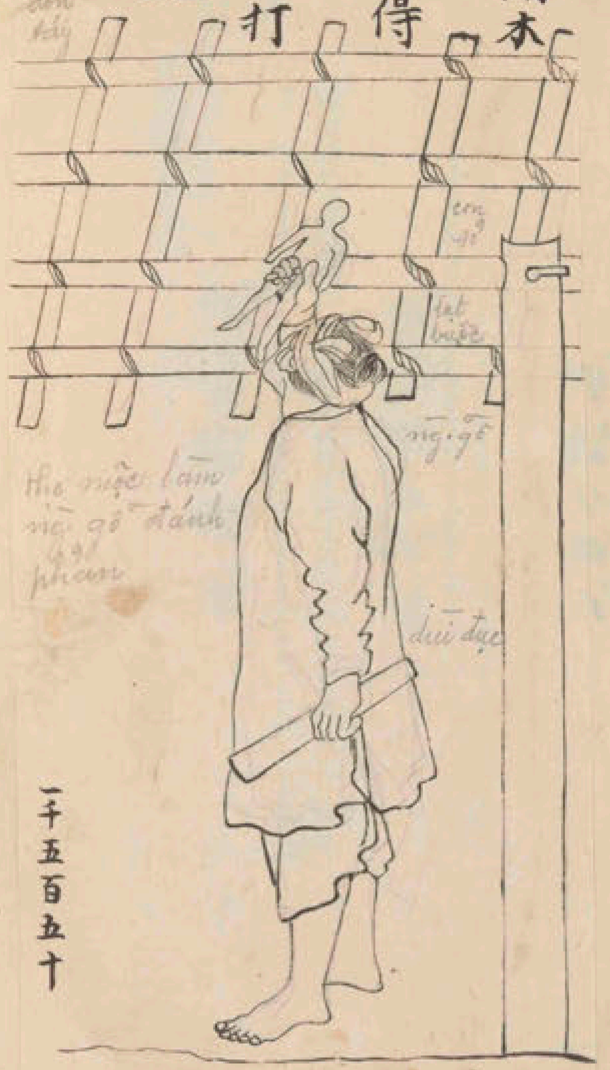

一千五百五十

1550

連幗亡

1755

一千七百五十五

祕檜槐

假彡昌

得莚澍

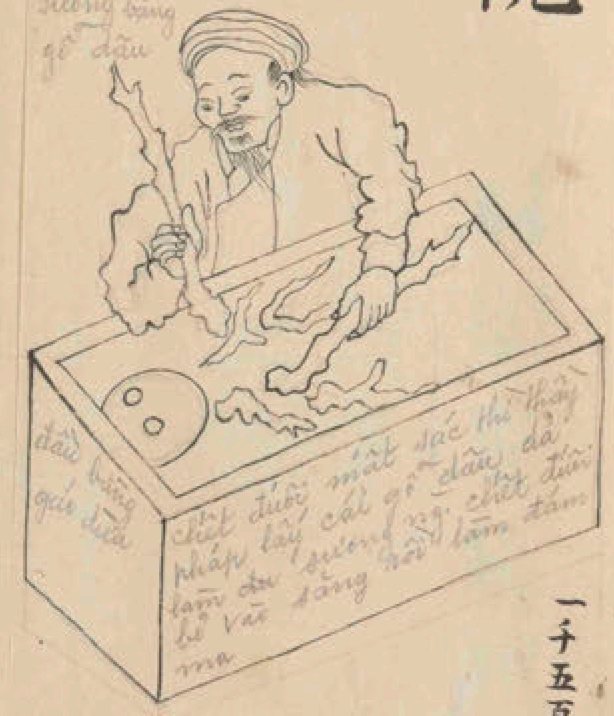

1551

一千五百五十一

807

圖僊鉑

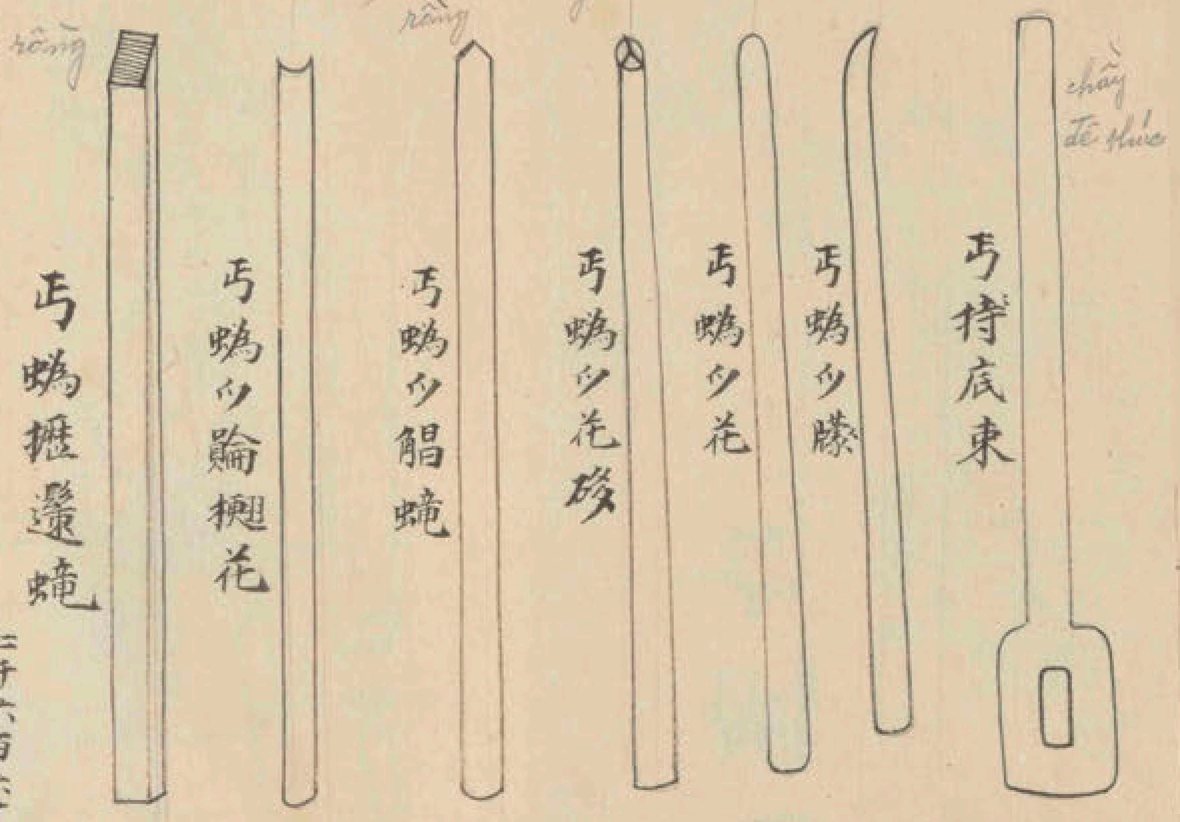

二千六百六十一

2661

Đồ thợ bạc

焀招㡳固財

lửa đèo. thì có tài

二千五百八十九

香鉢隊

一千五百六十一

2661

đồ thờ bạc

衝湉莧

二千五百四十九

1549

隊鉢香

一千五百五十九

1559

𢜠載

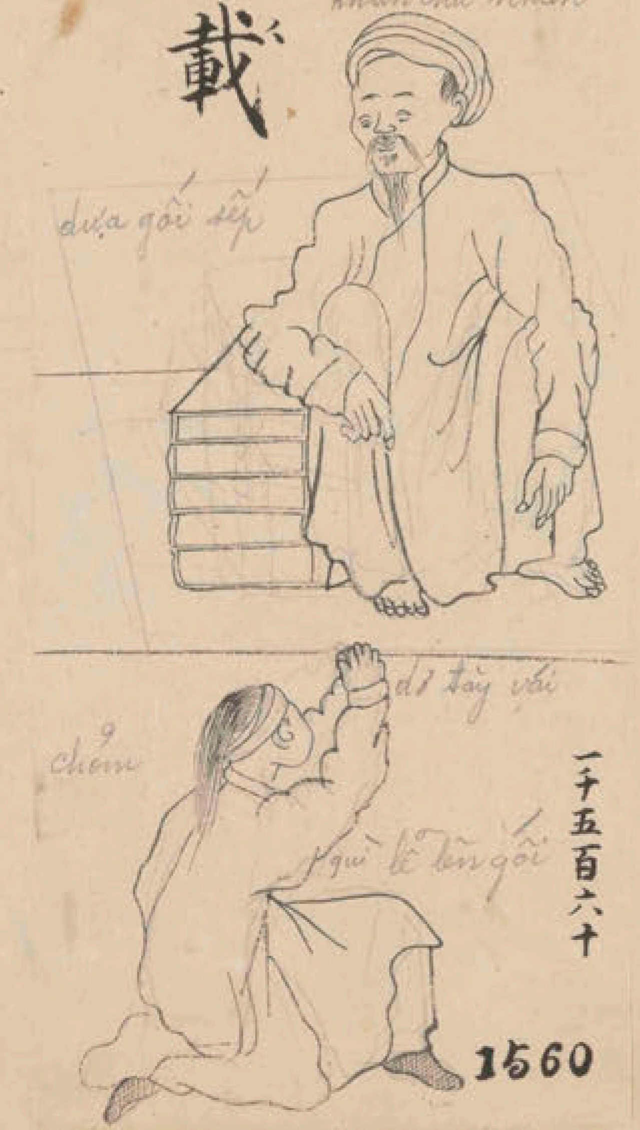

一千五百六十

1560

逐妻

一千五百六十一

1561

808

者轢疠相

二千七百六

2706

卜𥮊底秤徐得𣩂

二千六百五十四

2654

半火虎

bắn hoả hổ

一千五百六十四

1564

𡎢併錢

ngồi đếm tính tiền =
hàng 1 chầm, hàng 1 chục,
hàng 1 đồng, hàng 1 vạn.

一千五百四十六

1546

塔坡[illegible]

Đắp bờ đường
tháng chạp thì đắp

一千五百四十七

1547

自刎証冤

tự vẫn vì oan
thắt cổ deo vạ

一千五百四十八

1548

hồ tơ sợi lính

糊絲纏頓

2205

二千二百五

Thỉnh tượng lên toà

請像蓮座

二千六百六十八

2668

因 觧

2205

二百五

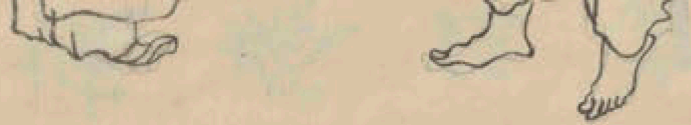

2008

擯揞尋金

Chơi kéo tìm kim

一千六百六十

thợ may mất kim thì lấy vải chơi kéo thì tìm thấy cái kim

1616

殺螻螂

giết sâu bọ cho khỏi đau lưng ngày tết mùng năm tháng năm

一千六百五十六

1656

觧囚

Thanh mã tấu / giải tù / đòn khiêng

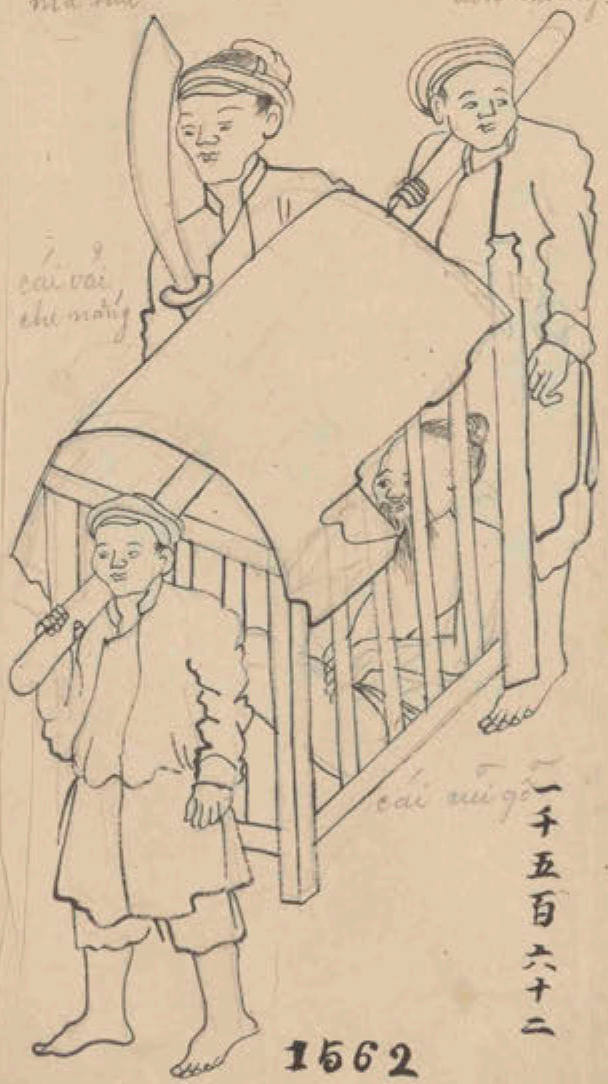

一千五百六十二

1562

招銅壺報

Theo đồng hồ gáo

一千五百四十五

1545

810

𠏲揀會

二千六百五十七

2657

梗柘

二千六百三十六

2636

2636

彈婁
緻袺

Lừu bà mấy quần

一千六百二十九 1629

饒得唿片

nhiều người hút phiện

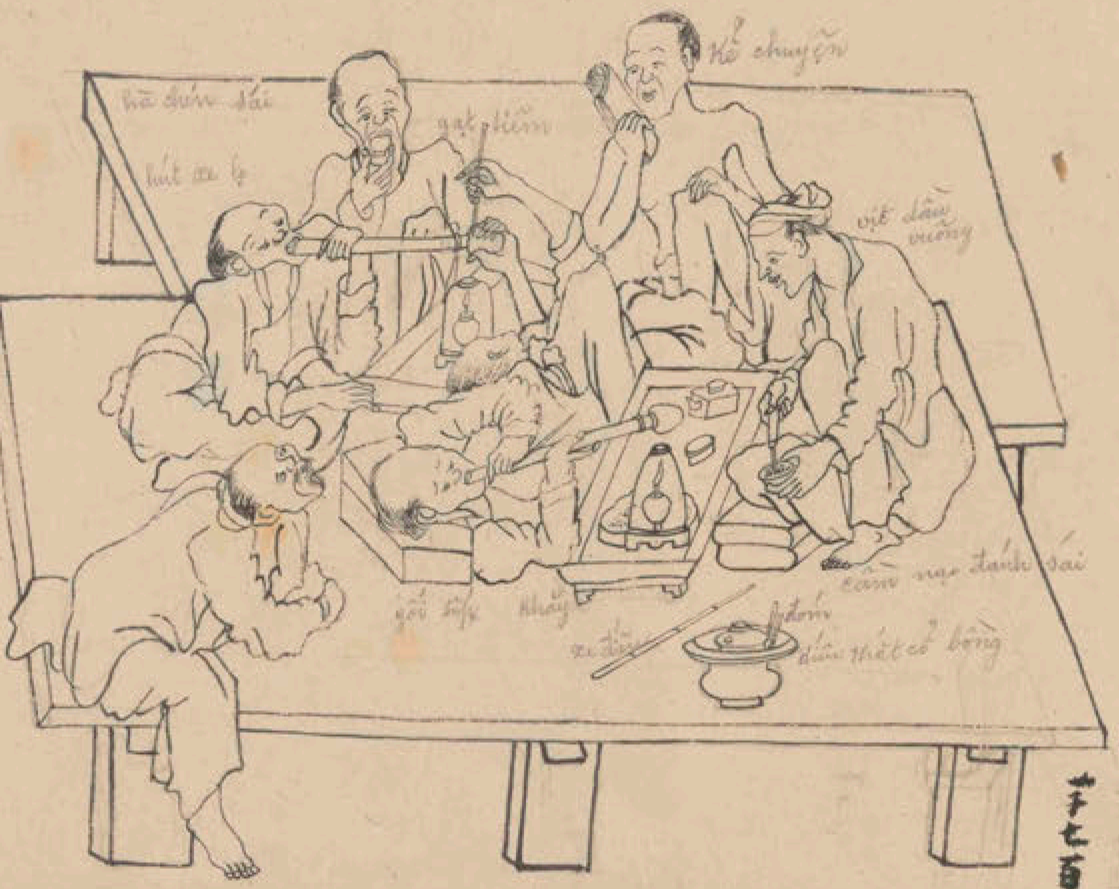

一千七百五十 1750

殺鵝皇
連墓底
𠃣符

giết gà chẳng
chôn người để làm bùa

一千五百五十二 1552

圖底焫蜜

Đồ để nấu mật

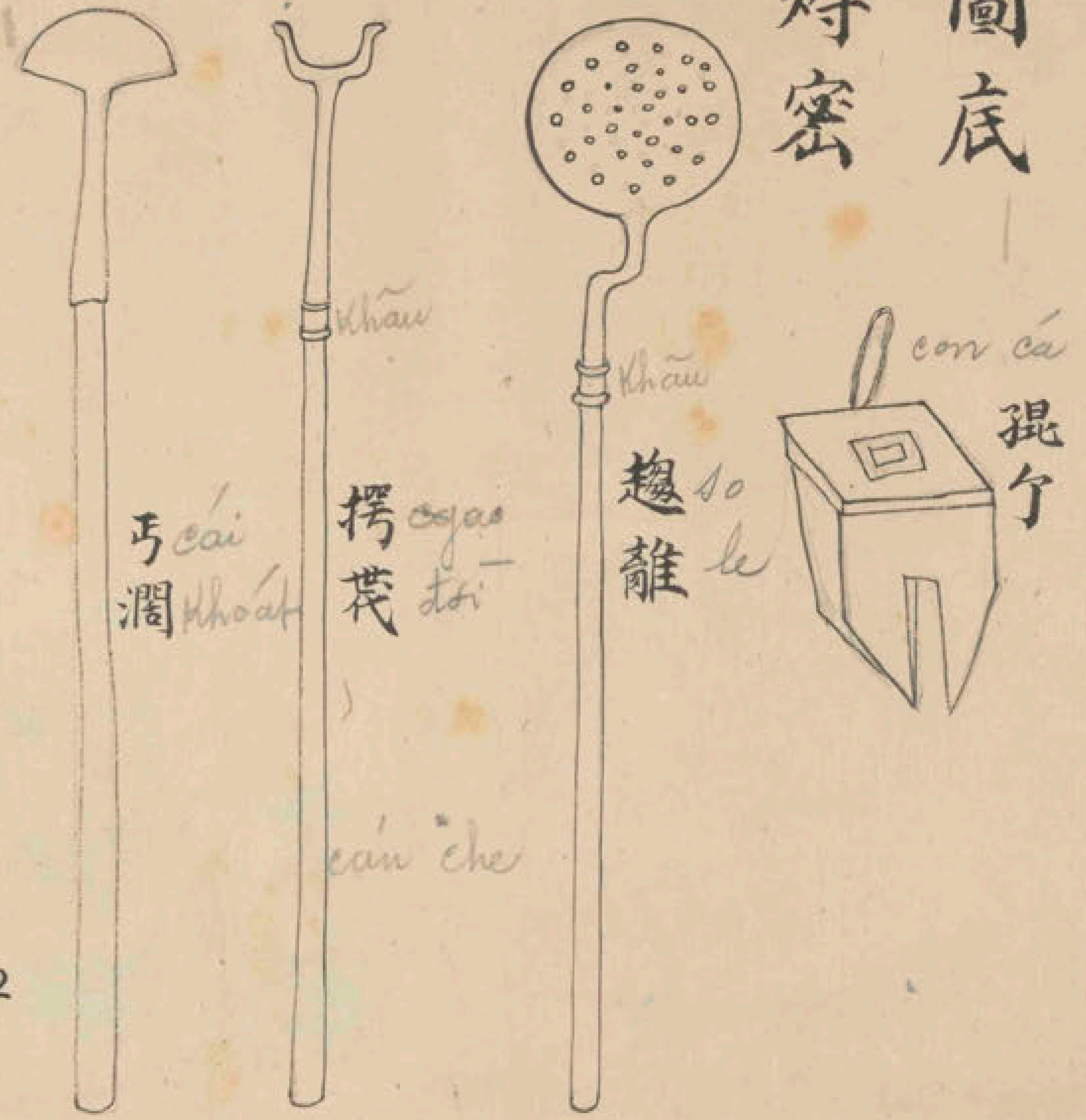

二千七百廿二

2722

船𢭸𡋂坦

Thuyền chở nồi đất

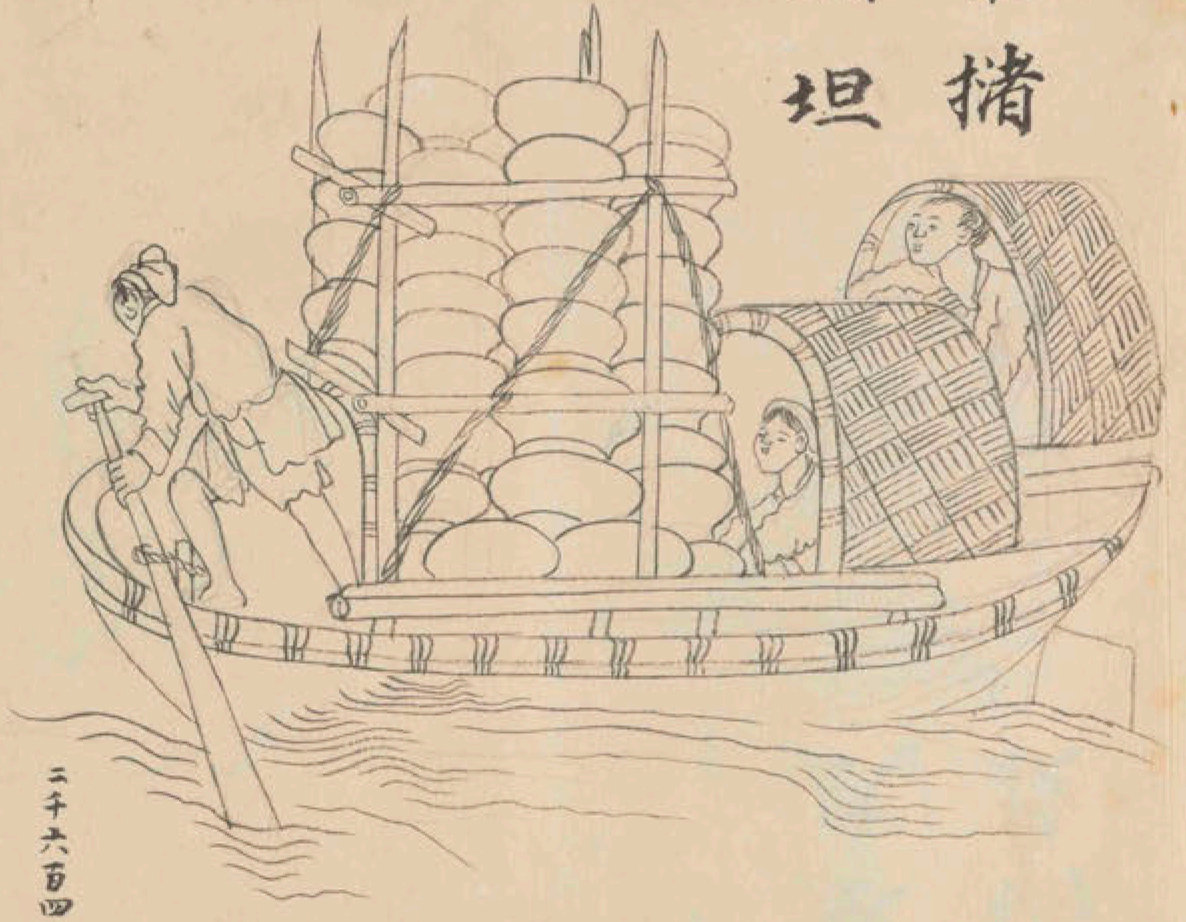

二千六百四十八

2648

2722

十八 2648

壻子行送

一千六百三十六

1636

襖客短䄓

一千六百二十六

1626

⿰扇夬符夭

一千六百三十四

1634

諫符夭包⿰扇夬

一千六百三十五

1635

812

𠂉櫝狢朋棺材湆

Làm đi cũi
lợn bằng quan
tài cũ

二千四百九十五

2495

treo chuông đồ
trước bàn
thờ

二千三百八十七

2387

鳶形吴虹

一千六百十

1610

地圖

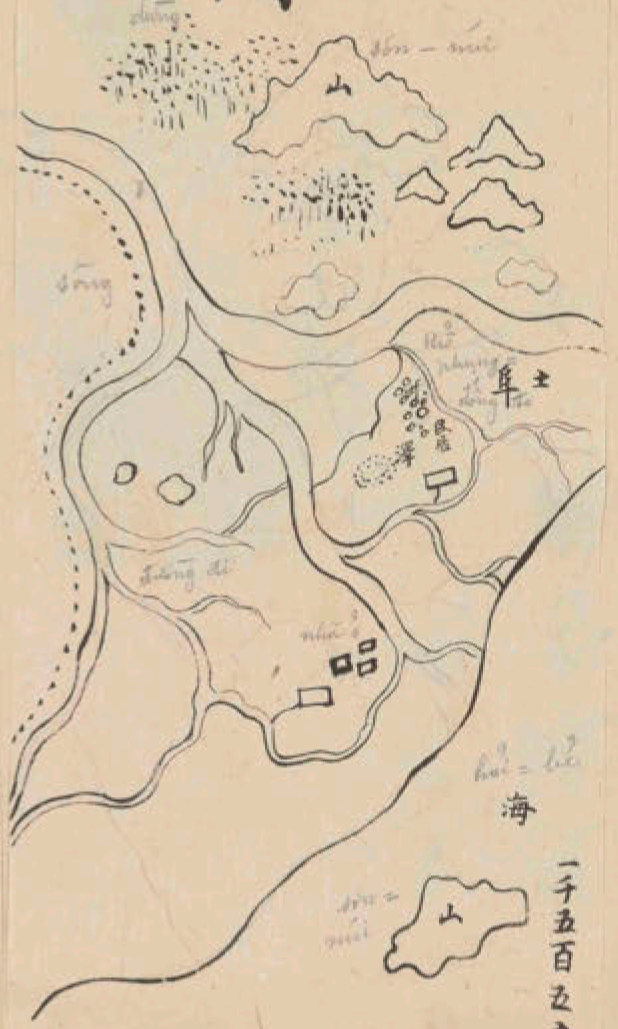

一千五百五十四

1554

搭樓袂焰

一千五百五十五

1555

擷梏

一千五百五十六

1556

813

sát nén hương đen để
khô dính

殺穰香瀕
底空項

二千三百八十

2380

茄燒香

nhà thiêu hương

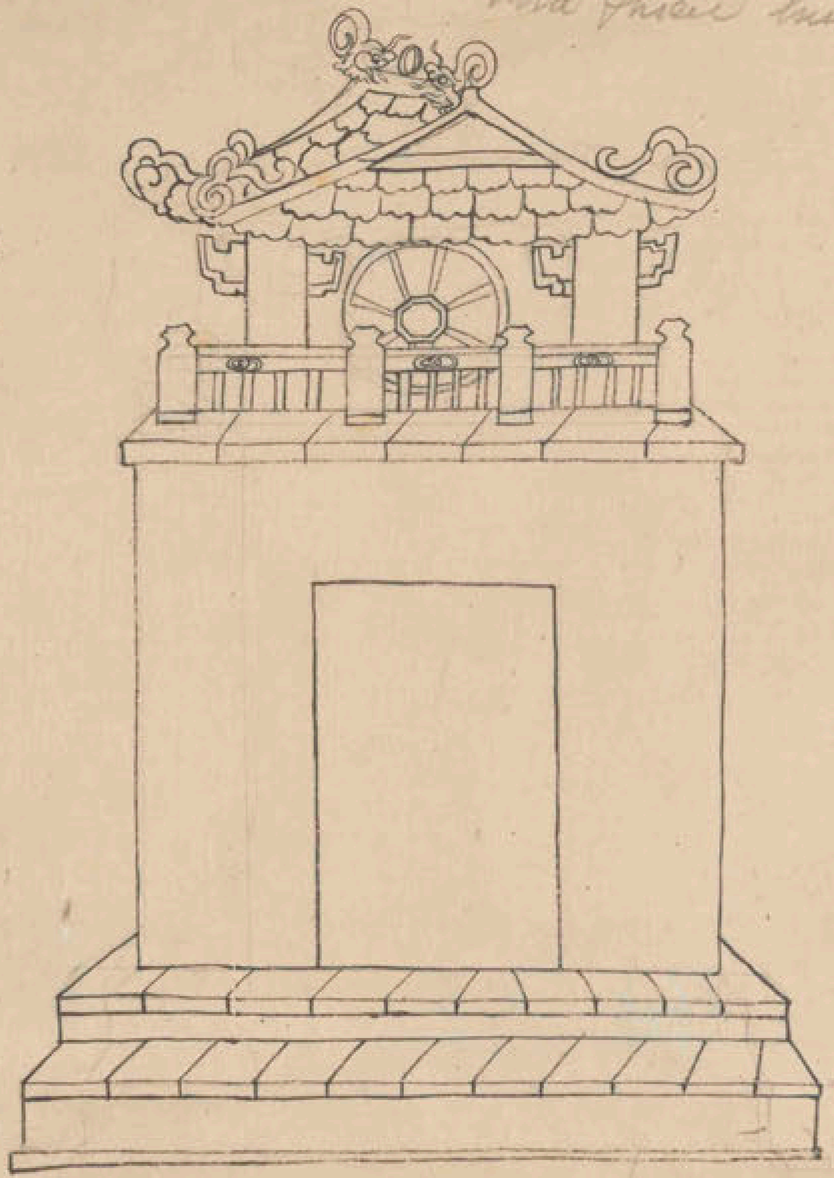

二千三百七十二

2372

2380

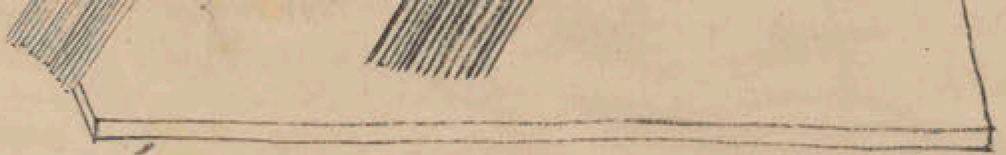

2872

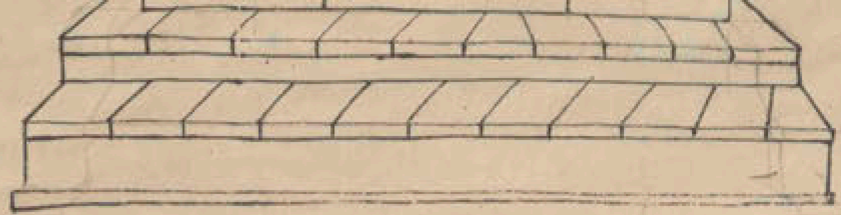

捞䓂成伕
底除
邪
節端午

一千五百五十三

1553

撲坪碳

一千六百三十三

1633

䏧肝

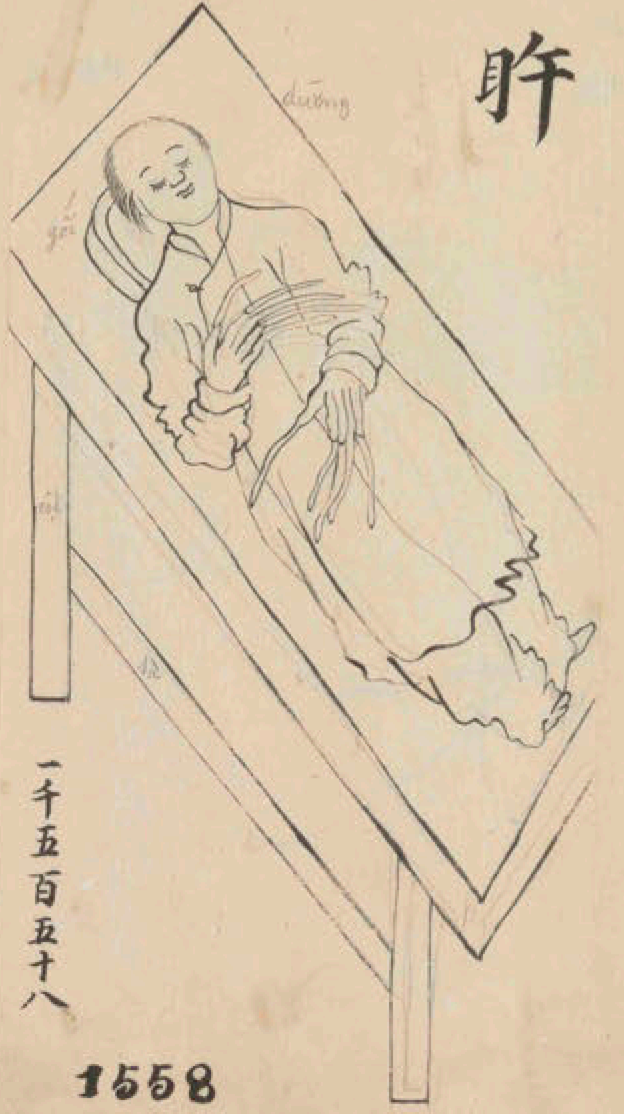

一千五百五十八

1558

刖還
杯碳

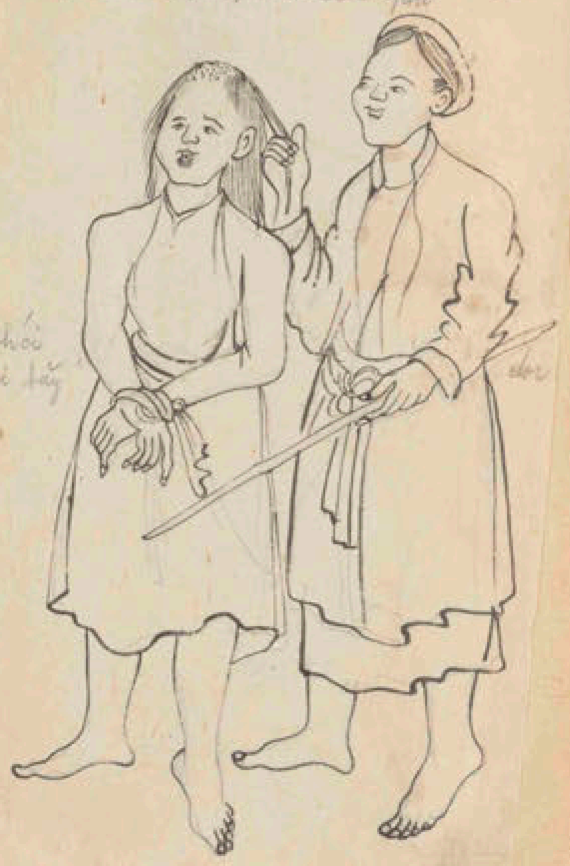

一千五百五十七

[illegible]函

quạt hòm

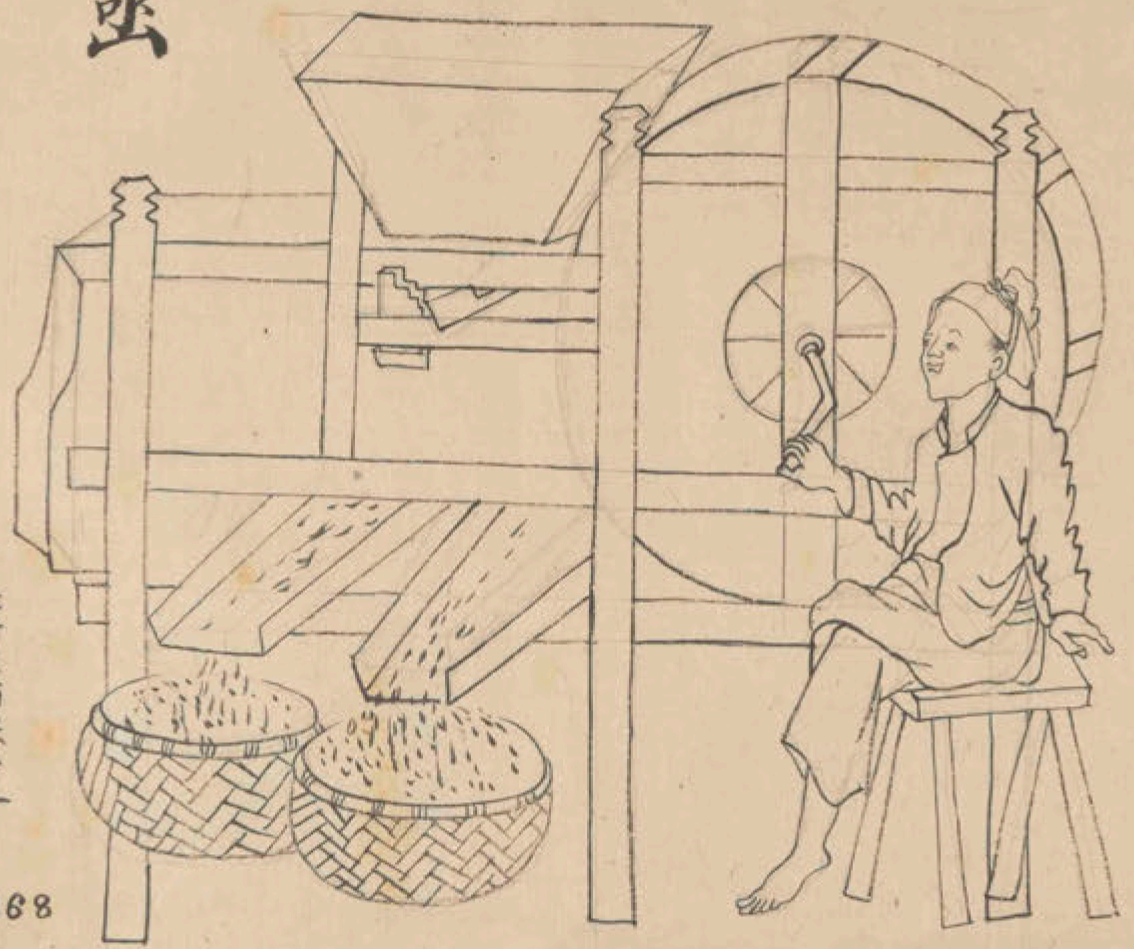

二千三百六十八

2368

Đánh sợi vải

打[illegible]締

二千三百六十六

2366

貼昌稿

一千六百三十

1630

主神

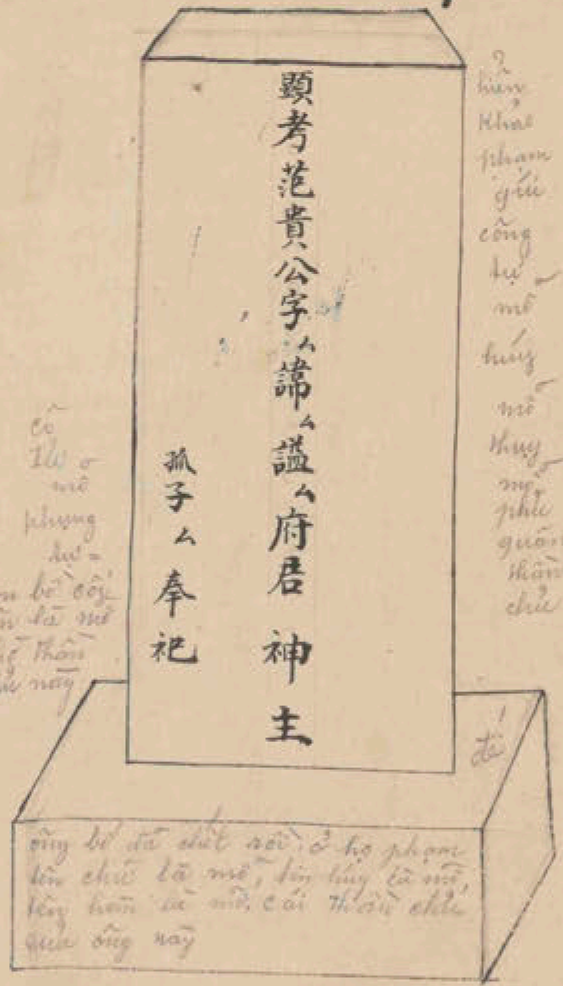

一千六百六十

1660

踫沛
桊驚

con phải sài kinh, thì mẹ bế ôm vào lòng để con khỏi sợ

一千六百三

1603

車腨
狂墨
㐌朘

Xoa mực chó mực vào lưng để chữa ma quỷ

一千六百五

1605

𠺙嘵蜍

二千二百九十三

2293

[illegible]頭廈

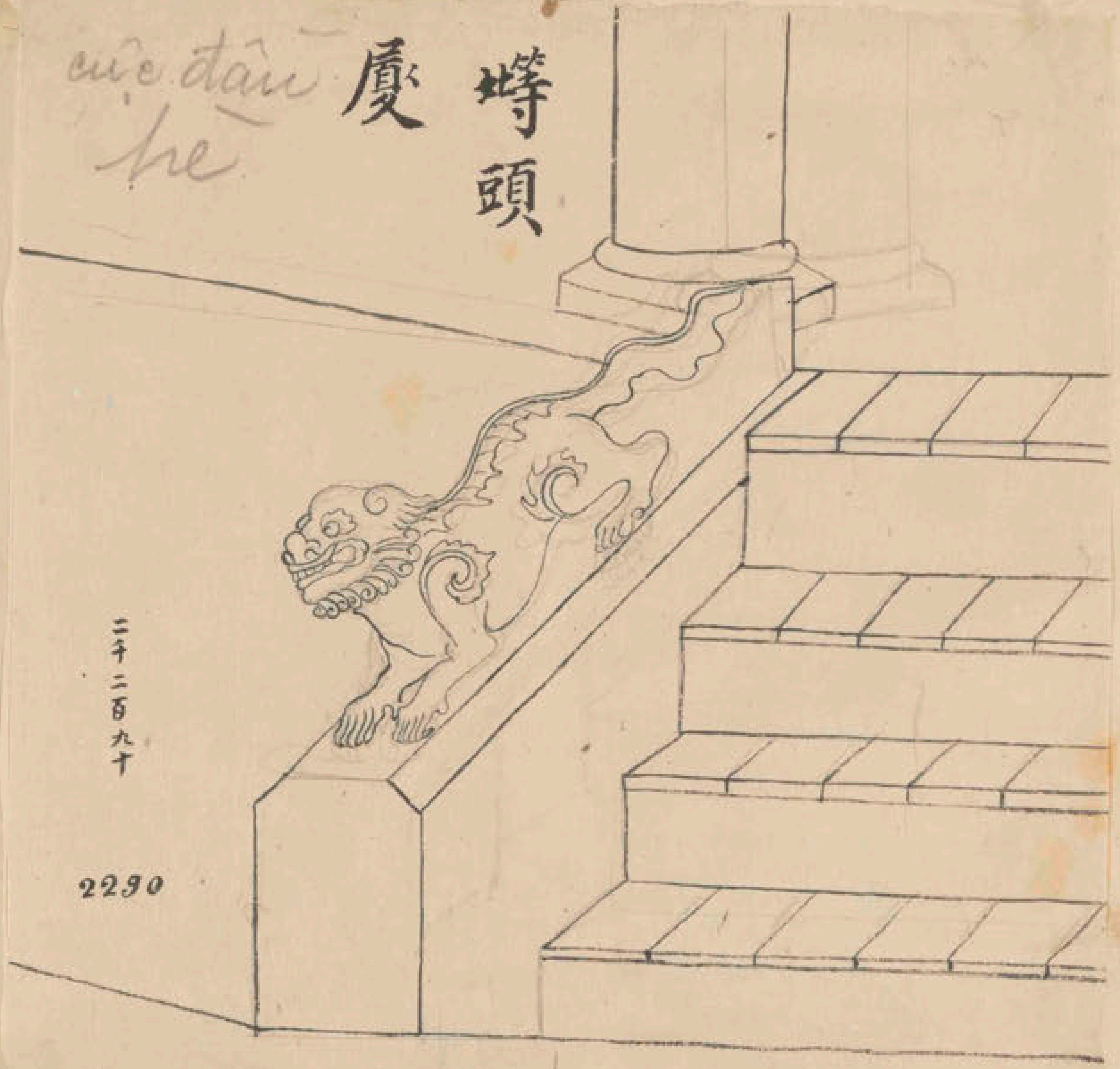

二千二百九十

2290

2293

剳訥
胈樓
底厲

一千六百三十一

1631

句對形
菓桃圖遂麻

一千六百五十

1650

八宝形伏手
圖遂麻

一千六百四十九

1649

八宝形瓣
圖遂麻

一千六百四十八

1648

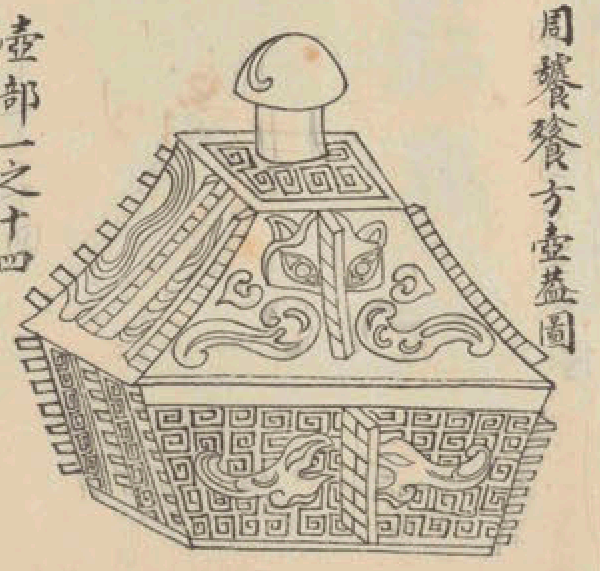

周饕餮方壺蓋圖

壺部一之十四

唛衲徃墨朱掍悫瘨

ăn thịt chó mực cho con khỏi gầy

一千五百九十九

1599

縸坪碳枛痔

tưới bình vôi để sĩ đồ thờ bà cô

一千六百二十七

1627

吟肞炉碳

ngâm da lò vôi để đóng giầy và bưng chống

一千六百二十八

1628

拎烟迻麻

cầm đèn đưa ma

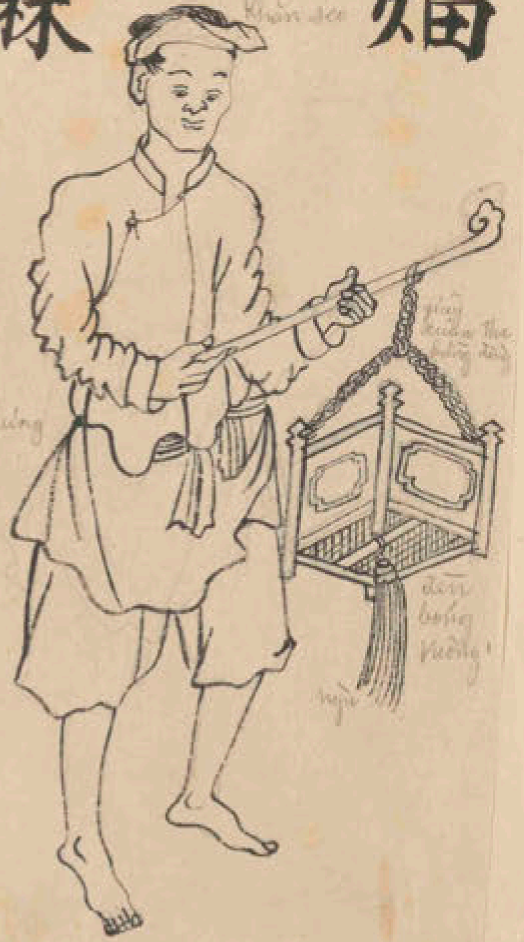

一千六百五十一

1651

817

周貫耳壺二圖

壺部一之十一

48

周貫耳壺三圖

壺部一之十二

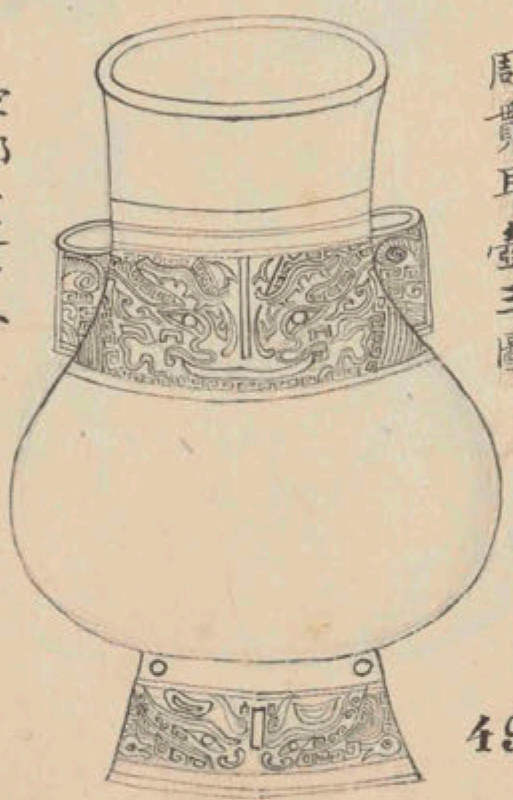

49

周貫耳壺四圖

壺部一之十二

50

周貫耳五圖

壺部一之十三

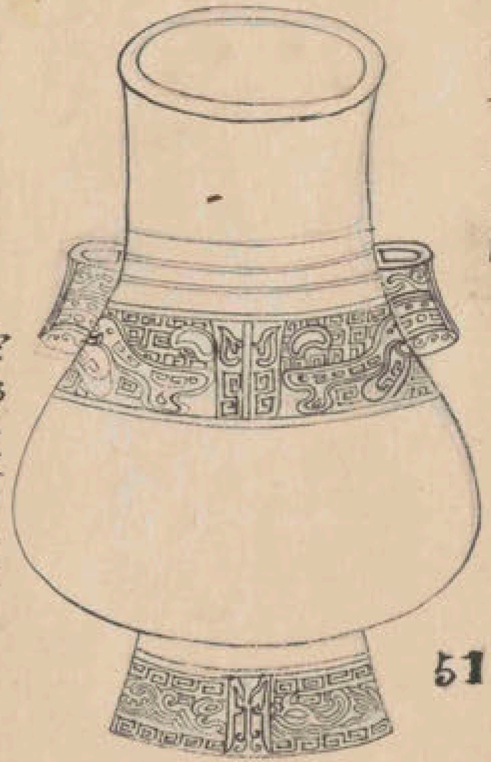

51

坈坦
府亭

nồi đất ở phủ Đình lâm để đựng nước, tương, dưa, cà

一千三百二十三

1323

[illegible][illegible]
迻麻

一千七百五十四

1754

句對形菓蘇
迻胆麻

一千六百二十一

1621

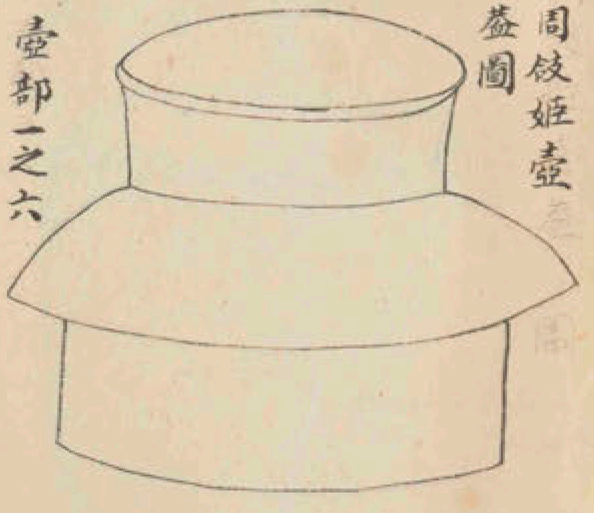

周鈘姬壺蓋圖

壺部一之六

42

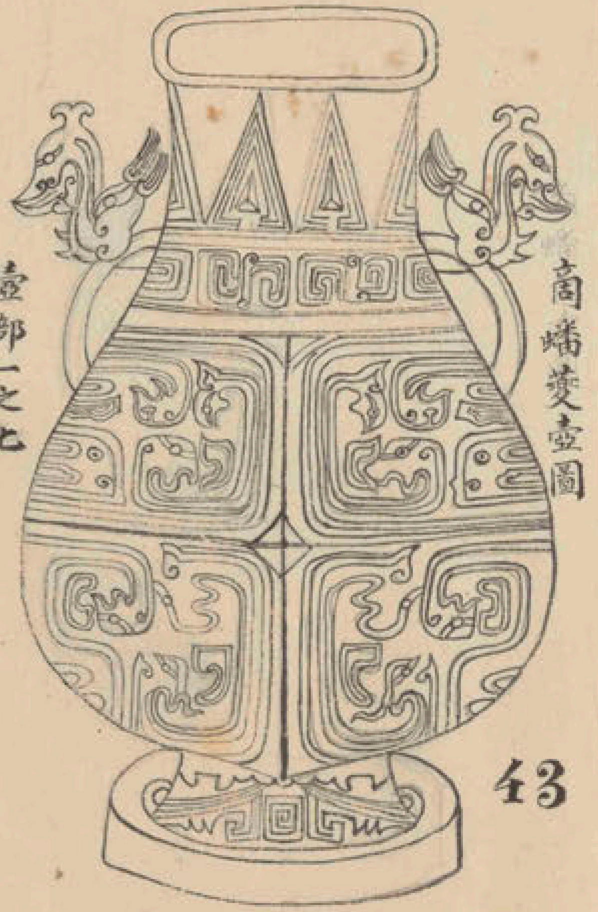

商蟠夔壺圖

壺部一之七

43

周仲丁壺圖

壺部一之八

44

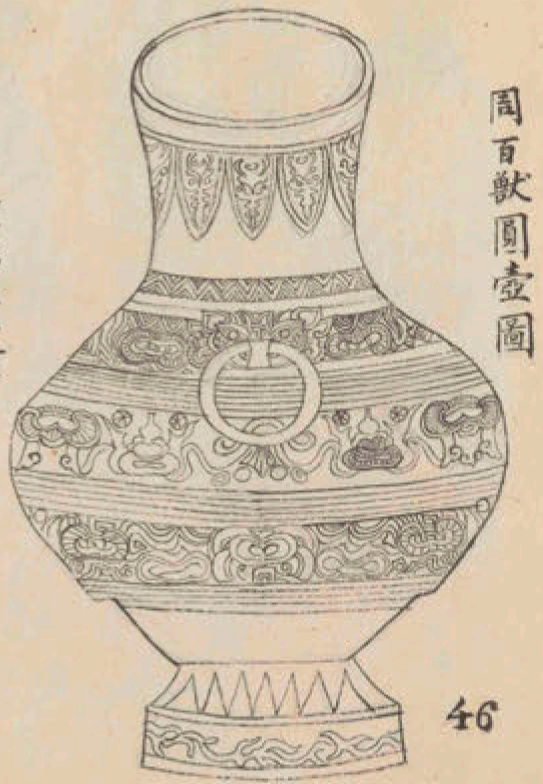

周百獸圓壺圖

壺部一之十

46

新嘗礼

一千六百五十七

1657

迹船

一千八百九十五

1895

扒沃

一千八百九十四

1894

迻胆麻

八宝函書

一千六百二十二

1622

819

圓壺圖

壺部一之一

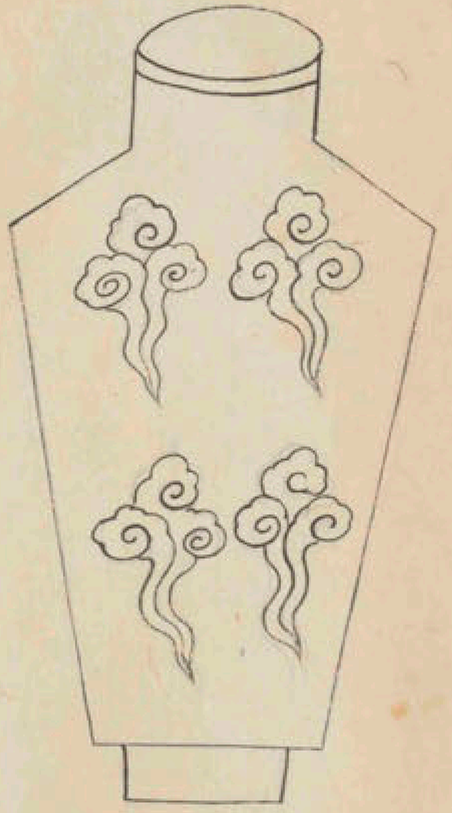

38

酒壺圖

壺部一之二

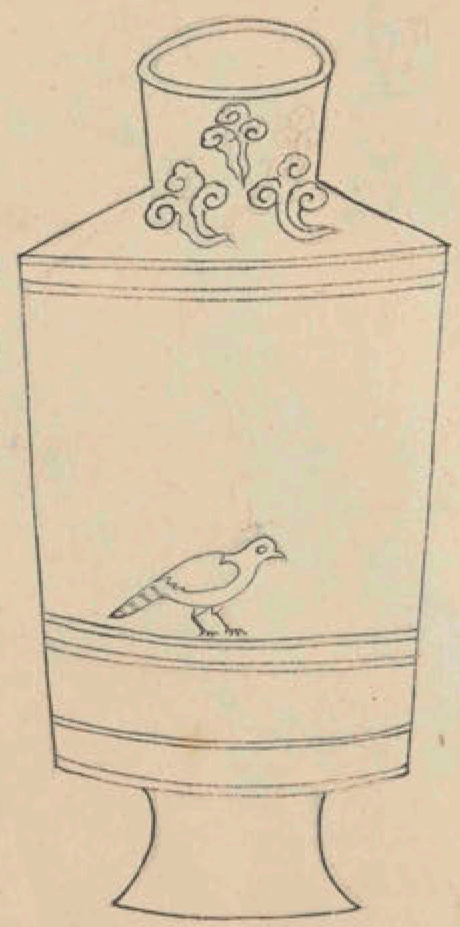

39

商貫耳弓壺圖

壺部一之四

40

商餃姬壺圖

壺部一之五

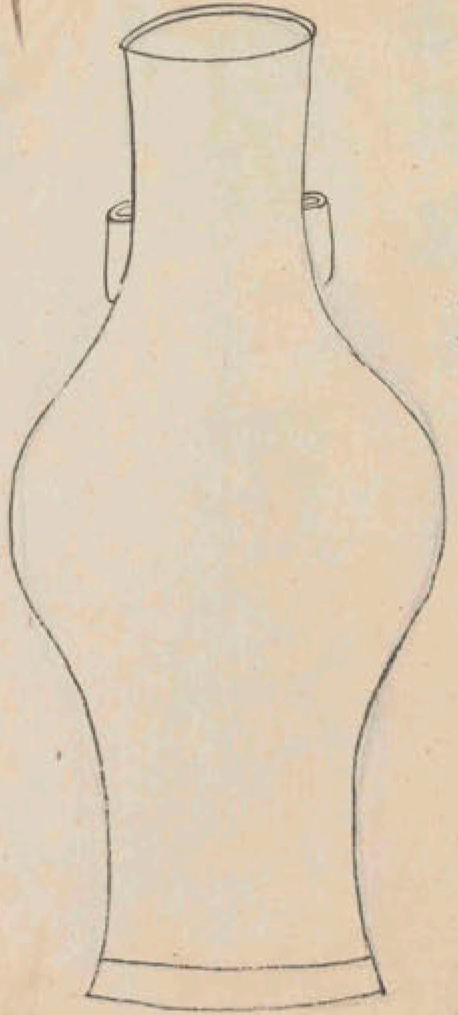

41

圖逡麻

八宝菓桃

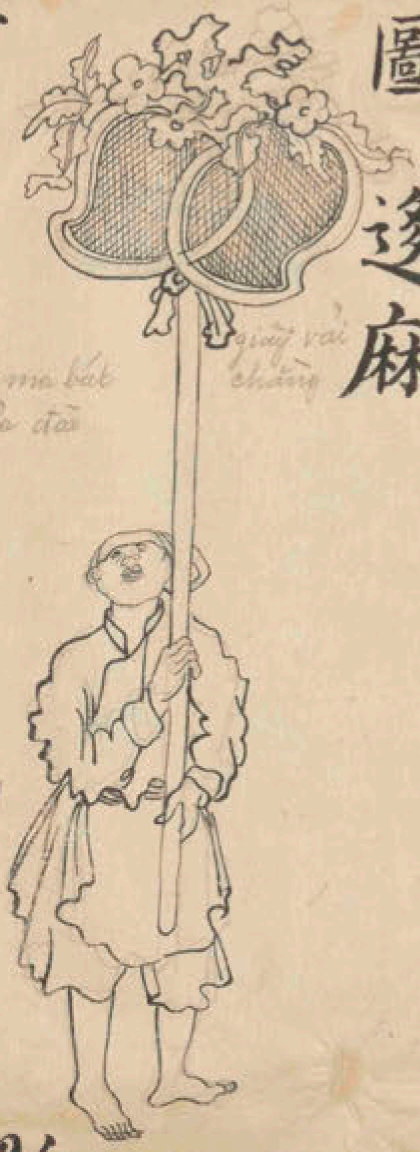

一千六百二十四

1624

句對逡麻彤丐彈

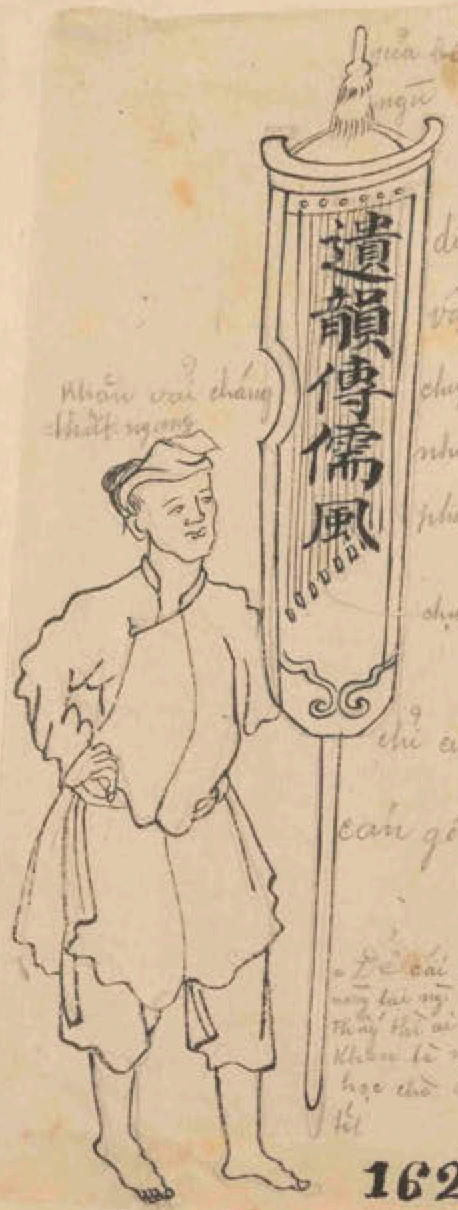

一千六百二十五

1625

逡油

胆膺

一千六百五十八

1658

嫛招

逡麻

一千六百七十九

~~1678~~ 1679

820

周四足卣一圖

卣部二之二十三

34

周四足卣二圖

卣部二之二十四

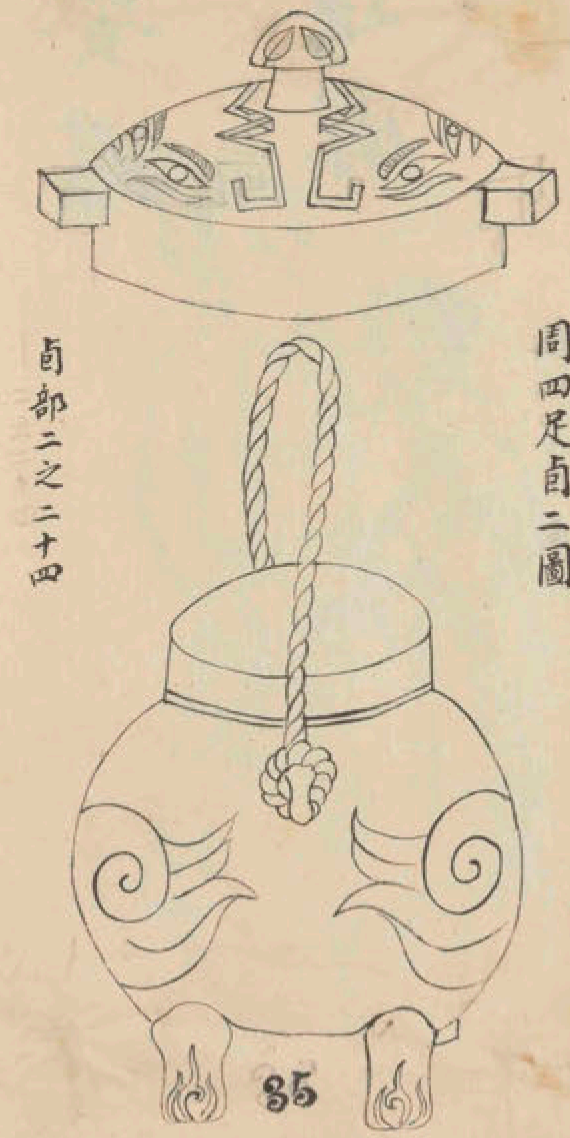

35

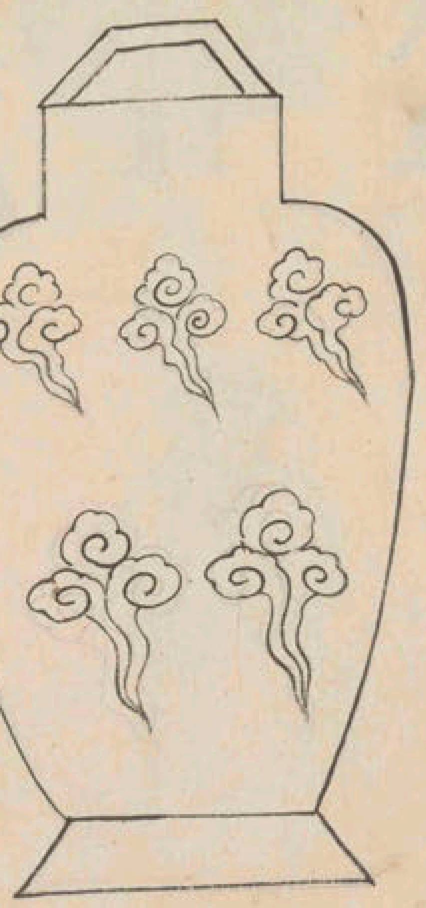

37

圖逡麻八室菓榴

一千六百二十三

1623

[illegible][illegible]狂顛

一千六百三十

1632

荅[illegible]礼[illegible]

一千六百六十五

1665

神主[illegible]

一千六百五十九

1659

周方紋卣圖

卣部二之二十

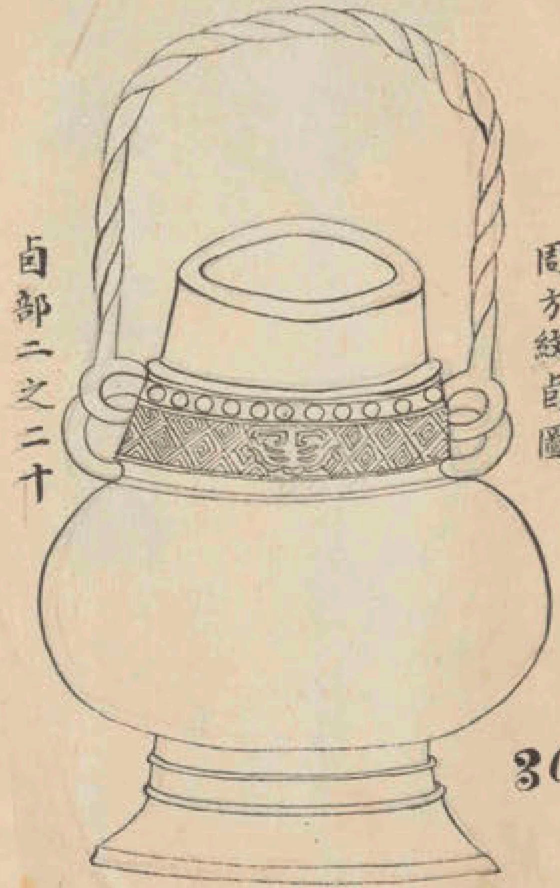

30

周方紋卣蓋圖

卣部二之二十二

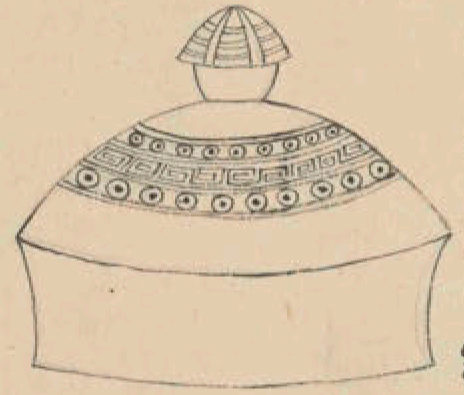

31

周魚紋方卣圖

卣部二之二十二

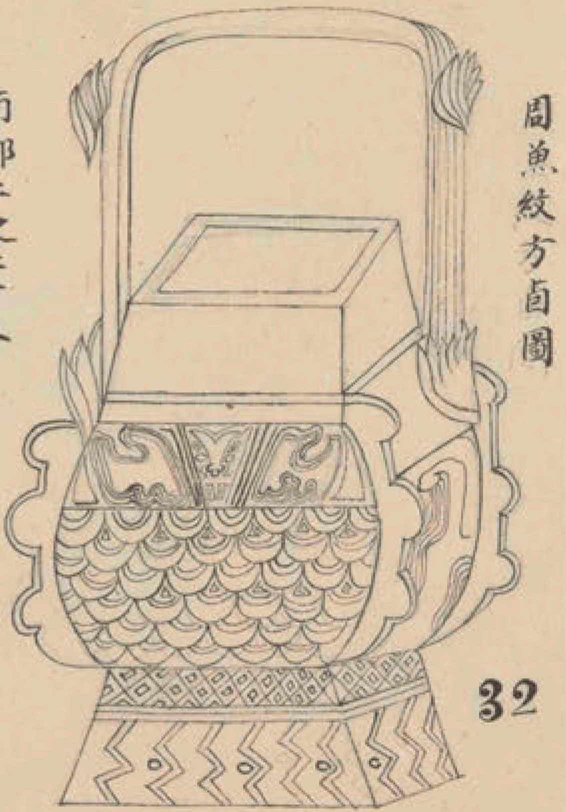

32

周魚紋方卣蓋圖

卣部二之二十三

33

扶璐花蓮迻麻

一千六百七十

1670

八音迻麻

一千七百五十八

1758

八宝絹書圖迻麻

一千六百四十二

1642

822

周饕餮卣蓋圖

卣部二之十八

26

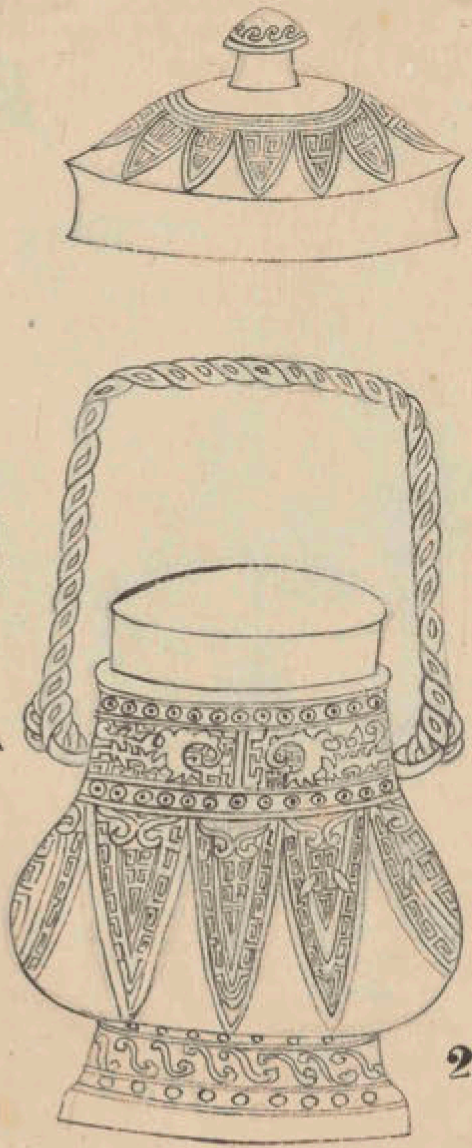

周垂花卣圖

卣部二之十九

27

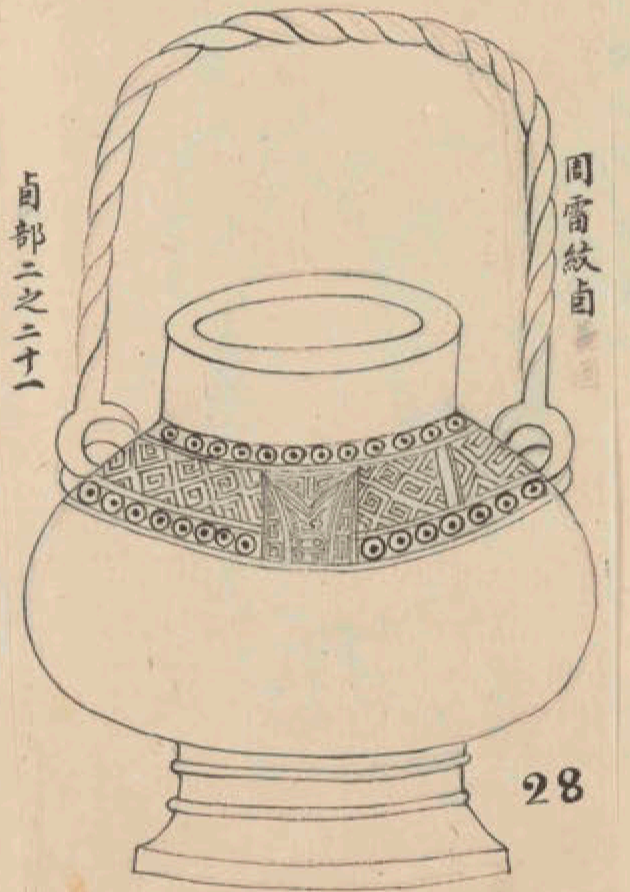

周雷紋卣

卣部二之二十一

28

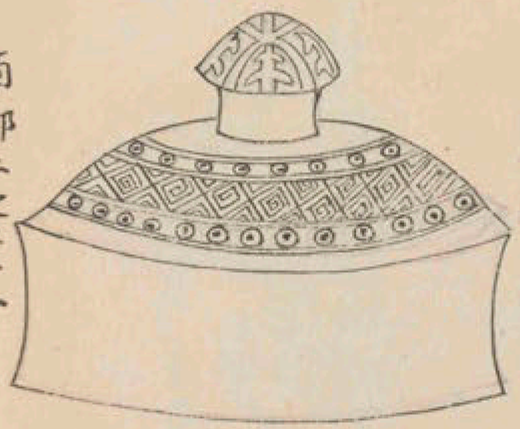

周雷紋卣蓋圖

卣部二之二十一

29

Bd St Michel
Papiers de dessin

逡胆麻

一千六百七十一

1671

淥渃榶

一千六百三十八

1638

喪畢去喪服河中

一千六百五十二

1652

割鈌

一千六百三十七

1637

823

周蟠夔卣一蓋圖

卣部二之十五

21

周蟠夔卣二蓋圖

卣部二之十六

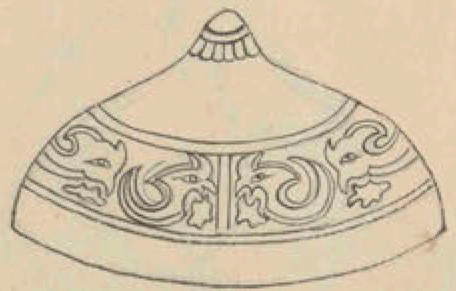

23

周蟠夔卣二圖

卣部二之十六

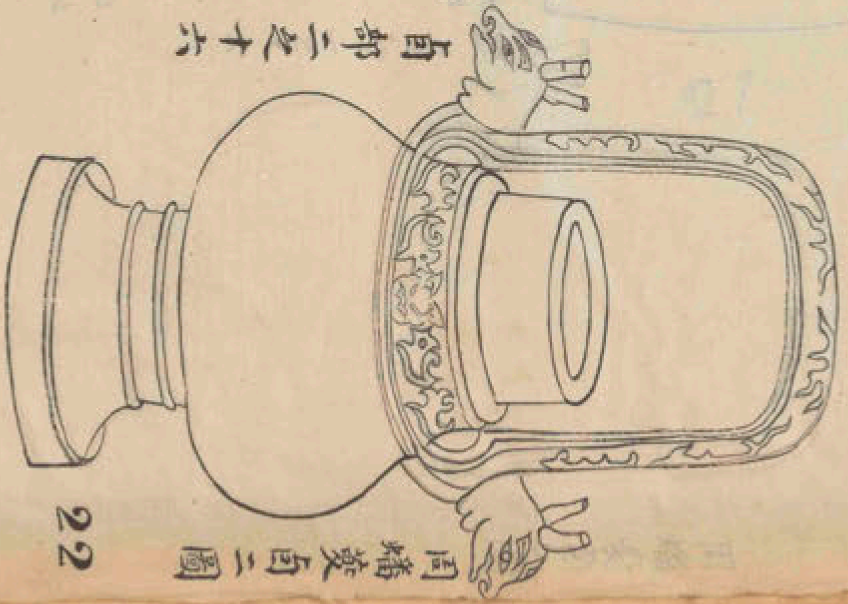

22

周蟠夔卣三圖

卣部二之十七

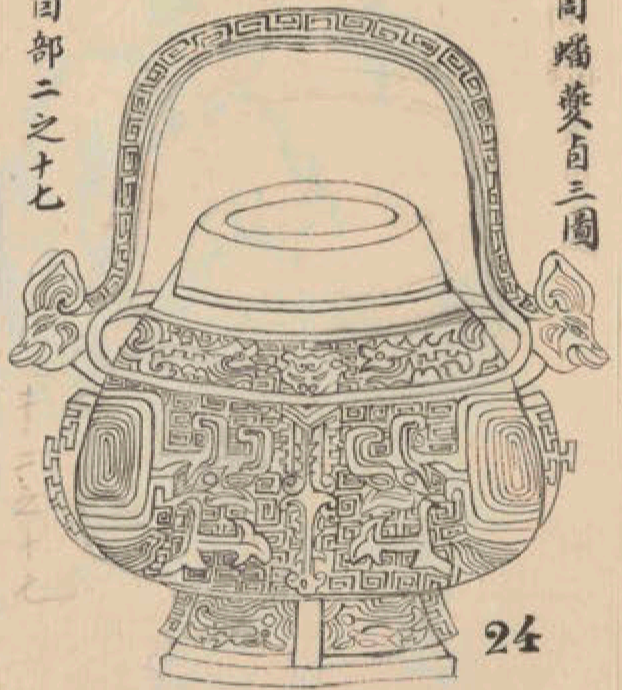

24

周饕餮卣圖

卣部二之十八

25

抺招樣迻麻

一千六百三十九

1639

撍纏拂扇針金

一千六百四十

1640

乜菓梞帯扇

一千六百四十一

1641

拎扇迻麻

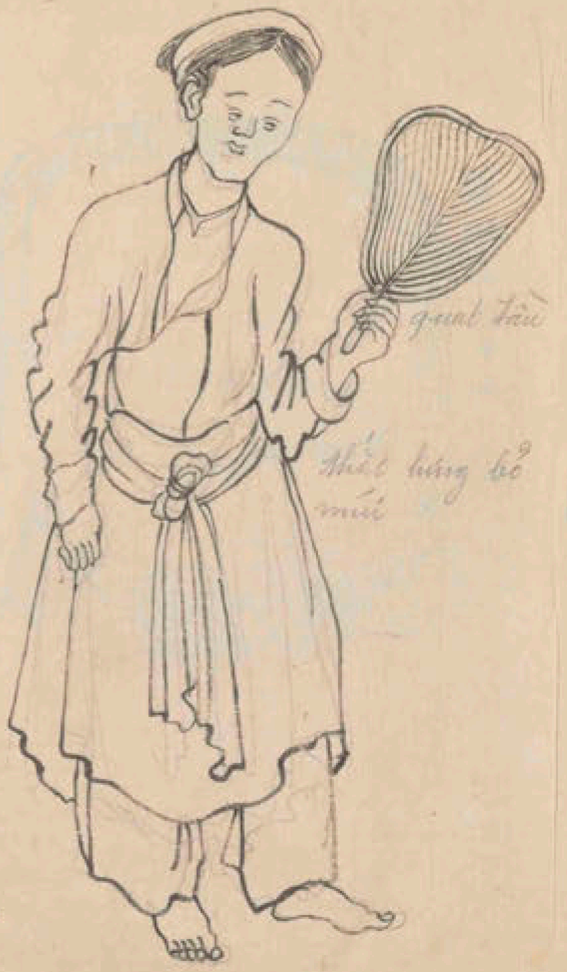

一千六百七十二

1672

周夤中卣圖

周大中卣圖

卣部二之十二

17

周尹卣蓋圖

卣部二之十三

18

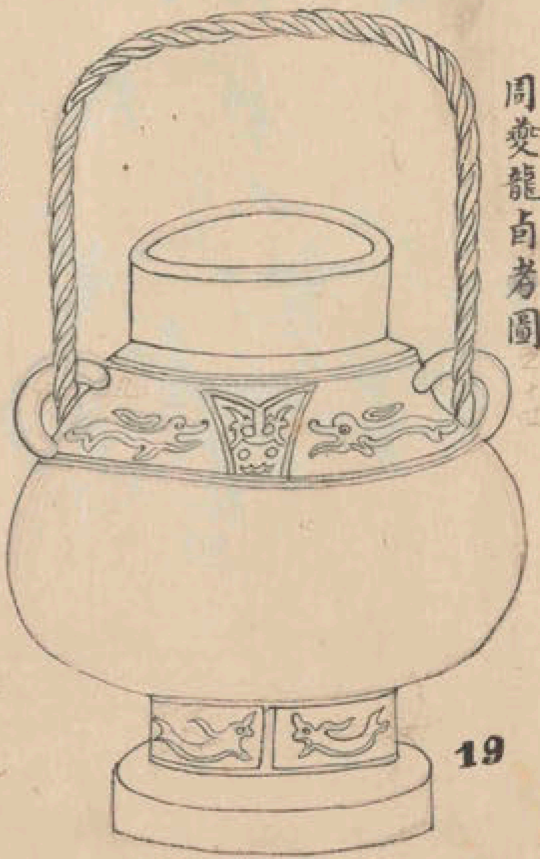

周夔龍卣考圖

卣部二之十四

19

周螭夔卣一圖

卣部二之十五

20

遂麻

一千六百五十三

1653

纀巾昂底喪

buộc khăn ngang đi tang

一千六百五十四

1654

拎烟遂麻

cầm đèn đưa ma

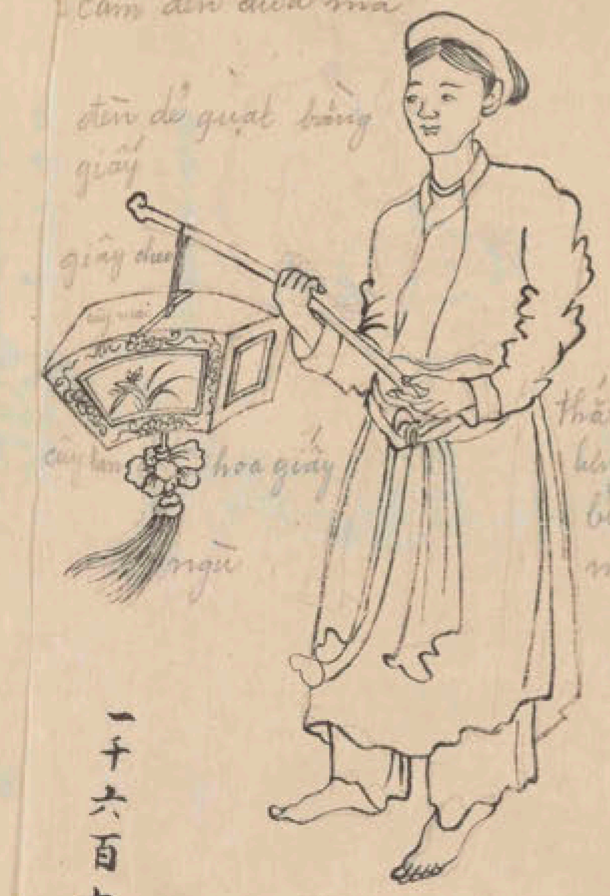

一千六百七十三

1673

王大隆

周卅卣圖

卣部二之九

18

二之九

周卅卣蓋圖

周卅卣蓋圖

卣部二之九

14

二之九

周孫卣圖

周孫卣圖

卣部二之十

15

二之十

周孫卣蓋圖

周孫卣蓋圖

卣部二之十一

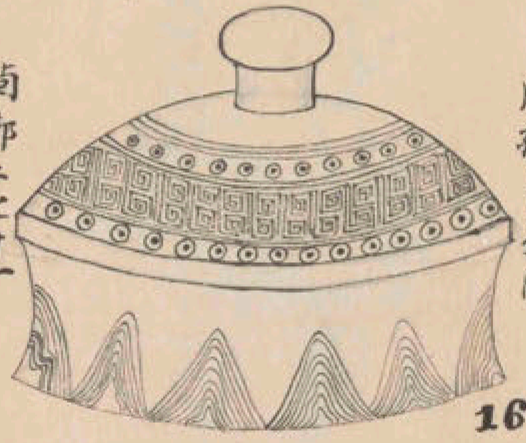

16

二之十一

Trần Đại Vương

Dynastie favorisait
Dông? – mariée avec
la Cour – il
s'enleva a un général
le père même où
elle avait de marraine
le général avait partir
en campagne – J
suivant le général
a la guerre – il fit
tout passé d'affaire.
prenu [illegible] de mari
pour X de mariant
aux tante – on ne
cherche pas à [illegible]
– les femmes [illegible]
l'adorent surtout –
– [illegible]
maisons ont l'adoré
– il y a lieux de
pèlerinage –

sắc
tứ
bình
an

bản của ông
Chánh Chẫn
cho để đọc được
bình an

chèm (village, près
Hanoï = pagode)
Đình. –
– gens d'alentour
viennent à fête du Saint
1 fois = an
– Concours de pigeons lancés – –
– difficile de se procurer la
notice du ~~Diau~~ génie –
on ne peut l'avoir qu'in
directement en se faisant
communiquer lors de la
demande d'un projet –
a la cour d'Annam il y a
dossier de génie. –
a Hanoï Résidence Supér

inconnu en Cochinchine

826

Trần Đại Vương

Dynastie favorisant bonzes _ marié avec sa tante _ il l'enleva à un général le jour même où elle devait se marier le général devait partir en campagne _ il suivait le général à la guerre _ il fit tout pour l'apaiser

peine de mort pour X se mariant à sa tante _ on ne cherche pas à justifier _
_ les femmes _
l'adorent surtout _
_ pas de pag dans les maisons on l'adore _
_ il y a lieux de pèlerinage _

sắc tứ bình an

bùa của ông Chánh Chẫn cho để đeo được bình an

[illegible]chèm (village. près Hanoï = pagode.)
Đình. —
— gens d'alentour viennent à fête du saint 1 fois = an
— Concours de pigeons lancés — —
— difficile de se procurer la notice du ~~Dình~~ génie —
on ne peut l'avoir qu'in directement en se faisant communiquer lors de la demande d'un projet — à la cour d'Annam il y a dossier de génie. —
à Hanoï Résidence Supér

inconnu en Cochinchine

826

周伯宝卣三圖

卣部二之六

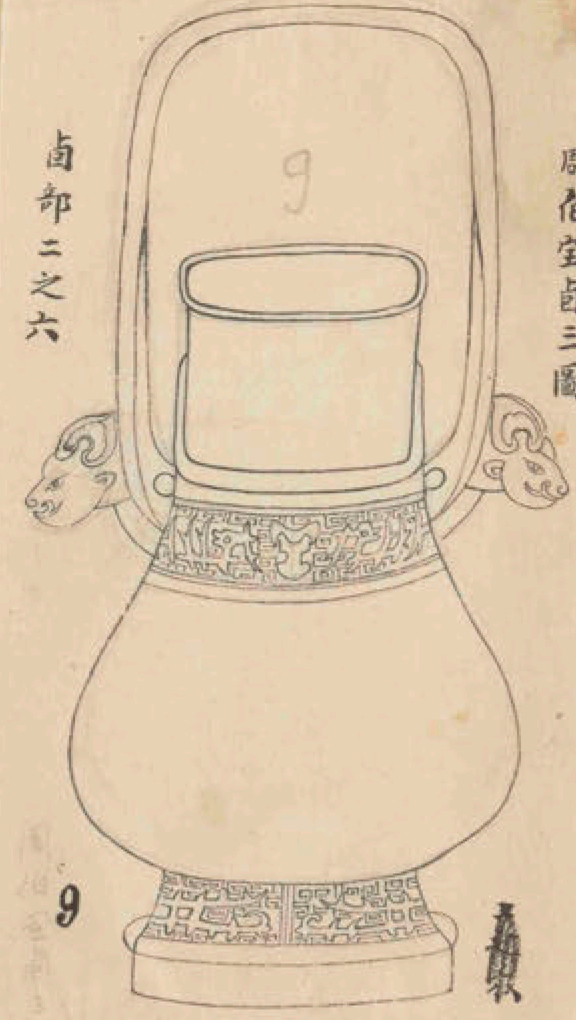

9

周伯寶卣三蓋圖

周伯宝卣三蓋圖

卣部二之七

10

周父乙卣圖

二之八

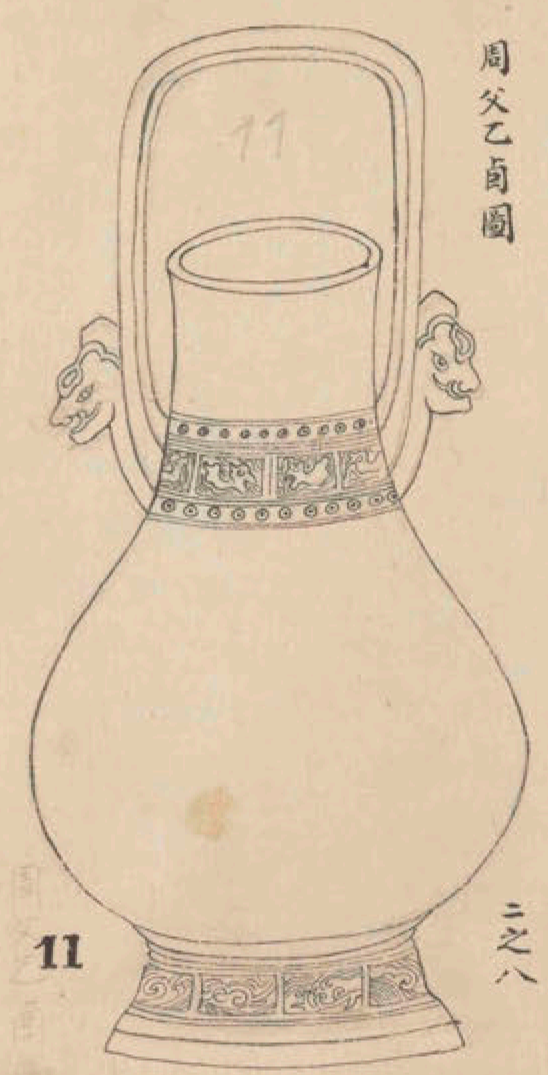

11

周父乙卣蓋圖

周父乙卣蓋圖

卣部二之八

12

giấy này ở chùa quan thánh in ra để
khi cúng thì bày ra cúng song rồi đốt đi,
như thế, không phải mua đồ hàng mã nữa

827

chu bá bảo
mô nhất đồ =
vẽ cái mô có một mình,
của ông
chu bá
bảo

周伯寔卣一圖

卣部二之四

đồ bộ
nhị chi
tứ 5 =

cái mô này ở bộ thứ
hai số về thứ tư

chu bá bảo mô nhất
cái đồ =
cái vẽ, cái nắp, cái mô.
một mình này, của ông
chu - bá bảo

周伯寔卣一蓋圖 卣部二之五

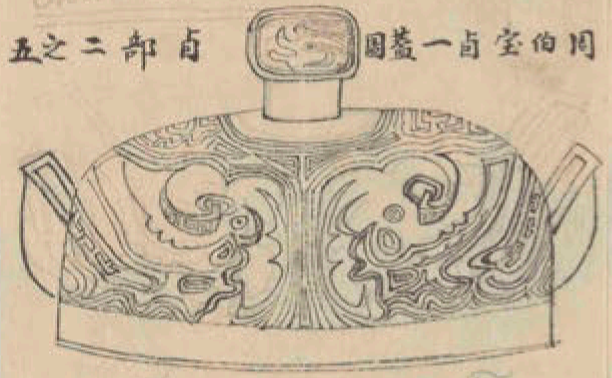

mô bộ nhị chi ngũ 6

二之五

周伯寔卣一蓋圖

chu bá bảo mô

周伯寔卣二圖

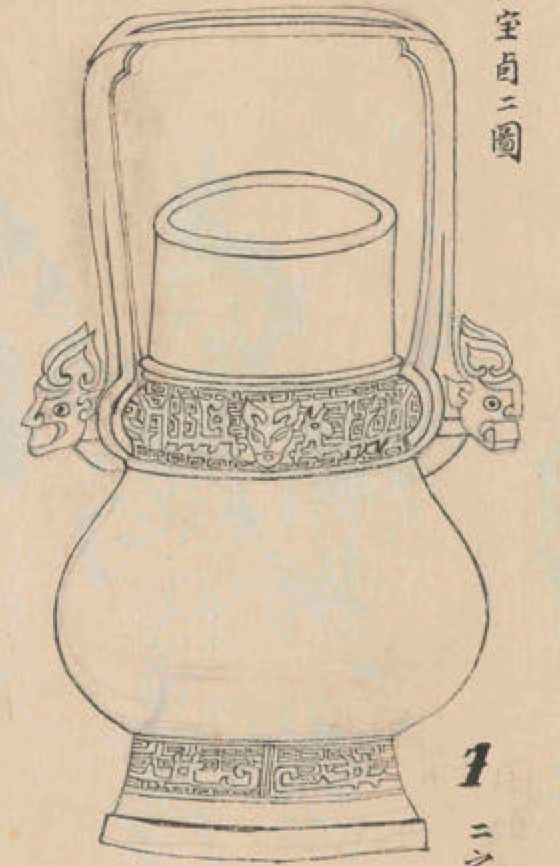

1 二之五

周伯寔卣二蓋圖

卣部二之六

8

cờ đuôi nheo
biểu nguyệt
giáo
cờ đuôi nheo
nón dấu
thanh kiếm
cờ sai
áo giáp
cờ vuông vẽ gấm con toán

828

Chu hoài phủ mồ đề =
cái mồ vẽ này của ông hoài phủ nhà chu

卣部二之一

周淮父卣圖

1

Mồ bộ nhị chi nhất =
cái mồ này ở bộ thứ hai, số nó thứ nhất

Chu - hoài phủ mồ cái đồ =
cái vẽ nắp cái mồ này của ông Hoài phủ nhà chu

周淮父卣蓋圖

卣部二之一

2

Mồ bộ nhị chi nhất -
cái mồ này ở cái bộ mồ thứ hai số nó thứ nhất

chu đan gửi mồ đồ
cái mồ vẽ này của ông Đan gửi nhà chu

周单癸卣圖

卣部二之二

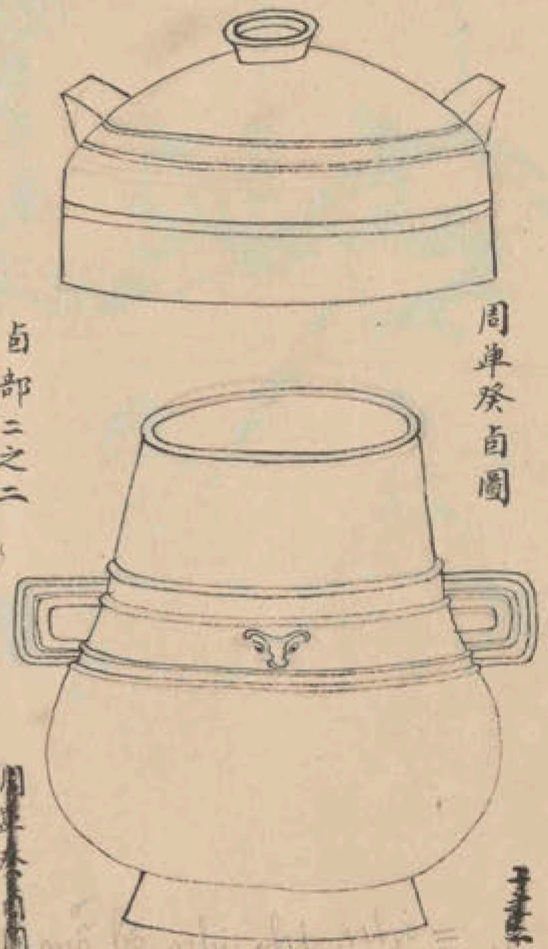

3

mồ bộ nhị chi nhị =
cái mồ này ở cái bộ thứ hai, số nó thứ hai

Chu nhạc tư đồ mồ đồ =
cái mồ vẽ này của quan tư đồ nhà chu

周楽司徒卣圖

卣部二之三

4

mồ bộ nhị chi tam -
cái mồ này ở cái bộ thứ hai, số nó ở thứ ba

馭括蜍

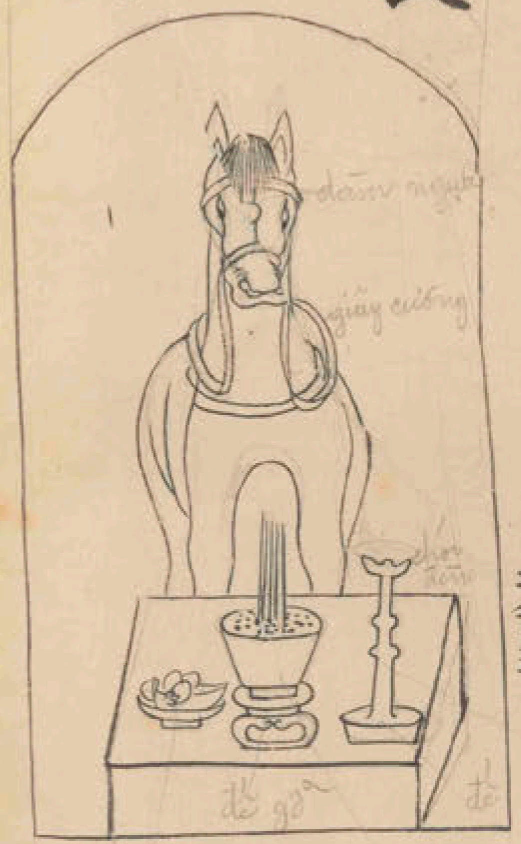

二千五

2005

丐揆夕餅

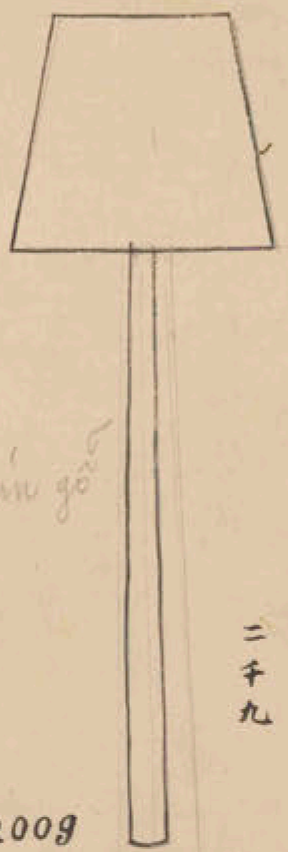

二千九

2009

抏菓許

二千四

2004

畑膵双燈

二千三

2003

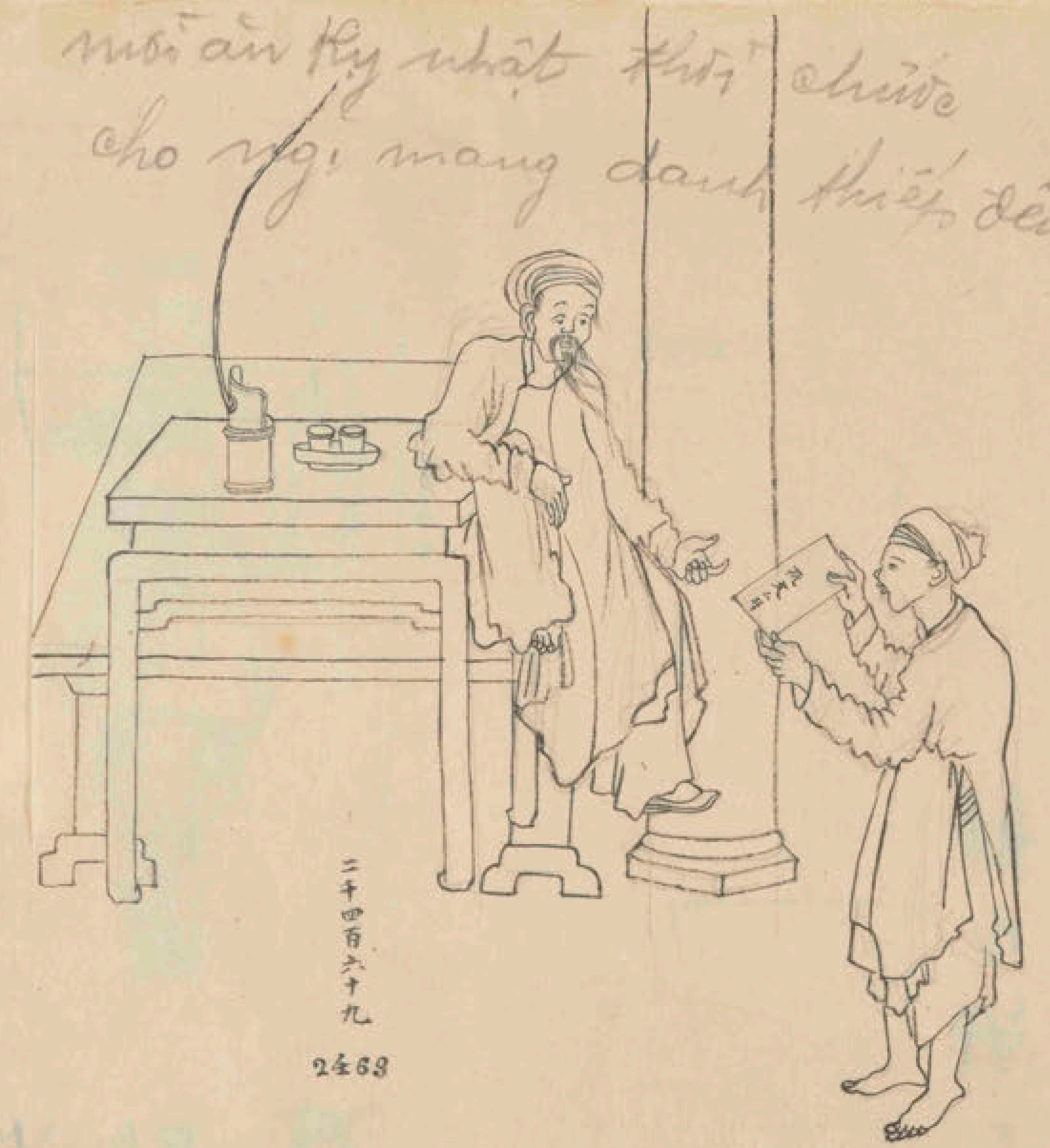

喍唛忌日辰髏朱得怈名帖鐫

二千四百六十九

2469

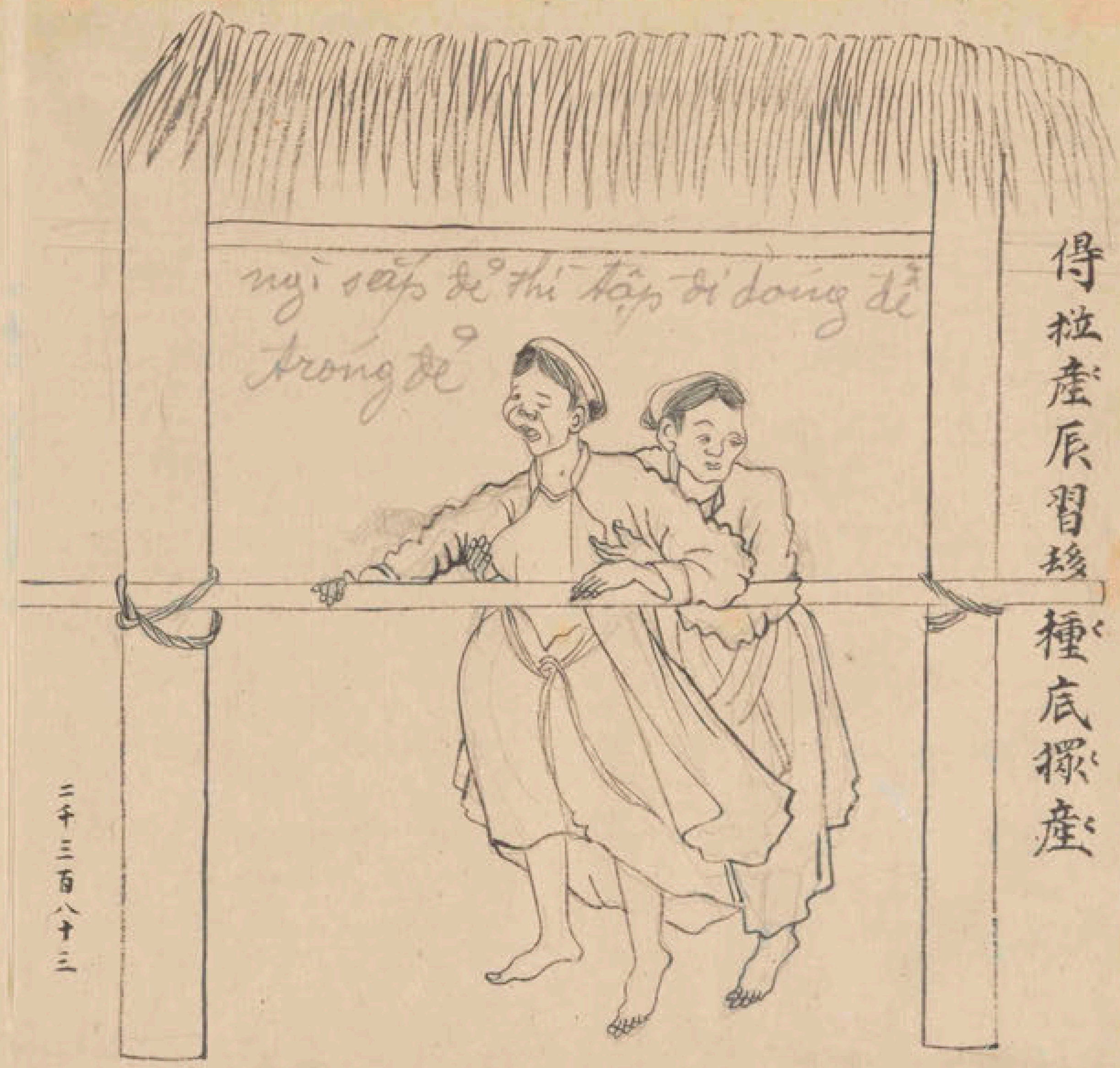

得粒產辰習趍種底攞產

二千三百八十三

2383

cửa - khóa

chú khách cầm đèn
nước

đàn thứ đang đứng ở
chong cái bờm mặt kính

chong cái hòm mặt kính

烟蜍

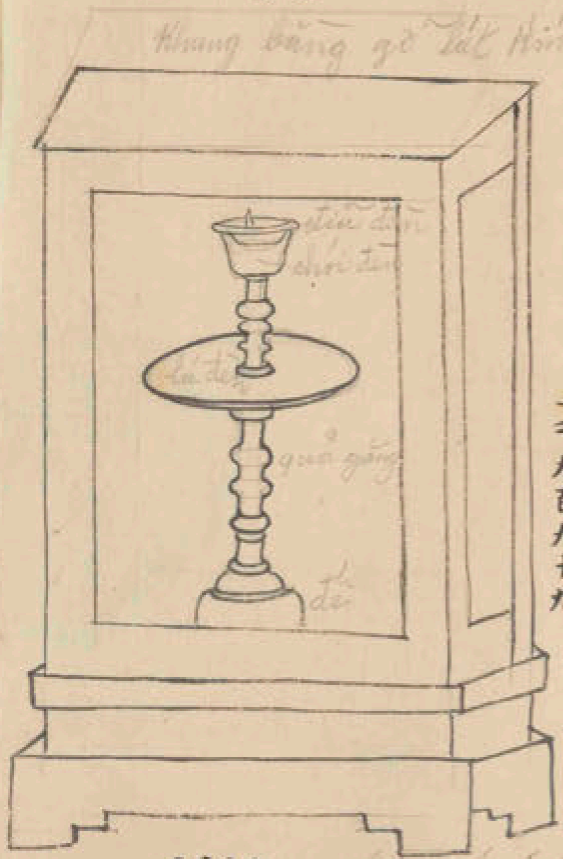

一千九百九十九

1999

chú khách cầm đèn rước

拎烟逴

二千

2000

cửa - khóa

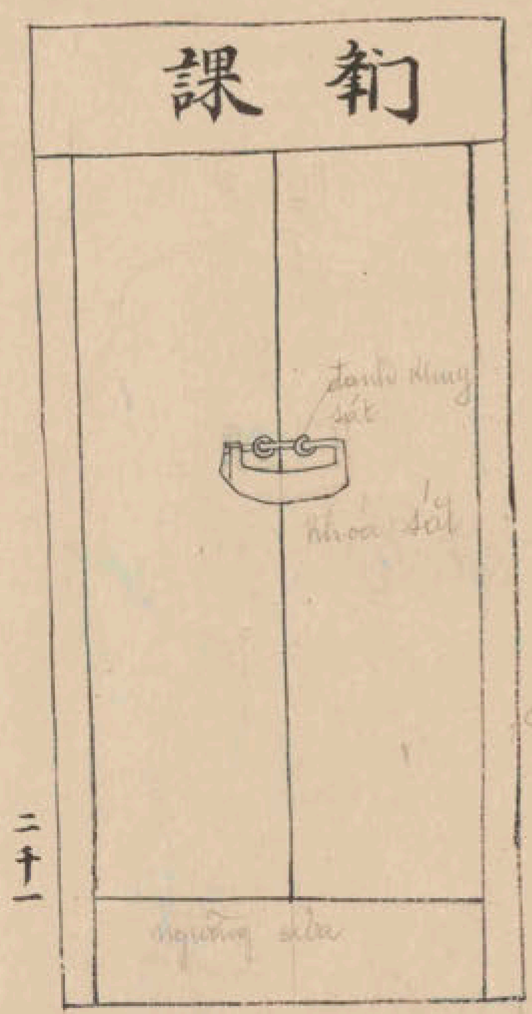

二千一

2001

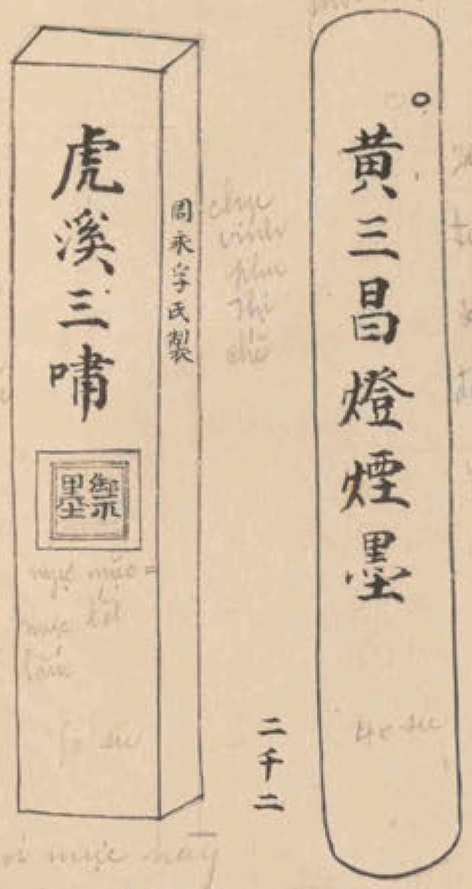

二千二

2002

虎

ông hổ

二千二百八十六

2286

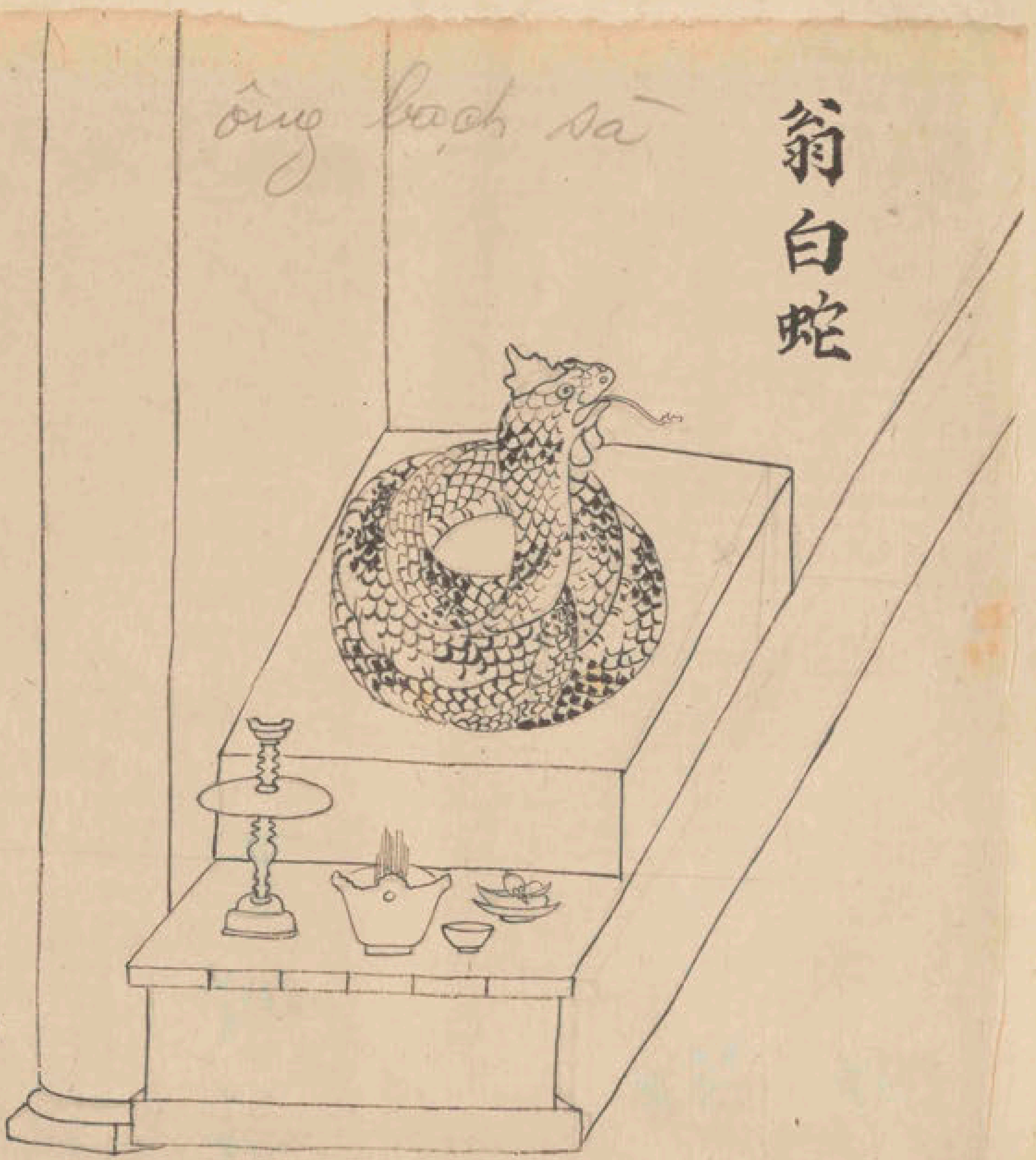

翁白蛇

ông bạch sà

二千三百七十六

2376

chế con phải sích, mang cả sích đi chơi

bán nước với

堵渃炊扒琨蜞

二千六

2006

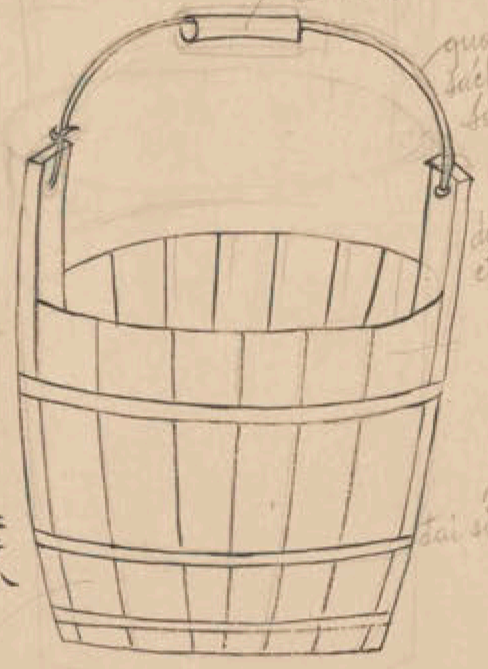

椿楛筞

二千八

2008

稈琨挖斥趍𨔈

二千七

2007

半渃檜

一千九百九十八

1998

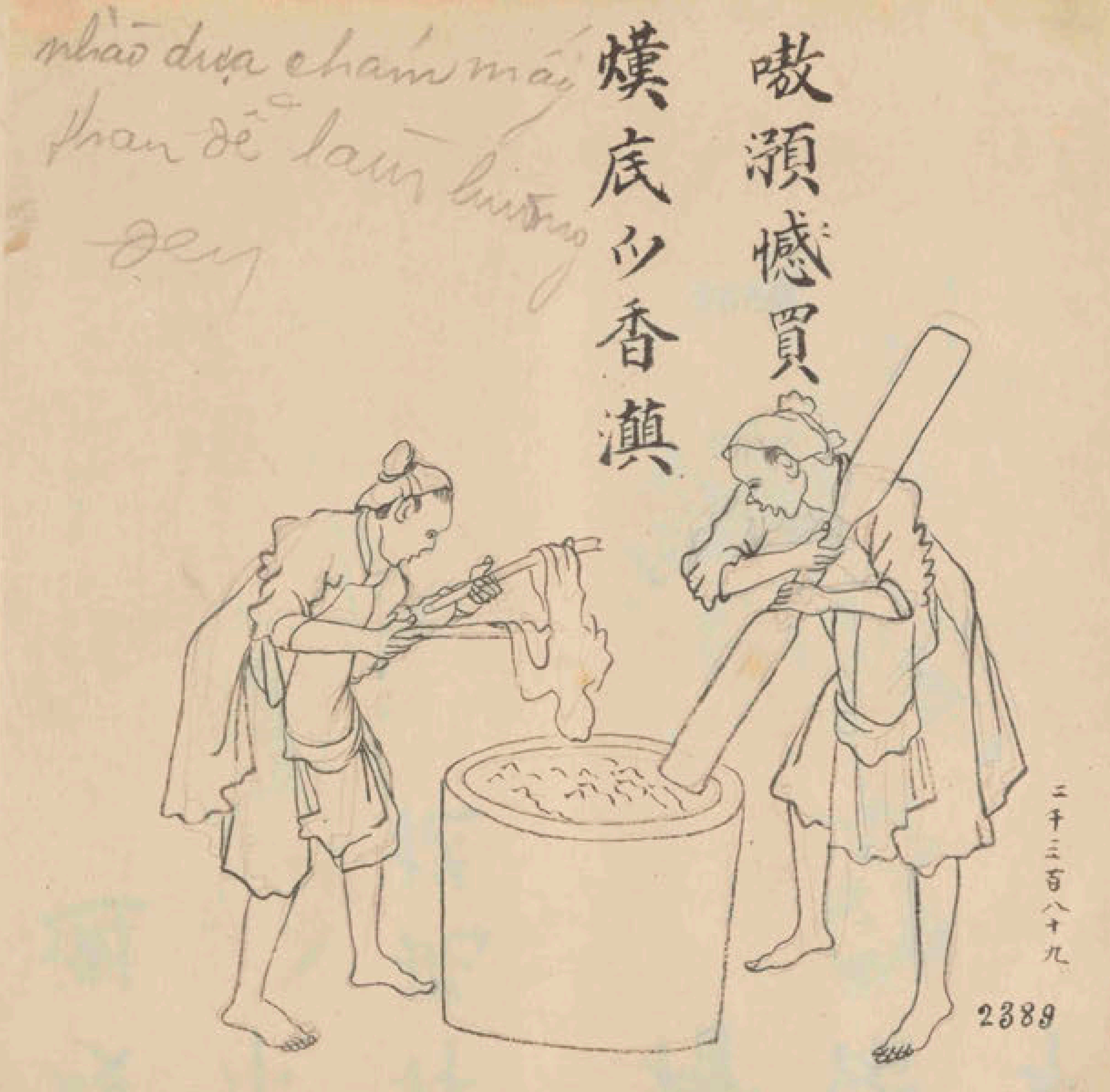

Khóa then sắt

Thùng gỗ để giặt quần áo lâm ở trong thùng

Khóa then sắt

課扦鉄

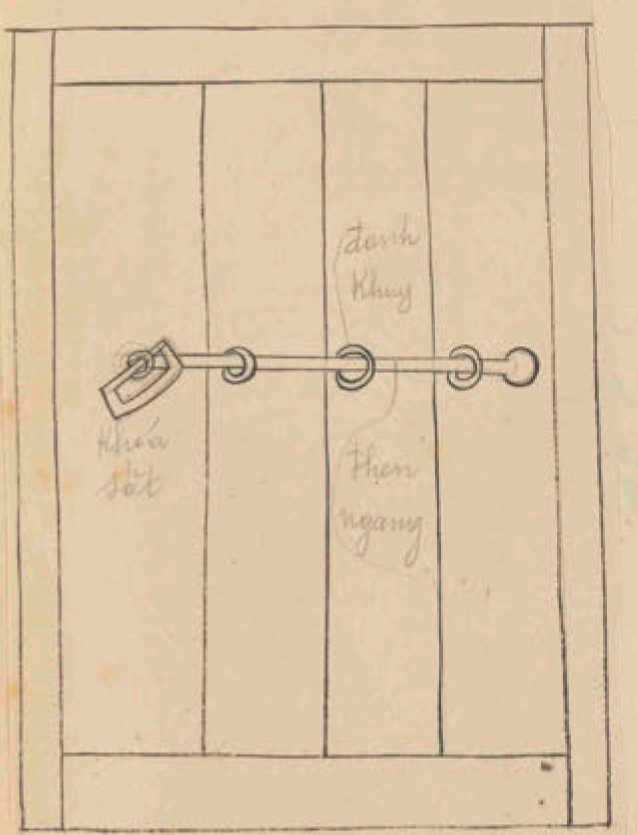

2014 二千十四

chống quả bầu để đánh chữ

壺鼓

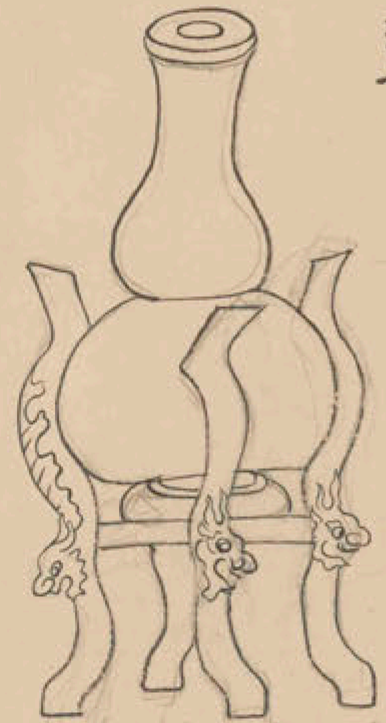

二千十三

giá chân cong mặt hổ

phù

2013

mộc qui =

竜木

con rùa gỗ để thờ

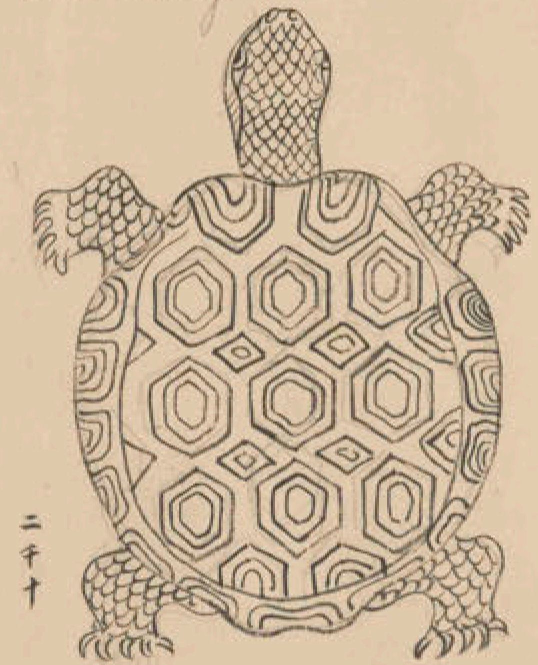

二千十

2010

thùng gỗ để giặt quần áo / tắm ở hãng thùng

楛椿

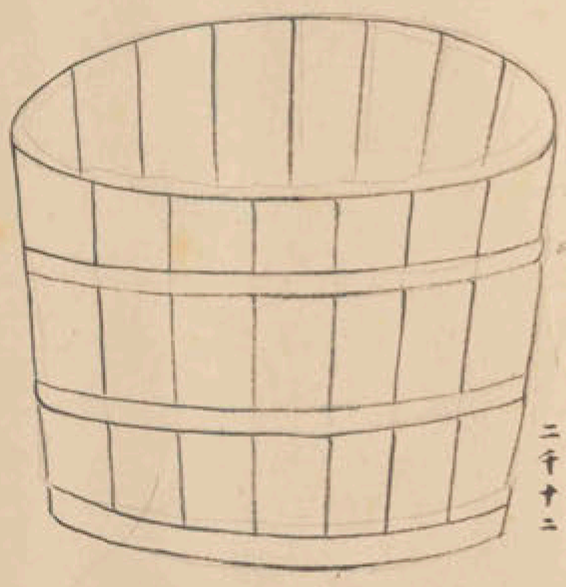

二千十二

đâm thùng

2012

趍塘湛魄官兵
麻要辰沛
礼餞

đi đường chạm vía quan binh mà yếu thời phải lễ tiền

二千四百七十一

2471

Nhời nói cho ng. xem thẻ biết. — Này nói chuyện, vàng nhời xem thẻ của ông Lã Tổ sư. Phép xem thẻ có tất nguyên một bộ, chống tre có ống như sau này: chi, là con dại xem lá thẻ thứ nhất. Lần lá số một chấm. Số khoa một chấm, tập thường số năm mươi. Mục khoa số hai mươi.

Bây giờ các ông muốn xem phải nói thực ở đâu, họ tên là gì, xin chứng bệnh gì, khấn song rồi thì xin âm-dương, có được thẻ mới, rút thẻ. Rút ra thẻ gì thì phải nhớ lấy số thẻ ấy, đừng để nhầm. Ai ai xung đến xin thẻ đền này từ đây giờ trên là nhời dặn ông thì phải nhớ lấy, để có khách nào lại muốn xin thẻ thì phải bảo ngay cho cẩn thận, như thế.

Kẻ đệ tử xin nói thật

二千九十四

2094

Đồ khoét của thợ tiện

便僊穀圖

yết thị của chùa ngọc-sơn

坦㘨𡊲盘

bàn bàn nồi đất

Tổ Khoét của thợ tiện

便儓嗀圖

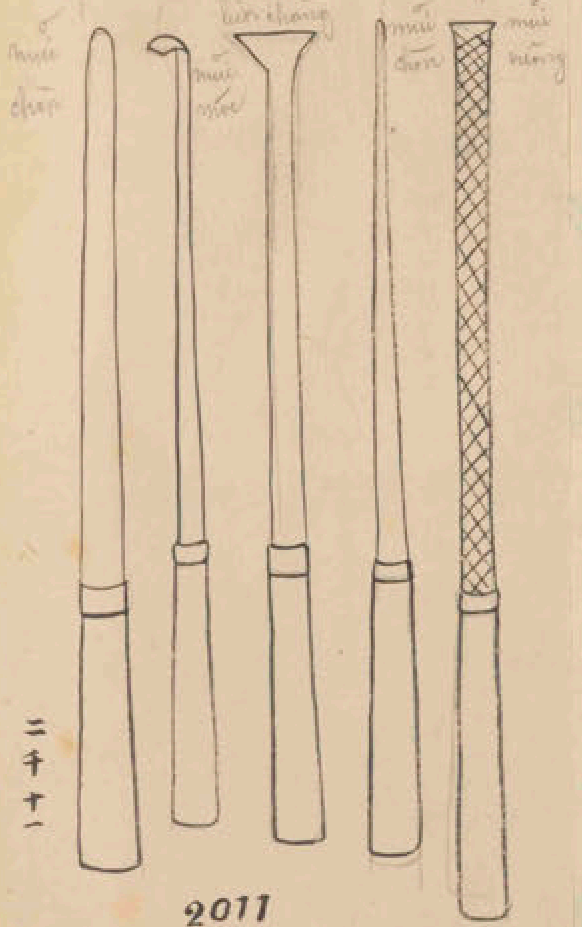

二千十一

2011

1

東廚司命定福灶君
(đông trù tư mệnh định phúc táo quân)

2

五方五土地脉龍神
(ngũ phương ngũ thổ địa mạch long thần)

3

前後地主接引財神
(tiền hậu địa chủ tiếp dẫn tài thần)

1 – Bếp bên đông có ông Táo làm phúc cho nhà chủ

2 – Năm phương có năm thổ đất, đất nào cũng có ông thần Long mạch để coi

3 – ông chủ nhà trước, và ông chủ nhà sau, tiếp dẫn ông thần của

yết thị của chùa ngọc-sơn

謹白者茲奉遵
呂祖師藥籤分科敬初元
全部五简内　男科第一籤　婦科一百籤
初科一百籤　外科五十籤　目科二十籤
凡諸尊者宜詳貫寓姓名病症犄合阴阳吋吉方可卜
籤係卜何科省明籤数仍納這科切勿錯拔别科庶免
後誤而蒙
靈應是望
右祈守香灯人謹守詳先來請者虔誠体認而行
誠意弟子謹白

坦納𠃣盘

bàn làm nồi đất

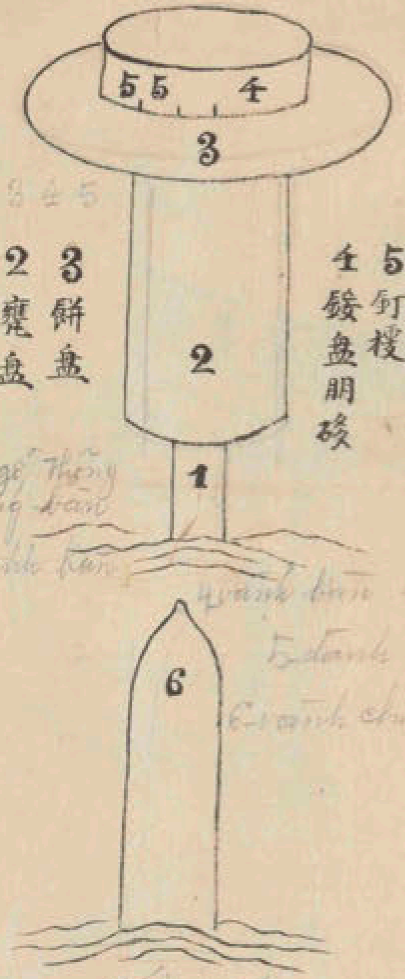

1 榾楛樋
2 甕盘
3 餅盘
4 鏺盘朋𥕄
5 钉樓
6 鏺振坦

1 – cột gỗ thẳng
2 – ống bàn
3 – bánh bàn
4 – bánh bàn nằm
5 – đánh xe
6 – vành chân đất

cái mâu

833

cái bạch để thư phụng tuân: Lã tổ sư dược tiêm phân khoa kính sơ nguyên toàn bộ ngũ cá nội. Nam khoa đệ nhất tiêm. Phụ khoa nhất bách tiêm. [illegible]

đám ma tế ngu

胆麻祭虞

二千一百六十四

2164

Mộ hung táng

墓凶喪

二千三百七十四

2374

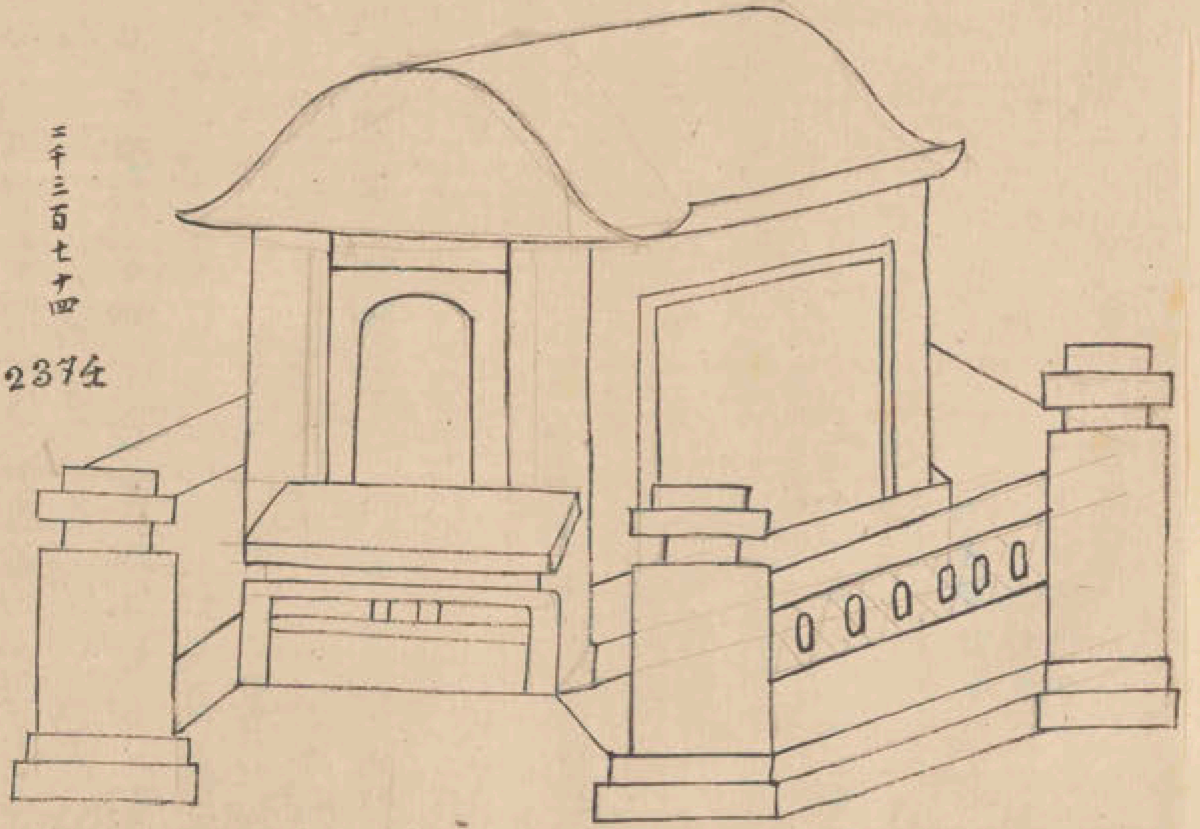

Khuôn nắp ấm nước

Đồ nặn gạch

砒缽𠃣囷

1丐𡮈底 𥺊連連 朱空𠽖

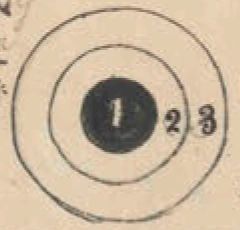

B 於𨋣
2 丐𡮈連
3 丐層𨋣

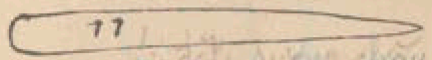

11 丐挟𠀧𢵯

cái đĩt đường chẩu

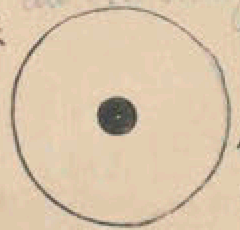

A 於𡐙
ở chõn

cái lỗ

1 丐𡮈

xem cái bàn

駈丐邊

丐𤈜底𠃣𡏧蓋

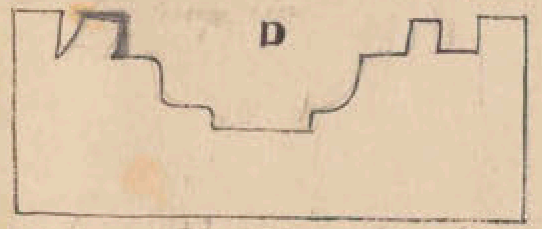

cái ví để làm cái nắp ấm

丐擢𠈺底拖 霊車

cái chạc
lình xa
hươu
và làm
đầu gậy
để
qua ống
đỡ
đỡ

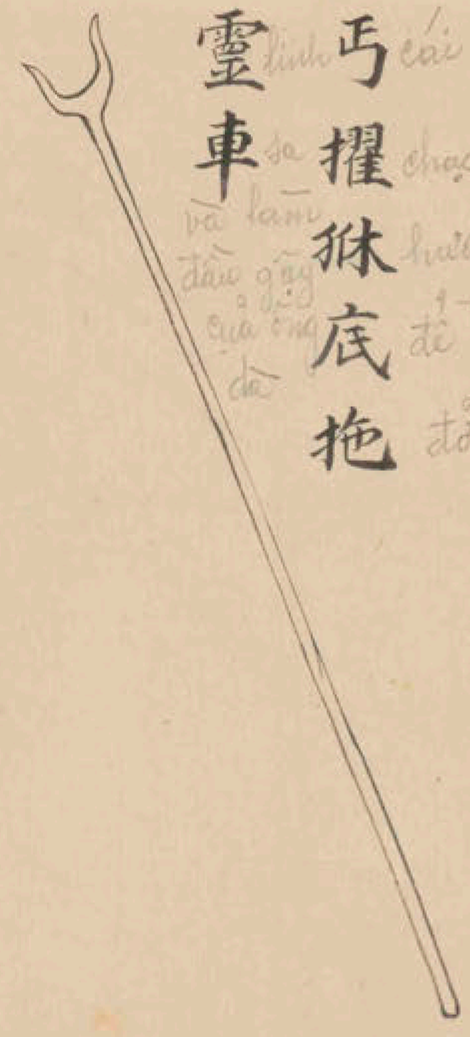

Khuôn nắp ấm nước

囷𡏧蓋

1.𠼺囷
2𠼺囷

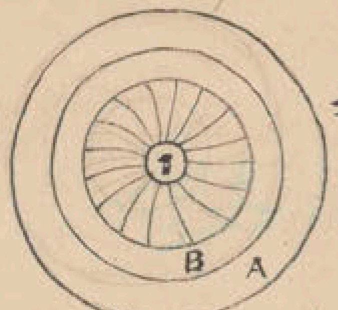

3 囷㶣蓋
Khuôn đất ấm

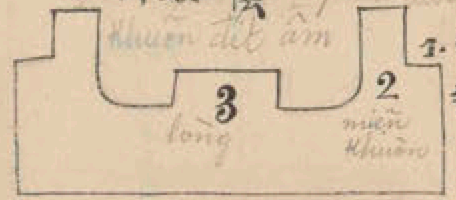

1.𦀊𡏧

1𨫊𢴿囷
1 lá sáp khuôn

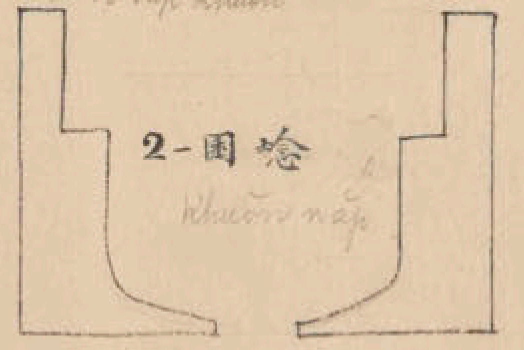

Đồ nặn gạch

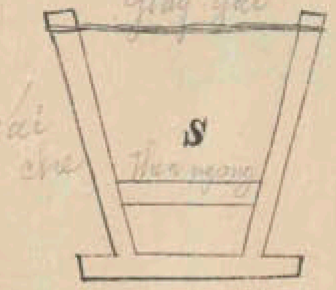

丐㧅劄坦
cái chẻ
cái đồ cắt đất

cái ghế ngồi bằng gỗ

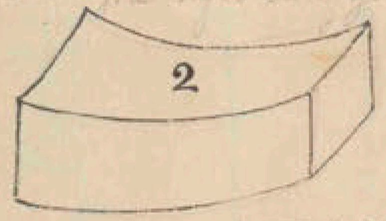

丐𢂞𣛠

cái bàn chân bằng gỗ

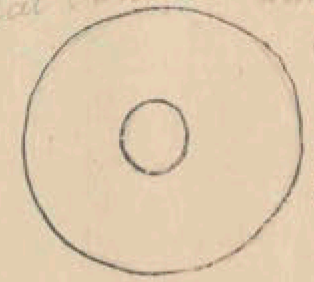

丐盤輪

1- cái lỗ để tay lần chân cho khỏi nước
2- cái tầng chân. 3- tầng dưới. B- ở dưới

墓 *mộ*

二千三百七十三

2373

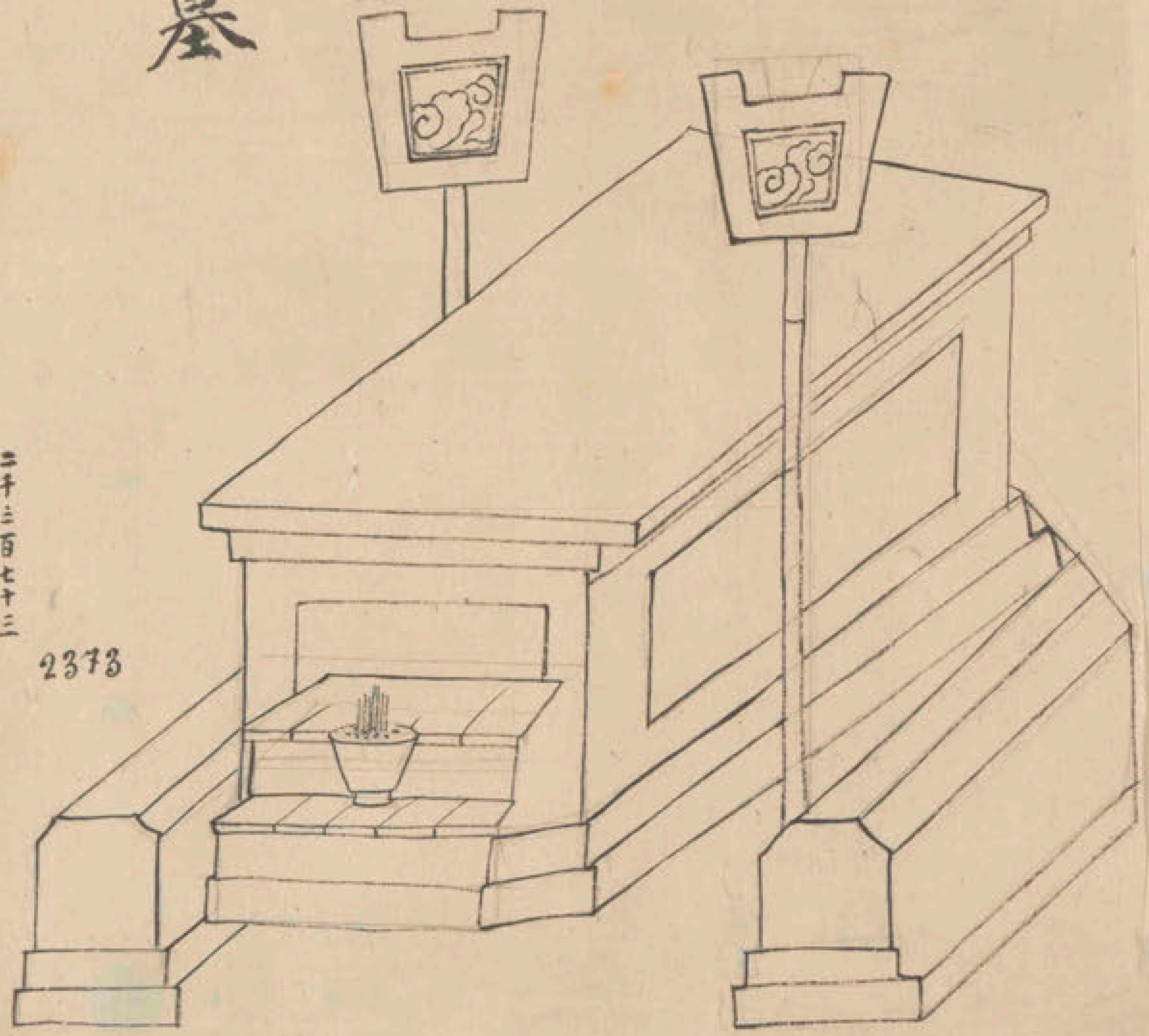

播 *phiên*

二千四百七十八

2478

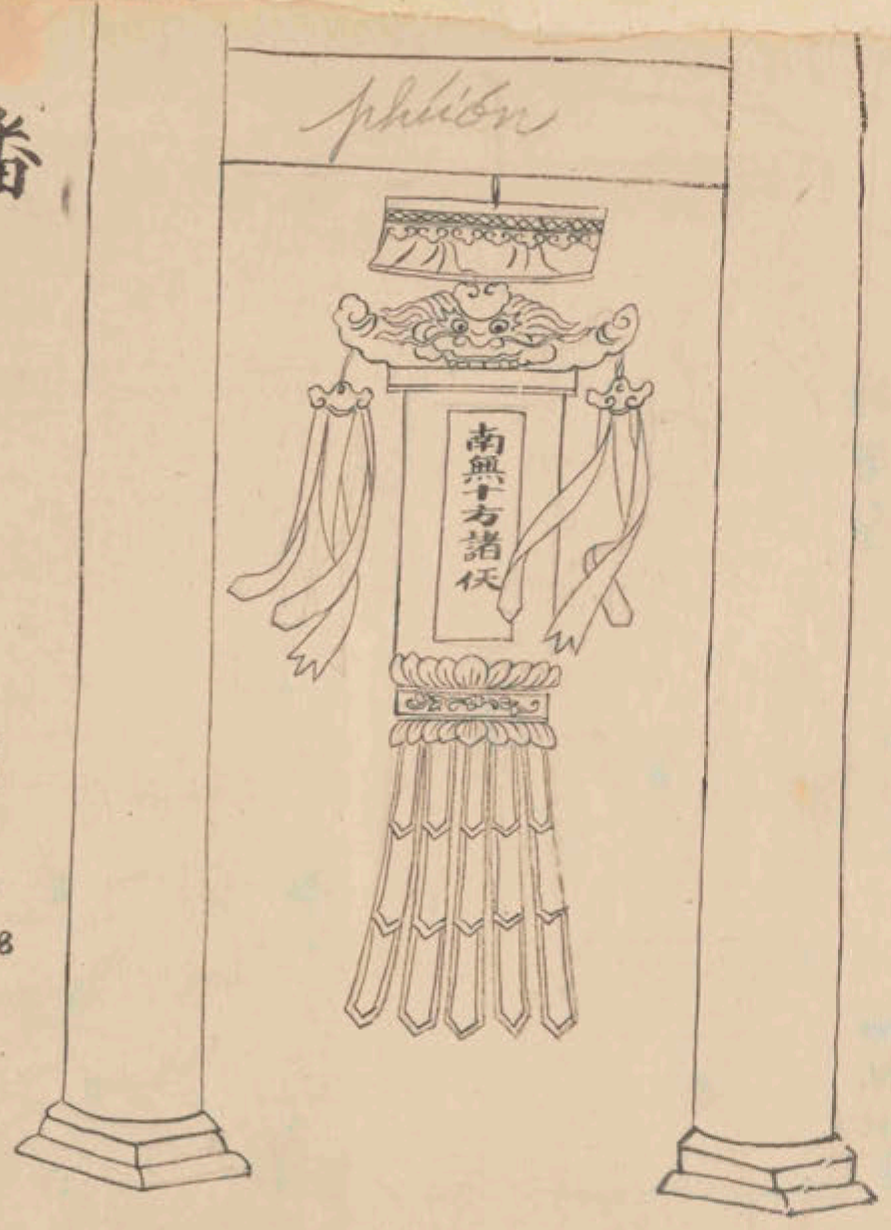

Để lấy giải bài của thọ

醽 蕃 囷

khuôn ấn diệu

聰 戒 秘 圖

2 壬 K

6 15 22 3

cái que dập mực cái bàn chông

đồ lấy giái tai của thợ cạo

圖䄙戒聰

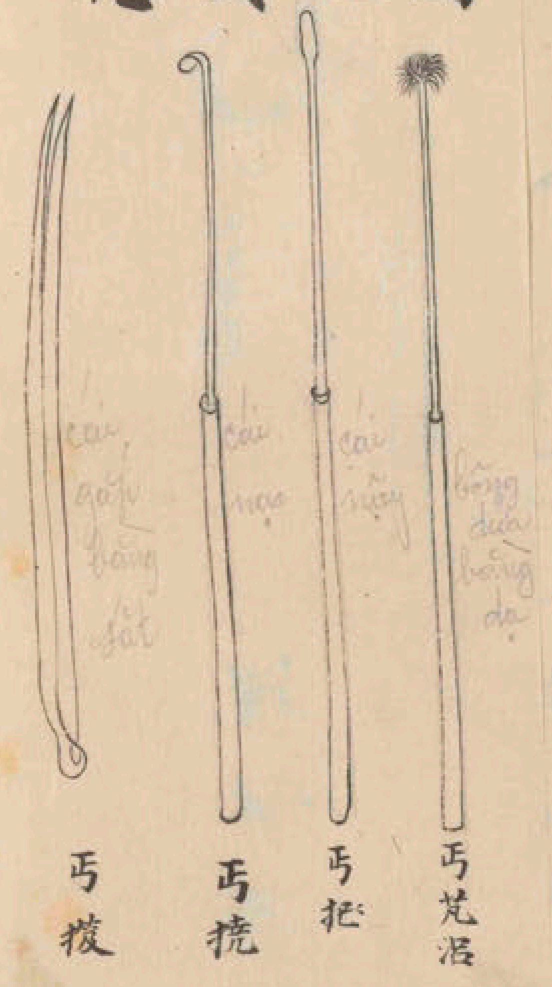

囷蓊𨡁

khuôn ấn dấu

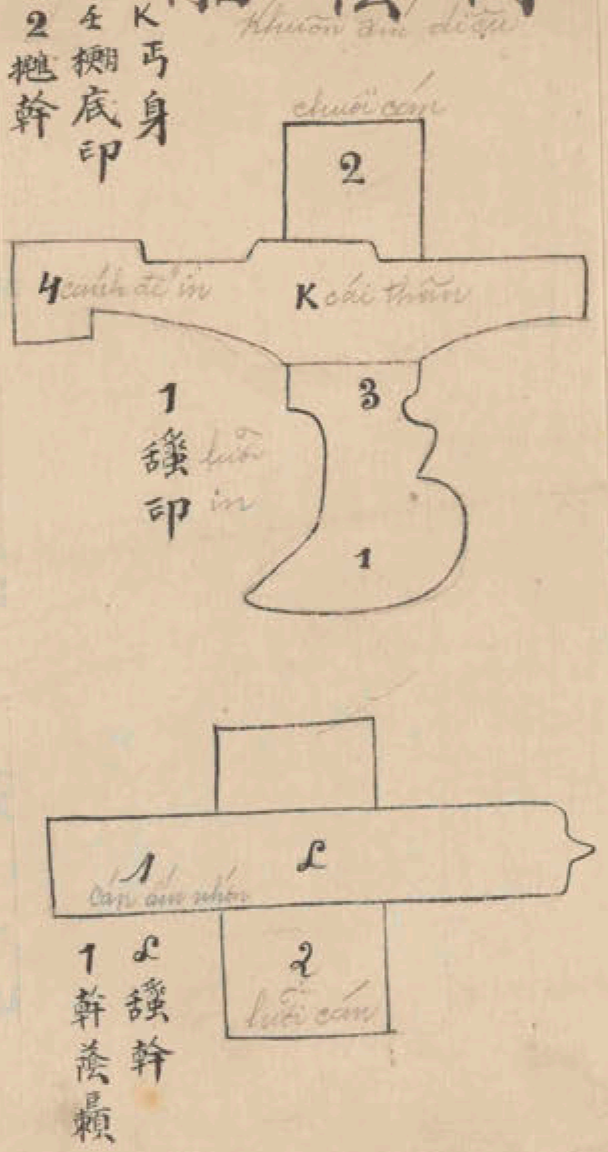

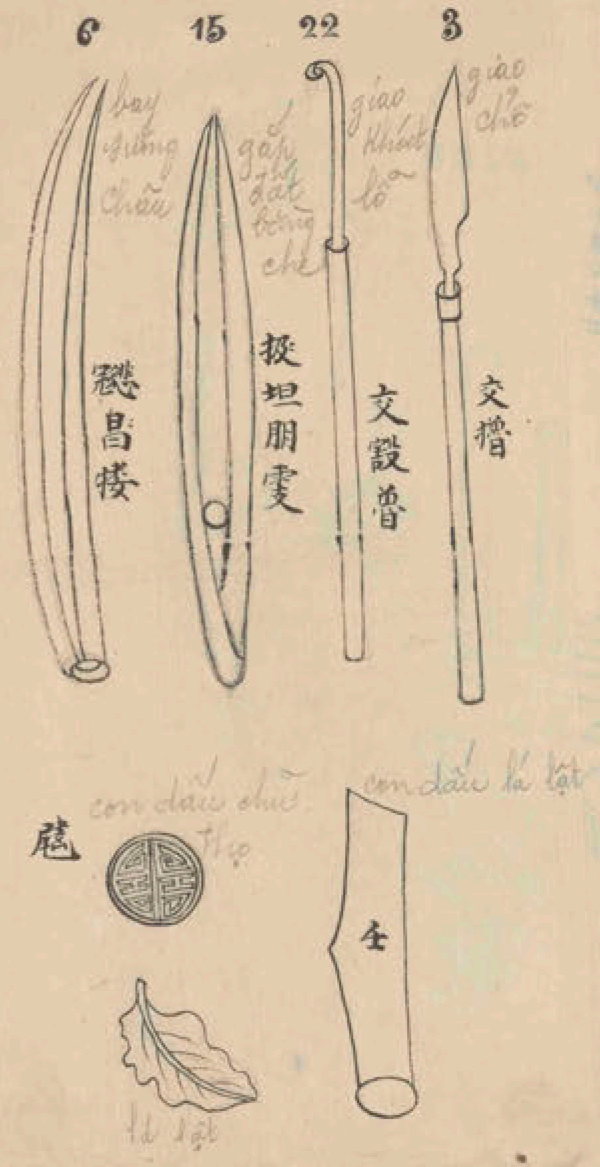

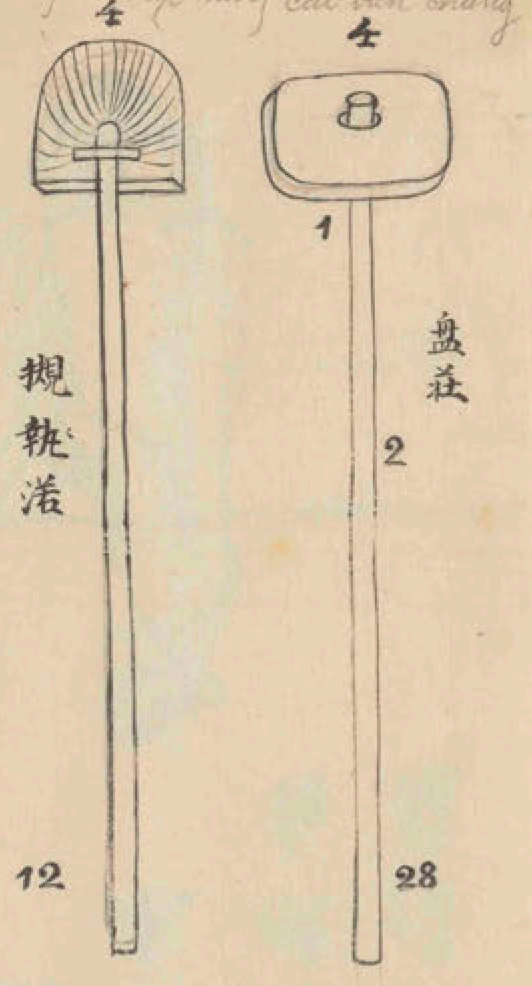

bàn thờ ở chùa

盘蜍於厨

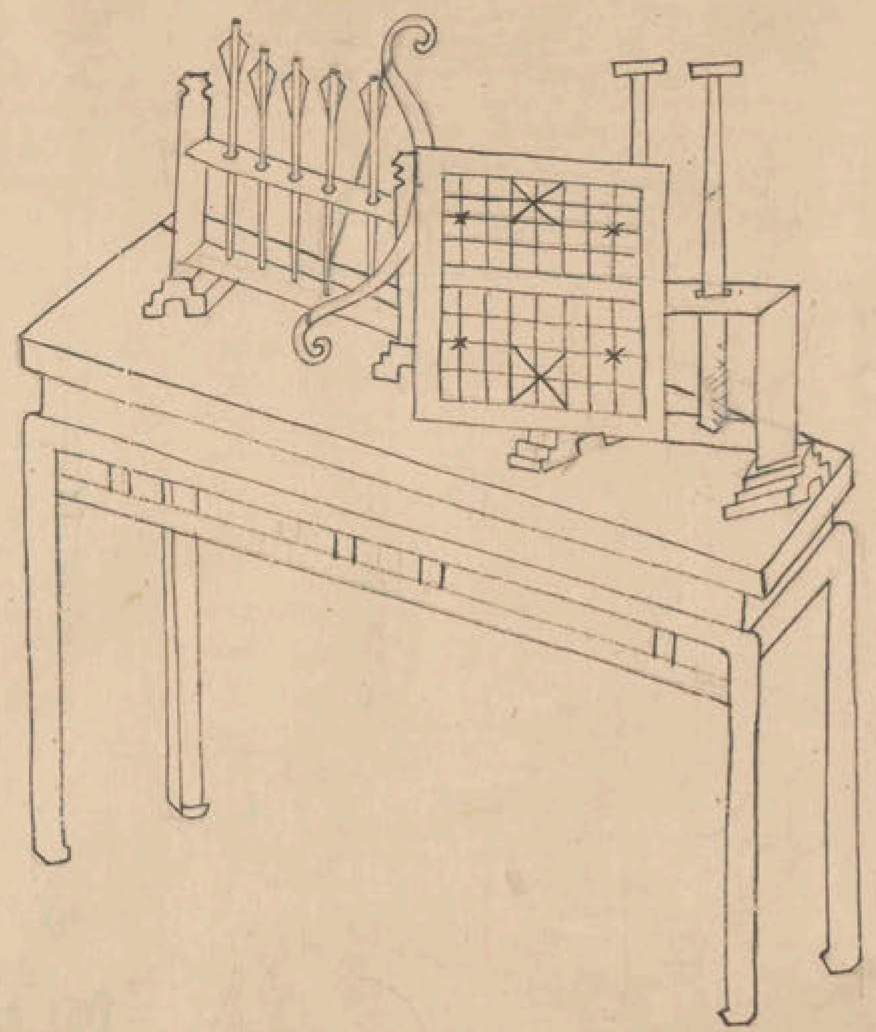

二千三百七十八

2378

Sắp liệm ng: trét thì chước cúng ông giám lâm giời phát khóc

拉欲得甦
辰𪿒供翁
監臨耒
發泣

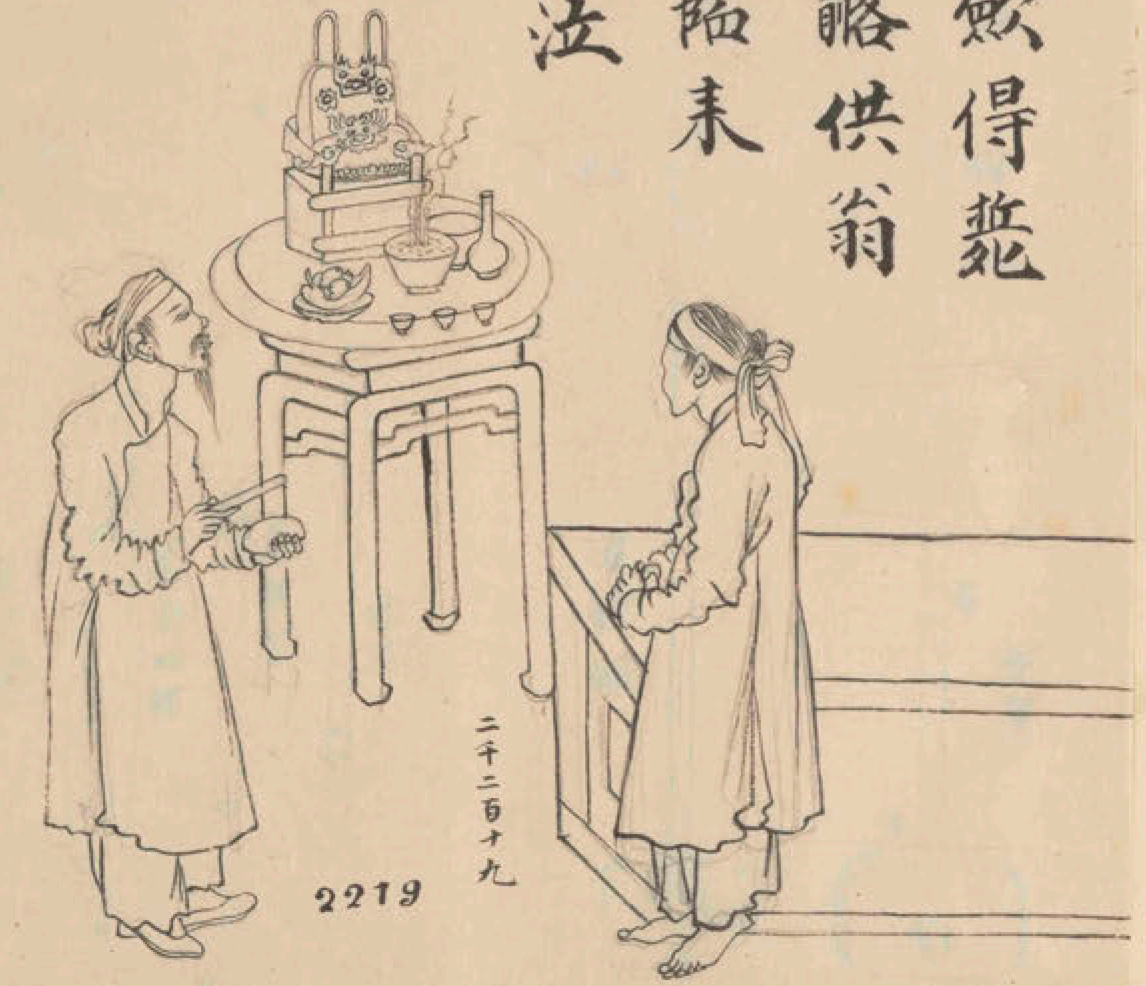

二千二百十九

2219

Vó bè để kéo cá

船

絺披

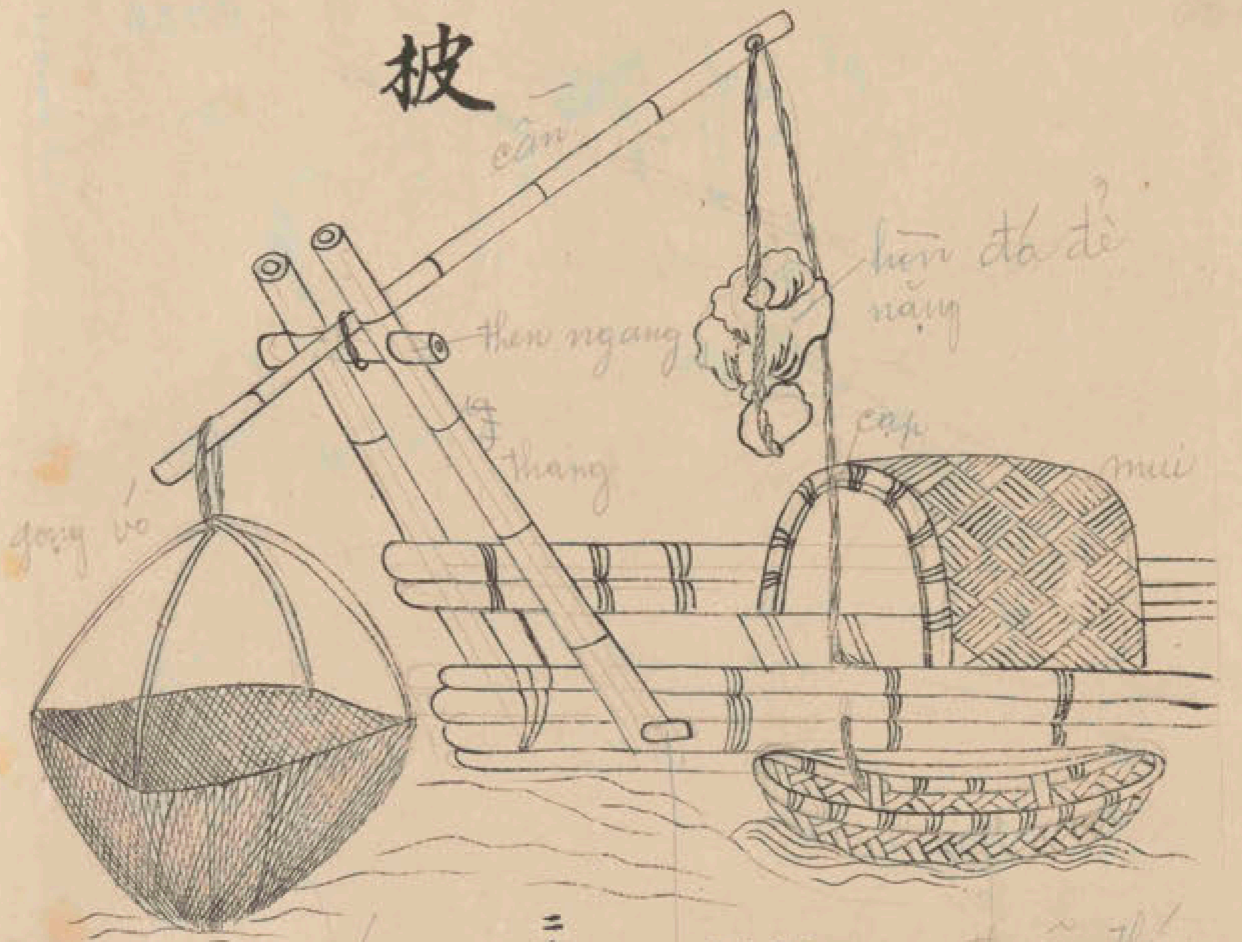

二十八 2018

船[illegible]蠬

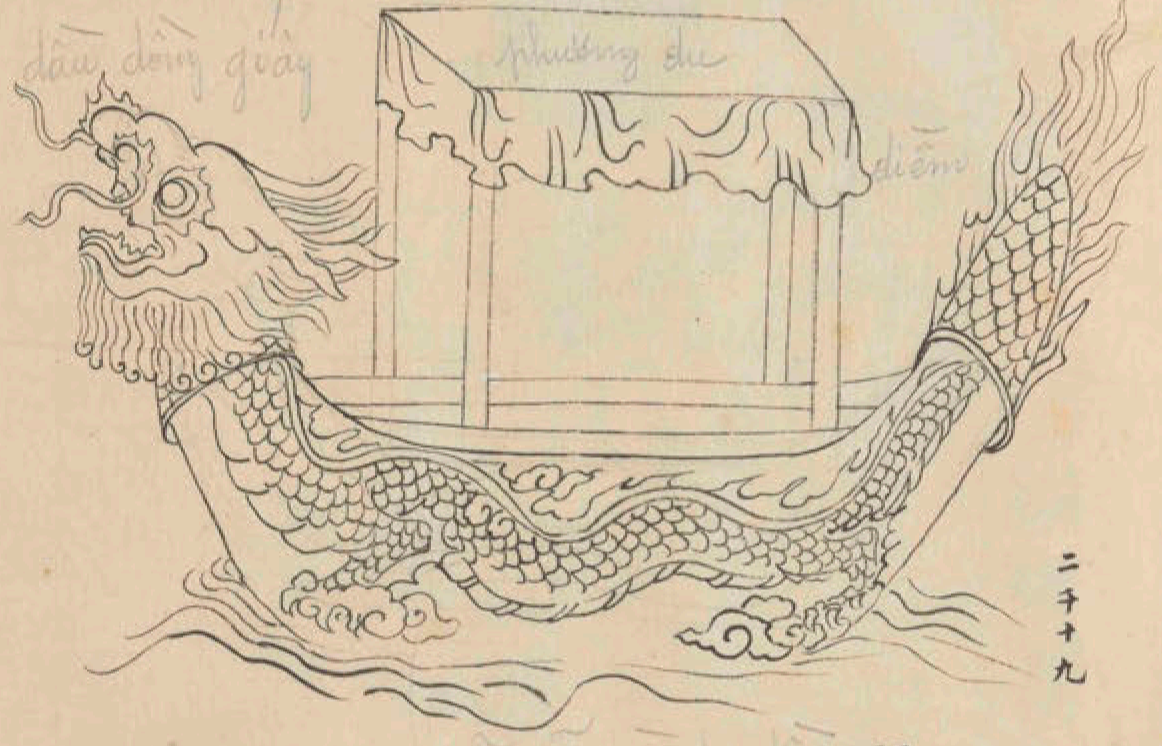

二十九 2019

đốt nhà táng ở mộ

焌茄喪於墓

二千二百三

2203

Nộp làng lệ cheo

納蘭佳例

二千二百六

2206

đi sát đi, có đầy thuốc

按察𢢆固稇焚

ngồi chơi mặt ngoài cửa

𡎝𨖅沬外𨷯

二百三 2203

百六 2206

án sát đi, có đầy thuốc

按察趍固秭𦾵

二千十六

2016

ngồi chơi mát ngoài cửa

𡎝迍沫外𨷶

二千十五

2015

83x

Bàn án, sổ, lện, đức ma

擁盘案数務後

礼桧頭

二千二十五

2025

打撇尋尋

二千二十四

2024

擶盘案粄𥹰送胆麻

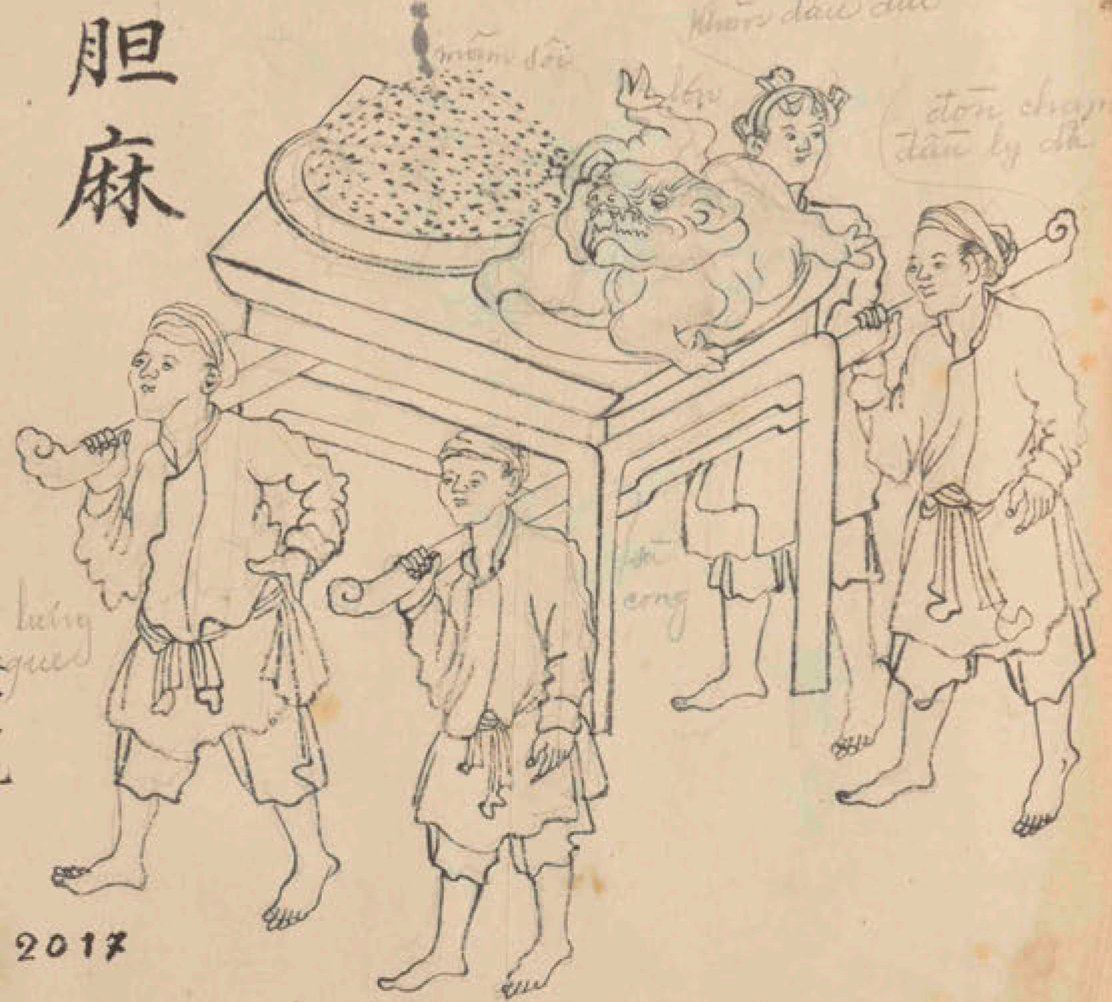

二千十七

2017

tháp

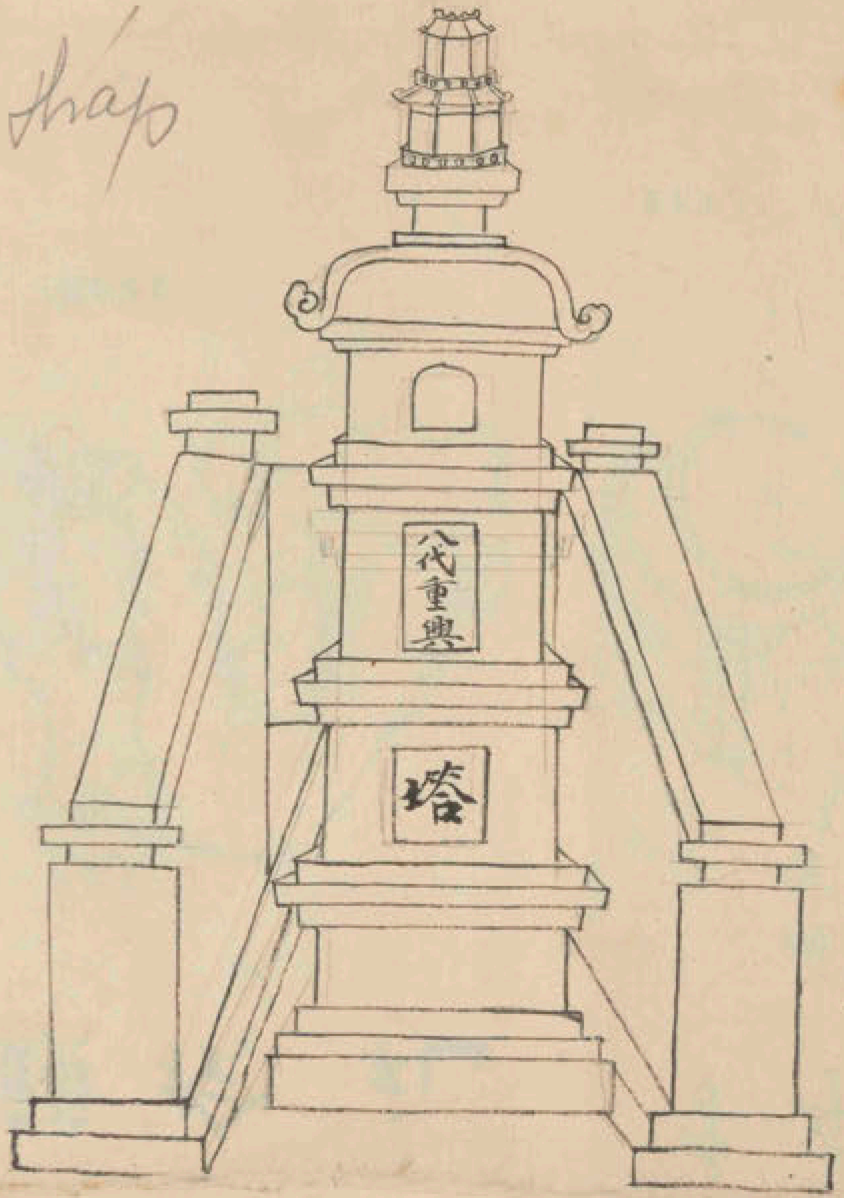

二千四百七十三
2473

chầu văn các bà

朝文各婆

二千一百二
2102

畑楉

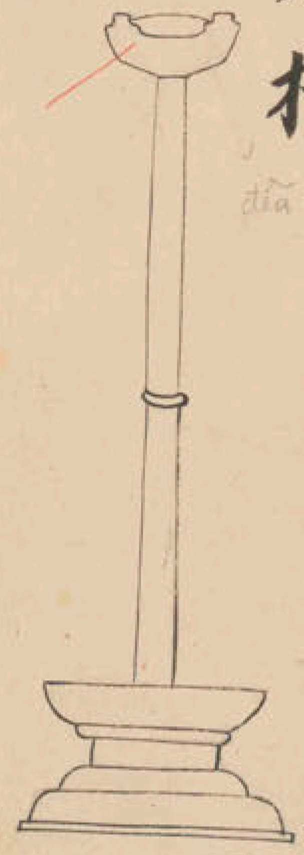

二千三十

2030

亭軒

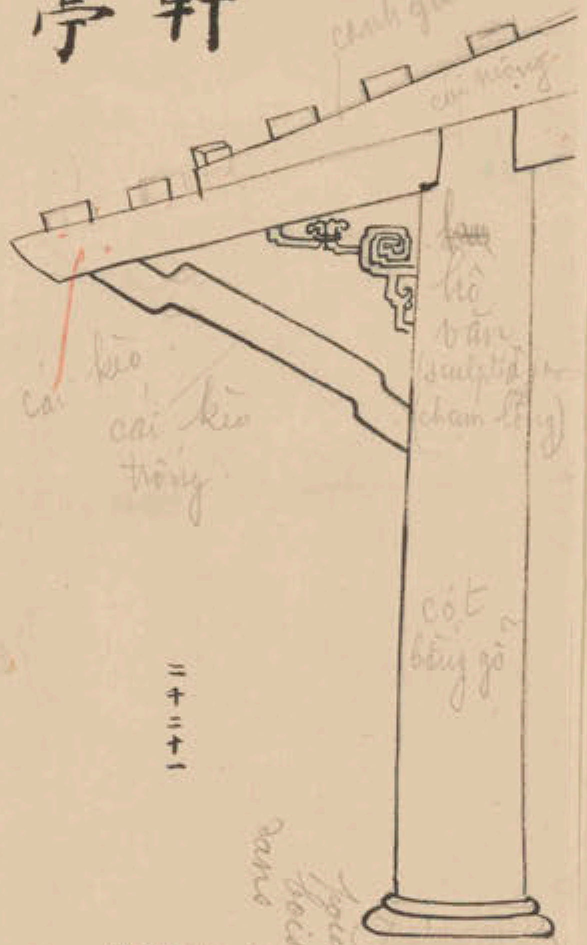

二千二十一

2021

桧也油

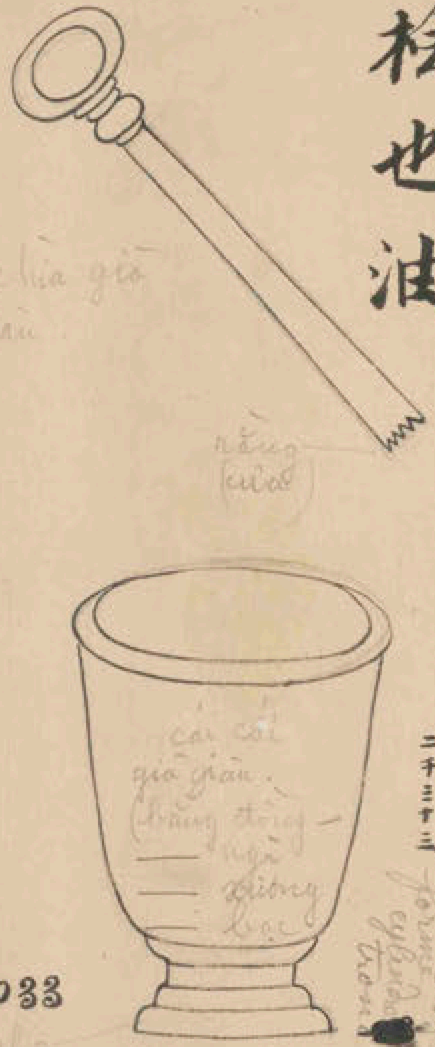

二千三十三

2033

仿⿰足朝
逡麻

二千二十九

2029

gấp vải nâu

扱𫃚[illegible]

二千四百六十五

2465

đá bánh giấy

也餅[illegible]

二千三百九十一

2391

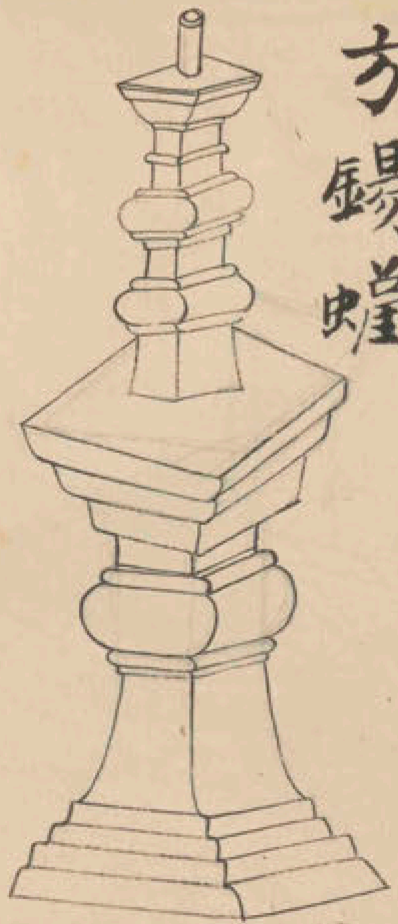

方錫蠟

二千三十一

2031

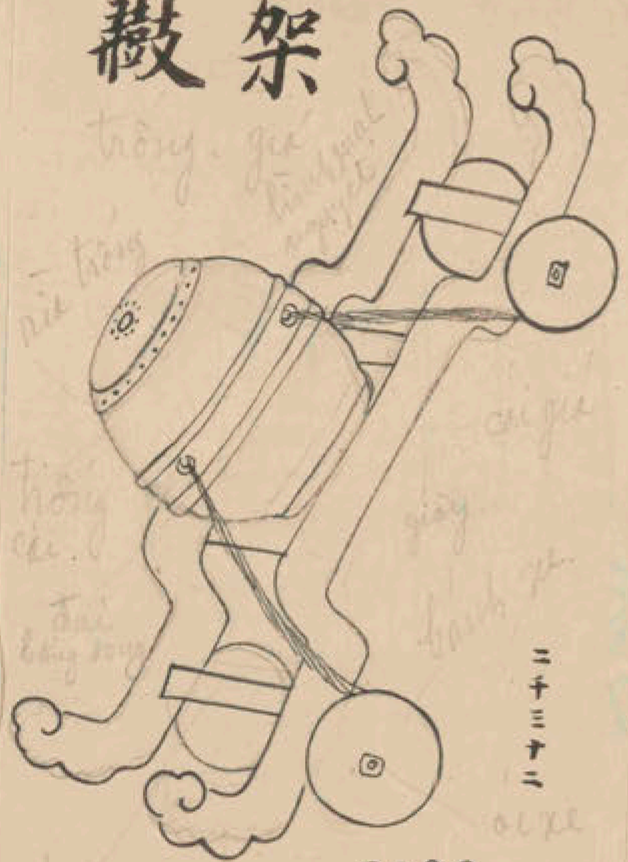

架[illegible]

二千三十二

2032

自死

二千二十七

2027

仿[illegible]默

形虎

逡胆

麻

二千二十八

2028

cầu chùa ngọc sơn

梂廚玉山

二千三百二

2302

cúng sơn thần rồi làm chay

供山神耒爫齋

二千四百七十二

2472

Bố con đi xa thì
vạch chữ thần ...

2302

婁琨趍駼辰麄窮十蓮䊧麻插拎琨交
隻箝底除魔

二千五百八十二

2582

踗 蓮 礼

二千二十二

2022

桄梗割𠃣

桄梗構

二千二十六

2026

插 捬 踧

二千二十三

2023

841

cầu hở lửa

槁爐焒

二千五百十八

2518

đánh cầu khô
để khỏi mốc

打槁桔底
塊术

二千三百九十三

2393

cái chõe để dưới

cái chóe để dưới nước

丐霎底 連 渃

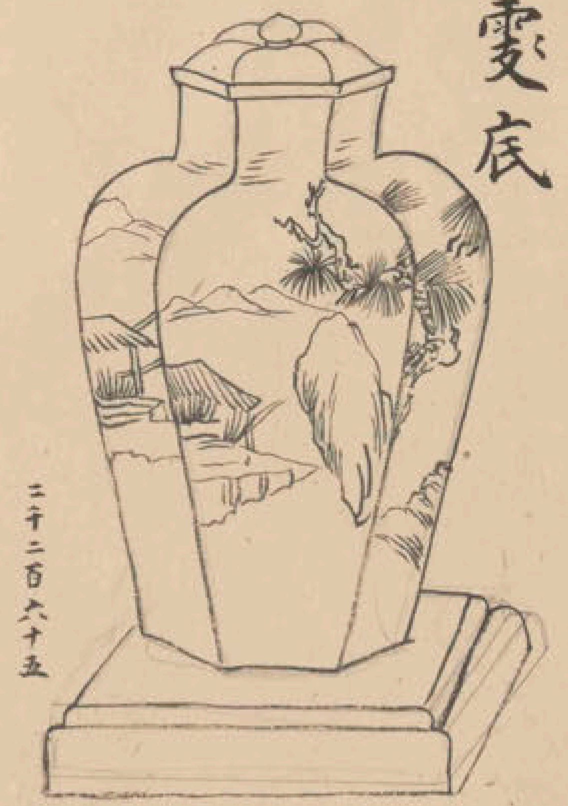

二千二百六十五

2265

Khoá đỉnh = ống nhổ

唾洴

2076

二千七十六

Lọ cắm hoa
Bản Thường sở làm

垎搩花

鉢場社製

二千二百七十

2270

Lọ đốt số bằng sành

炉焌疏朋硅

二千二百六十二

2262

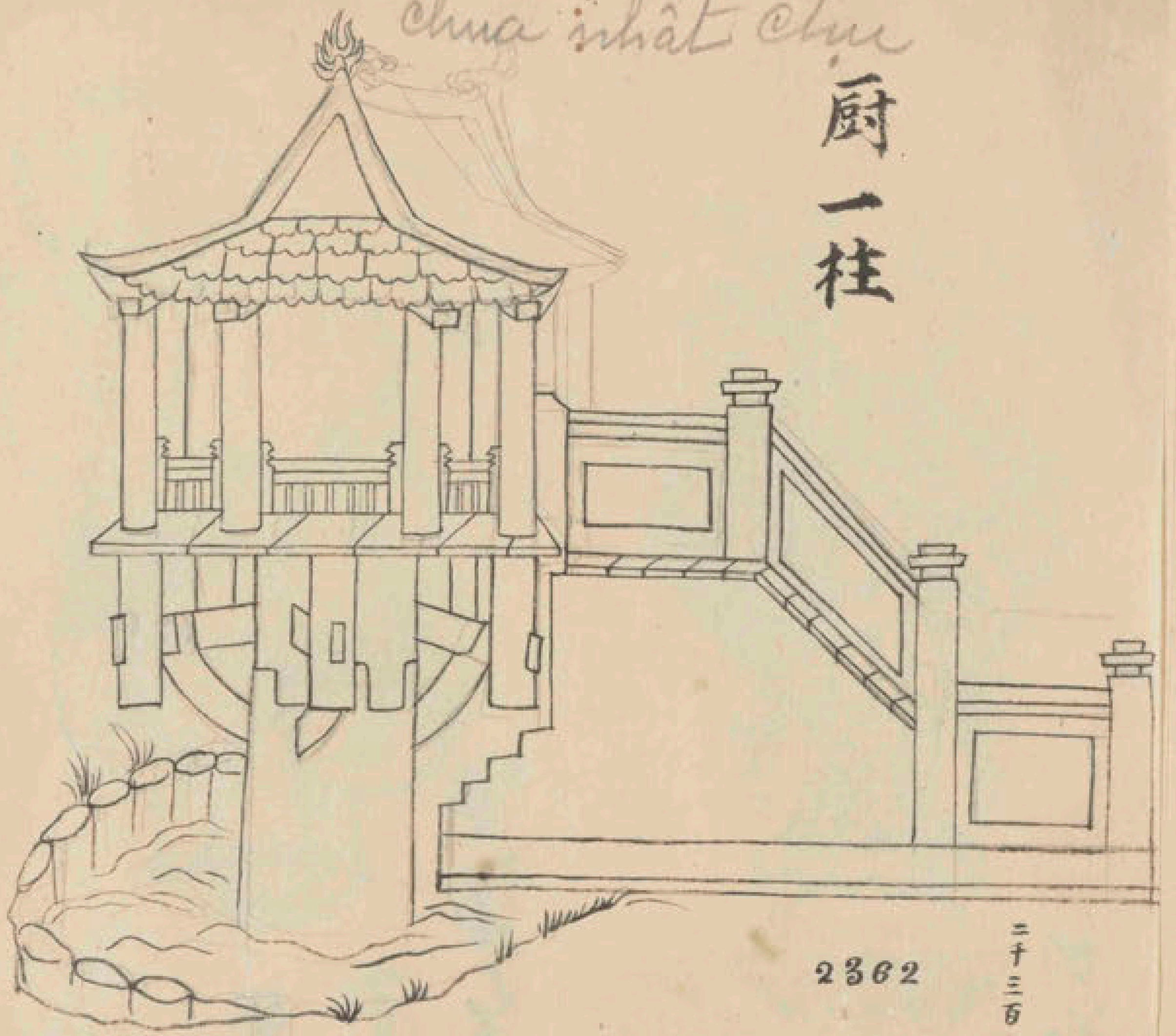

chua nhất chụ

廚一柱

2362

二千三百六十二

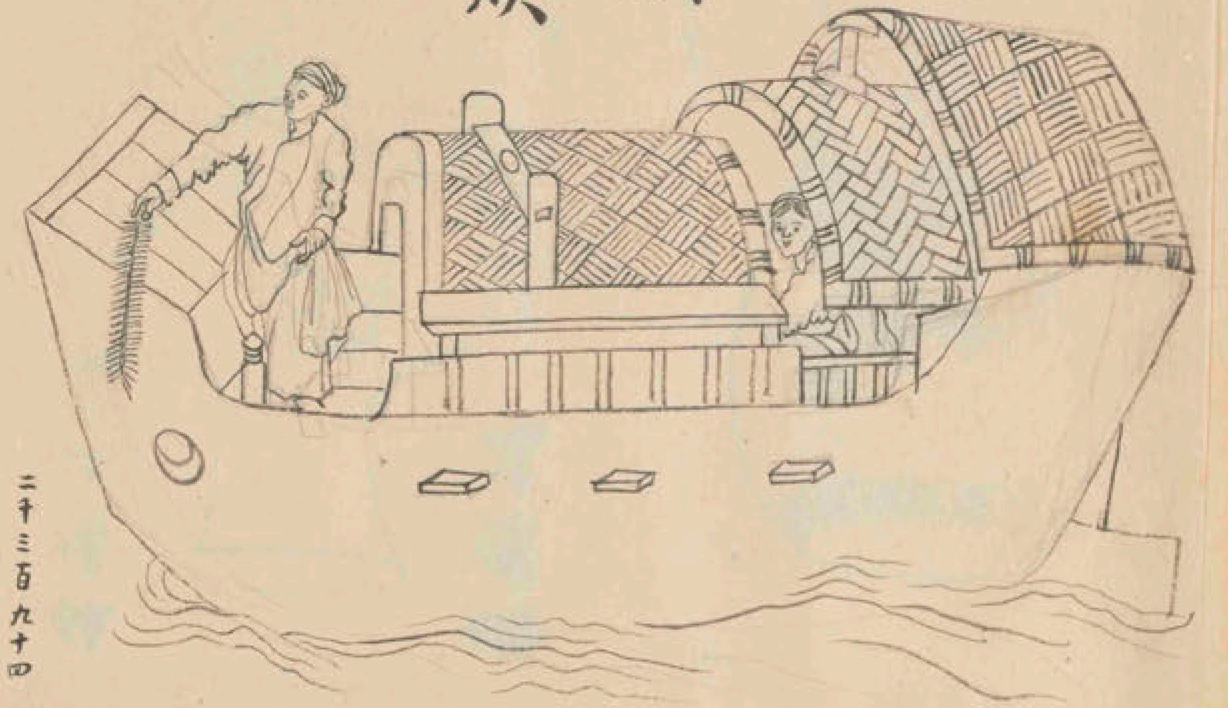

thuyền đã đến bờ
thời đốt pháo
mừng

船㐌錪
坡辰[illegible]
硊[illegible]

二千三百九十四

2394

Chang chúng tô

đến đâu cánh

điểm quả chặn

chang chứng để ăn

[illegible]

壯皁

二千五百四十 2540

xếm dầu cánh phượng để cúng mụ

⿰火戠油翅鳳

底供

媒

二千七十一

2071

nấu cháo giầu dẫn

⿰火辱⿰米召

萎廔

nấu cháo dầu dẫn

二千五百九十四

2594

giấm quả chám

陰菓

橄

二千六百七十六 2676

tháp

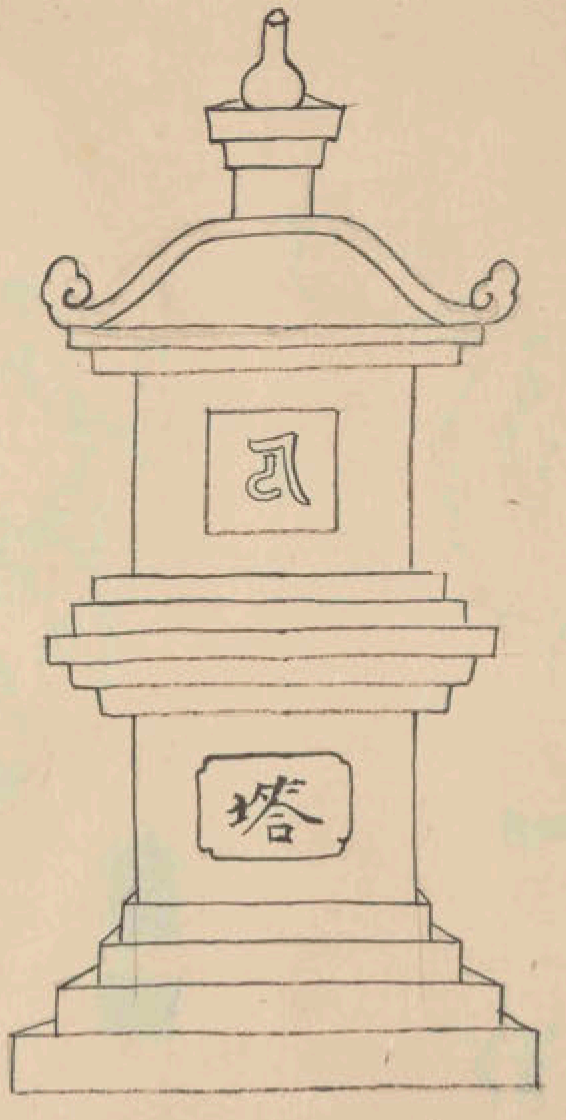

二千四百二十二

2422

媄童官禮

mẹ đồng quan lễ

二千三百八十六

2386

thi khoán đũng tà

劵童邪

二千二百四十五

2245

siêu linh

扦鈴

二千五百九十二

2592

lễu đồng siêu linh

達童扦鈴

二千五百七十

2570

qui thuật đánh quay

詭術打揮

二千六百七十

2670

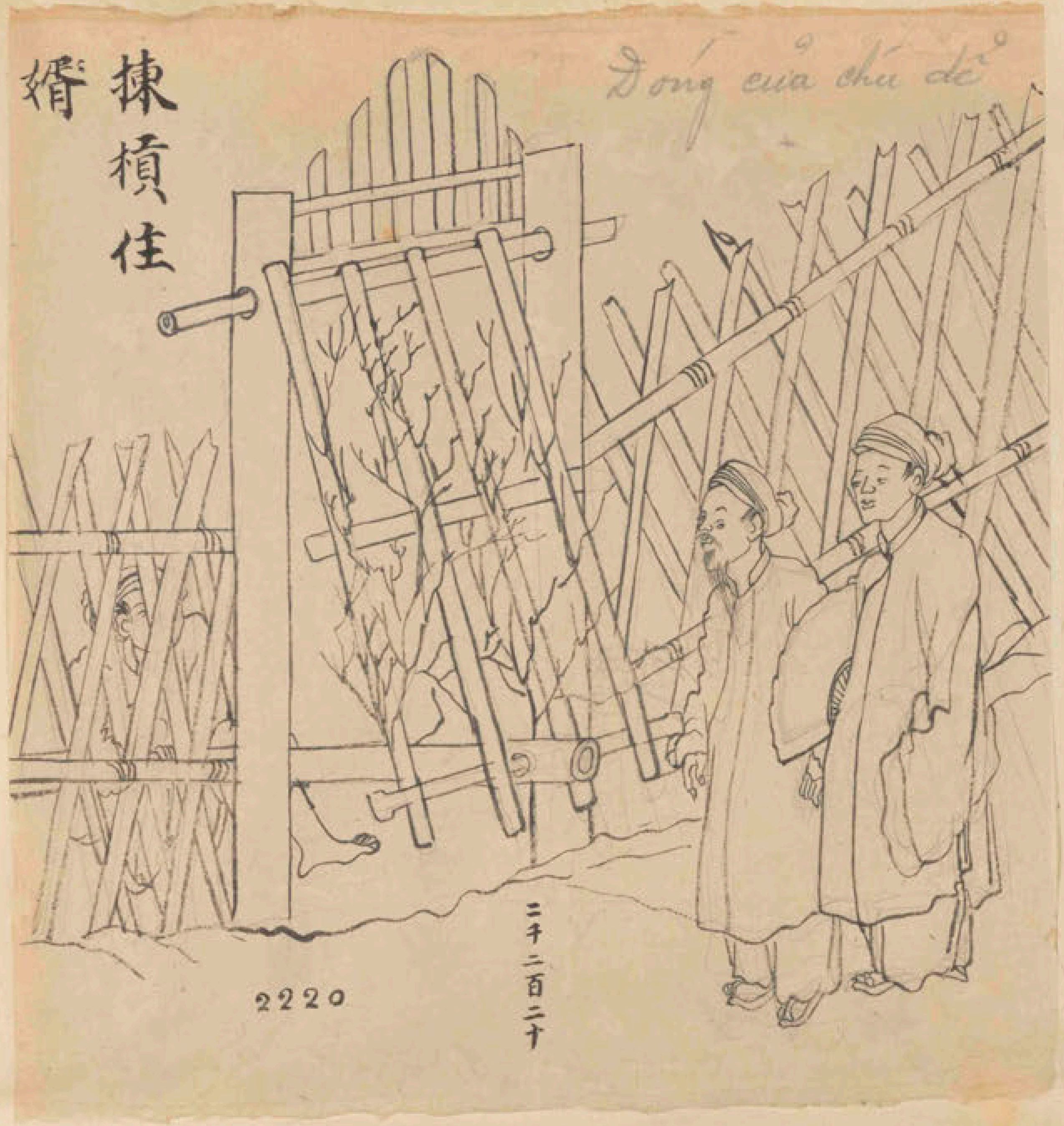
揀槓住
婿
Đóng cửa chú rể
2220
二千二百二十

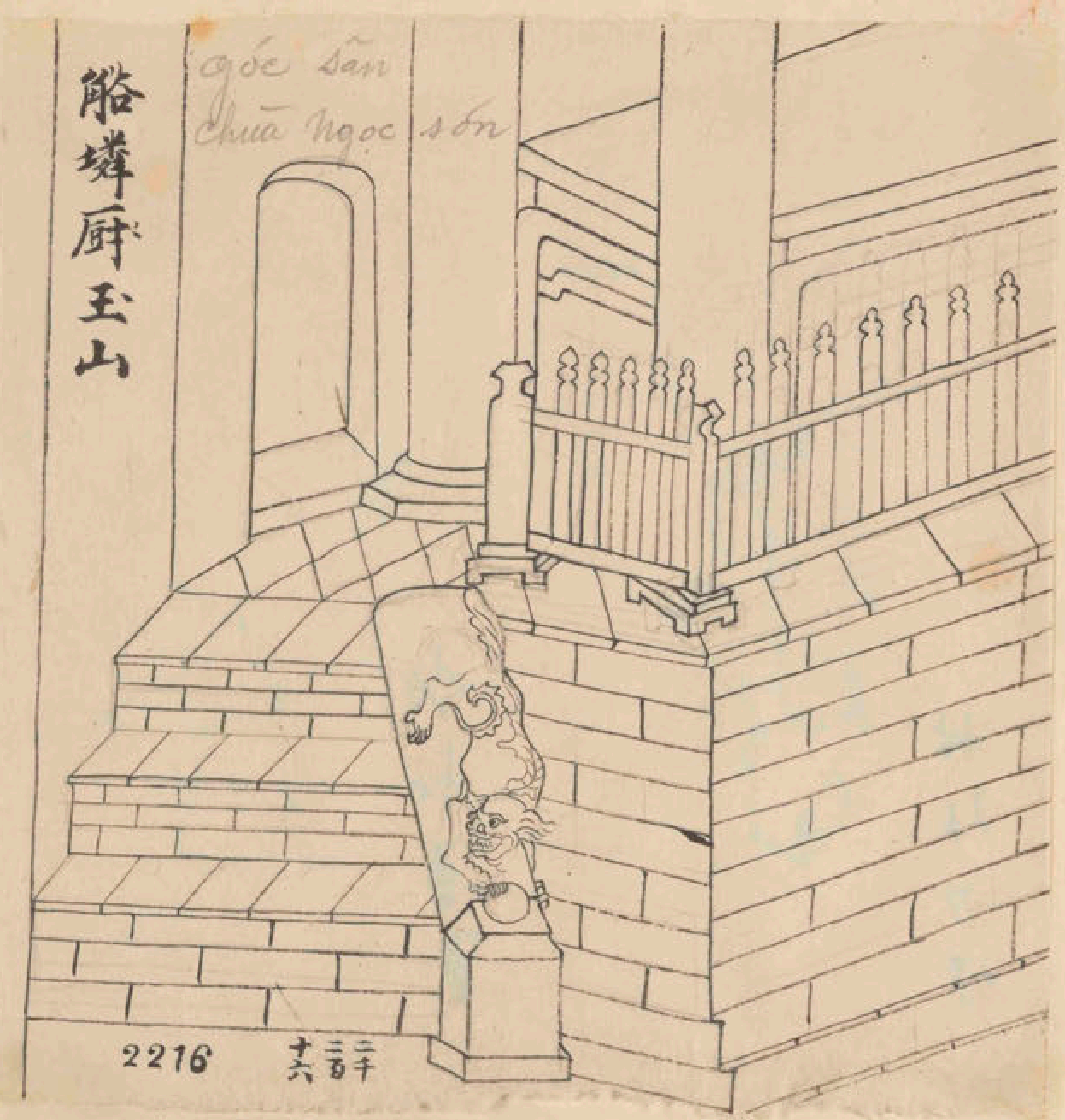
𦩷𡑝廚玉山
Góc sân
Chùa Ngọc sơn
2216
二千二百十六

二千

2216 二千二百十六

chặt lông đuôi gà để vào đâu đau thời nó khộ đi sa

切毴𪃿底
寄包圖萎
辰似空能
趍賒

二千三百九

2309

Cắt đầu gà gáy gở quái

切頭𪃿[illegible]
嘅怪

二千一百九十二

2192

thứ hai luột chân gà để xem

次缸熠蹎
𪃿底貼

二千一百二十五

2125

luộc thịt gà thấy siết gặp thì tốt lắm

熠肭𪃿
𧡊節級
辰卒毅

二千六百十六

2616

Vợ gọi hồn, chồng lấy đũa cả đóng vào đồ dấu để cô hồn không nói được

Bà đẻ rồi thì lấy chày lăn bụng

笆産耒辰祕
𨦩𢠯𦜞

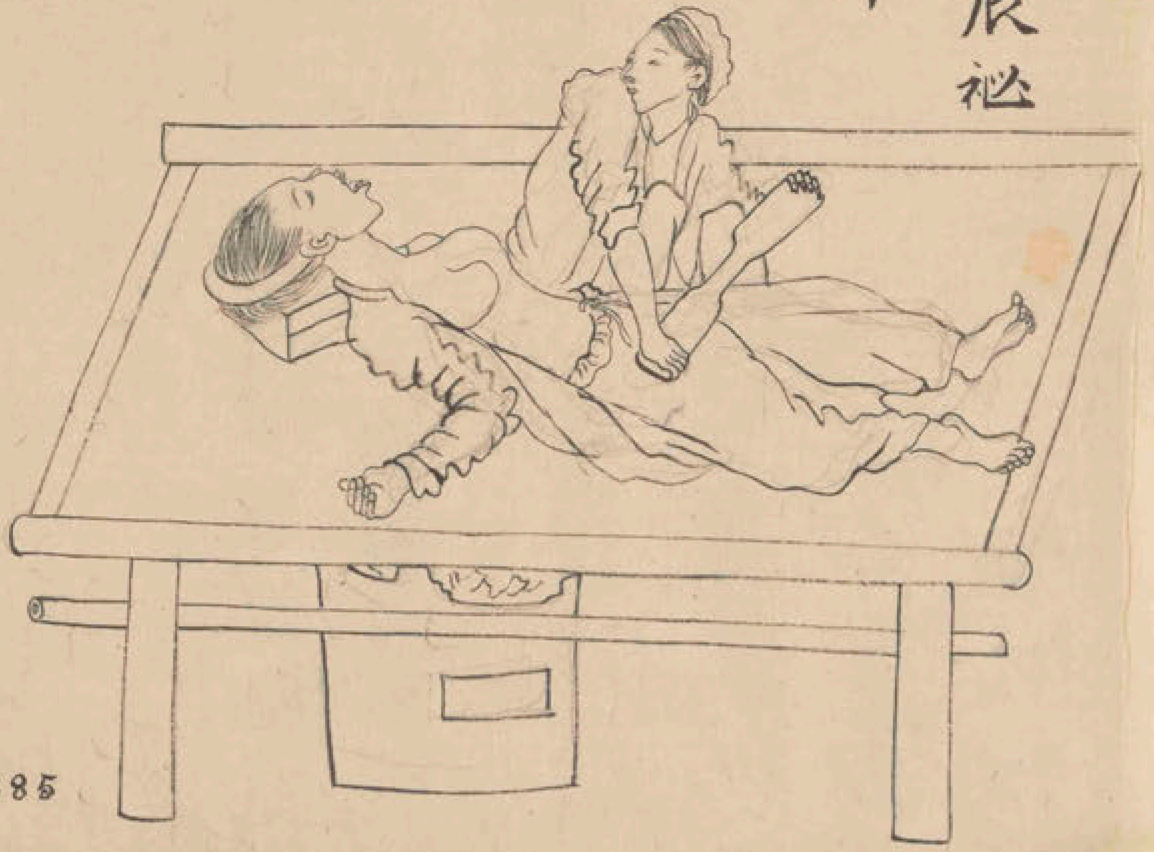

二千三百八十五

2385

chỉ con mút quả bầu　Đeo gối qụa　chơi chong chóng　mua nước trẻ tươi

chú con mút quả bầu

唅菓瓢

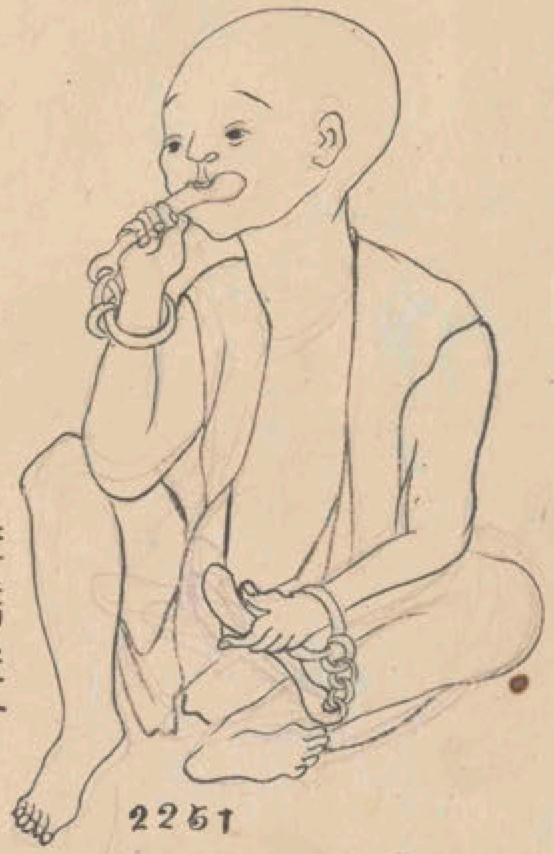

二千二百五十一

2251

Đeo gối gựa

扨噌戧

二千二百五十二

2252

chơi chong chóng

制觓揬

二千二百四十一

2241

mua nước chè tươi

摸渃茶鮮

二千六百八十七

2687

Chuồng dạng

đèn gỗ ở chùa

cây đèn bằng đá

2104

chuông đồng

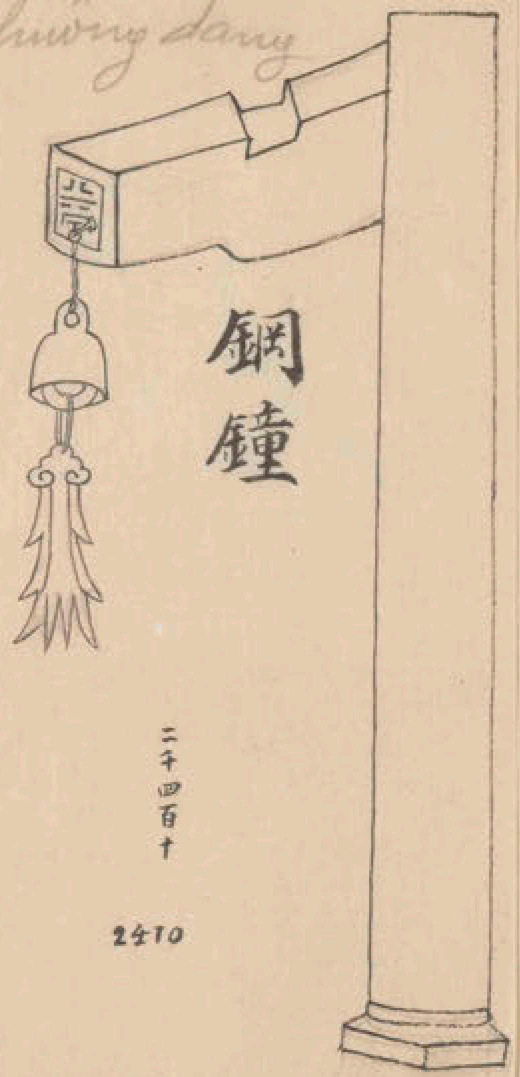

銅鐘

二千四百十

2410

đèn gỗ ở chùa

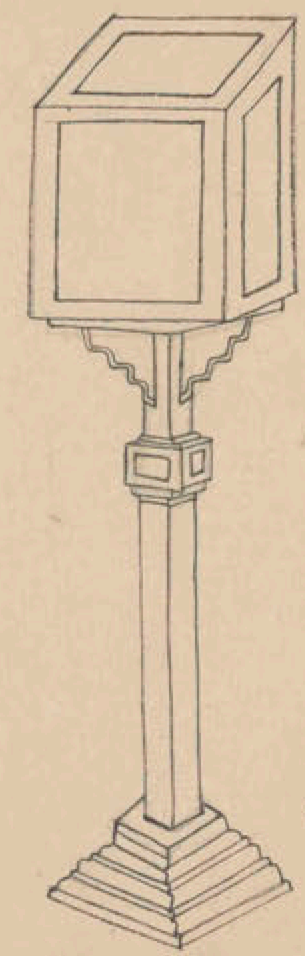

畑搭於廚

二千三百五十一

2351

cây đèn bằng đá ở chùa quan sứ

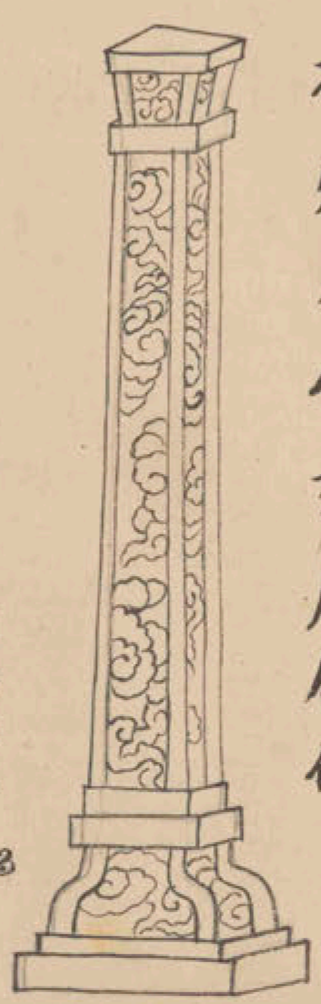

核畑朋矽於廚館使

二千二百六十三

2263

bút tháp

筆塔

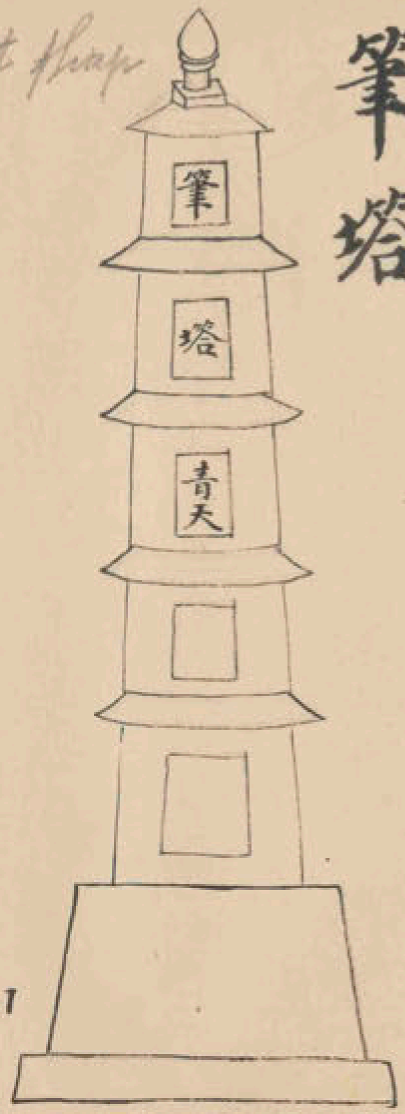

二千四十一

2041

Lạc thư

洛書

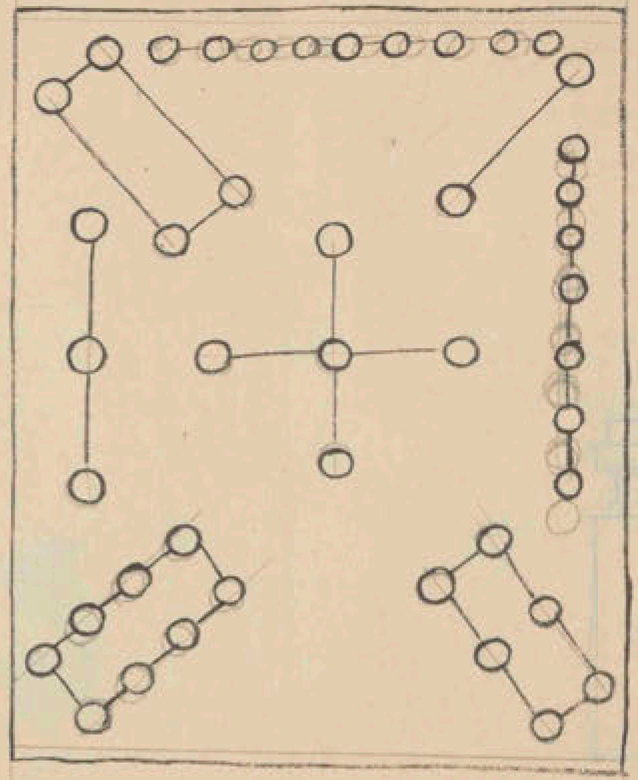

二千五百十六

2516

炉香蜍地藏

二千四百七十七

2477

Lư hương thờ Địa Tạng

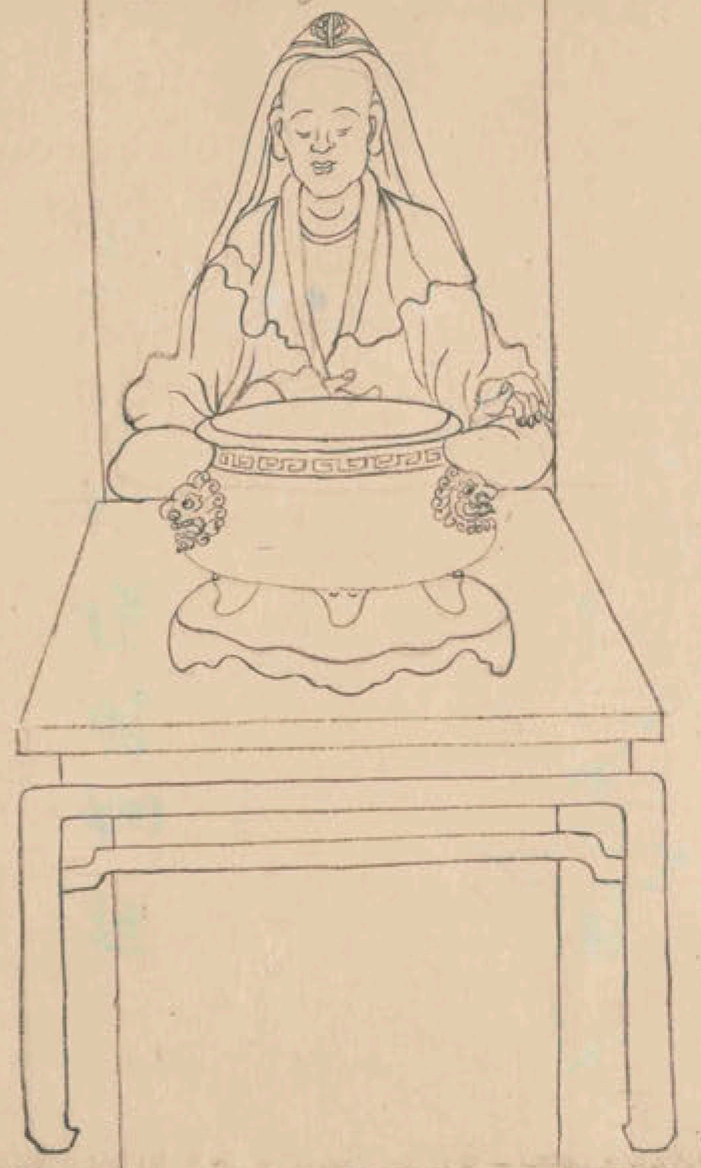

thổi hoa mẫu đơn

thổi hoa mẫu đơn lừa chong chóng

𠺙花牡丹𠃌
𨊹擦

二千五百七十五

2575

đeo con lợn bằng đá ở cổ

扚琨
猪朋
碊債

二千三百廿五

2325

tết trung thu chơi thỏ giấy

節中秋
𨔈兎
𥿗

二千三百廿九

2329

ông sư giày bắt quyết

翁師𠰺
扒決

二千一百三十七

2137

Lợp nhà bằng dạ

膧茄朋夜

二千六百三十

2630

Bán hàng gặp giắn đón đường thôi mày

半行扱
蛒迷塘
辰枚

二千六百四十

2640

Đèn bằng sắt

Cấy sắp cơm

Đèn bằng sắt

烟朋鉄

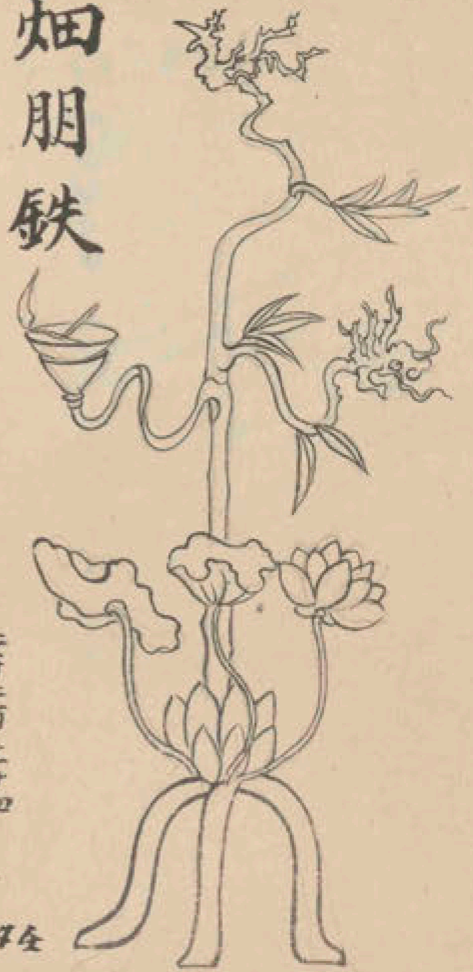

二千二百七十四

2274

cái sáp gỗ

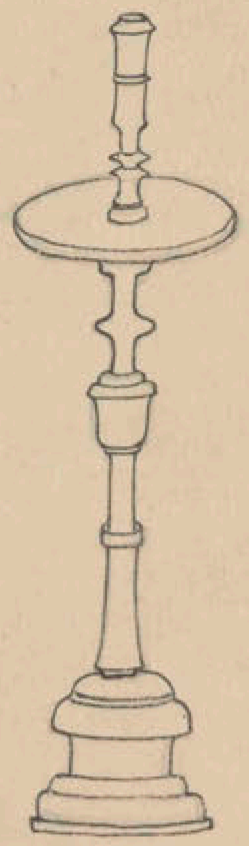

𣘃熔梏

二千二百六十八

2268

Cây sáp cốm

𣘃蠟粓

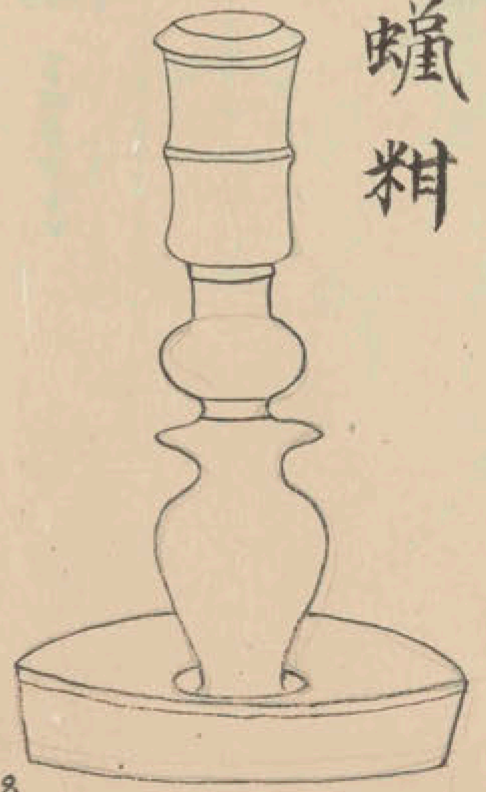

二千五百四十八

2548

Đài diệu lát mặt kính

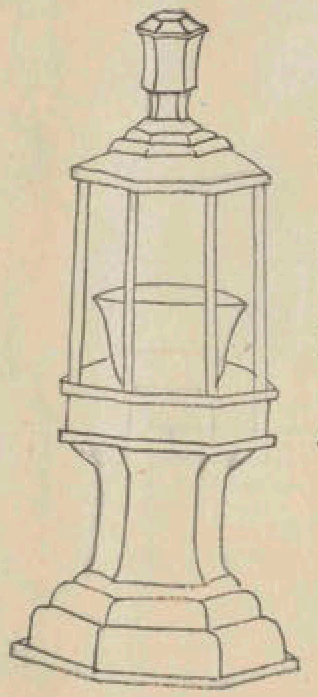

苔[illegible]撻[illegible]鏡

二千五百四十一

2541

Đồ thờ

đang sợi mây

縢紲
逯

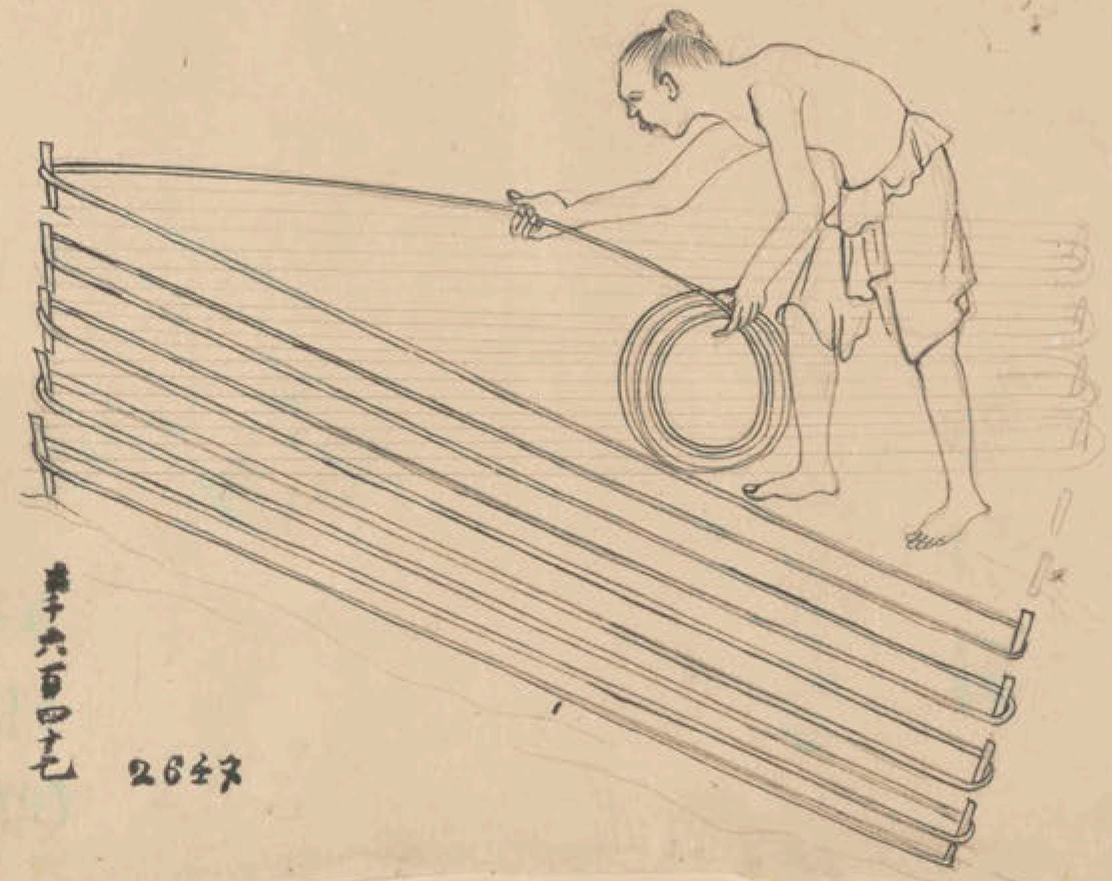

二千六百四十七

2647

vặn thừng

拌繩

二千六百四十一

2641

thầy pháp bắt quyết, dận chân, chữ bệnh

得頭

蔡

đất gạch chườm bụng cho tiền huyết

thuồng chải đầu để vệ

牽絡頭軟

thầy phap bắt quyết, dẫn chẫn chữa bệnh nọ đau

禁法扒決引
頭治病
得要

二千一百四十 2140

đốt gạch chườm bụng cho tiêu huyết

焌額挑脖
朱消血

二千六十七 2067

chồng chải đầu để vợ mau đẻ

𫯳歷
頭底
婚摞
產

二千七十四 2074

咹粓耒麻
歷頭
辰沛
髷碇鼓

ăn cơm giồi mà chải đầu thì phải chước gạt giường

二千七十五 2075

cái tủ bầy thờ

丐笑排蜍

二千三百七十

2370

ông hoa thờ

甕花蜍

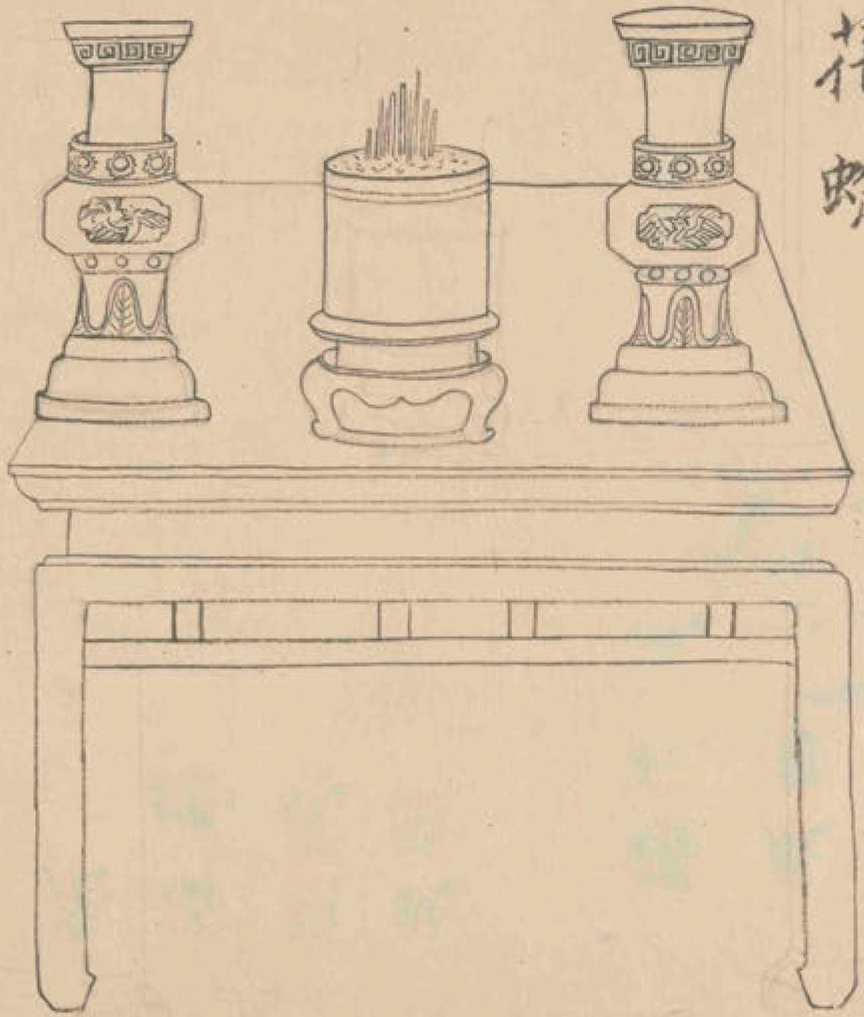

二千四百八十四

2484

bệ đá

𡉏𥒥

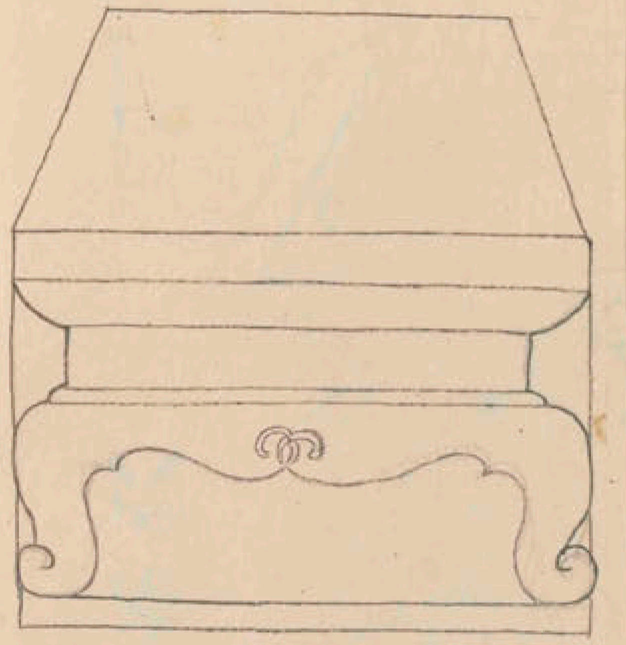

二千四百三

2403

bánh ngũ sắc bầy tết chung thu

麯五色制節中秋

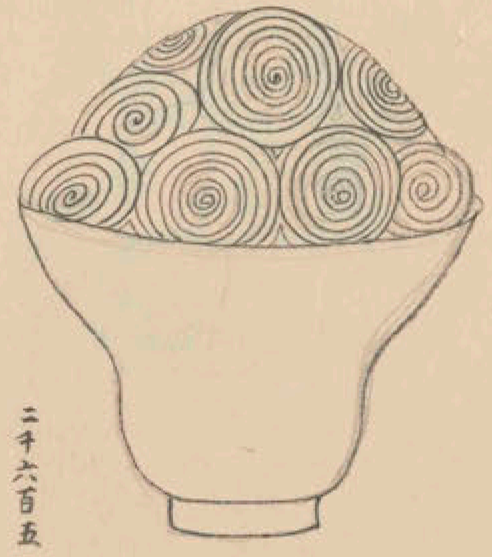

二千六百五

2605

Bát mía bầy tết chung thu

鉢樸制節中秋

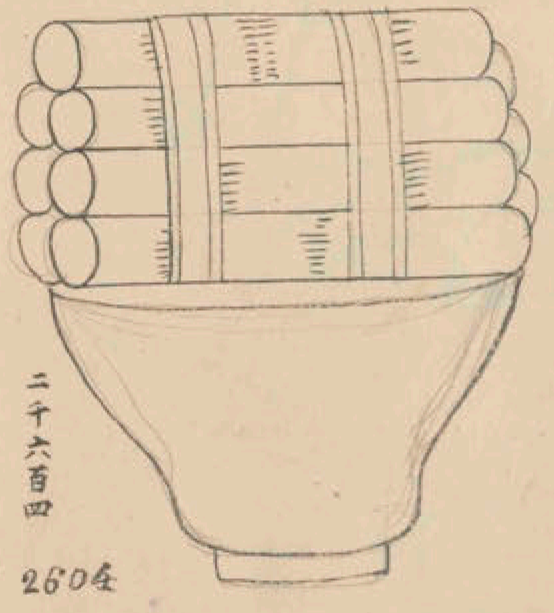

二千六百四

2604

Đồ đốt mã ống nhổ chang kim

圖𤈜禡甕噌莊金

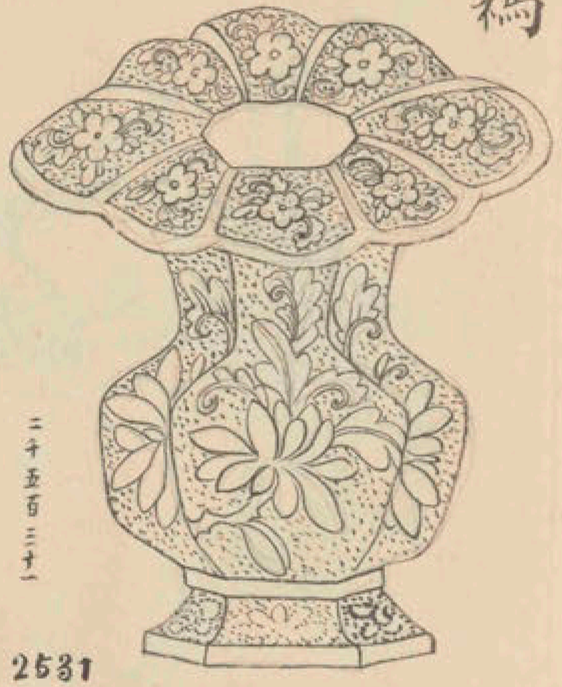

二千五百三十一

2531

方將治穴

Phuờng tướng chị huyệt

二千四百八十九

2489

上

ngi chết để rõ đầu về phương đông

得蕘
底跂頭
衛方東

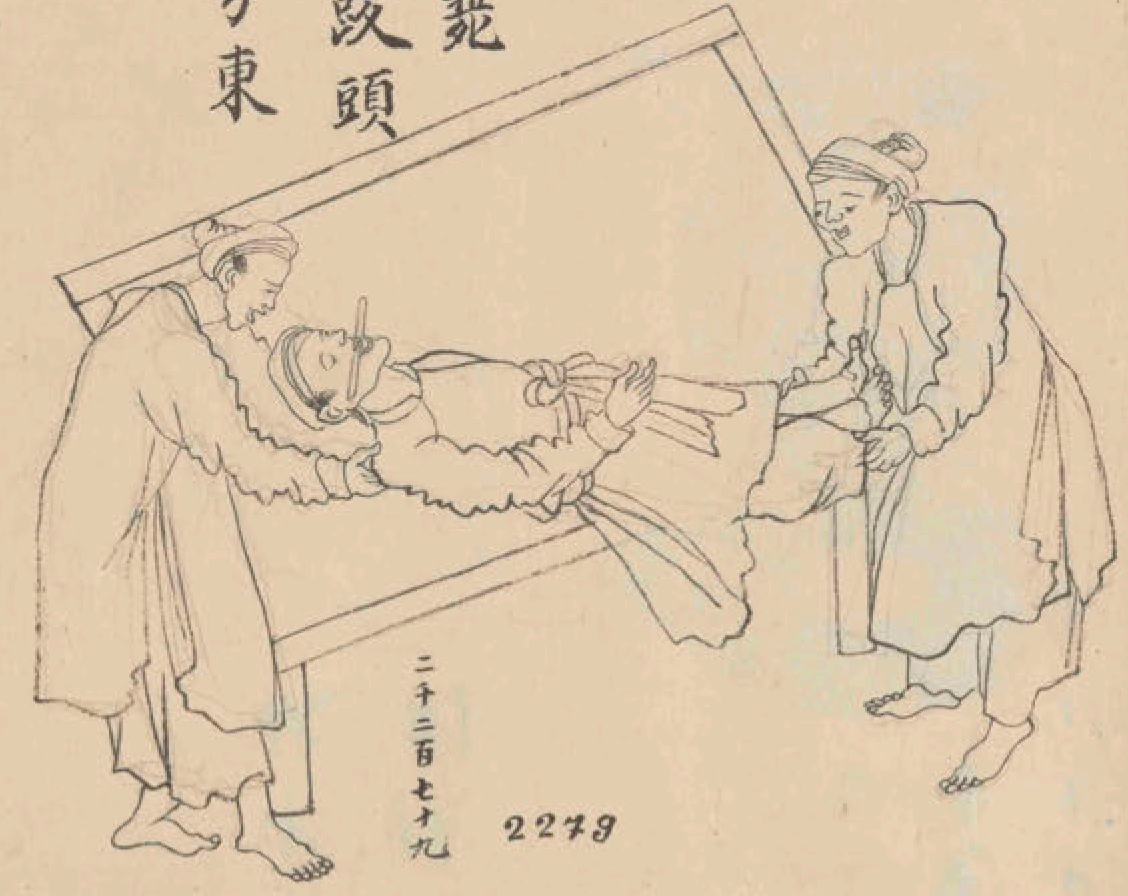

二千二百七十九

2279

thui chó

bắt chó

đưa ổ sắt qua ột vào đít chó để nó điều

thui chó

燒㹥

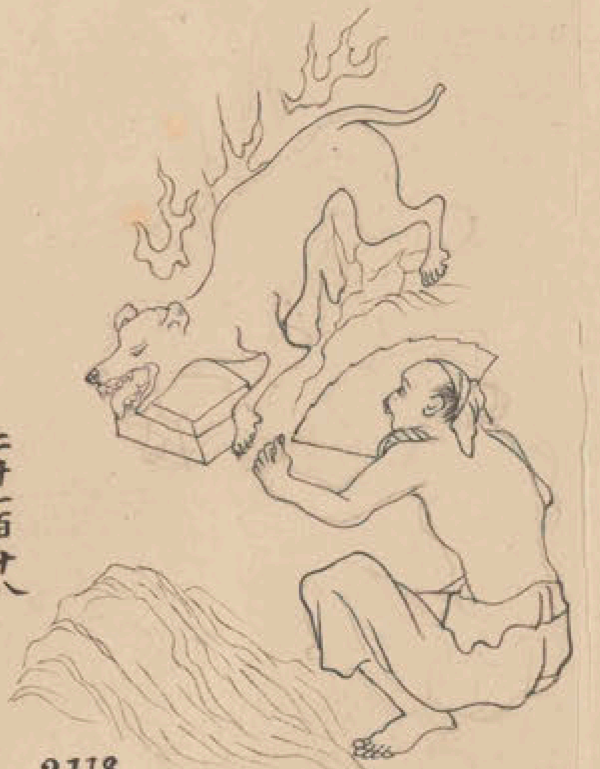

二千一百十八

2118

bắt chó

扒㹥

二千一百十九

2119

Đưa ở sát quả đất vào bắt chó để nó điên

[illegible]於殺蕖遏色坦

㹥底奴顛

二千一百九十一

2191

㹥哏衣𥙩

𥊚蹽蹎

奴搞

𨑜坦底

垥朱塊

二千五百三十五

2535

Chó cắn thì lấy vết móng chân nó cào xuống đất để đắp cho khỏi

ngựa đá thờ

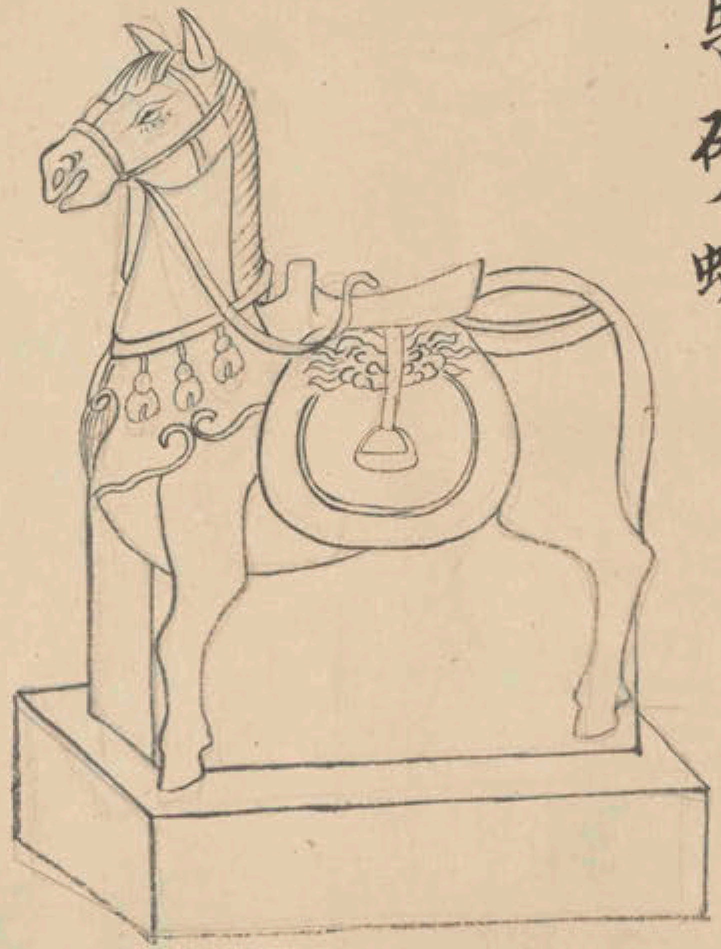

馭𥒥蜍

二千二百八十九

2289

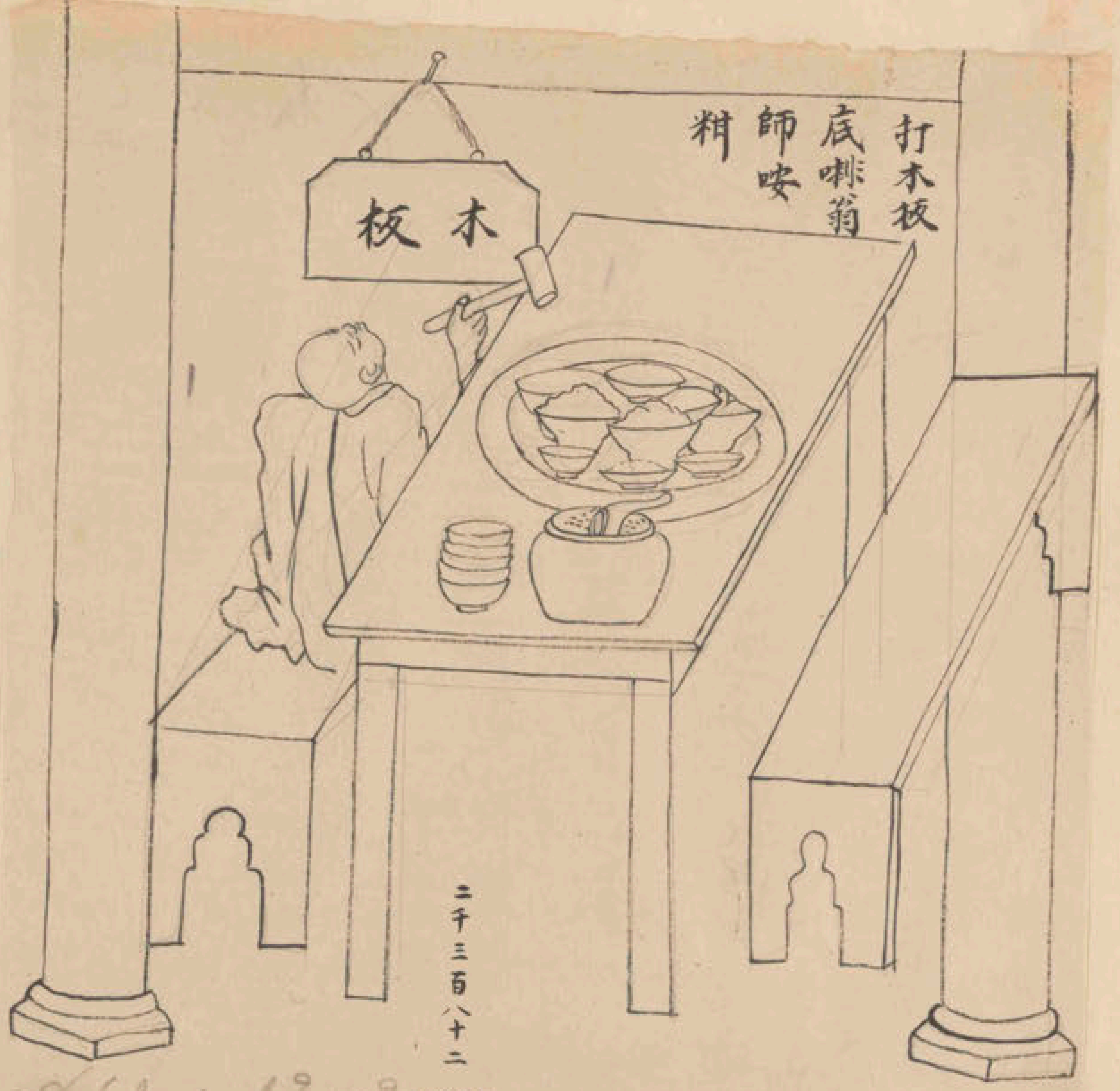

二千三百八十二

2382

Đánh mộc bản để mời ông sư ăn cơm

năm mới đi lễ

dáng thần bảng

làm ma biếu nem bánh

để đám ma

二

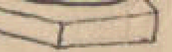

2382

Đánh mộc bản để mời ông sư ăn cơm

năm mới đi lễ lấy cành lộc

𨋣買㪲
礼𥘷𦬑
祿

二千一百五十九

2159

dáng thần bằng rượu

賖䓃
降神

二千三百五十七

2357

làm ma biếu nem bánh

夕麕膔
粘餅

二千一百八十二

2182

để đám ma quan thầy

喪奈
盥洗

二千三百五十五

2356

quạt thóc bằng chiếu

[illegible][illegible]

朋照

二千三百六十五

2365

bộ Kiền trì

部虔持

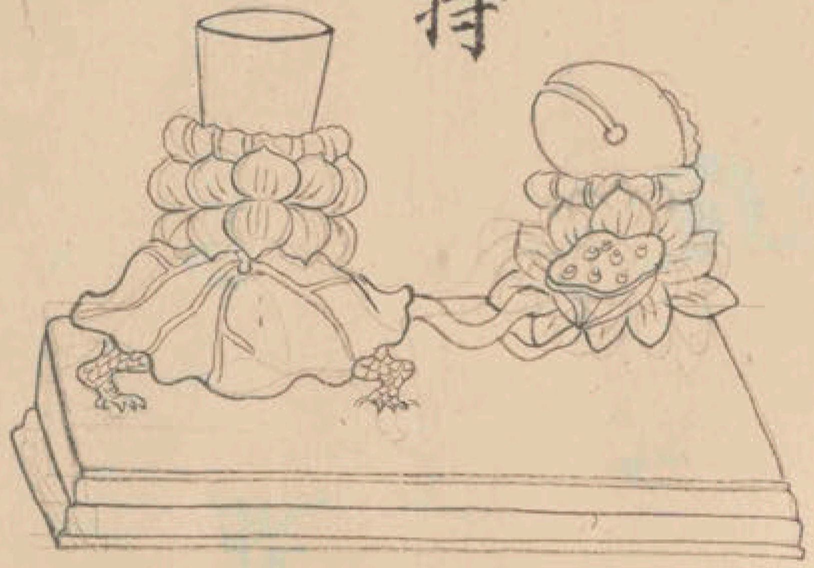

二千四百七十四

2474

lỗ thiên đồ đất sỏ

竜
馬
河
圖

tháp

chém đầu mèo đi

lò thiêu đồ đốt ở

炉燒

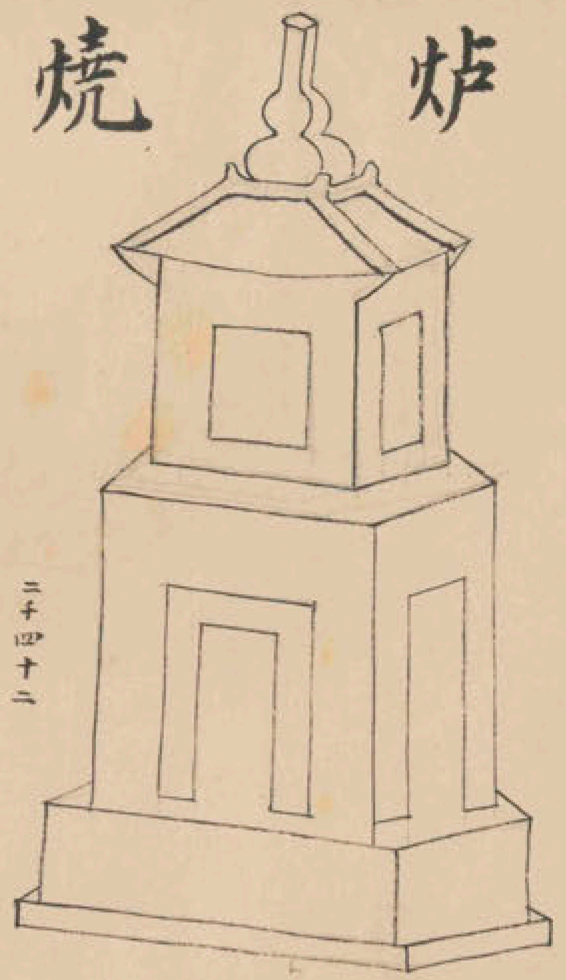

二千四十二

2042

竜馬河圖

二千三十八

2038

long mã hà đồ

tháp

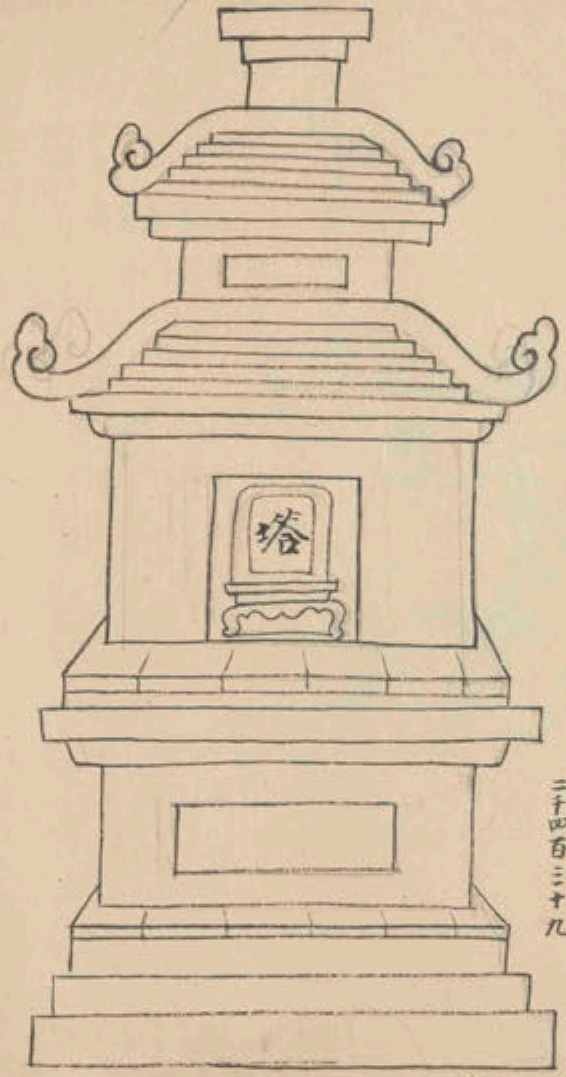

二千四百三十九

2439

chém đầu mèo đi qua quan tài người chết

𠜶頭猫趍
戈棺材
得𣩂

二千二百三十

2230

nghĩa địa

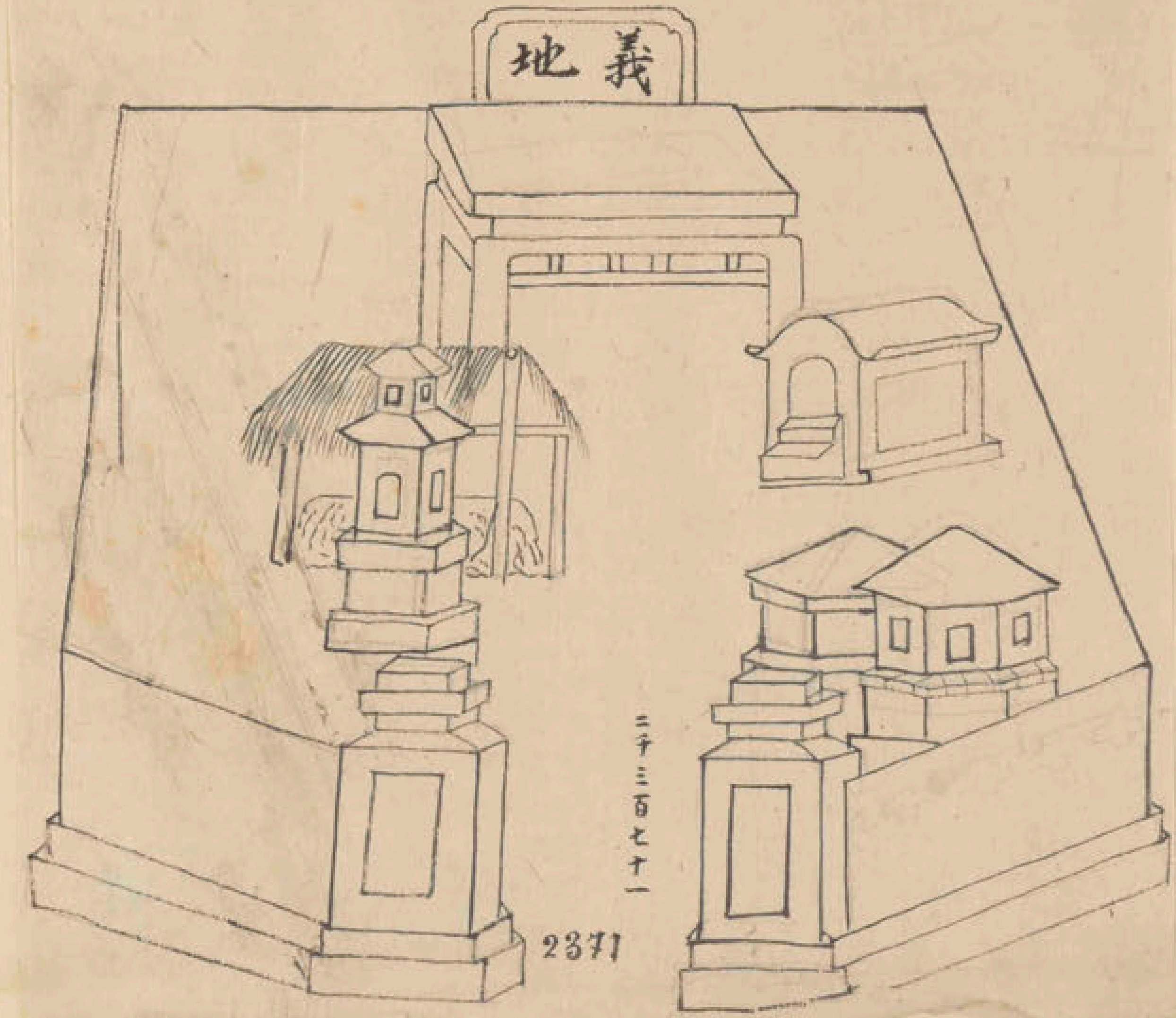

二千三百七十一

2371

Phật thế tôn

仸世尊

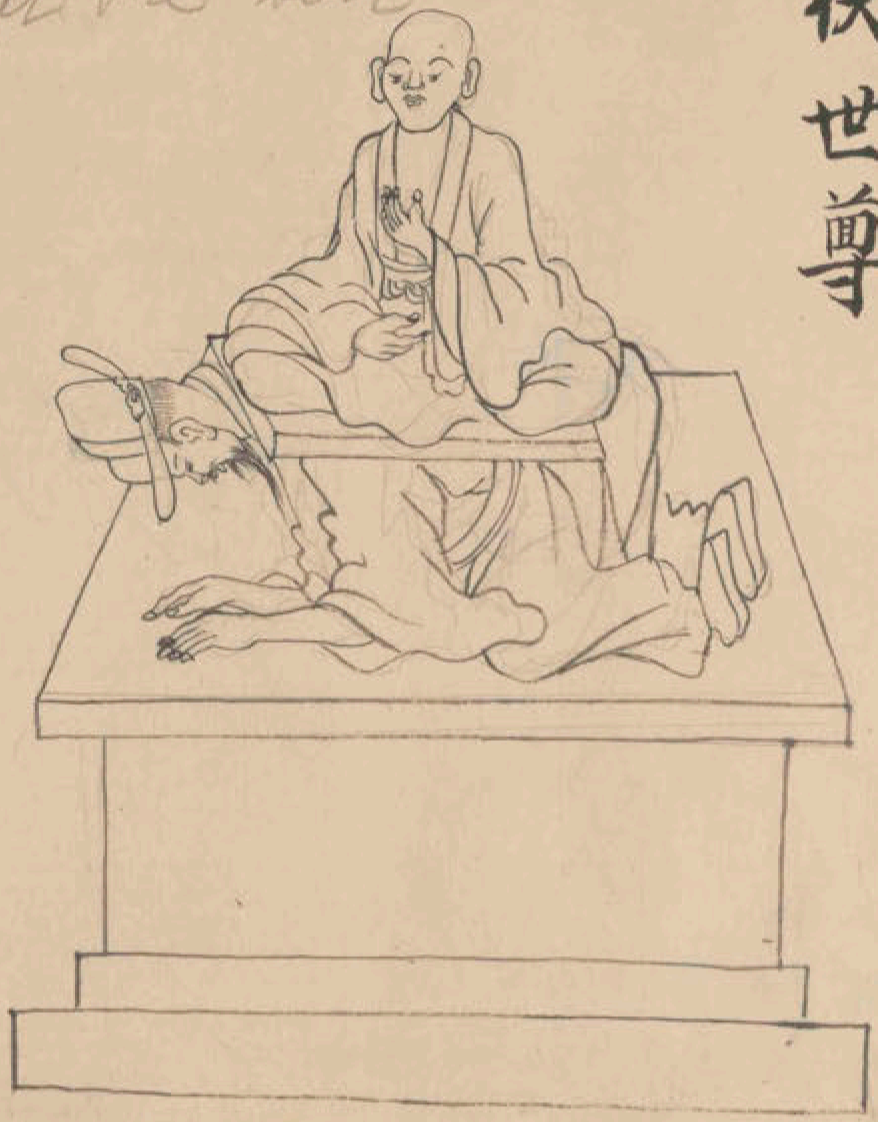

二千三百六十九

2369

chiêu hồn

nhà cháy

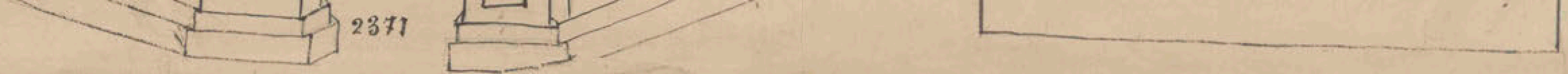

2371

Buộc nẹp dậu

纀押圁

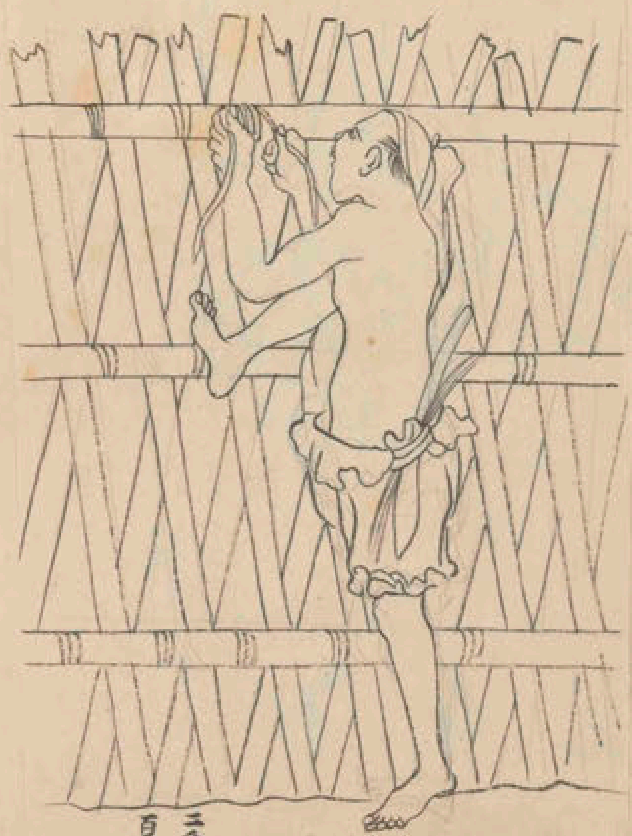

二千六百廿三 2623

chiêu hồn

招呼

二千三十七

2037

nhà cháy

燒家

二千三十九

2039

cheo cúc su lên cửa buồng

招䕯趍蓮𨷑房

二千六十六

2066

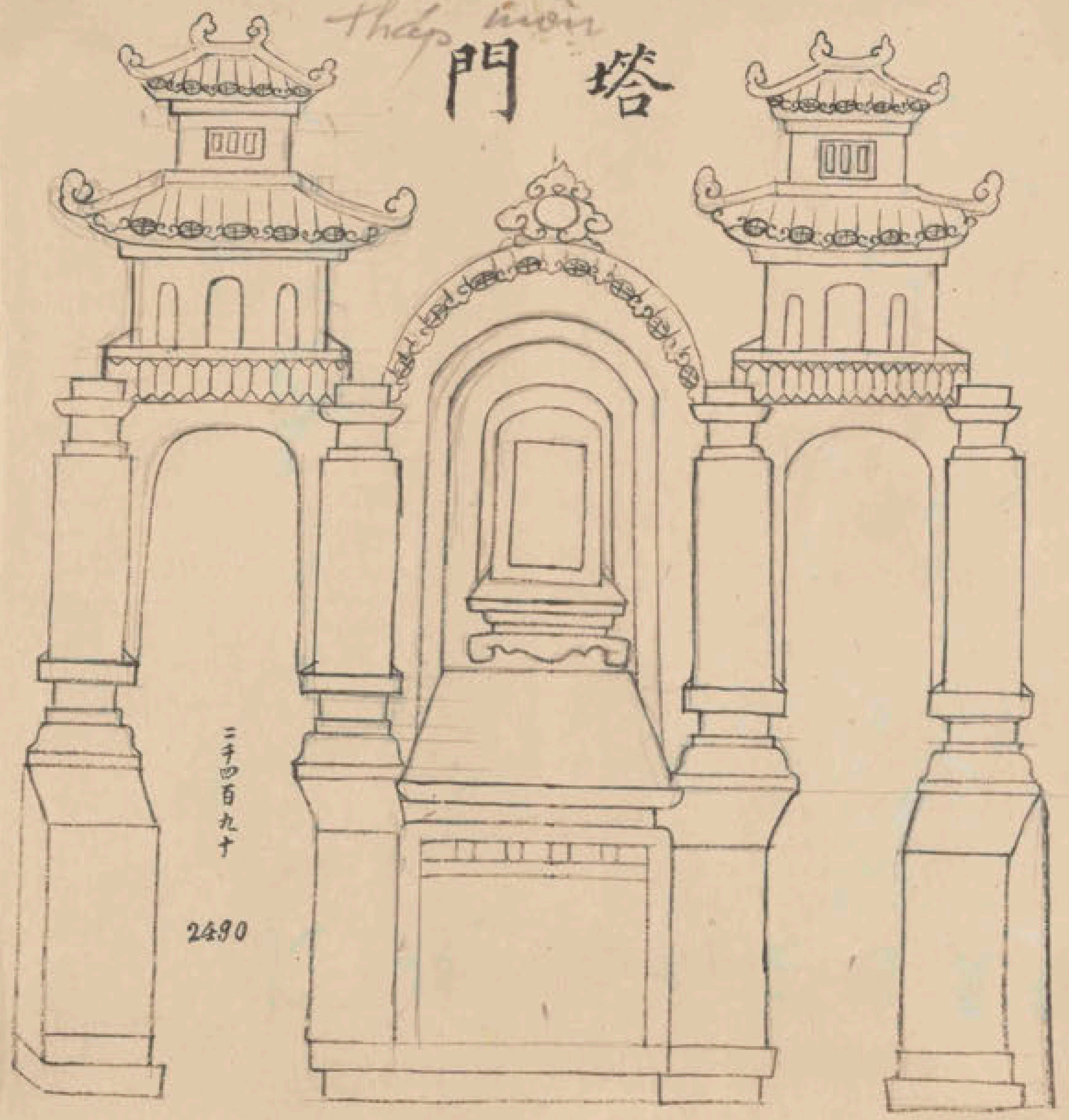

Bưng chông bằng

thả dầu xuống sông

chèo dầu con lên cành

Bưng chống bằng bóng con lợn

抹蔽朋
𦝄琨
𤞼

二千二百四十四

2244

thả dầu xuống sông

且萎瓵
滝

二千六十一

2061

cheo dầu con lên cành cây

招萎琨𨖲梗樓

二千六十

2060

dồng vỉ chuối

用襸
樍

二千六百八十八

2688

𡊲與渃塘

chỗ hứng nước tương

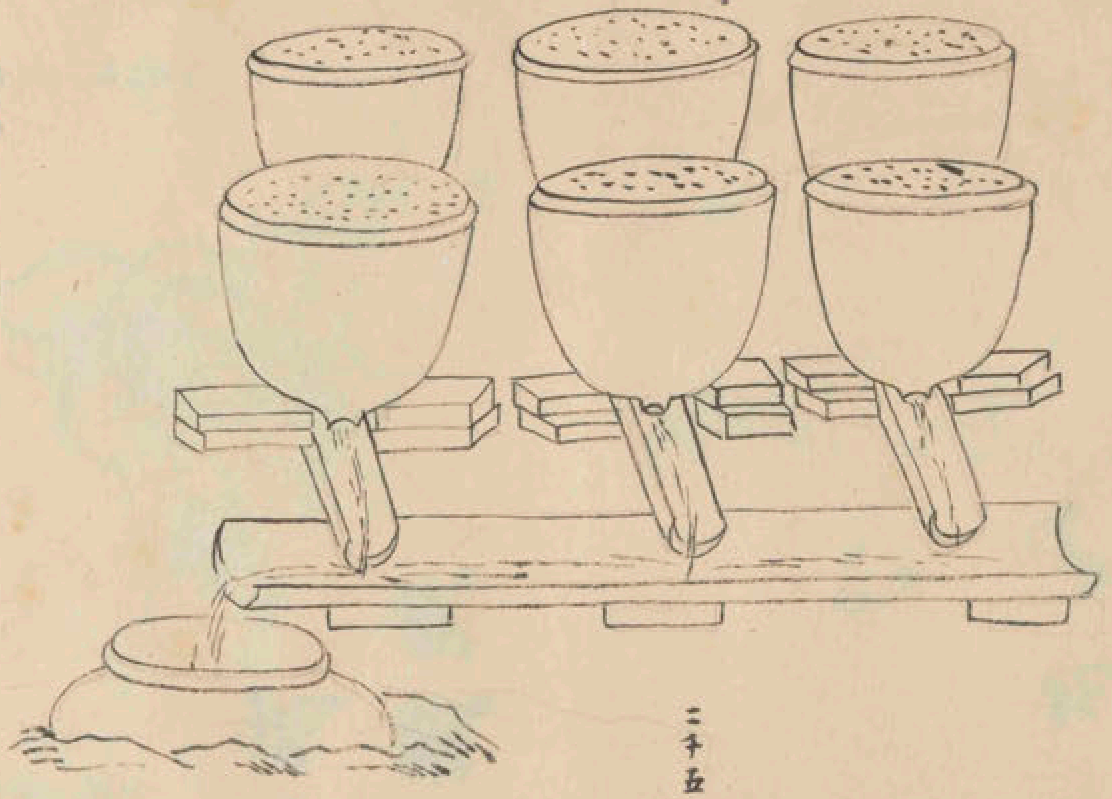

二千五百十五

2515

猪罷辰揲
荘包圖
萎底奴
衛

Lợn ra thì lấy thừa
cắm vào đầu đầu
để nó về

二千六百三十三

2633

phường chèo vẽ mặt

phường tráng đùa ma

三六百 2633

扨相補齋

Đeo mắt bằng vỏ chai

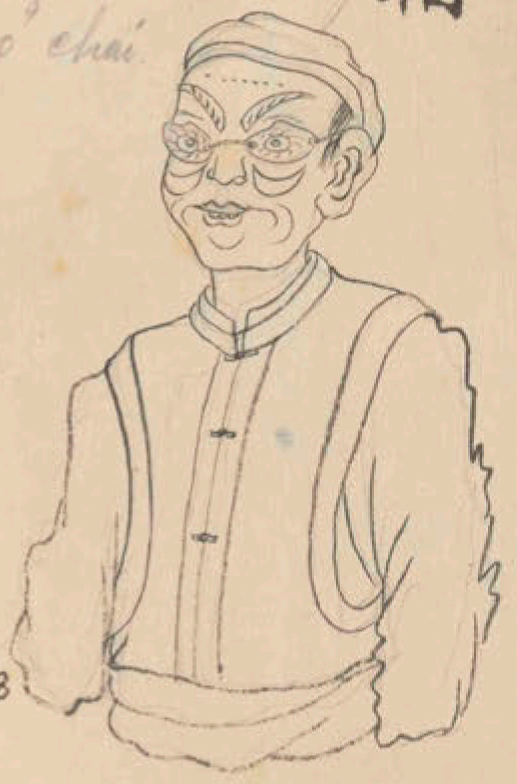

二千六百十八

2618

Bát giới

八戒

二千二百七十二

2272

phường chèo vẽ mặt

仿唱𢌌𩈘

二千二百三十五

2235

phường tướng đùa ma

方將逐麻

二千三十四

2034

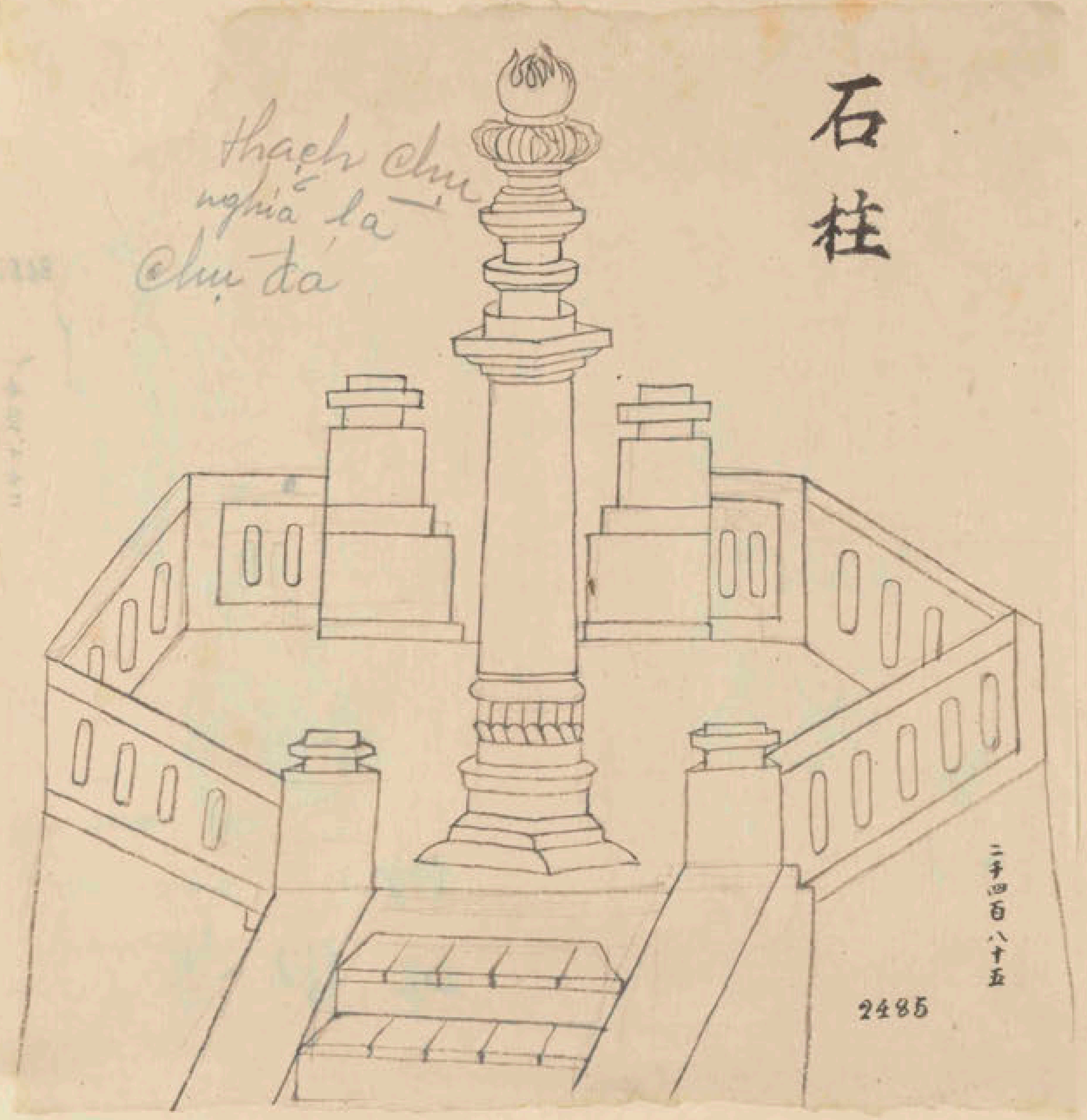
石柱
thạch chụ
nghĩa là
chụ đá
二千四百八十五
2485

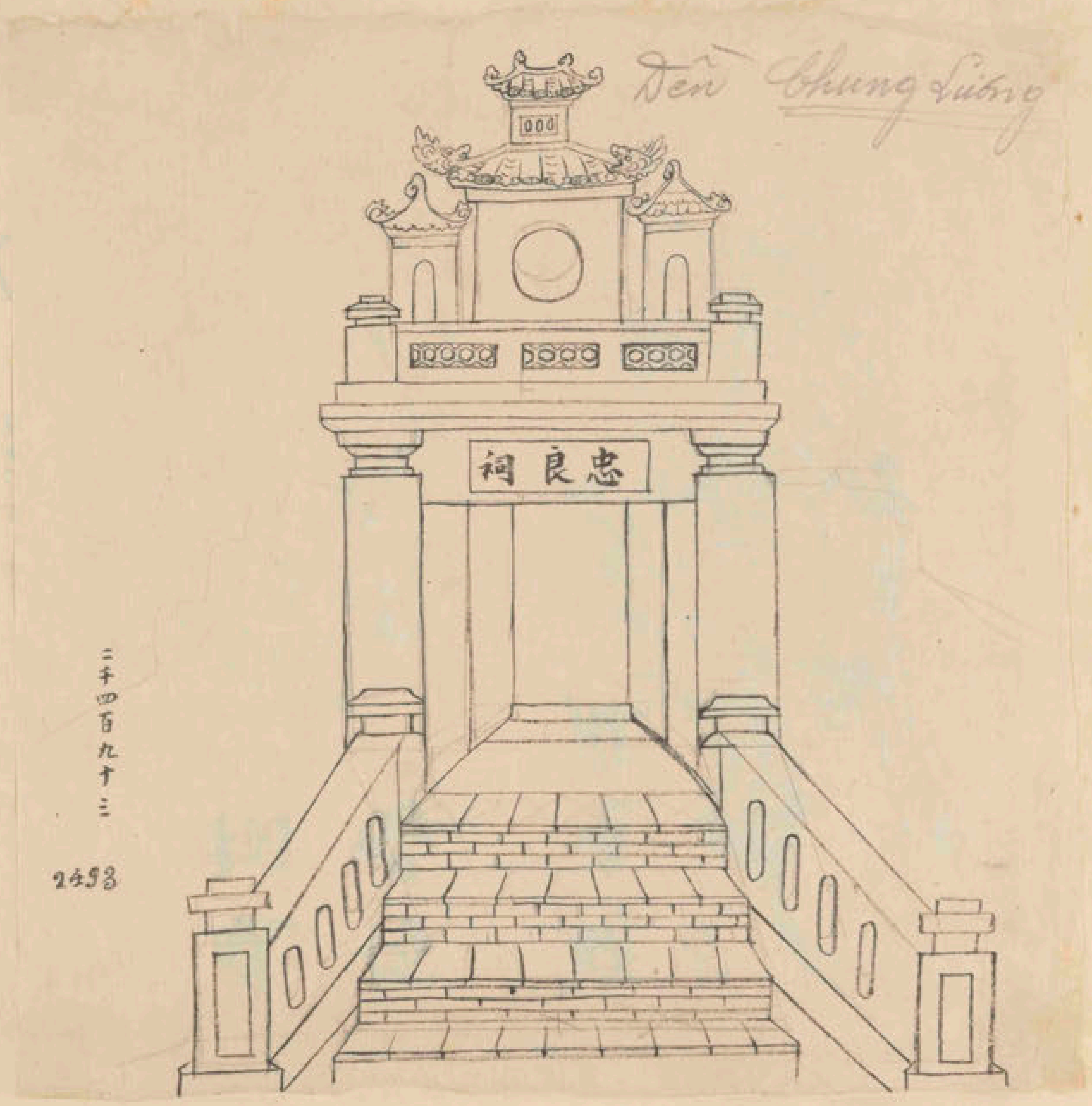
Đền Chung Lương
忠良祠
二千四百九十三
2493

2485

Hơ giấy ngọn đèn
làm giấu
爐絨謊烟
夕[illegible]
二千二百四十八
2248

thầy pháp đọc sớ
柒法
讀疏
二千三百三十三
2333

Đêm học bằng hương
𥋳學
朋香
二千六百六十九
2669

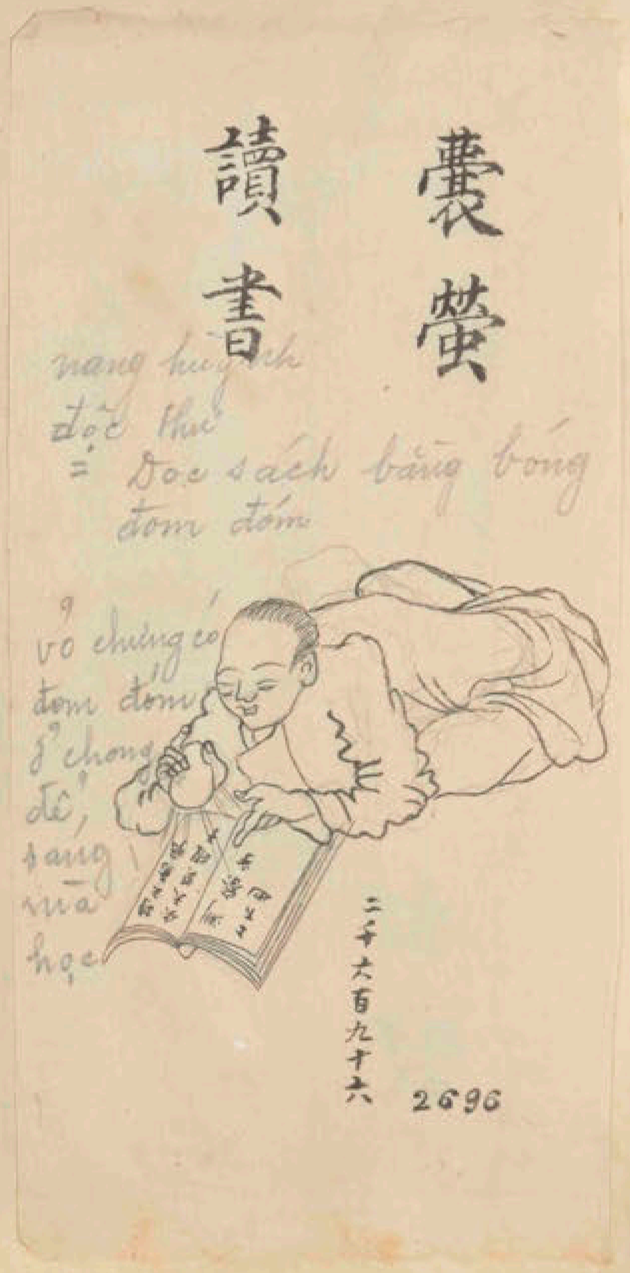
囊螢
讀書
nang huỳnh
độc thư
= Đọc sách bằng bóng
đom đóm
vỏ chúng có
đom đóm
để chong
đèn,
sáng
mà
học
二千六百九十六
2696

更墓得吞打

canh mộ ng. giỏi đánh

二千五百十四

2514

茹碑

nhà bia

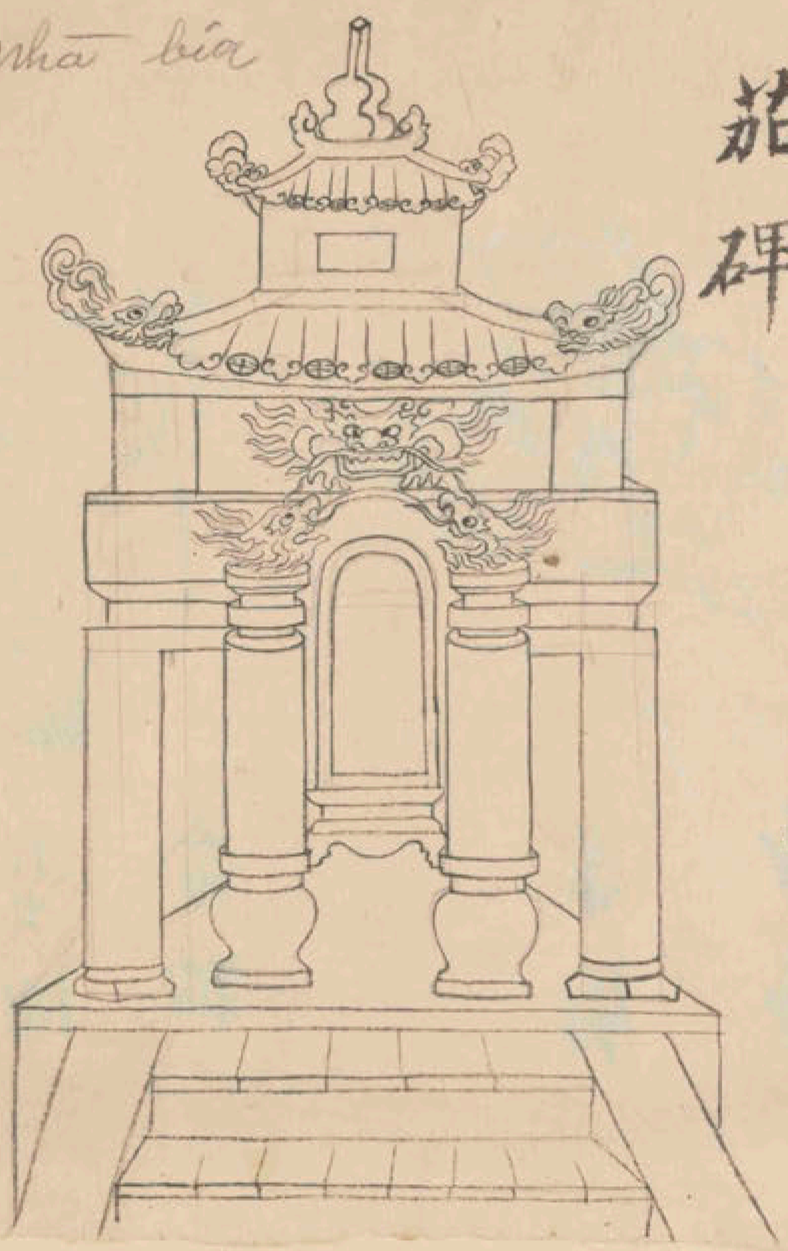

二千四百八十三

2483

Tào giàu để sơn cho con

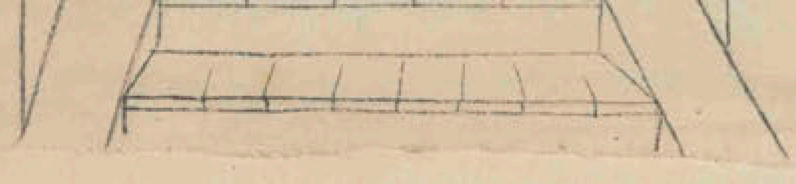

Cầm tay giấy con
viết chữ

拎栖吪琨
曰𡨸

二千四百三十四

2434

Đào giầu để sẵn cho con
khỏi đần

陶萎底貼
朱琨
恚疠

二千六十三

2063

bắt đỉa để cắn dọt bọc

扒蟭底哏
淬僕

二千六百二

2602

cho biết tắm chẻ

朱戱
沁釋

二千六百六十八

2668

鞍底經

yên để kinh

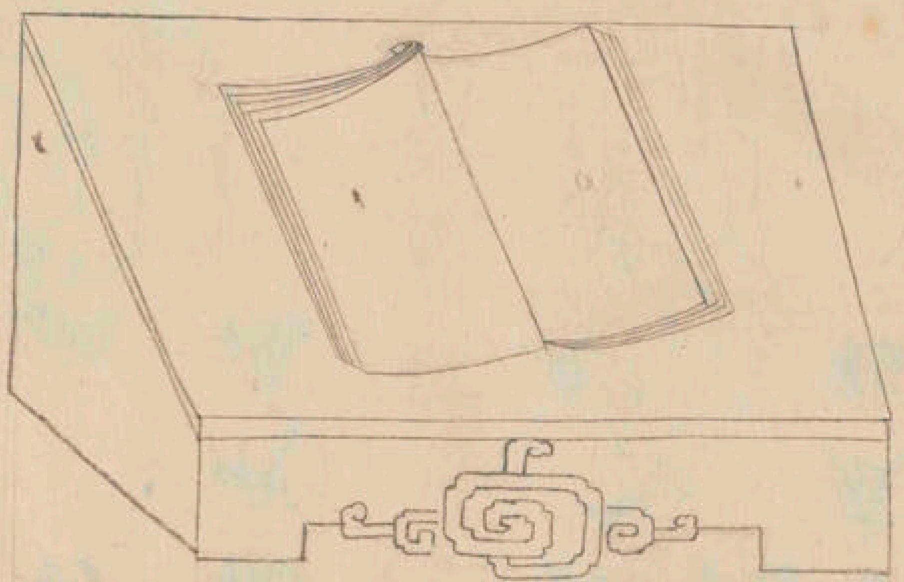

二千四百八十二

2482

得葬補包
棺空皮辰
秋憂床底
補朱皮

người chết bỏ vào quang
khi vừa thời chặt giác
đúng để bỏ cho vừa

二千六百四十四

2644

ăn mày

咹眉

二千六百十三 2613

mẹ nhằn hạch cho con

媄人覈
朱𡥵

二千六百六十一 2661

𠰘嘺油色𨊊
底打殿
朱𡥵

二千六十四

2064

bế con mới đẻ qua cửa buồng

嬖𡥵買産戈𨷶房

2068

861

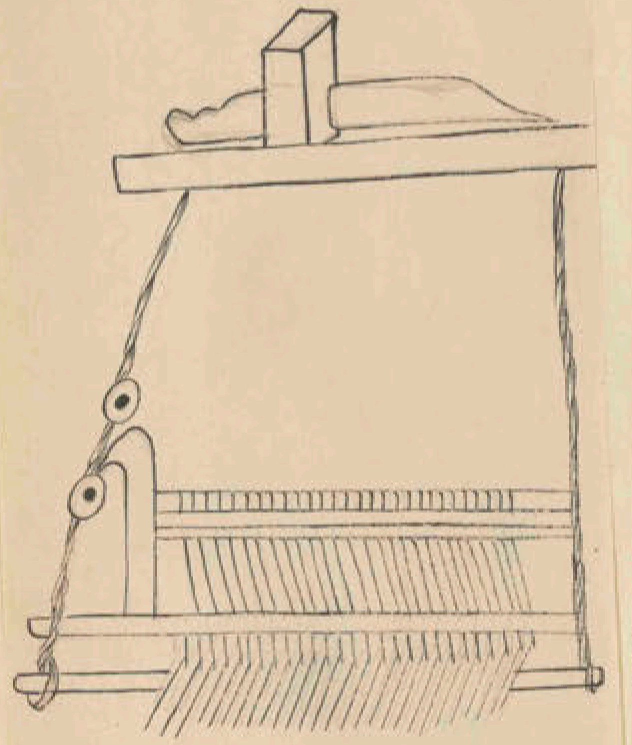

1 一

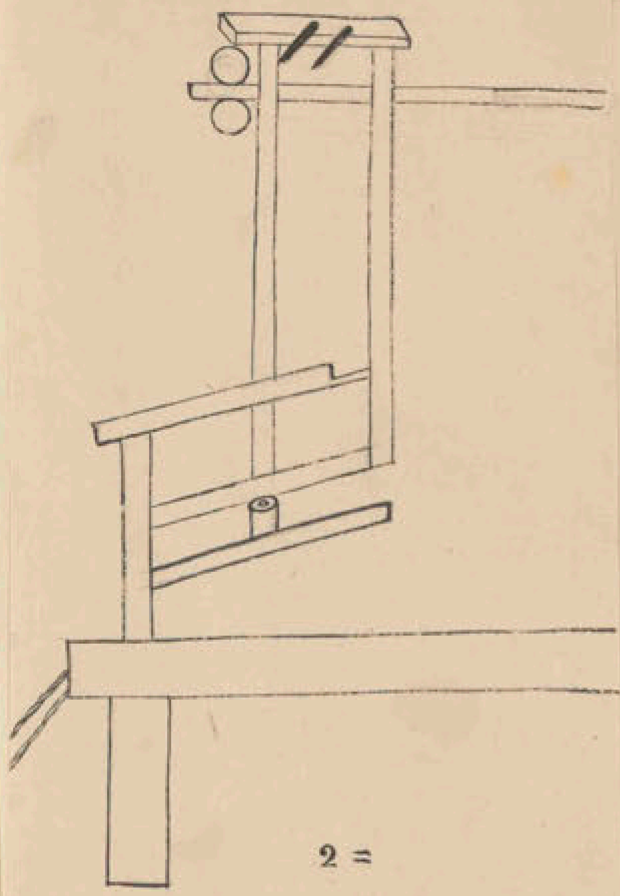

2 二

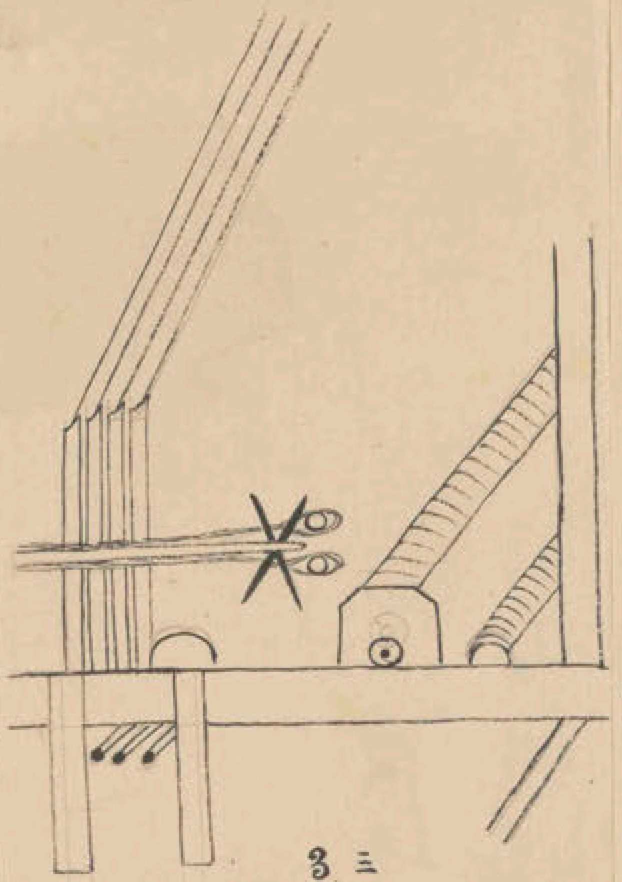

3 三

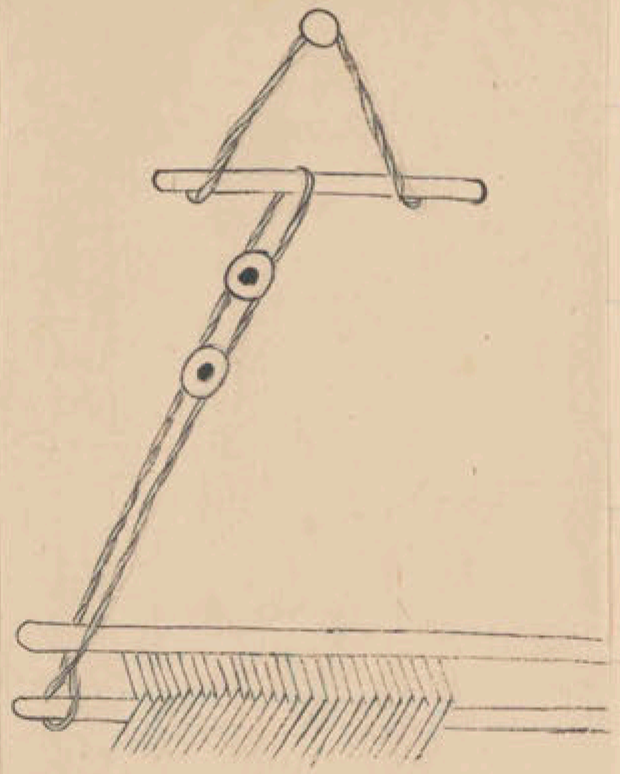

4 四

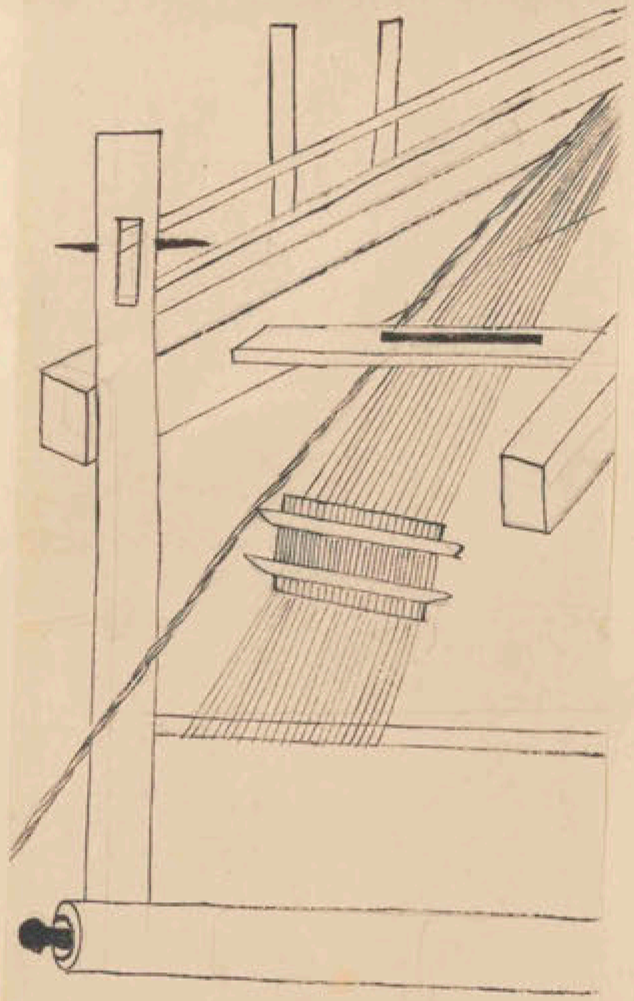

5 五

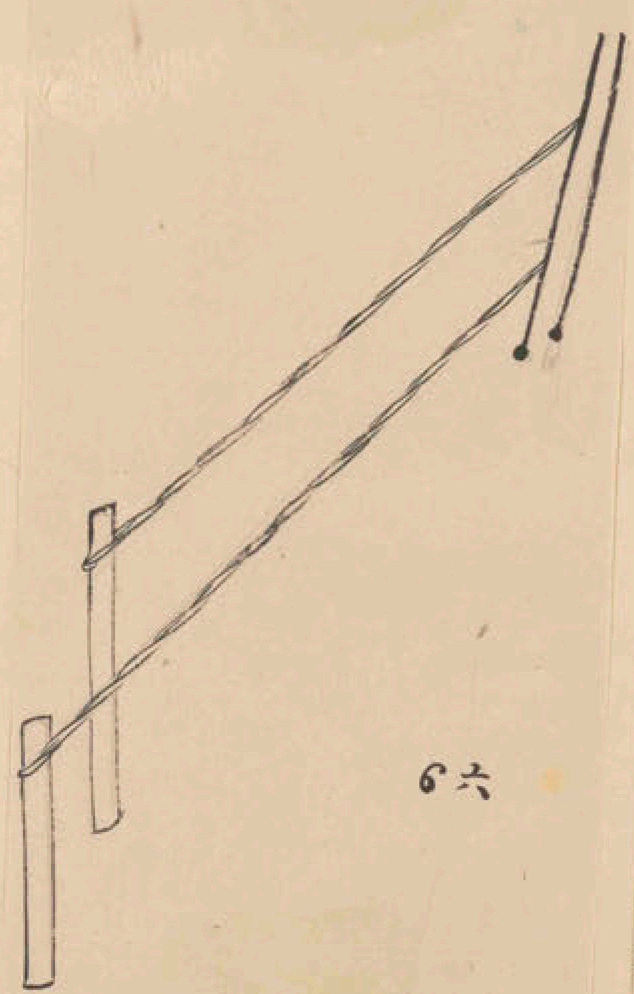

6 六

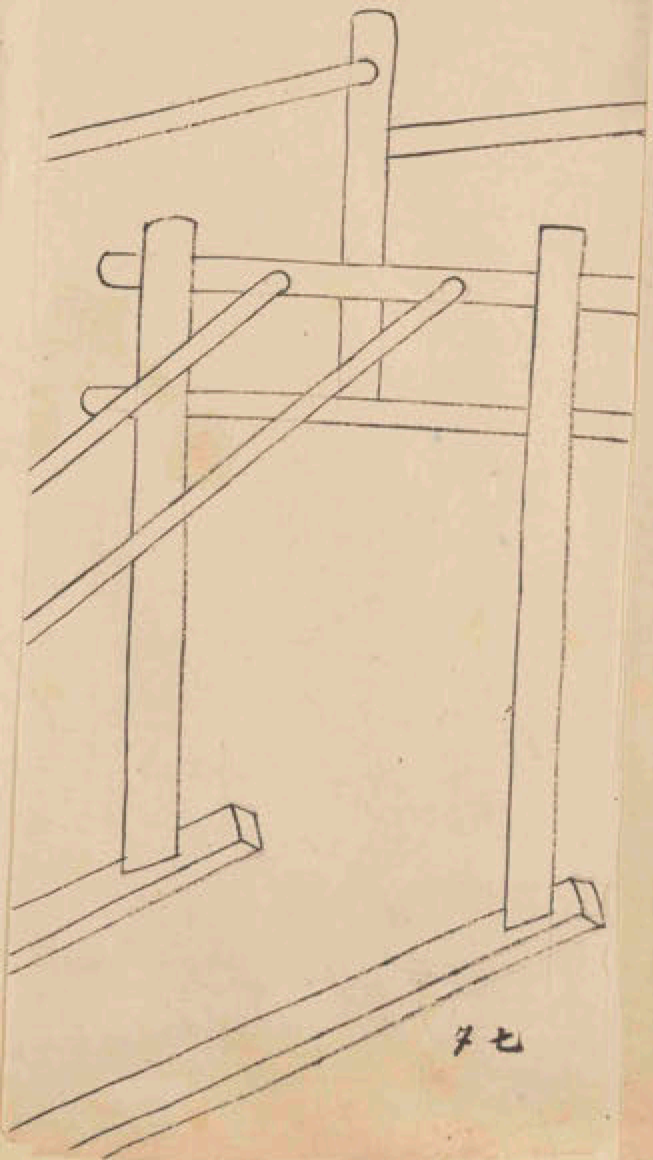

7 七

bàn quấn tơ

盘捃絲

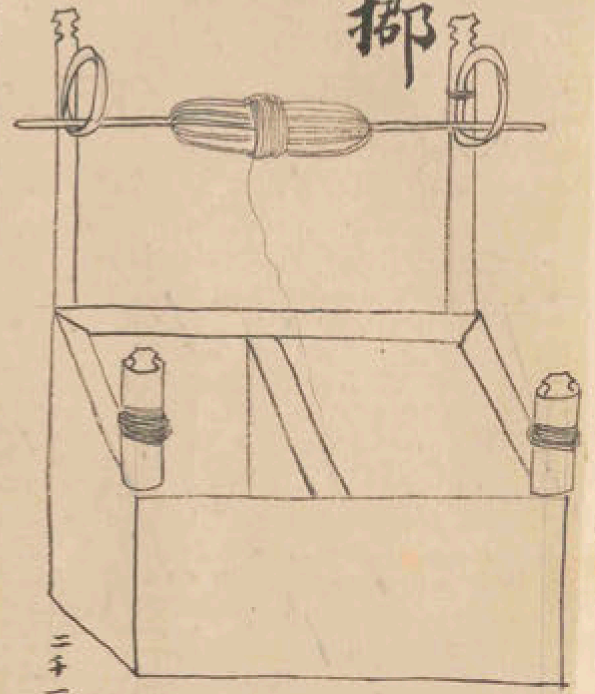

二千一百九十九

2199

Khều dâng chẻ con

đốt giấm cho tằm uống

Khều dáng chỉ con

挑𩯀稈琨

二千二百廿一

2221

đốt giấu cho con uống

㷔萎朱
琨㕵

二千六十五

2065

二千八十九

2089

二千八十七

2087

[illegible] thấu pháp đánh[illegible]

Đeo tầm lông đuôi voi

撈沁𣯡𣰴
𤠄

二千一百五十四

2154

Chú tiểu đội khăn

住小隊巾

二千一百五十六

2156

buộc chỉ cổ tay

纀織
古拪

二千五十七

2057

thầy pháp đánh cái tiu cảnh mà cúng

柴法打丐
蕭景麻
供

二千二百三十二

2232

Túi thơ

襊詩

二千七十

2070

黎朝永祐年鑄于河南省富川縣金堆社

寺今尚存

這鍾高七尺全銅白

其声如雷吼五千尺亦聞之

南國第一鍾也

chuông

二千四十九

2049

波興

浯

滑

Bể hứng nước mưa

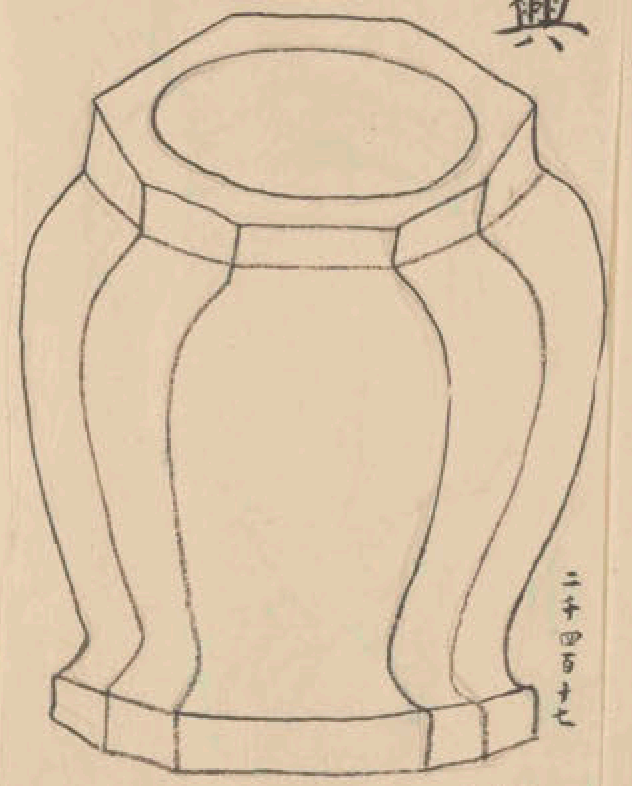

二千四百十七

2417

甕筆茄廚

ống bút nhà trùa

二千四百二十一

2421

cái ống thuốc lên đầu

chải đầu song bổ tóc

cá đuối

法称小䣢䃾

sâu dáng sia

cái ống thuốc lên đầu

拱𤜁糠𨖲頭

Khăn đầu rìu

二千六百九十五

2695

chải đầu sóng bỏ tóc

dừng sướng sống

擪頭耒補逮用𠁑淹

二千一百五十八

2158

kẻ rách chả dưới để cầm

hương dưới đồng con gái

衩競个汭楪𠁑埬踞妸小便底朱称陰户法打叉

二千一百三十三

2133

tiểu tiện để

cho âm hộ

phép đánh phấn

sâu dăng sỉa

tâm lòng đuợ

voi

螻臚齒沁𪖫䠍鴉

二千一百七十

2170

con lọ để treo màn

琨蜅底[illegible]幔

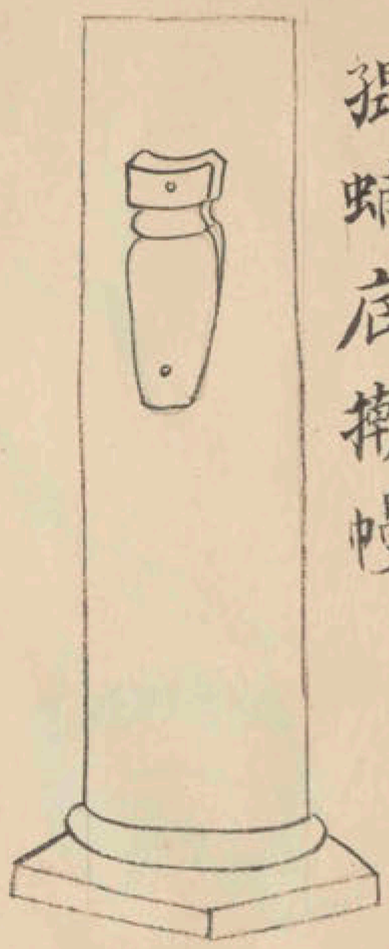

二千三百二十

2320

cái cốt để phong vị

丐骨底封位

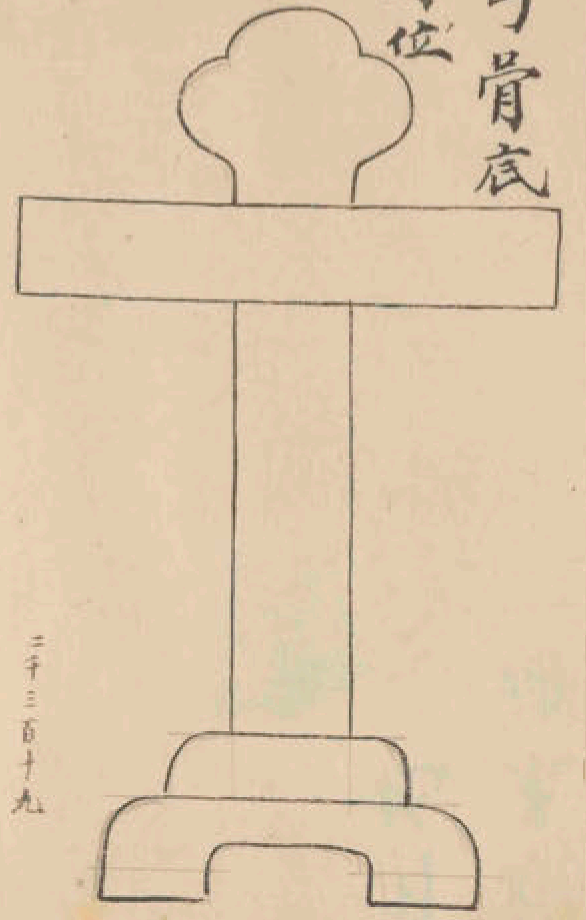

二千三百十九

2319

vàng hòm

鐄函

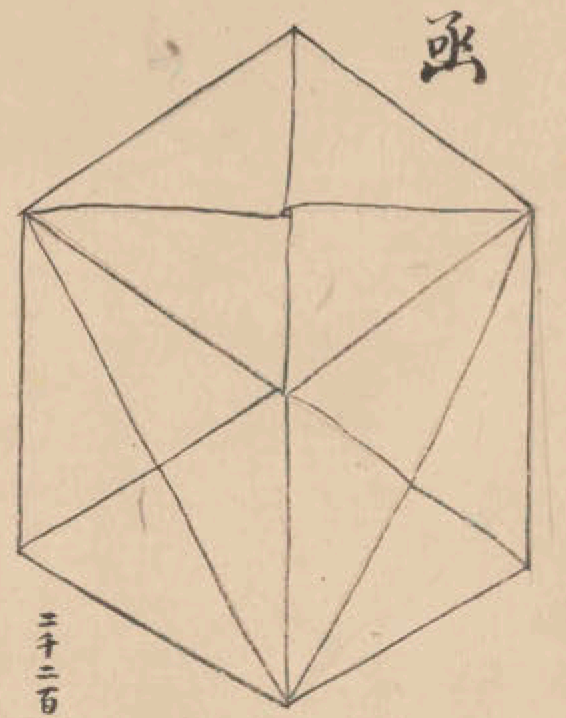

二千二百六十七

2267

chum tương

[illegible]漿

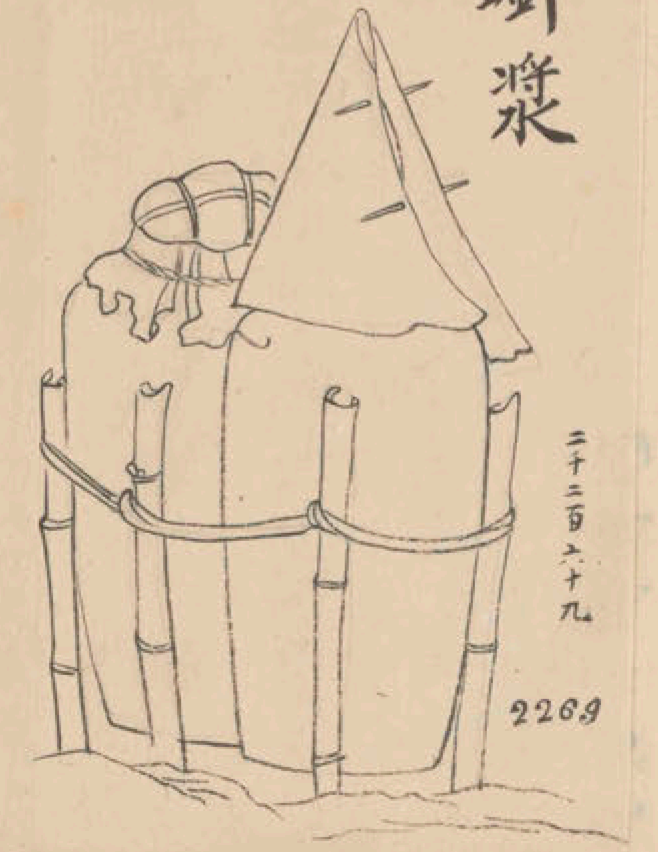

二千二百六十九

2269

đội hòm áo tế

gánh ống lươn

nua lọng vịt

Bước qua ~~ng~~ đòn

đội hòm áo tế
隊函襖祭
二千三百三十
2330

gánh ống lươn
梗甕[illegible]
二千六百九十三
2693

mua lồng vịt
模[illegible][illegible]
二千二百三十六
2236

Bước qua ~~vợ~~ đòn gánh
[illegible]戈杶梗
二千一百三十二
2132

866

Bia đá trong chùa hồng phúc

Lò đốt giấy sớ

tháp

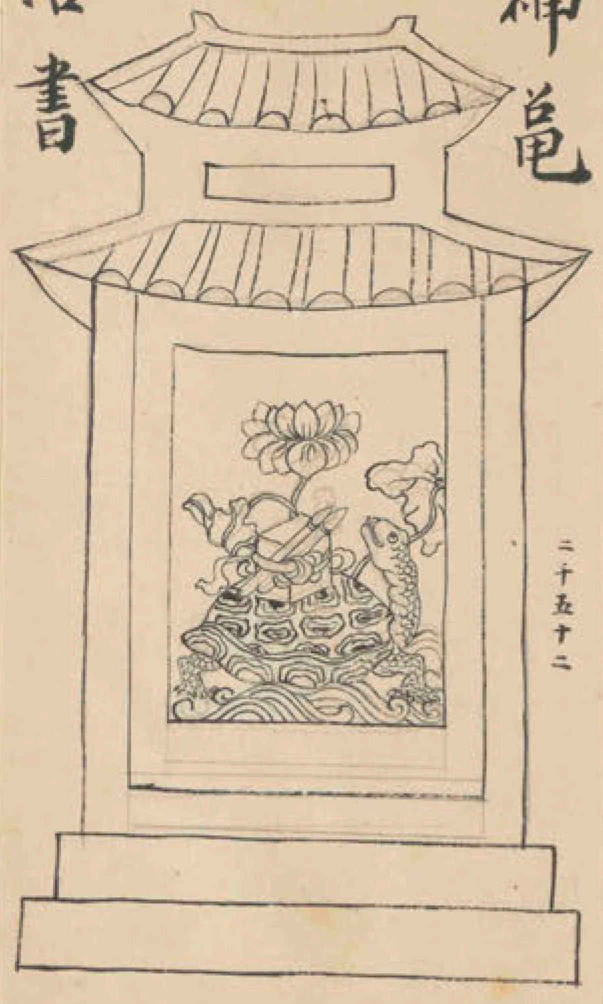

神龜 洛書

二千五十二

2052

Thần quy lạc thư

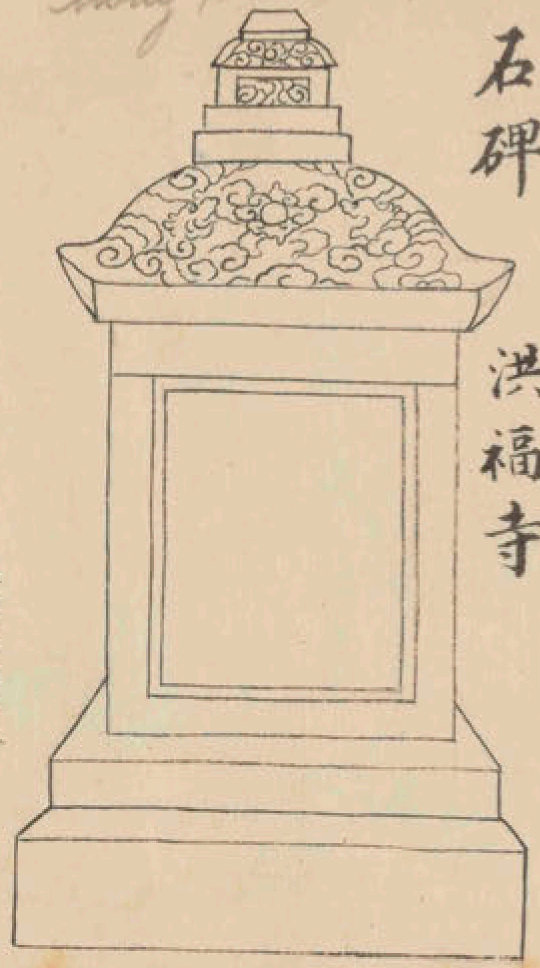

石碑

洪福寺

二千三百十八

2318

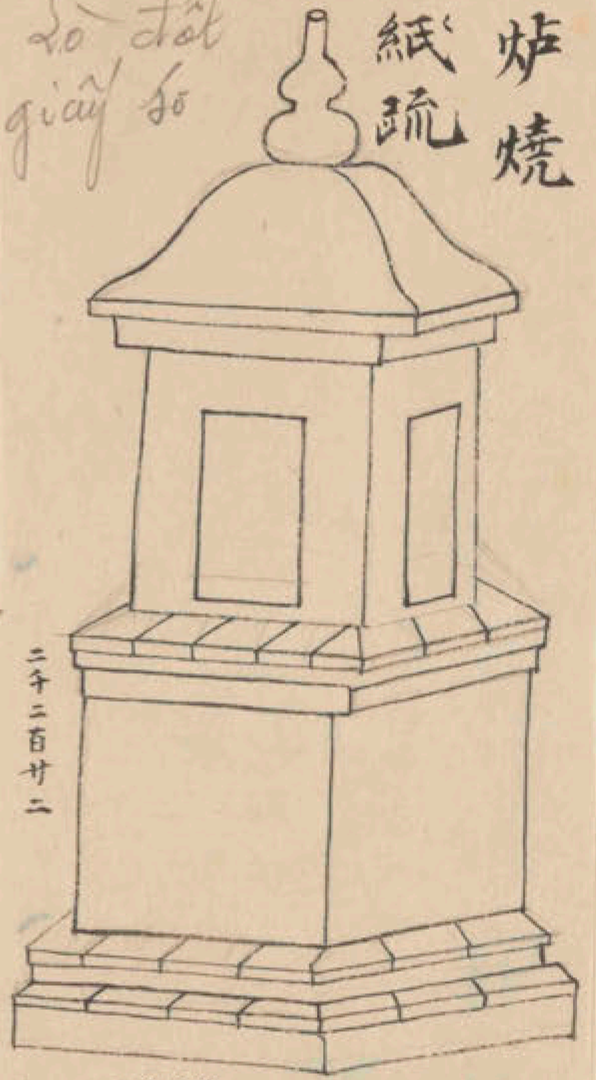

炉燒 紙疏

二千二百廿二

2222

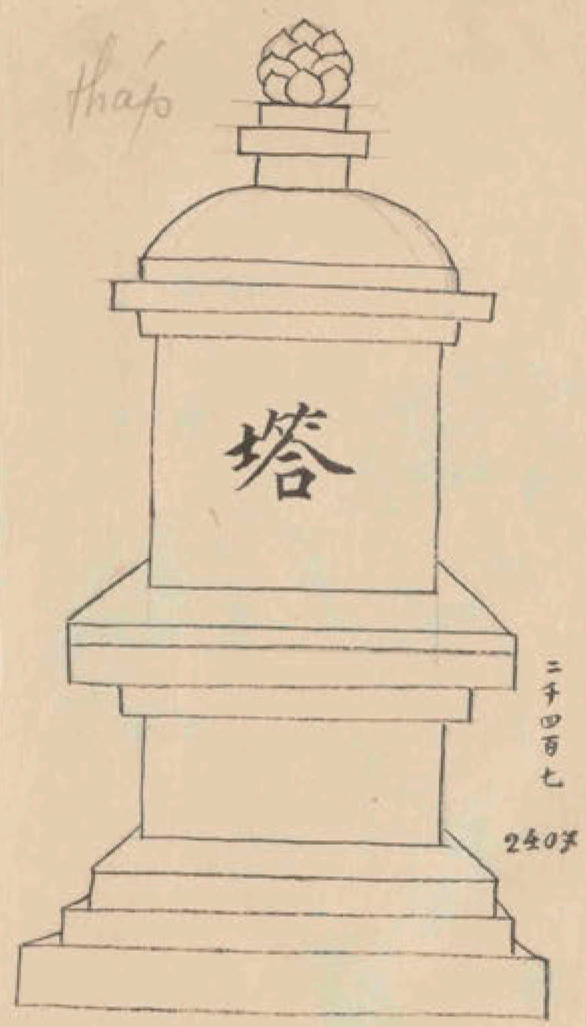

二千四百七

2407

con sư tử

mộ

Lăng

con sư tử

二千四百三十八

2438

tháp

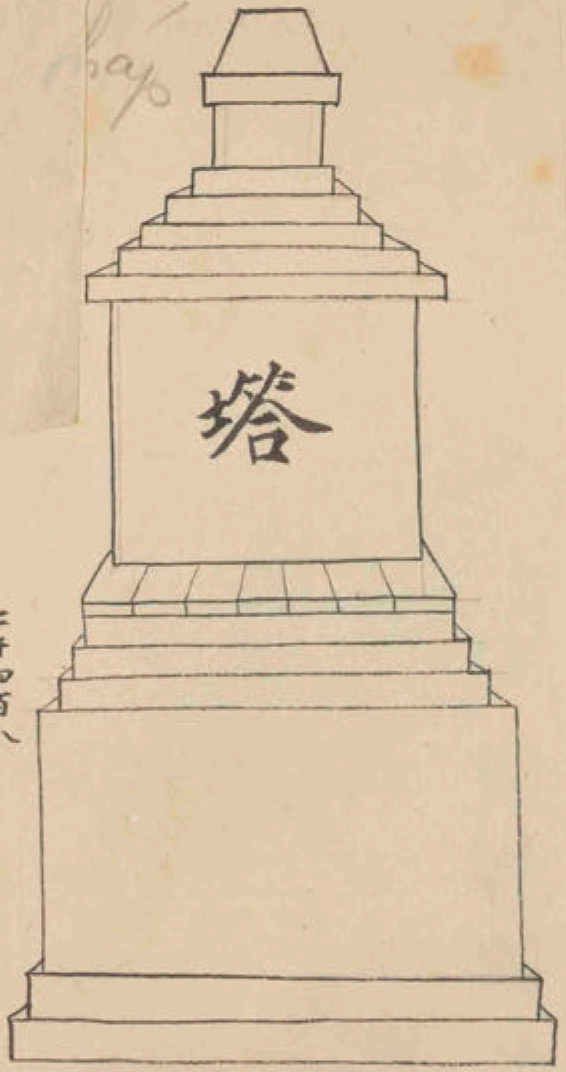

二千四百八

2408

mộ 墓

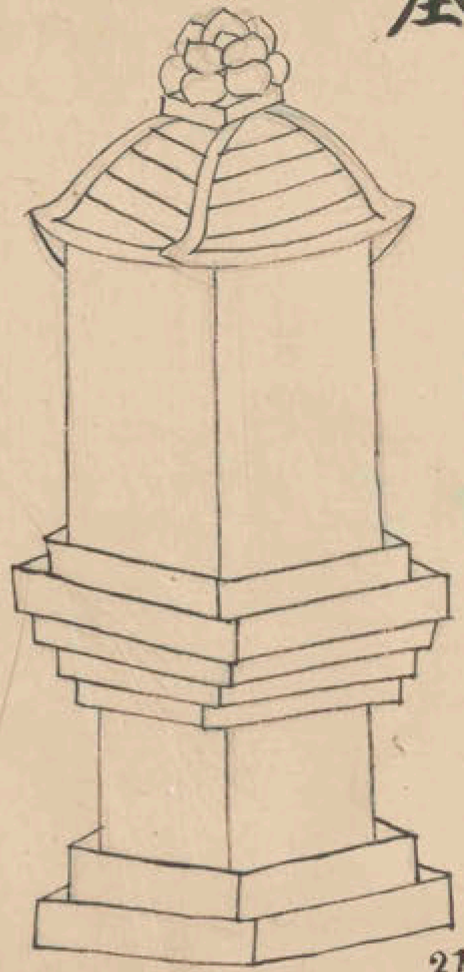

二千一百四十八

2148

Lăng 堎

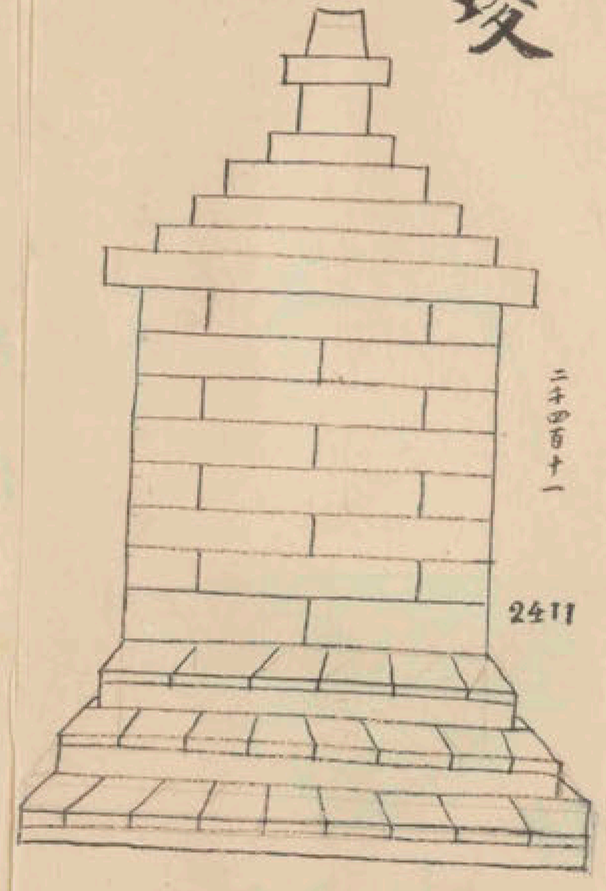

二千四百十一

2411

Cái bảo-
cái ở
cây tháp

馬宝
蓋於
樸塔

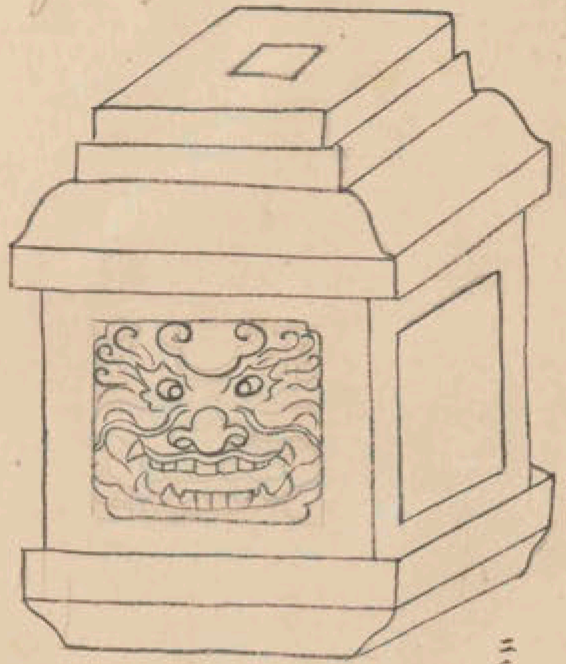

二千四百三十八

2438

tháp

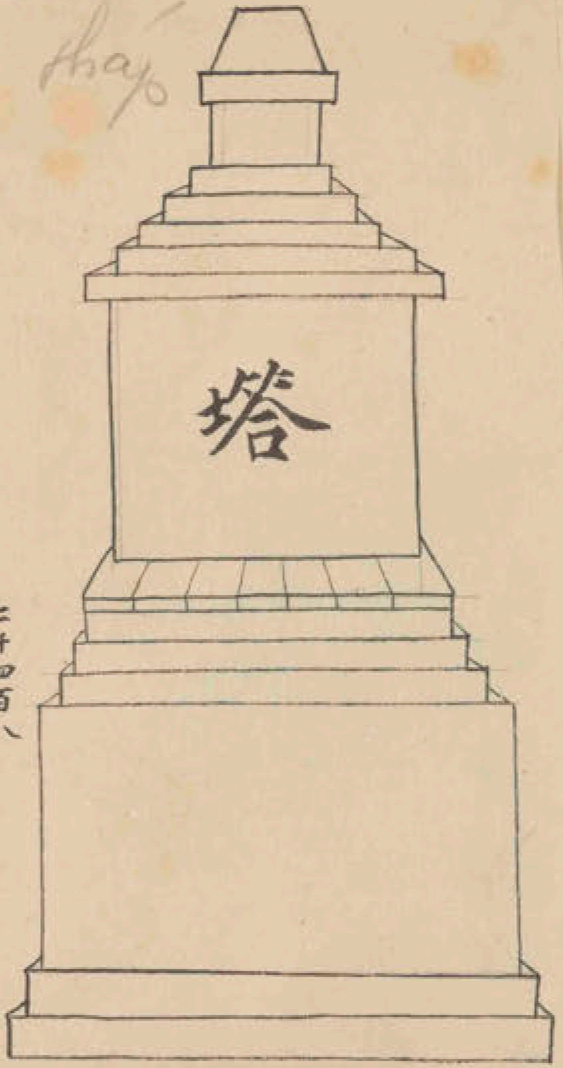

二千四百八

2408

mộ

墓

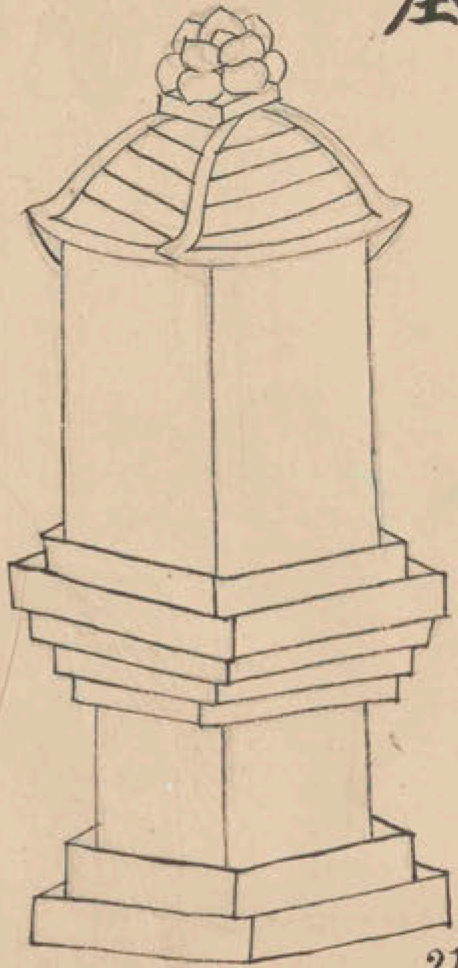

二千一百四十八

2148

Lăng

堎

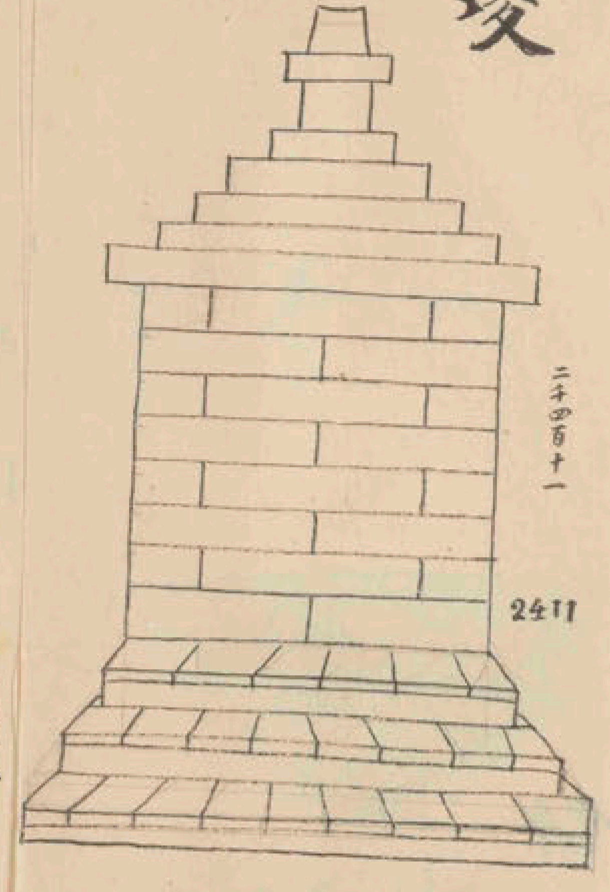

二千四百十一

2411

867

Bát hoa du dủ bày tết chung thu

鉢花
都遵制
節中秋

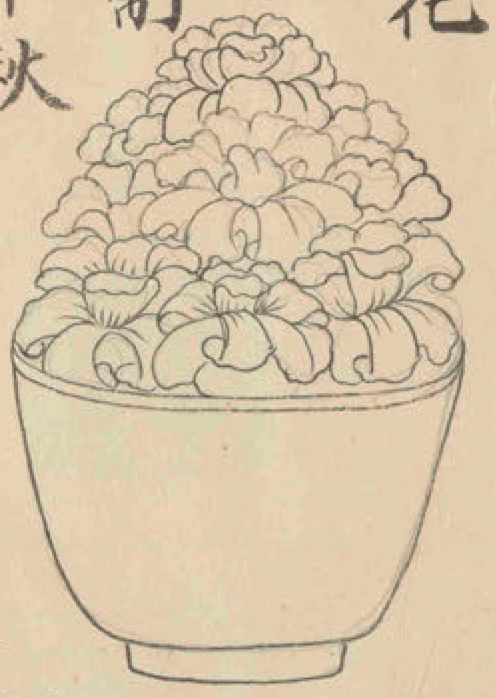

二千六百八

2608

Sư tử bày múi bưởi chơi chung thu

獅子朋繙播
制中秋

二千六百九

2608

Đèn ương

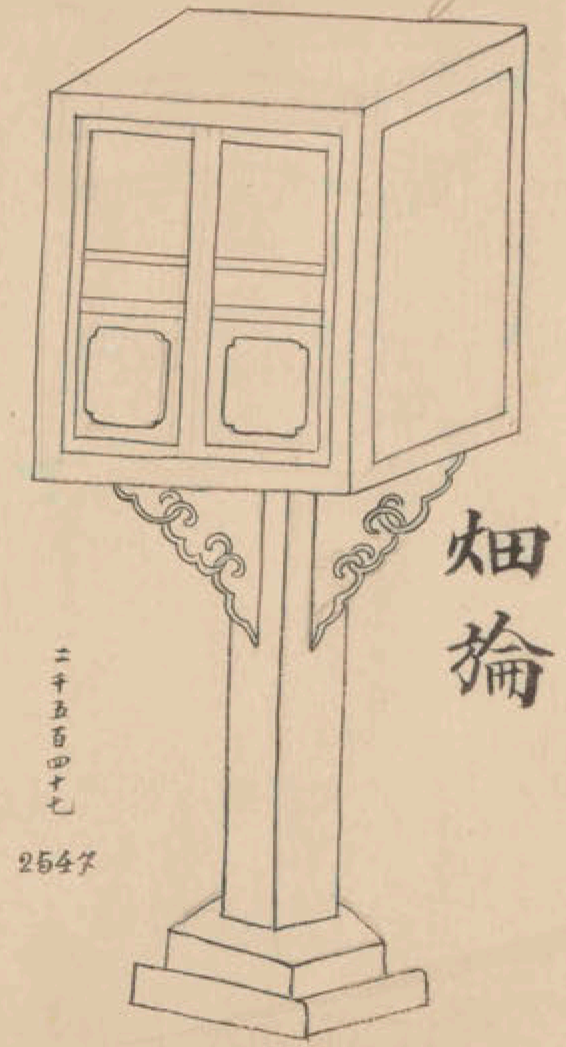

烟掄

二千五百四十七

2547

Bát múi bưởi chơi tết Chung-thu

鉢繙播
制節
中秋

二千六百七

2607

Khấy phất cầm dước
ông Khổng ồn

cầm bát bửu dước

cầm Kiếm dước

Khấy pháp cầm đuốc
Ông chúa ôn

主瘟

桊法拎燭送

二千二百四十二

2242

二千八十

2080

cầm bát bửu dước

拎八宝逹

二千六百九十四

2694

cầm Kiếm dước

拎欽逹

二千三百廿三

2323

chuông đang

銅鐘

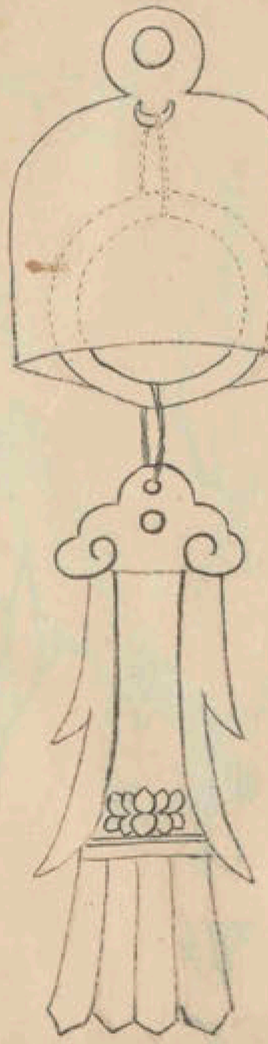

二千四百四十七

2447

bao điệp

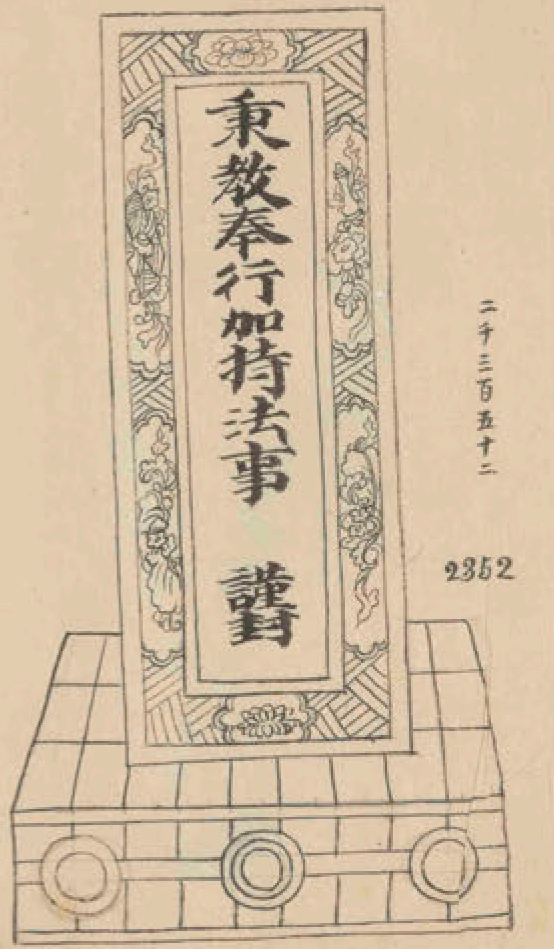

二千三百五十二

2352

cây sáp vuông bàn thờ để thờ

樣蠟𤍶朋鉄

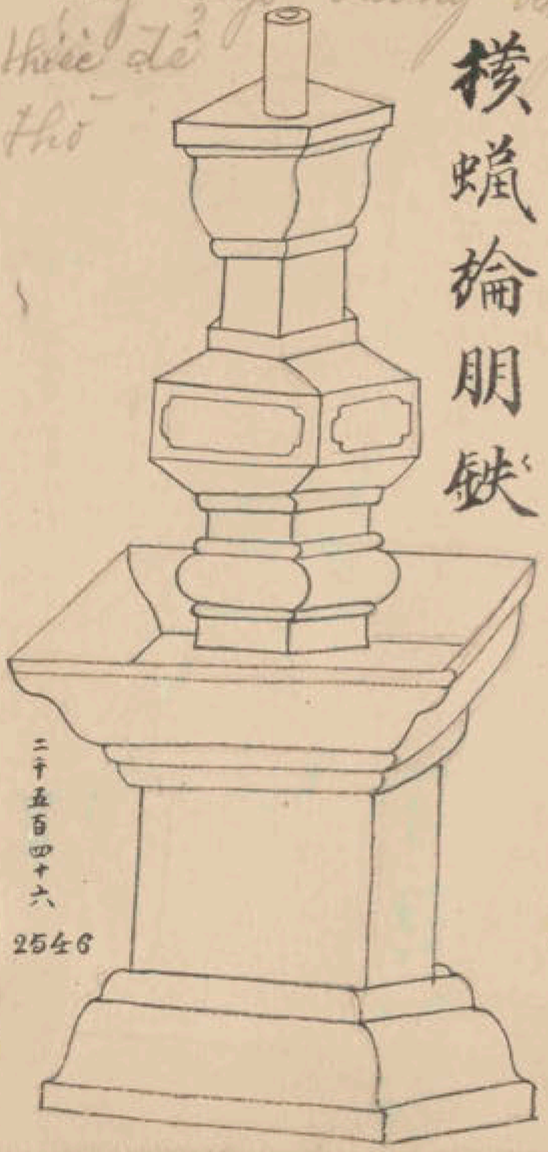

二千五百四十六

2546

Khám giấy

龕䌙

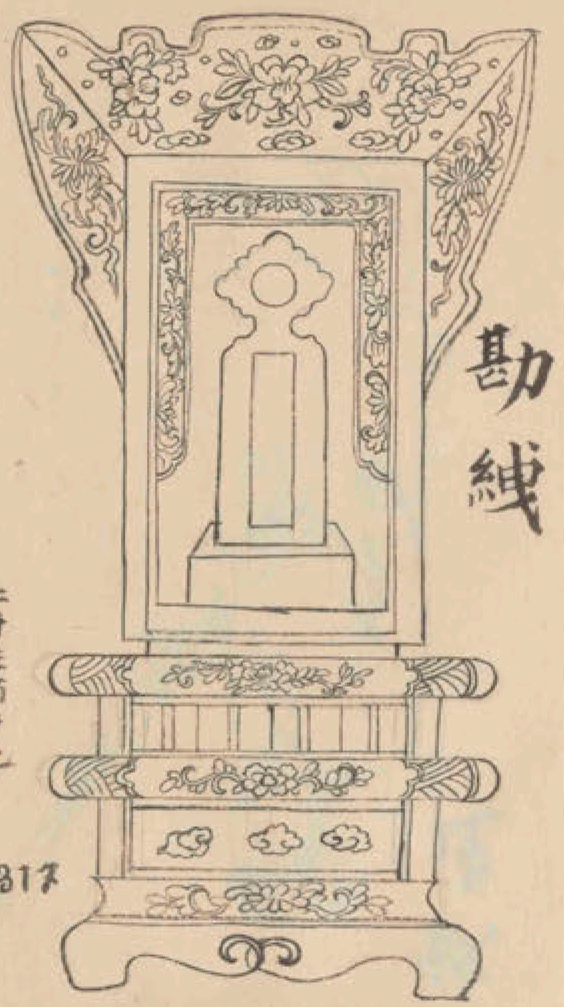

二千三百十七

2317

Cầm hương đan 拎

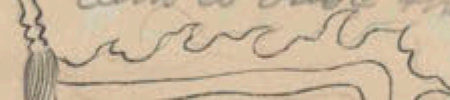

cầm cờ đuôi thải

cầm cờ đuó

Cầm hươm dan mặt

拎歎攔栢

二千四百五十六

2456

二千七十九

2079

cầm cờ dước thần

逴神

二千三百十二

2312

cầm cờ dước quan

拎旗逴官

二千三百十四

2314

Bộ Kiễn chỉ

部虔持

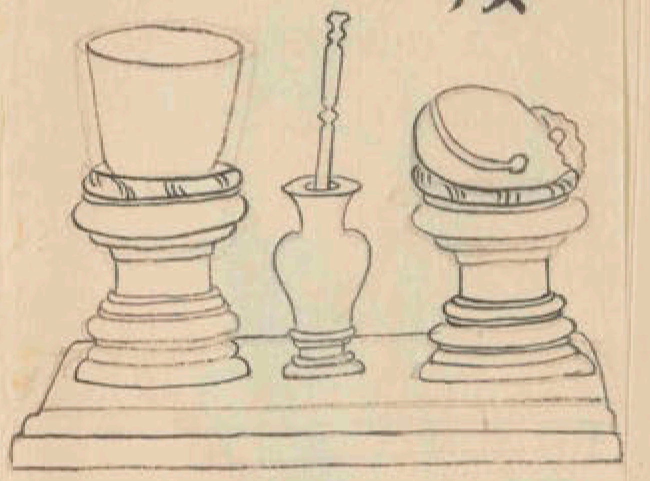

二千四百三十五

2435

con thỏ chung thu

猑兎中秋

二千六百六

2606

垎鄧漿茄厨

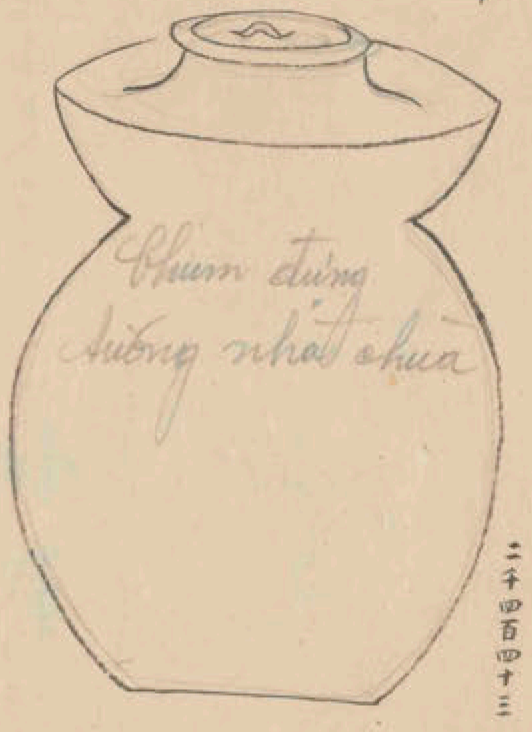

二千四百四十三

2443

ống hoa gỗ sơn đỏ thếp vàng

甕花楉山堵帖鐄

二千五百四十五

2545

cầm cơ phách

dường long

cầm tân dược

quan giám khảo tiền trường

cầm cờ phách
拎旗魄
二千三百二十一
2321

dương long
楊弄
二千二百廿九
2229

cầm tàn dược
拎残逴
二千三百十五
2315

quan giám khảo tiến trường
官監考進場
二千四百三十三
2433

Khó nuôi con thì chia dầu lên cây

苦餒𡥵辰搠萎蓮核

二千六百廿二

2622

phất chần để lau tượng

拂塵底撈像

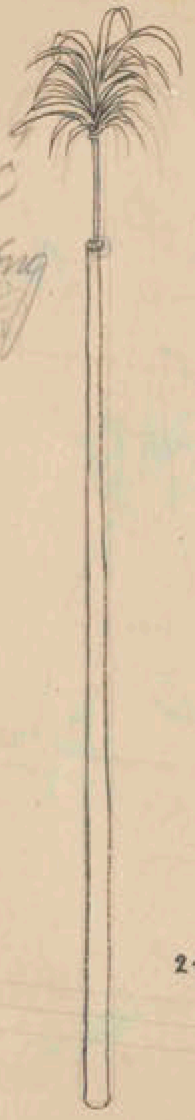

2444

quả đào gỗ để kê tiêu

菓桃楛稽超

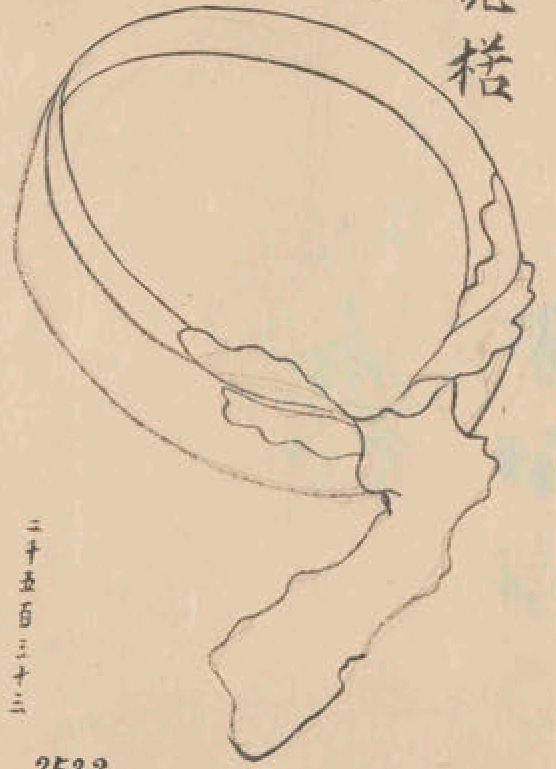

二千五百三十三

2533

Quạt lá đề

𢶒莌題

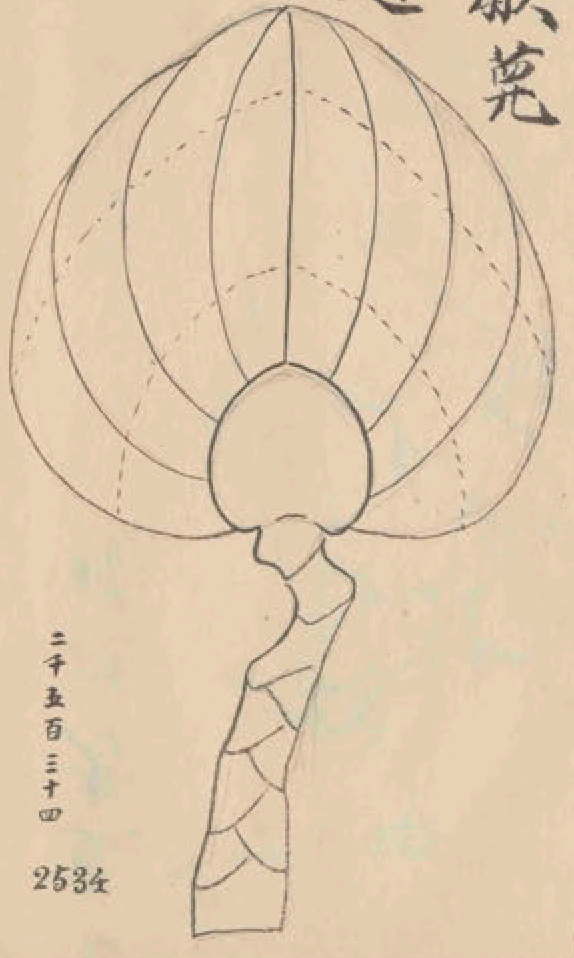

二千五百三十四

2534

cầu cánh nở

Tên giấy nở

cầm cánh nỏ

㨁𦑃弩

二千一百九十三

2193

Lên giây nỏ

𨖲絏弩

二千一百九十七

2197

bắn nỏ

伴弩

二千三百四十三

2343

二千八十二

2082

琨鼠於
𣘃橎

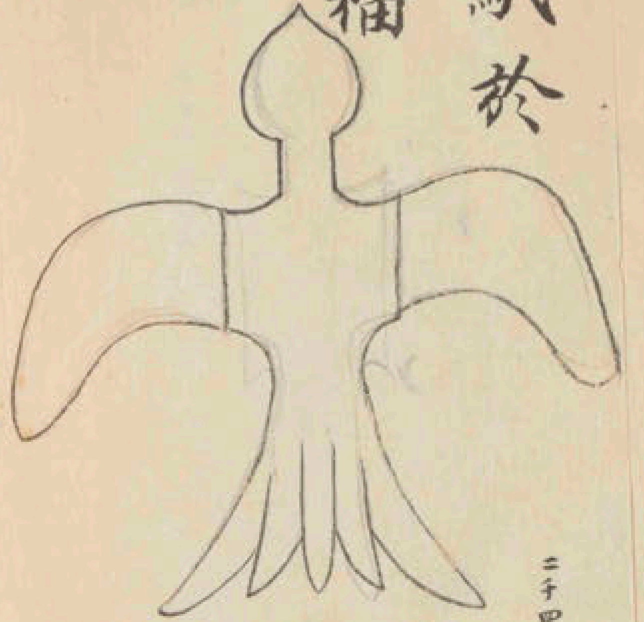

二千四百二十

2420

con quạ ở cây phướng

司馬鏡

hương thờ mía

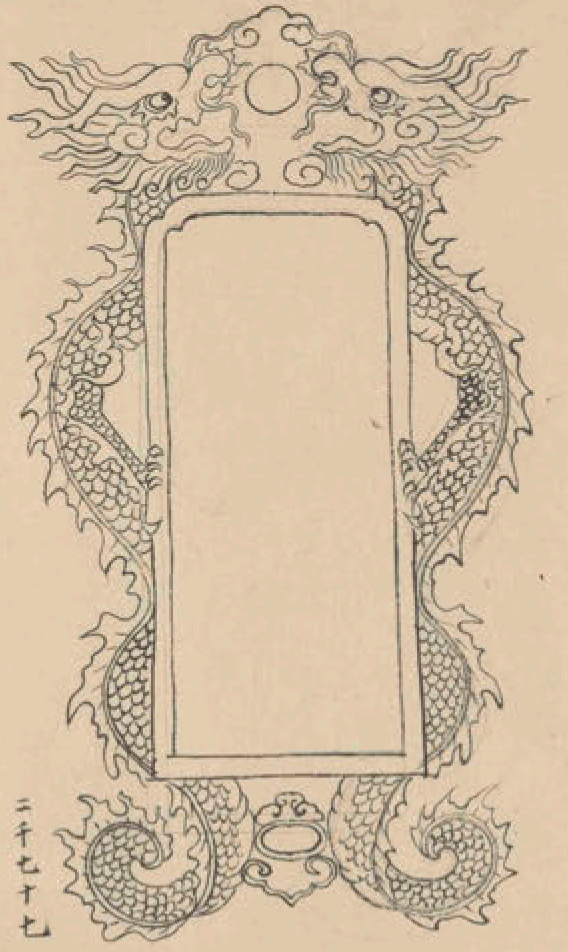

二千七十七

2077

con hạc bằng gỗ

鶴蜍
朋楉

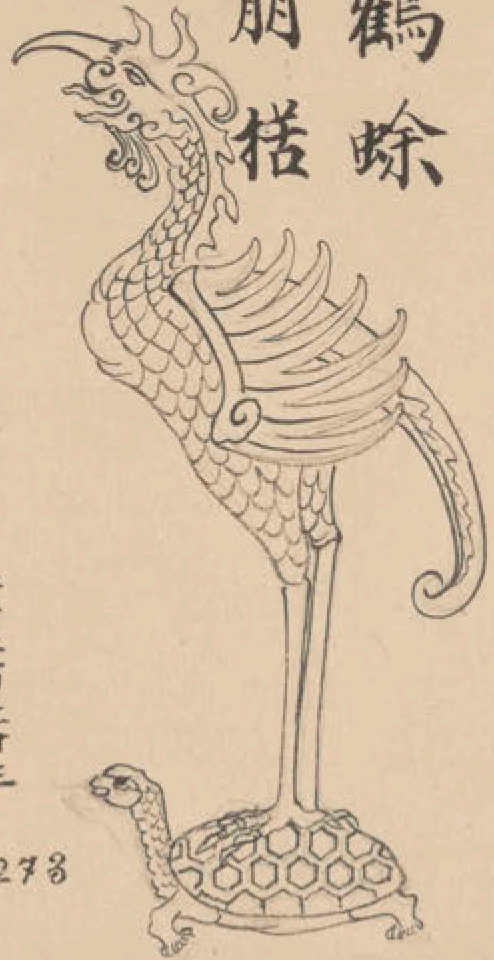

二千二百七十三

2273

斗茄
湛琨
醜

đấu nhà chạm con sấu

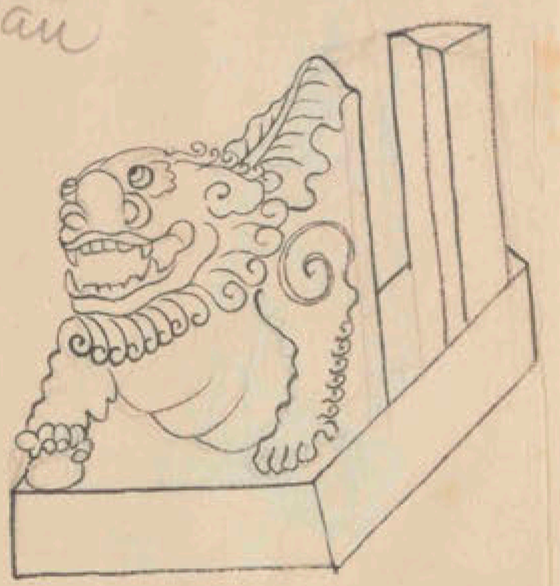

二千四百六十

2460

2077

Đeo túi hạt mùi

捞褟曷味

二千二百六十

2260

cưỡi ngựa

騎馭

二千五百八十

2580

mặc váy láng

默𧙀莣

二千三百九十九

2399

chẻ con đánh dấu que

稃掍打[illegible]規

二千五百七十七

2577

§ 71

Giá đũa thờ

架筷蜍

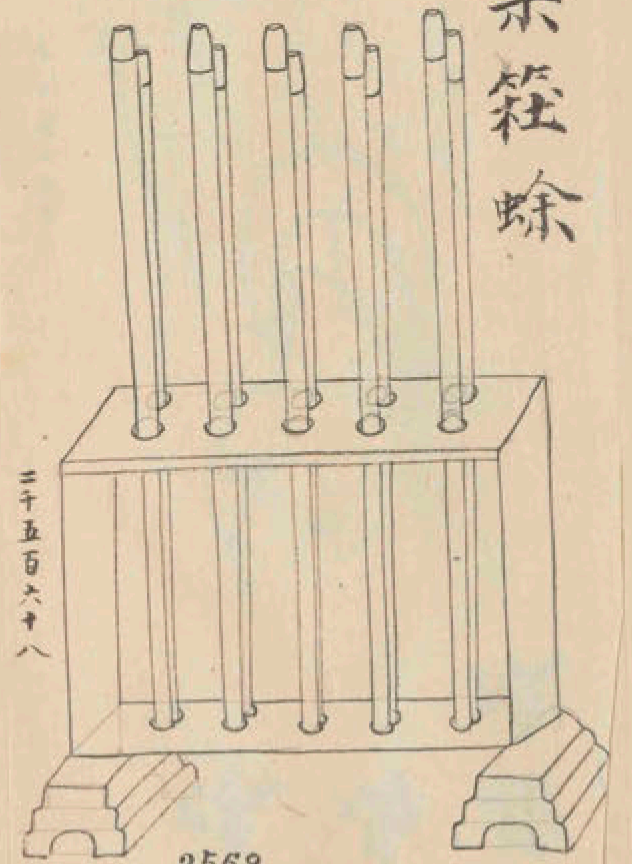

二千五百六十八

2568

Bó giây mây

𢬣綀𨓡

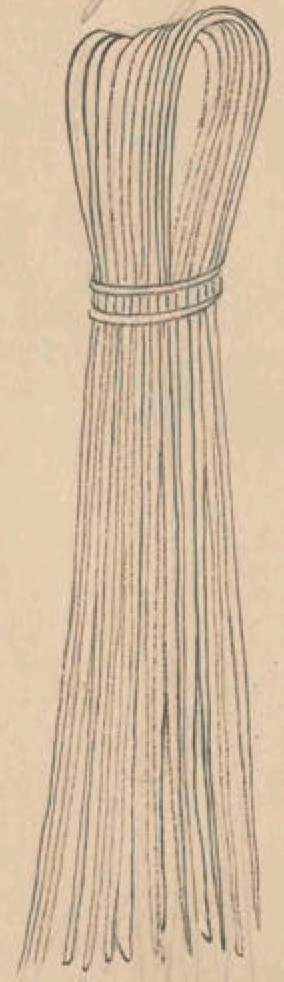

二千五百廿六

2526

Mộ cát táng

墓吉喪

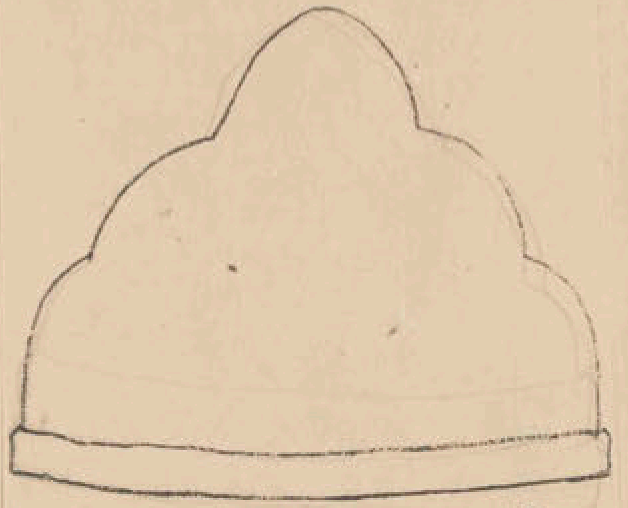

二千四百十二

2412

Ấm đựng dầu thắp đèn

甕鄧油熼烟

二千二百六十四

2264

ông sư phù hương vào

thầy pháp bó lụa

ông sư phù hương vào ngũ chờ đã chảy nước

翁師開沓
包得甦
奄沚
渃

二千一百三十五

2135

thầy pháp bỏ bùa vào hàm ngũ chết

桀法補
符包
合得甦

二千一百九十四

2194

say riệu, ngâm tóc vào ốt nước cho tỉnh riệu

嗟酾
且還包
渃朱省酾

二千一百十三

2113

ông sư đốt bùa vào mắt ngũ sắp chết

翁師爐符包栖
得斯甦

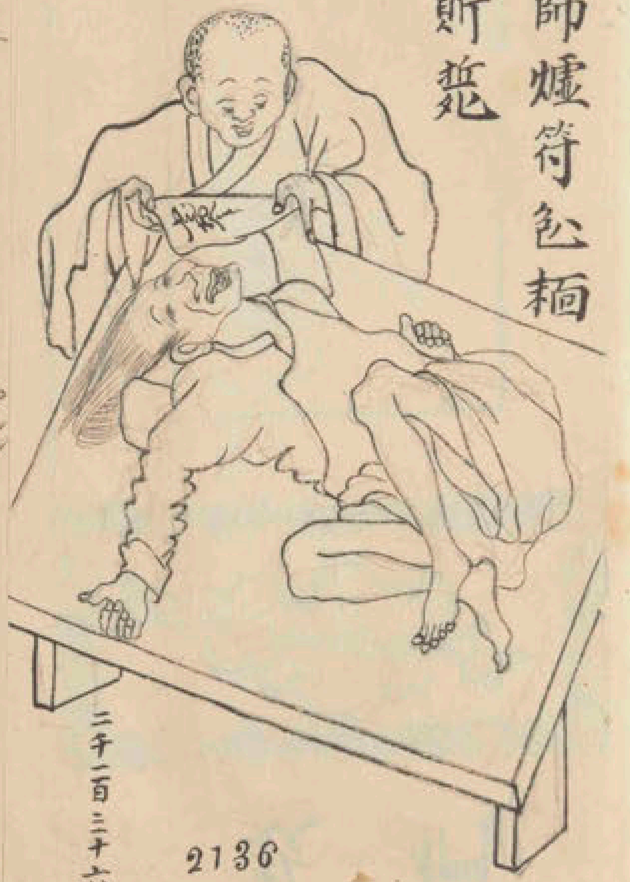

二千一百三十六

2136

函敕翁師

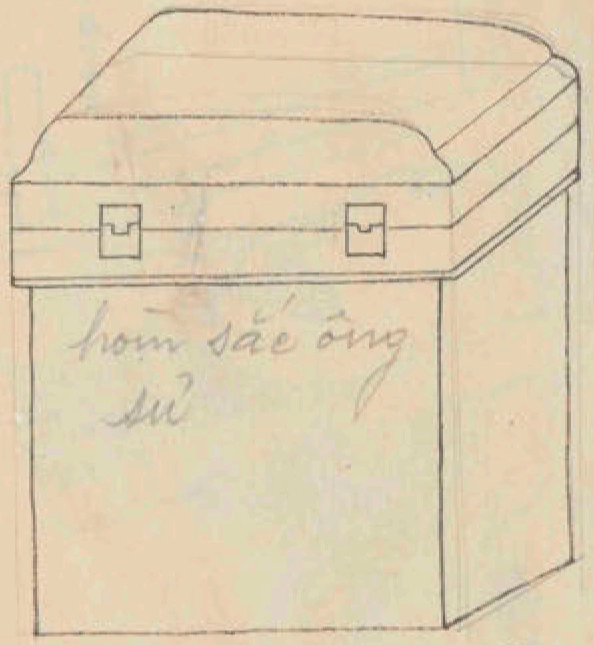

二千四百二

2402

giấy tiền

錢紙

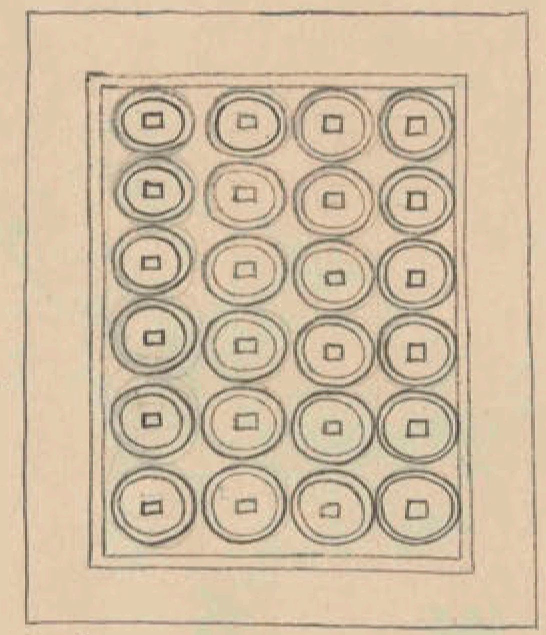

二千五百四十三

2543

giấy vàng

紙鐄

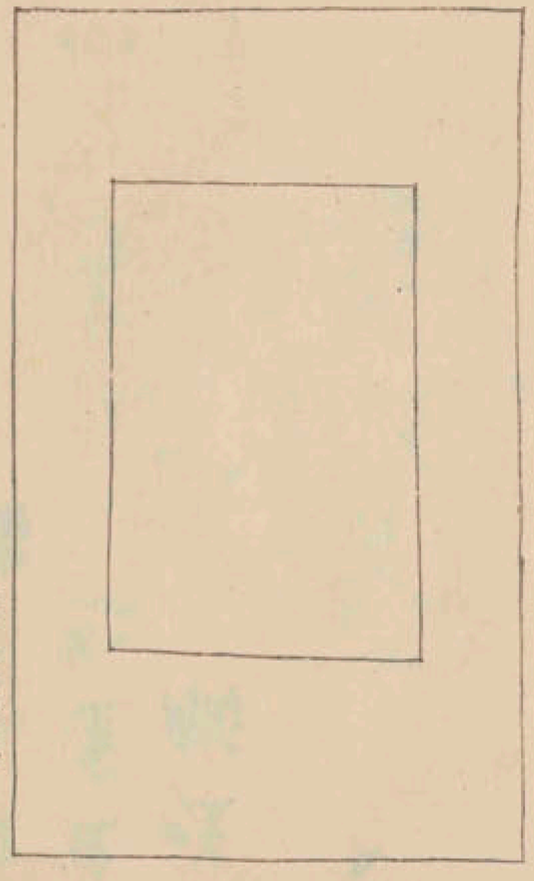

二千五百四十四

2544

cửa sổ

𨷯数

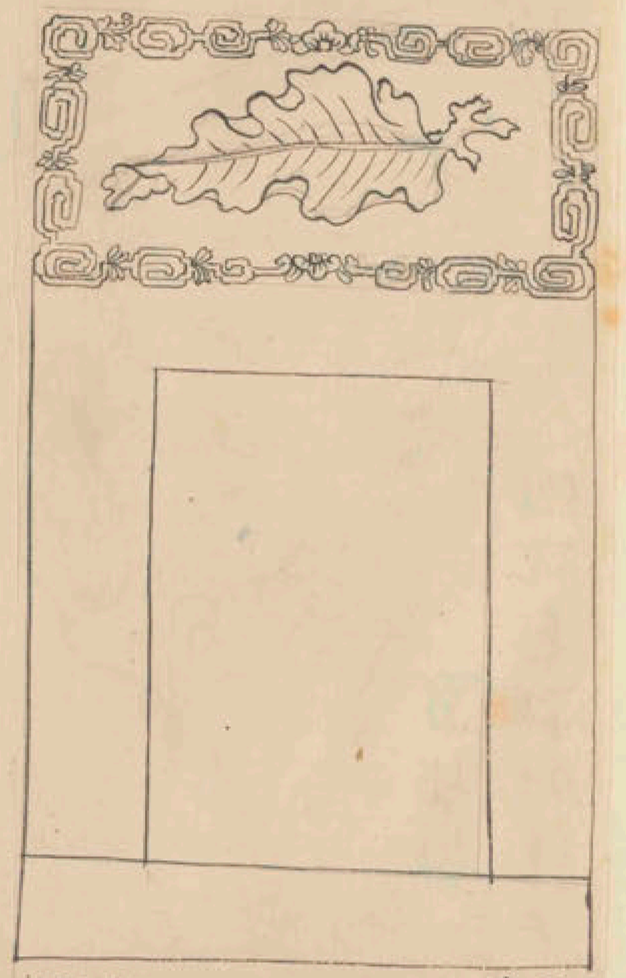

2073

二千七十三

dán chanh con lớn

2073 二千七十三

dán chanh con lớn

諫楨混狢

二千一百廿八

2128

nằm xem sách

𦣰貼策

二千四百三十六

2436

Học trò chấm sách

學𠐞譜策

二千四百三十七

2437

học trò biên chướng đám ma

學𠐞編帳𦢾麻

二千四百五十一

2451

tháp

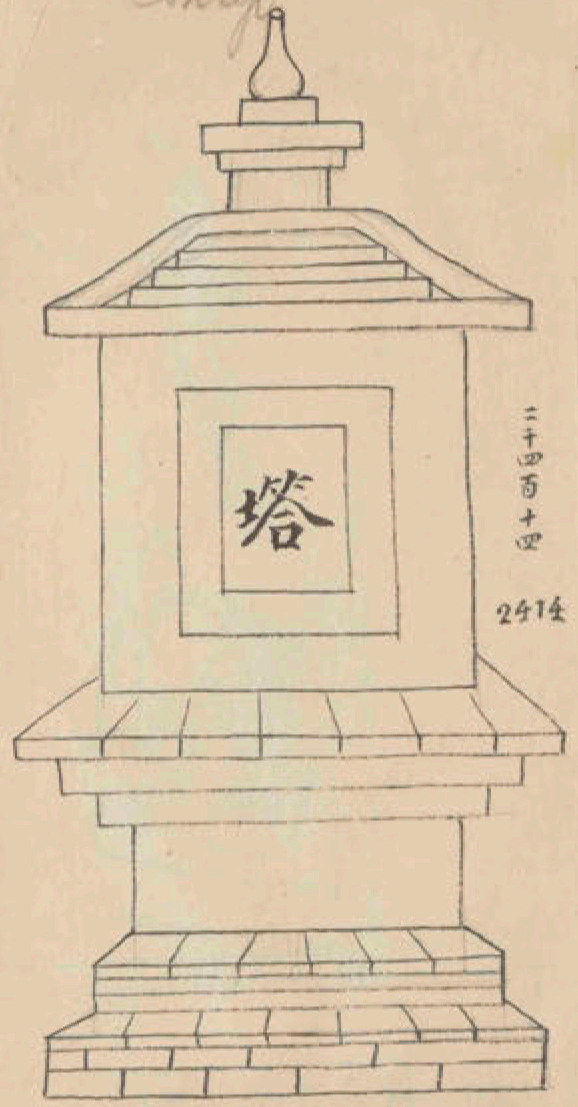

二千四百十四
2414

tháp

塔

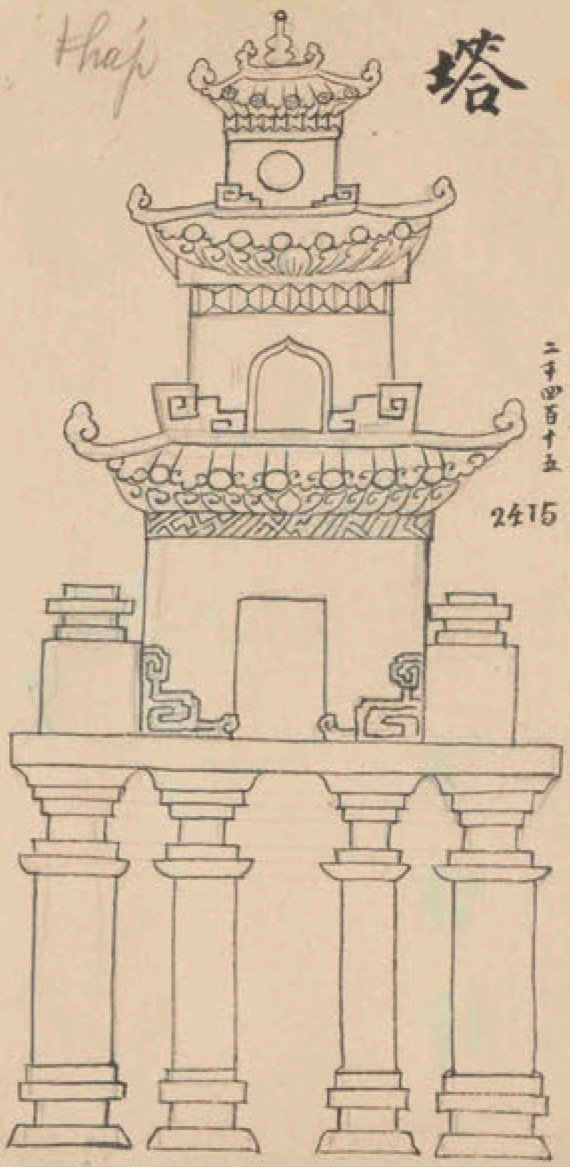

二千四百十五
2415

Tâm châu tháp

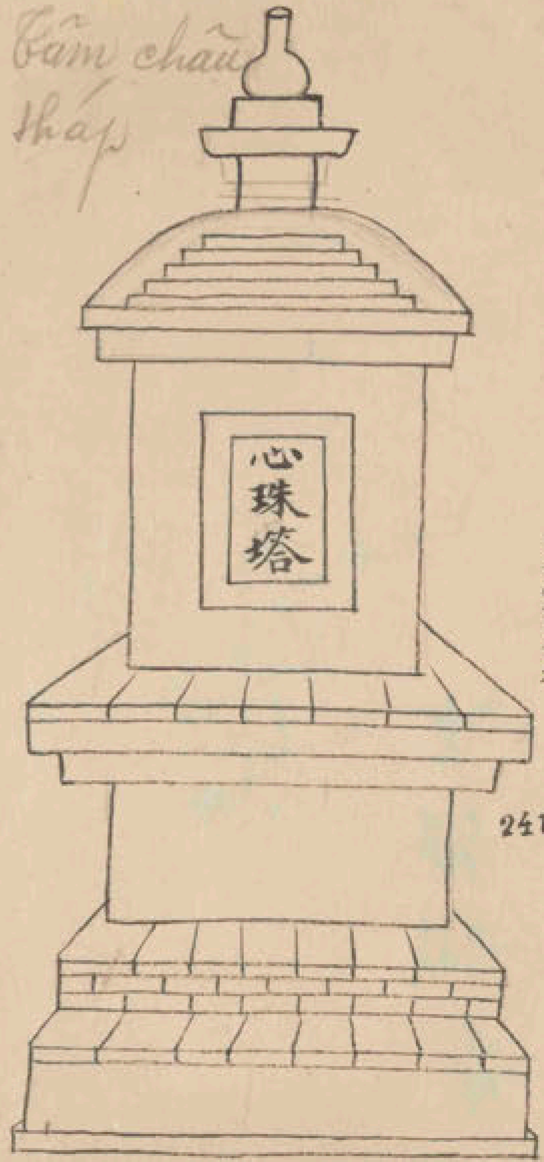

二千四百十六
2416

tháp

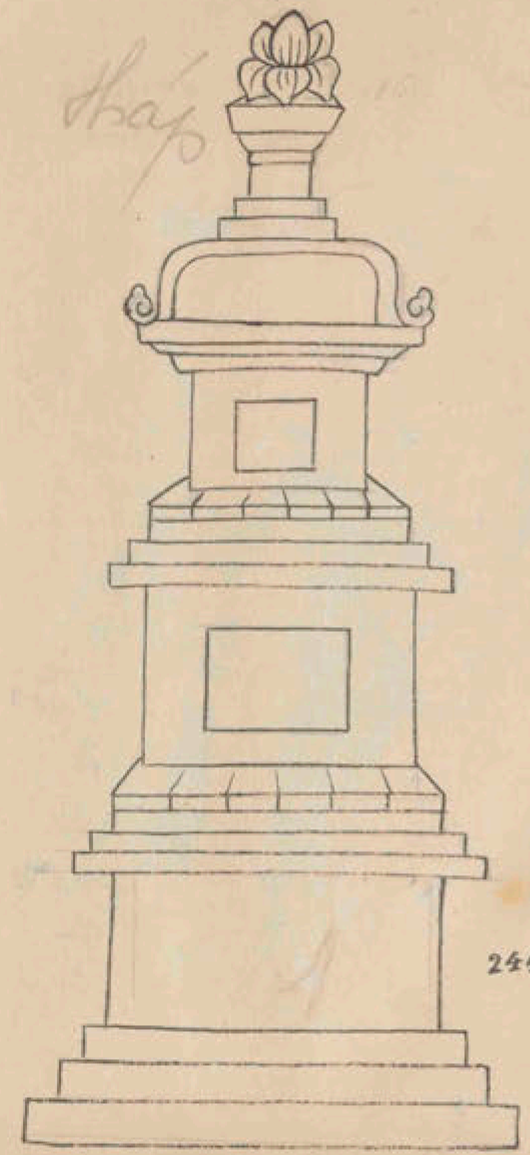

二千四百四十
2440

tiêu gỗ để bóc mía

bó tổ ấm vào

viết tứ tung ngũ

tiện gỗ để bốc mả

木小
用改表

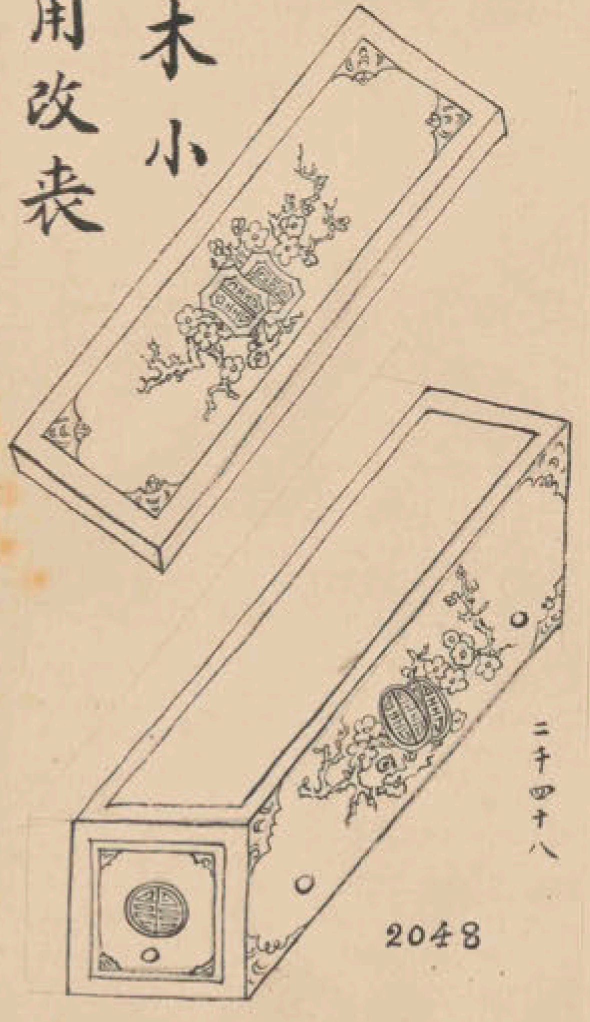

二千四十八

2048

bỏ đồ đồm vào quan tài

補祖
蚣包
棺材

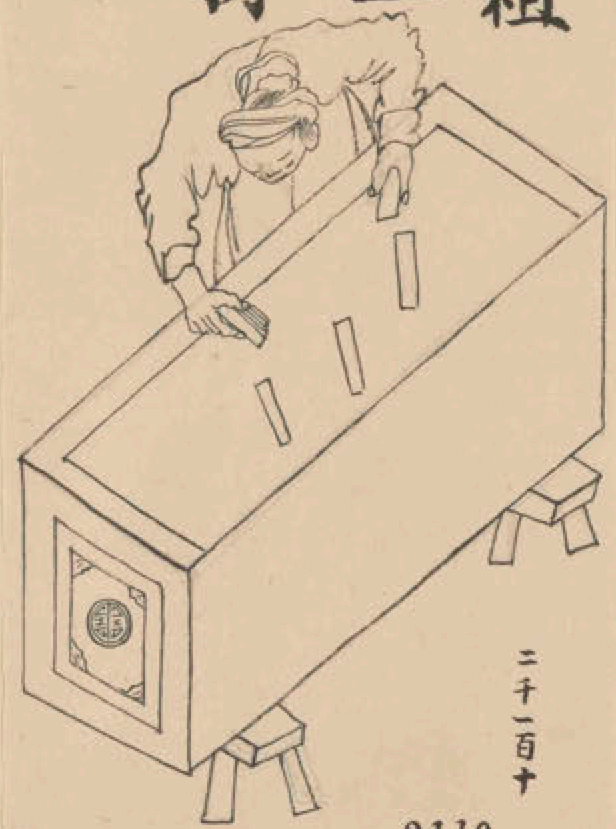

二千一百十

2110

viết tứ tung ngũ hành lên mặt sắng

日四縱五横
連栖廊

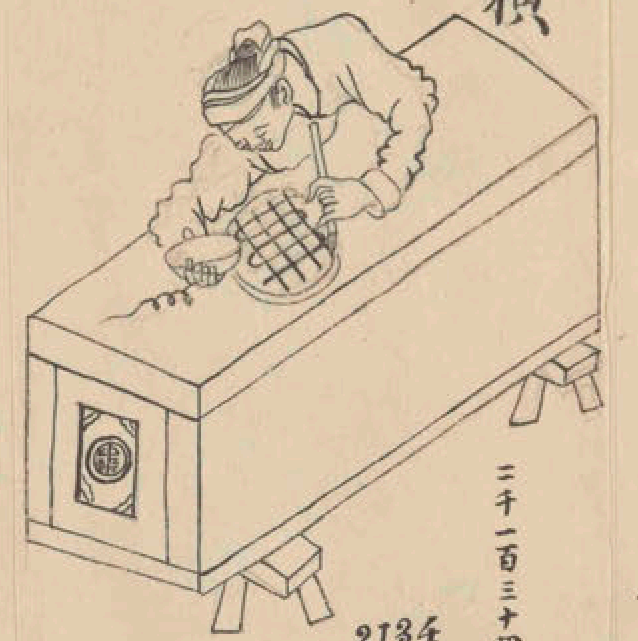

二千一百三十四

2134

丞栖鏡
襟梗針
底蜍

thêm mặt kính cây cảnh hàng để thờ

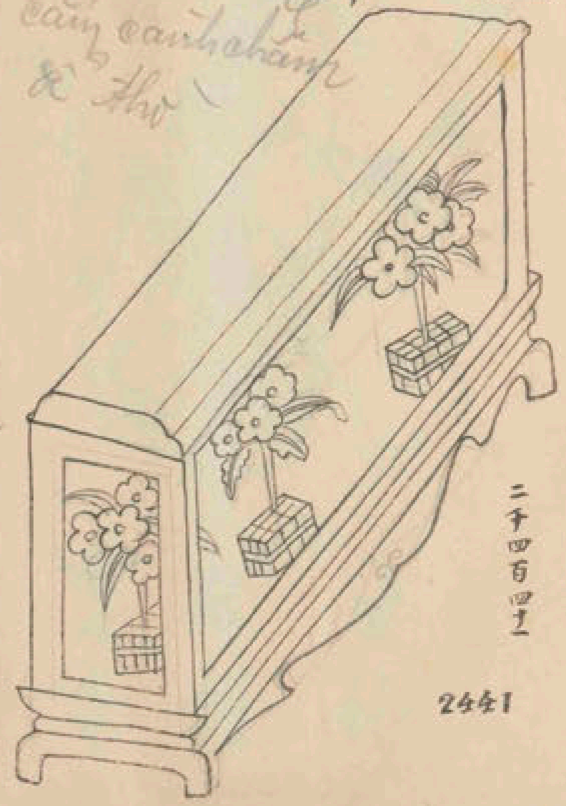

二千四百四十一

2441

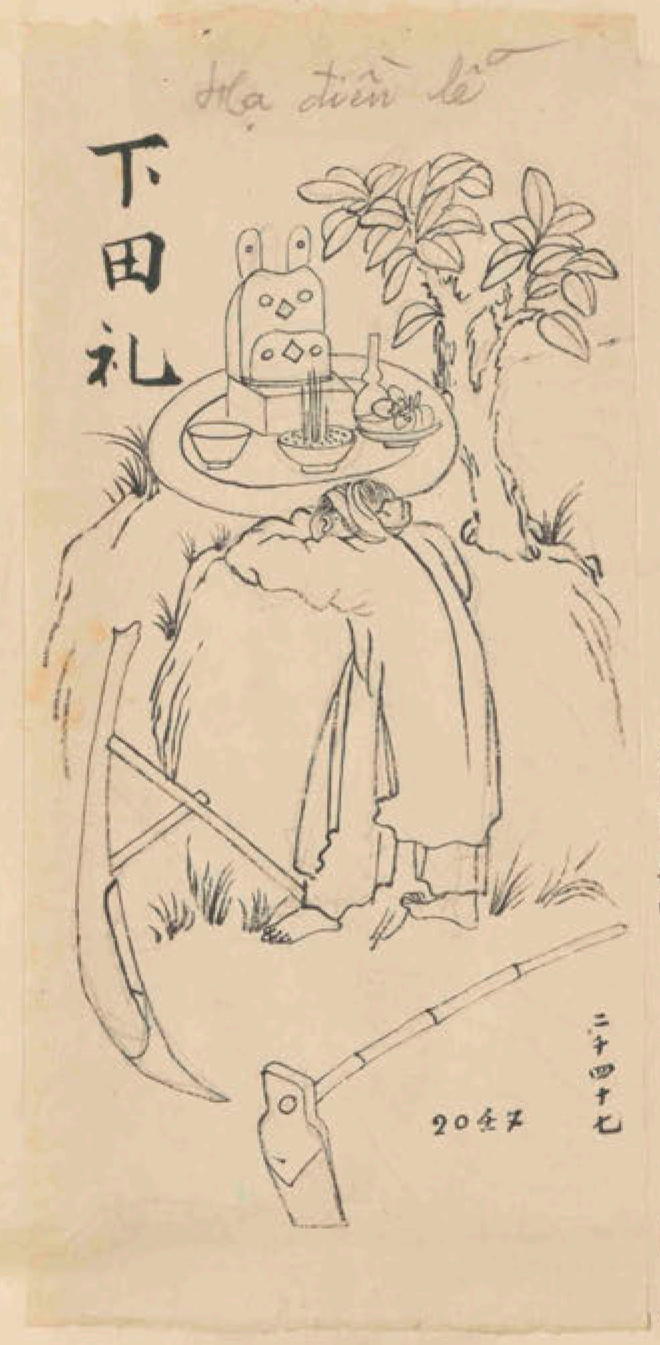
Hạ điền lễ
下田礼
二千四十七
2047

quốc bửu
國溢
二千三百廿四
2324

đào để chay
陶枫齋
二千六百
2600

cầm cái thuổng để tìm mộ chí
拎丐擳底尋墓誌
二千三百五十四
2354

2324

uống thuốc phiện
tự tử

㕵𧆄片
自死

二千五十四

2054

cầm tai quả hồng

纖聰
菓紅

二千四十三

2043

cho vợ uống bùa để
có thai

朱婻㕵符
底固胎

二千一百九十五

2195

Bà đồng ngậm "đĩa"
đến làm phép

娿童唅[illegible]
畑𫜵法

二千二百五十四

2254

Thầy đội đốc hầu

柴隊篤侯

二千四百五十七

2457

ông lão đeo túi

翁耗捞褸

二千三百四十六

2346

cầm phả khuyến

拎譜勸

二千三百四十七

2347

chú tiểu đội bao áo

佳小隊包襖

二千三百四十八

2348

Ông sư Cả hỏi thăm ông to

Nhât thực thời đàn bà kêu để cứu

月食辰彈婆
嘀底救

二千一百三十

2130

ông cụ Cả hỏi thăm ông tơ bao giờ có vợ

翁常固咳
𠳨翁絲
包𣇞固
𡞕

二千一百四十一

2147

chú dể đi đón dâu

婿子
迎婚

二千五十

2050

dẫn chủ tế ma

喪祭引主

二千三百五十八

2358

bỏ dọ chôi sông

補慈
吟滝

二千三十五

2035

thằng giặc kìm dấu cươi khảo

縄弋鉗
撓考貼

二千二百五十

2250

tê tham nghề quan tẩy số

詣盥
洗所

二千三百五十五

2355

mộ

墓

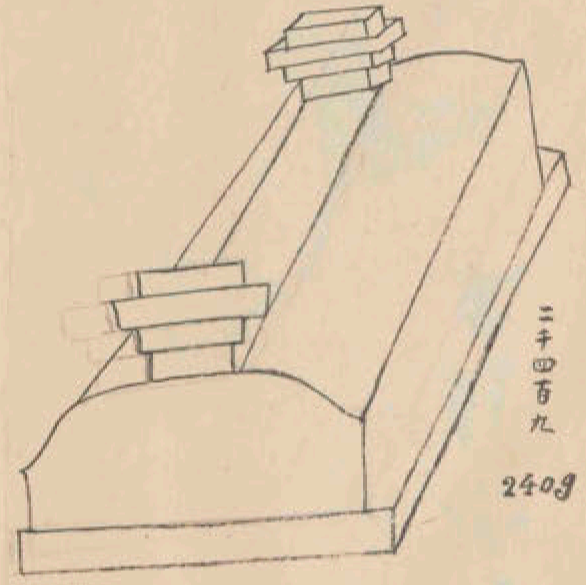

二千四百九

2409

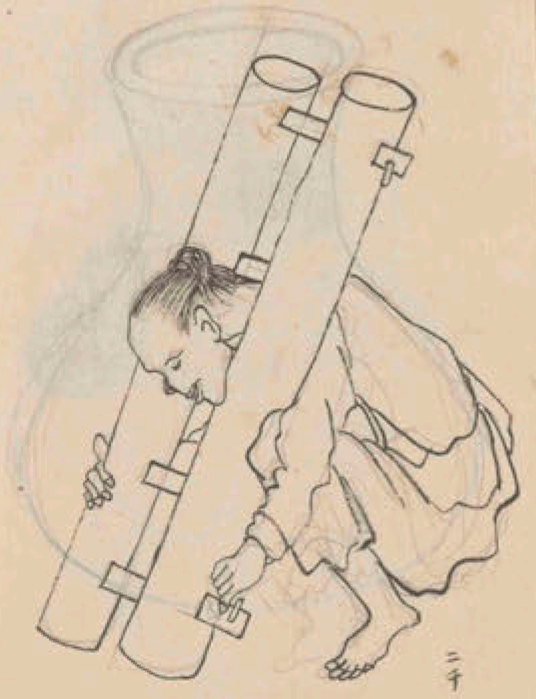

二千七十八

2078

54

chối hàm thiếc để cha cửa

纃佮鉄底嗨貼

二千二百五十三

2253

揀公棱櫝

Đóng gông cây chuối

二千五百九十三

2593

gông cổ

松頁

二千四十

2040

tháp

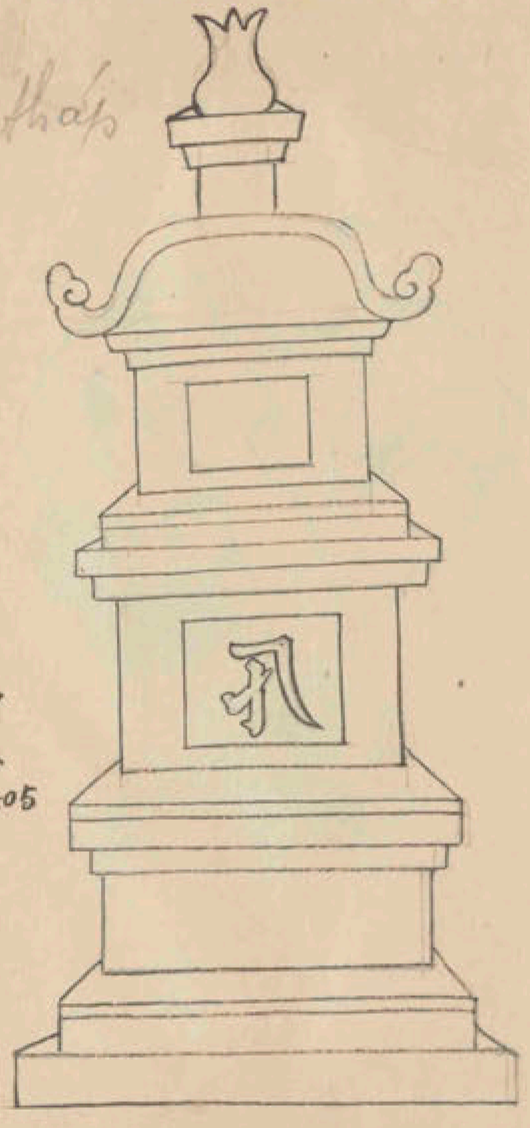

二千四百五

2405

chụi đá

柱𥒥

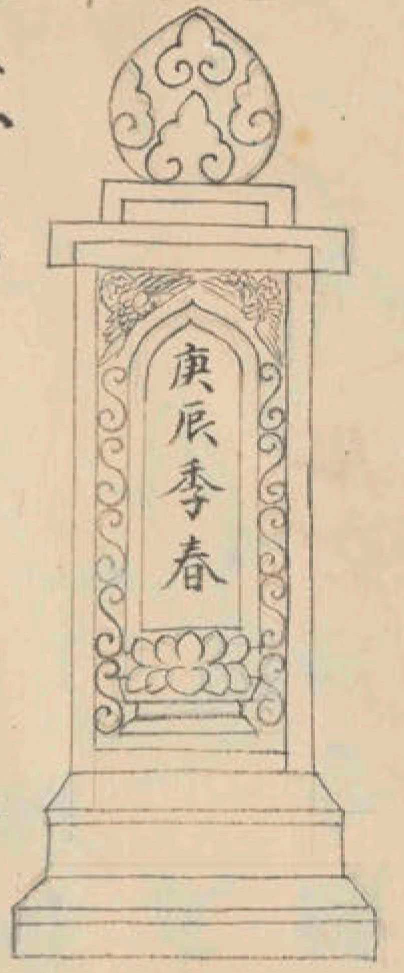

二千四百四

2404

mộ

墓

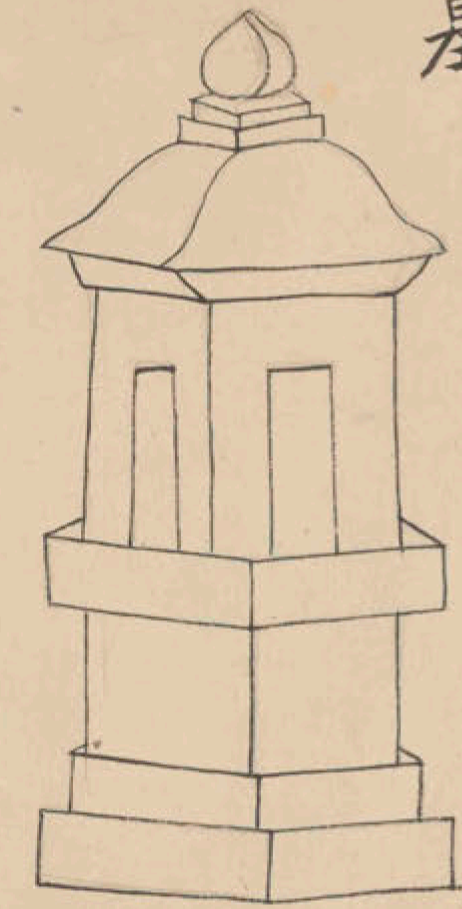

二千一百四十七

2147

mộ

暮

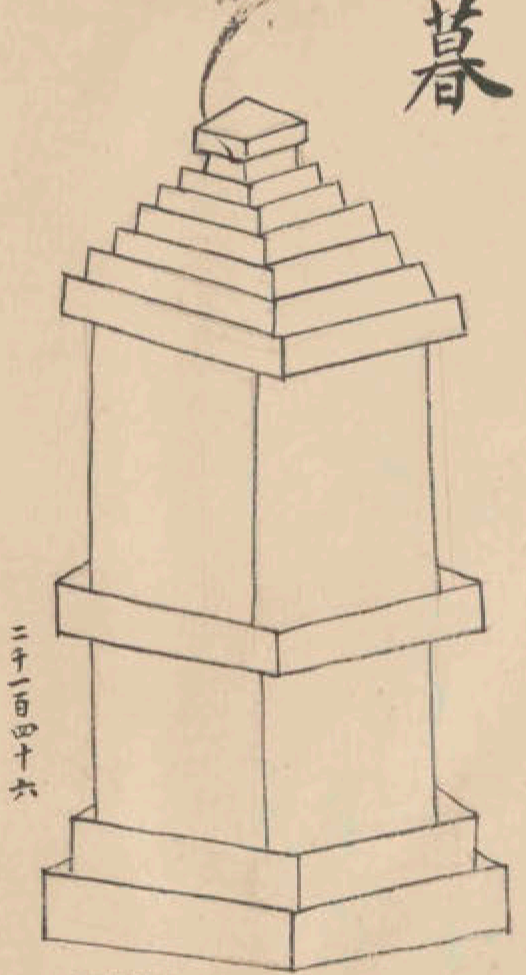

二千一百四十六

2146

Đập V đất
núi

劄岃坦

二千一百八十一

2181

攝揥䅧

二千一百二十二

2122

nhổ mạ để cấy
đ

撸䅷
底穊

二千一百二十一

2121

ngâm danh đậu
sanh để
ngâm giá

令停豆撐
底吟稼

二千五百廿八

2528

二千九十六

2096

Thầy pháp phun nước để chữa bệnh

柒法噴醽
鉢渃
底治病

二千一百二十四

2124

hút thuốc lào

㗀
藥牢

二千三百三十五

2335

quan hút thuốc phiện

官跱
㗀片

二千三百三十七

2337

viện sái phiện để nuốt

圓殺片底啐

二千五百六十四

2564

viên sái phiện để hút

圓察片底唿

二千三百三十八

2338

thợ bạc hâm the

𠏲鉑寒絁

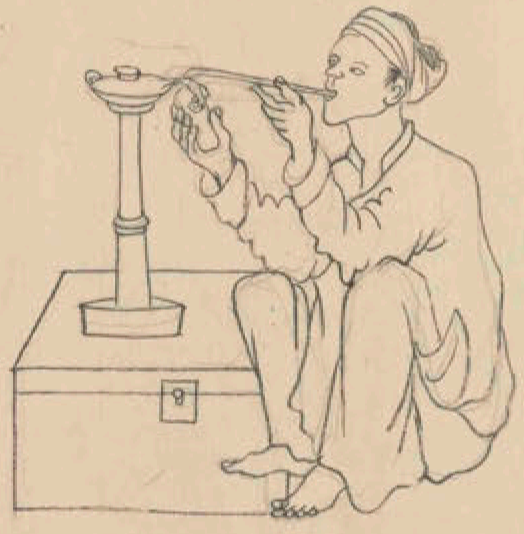

二千六百十二

2612

nấu sái phiện

𤈜殺片

二千五百六十二

2562

đầu bung thời lấy lá

đầy bụng thời lấy lá dầu khăng mãi đứa cả để ép!

淰膵辰
𥙩葩油
空買
袿奇
底押

二千三百四十四

2344

Thầy thuốc thổi tai

柴轑
哏豆

二千一百九十八

2198

二千八十五

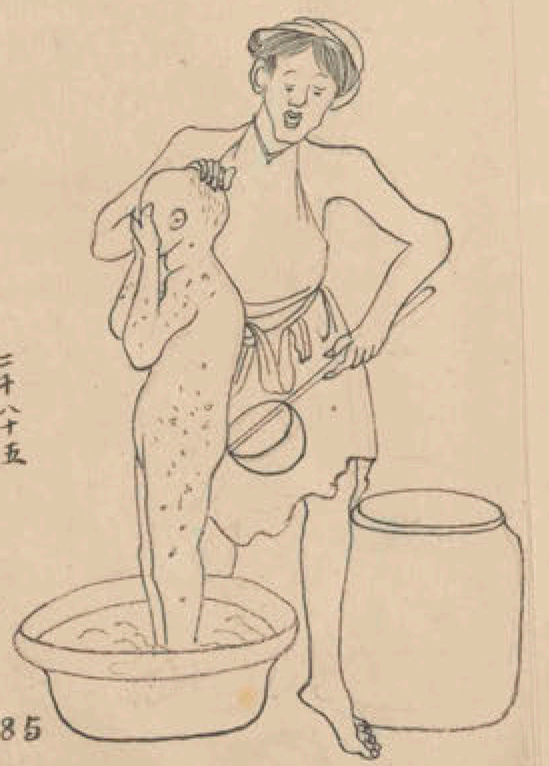

2085

Bà đỡ móc miệng

婆色抹呐

二千四百六十四

2464

Phơi măng khô

霎梩熇

二千一百四十四

2144

ngâm chân gà

mấy điều

để xem

吟頭鴉買

酾底貼

二千一百五十七

2157

sách thủ lợn

策首猪

二千三百二十二

2322

二千八十八

2088

đong cau khô

chấm cau

gán hột cau

đong cau khô

扲槁枯

二千四百四十九

2449

chấm cau mốc

譜槁朮

二千四百十八

2418

gán hột cau khô

諫紇
槁枯

二千三百九十六

2396

muối ớt

坶遏

二千四百五十九

2459

點指

diểm chỉ

二千六百八十二

2682

𣇞節𨷑行俴

ngày tết mở hàng tiền

二千六百八十四

2684

逢童噴油𨢇包絏底夕䤙

lấy đồng phun giấu vào giấy để làm điều.

二千二百四十七

2247

麄陰陽輪猑猪

vẽ âm dương mình con lợn

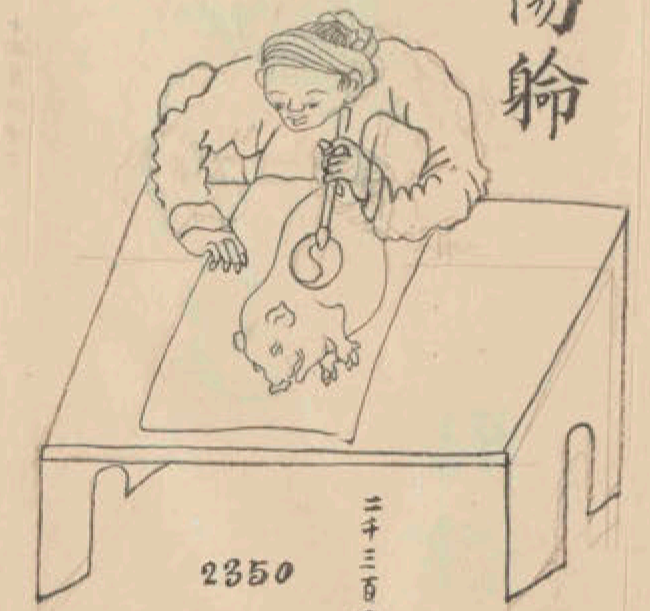

二千三百五十

2350

削[illegible]積紇

二千六百九十

2690

Tước bẹ chuối hột

Thợ may vuốt chỉ sáp

僊枚𢓅織蠟

二千五百六十七

2567

Cắn sợi chỉ

哏紝織

二千五百六十五

2565

cắt áo chúng sinh

割襖眾生

二千三百廿六

2326

Hộ-Pháp long thiên

護法龍天

二千五百五十五

2555

ông phật Đạt Ma

伏達罵

二千三百十三

2313

Khổng đá

俸𥑂

二千二百六十一

2261

Bà hậu đá

婆後𥑂

二千四百十三

2413

muốn ăn lúa tháng năm,
thì xem giăng giằm tháng tám

Thầy pháp để bùa dứt.
... ma quỷ

muốn ăn lúa tháng năm,
thì xem giăng giầm tháng tám

二千一百五十五

2155

Thầy pháp để bùa đuổi
đèn, chúc ma quỷ

柒法底

除麻鬼

二千一百八十四

2184

Phật La Hán

二千二百七十一

2271

phật mục-liên

仸穆連

二千五百五十三

2553

quan võ bầy chận

官武排陣

二千二百廿八

2228

phường quỉ thuật vần cối đá lên bụng

仿詭術鄭會硋𨖲𦟐

二千六百七十一

2671

mang cối đá

[illegible]會硋

二千六百七十四

2674

lên đồng quan lớn

𨖲童官𢀲

2072

đến sa chuốc mắt

phường hát ra thắng

đến sa chước mắt

thì có tài

蝒賒𦝄𥟈

辰固財

二千六百廿八

2628

phường hát ra thằng hề

仿唱黜𥟈奚

二千三百七

2307

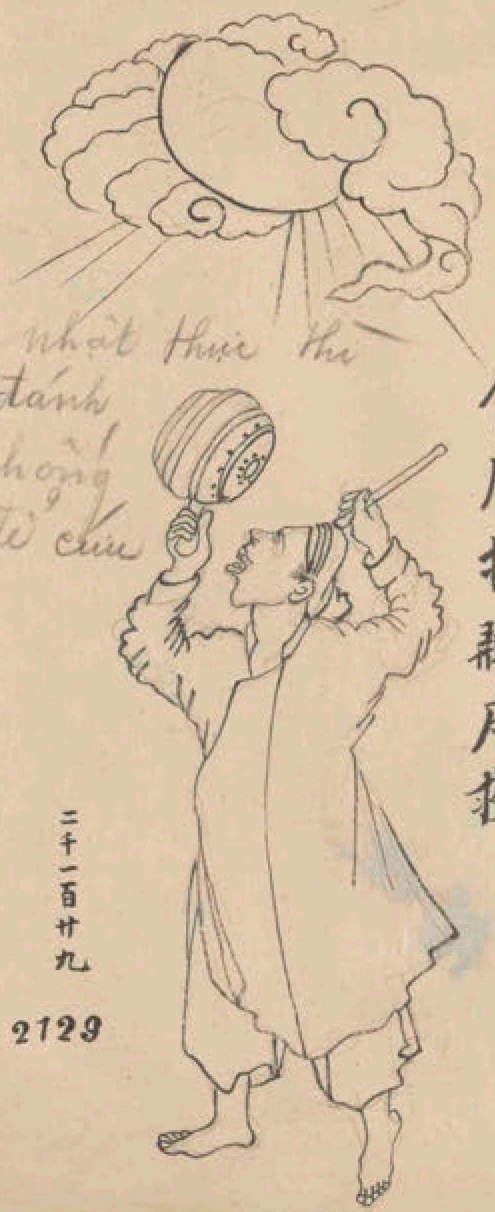

nhật thực thì đánh chống để cứu

日食辰打𪔠麻救

二千一百廿九

2129

二千八十一

2081

884

nạp súng tre

納抗雯

二千三百九十七

2397

thư phù đầu dẫn hóa đầu người

柴法書符頭猪化頭得

二千六百七十七

2677

chú con tập võ

稚混習武

二千五百七十一

2571

2095 二千九十五

Đôi đèn múa

quốc ra bắt

uống nước thì

đúc khuôn rồng đi lần

2095

Đôi đèn múa hát

隊烟棋唱

二千二百二十五

2225

quời ra bát

nước đường uống thời có tài

蛛賖鉢渃

當喔辰

固財

二千六百廿七

2627

uống nước thì

喔渃拖

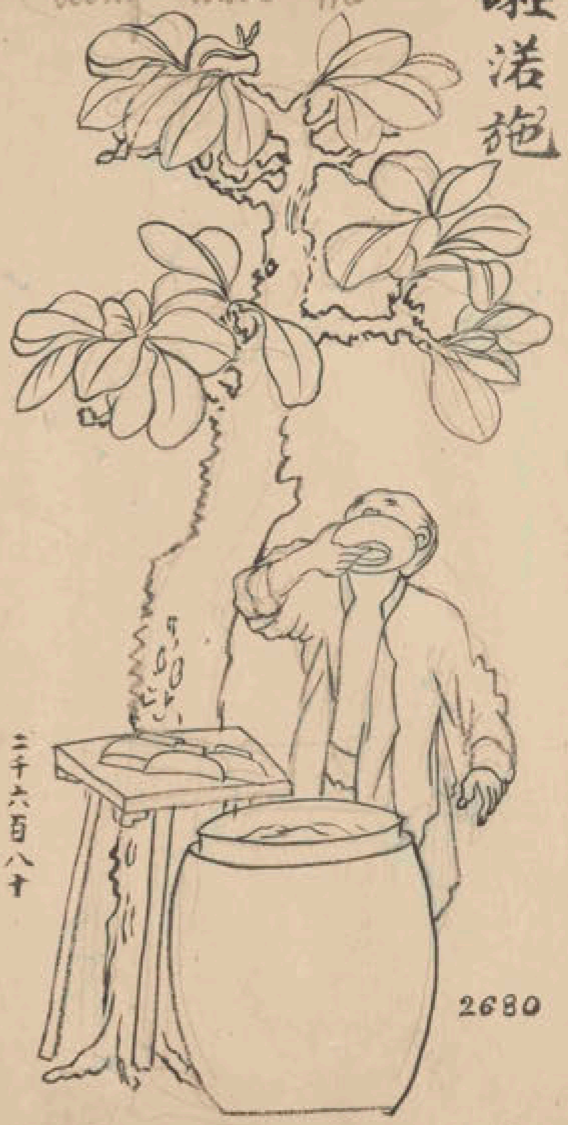

二千六百八十

2680

đúc khuôn rồng để làm mũi

攜囷蝇底

少峭

二千三百十六

2316

885

Thổ dầu đội mo

土鬪隊模

二千六百六十七

2667

Đội khăn vuông

隊巾綸

二千五百八十一

2581

ngậm tóc

唅𩯀

二千六百六十三

2663

buộc chỉ cổ tay

縛織古栖

二千五百九十六

2596

Bán tép

gánh lọ nước

bán quả chanh

ngậm giá

Bán Tép

半蝠

二千六百八十一

2681

gánh lọ nước

挭潞滗

二千五百九十七

2597

bán quả trám

半菓橄

二千六百七十九

2679

ngâm giá

吟稼

二千五百廿七

2527

phất bìa giấy lấy dọc
khoai vuốt giấy

拂皮
綫䄡
育等
律綫

二千五百七十八

2578

Phất bìa sách

拂皮策

二千五百七十六

2576

châm quả núc nác
để nướng mà ăn

針菓
築櫟
底[illegible]

二千五百四十九

2549

thái dưa chuột để
muối

太余梂
底坶

二千四百五十

2450

婆倨南無
勸敎

Bà vại nam vô
Khuấn dảo

二千二百三十一

2231

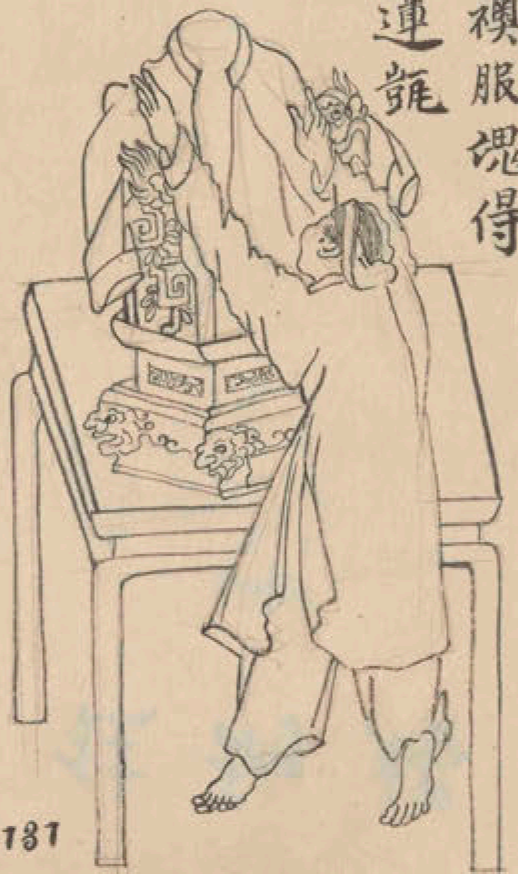

底襖服傀得
𦬑蓮龍

để áo phục hầu ngồi
lên ngai

二千一百三十一

2131

排菓
蓮旲
座

bầy quả lên
bình toạ

二千四十四

2044

纀巾
包含

buộc khăn
bao hàm

二千四百一

2401

cheo chó bán hàng

招狂半行

二千一百十七

2117

Luộc thịt chó

爈䶃狂

二千一百十五

2115

hủi bắt chó

傚扒狂

二千三百六十一

2361

Chó chẳng nuôi nhiều năm thì tác quái

狂皀餧饒鍎辰作怪

二千五百七十三

2573

2117

2115

Phụ nhân điếu tang = = điễu ba phúng đám ma

婦人弔喪

二千二百三十七

2237

Đau mắt dán thuốc phiện

疠䏰諫𥻸片

二千五百六十三

2568

quay tơ

捙絲

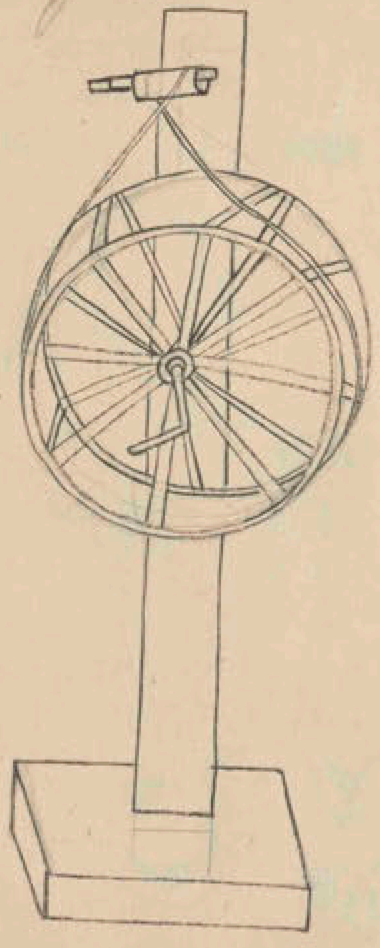

二千三百十

2310

nuôi chó để bán

餧狂底半

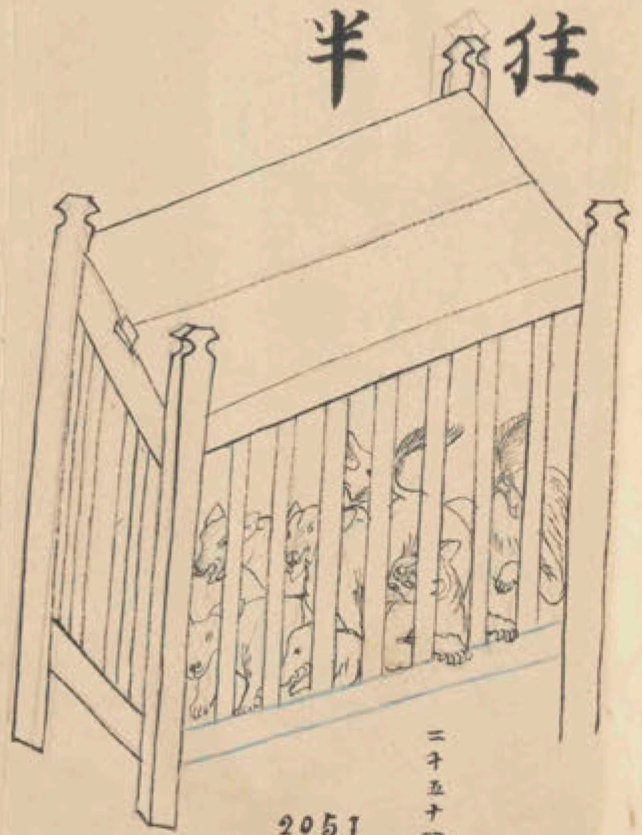

二千五十一

2051

Lấy lưỡi thực phù vào chuông

袐鐖書徛包杖

二千五百三十八 2538

uống bầu diêu

咁壺餾

二千一百二十三 2123

đốt gạch để hơ chân thấp

熪頟底爐嗔咎病濕

二千三百三十九 2339

người ma làm

𠊛魔夕

二千五百七十二

đóng lừa cái bộ

thổi bụi mất

đóng bùa cây khô
để trừ tà

揀符樉枯底除邪

二千三百四十一

2341

thổi bụi mắt

⿰口退涪眛

二千一百八十八

2188

chấp huyện
bắt

扎縣扒

二千四百六十二

2462

vận quốc điếu

韻摑吊

二千四百五十八

2458

Sắp đẻ thì đeo bùa cho chồng đẻ

拉底辰㨨符朱摞底

二千六十九

2069

Đánh phấn môi

打粉[illegible]

二千五百五十二

2552

Chủ nhà khấn sớ

主茄嚫疏

二千三百三十一

2331

Sáp huyết

插血

二千五十六

2056

bán khoai ngứa

半鮮許

二千六百七十五 2675

ngâm riệu sâu dấu làm thuốc

吟醽螻槐夕藥

二千一百八十六 2186

nặn bánh giầy cho chồn

塢餅醅朱踚

二千二百五十九 2259

đập chuối nước vôi để dầm

摯擳活砅底酸

二千五百九十五 2595

890

Hình nhân quạt hoả lò

形人欱火炉

圖𤆹禡

Đồ đốt mã

二千五百三十二 2532

đốt chân lợn

𤆹蹎狢

二千三百三十六 2336

Nướng ổ sâu dâu để làm thuốc

𤆹螻槐

底𪜀𧆄

二千一百八十五 2185

giã gạo vỏ tay

也粘

捕栖

二千三百卄七 2327

十三 2532

2827

仿都物埬袴包

phường đô vật đóng khố bao

二千四百四十二

2442

mừng nhà mới

惘茄買

二千四百五十五

2455

節中秋𨔈翁進士綫

tết trung thu chơi ông tiến sĩ giấy

二千三百廿八

2328

bán nước

半渃

二千六百八十五

2685

bỏ thích

Đeo chàng mang Tuấn đình sẽ nói

bỏ chích thẻ

捕擲筡

二千四百

2400

Đeo chàng mạng

扨長帯

二千四百五十四

2454

Tuần đinh sã nội

巡丁社内

二千二百廿七

2227

thầy pháp đánh trống đưa chúa ôn

柰法打𪔠送主瘟

二千二百四十三

2243

892

viên thuốc tễ

圓𧆄[illegible]

二千五百三十六

2536

sàng thóc lấy gạo

床穢

𥙩𥺊

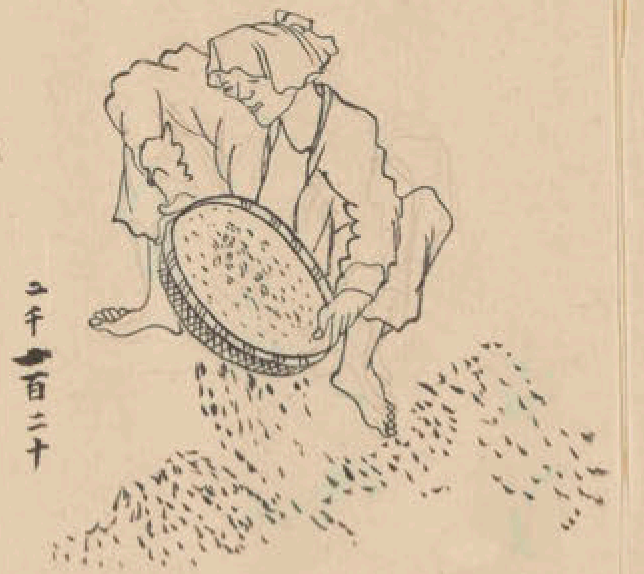

二千一百二十

2120

giã thuốc tán

續𧆄散

二千二百二十三

2223

tán thuốc

散𧆄比

二千二百三十九

2239

Sĩ tử nhập trường | thợ đeo tôi | gắp chỉa lớn | gậy đoạt lớn

Sĩ tử nhập trường

士子八
場

二千二百三十八

2238

thợ đèn tôi
lưỡi giao

𠏲壥碎
𨫊交

二千六百一

2601

gắp chả lợn

扱烪狢

2359

二千三百五十九

gặp quạt lông

押𣤶
𣯡

二千四百四十六

2446

893

tết đuôi sam

結𩭶衫

二千三百六十

2360

quạt bùa yêu

𢩮符妖

二千五百廿九

2529

Xem cây lộc

䀡荄禄

二千一百二十六

2126

xem tướng

䀡相

二千一百十一

2111

mũ nhạc hành

六十 2360

mĩ nhạc hành
ca =
= ả đầu đi
hát

女樂行歌

二千二百四十

2240

thầy pháp đi lưới
cây nưng đỡ

柴法移纙棋濃耆

二千三百四十二

2342

phường quỷ thuật làm
giời mưa

仿詭術𫜵𡗶湄

二千五百九十八

2598

Đeo ống vôi để
bắt đỉa

捞甕砯底扒趃

二千二百廿六

2226

894

Kinh môn

京門

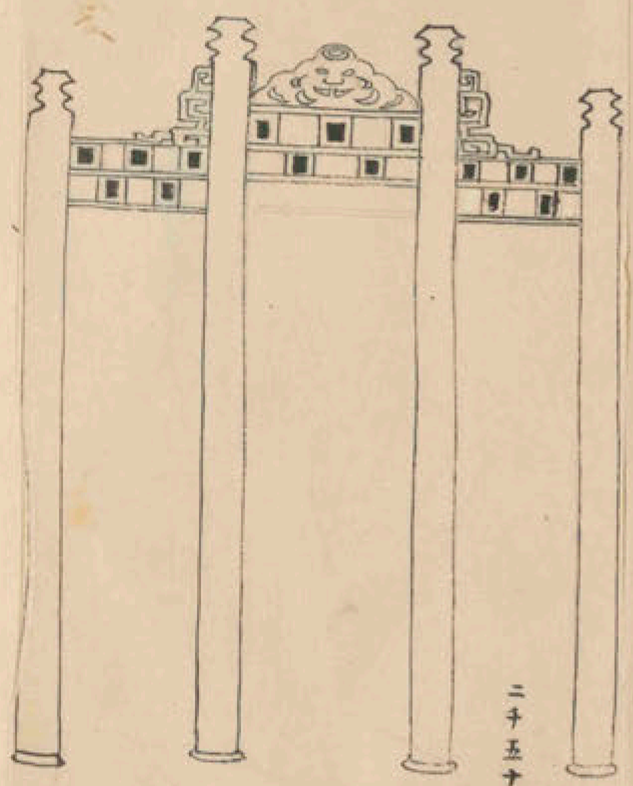

二千五十三

2053

Hòm chặn để tiền

函蹎底銭

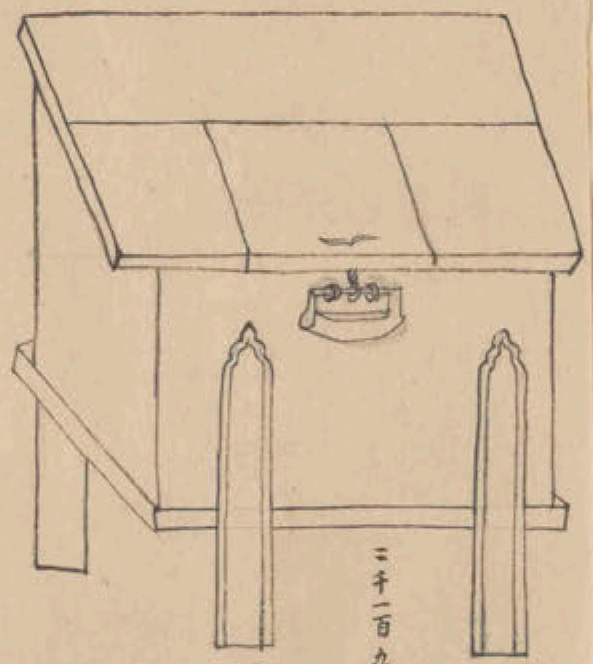

二千一百九十六

2196

đuổi chim

𨆷𪀄

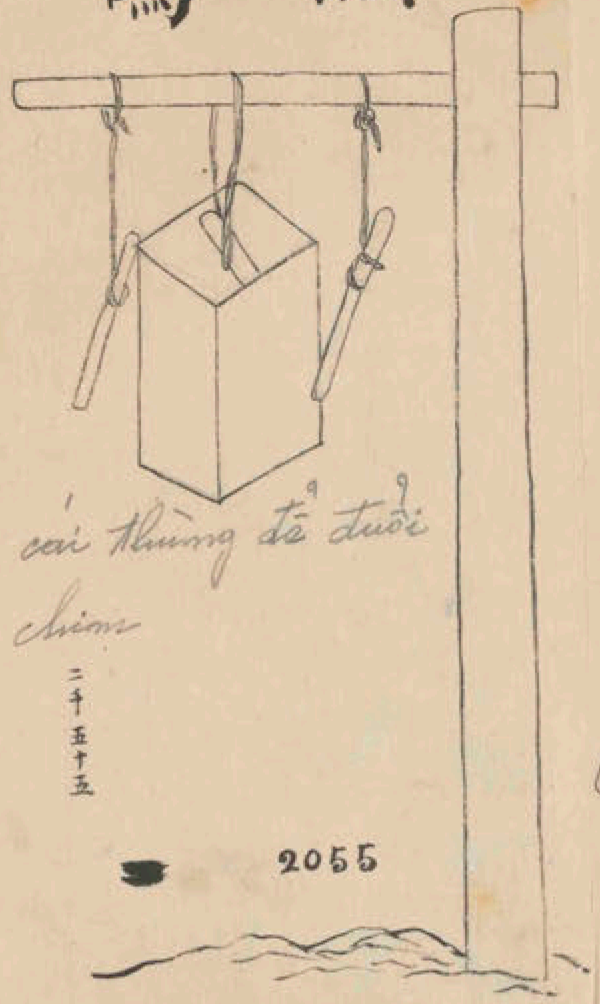

cái thùng để đuổi chim

二千五十五

2055

trông phên tằm ở

探那蠶

二千三百四十九

2349

cầu đối bình ...

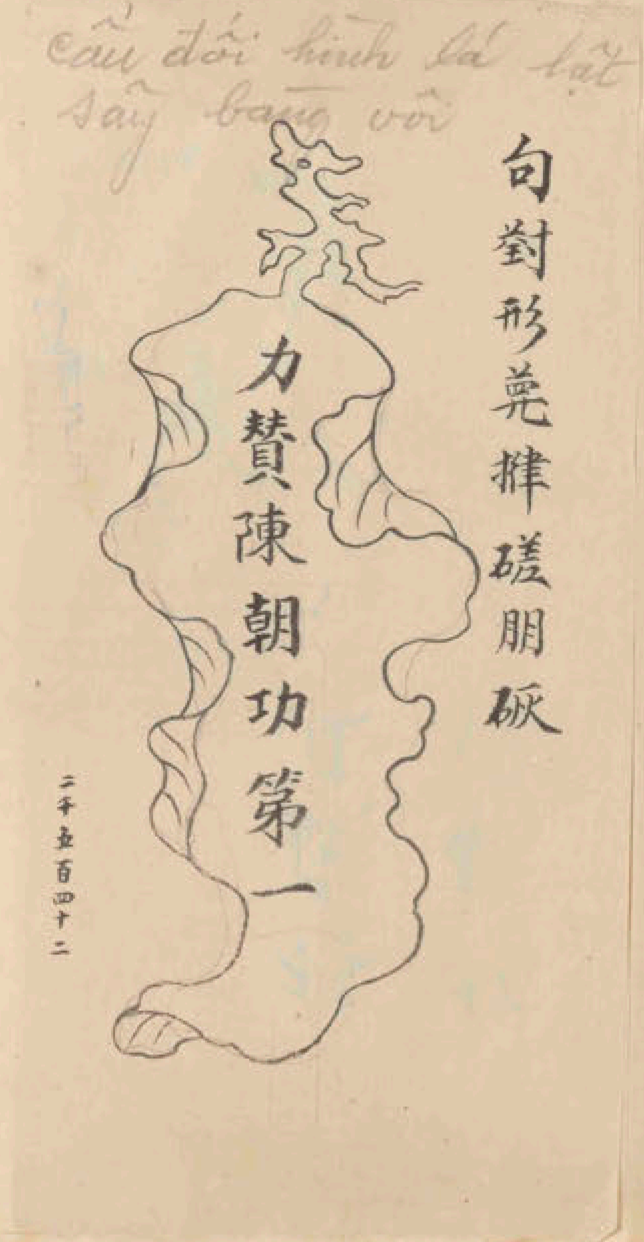
câu đối hình lá lật sấy bằng với
句對形莞㩫磋朋砅
力賛陳朝功第一
二千五百四十二

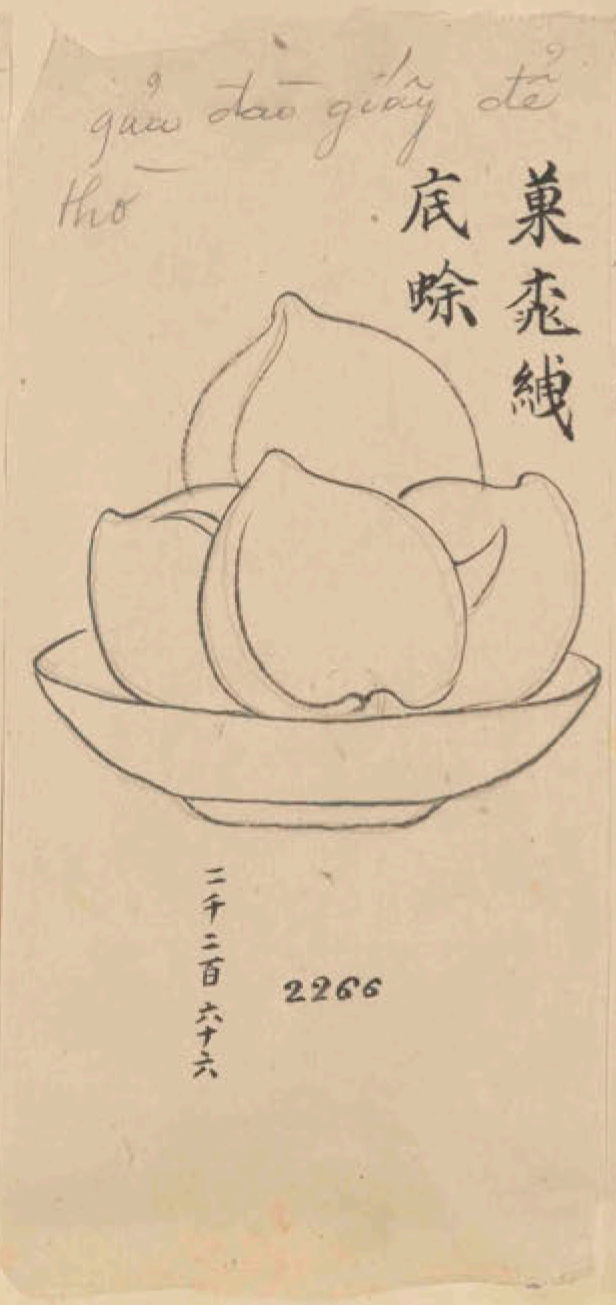
quả đào giấy để thờ
菓𤯩䋥
底𥻸
二千二百六十六
2266

hứng nước ở cây cau để ăn
興渃滑棲
槁底唆
二千一百四十三
2143

纀逋興槁
Buộc nơ hứng cau
二千二百廿四
2224

895

bôi vôi tai lợn để
thả

杯砅聰
狢底且

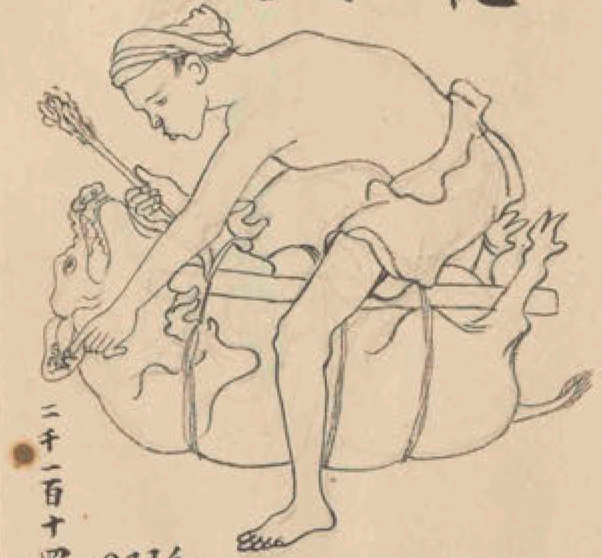

二千一百十四

2114

二千八十六

2086

vác lợn

博狢

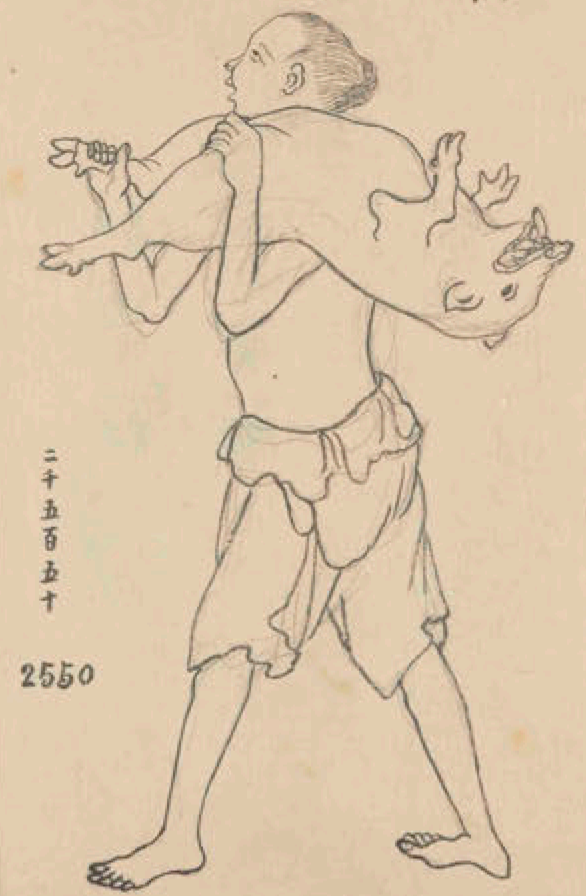

二千五百五十

2550

đánh dấu lợn

打蹓狢

2353

二千三百五十三

ống cọc cầu để

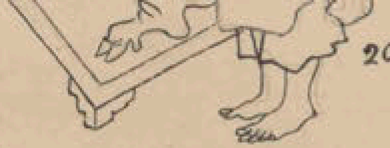
2086

2353
二千三百五十三

ôm cọc cầu để vừa mẫu để

揞檜梂
底婚
毛底

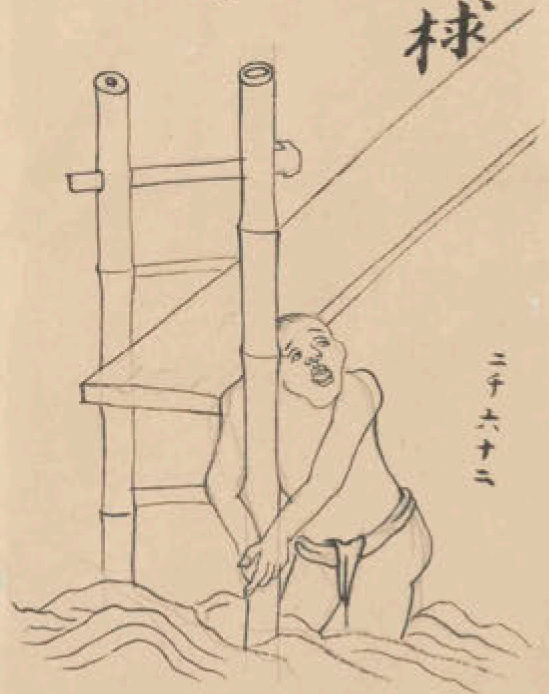

二千六十二

2062

cạo lông chó

刣𣯡
往

二千一百十六

2116

Biếu ông tiên chỉ thủ lợn

膘翁先
紙首狢

二千一百八十三

2183

diết lợn nhấu đất thu chung hối tiếc cái nhau

殺狢覔憂鐵
𠫾𨈒會
席𠯹
𩚵

二千六百廿六

2626

Thứ nhất
nhà
次一躭蛍
包茄
二千六百十四
2614

Đeo bùa để ở cửa buồng để vợ chồng đẻ
捞符沃
於𨷶房
底𡞕採
産
二千一百八十九
2189

Thứ 2 chuột giào chạy qua sà nhà
次二狘觸趂
戈蛇茄
二千六百十五
2615

二千九十二
2092

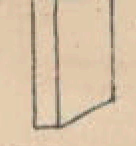

二千六百十四 2614

二千六百十五 2615

2092

Đeo mắt vỏ chứng gà

扐相補𦲿鴝

二千六百二十

2620

ng quấn tơ

得挪絲

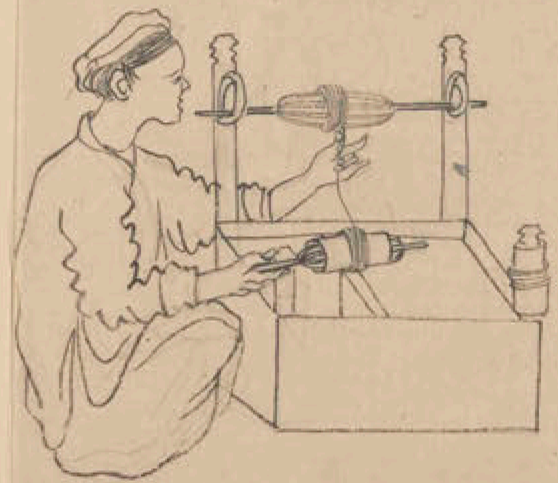

2200

bàn cắm ống tơ

盘揲癃絲

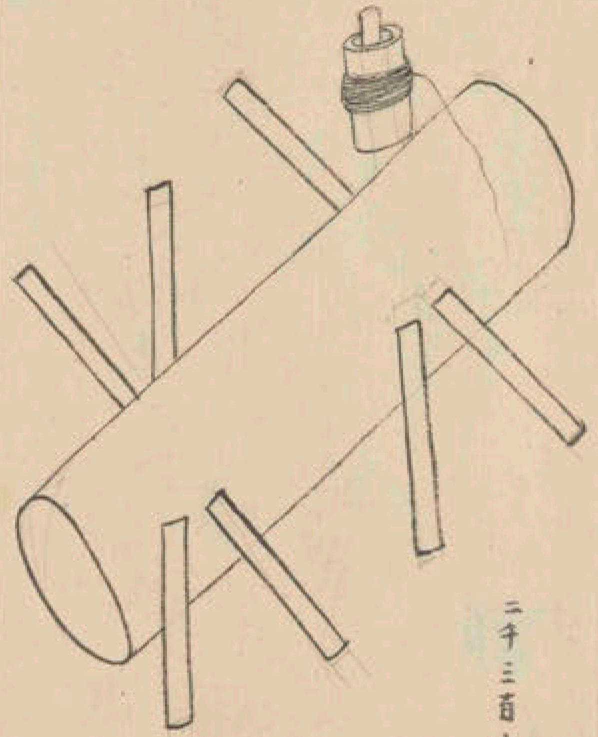

二千三百十一

2311

二千九十一

2091

897

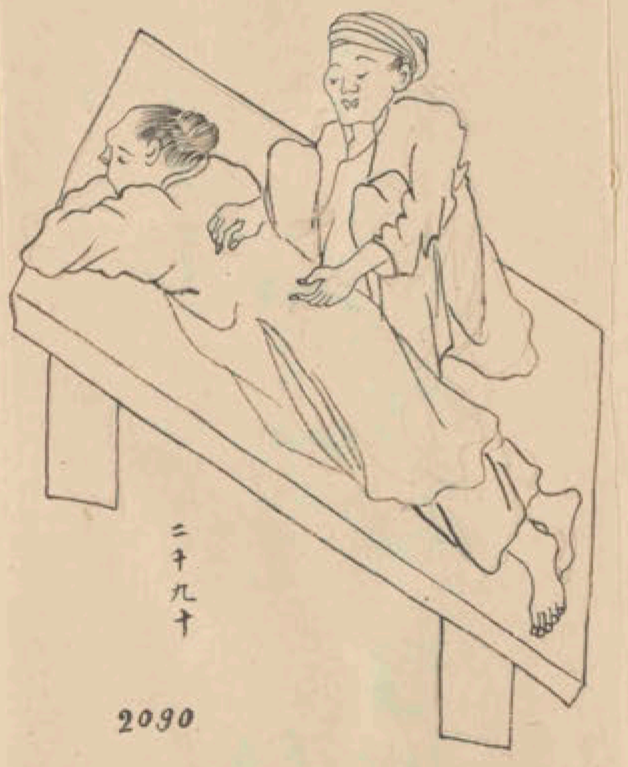

二千九十

2090

Lấy ngòi đọt lọc

𥙩外濱僕

二千六百八十六

2686

Đưả mắt

淛眛

二千四百五十二

2452

2083

二千八十三

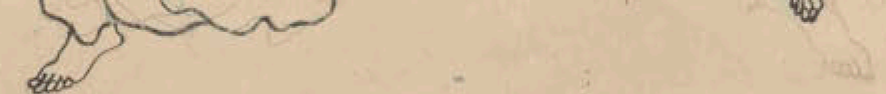

2686

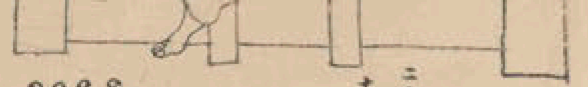

2088

二千八十三

唆鮓喔昌
辰祕
昌个
底連頭耒
祕𦓡捻朱吹

二千五百七十九

2579 ăn cá hóc xương thì lấy xương cá để lên đầu rồi lấy tay đấm cho xuôi

捕符白
蛇包聰
底踶䢿
沛吶

二千五百三十九

2539 Bỏ lửa bạch sài vào tai để con tà phải nói

Vợ sắp đẻ, buộc bùa vào cổ tay để chồng đỡ đẻ

婍拉產
縸符包
古𦓡底
摖產

二千一百九十

2190

Bà đồng thắng đồng

婆童
勝童

二千一百四十二

2142

Vuốt sáp tóc ngôi

抨蠟還篭

二千五百八十四

2584

Đánh phấn má hồng

打粉䐗紅

二千五百五十一

2551

Thợ may đo áo

僣枚揶襖

二千五百六十一

2561

chuột cắn áo thì lấy hương châm để chữ độc

狁哏襖辰祕香針底除毒

二千五百七十四

2574

sa ổ đau ngồi nhặt đậu con

差塢萎
⿰虫外抇
豆混

二千五十九

2059

lên đồng ngâm hương

蓮童唫香

二千五百八十三

2583

ngồi sồm cúi mặt

⿰虫外⿰𧾷盗
檜⿰禾面

二千六百六十四

2664

dơ cối ăn dầu

也檜
油咹

二千四十五

2045

thổi lửa

𠺙焒

二千三百四十

2340

đưa xe lọ để uống

洺車𡋂底
㕵

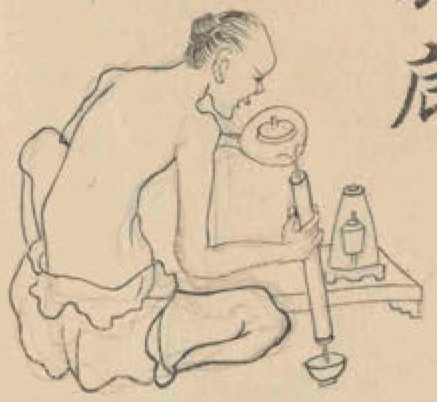

二千三百四十五

2345

thầy đèn mọc hoa thổi có bông

僜烟木花
辰固
[redacted]俸

二千五百六十九

2569

thầy pháp thư phù hóa đất hóa quả ổi

柴法書符
凡坦化
菓櫻

二千六百九十二

2692

2340

lính thú

仿戍

二千三百八

2308

chú dể mặc áo thụng

佳婿默襖[illegible]

二千四十六

2046

Đương đi đường mà chim
ỉa lên đầu thời đau

當趍塘麻𪀄倚達
頭辰要

二千一百六十九

2169

ngữ bán thuốc
hậu sản

得半𥞖
後産

二千四百十九

2419

諫餅眼

dán bánh nhỗn

二千六百十七

2617

此坳銅
針金

Thử nồi châm kim

二千六百十

2610

[illegible]輪
譜策

mài son chân sách

二千四百六十一

2461

[illegible]石
咹

nấu thạch ăn

二千六百八十三

2683

giã hạt cau
làm bánh
để ăn dầu

也紩稿
進餅

二千五百五十八

2558

点紩稿

Đếm hạt cau

二千五百五十七

2557

Đong muối

拎坶

二千四百四十八

2448

Sảy đậu giá

扯豆稼

二千五百三十

2530

Xem lưới gà mái gầy gò

貼蠿鵅
𠩩嘅怪

二千六百廿一

2621

muối chứng

坶⿱白卯

二千一百四十五

2145

giấp nước chứng gà để ấp

⿰木執渃⿰壯卯
底鵅邑

二千五百九十

2590

ủ chè mạn sen

塢茶
曼蓮

二千五百九十一

2591

vai gầu cầu, nhà ...

bắt đầu thứ nhất.

bắt đầu thứ hai

2145

bắt dắn thứ hai
vuốt mình

扒蛒次仁
𢯢𨉟

二千一百七

2107

đánh bả dắn

打擺蛒

二千一百八

2108

bắt dắn thứ nhất.
bôi thuốc vào tay

扒蛒次一
杯𣛤
包𢭂

二千一百九

2109

vác gầu cứu nhà cháy

愽糇救
茄𤈜

二千二百三十三

2233

Lên đồng chích huyết

逹童滴血

二千二百四十九

2249

vò đậu để ngâm giá

紆豆底吟稼

二千五百二十五

2525

ngồi nghiêng mình

𡎢傾𨉓

二千三十六

2036

nhổ ốt dầu vào tường

噌橋油包濇

二千六百九十一

2691

四十九 2249

2691

nhặt củi

日:檜

二千六百八十九

2689

đáng thang chuối để phục hồn

埬湯積底服魄

二千一百三十八

2138

nhặt thóc sót

扫穡怢

二千一百六

2106

爖椮夜

quang cây dạ

二千一百十二

2112

Thái thạch
太石
mui quang
二千六百七十二
2672
chậu ngâm thạch

Luộc bánh chưng
潳餅徵
二千二百三十四
2234

Cắt lá bánh giầy
割莞餅[illegible]
二千二百五十六
2256

Tôi vôi
碎砍
二千五百五十九
2559

thạch 2234 五十六 2259 2659

cắt tóc thề

割𩯀
誓

二千六百十一 2611

ông sư thiêu mình, thuốc đốt thủ ngọng tay

翁師燒𨉟[illegible][illegible]
[illegible][illegible]𢬣

二千五百三十七 2537

Thầy pháp viết chữ vào bình vôi để chủ nhà khỏi ốm đau

柴法曰𡨸[illegible]
坪[illegible]底
主茄空
疠[illegible]

二千一百八十七 2187

gấp số chữ

扱[illegible]
𡨸

二千三百九十八 2398

904

Quan âm đánh đồng tà

官陰打
童邪

二千二百五十七

2257

chấp xe điếu lồng

執車吊
[illegible]

二千四百四十五

2445

đi làm thịt lợn

得行𦧘

người hàng thịt

二千六百六十五

2665

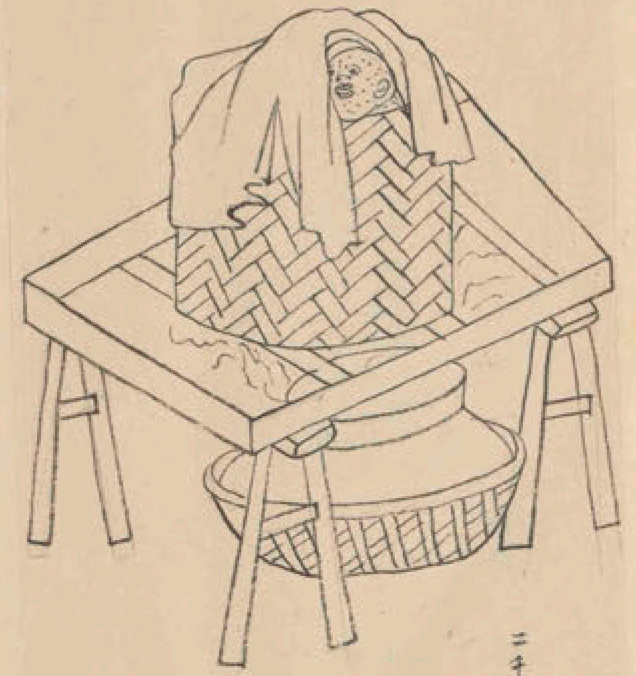

二千八十四

2084

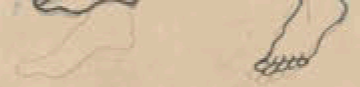

ăn quả chuối chập để đẻ sinh đôi

喫菓櫝揪底堵生堆

二千六百廿五

2625

ăn cơm sung

thuở hàn vi, ăn cơm sung

課寒微喫粡充

二千五百九十九

2599

đốt vàng tưới rượu

熑鐄洒醽

二千六百六十六

2666

ủ lá vối để nấu nước uống

塢莞檜底嫏渃

二千六百十九

2619

quét gạo chợ

抉𥺊
𢄂

二千六百七十八

2678

đong sóc cua

揀朔蛌

二千六百廿九

2629

Sĩ Đồng hoả thang quả nhật

蓮童火湯沼
粨

二千二百四十六

2246

đạo tràng đốt sớ

道場
燒疏

二千三百三十二

2332

cầm bát hương

Bà đồng thục phù miệng

讀神呪
底
咹粓

二千四百六

2406

Đọc thần chú để
ăn cơm

二千九十三

2093

cầm bát hương
lên đồng

捧鉢香蓮童

二千一百三十九

2139 125

Bà đồng thư phù miệng
dầu để ban lộc

𡛔童書
符𠰘
油底
班祿

二千二百五十八

2258

906

nướng chả

[illegible]

二千三百三十四

2334

vọng gác chẳng

𠦳捆帼

二千五百五十六

2556

Bán cót

半骨

二千四百五十三

2453

Đi chùa nón

迻佀籁

二千六百七十三

2673

2556 2453 十三

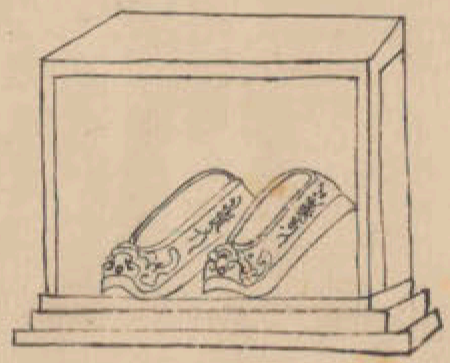

cai hộp để guốc

cai quấn làm

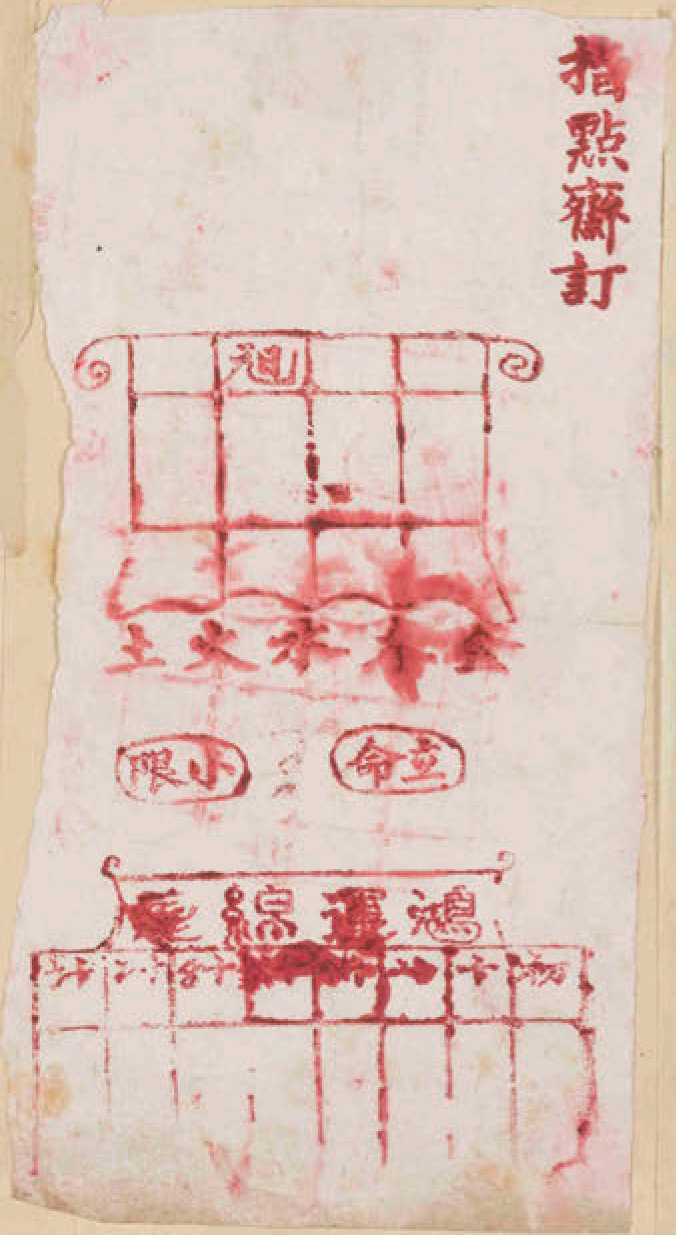

Do vải

揶締

二千五百六十

2560

chèo tường bằng giây

擲洋朋綫

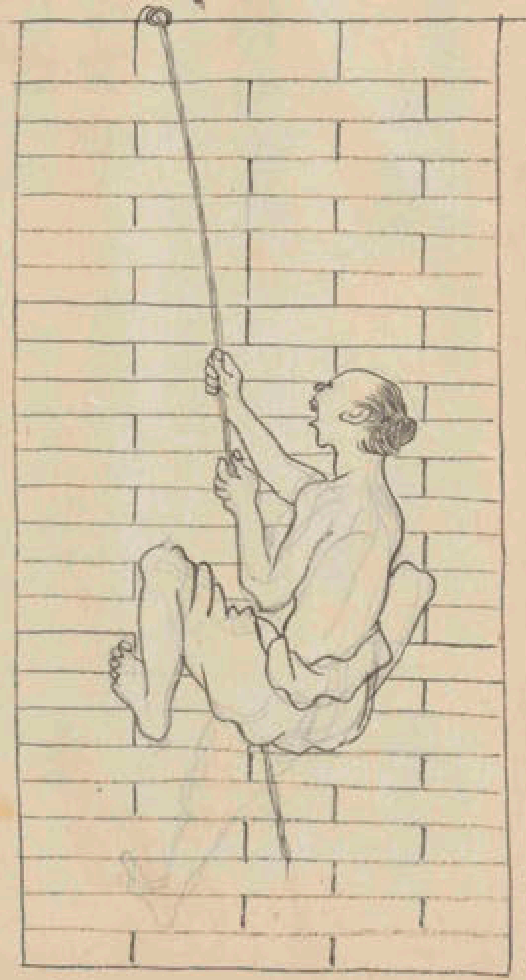

二千六百廿四

2624

cái giều

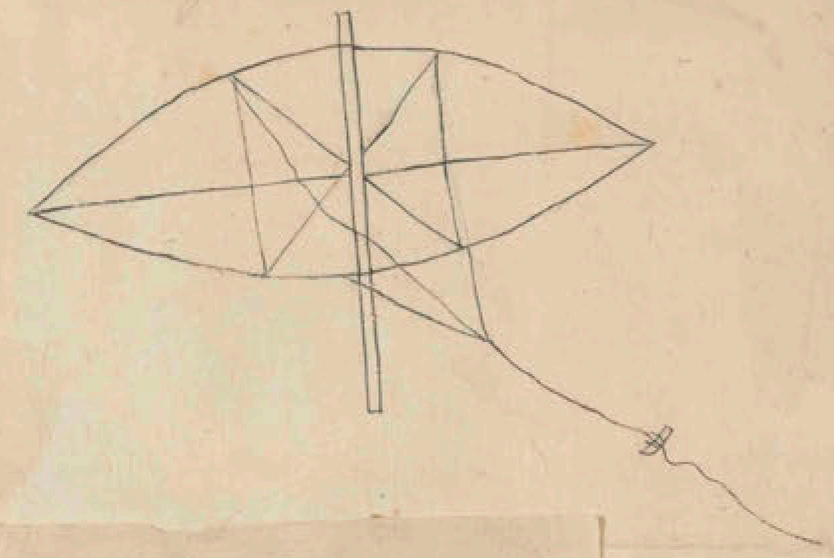

cái mâm hoa

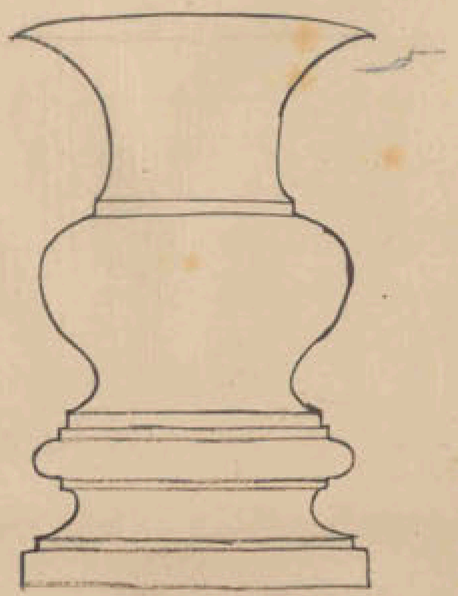

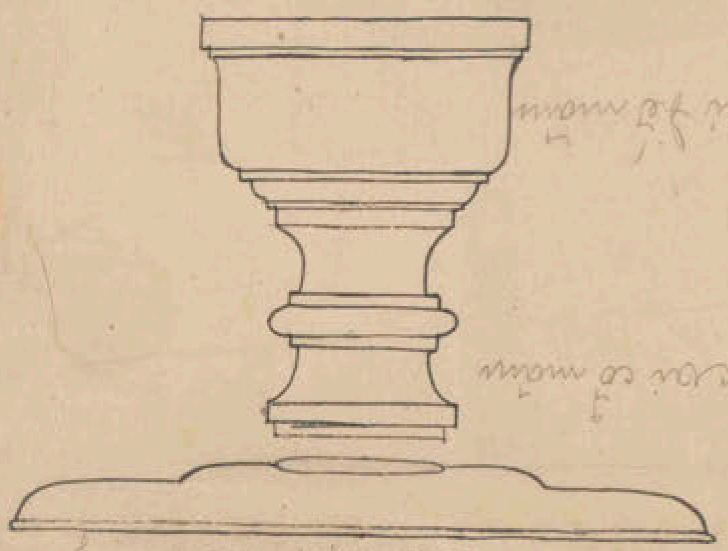

嘉定轄　亨通社　坻楳市

蓋聞

道脈興隆人人發菩提種子福基培植昔世承德
榮榮昌欵得来生之福果當爲今世之善緣于跡
敕賜光隆龍華寺慈慧和尚當爲主香建立
淨土道場集衆九旬修學　訂以己酉年四月
初八日良晨鐘板和鳴壇開三個月湧滿解制

肅請

貴位駕臨勝會聽法聞經同真入道　謹請

擵脉棺材

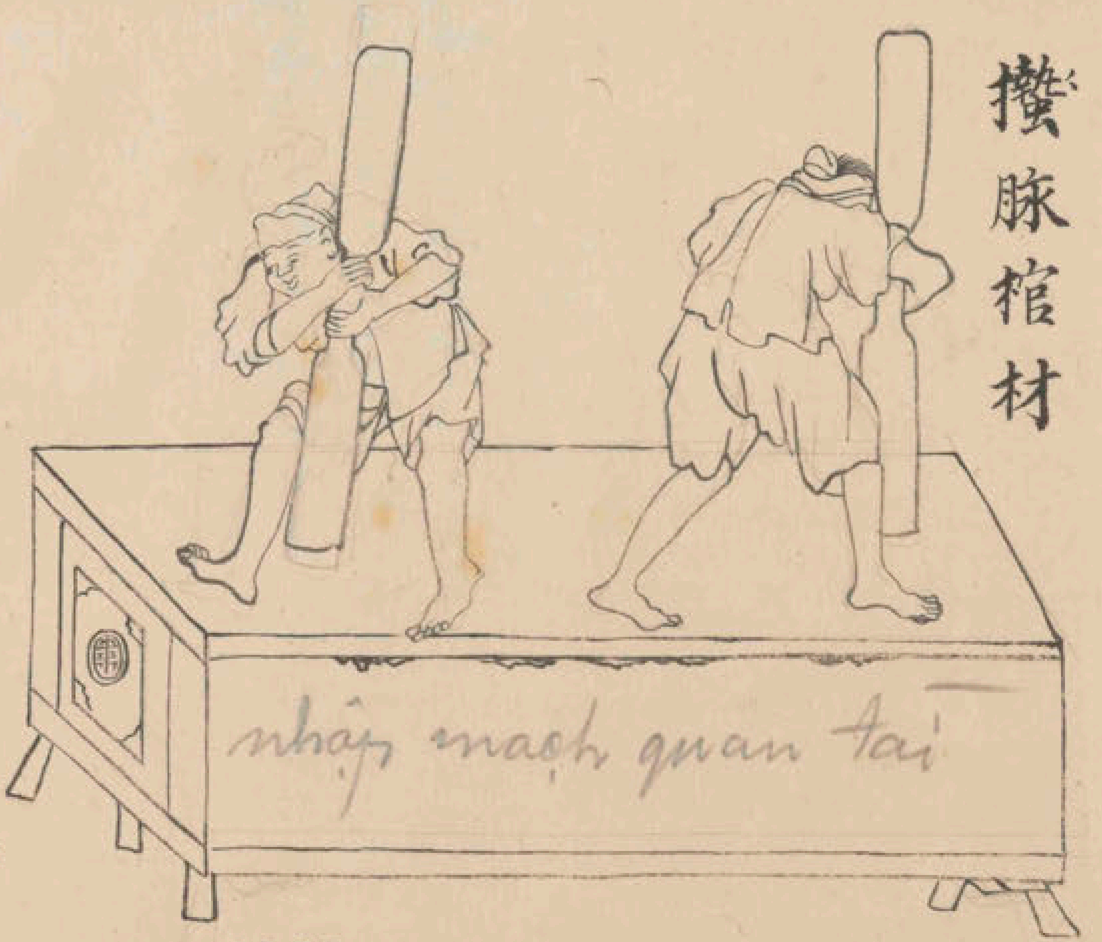

二千二百八十五

2285

Lăng lung táng

埈玄喪

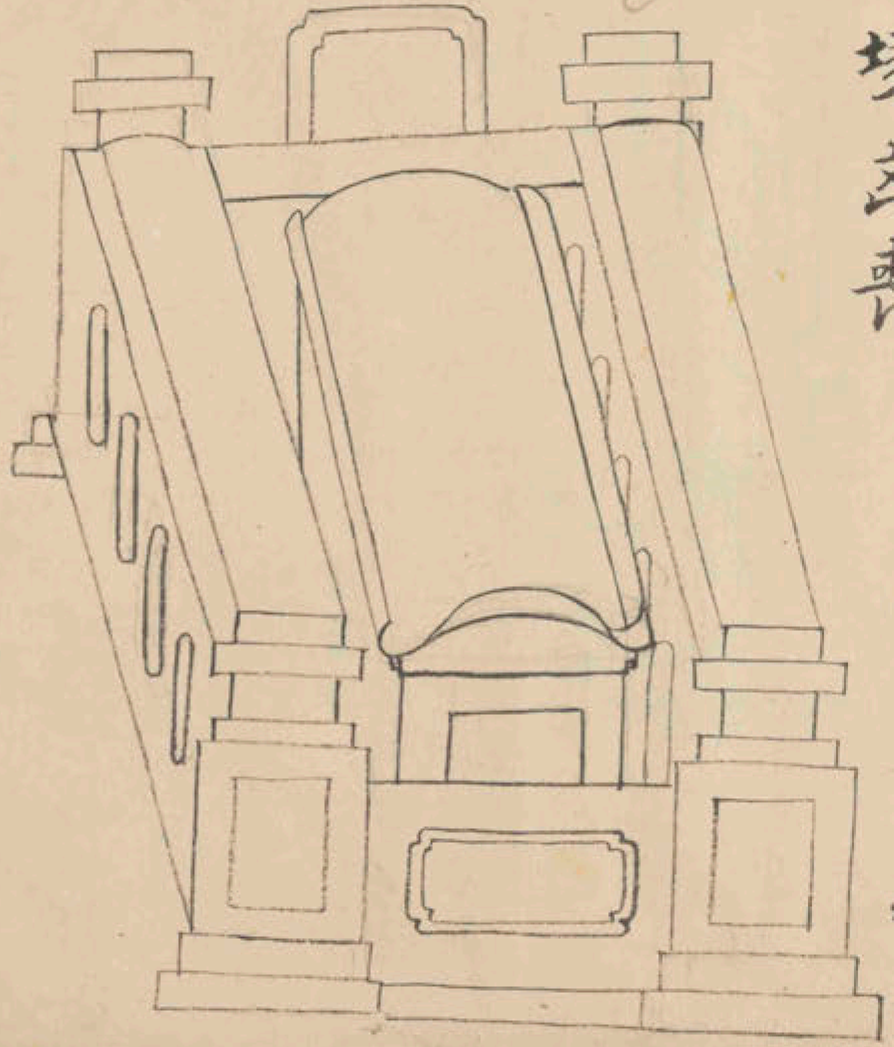

二千四百六十七

2467

nhãn khiêu pháp = máy mắt

眼跳法

子 左貴人 右飲食

丑 左慶喜 右人請

寅 左遠人来 右有喜至

卯 左貴客至 右平和吉

辰 左遠客 右損客

巳 左飲食 右厶悉

午 左飲食 右厶事

未 左吉昌 右小喜

申 左人思 右客至

酉 左客至 右親來

戌 左客至 右聚会

亥 左貴客 右官非

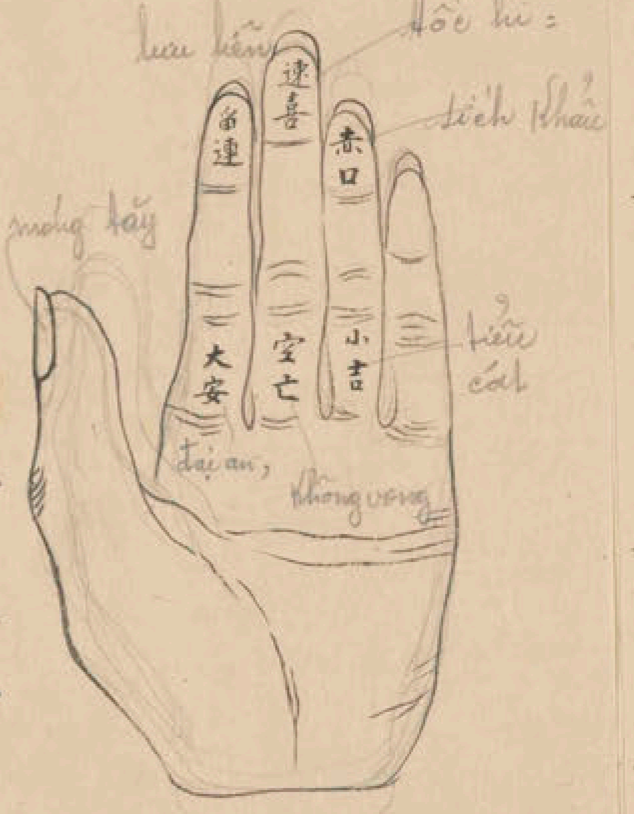

其法每從大安、上起正月、月上起日、日上起時、假如三月初五日辰時、三月在速喜、上就速喜、上起初一、初五在大安、大安上起子時、數至辰時、是大吉、就以大吉推占、餘皆傚此

神祭進爵

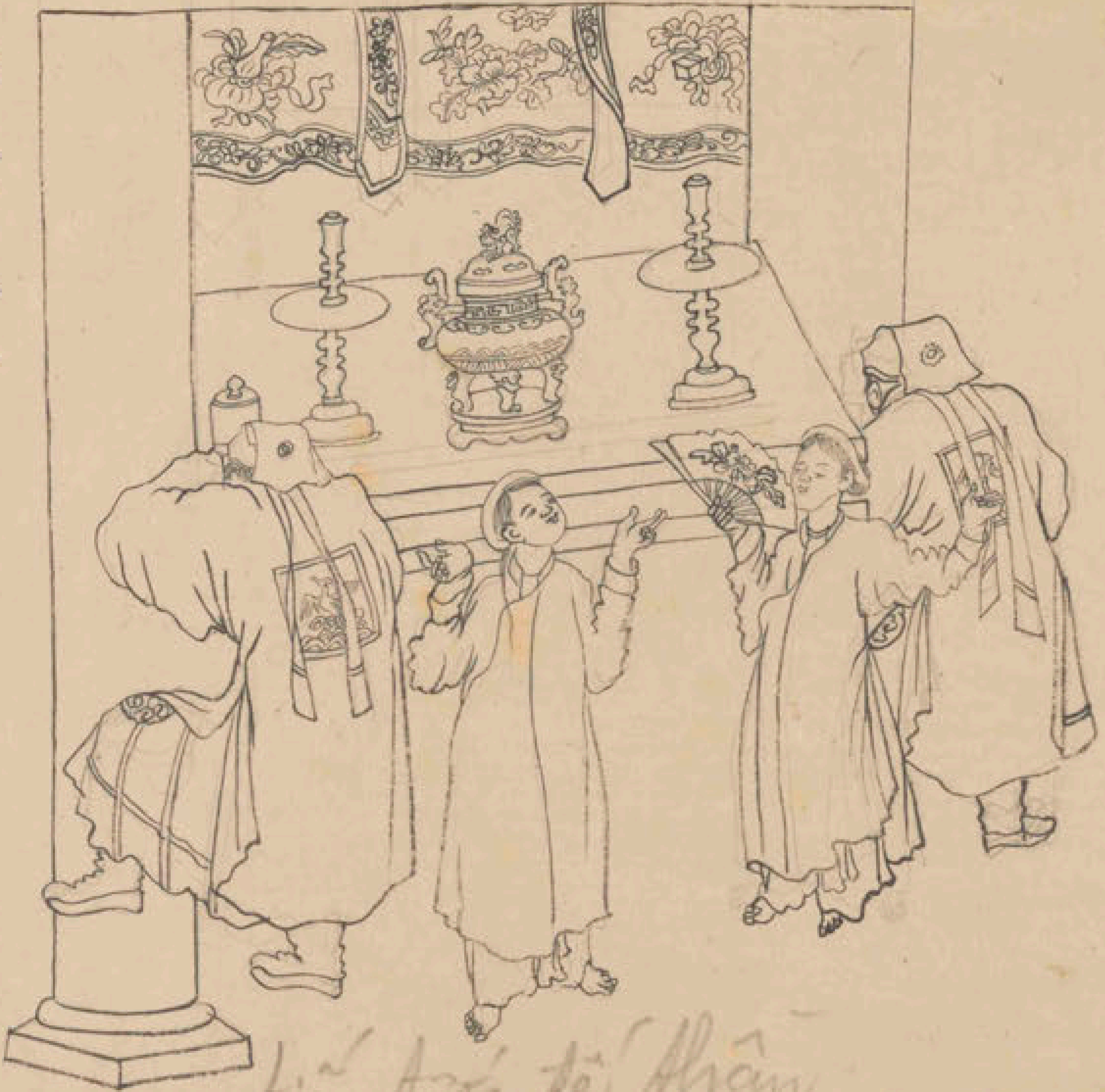

二千二百八十四

2284

tiến tước để thần

面熱法

Diện nhiệt pháp = phép nóng mặt

子 主喜慶

丑 主煩酒

寅 主遠客

卯 主酒食

辰 主遠客

巳 主累悤

午 主姻親

未 主詞訟

申 高人会

酉 高人來

戌 主酒食

亥 主官非

二千七百四十一

2741

tháp

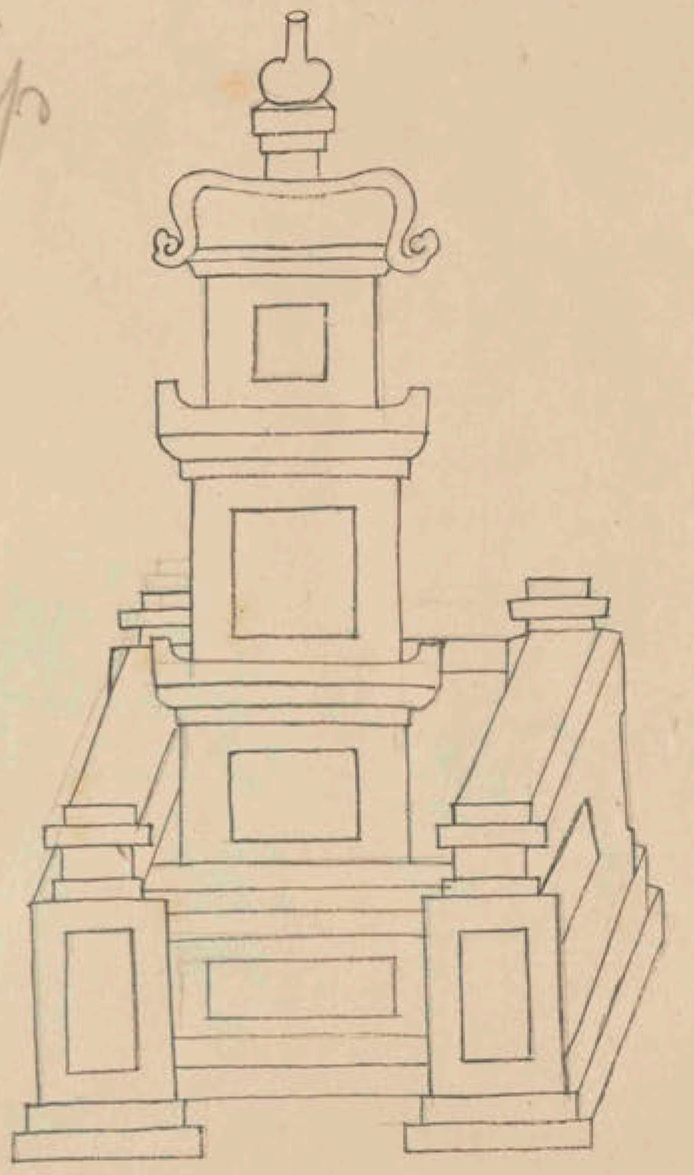

二千四百廿五

2425

voi đá để thờ

楼象底蜍

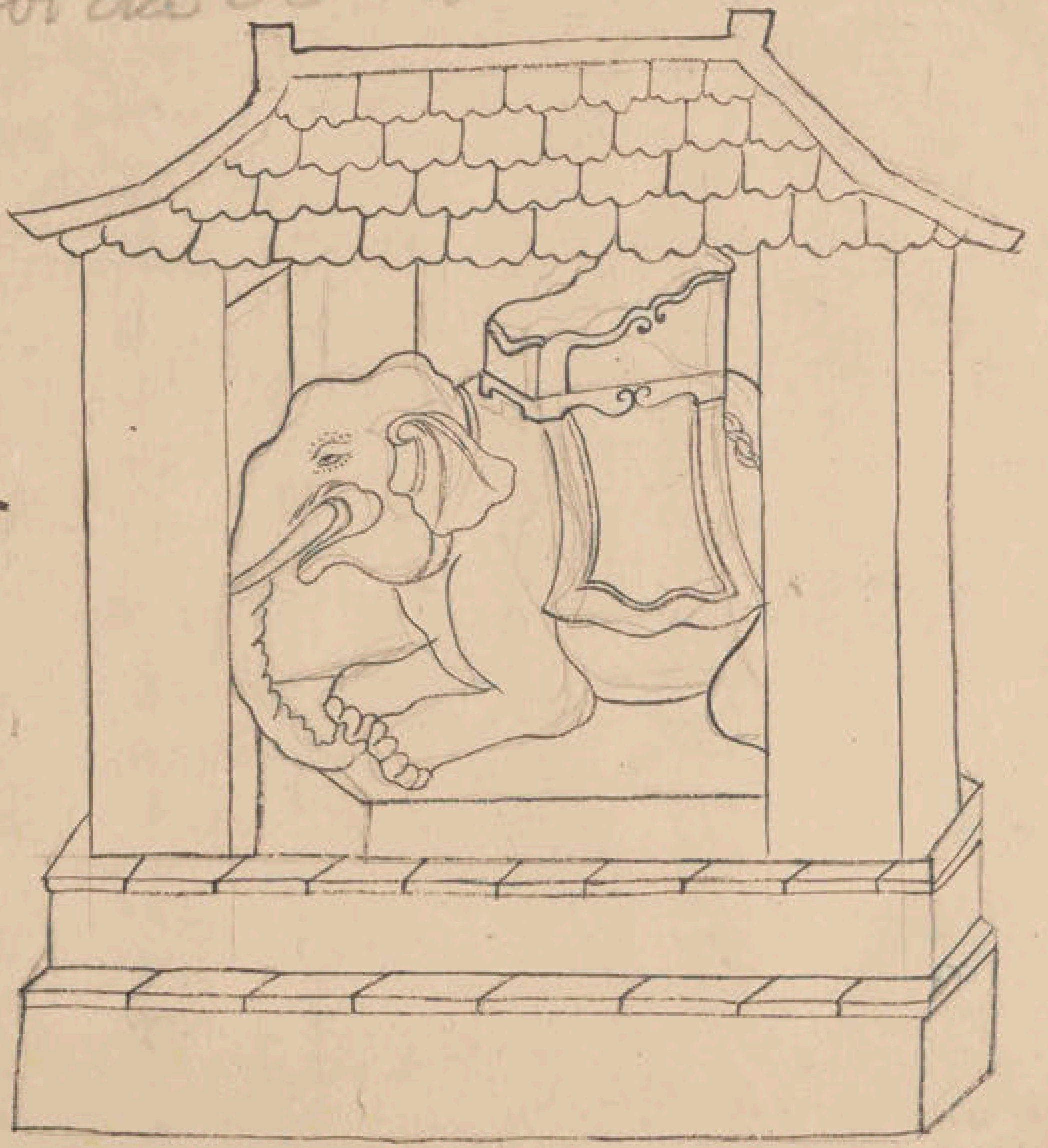

二千二百八十七

2287

磨墨
嬏[illegible]
底毛
產

mài mực vợ sống để mẩu đẻ

二千七百一

2701

僠木伴梢茄

thợ mộc bắn cột nhà

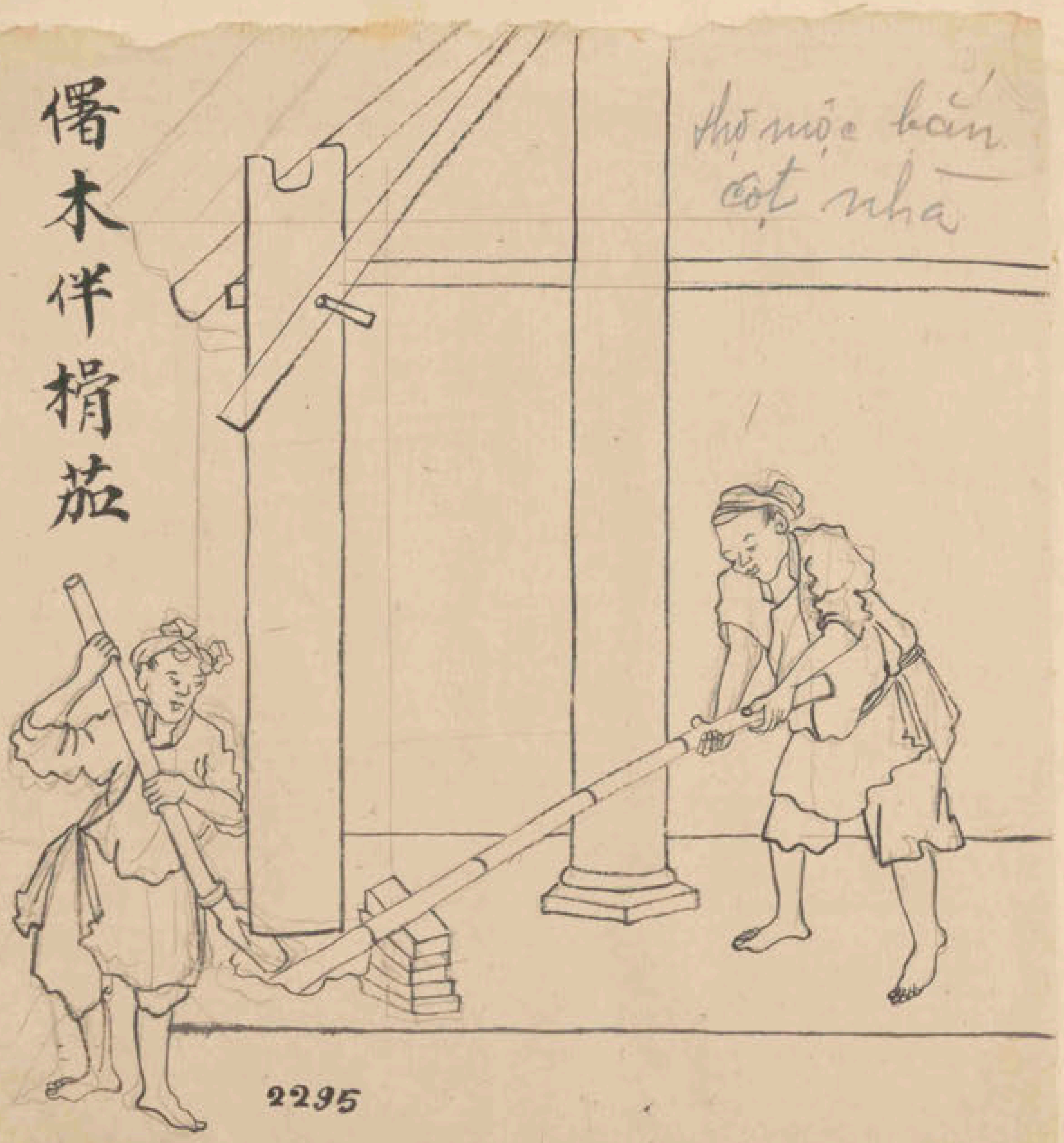

二千二百九十五

2295

水潦
堵披

nước lụt chở bè

二千五百八十五
2585

tháp

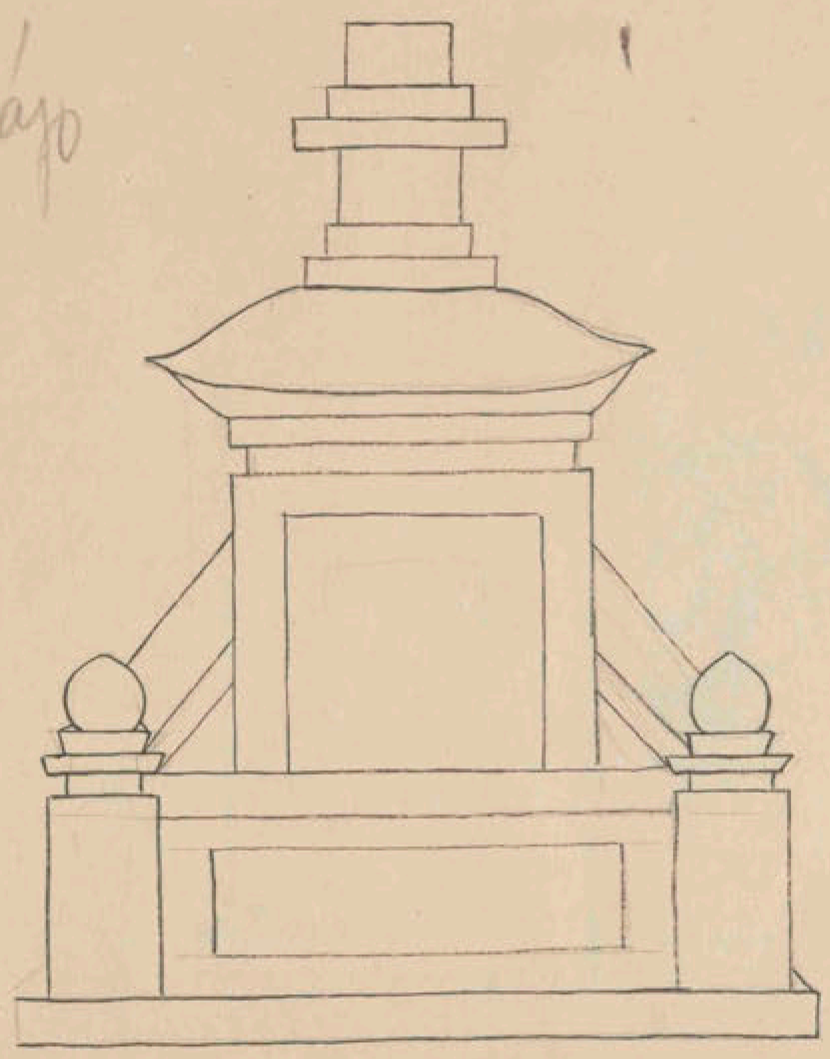

二千四百廿七
2427

giấy dông thọ mã

giấy đồng thờ mã

紙蟵㑽禡

二千二百十三

2213

䀡 xem
蹎 chân
鴚 gà

二千六百五十

2650

đặt bùa lên ngực ng. đau để chữa quan ôn

觧符蓮
嶷得疠
底除
官瘟

二千五百十二

2512

ngồi coi bên người chết

蚪該
边得
𣩂

二千五百十三

2513

bia quan hậu

bia quan hậu

後碑

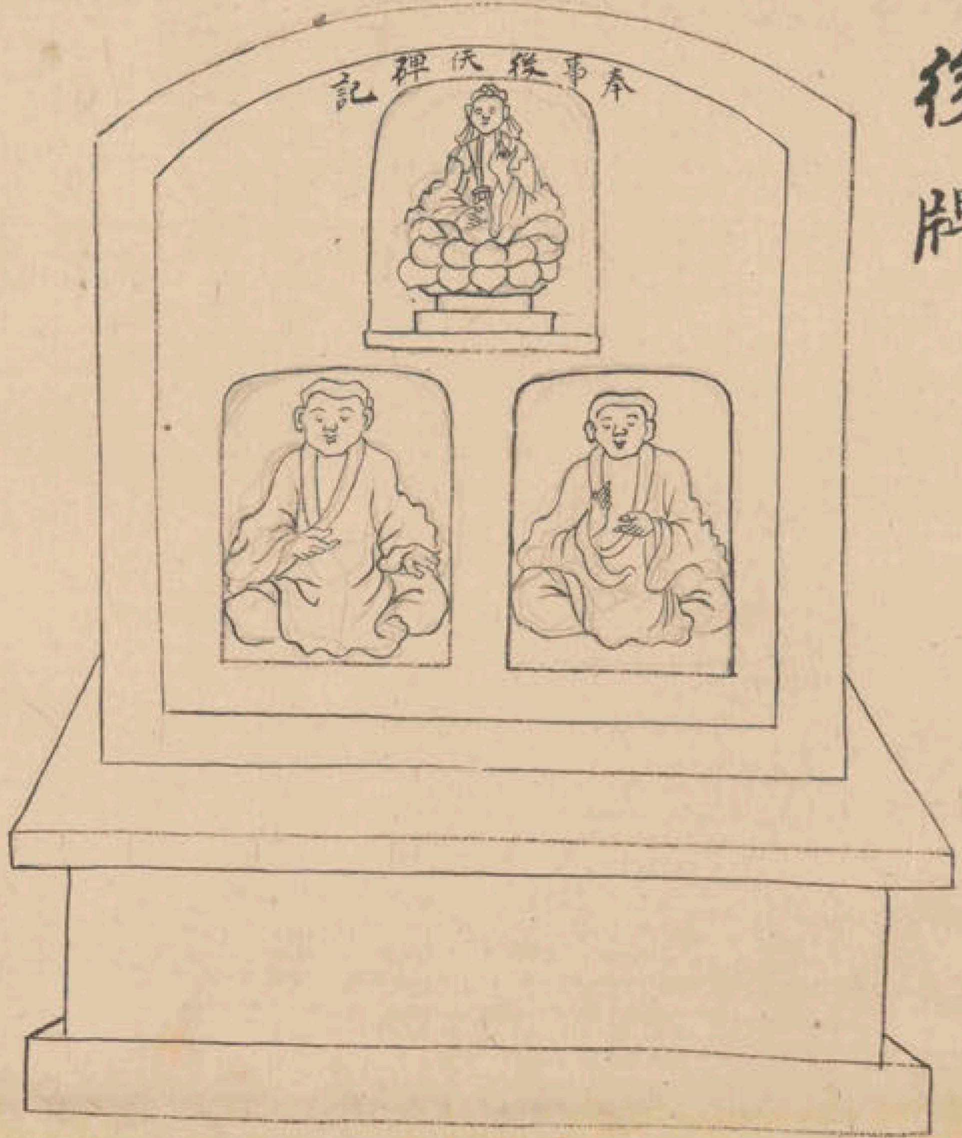

二千三百六十四

2364

Lăng

陵

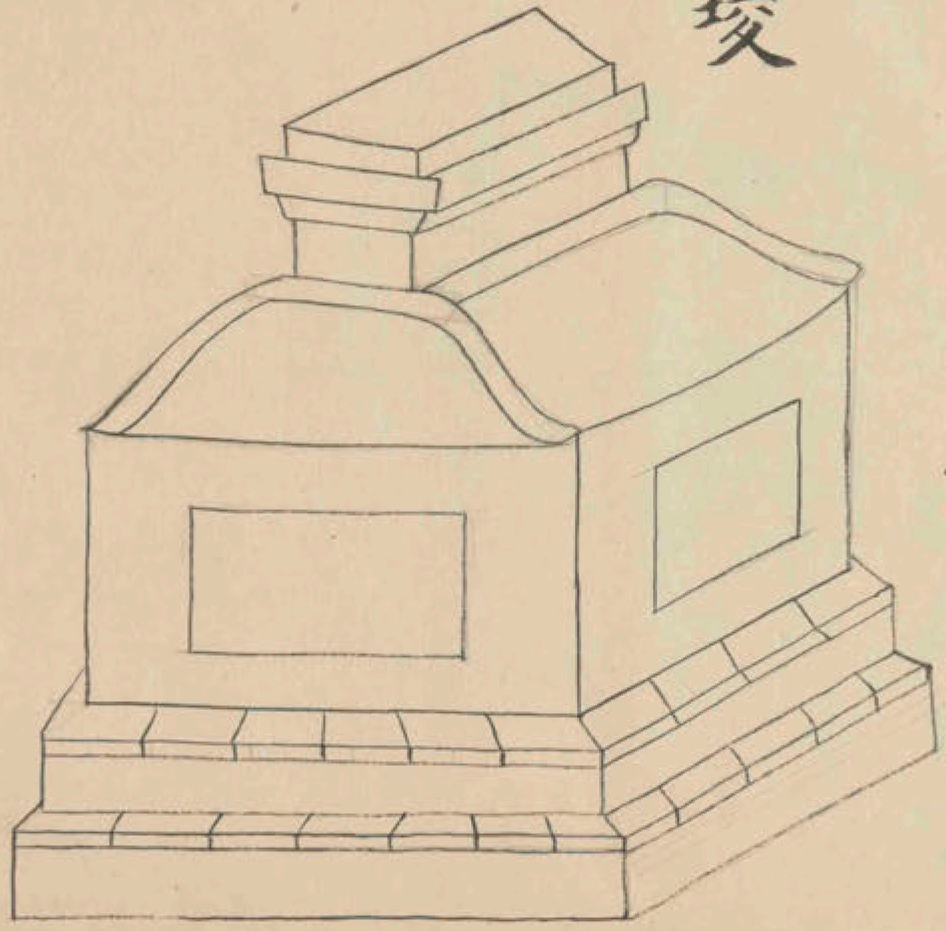

二千四百廿四

2424

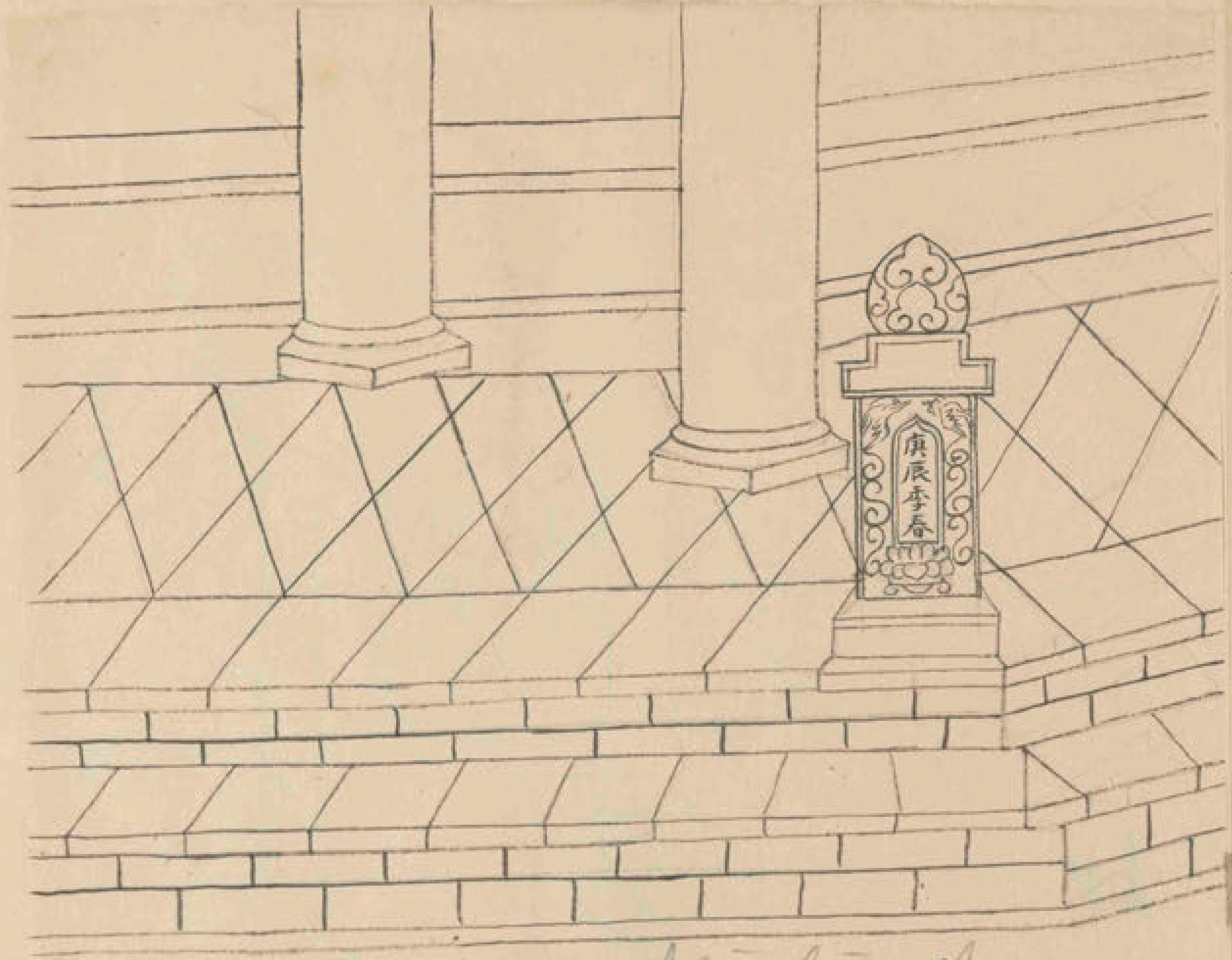

𨀈屐 茹鏨 thềm hè nhà đám

二千四三十二

2432

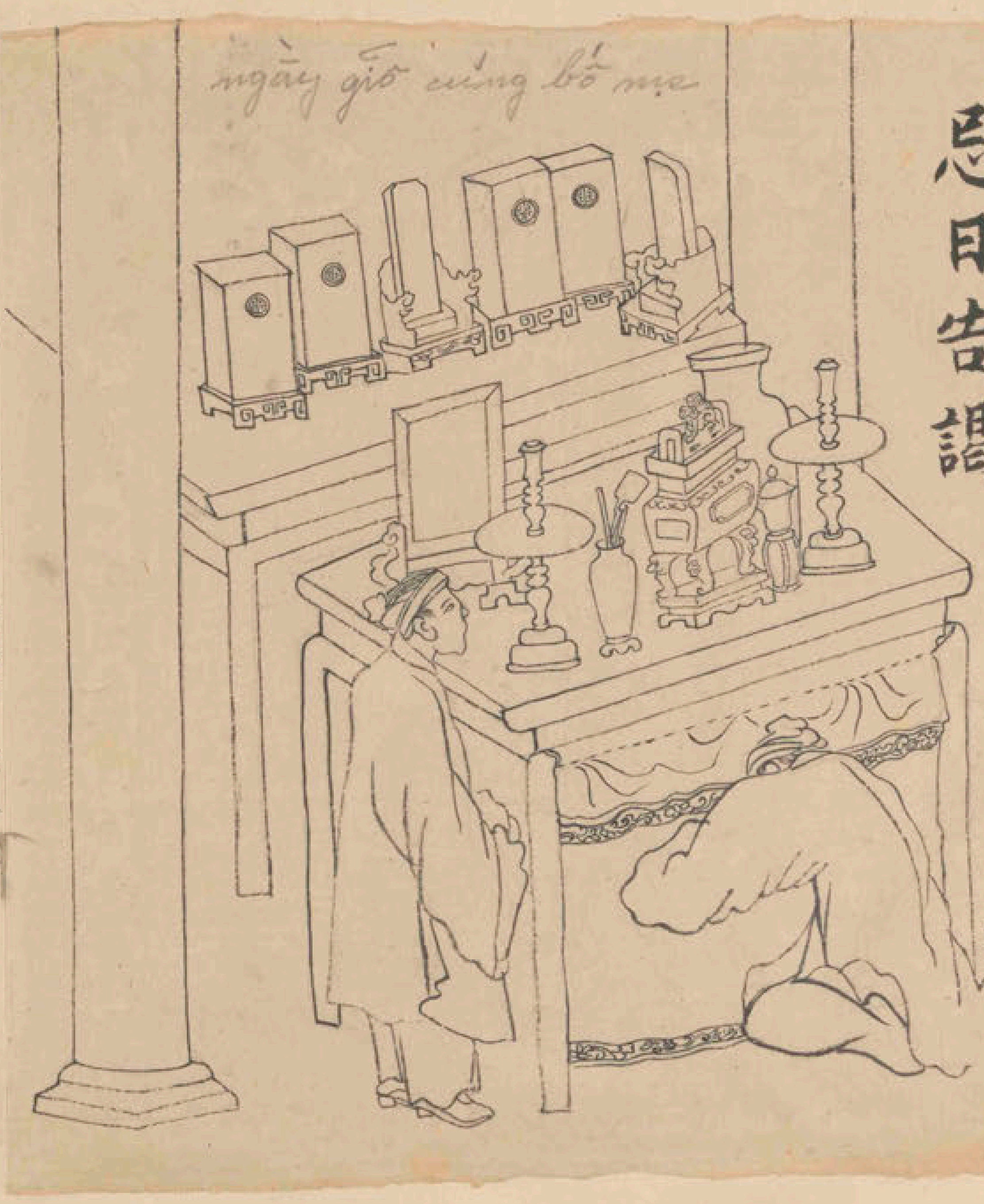

ngày giỗ cúng bố mẹ

忌日告謁 kỵ nhật cáo yết

二千二百十一

2211

供 | cúng cơm ngày chết bách nhật

鎣 屢

2432 十二

供粡得𣩂百日

cúng cơm ngày chết bách nhật

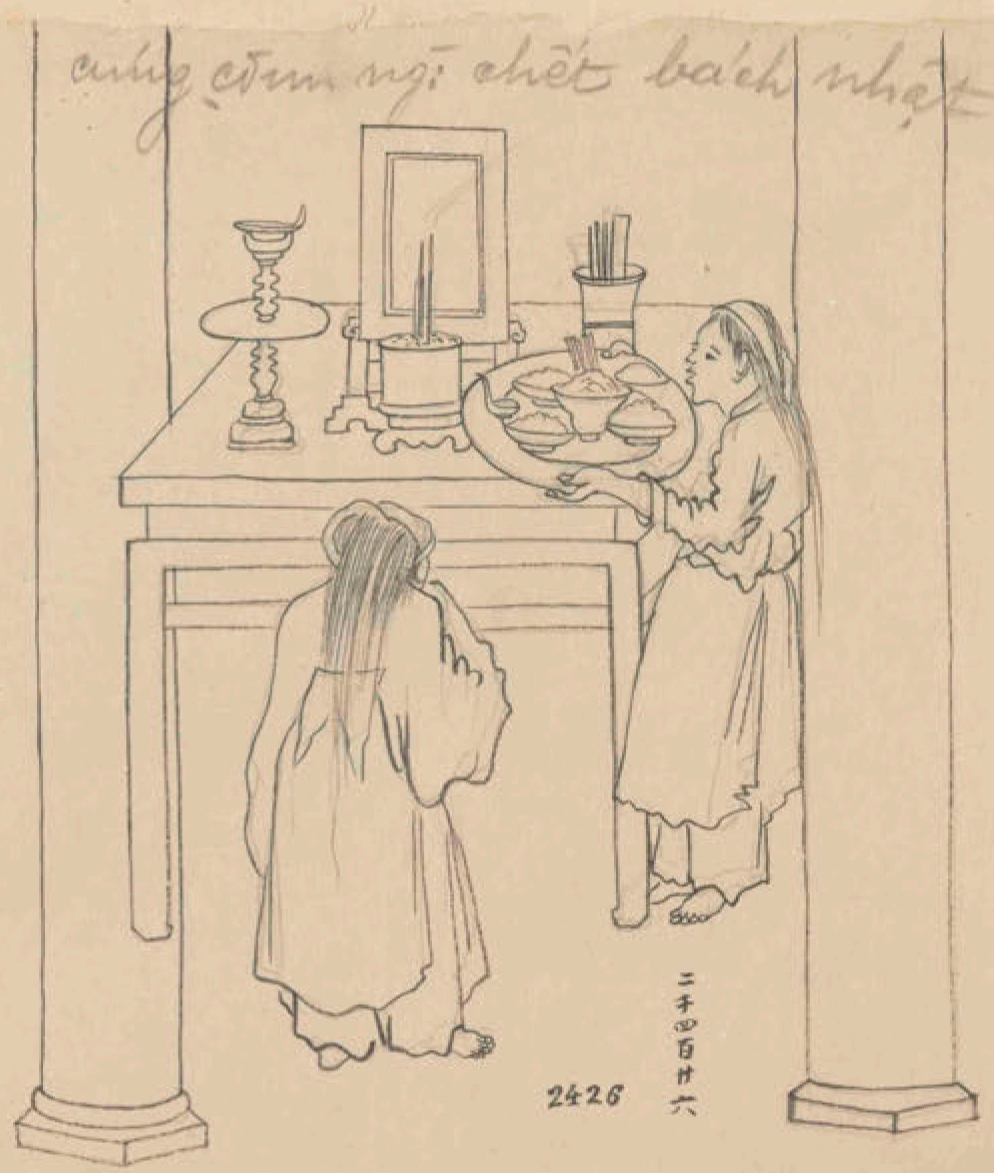

二千四百廿六

2426

tháp

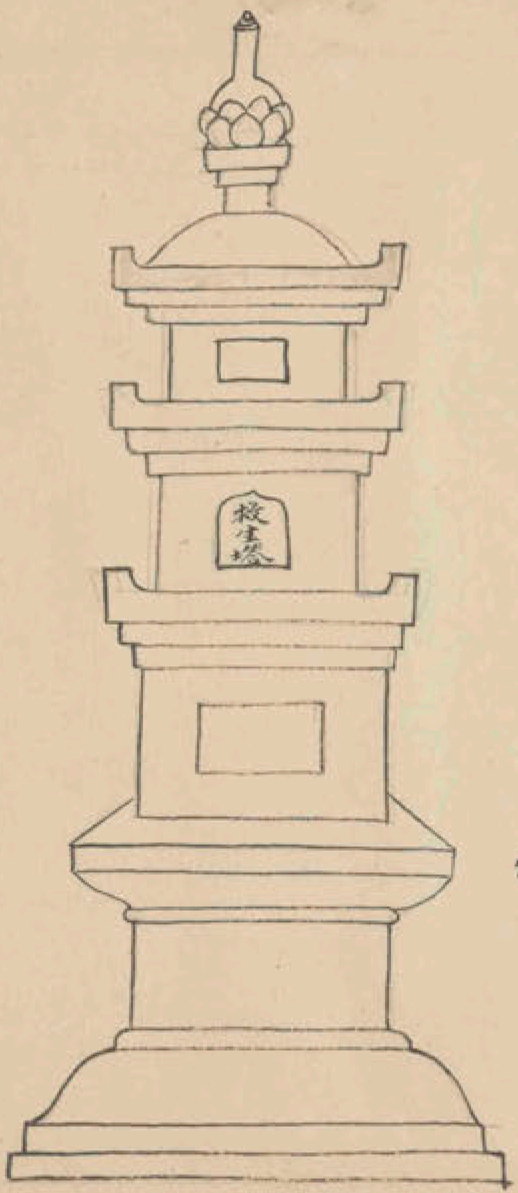

二千四百廿八

2428

rước tiết linh

逴接靈

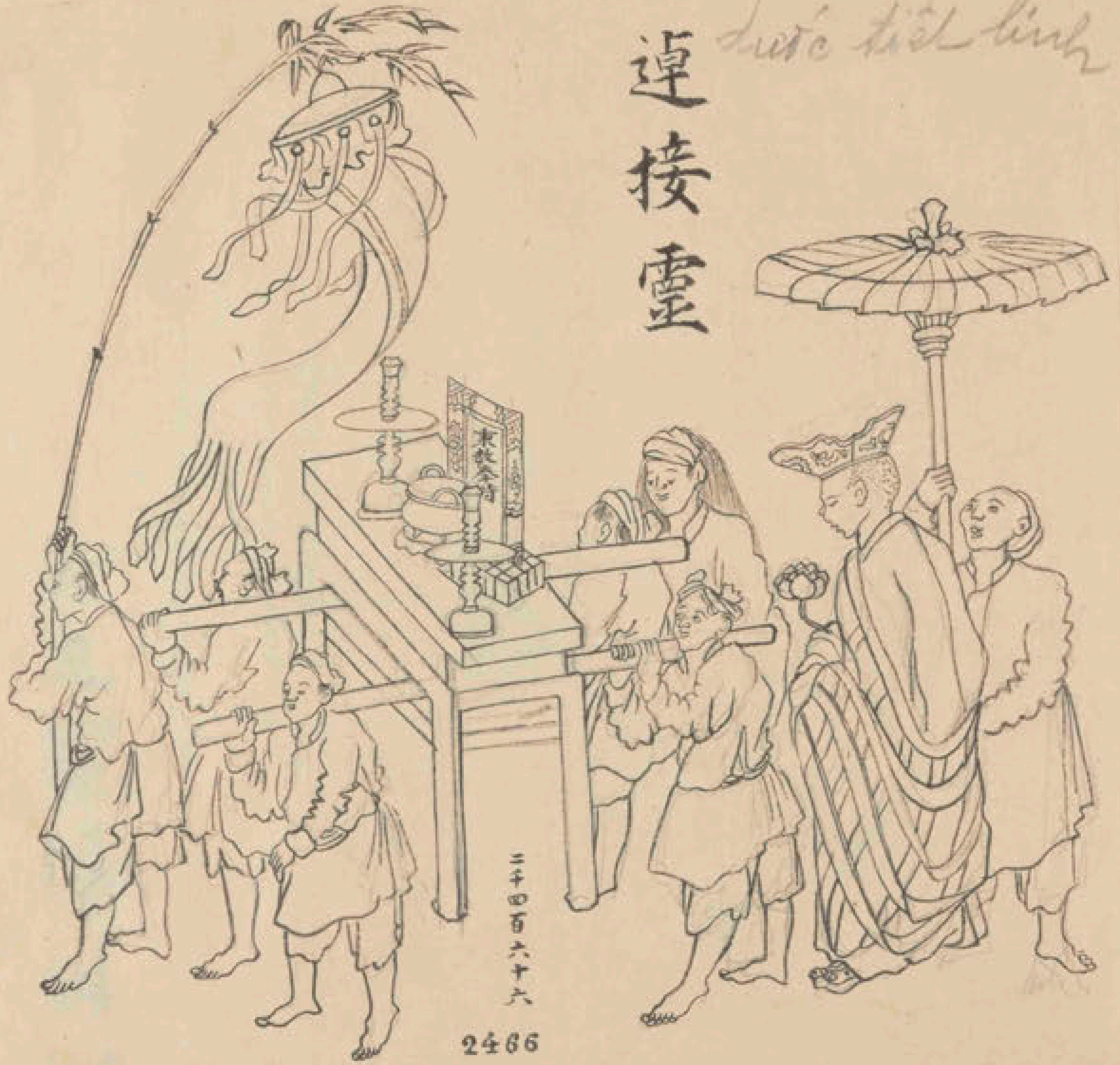

二千四百六十六

2466

Lăng sây hậu hanh

堎礎後彭

二千四百三十一

2431

tuống hoa

2466

千四百
十一

2461

tường hoa

牂
⿱艹⿱土一

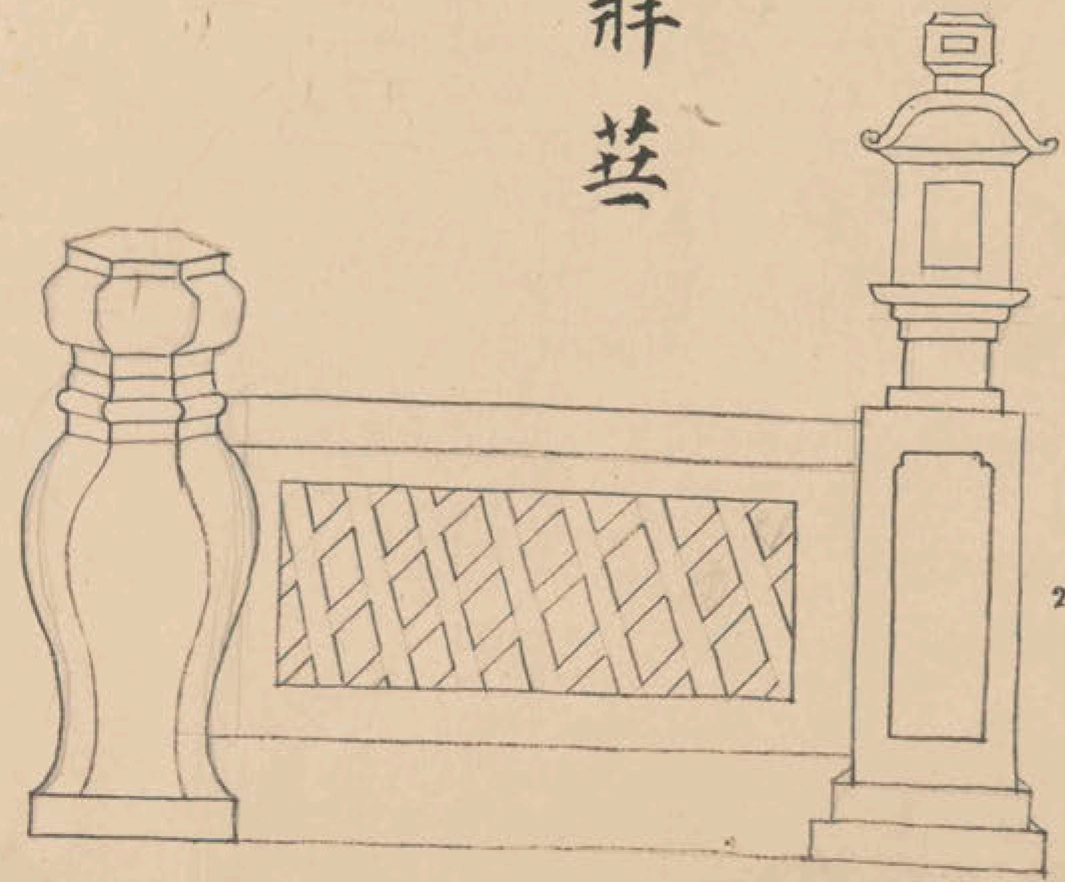

二千四百三十

2430

thợ ruộm cán vàng vải

𠐤
⿰氵⿱隹木
⿰扌禁
氷

二千四百六十八

2468

bộ tam sự vuông

部三事掄

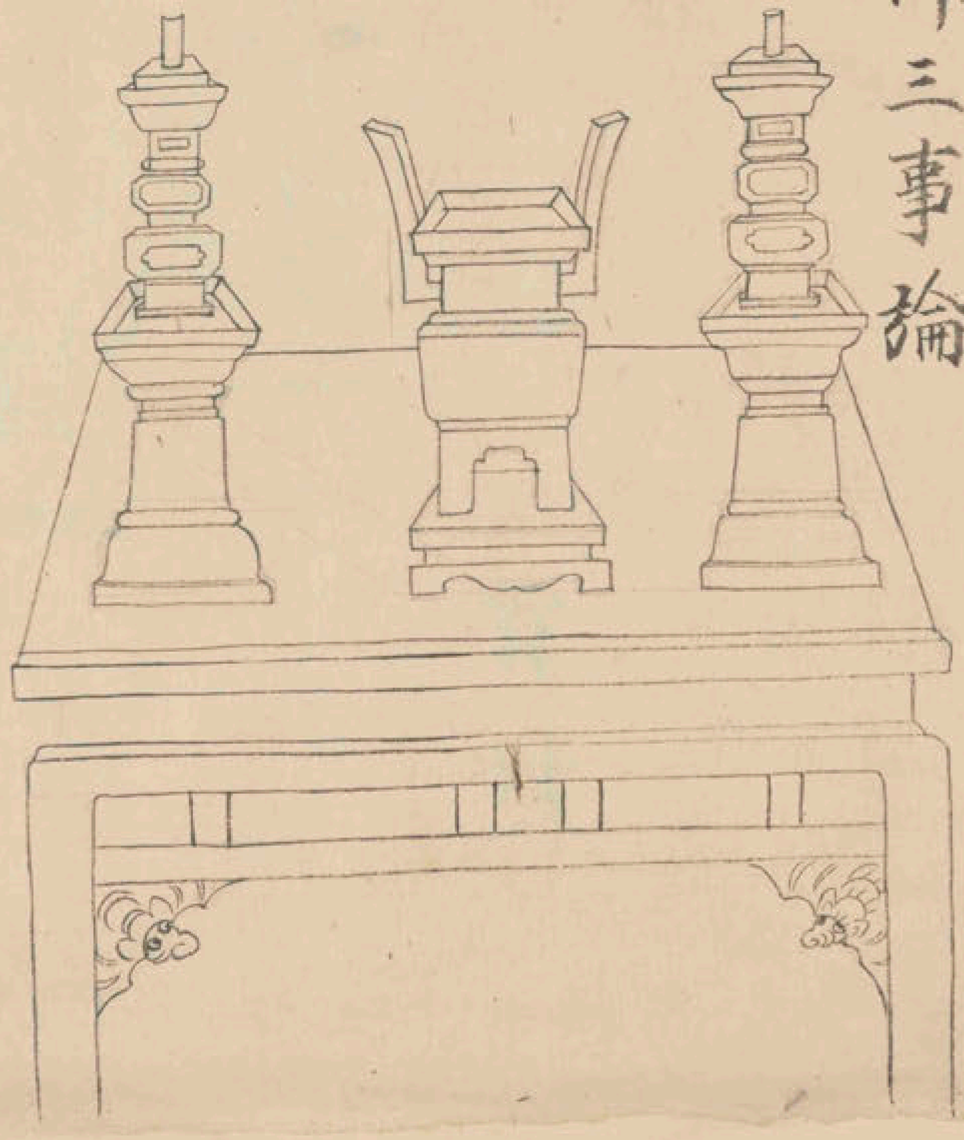

二千四百八十

2480

Bút đá

石筆

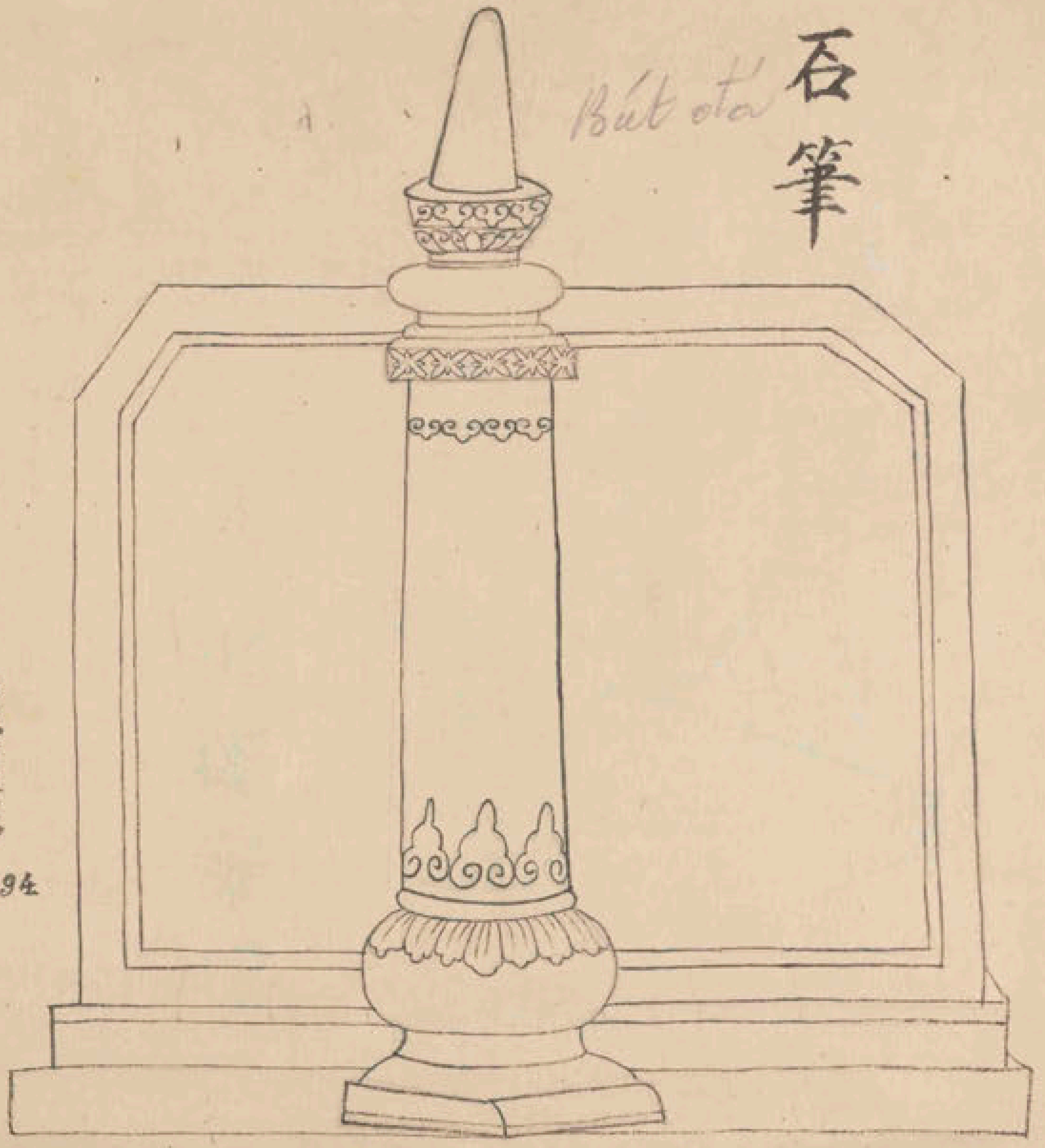

二千四百九十四

2494

tế đàn mua

喪

cành hoa mai bằng ốc

梗

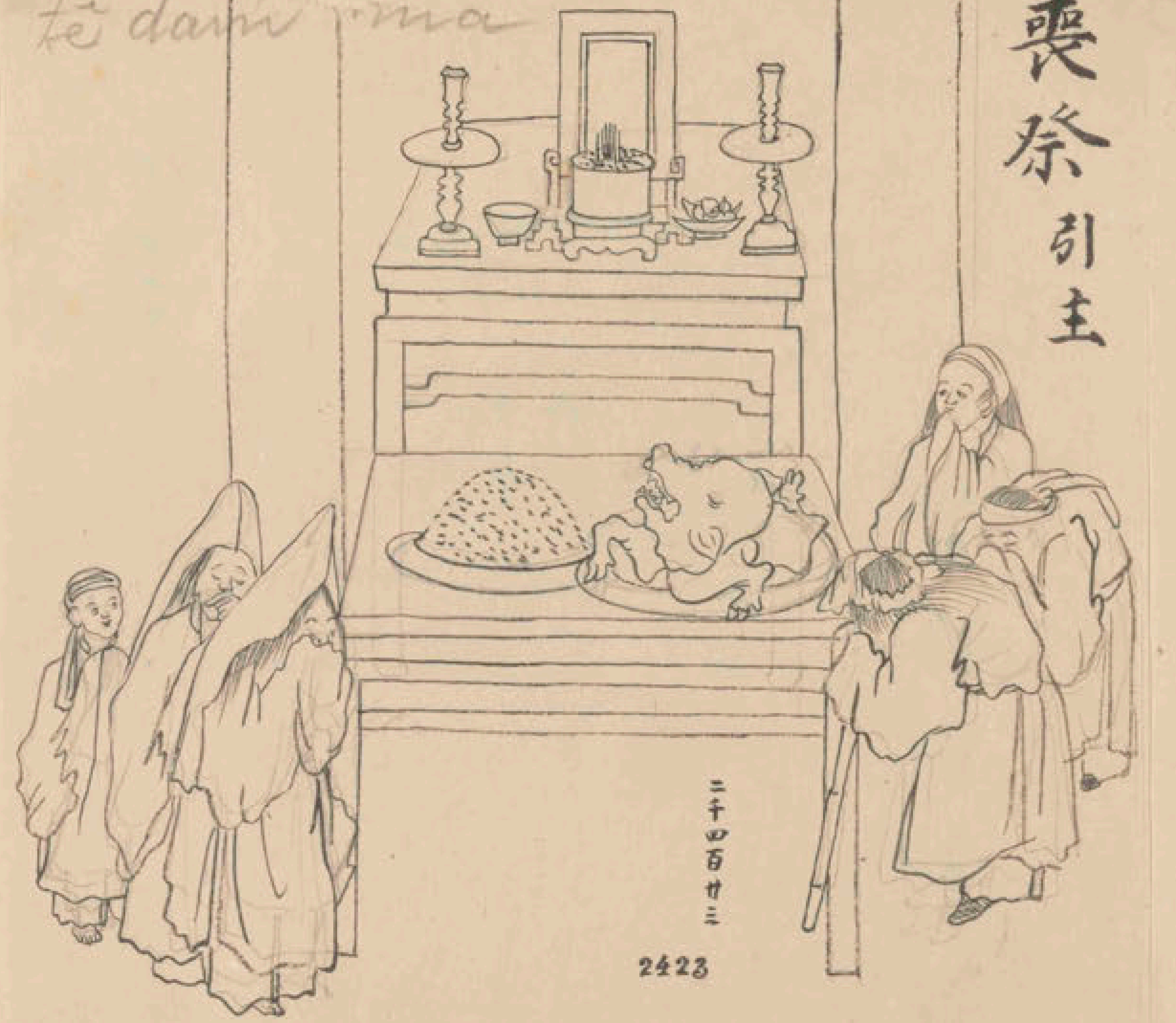

tế đám ma

喪祭
引主

二千四百廿三
2423

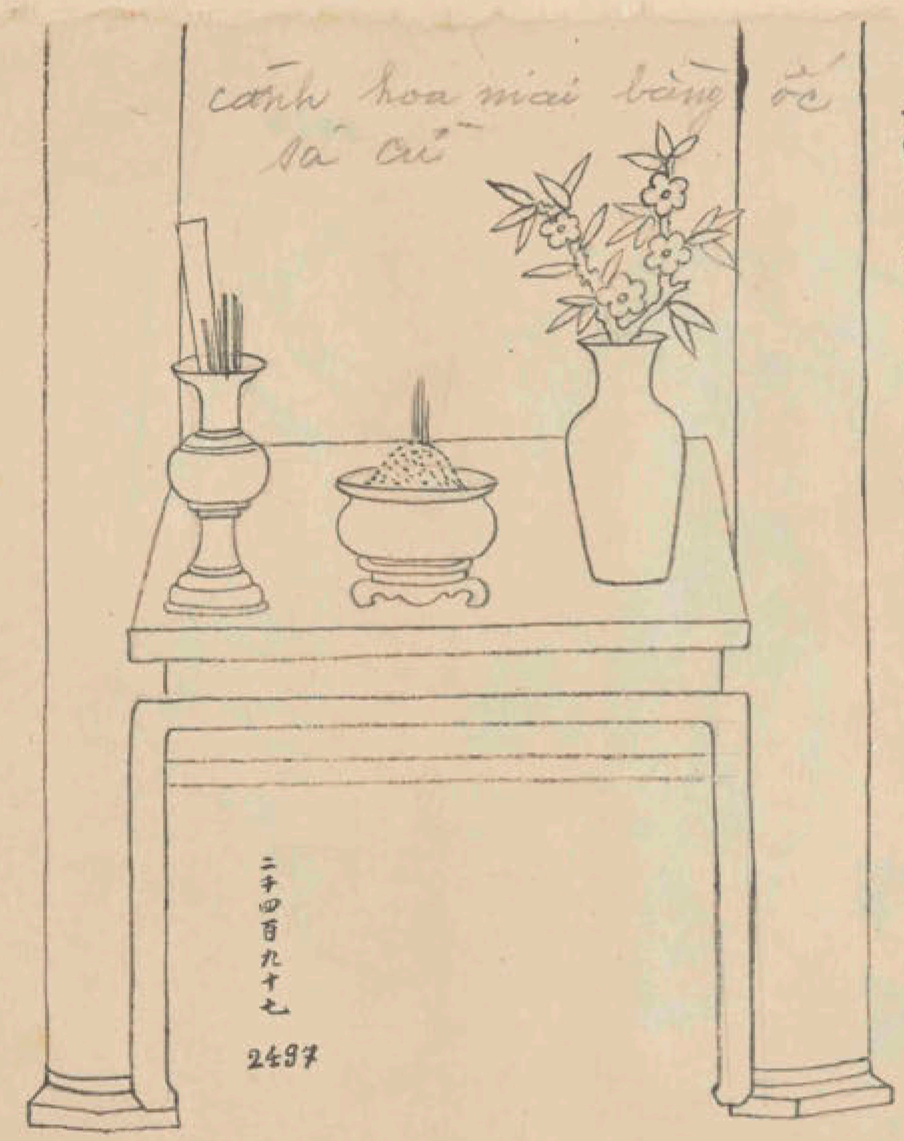

cành hoa mai bằng ốc sà cừ

梗花枚朋沃

二千四百九十七
2497

cứu chú con đuổi nước

救穉⿰𧾷昆濧渃

二千七百廿五

2725

tế tơ hồng

祭絲紅

二千一百一

[redacted]

2101

Vành cối

đai che

[redacted]

2101

Lên đồng chị bịnh

逢童治病

二千四百九十八

2498

Tụng kinh

誦經

二千四百九十六

2496

蹄丹朋
織鍮

Hia đan bằng chỉ thẩu

二千四百八十七
2487

荼佪俠
唆席

Thầy Đồ hầu ăn tiệc

二千四百九十二
2492

thầy pháp phụ trưởng

cửa cầu
ngọc sơn

thầy pháp phụ trượng
bắt tà

柴法負杖
扒邪

二千三百一

2301

cửa cầu
ngọc sơn

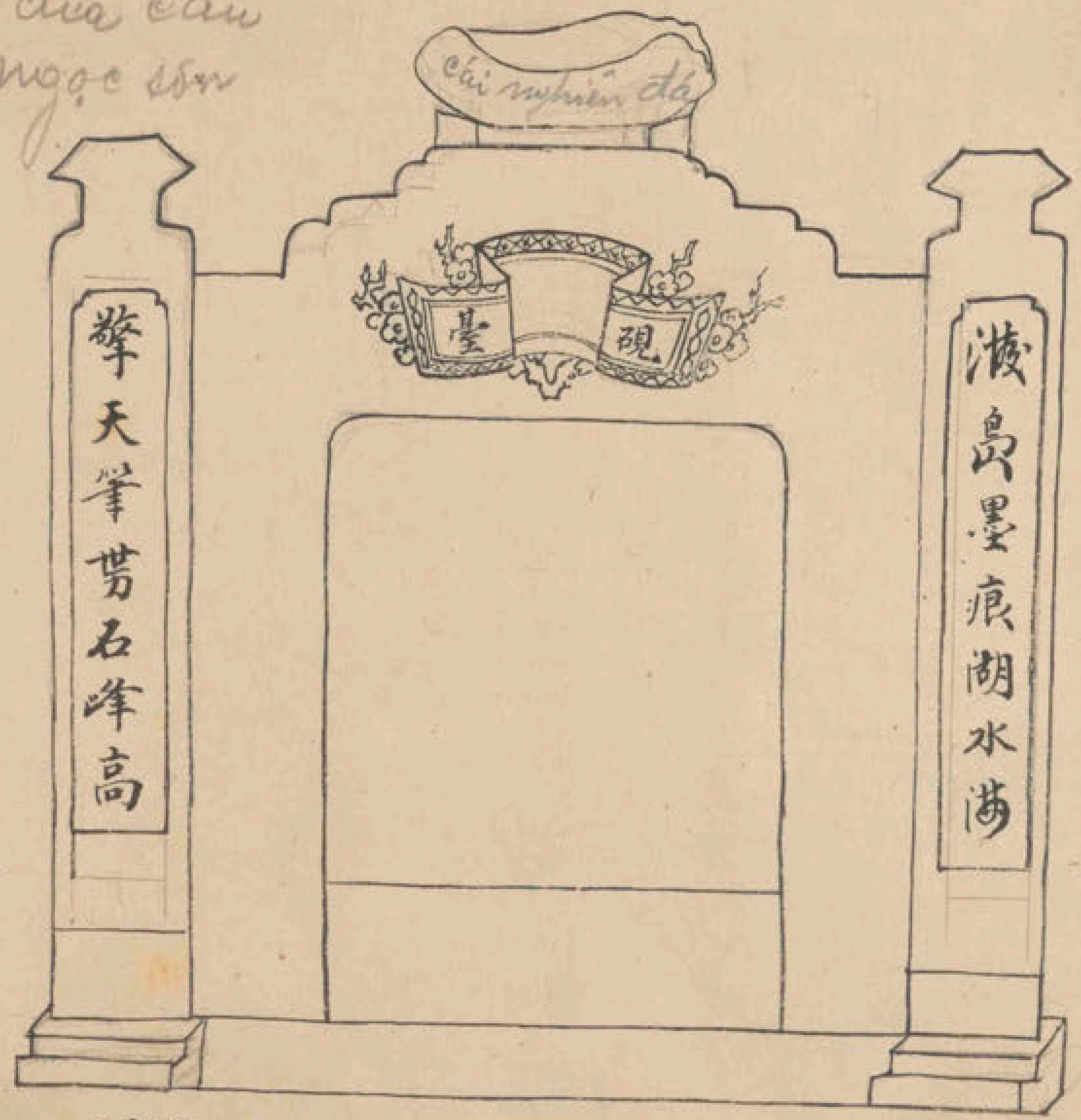

二千三百六

2306

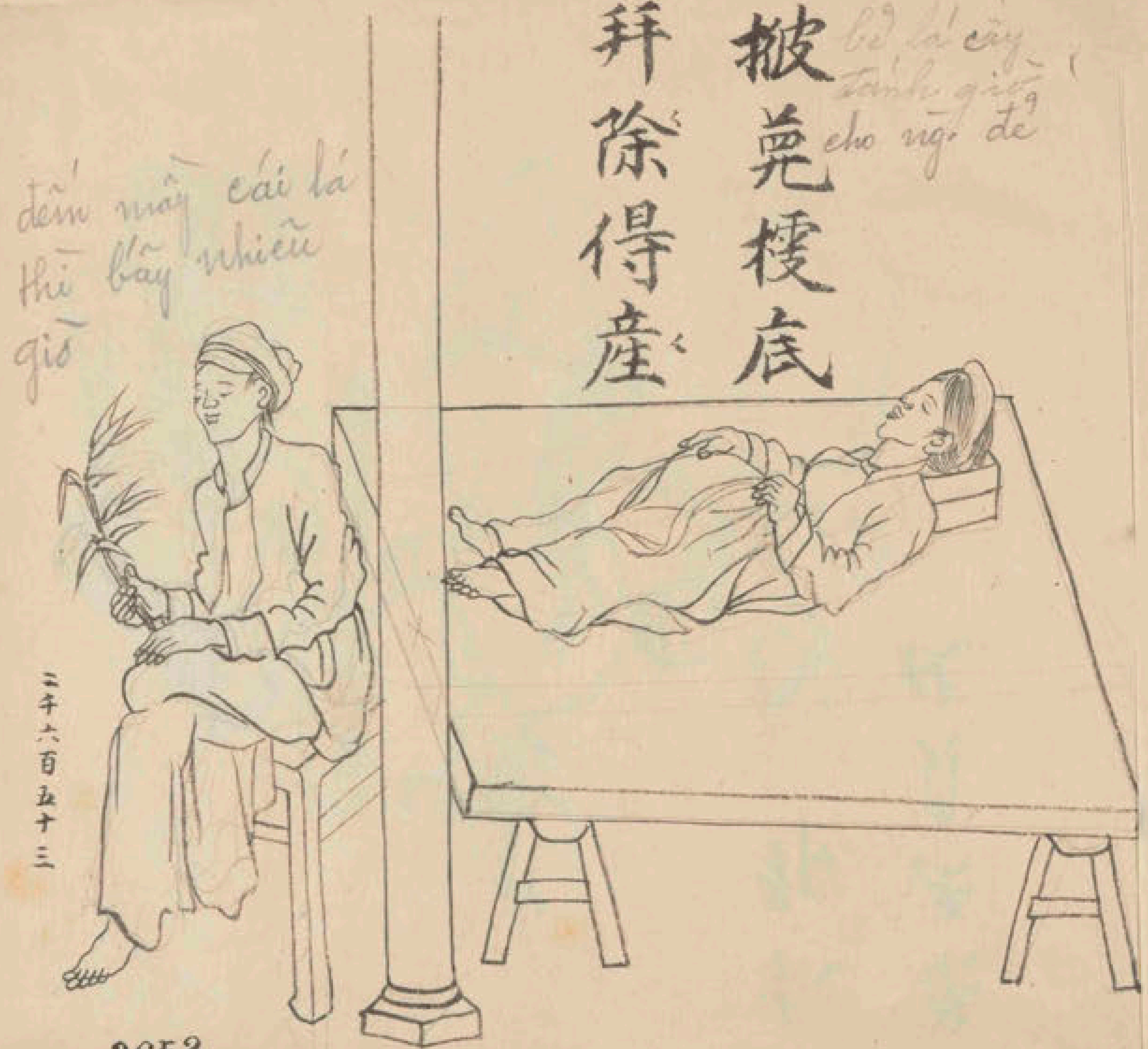

擻莵樓底
拜除得産

二千六百五十三

2653

quim kêu thời có khách

鴗𠮾辰
固客

二千七百三十九

2739

câu cá

2653

câu cá

勾𩵜

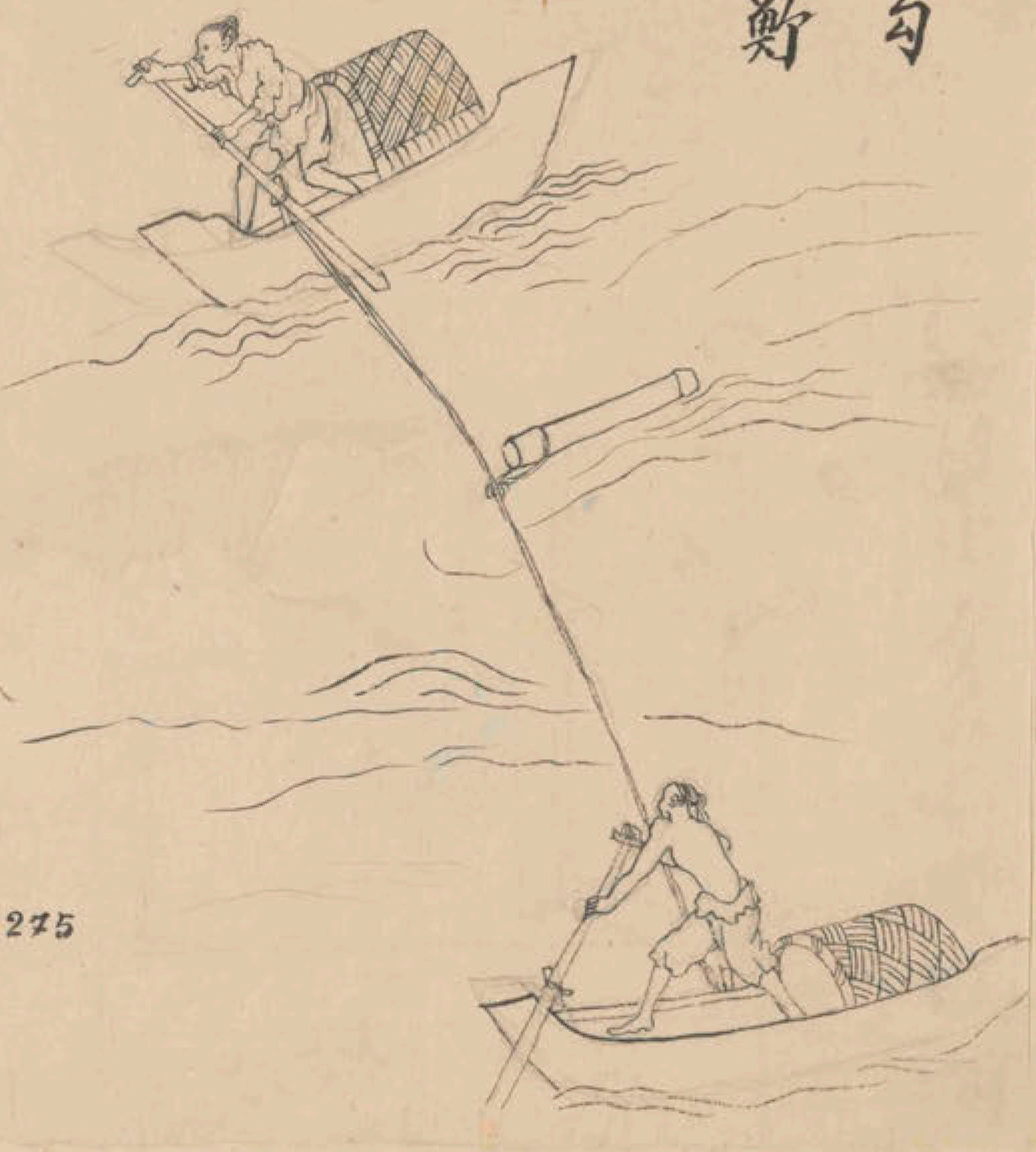

二千二百七十五

2275

ngồi quồng tơ

得狂絲

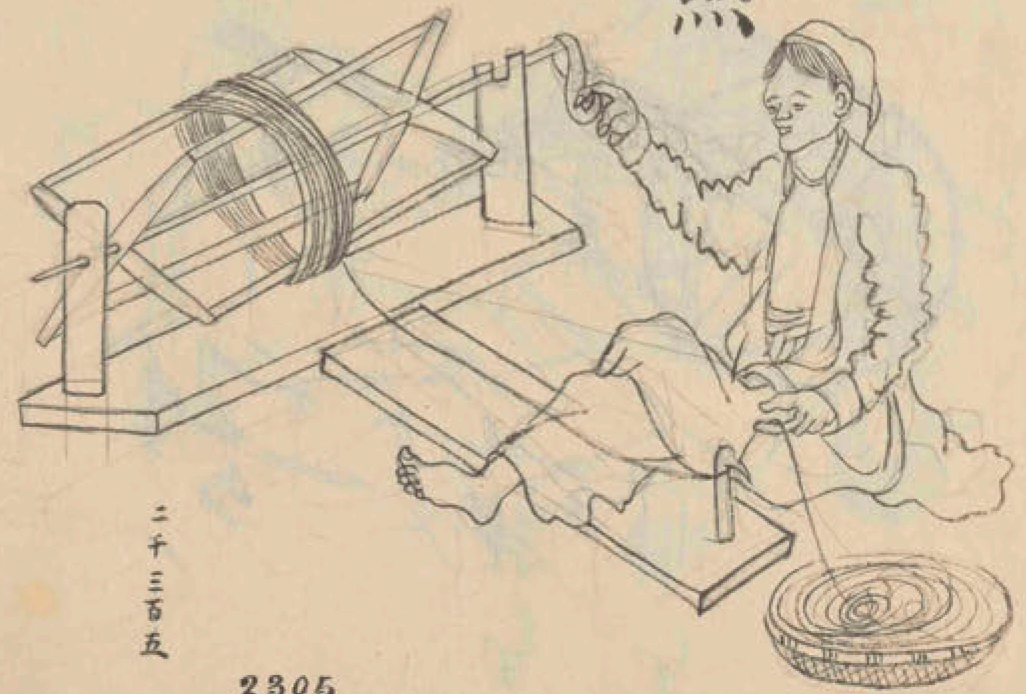

二千三百五

2305

9 18

Tong cửa nhà thờ khg cho chú để vào

埬𨷯茹蜍空朱住壻包

二千五百八

2508

úp cái quoach
lên cái quoan

挹丐槨
連丐棺

二千五百十

2510

Chú để lại một

Chú rể lại mặt

佳壻夾輌

二千五百六
2506

Cáo chín đuôi = hồ cửu vĩ

狐九尾

二千五百七
2507

nhĩ nhiệt pháp
= nóng tai

耳熱法

子 主有僧道
丑 主有酒食
寅 主有喜氣
卯 有遠人來
辰 主有財喜
巳 主失財物
午 事來大吉
未 主有客至
申 主有慶喜
酉 主女子至
戌 主有爭訟
亥 主有是非

二千七百四十二

2742

mặt kính

畑掄栖鏡

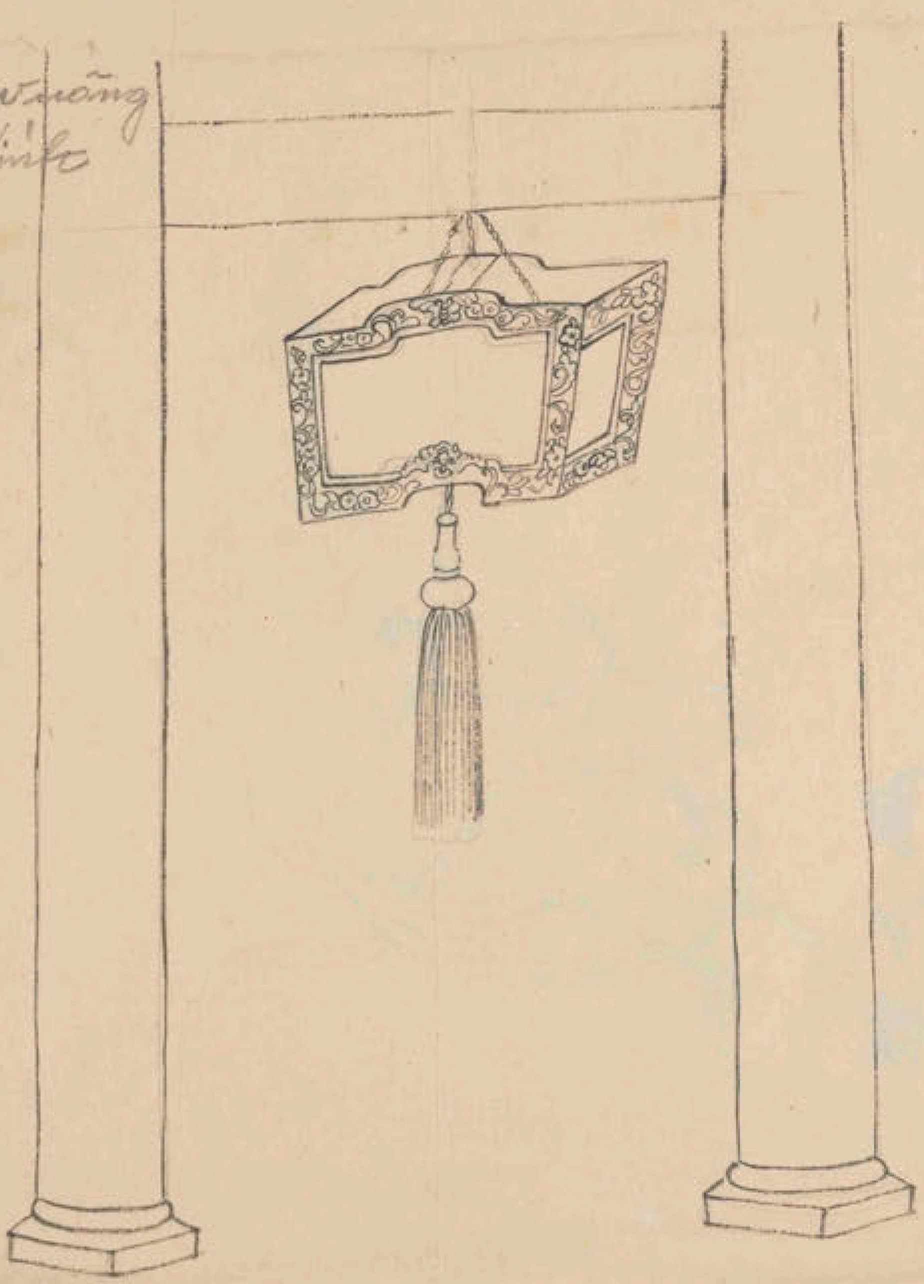

二千五百十一

2511

vằm mới đổ nước

chửi mẹ mắng cha, thác xuống âm

全女 喜有

2742

2511

𨱽買堵 渃[illegible]行

nấm muối đổ nước mở hàng

二千一百六十七

2167

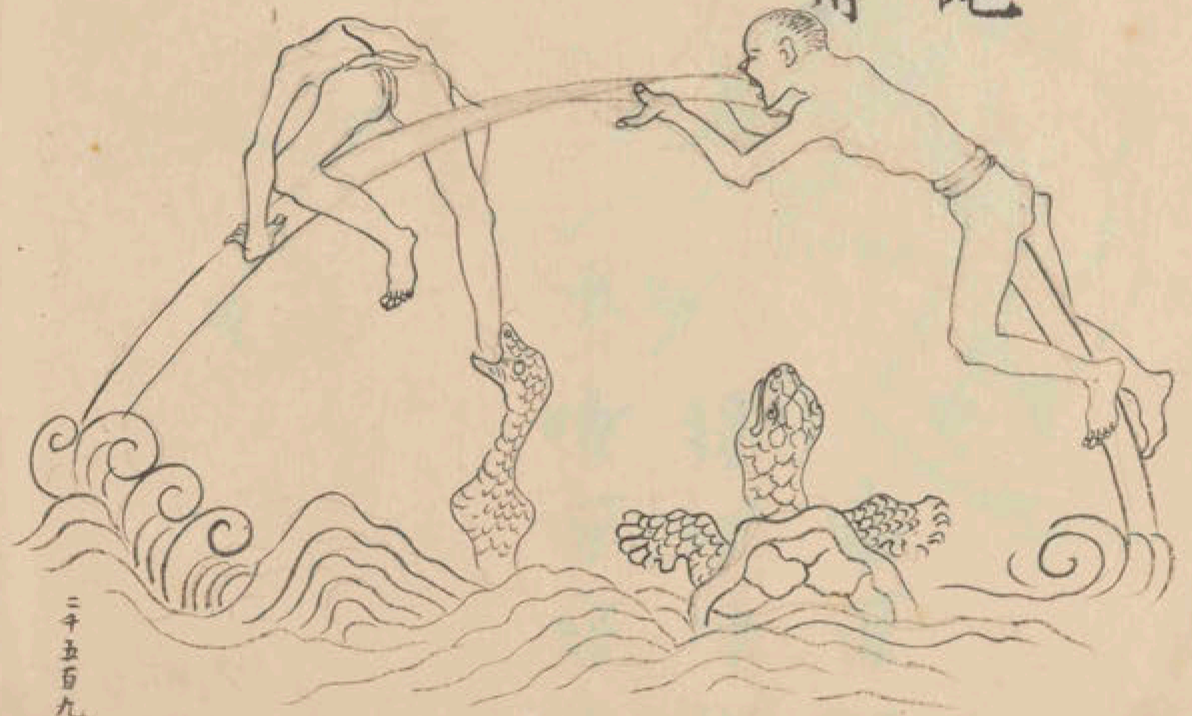

嚦媄謗吒 托𤿤陰府 撩戈 梂[illegible]

chửi mẹ mắng cha, thác xuống âm phủ leo qua cầu vồng

二千五百九

2509

920

Lăng

堎

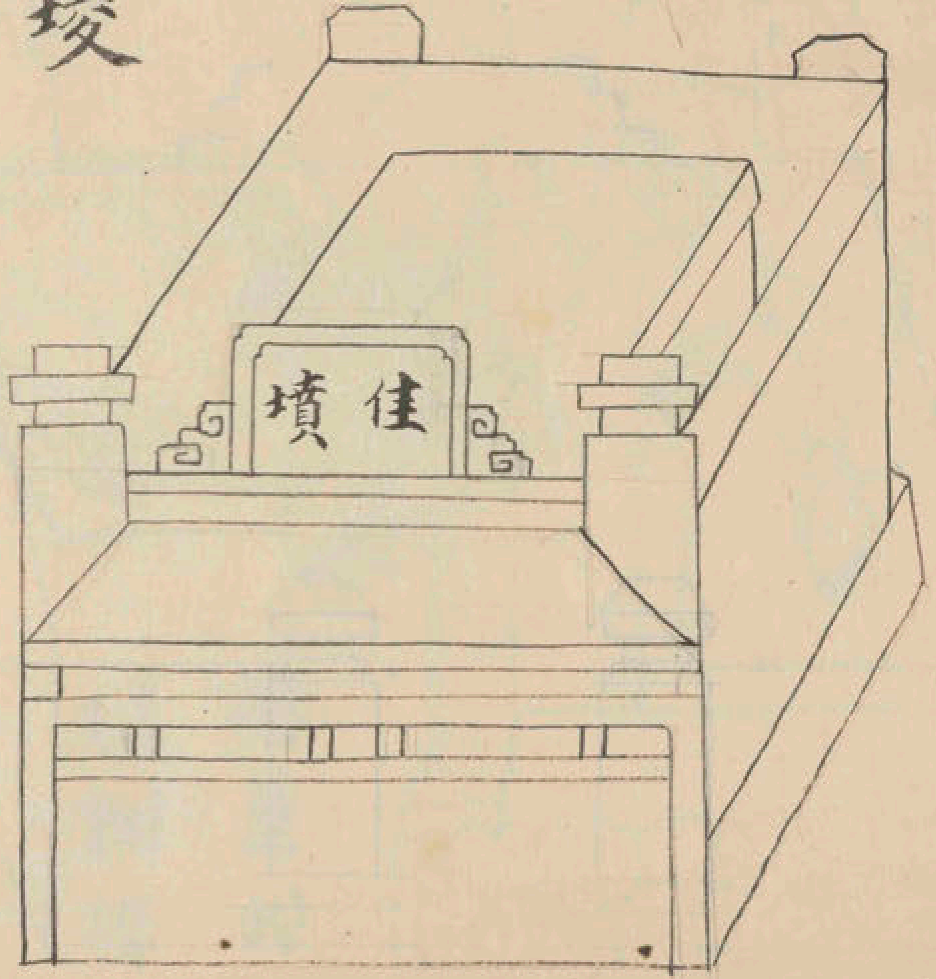

二千四百廿九

2429

Hay chồn học thì phải ôm cối đá rã hiệu

rã hiệu = phơi nắng

能逍學
辰沛伐揞
會𥒥遮𣋽

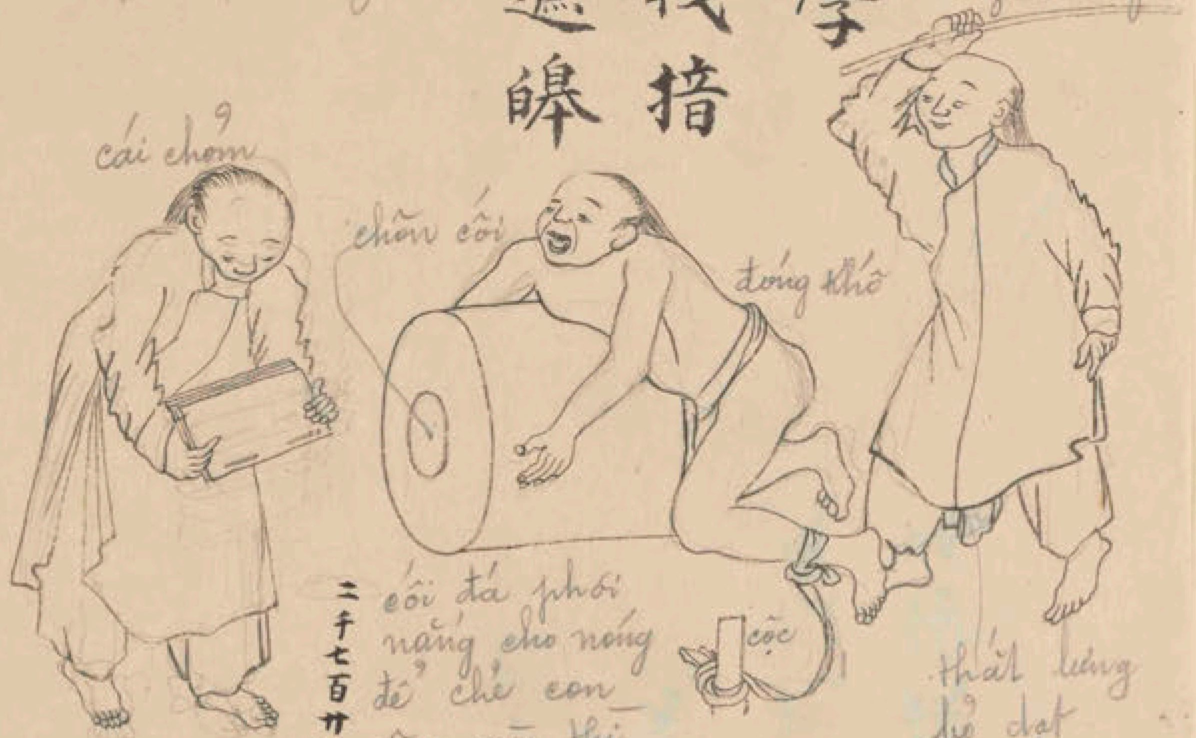

二千七百廿六

cối đá phơi nắng cho nóng để chả con ôm vào thì nóng bụng.

2726

2726

nhà bè

茄柀

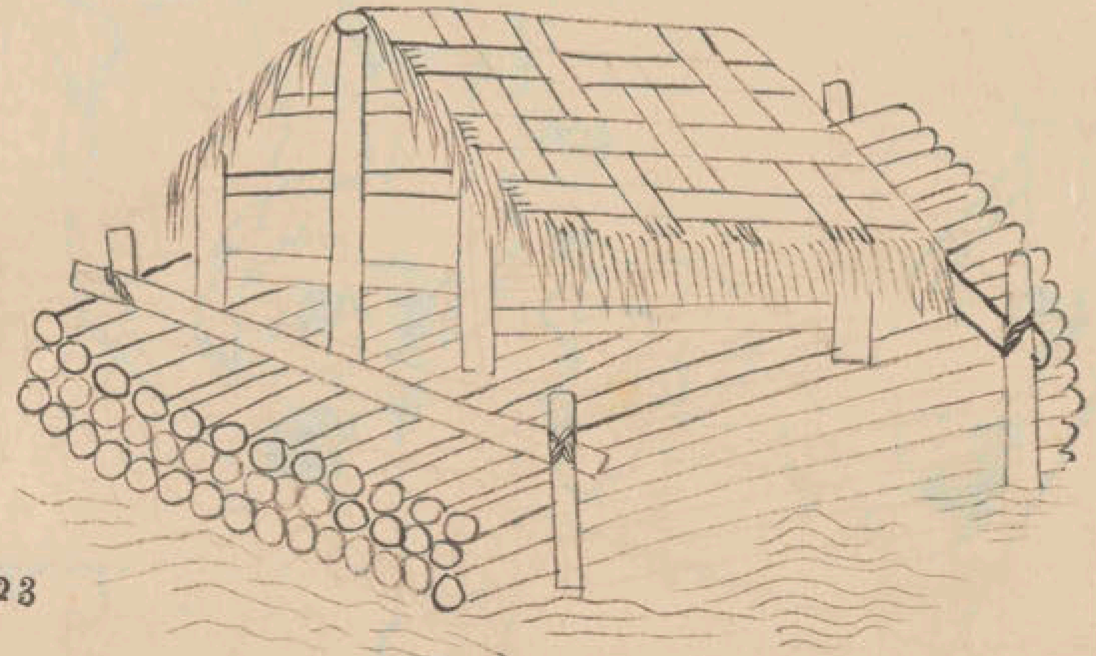

二千五百廿三

2523

cáng mai

擀枚

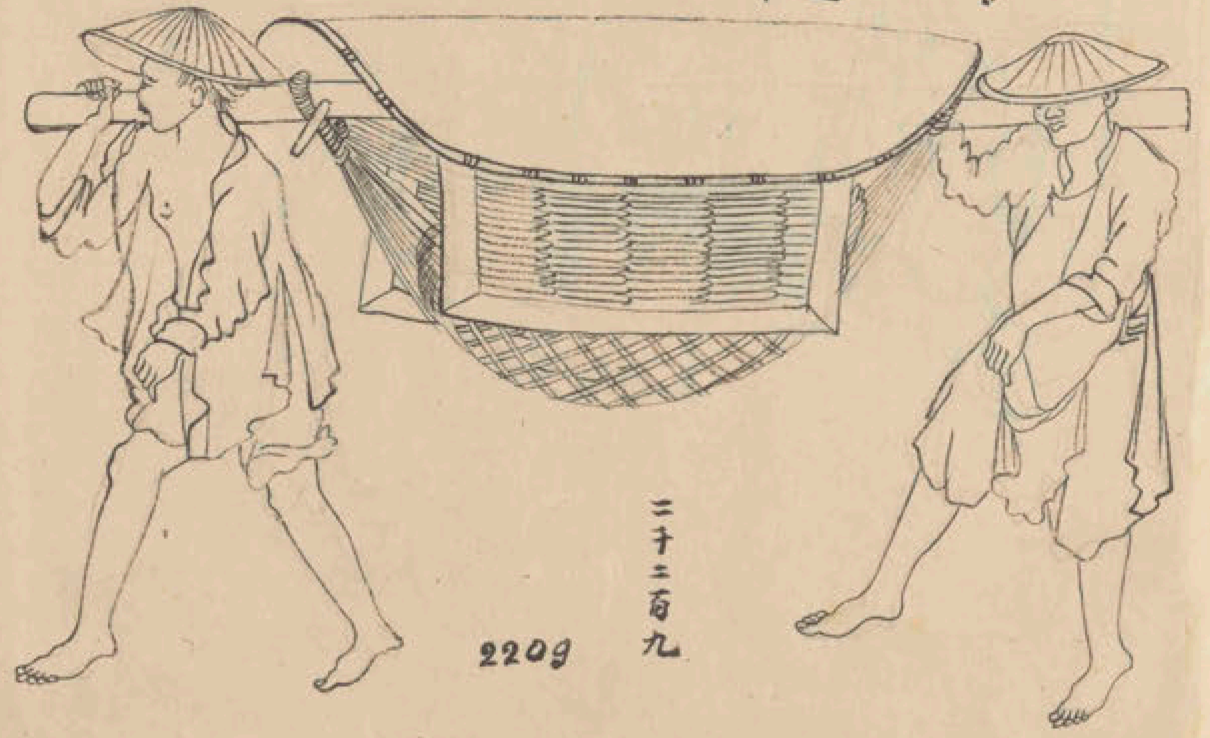

二千二百九

2209

921

塔构行包眜敎底袦渃眜塔得能肝

2160 二千一百六十

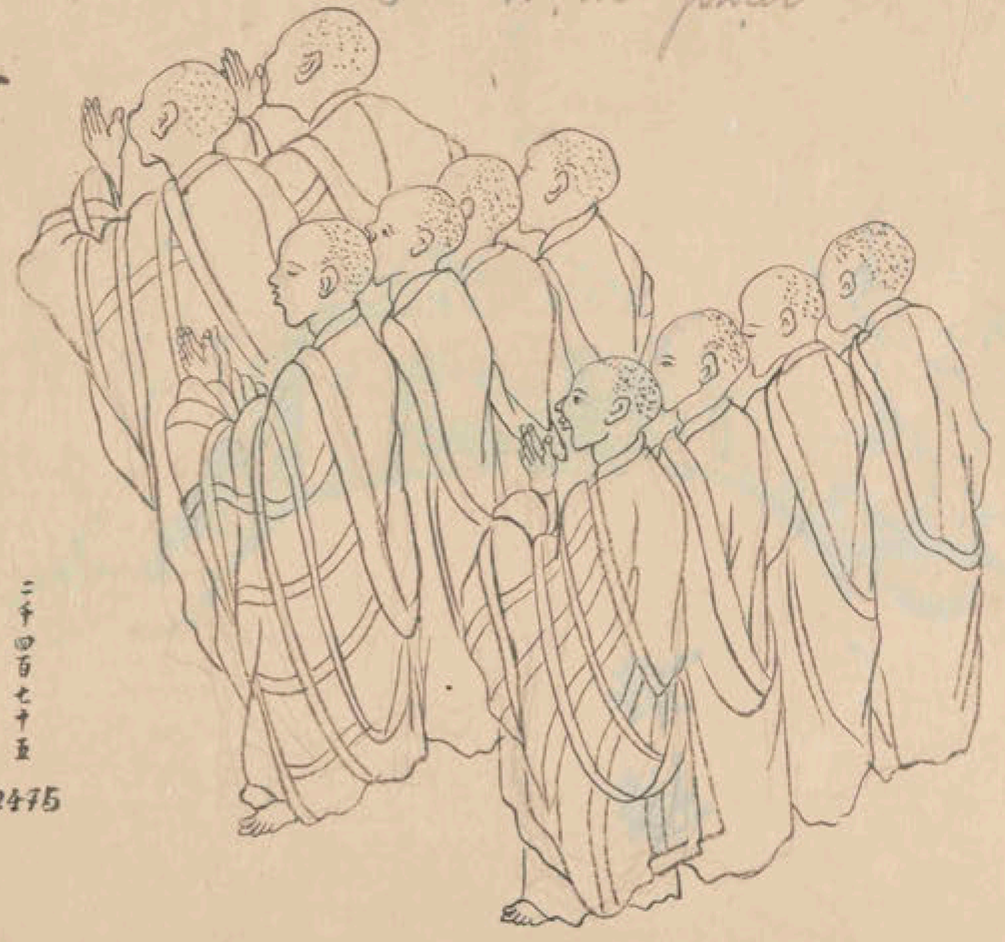

師礼佚

Sư niệm phật

二千四百七十五 2475

Đền thất tinh

供翁𪖫婆
俚底櫓樸

cúng ông mũi bà lái
để nhổ sào

二千三百六十三

2363

Đèn thất tinh

烟七星

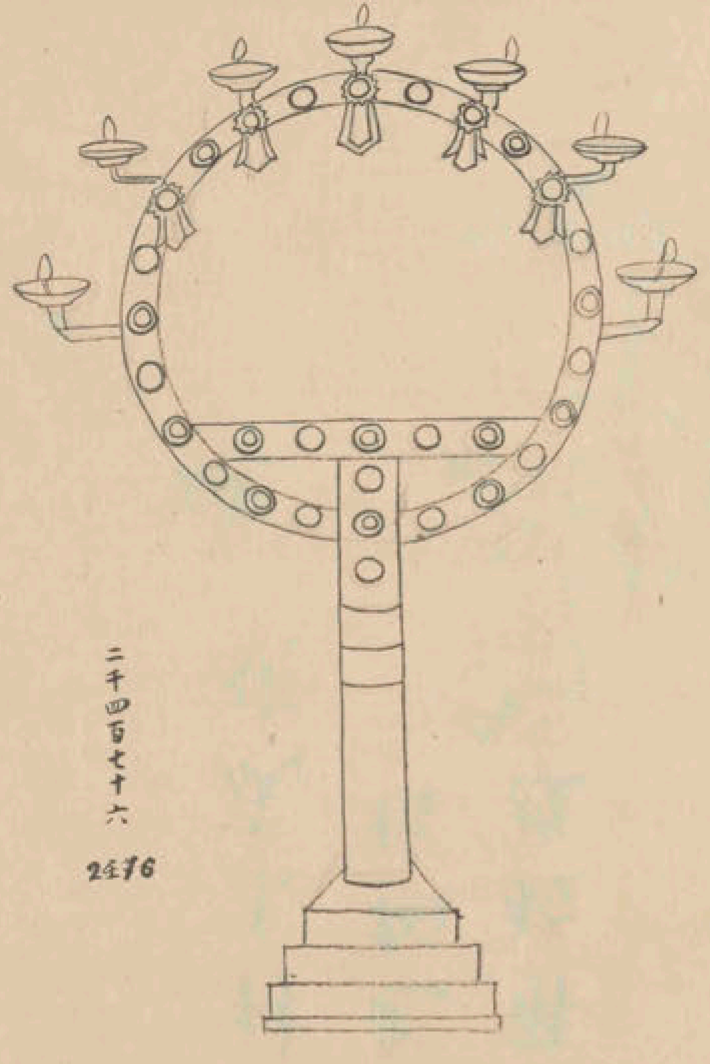

二千四百七十六

2476

𫏾趍𠳨𡞕朱𡥵
辰翁布𫏾礼於
茹朱𡥵

Trước đi hỏi vợ
cho con, thì ông
bố trước lễ ở
nhà cho con

二千一百四十九

2149

解銘旌
𨑜𦁹棺
材耒底𡐙

giải ~~danh~~ bình tinh
xuống giữa
mặt quan tài
rồi để đất

二千五百三

2503

幔綫底焌禡

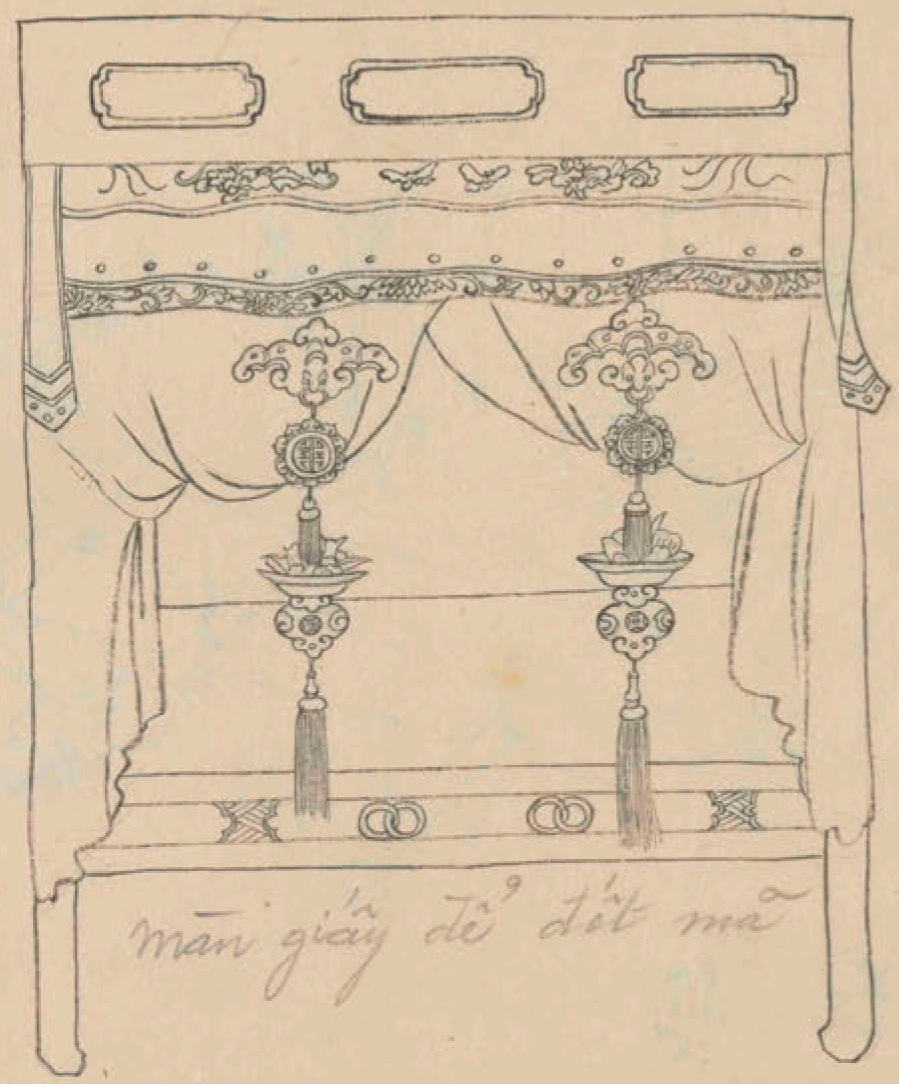

二千四百九十九

2499

祕婚趂喪

Cưới vợ chạy tang

二千一百五十二

2152

923

柣𠫾
攕崩

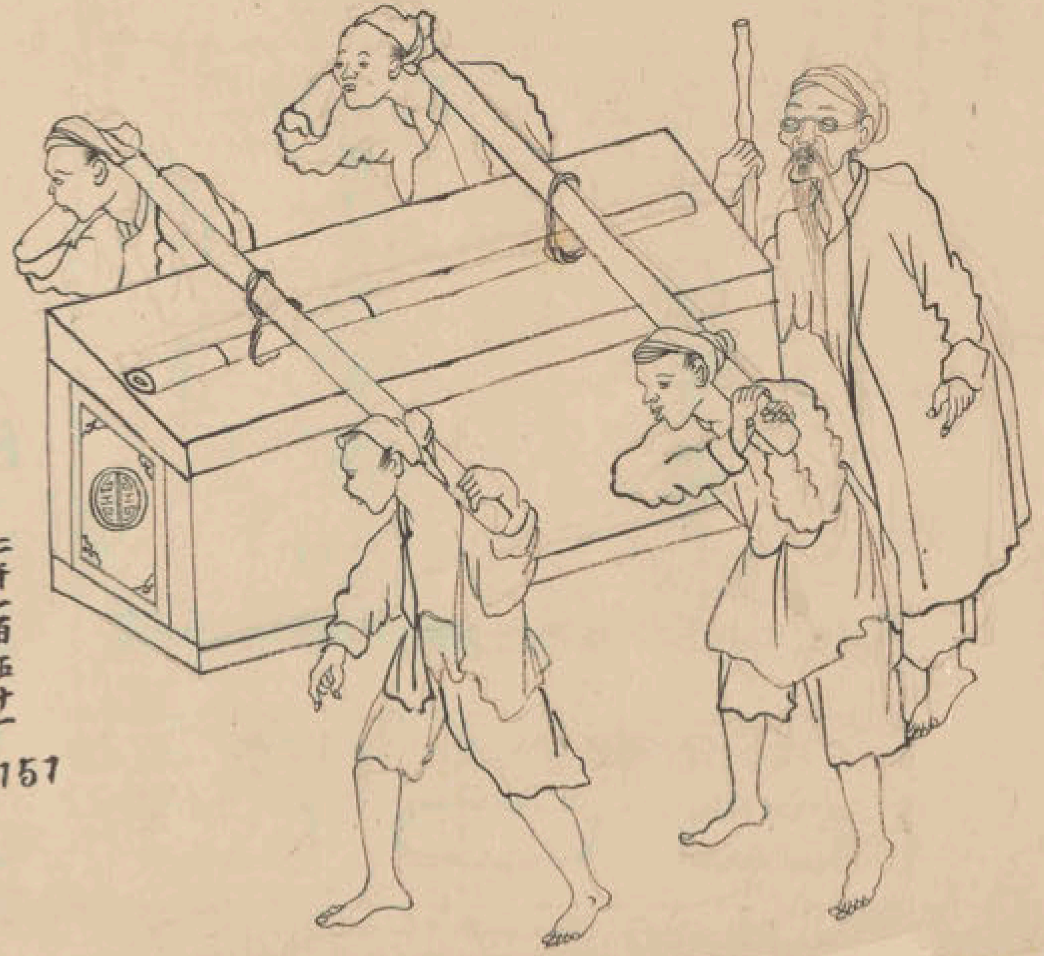

二千一百五十一

2151

𫯳茄固
得道𠫾
辰江裾
襖底燶
胖沛衛

二千六百五十二

2652

Thâu kéo cối đá làm nền nhà

𤛠拽會䃘𠂊埄茄

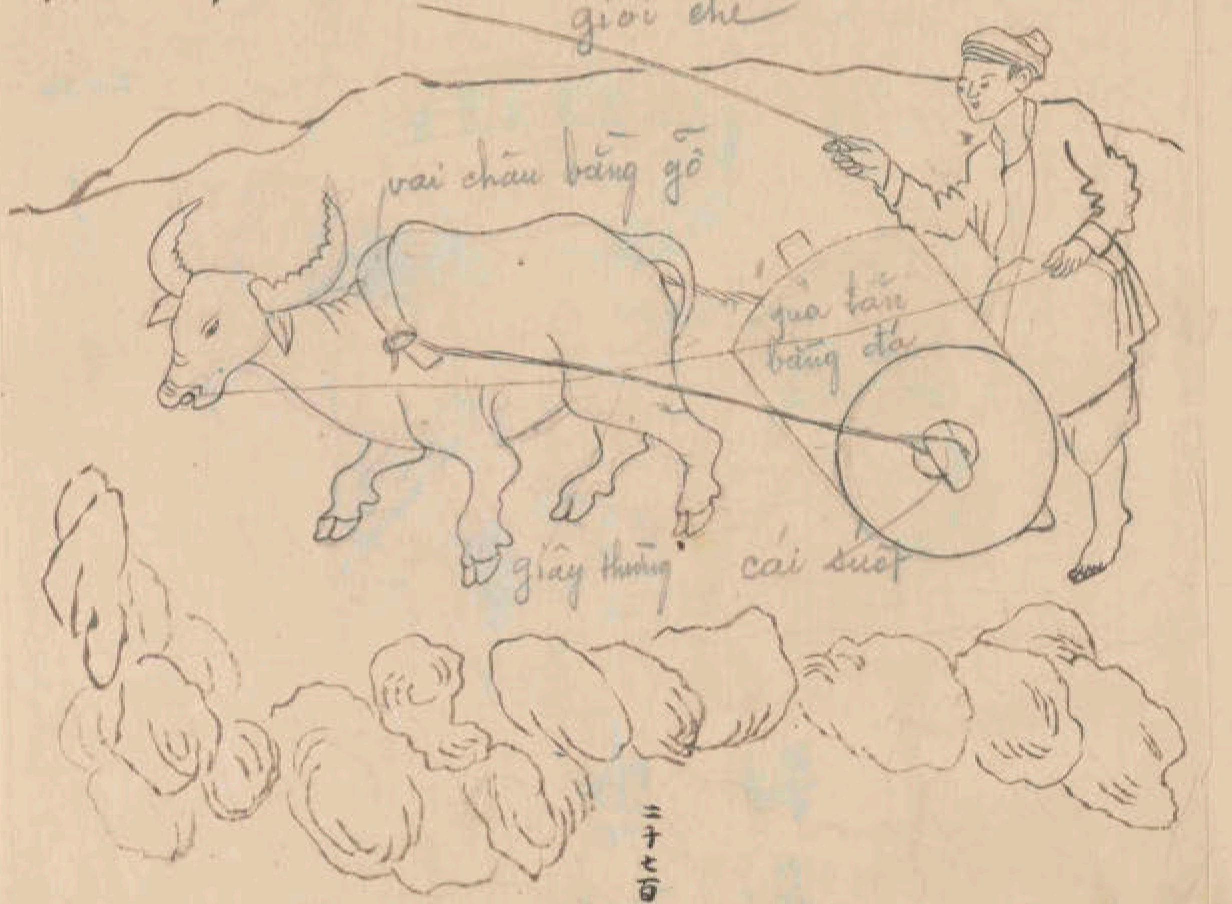

二千七百廿去 272[illegible]

ấp mộ

邑墓

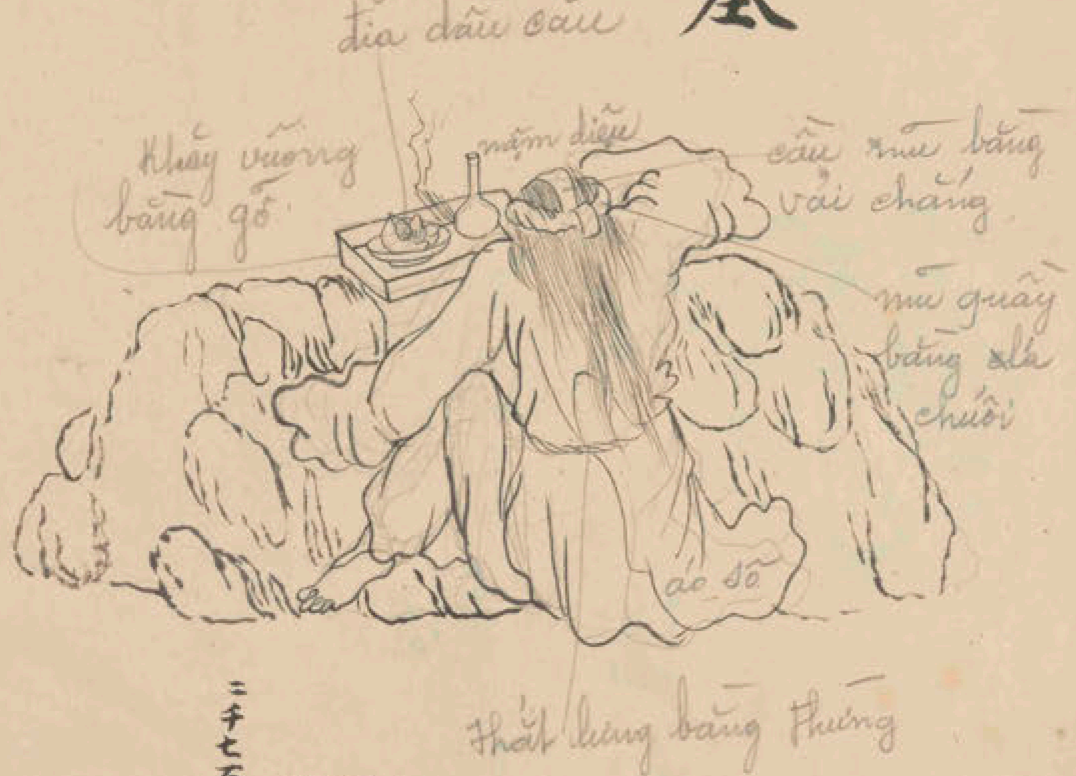

Thắt lưng bằng thừng

二千七百十 2710

會糙役廊

góp gạo việc làng

二千六百九十七

2697

沛罪割蹭

phải tội cắt gót

二千六百五十六

2656

phục canh bán thuốc phiện

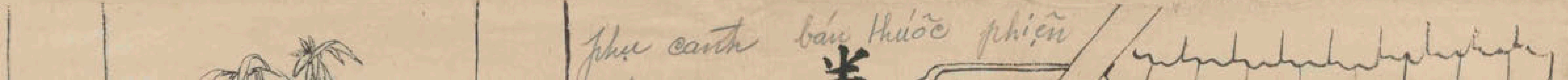

phục canh phan

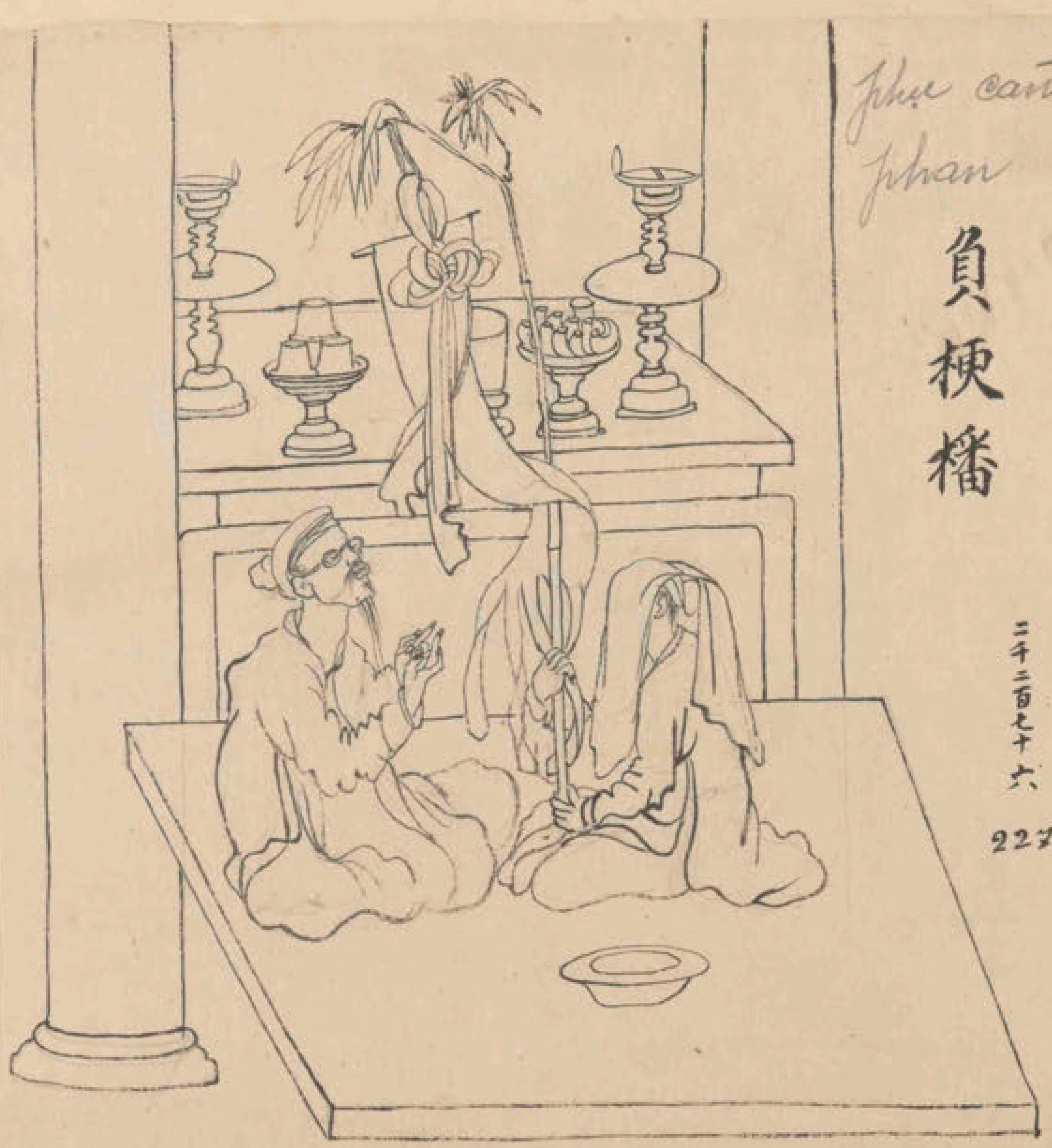

負梗橎

二千二百七十六

2276

bán thuốc phiện

半藥片

二千六百七十

2670

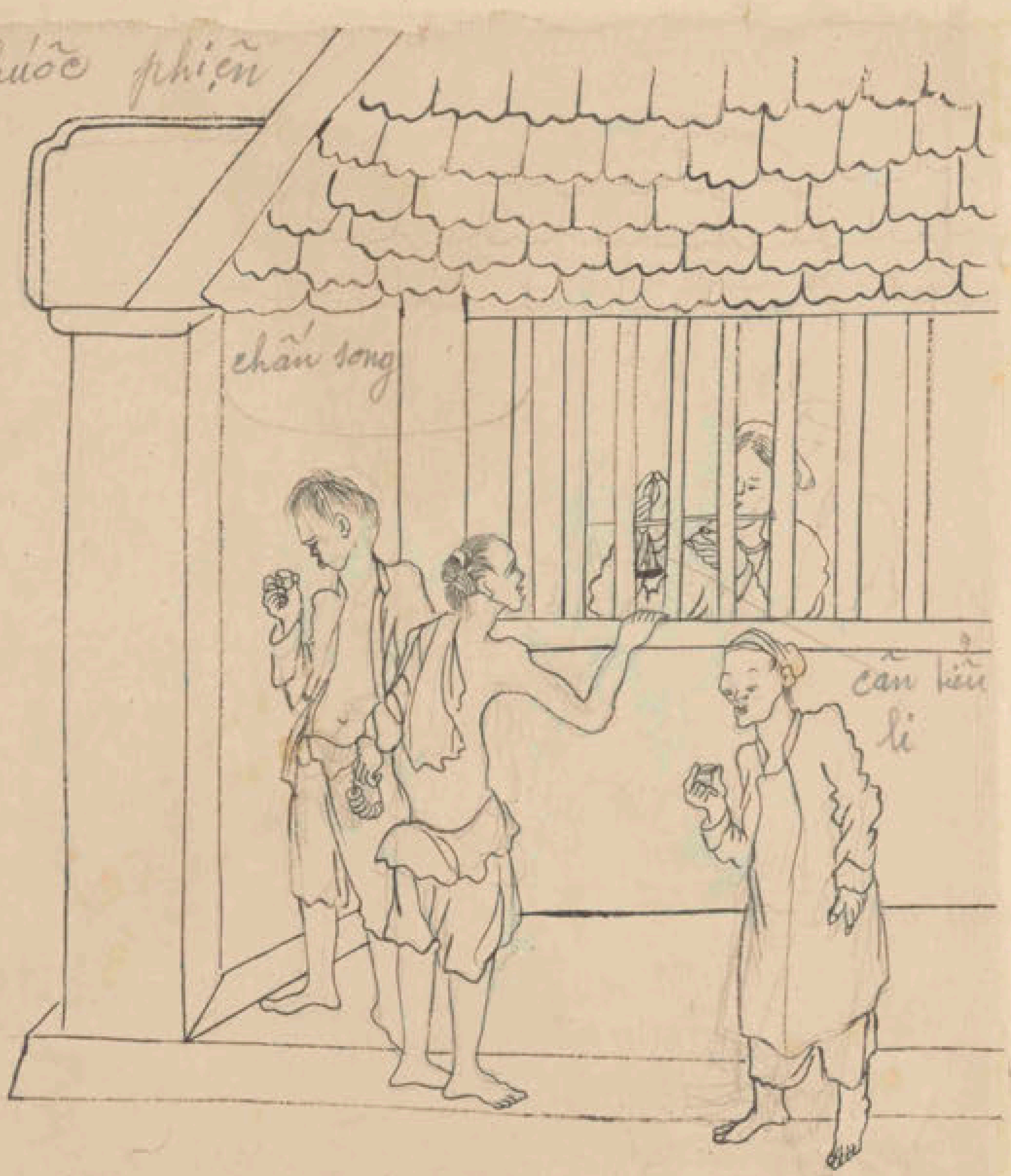

讀註請經

二千五百二十一

2521

逴師𨖲坛

二千五百十七

2517

撩播

Cheo phướn

二千五百二十

2520

氷人逄得

趍貼楅

Bằng nhân

đưa ng. đi xem

mặt

二千五百廿二

2522

Ham bùa bách nhật cho ng. đau

薰符百日朱得疠

二千五百十九

2519

Sắc thuốc ng. ốm, thấy thuốc khê thì sợ chết

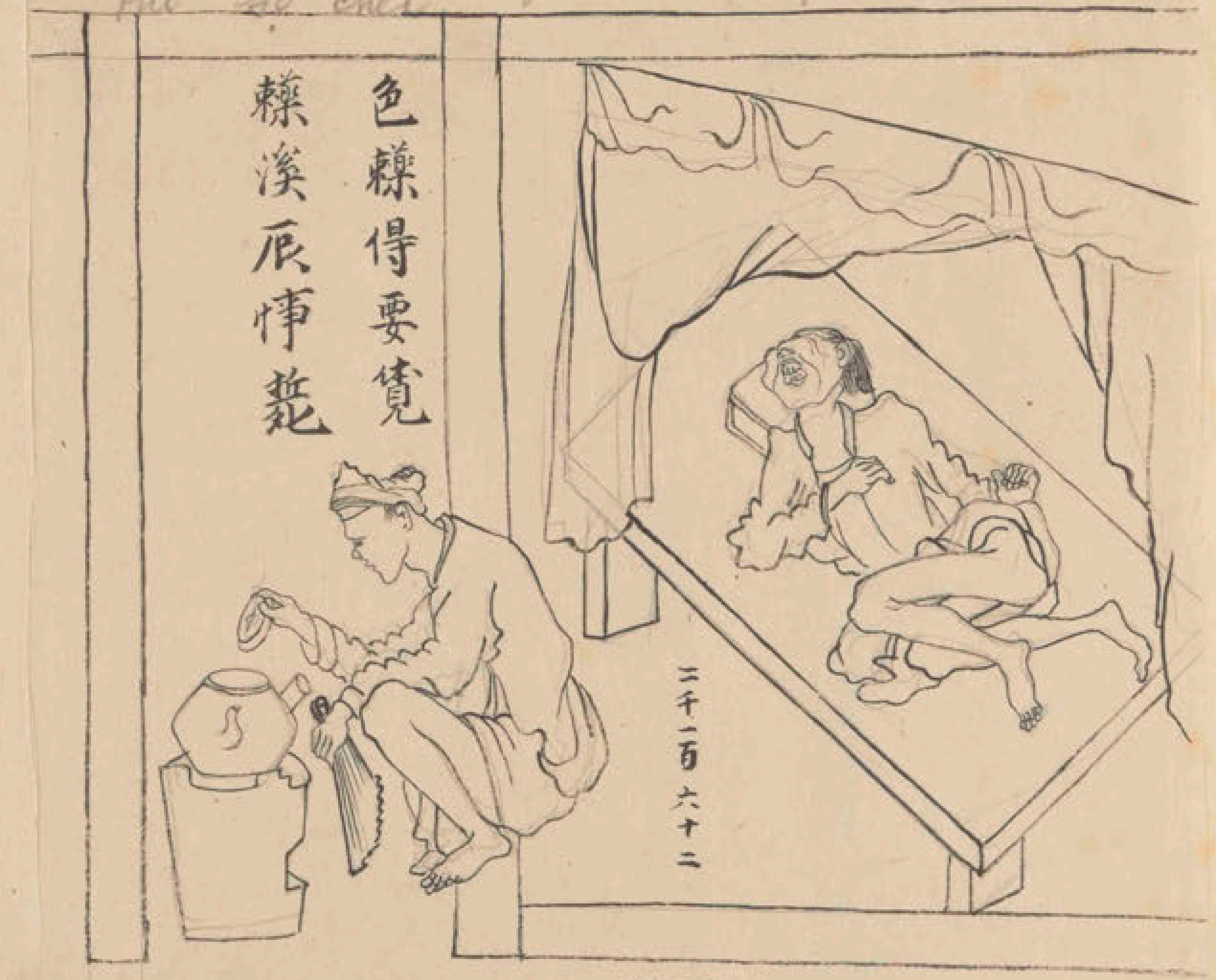

色㯏得要覔
㯏溪辰𢜝𣩂

二千一百六十二

2162

chú khách bán 雜 佳

住小[扇夬]
侯

Chú tiểu
quạt hầu

二千五百廿四
2524

住客半行
雜貨

chú khách bán
hang tạp hóa

二千一百六十六
2166

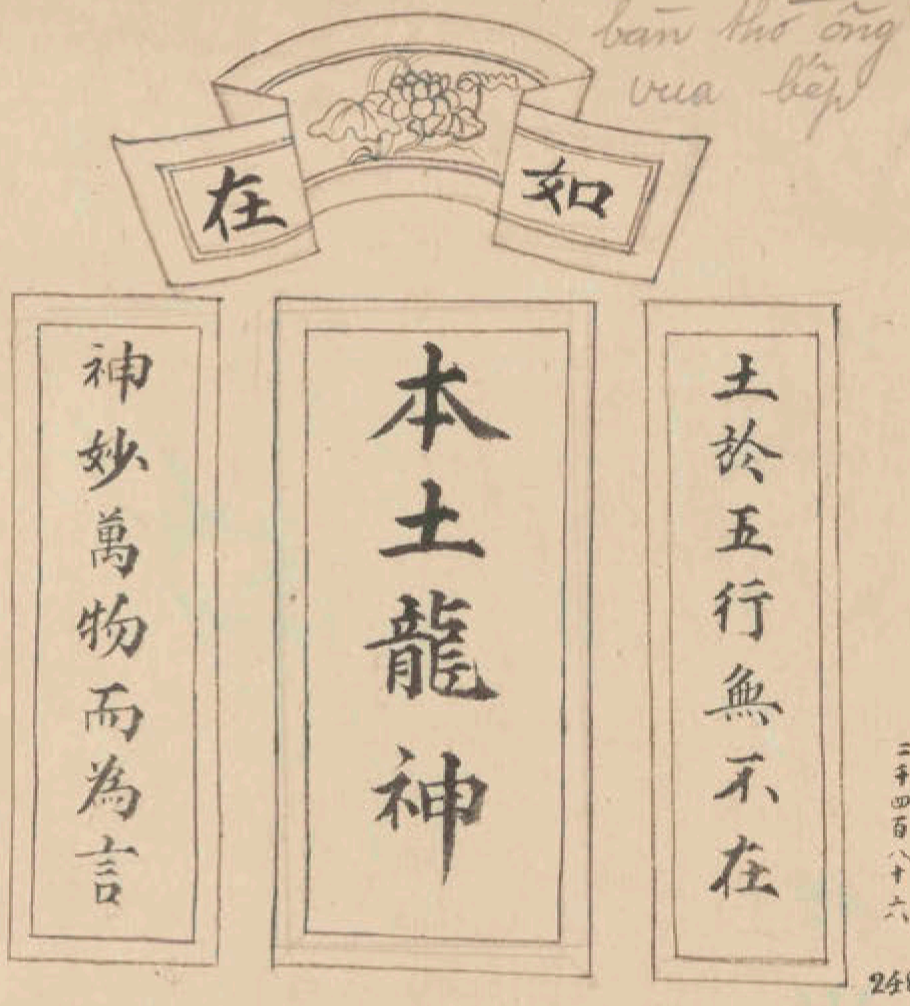

二千四百八十六

2486

丐宝葢朋綫

二千四百八十八

2488

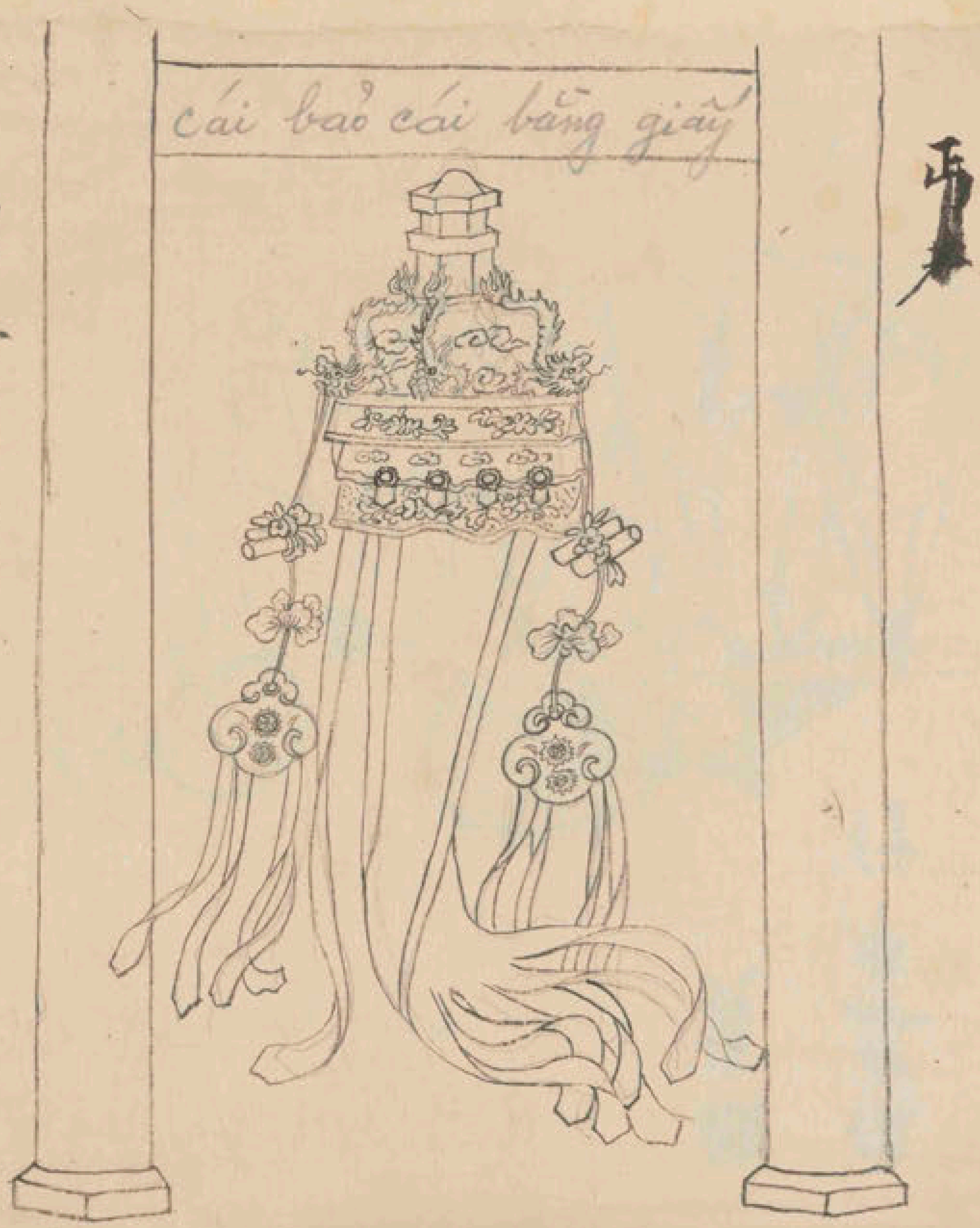

礼祈

lễ kì an

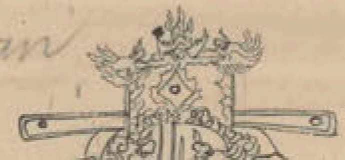

繩習

礼祈安

二千九十九

2089

繩儆吪猨
習木

二千六百六十

2660

dán đện bằng vỏ thị
竦補蕖示
二千三百三
2303

duộm đến con thỏ để bán tết trung thu
染烟㹢
兎底半
節中秋
二千五百一
2501

2303

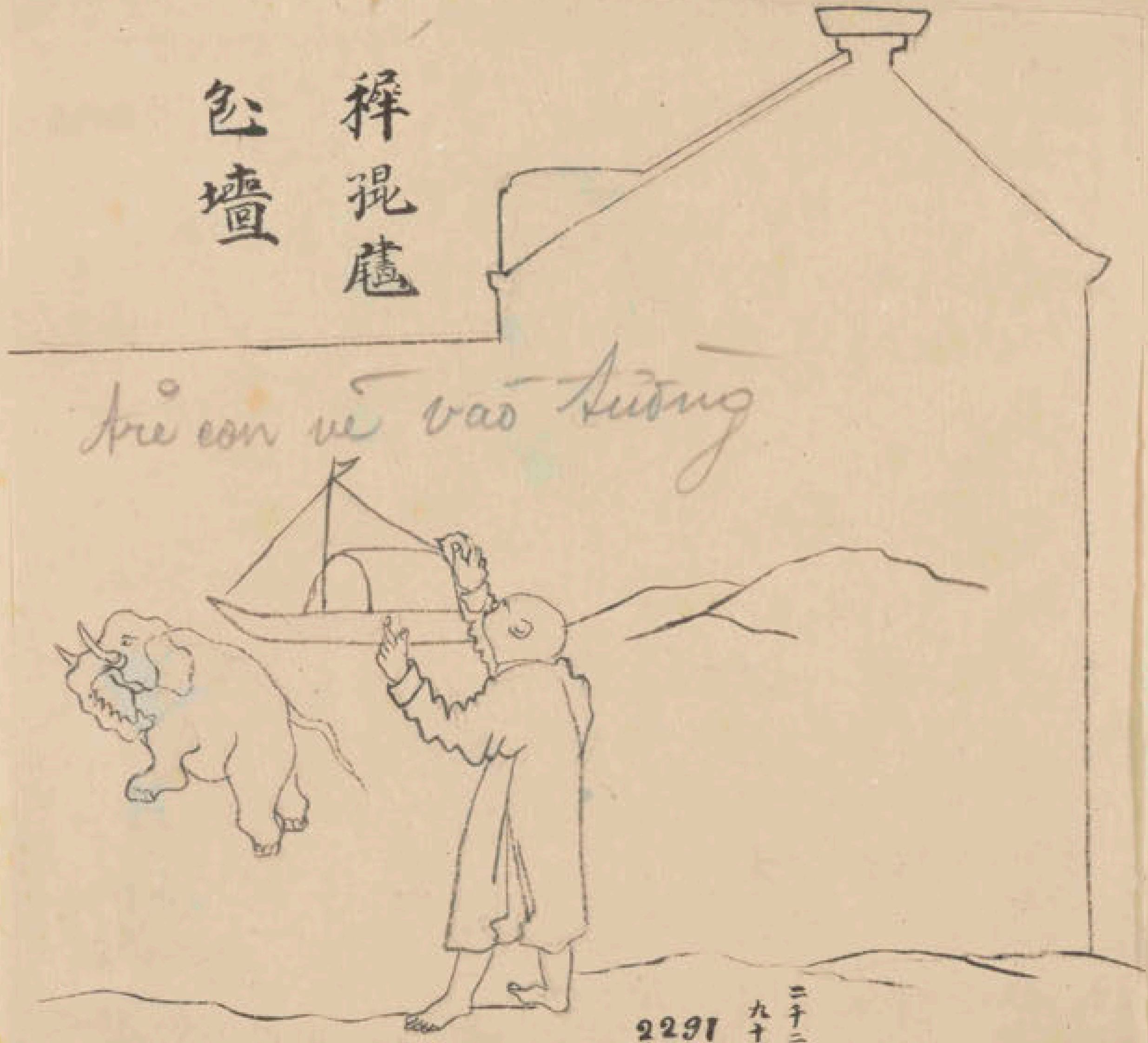

2291 二千二百九十一

二千六百三十一

2631

929

[耳占][月奉]日食

xem bóng mặt giời
phải bóng mặt
giăng ăn

二千六百三十四

2634

đánh phấn
thán

打[辶楚]扻

二千六百三十五

2635

Chơi tết chung thu

Long mã sắt tay

龍

2634

2635

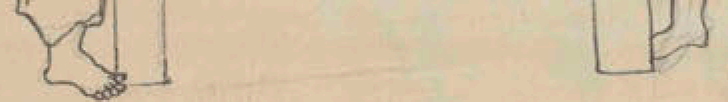

Chơi tết trung thu

𨔈節中秋

二千三百六十七

2367

Long mã sắt tây

龍馬鉄西

二千四百九十一

2491

稺猑習跁

二千七百三十

2730

[illegible]掾

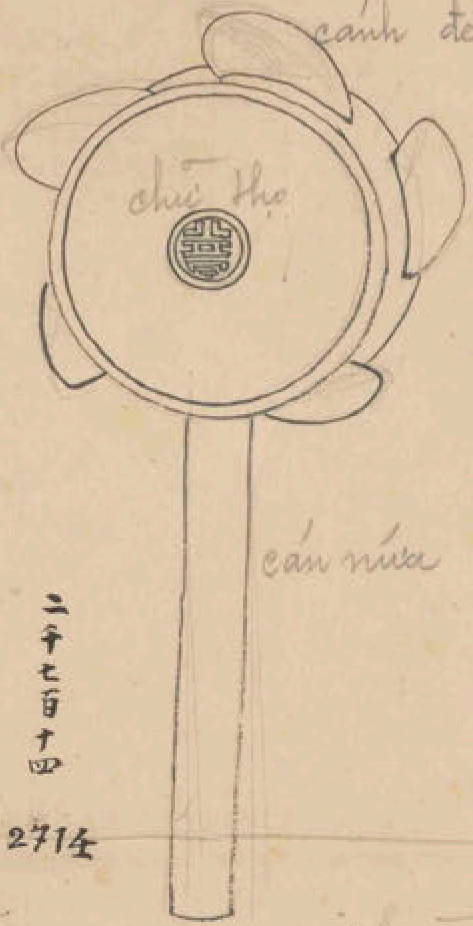

二千七百十四

2714

烟六凌

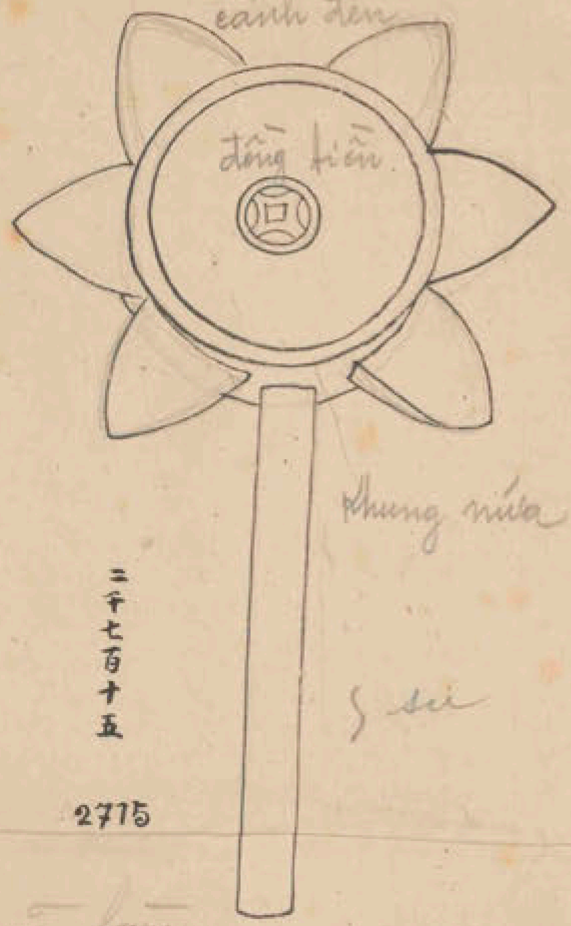

二千七百十五

2715

藏 住

住

2730

hàng mã làm

chú Khách cầm phướn đi rước sư tử

住客拎方遊連獅子

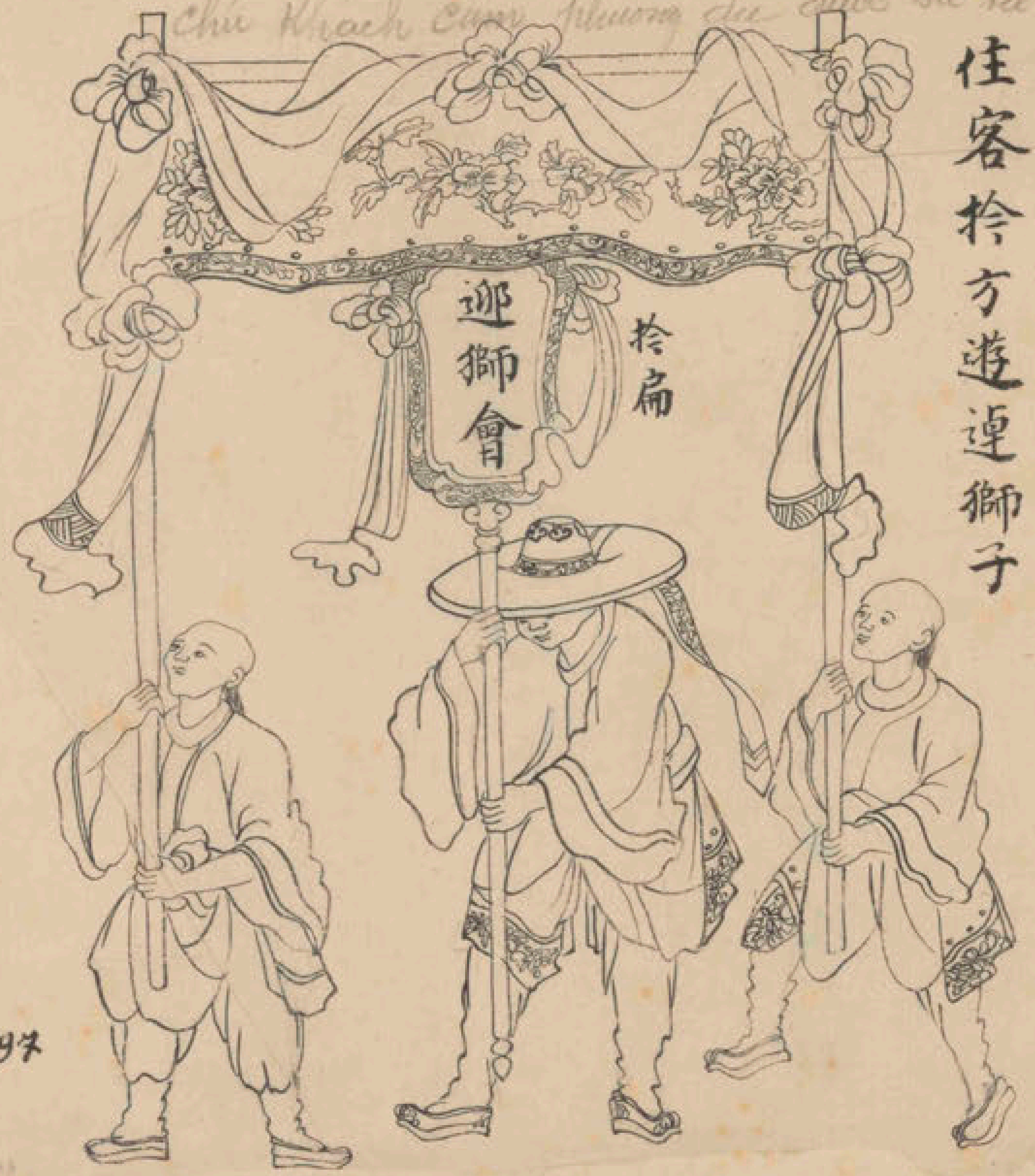

二千九十七

2097

住客打藏連獅子

chú Khách đánh chống rước sư tử

二千一百五

2105

cúng chúng sinh

供眾生

二千三百四

2304

hát nhà trò

唱茄[illegible]

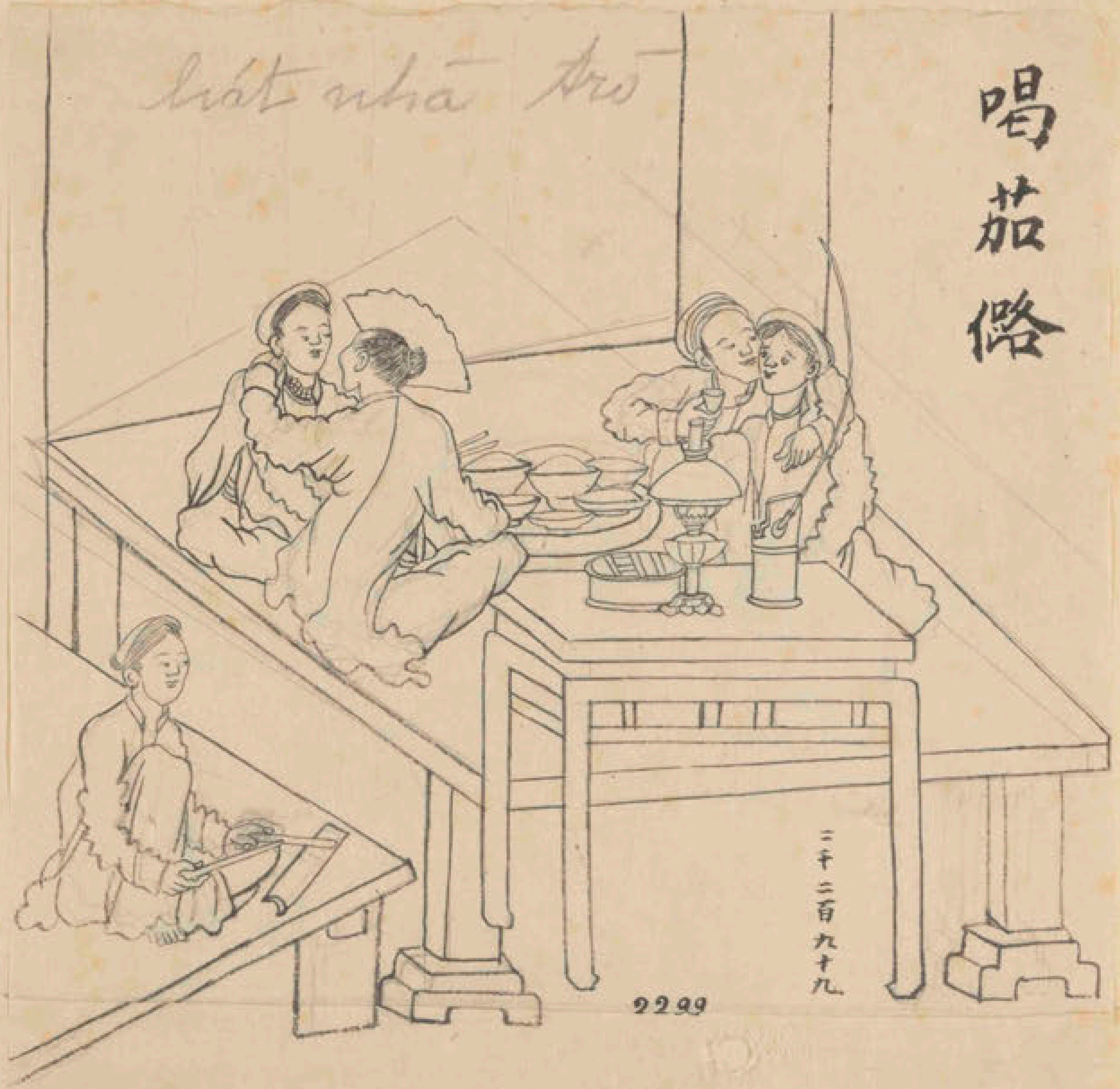

二千二百九十九

2299

释掍習擂

chẻ con tập giỏi

giỏi chẻ

二千六百六十七

2667

Đánh đáo Cọc

打到嚳

二千五百八十六

2586

擁抹渃

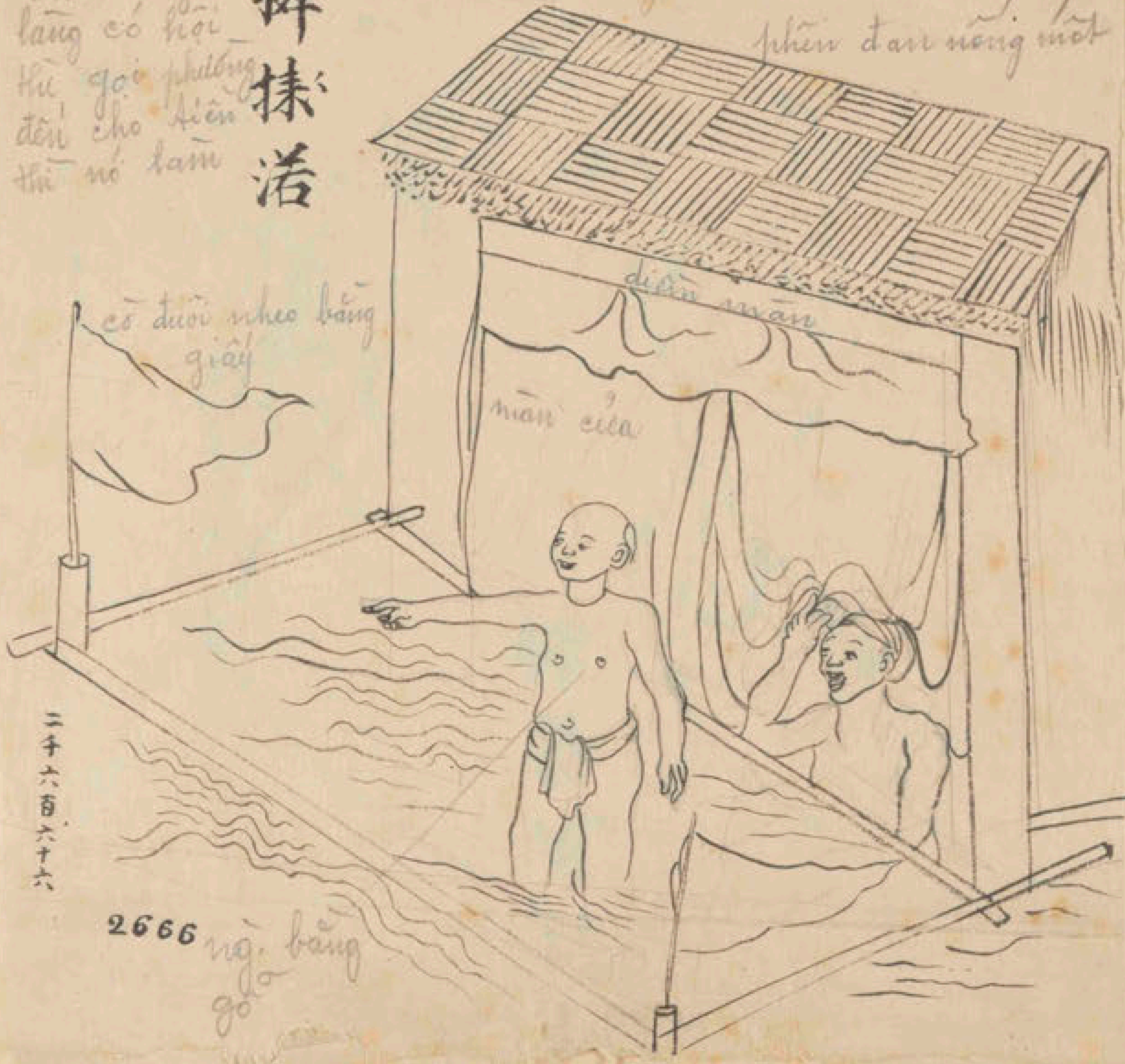

二千六百六十六

2666

烟踰

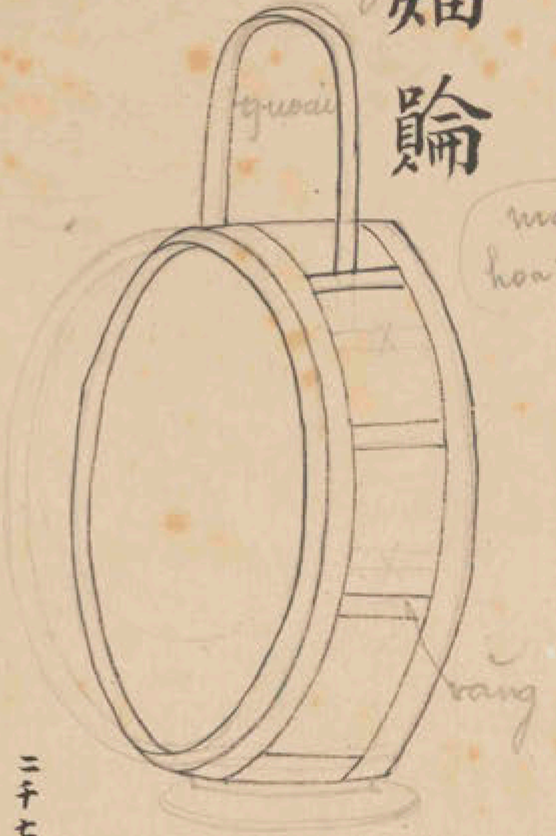

二千七百卅三

2723

烟形𧾿

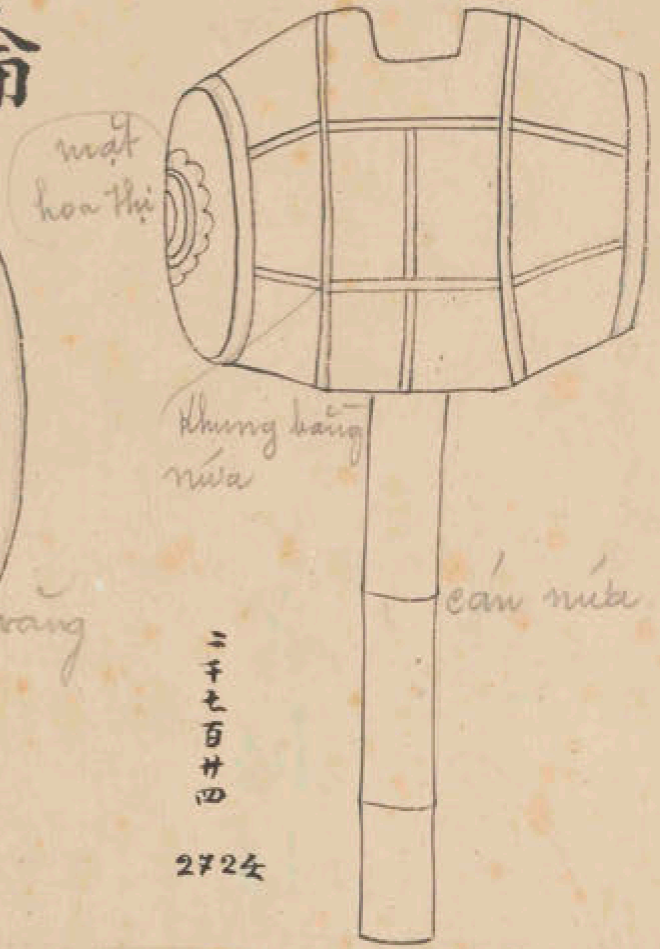

二千七百卅四

2724

---

chỉ con phải phạt đeo mặt nạ

樸罰稔

giấy khi làm cho đinh nước

吰路

2666 ngõ bằng gỗ

2723

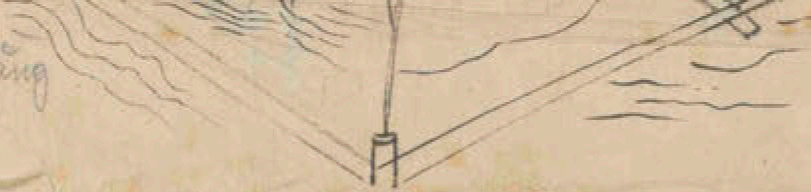

chỉ con phải phạt đeo mặt nạ

(phép nhà quê)

䆁琨沛
罰㩡䅖
模

二千六百九十八

2698

giây khỉ làm
cho gánh nước

𠯦𢕹少
路梗渃

二千六百五十八

2658

chú Khách đước sư tử

佳客遶獅子

二千九十八

2098

chú Khách ~~x~~ múa sư tử

二千一百

2070

dứt sàm

Đánh đáo
sư cửa

打

2098

dút sâm

捽侵

二千五百八十七

2587

Đánh đáo
tứ quả

打到四䚡

二千五百八十八

2588

4LB
7/3

4LB
7/3